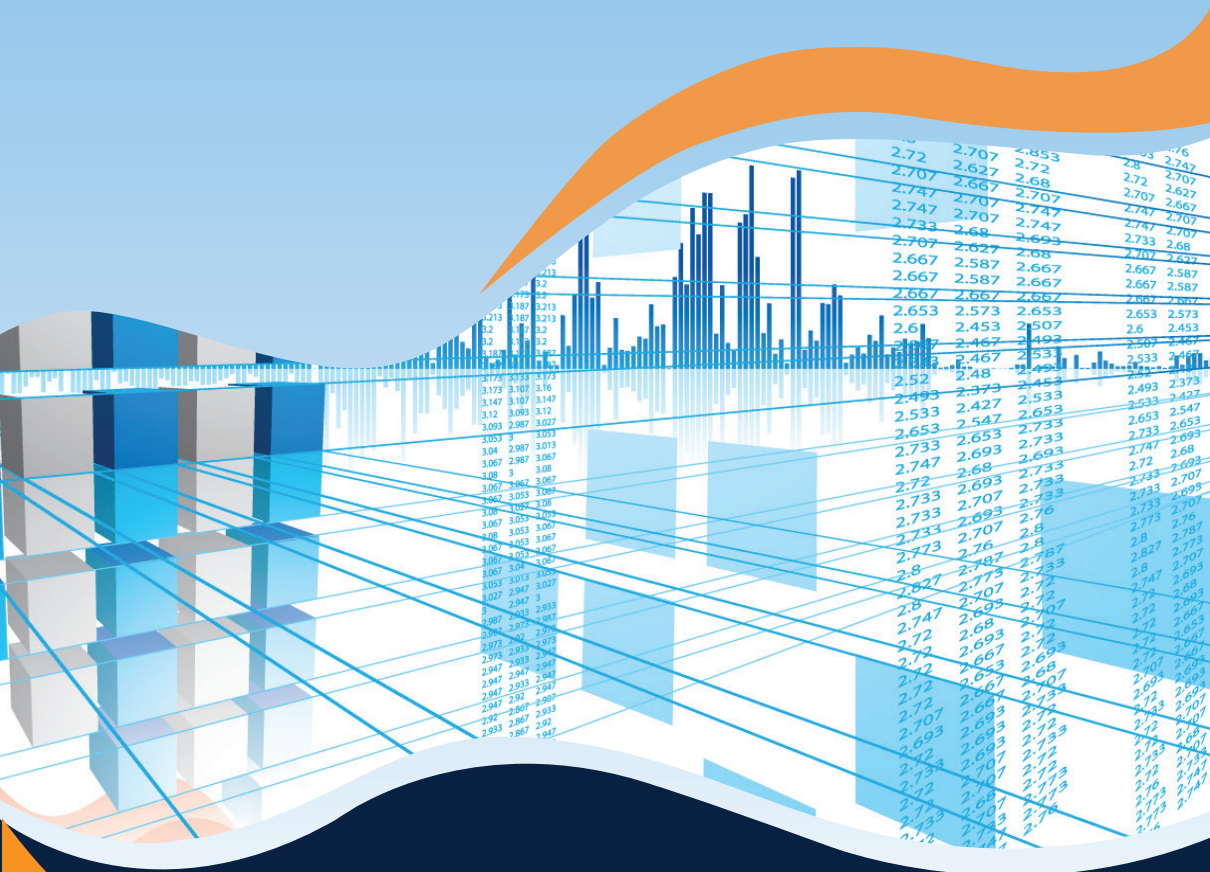




TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI  
THUNGMAI UNIVERSITY  
Chủ biên: GS, TS. Đinh Văn Sơn

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN KINH TẾ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM 2024 CÔNG NGHỆ AI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI  
THUONGMAI UNIVERSITY  
Chủ biên: GS, TS. Đinh Văn Sơn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**KINH TẾ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM 2024**  
**CÔNG NGHỆ AI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ**



**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	vi
TÓM LƯỢC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN .....	x
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	xvii
DANH MỤC BẢNG, BIỂU .....	xx
DANH MỤC HÌNH.....	xxii
PHẦN 1. KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2024 .....	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ THẾ GIỚI.....	1
1.1. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ.....	1
1.1.1. Tăng trưởng kinh tế năm 2024.....	1
1.1.2. Một số nhân tố rủi ro tác động tiêu cực tới kinh tế thế giới.....	11
1.1.3. Các xu thế chính sách vĩ mô .....	15
1.2. THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ.....	16
1.2.1. Thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu .....	16
1.2.2. Đầu tư toàn cầu .....	22
1.3. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU .....	28
1.3.1. Thị trường tài chính thế giới .....	28
1.3.2. Những vấn đề nổi bật.....	31
PHẦN 2: TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM 2024 .....	35
2.1. TĂNG TRƯỞNG VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ .....	35
2.1.1. Tăng trưởng sản lượng.....	35
2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	38
2.2. GIÁ CẢ VÀ LẠM PHÁT.....	40
2.2.1. Giá cả .....	40
2.2.2. Chỉ số lạm phát .....	42
2.3. LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM.....	44
2.3.1. Tăng trưởng và cơ cấu lao động .....	44
2.3.2. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm.....	49
2.4. ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH VÀ TIỀN TỆ .....	55
2.4.1. Tổng quan về tình hình đầu tư năm 2024 .....	55
2.4.2. Hoạt động của thị trường tài chính và tiền tệ.....	62
2.5. NGÂN SÁCH VÀ NỢ CÔNG .....	69
2.5.1. Ngân sách nhà nước.....	69
2.5.2. Nợ công.....	72
2.6. CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ .....	74

2.6.1. Chính sách tài khóa.....	74
2.6.2. Chính sách tiền tệ.....	77
2.6.3. Chính sách thương mại và đầu tư .....	80
2.6.4. Chính sách khác .....	84
<b>CHƯƠNG 3. THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA .....</b>	<b>87</b>
3.1. <b>TỔNG MỨC BÁN LẺ VÀ CUNG - CẦU MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU .....</b>	<b>87</b>
3.1.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ .....	87
3.1.2. Cung - cầu một số mặt hàng thiết yếu .....	98
3.2. <b>CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THƯƠNG MẠI .....</b>	<b>109</b>
3.2.1. Số lượng các doanh nghiệp tham gia thương mại.....	109
3.2.2. Cơ cấu các doanh nghiệp tham gia thương mại.....	114
3.3. <b>CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA .....</b>	<b>118</b>
3.3.1. Nhóm chính sách phát triển và quản lý hạ tầng thương mại.....	118
3.3.2. Nhóm chính sách quản lý một số mặt hàng kinh doanh có điều kiện .....	123
3.3.3. Các chính sách phát triển thương mại nội địa khác .....	129
<b>CHƯƠNG 4. THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ .....</b>	<b>133</b>
4.1. <b>CÁN CÂN THƯƠNG MẠI VIỆT NAM .....</b>	<b>133</b>
4.1.1 Cán cân thương mại.....	133
4.1.2. Cán cân thương mại theo thị trường .....	135
4.1.3. Cán cân thương mại theo khu vực kinh tế .....	136
4.2. <b>XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ .....</b>	<b>138</b>
4.2.1. Xuất khẩu hàng hóa .....	138
4.2.2. Xuất khẩu dịch vụ.....	153
4.3. <b>NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ .....</b>	<b>155</b>
4.3.1. Nhập khẩu hàng hóa .....	155
4.3.2. Nhập khẩu dịch vụ .....	162
4.4. <b>QUẢN LÝ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ ...</b>	<b>164</b>
4.4.1. Quản lý xuất, nhập khẩu hàng hóa.....	164
4.4.2. Quản lý xuất, nhập khẩu dịch vụ .....	167
<b>PHẦN 3. CÔNG NGHỆ AI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ .....</b>	<b>170</b>
<b>CHƯƠNG 5: PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AI TRÊN THẾ GIỚI .....</b>	<b>170</b>
5.1. <b>BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ AI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ .....</b>	<b>170</b>
5.1.1. Bối cảnh phát triển của công nghệ AI.....	170

5.1.2. Vai trò của công nghệ AI trong kỷ nguyên số .....	179
5.2. CÁC LĨNH VỰC ỨNG DỤNG NỔI BẬT CỦA CÔNG NGHỆ AI.....	182
5.2.1. Kinh doanh.....	182
5.2.2. Tài chính .....	187
5.2.3. Giáo dục và đào tạo .....	191
5.2.4. Giao thông và tự động hóa.....	193
5.2.5. Giải trí và truyền thông.....	195
5.2.6. Y tế và chăm sóc sức khỏe.....	197
5.3. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA .....	199
5.3.1. Hoa Kỳ.....	199
5.3.2. Trung Quốc .....	201
5.3.3. Nhật Bản .....	205
5.3.4. Hàn Quốc .....	207
5.3.5. Châu Âu .....	208
5.4. CÁC XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ THÁCH THỨC CỦA CÔNG NGHỆ AI TRÊN THẾ GIỚI THỜI GIAN QUA .....	210
5.4.1. Các xu hướng phát triển của công nghệ AI .....	210
5.4.2. Các thách thức của công nghệ AI .....	214
CHƯƠNG 6: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI TẠI VIỆT NAM.....	216
6.1. BỐI CẢNH, ĐỘNG LỰC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AI CỦA VIỆT NAM .....	216
6.1.1. Bối cảnh phát triển công nghệ AI tại Việt Nam .....	216
6.1.2. Các động lực phát triển công nghệ AI tại Việt Nam.....	222
6.1.3. Chính sách phát triển công nghệ AI của Việt Nam .....	233
6.2. CÁC LĨNH VỰC ỨNG DỤNG NỔI BẬT CỦA CÔNG NGHỆ AI TẠI VIỆT NAM .....	238
6.2.1. Ứng dụng AI trong công nghiệp sản xuất.....	239
6.2.2. Ứng dụng AI trong giáo dục và đào tạo.....	241
6.2.3. Ứng dụng AI trong dịch vụ và thương mại.....	242
6.2.4. Ứng dụng AI trong y tế và chăm sóc sức khỏe.....	244
6.2.5. Đánh giá chung về các lĩnh vực ứng dụng nổi bật của công nghệ AI tại Việt Nam.....	245
6.3. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI TRONG CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ SỐ TẠI VIỆT NAM.....	247
6.3.1. Cá nhân hóa trải nghiệm người dùng.....	247
6.3.2. Tối ưu hóa chuỗi cung ứng và logistics .....	256

6.3.3. Ứng dụng trong quản lý rủi ro và chống gian lận.....	262
6.3.4. Phân tích dữ liệu và dự báo/dự đoán thị trường.....	266
6.3.5. Quản lý thông minh và tối ưu hóa quy trình sản xuất.....	271
6.4. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ THÁCH THỨC CỦA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI TẠI VIỆT NAM THỜI GIAN QUA.....	274
6.4.1. Xu hướng phát triển của công nghệ AI tại Việt Nam .....	274
6.4.2. Thách thức của ứng dụng công nghệ AI tại Việt Nam .....	276
PHẦN 4. DỰ BÁO VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH NĂM 2025 .....	283
CHƯƠNG 7. DỰ BÁO VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH .....	283
7.1. DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI.....	283
7.1.1. Nhận diện bối cảnh thế giới.....	283
7.1.2. Tăng trưởng kinh tế thế giới .....	285
7.1.3. Thương mại và đầu tư toàn cầu .....	288
7.1.4. Xu hướng tài chính, tiền tệ toàn cầu .....	299
7.1.5. Xu hướng phát triển và ứng dụng công nghệ AI trên thế giới..	303
7.2. DỰ BÁO KINH TẾ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM.....	308
7.2.1. Triển vọng kinh tế Việt Nam .....	308
7.2.2. Kích bản kinh tế và thương mại Việt Nam .....	318
7.2.3. Triển vọng đầu tư.....	323
7.2.4. Kết nối hạ tầng, logistics và thị trường tài chính - tiền tệ.....	325
7.3. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH KINH TẾ CHO VIỆT NAM .....	328
7.3.1. Chính sách ổn định kinh tế vĩ mô .....	328
7.3.2. Chính sách phát triển thương mại nội địa .....	343
7.3.3. Chính sách phát triển xuất nhập khẩu.....	347
7.3.4. Chính sách thúc đẩy đầu tư.....	353
7.4. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI CHO VIỆT NAM.....	362
7.4.1. Xu hướng phát triển và ứng dụng công nghệ AI ở Việt Nam...	362
7.4.2. Chính sách phát triển công nghệ AI.....	371
7.4.3. Chính sách ứng dụng công nghệ AI.....	375
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	379
1. Giới thiệu mô hình sử dụng dự báo .....	391
2. Nguồn số liệu .....	392

## LỜI MỞ ĐẦU

**Báo cáo Thường niên Kinh tế và Thương mại Việt Nam** là một sản phẩm khoa học nằm trong *Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm giai đoạn 2018 - 2025 của Trường Đại học Thương mại*, thể hiện quan điểm khách quan và độc lập đối với các vấn đề kinh tế, thương mại trong nước và quốc tế. Báo cáo Thường niên Kinh tế và Thương mại Việt Nam được nghiên cứu dựa trên những số liệu và minh chứng có chọn lọc từ các tổ chức cung cấp dữ liệu chính thống và tin cậy; nghiên cứu những vấn đề ngắn hạn nhưng trong tầm nhìn trung và dài hạn với cấu trúc thống nhất bao gồm: Bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam; Các khía cạnh quan trọng phản ánh tình hình kinh tế và thương mại vĩ mô hàng năm; Đặc biệt, báo cáo có lựa chọn những vấn đề chuyên sâu theo từng năm liên quan đến chủ đề của báo cáo và chủ đề cho năm 2024 là **“Công nghệ AI trong kỷ nguyên số”**; trên cơ sở những dự báo kinh tế - thương mại để đề ra hàm ý chính sách phát triển kinh tế và thương mại Việt Nam cho năm tiếp theo. Báo cáo tiếp cận khoa học, phân tích và nhận định các vấn đề về kinh tế và thương mại dựa trên những cơ sở lý thuyết đã được thừa nhận rộng rãi, các mô hình dự báo kinh tế mới; tiếp cận phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

**“Báo cáo Thường niên Kinh tế và Thương mại Việt Nam 2024 - Công nghệ AI trong kỷ nguyên số”** là ấn phẩm lần thứ 7 được xuất bản trong chuỗi báo cáo thường niên của Trường Đại học Thương mại. Báo cáo được kết cấu gồm 5 phần chính như sau:

*Phần 1: Kinh tế thế giới năm 2024*, trình bày bức tranh toàn cảnh và những nét nổi bật về kinh tế thế giới trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển công nghệ AI.

*Phần 2: Kinh tế và Thương mại Việt Nam năm 2024*, trình bày bức tranh toàn cảnh và những nét nổi bật về kinh tế và thương mại Việt Nam năm 2024.

*Phần 3: Công nghệ AI trong kỷ nguyên số*, trình bày bức tranh toàn cảnh và những nét nổi bật về công nghệ AI trên thế giới và Việt Nam.

*Phần 4: Dự báo và hàm ý chính sách năm 2025*, trên cơ sở phân tích, đánh giá thay đổi cấu trúc kinh tế thế giới và Việt Nam năm qua,

cũng như xu hướng của nền kinh tế, biến động về chính trị thế giới và cơ hội, thách thức đối với Việt Nam, phần này của báo cáo đã đưa ra những dự báo về kinh tế, thương mại và một số hàm ý chính sách áp dụng cho Việt Nam năm 2025 và những năm tiếp theo.

**“Báo cáo thường niên Kinh tế và Thương mại Việt Nam 2024 - Công nghệ AI trong kỷ nguyên số”** được biên soạn bởi các nhà khoa học trong và ngoài Trường Đại học Thương mại, cụ thể: GS,TS. Đinh Văn Sơn chịu trách nhiệm chủ trì; PGS,TS. Phan Thế Công - Thư ký khoa học; TS. Phạm Minh Đạt - Thư ký hành chính.

*Các thành viên tham gia biên soạn:*

- **Phần 1: Kinh tế thế giới năm 2024**, do TS. Đinh Thị Phương Anh (trưởng nhóm 1), TS. Hoàng Anh Tuấn, TS. Nguyễn Thị Thanh biên soạn.

- **Phần 2: Kinh tế và Thương mại Việt Nam năm 2024**, do PGS,TS Phạm Tuấn Anh (trưởng nhóm 2), TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, TS. Vũ Thị Thanh Huyền, ThS. Hồ Thị Mai Sương biên soạn chương 2; TS. Lê Thị Việt Nga (trưởng nhóm 3), TS. Dương Hoàng Anh, ThS. Doãn Nguyên Minh và TS. Phạm Minh Đạt biên soạn chương 3 và 4.

- **Phần 3: Công nghệ AI trong kỷ nguyên số**, do PGS. TS. Nguyễn Trần Hưng (trưởng nhóm 4), TS. Lê Xuân Cù, TS. Vũ Thị Thúy Hằng và TS. Cù Nguyên Giáp biên soạn.

- **Phần 4: Dự báo và hàm ý chính sách năm 2025**, do PGS,TS Phan Thế Công (trưởng nhóm 5), TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh, TS. Nguyễn Đoàn Trang và TS. Vũ Thị Yên biên soạn.

Nhóm biên soạn tin tưởng rằng Báo cáo này sẽ là một kênh tham khảo tin cậy, với nhiều thông tin và khuyến nghị chính sách hữu ích về các vấn đề căn bản của kinh tế và thương mại Việt Nam cho các nhà nghiên cứu khoa học và các nhà quản lý, cơ quan hoạch định chính sách. Trong quá trình biên soạn Báo cáo đã nhận được phản biện và góp ý của các chuyên gia hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế - thương mại. Nhóm biên soạn trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, chuyên gia: PGS,TS. Nguyễn Hoàng, PGS,TS. Bùi Hữu Đức, GS,TS. Nguyễn Hoàng Việt, PGS. TS. Hà Văn Sự, PGS,TS. Nguyễn Đức Nhuận, GS,TS. Nguyễn Văn Song, GS,TS. Ngô Thắng Lợi đã có ý kiến nhận xét phản biện quý báu và đóng góp trực tiếp vào các nội dung từ giai đoạn đề cương, thảo luận đến khi báo cáo được chính thức xuất bản.



Nhóm biên soạn xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường đã chỉ đạo và đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong suốt quá trình biên soạn báo cáo. Xin cảm ơn tập thể cán bộ phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại; Tạp chí Khoa học thương mại của Trường đã tổ chức quá trình thực hiện biên soạn và xuất bản Báo cáo. Dù đã cố gắng song do giới hạn về thời gian và nguồn lực, Báo cáo không tránh khỏi hạn chế và thiếu sót. Chúng tôi chân thành mong nhận được sự đóng góp của quý vị độc giả nhằm giúp cho những ấn phẩm tiếp theo được hoàn thiện hơn.

**T/M NHÓM BIÊN SOẠN**  
**GS, TS. Đinh Văn Sơn**



## TÓM LƯỢC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Báo cáo thường niên Kinh tế và Thương mại Việt Nam năm 2024 và dự báo năm 2025 của Trường Đại học Thương mại là một ấn phẩm khoa học uy tín, thuộc chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm giai đoạn 2018 - 2025 của nhà trường. Báo cáo tổng kết các vấn đề kinh tế và thương mại nổi bật trong năm 2024, tập trung phân tích những xu hướng lớn như công nghệ AI trong kỷ nguyên số, phát triển bền vững và tác động của kinh tế toàn cầu đến Việt Nam. Đồng thời, tài liệu đưa ra dự báo cho năm 2025, dựa trên đánh giá cấu trúc kinh tế, biến động chính trị - kinh tế thế giới và các cơ hội, thách thức đối với Việt Nam. Với góc nhìn khách quan và độc lập, báo cáo không chỉ cung cấp thông tin giá trị mà còn đề xuất các hàm ý chính sách thiết thực, phục vụ cho nghiên cứu, hoạch định chiến lược và phát triển kinh tế - thương mại trong nước. Có thể tóm lược các nội dung của báo cáo thường niên sau đây:

### **✚ Một số điểm nổi bật của nền kinh tế thế giới năm 2024**

*Năm 2024, kinh tế thế giới chứng kiến nhiều diễn biến nổi bật:*

- *Tăng trưởng kinh tế toàn cầu ổn định:* Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%, nhỉnh hơn so với mức 3,1% của năm 2023. Mỹ tiếp tục là động lực chính với mức tăng trưởng 2,8%, nhờ chi tiêu tiêu dùng mạnh mẽ. Trong khi đó, khu vực đồng Euro chỉ đạt mức tăng trưởng 0,8%, do kinh tế Đức trì trệ. Trung Quốc đạt mức tăng trưởng 4,9%, thấp hơn mục tiêu đề ra, do nhu cầu nội địa yếu và khủng hoảng bất động sản kéo dài.

- *Lạm phát giảm và xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ:* Lạm phát toàn cầu giảm từ 6,7% năm 2023 xuống 5,8% năm 2024 và dự kiến còn 4,3% vào năm 2025. Điều này cho phép các ngân hàng trung ương lớn như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) bắt đầu giảm lãi suất để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

- *Mở rộng nhóm BRICS:* Ngày 1/1/2024, Ai Cập, Ethiopia, Iran và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất chính thức gia nhập BRICS, nâng tỷ trọng GDP của nhóm lên khoảng 30% và chiếm 1/5 thương mại

toàn cầu, tăng cường ảnh hưởng trong việc định hình các chuẩn mực kinh tế quốc tế.

- *Biến động trong chính sách tiền tệ của Nhật Bản*: Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) lần đầu tiên sau 17 năm tăng lãi suất vào tháng 3/2024, chấm dứt chính sách lãi suất âm đã duy trì 8 năm, nhằm đối phó với áp lực lạm phát và ổn định kinh tế.

- *Sự phục hồi của các nền kinh tế mới nổi*: Ấn Độ nổi bật với mức tăng trưởng 6,8% trong năm 2024, trở thành điểm sáng trong bức tranh kinh tế toàn cầu. Các quốc gia Đông Nam Á và Bắc Phi cũng ghi nhận mức tăng trưởng trung bình trên 6%, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế thế giới.

- *Thương mại toàn cầu ổn định*: Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) dự báo tăng trưởng khối lượng thương mại toàn cầu năm 2024 đạt khoảng 2,7%, với sự cải thiện trong các chỉ số xuất khẩu và vận tải, phản ánh sự phục hồi của chuỗi cung ứng sau đại dịch.

- *Thúc đẩy quản trị trí tuệ nhân tạo*: Ngày 21/3/2024, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua nghị quyết đầu tiên về việc thúc đẩy các hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) "an toàn, bảo mật và đáng tin cậy", đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc quản lý và phát triển AI trên phạm vi toàn cầu.

- *Biến động giá hàng hóa và năng lượng*: Giá dầu thô Brent dao động trong khoảng 71 - 76 USD/thùng trong nửa đầu năm 2024, giảm so với mức hơn 80 USD/thùng vào đầu tháng 10/2023, do đồng USD mạnh và lo ngại về nhu cầu yếu. Giá khí đốt tự nhiên tại Mỹ cũng giảm nhờ thời tiết ôn hòa và lượng hàng tồn kho dồi dào.

- *Thay đổi trong chính sách kinh tế Mỹ*: Việc Donald Trump đắc cử Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ 2025-2028 có thể dẫn đến những thay đổi trong chính sách kinh tế, bao gồm cắt giảm thuế cho doanh nghiệp trong nước và tăng thuế nhập khẩu, gây ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư toàn cầu.

- *Rủi ro địa chính trị và bất ổn chính trị*: Năm 2024 chứng kiến nhiều cuộc bầu cử và khủng hoảng chính trị trên thế giới, đặc biệt là sự trỗi dậy của các đảng cánh hữu tại Châu Âu, tạo ra những biến động và thách thức đối với kinh tế toàn cầu.

## **Một số điểm nổi bật của kinh tế Việt Nam năm 2024**

Năm 2024, kinh tế Việt Nam đạt được nhiều thành tựu nổi bật, thể hiện sự phát triển mạnh mẽ và ổn định:

- **Tăng trưởng GDP ấn tượng:** Mặc dù chịu ảnh hưởng từ siêu bão Yagi, GDP của Việt Nam năm 2024 tăng 7,09%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra.

- **Xuất nhập khẩu đạt kỷ lục:** Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3%, và nhập khẩu đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7%. Cán cân thương mại thặng dư 24,77 tỷ USD.

- **Thu hút vốn FDI:** Việt Nam thu hút hơn 31 tỷ USD vốn FDI, nằm trong top 15 quốc gia đang phát triển thu hút FDI lớn nhất thế giới.

- **Kiểm soát lạm phát:** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm trước, nằm trong ngưỡng mục tiêu dưới 4% do Quốc hội đề ra.

- **Phát triển kinh tế số:** Quy mô kinh tế Internet của Việt Nam đạt 36 tỷ USD, tăng 16% so với năm 2023. Thương mại điện tử bán lẻ tiếp tục là trụ cột với 22 tỷ USD, tăng 18% và chiếm 61% tổng quy mô kinh tế Internet.

- **Phục hồi du lịch:** Ngành du lịch đón 17,5 triệu lượt khách quốc tế, tăng 38,9% so với năm 2023, với tổng thu đạt 840.000 tỷ đồng.

- **Thông qua các luật quan trọng:** Quốc hội đã thông qua Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Nhà ở (sửa đổi) và Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi), tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

- **Tái khởi động các dự án quan trọng:** Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư Dự án Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và khởi động lại Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận, nhằm đa dạng hóa nguồn cung cấp điện và đảm bảo an ninh năng lượng.

- **Phát triển cơ sở hạ tầng:** Khánh thành Dự án đường dây 500 kV mạch 3 Quảng Trạch (Quảng Bình) đến Phố Nối (Hưng Yên), dự án trọng điểm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

- *Kiểm soát nợ công*: Nợ công được kiểm soát tốt, dưới mức trần do Quốc hội đề ra, tạo điều kiện cho chính sách tài khóa linh hoạt và bền vững.

### Về Công nghệ AI trong kỷ nguyên số

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành động lực cốt lõi trong kỷ nguyên số, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Việt Nam, với định hướng chuyển đổi số quốc gia, đã có nhiều bước tiến trong nghiên cứu, ứng dụng AI vào sản xuất, kinh doanh và đời sống. AI không chỉ đóng vai trò trong tự động hóa, tối ưu hóa quy trình mà còn hỗ trợ ra quyết định thông minh hơn trong nhiều lĩnh vực như y tế, giáo dục, tài chính, sản xuất và giao thông. AI đang được áp dụng mạnh mẽ vào nhiều ngành nghề ở Việt Nam, đặc biệt là: (1) Hỗ trợ chẩn đoán bệnh qua hình ảnh, phân tích dữ liệu bệnh án, phát triển trợ lý ảo hỗ trợ bác sĩ. (2) Phát triển hệ thống chấm điểm tín dụng, phát hiện gian lận tài chính, chatbot tư vấn khách hàng. (3) Tự động hóa sản xuất, bảo trì dự báo trong các nhà máy thông minh. (4) Ứng dụng AI trong dự báo thời tiết, giám sát cây trồng, tối ưu hóa năng suất. (5) Phát triển thành phố thông minh, tối ưu hóa hệ thống giao thông, xe tự lái. (6) Hỗ trợ cá nhân hóa việc học, ứng dụng AI trong đánh giá năng lực học sinh.

Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chiến lược phát triển AI trong bối cảnh CMCN 4.0, điển hình như: Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI đến năm 2030; Chương trình chuyển đổi số quốc gia, trong đó AI đóng vai trò quan trọng; Các đề án xây dựng đô thị thông minh như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng; Đầu tư vào các trung tâm AI, hợp tác quốc tế với Google, IBM, NVIDIA để phát triển nhân lực và công nghệ. Dù có nhiều tiềm năng, AI tại Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức: Thiếu hụt nhân lực AI chất lượng cao; AI đòi hỏi lượng dữ liệu lớn, nhưng ở Việt Nam, dữ liệu chưa được chuẩn hóa và chưa kết nối liên thông giữa các ngành; Chưa có khung pháp lý rõ ràng về bảo vệ dữ liệu, quyền riêng tư và trách nhiệm khi AI gây ra sai sót; Các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, gặp khó khăn trong việc tiếp cận AI do chi phí cao. AI là động lực quan trọng trong công cuộc chuyển đổi số của Việt Nam. Việc tận dụng tốt AI không chỉ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn

tạo ra giá trị gia tăng lớn cho nền kinh tế. Tuy nhiên, để AI thực sự phát huy hiệu quả, Việt Nam cần có chiến lược phát triển bền vững, từ đào tạo nhân lực, đầu tư công nghệ đến xây dựng chính sách phù hợp.

Việt Nam đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), với nhiều tín hiệu tích cực từ cả chính phủ và doanh nghiệp. Đầu năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI đến năm 2030, đặt mục tiêu đưa AI trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều tập đoàn công nghệ lớn đã và đang đầu tư vào Việt Nam. Đáng chú ý, Nvidia đã ký thỏa thuận với chính phủ Việt Nam để thành lập trung tâm nghiên cứu và phát triển AI, cũng như trung tâm dữ liệu AI tại Việt Nam. Ngoài ra, FPT, một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam, đã khởi công dự án trung tâm AI trị giá 174 triệu USD tại tỉnh Bình Định, tập trung vào nghiên cứu, sản xuất phần mềm và hỗ trợ chuyển đổi số. Việt Nam có lợi thế về nguồn nhân lực trẻ, năng động và yêu thích công nghệ. Hệ sinh thái khởi nghiệp trong lĩnh vực AI cũng đang phát triển mạnh mẽ, với nhiều công ty khởi nghiệp nhận được sự hỗ trợ từ cả trong và ngoài nước. Mặc dù có nhiều tiềm năng, Việt Nam vẫn đối mặt với thách thức về thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực AI. Việc đầu tư vào giáo dục và đào tạo chuyên sâu về AI là cần thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai. Tổng thể, với sự quan tâm từ chính phủ, đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn và lợi thế về nguồn nhân lực, Việt Nam có triển vọng trở thành điểm sáng trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo trong khu vực và trên thế giới.

### Về triển vọng kinh tế thế giới

Theo các dự báo kinh tế cho năm 2025, kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định nhưng ở mức thấp hơn so với trung bình dài hạn. Cụ thể, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ duy trì ở mức 3,2% trong năm 2025, tương đương với năm 2024. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) lạc quan hơn với dự báo tăng trưởng 3,3% cho năm 2025. Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ 4% vào năm 2024 xuống còn 3,4% vào năm 2025, tạo điều kiện cho các ngân hàng trung ương lớn tiếp tục hạ lãi suất nhằm hỗ trợ tăng

trường kinh tế. Mặc dù triển vọng tăng trưởng tích cực, kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, bao gồm căng thẳng địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng và các vấn đề cơ cấu như nợ công cao và năng suất lao động thấp. Những yếu tố này có thể cản trở đà phục hồi kinh tế và đòi hỏi các quốc gia phải có chính sách linh hoạt và hiệu quả để ứng phó. Năm 2025, kinh tế thế giới dự kiến sẽ tiếp tục phục hồi với tốc độ ổn định, nhưng những thách thức và rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng toàn cầu.

### Về triển vọng Việt Nam

Năm 2025, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục đà tăng trưởng tích cực, dựa trên những thành tựu đã đạt được trong năm 2024. Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, năm 2024, GDP của Việt Nam tăng 7,09% so với năm trước, với sự đóng góp đáng kể từ cả ba khu vực kinh tế: nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng; dịch vụ. Đây là nền tảng vững chắc cho mục tiêu tăng trưởng trong năm 2025.

*1. Kịch bản cơ sở:* Kịch bản cơ sở là kịch bản có nhiều khả năng xảy ra nhất. Với kịch bản cơ sở, các dự báo chỉ tiêu sẽ ở mức phù hợp với xu hướng phục hồi kinh tế và các giả thiết bên ngoài đã đặt ra. Tăng trưởng GDP Việt Nam đạt mức tăng 7,52% năm 2025 và CPI bình quân so với cùng kỳ duy trì ở mức 3,87%. Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa dự báo sẽ đạt 884,45 tỷ USD, với giá trị kim ngạch xuất khẩu là 454,19 tỷ USD và giá trị kim ngạch nhập khẩu là 430,26 tỷ USD. Chênh lệch xuất khẩu - nhập khẩu dự báo trong kịch bản này là 23,93 tỷ USD. Vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP dự kiến duy trì ổn định ở mức 33,5%, phản ánh mức độ gia tăng đầu tư vào nền kinh tế và đóng góp vào sự phát triển tổng thể của nền kinh tế năm 2025.

*2. Kịch bản tăng trưởng cao:* Đây là kịch bản cũng có thể xảy ra nếu những diễn biến sắp tới về địa chính trị trên thế giới tích cực hơn. Trong đó, căng thẳng toàn cầu giảm, hợp tác quốc tế được tăng cường, đặc biệt trong thương mại và đầu tư; sự phục hồi mạnh mẽ của các nền kinh tế lớn, đặc biệt là sự gia tăng nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ từ Việt Nam; Chính phủ thực hiện quyết liệt và hiệu quả các chính sách

hỗ trợ kinh tế, bao gồm cả các biện pháp kích thích tài khóa và tiền tệ; và ngành công nghiệp và xây dựng phát triển mạnh mẽ hơn dự kiến, dịch vụ và nông nghiệp đạt tăng trưởng cao nhờ vào cải thiện năng suất và công nghệ. Theo kịch bản này, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt mức tăng 8,03% năm 2025 và CPI bình quân so với cùng kỳ duy trì ở mức 4,18%. Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa dự báo sẽ đạt 912,9 tỷ USD, với giá trị kim ngạch xuất khẩu là 469,14 tỷ USD và giá trị kim ngạch nhập khẩu là 443,76 tỷ USD. Chênh lệch xuất khẩu - nhập khẩu dự báo trong kịch bản này là 25,38 tỷ USD. Vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP dự kiến ở mức 34,5%.

3. *Kịch bản tiêu cực*: Những diễn biến phức tạp của địa chính trị, kinh tế thế giới cũng như ảnh hưởng của biến đổi khí hậu sẽ tiếp tục khiến kinh tế thế giới rơi vào khó khăn. Các yếu tố ảnh hưởng khó lường và phức tạp hơn có thể đến từ: leo thang căng thẳng giữa các cường quốc hoặc sự gia tăng xung đột khu vực; suy giảm kinh tế ở các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, hoặc Trung Quốc có thể giảm nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam; thời tiết cực đoan ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và chuỗi cung ứng toàn cầu; và các biện pháp kích thích kinh tế không được thực thi hiệu quả, chậm trễ trong việc giải ngân vốn đầu tư công. Theo kịch bản này, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt mức tăng 7,17% năm 2025 và CPI bình quân so với cùng kỳ duy trì ở mức 3,49%. Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa dự báo sẽ đạt 871,6 tỷ USD, với giá trị kim ngạch xuất khẩu là 446,93 tỷ USD và giá trị kim ngạch nhập khẩu là 424,66 tỷ USD. Chênh lệch xuất khẩu - nhập khẩu dự báo trong kịch bản này là 22,27 tỷ USD. Vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP dự kiến ở mức 33%.

Với nền tảng kinh tế vững chắc và các động lực tăng trưởng rõ ràng, Việt Nam có triển vọng đạt được các mục tiêu kinh tế đề ra cho năm 2025. Tuy nhiên, cần tiếp tục theo dõi sát sao các biến động kinh tế toàn cầu và thực hiện các biện pháp linh hoạt để ứng phó với những thách thức có thể phát sinh.



## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	GIẢI NGHĨA
AD (Anti-dumping)	Biện pháp chống bán phá giá
AI (Artificial intelligence)	Trí tuệ nhân tạo
APEC	Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương
APPF	Diễn đàn nghị viện Châu Á - Thái Bình Dương
ASEAM	Hội nghị cấp cao Á - Âu
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
CCTM	Cán cân thương mại
CDS	Chuyển đổi số
CEPEA	Đôi tác kinh tế toàn diện Đông Á
CMCN 4.0	Cách mạng công nghiệp lần thứ 4
CNXD	Công nghiệp - Xây dựng
CNY (Chinese yuan)	Nhân dân tệ
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CPTF	Thủ tục hải quan và thuận lợi hóa thương mại
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
CV (Counter veiling)	Biện pháp đối kháng
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
DV	Dịch vụ
DVC	Dịch vụ công
EAEU	Liên minh kinh tế Á - Âu
ECB	Ngân hàng Trung ương Châu Âu
EMDEs	Thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển
EU	Liên minh Châu Âu
EVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FED	Cục Dự trữ liên bang Mỹ

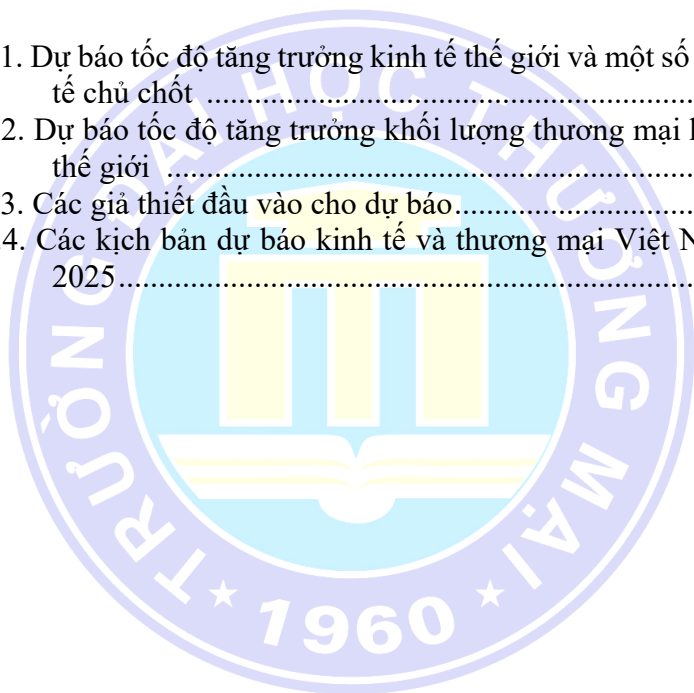
<b>TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>GIẢI NGHĨA</b>
FTA	Hiệp định thương mại tự do
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GRDP	GDP cấp tỉnh
GSO	Tổng cục Thống kê
ICT	Công nghệ thông tin và truyền thông
IIP	Chỉ số sản xuất công nghiệp
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IoT	Công nghệ kỹ thuật số - Internet vạn vật
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LLLĐ	Lực lượng lao động
M&A	Mua bán và sáp nhập
MFN	Tối huệ quốc
MSME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
NCIF	Trung tâm Thông tin và dự báo KT - XH quốc gia
NHNN	Ngân hàng nhà Nước
NLNTS	Nông lâm nghiệp, thủy sản
NSDP	Ngân sách địa phương
NSLĐ	Năng suất lao động
NSNN	Ngân sách nhà nước
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PMI	Chỉ số nhà quản trị mua hàng
QLNN	Quản lý nhà nước
QR (Quantity restrict)	Hạn chế số lượng
RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
SG (Safeguard)	Biện pháp tự vệ
SPS	Biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật
SXKD	SX-KD
TBT	Rào cản kỹ thuật đối với thương mại
TCTD	Tài chính tín dụng
TCTK	Tổng cục Thống kê
TDCC	Tiêu dùng cuối cùng
TMDB	Cơ sở dữ liệu giám sát thương mại
TPCP	Trái phiếu chính phủ

<b>TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>GIẢI NGHĨA</b>
TPP	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
TQ (Tariff quota)	Hạn ngạch thuế quan
TTIP	Hiệp định Đối tác Thương mại và Đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP)
TTLNH	Thị trường liên ngân hàng
UNCITRAL	Ủy ban Luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc
UNCTAD	Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển
USD	Đô la Mỹ
USTR	Cơ quan Đại diện Thương mại Mỹ
VAT	Thuê giá trị gia tăng
VER	Biện pháp hạn chế xuất khẩu tự nguyện
World Bank – WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
WTOI	Chỉ số triển vọng thương mại thế giới

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 1.1. Đánh giá tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 và 2024 của toàn cầu và một số quốc gia trên thế giới.....	11
Bảng 1.2: Tăng trưởng thương mại hàng hóa theo nhóm nước .....	18
Bảng 1.3. Xu hướng phụ thuộc lẫn nhau về thương mại .....	21
Bảng 1.4. Tăng trưởng thương mại theo lĩnh vực .....	22
Bảng 2.1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên theo quý năm 2024	45
Bảng 2.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ giai đoạn 2023-2024.....	49
Bảng 2.3. Tỷ lệ thất nghiệp tại các khu vực thành thị và nông thôn theo quý năm 2024 .....	51
Bảng 2.4. Vốn đầu tư từ nguồn NSNN năm 2024 .....	57
Bảng 2.5. Các quốc gia đầu tư lớn nhất vào Việt Nam năm 2024.....	60
Bảng 3.1. Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới năm 2024 tại một số địa phương.....	116
Bảng 3.2. Doanh nghiệp thành lập mới và giải thể năm 2024, phân theo một số lĩnh vực hoạt động.....	118
Bảng 4.1. Cán cân thương mại của Việt Nam với các thị trường chính năm 2024.....	135
Bảng 4.2. Giá trị xuất khẩu các mặt hàng trên 10 tỷ USD năm 2023, 2024.....	141
Bảng 4.3. Giá trị xuất khẩu của một số mặt hàng công nghiệp khác năm 2024.....	146
Bảng 4.4. Tốc độ tăng trưởng nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản	148
Bảng 4.5. Trị giá xuất khẩu một số quốc gia thuộc khu vực Châu Á năm 2024.....	148
Bảng 4.6. Trị giá xuất khẩu một số quốc gia thuộc khu vực Châu Âu năm 2024 .....	149
Bảng 4.7. Trị giá xuất khẩu một số quốc gia thuộc khu vực châu Mỹ năm 2024 .....	150
Bảng 4.8. Trị giá xuất khẩu một số quốc gia thuộc khu vực châu Đại dương năm 2024.....	150
Bảng 4.9. Trị giá xuất khẩu một số quốc gia thuộc khu vực châu Phi năm 2024.....	151

Bảng 4.10. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ của một số ngành trong năm 2024.....	163
Bảng 6.1. Vị trí của Việt Nam trong Bảng xếp hạng GII từ năm 2020 - 2024.....	220
Bảng 6.2. Dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025 .....	232
Bảng 7.1. Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và một số nền kinh tế chủ chốt .....	288
Bảng 7.2. Dự báo tốc độ tăng trưởng khối lượng thương mại hàng hóa thế giới .....	292
Bảng 7.3. Các giả thiết đầu vào cho dự báo.....	319
Bảng 7.4. Các kịch bản dự báo kinh tế và thương mại Việt Nam năm 2025.....	322



## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Đánh giá tăng trưởng toàn cầu năm 2023 và 2024 của các tổ chức quốc tế .....	3
Hình 1.2. Đánh giá tăng trưởng của Hoa Kỳ năm 2023 và 2024 theo các tổ chức quốc tế .....	5
Hình 1.3. Đánh giá tăng trưởng của khu vực đồng Euro năm 2023 và 2024 theo các tổ chức quốc tế .....	6
Hình 1.4. Đánh giá tăng trưởng của Nhật Bản năm 2023 và 2024 theo các tổ chức quốc tế .....	7
Hình 1.5. Đánh giá tăng trưởng của Trung Quốc năm 2023 và 2024 theo các tổ chức quốc tế .....	9
Hình 1.6. Đánh giá tăng trưởng của các quốc gia ASEAN năm 2023 và 2024 theo các tổ chức quốc tế .....	10
Hình 1.7. Tăng trưởng hàng năm và hàng quý về thương mại hàng hóa và dịch vụ .....	17
Hình 1.8. Xu hướng thương mại theo địa lý gần (nearshoring), chính trị gần (friendshoring) và đối tác thương mại lớn (trade concentration).....	19
Hình 1.9. Số lượng dự án đầu tư toàn cầu (tham chiếu 2020 =100)....	23
Hình 2.1. Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2018 - 2024.....	35
Hình 2.2. Tốc độ tăng GDP và các khu vực kinh tế các quý của năm 2024 .....	36
Hình 2.3. Cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế giai đoạn 2019 - 2024 ..	39
Hình 2.4. Tốc độ tăng một số nhóm hàng tiêu dùng cơ bản năm 2024 .....	41
Hình 2.5. Tốc độ tăng CPI và lạm phát cơ bản bình quân năm giai đoạn 2019 - 2024 .....	42
Hình 2.6. Chỉ số giá sản xuất và nguyên vật liệu giai đoạn 2019 - 2024 .....	43
Hình 2.7. Lao động có việc làm phân theo ngành kinh tế theo các quý năm 2023 và 2024 .....	47
Hình 2.8. Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động các quý năm 2023 - 2024.	50
Hình 2.9. Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giai đoạn 2023 - 2024.....	53
Hình 2.10. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở các khu vực trong các quý năm 2024 .....	54

Hình 2.11. Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành giai đoạn 2019 - 2024 .....	56
Hình 2.12. Vốn đăng ký nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024 .....	58
Hình 2.13. Vốn FDI thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2024 .....	59
Hình 2.14. Biến động lãi suất huy động năm 2024 của Vietcombank	63
Hình 2.15. Biến động lãi suất liên ngân hàng trong năm 2024.....	64
Hình 2.16. Diễn biến tỷ giá VND/USD các tháng năm 2024 .....	65
Hình 2.17. Diễn biến VN-Index năm 2024 .....	66
Hình 2.18. Các mức lãi suất điều hành của NHNN giai đoạn 2022 - 2024.....	78
Hình 3.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành, giai đoạn 2020 - 2024 .....	88
Hình 3.2. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ .....	90
Hình 3.3. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ .....	91
Hình 3.4. Cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, giai đoạn 2020 - 2024.....	93
Hình 3.5. Quy mô tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ...95	
Hình 3.6. Các địa phương có tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên 100 nghìn tỷ đồng năm 2024.....	98
Hình 3.7. Tổng số doanh nghiệp hoạt động của cả nước, giai đoạn 2020 - 2024 .....	110
Hình 3.8. Số doanh nghiệp vào/ra khỏi thị trường năm 2024.....	112
Hình 3.9. Các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý III năm 2024 .....	114
Hình 3.10. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới năm 2024, phân loại theo ngành .....	115
Hình 3.11. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động năm 2024, phân loại theo ngành .....	117
Hình 4.1. Cán cân thương mại của Việt Nam .....	133
Hình 4.2. Cán cân thương mại của Việt Nam theo các quý năm 2024 ..	134
Hình 4.3. Cán cân thương mại của Việt Nam theo các tháng năm 2024 .....	135
Hình 4.4. Cán cân thương mại theo khu vực kinh tế năm 2024.....	136
Hình 4.5. Cán cân thương mại khối doanh nghiệp FDI giai đoạn 2020 - 2024.....	137
Hình 4.6. Cán cân thương mại khối doanh nghiệp trong nước .....	138
Hình 4.7. Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2020 - 2024 .....	139

Hình 4.8. Kim ngạch xuất khẩu các quý năm 2024 .....	140
Hình 4.9. Kim ngạch xuất khẩu các tháng năm 2024 .....	140
Hình 4.10. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản năm 2024	143
Hình 4.11. Tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng nông sản năm 2024 .....	143
Hình 4.12. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2020 - 2024...	144
Hình 4.13. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chủ lực giai đoạn 2023 - 2024 .....	145
Hình 4.14. Giá trị xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản giai đoạn 2023 - 2024 .....	147
Hình 4.15. Giá trị xuất khẩu của khu vực FDI.....	152
Hình 4.16. Giá trị xuất khẩu của khu vực trong nước.....	152
Hình 4.17. Cán cân thương mại dịch vụ Việt Nam.....	153
Hình 4.18. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ Việt Nam.....	154
Hình 4.19. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ Việt Nam theo nhóm ngành giai đoạn 2020 - 2024 .....	154
Hình 4.20. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam.....	155
Hình 4.21. 15 nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất năm 2024 ..	158
Hình 4.22. Kim ngạch nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước và khối doanh nghiệp FDI tại Việt Nam năm 2024 .....	162
Hình 5.1. AI vượt con người trong việc phát hiện vật thể (xử lý hình ảnh).....	173
Hình 5.2. AI bằng con người trong việc nhận diện giọng nói .....	174
Hình 6.1. Bảng xếp hạng mức độ sẵn sàng về AI khu vực Đông Á .	219
Hình 6.2. Tỷ lệ người dùng Internet tại Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024.....	233
Hình 7.1. Dự báo giá dầu WTI .....	293
Hình 7.2. Dự báo xu hướng lãi suất của một số nền kinh tế lớn giai đoạn 2025 - 2026 .....	300
Hình 7.3. Dự báo quy mô thị trường AI thế giới đến năm 2030 .....	305



# PHẦN 1. KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2024

## CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ THẾ GIỚI

### 1.1. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

#### 1.1.1. Tăng trưởng kinh tế năm 2024

Năm 2024 đánh dấu một năm đầy biến động với hàng loạt sự kiện quan trọng trên toàn cầu, trong đó những sự kiện nổi bật, kéo dài từ các năm trước đó hoặc mới xuất hiện trong năm 2024 gồm: xung đột Nga - Ukraine, căng thẳng tại Trung Đông và bầu cử Tổng thống tại Hoa Kỳ.

Cuộc xung đột tại dải Gaza tiếp tục kéo dài và mở rộng. Ngay từ đầu năm 2024, Israel đã tiến hành những cuộc không kích quy mô lớn vào Gaza, gây thương vong lớn cho thường dân và nhận phải sự phản ứng mạnh mẽ từ cộng đồng quốc tế. Các chiến dịch do Israel triển khai đã lan rộng kéo theo sự tấn công đáp trả của Iran và lực lượng Hamas. Điều này đã khiến xung đột leo thang và gây ra khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng tại khu vực. Các tổ chức quốc tế và các nước phương Tây liên tục kêu gọi chấm dứt bạo lực, nhưng dường như chưa tìm thấy giải pháp trong cuộc xung đột này.

Cuộc xung đột Nga - Ukraine đi qua năm thứ ba với nhiều diễn biến bước ngoặt trên chiến trường và cả trên bàn đàm phán, nhưng vẫn cần rất nhiều nhượng bộ từ các bên để có thể tiến đến một thỏa thuận hòa bình. Cuộc xung đột không chỉ mang đến những tác động sâu rộng đối với quan hệ giữa các nước lớn, an ninh Châu Âu, mà còn trên toàn thế giới. Các chuyên gia cho rằng, hậu quả của cuộc xung đột phải mất nhiều thập niên mới có thể khắc phục.

Năm 2024 cũng là một trong những năm thế giới có nhiều cuộc bầu cử nhất từ trước đến nay và khủng hoảng chính trị cũng diễn ra tại nhiều quốc gia. Trong đó, thu hút sự quan tâm nhiều nhất là bầu cử tổng thống Mỹ vào đầu tháng 11/2024 với chiến thắng thuộc về ứng cử viên Donald Trump. Việc Tổng thống Donald Trump đắc cử cùng những tuyên bố gần đây làm dấy lên những lo ngại trên toàn cầu về thương mại, đầu tư và ngoại giao. Trong khi đó, các cuộc bầu cử ở Châu Âu chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của các đảng cánh hữu và các phong

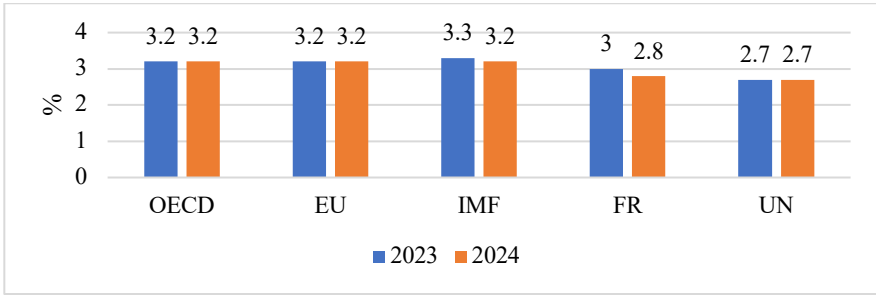
trào chủ nghĩa dân tộc, phản ánh sự thay đổi lớn trong bối cảnh chính trị của khu vực.

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ diễn tiến với sự tập trung phát triển và cạnh tranh mạnh mẽ trong công nghệ bán dẫn và trí tuệ nhân tạo. Hai cường quốc hàng đầu thế giới là Hoa Kỳ và Trung Quốc đang nỗ lực giảm sự phụ thuộc lẫn nhau cũng như tăng cường định hình vị thế dẫn đầu. Mặt khác, các nỗ lực hợp tác quốc tế cũng được thúc đẩy nhằm kiểm soát rủi ro tiềm ẩn từ công nghệ.

Tất cả những sự kiện trên đã có những tác động đáng kể đến tăng trưởng kinh tế thế giới. Kinh tế thế giới năm 2024 tiếp tục phục hồi chậm và không đồng đều, nhưng dần cải thiện ổn định vào cuối năm. Vẫn còn nhiều rủi ro đối với chuỗi cung ứng quốc tế và giá hàng hóa, mặc dù lạm phát toàn cầu đã cải thiện đáng kể. Nhiều nền kinh tế lớn đã bắt đầu quá trình cắt giảm lãi suất, chính sách tài chính tiền tệ từng bước được nới lỏng. Tính đến tháng 01 năm 2025, hầu hết các tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan hơn về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 so với các dự báo đưa ra trước đó. Cụ thể, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Liên minh Châu Âu (EU) đều tính toán tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%; Liên hợp quốc (UN) nhận định nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng 2,7% trong năm 2024, tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra vào tháng 01 năm 2024; Fitch Ratings (FR) cũng đo lường tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt 2,8%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với dự báo hồi tháng 9 năm 2024.

#### *a) Đánh giá tăng trưởng toàn cầu*

Theo tính toán của các tổ chức quốc tế, tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt mức khoảng 3% trong năm 2024 và vẫn do một số quốc gia và khu vực kinh tế năng động chi phối, cũng như chịu tác động của các yếu tố rủi ro, biến động và những ứng phó chính sách.



Nguồn: OECD, EU, IMF, FR và UN

**Hình 1.1. Đánh giá tăng trưởng toàn cầu năm 2023 và 2024 của các tổ chức quốc tế**

Hình trên cho thấy các tổ chức quốc tế như OECD, IMF và EU đều nhận định tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2024 đạt 3,2% và giảm nhẹ hoặc ổn định so với năm 2023. Riêng FR cho rằng tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 2,8% và giảm 0,2 điểm phần trăm so với năm 2023. UN đo lường tăng trưởng GDP toàn cầu thấp nhất, chỉ đạt 2,7% trong năm 2024.

#### *Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)*

Trong báo cáo Triển vọng kinh tế tháng 12/2024, OECD nhận định nền kinh tế toàn cầu vẫn kiên cường, lạm phát ở mức vừa phải và thương mại thế giới đang bắt đầu phục hồi. Tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%, không thay đổi so với dự báo tháng 9/2024. Lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng việc làm ổn định và chính sách tiền tệ ít hạn chế hơn đã làm tăng nhu cầu, mặc dù vẫn còn những trở ngại từ thắt chặt chính sách tài khóa ở nhiều quốc gia. Sự khác biệt tăng trưởng giữa các quốc gia giảm dần khi tăng trưởng của Hoa Kỳ và Brazil có xu hướng chậm lại và quá trình phục hồi ở Châu Âu diễn ra nhanh hơn. Nhu cầu trong nước mạnh mẽ ở Ấn Độ và Indonesia cùng các chính sách kích thích kinh tế mới được công bố gần đây ở Trung Quốc và Nhật Bản đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ ở Châu Á.

#### *Liên minh Châu Âu (EU)*

Trong báo cáo Kinh tế mùa thu 2024 công bố tháng 11/2024, EU tính toán kinh tế toàn cầu tăng trưởng 3,2% trong năm 2024 do tác động của việc cắt giảm lãi suất lan rộng trên toàn cầu. EU cũng nhận định nhu cầu trong nước mạnh mẽ tại Hoa Kỳ đã giúp duy trì tăng trưởng, nhưng động lực này dự kiến sẽ chậm lại trong thời gian tới. Triển vọng tăng trưởng của Trung Quốc tiếp tục bị kìm hãm bởi mức

tiêu dùng hộ gia đình yếu và lĩnh vực bất động sản gặp khó khăn. Tuy nhiên, tăng trưởng ở các nền kinh tế thị trường mới nổi được đánh giá ổn định trong năm 2024.

#### *Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)*

Theo báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới cập nhật tháng 10/2024 của IMF, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 tăng trưởng 3,2%, không thay đổi so với dự báo của tổ chức này vào tháng 7/2024. Tuy nhiên, IMF đã điều chỉnh nâng tăng trưởng đối với Hoa Kỳ, giảm tăng trưởng đối với các nền kinh tế phát triển khác, đặc biệt là các quốc gia Châu Âu, các thị trường mới nổi, các nền kinh tế đang phát triển, Trung Đông, Trung Á và châu Phi cận Sahara do gián đoạn trong sản xuất và vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là dầu mỏ, xung đột, bất ổn xã hội và các sự kiện thời tiết khắc nghiệt. Tuy nhiên, các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển khu vực Châu Á được IMF điều chỉnh tăng do nhu cầu về chất bán dẫn và thiết bị điện tử tăng cũng như đầu tư vào trí tuệ nhân tạo tăng mạnh.

#### *Liên hợp quốc (UN)*

Trong báo cáo Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới tháng 9/2024, UN nhận định kinh tế toàn cầu đạt 2,7% trong năm 2024, điều chỉnh tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 01/2024, nhờ hoạt động kinh tế tốt hơn ở Hoa Kỳ và triển vọng tăng trưởng ngắn hạn được cải thiện ở các nền kinh tế lớn khác, nhất là Brazil, Ấn Độ và Vương quốc Anh.

#### *Fitch Ratings (FR)*

Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 12/2024, FR tính toán GDP thế giới tăng trưởng 2,8% trong năm 2024 (tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2024). Động lực chính cho việc điều chỉnh tăng là do đánh giá lại triển vọng chi tiêu của người tiêu dùng Mỹ, khi thu nhập hộ gia đình tăng nhanh hơn so với dự báo và tiết kiệm cũng tăng mạnh hơn. FR nhận định tăng trưởng của Trung Quốc đạt 4,8%, tăng trưởng của khu vực đồng Euro đạt 0,8% trong năm 2024, giữ nguyên so với dự báo đưa ra trong tháng 6/2024.

#### *b) Tăng trưởng kinh tế toàn cầu theo khu vực*

##### *\* Hoa Kỳ*

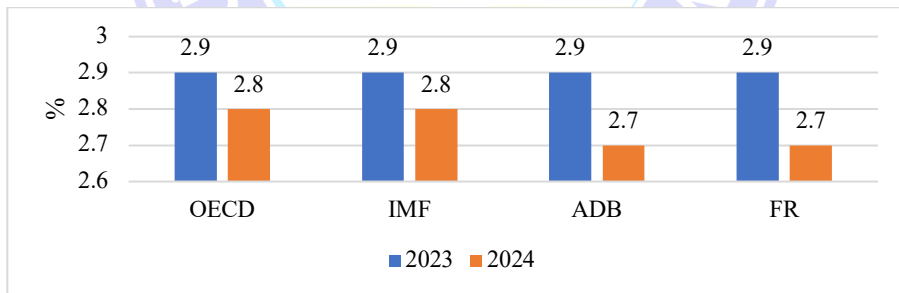
OECD nhận định tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm 2024 đạt 2,8%, điều chỉnh tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong

tháng 9/2024. Nhập cư tăng mạnh trong những tháng gần đây dẫn đến tiềm năng mở rộng sản xuất của nền kinh tế là cơ sở để OECD đưa ra tính toán tích cực cho tăng trưởng của quốc gia này.

Theo IMF, tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ đạt 2,8% năm 2024, điều chỉnh tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 7/2024, nhờ tiêu dùng và đầu tư mạnh hơn dự kiến. Tăng tiền lương thực tế và hiệu ứng từ tăng lương là những nhân tố góp phần phục hồi tiêu dùng hộ gia đình.

Theo ADB, nền kinh tế Hoa Kỳ tiếp tục hoạt động vượt trội trong những tháng cuối năm 2024. Chi tiêu hộ gia đình phục hồi mạnh mẽ, xuất khẩu và chi tiêu của chính phủ tăng là những yếu tố góp phần vào tăng trưởng GDP. Do đó, ADB tính toán tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm 2024 đạt 2,7%, điều chỉnh tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2024.

Fitch Ratings đo lường tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ năm 2024 đạt 2,7%, điều chỉnh tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2024.



Nguồn: IMF, OECD, ADB và FR

**Hình 1.2. Đánh giá tăng trưởng của Hoa Kỳ năm 2023 và 2024 theo các tổ chức quốc tế**

Như vậy, các tổ chức quốc tế (OECD, FR, IMF và ADB) đều điều chỉnh tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Hoa Kỳ tăng từ 0,2 - 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trước đó, lên mức 2,7% - 2,8%. Trong đó, IMF và OECD nhận định tăng trưởng năm 2024 của Hoa Kỳ đạt 2,8% còn ADB và FR cho rằng tốc độ tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ năm 2024 đạt 2,7%, đều thấp hơn mức 2,9% của năm 2023.

\* Khu vực đồng Euro

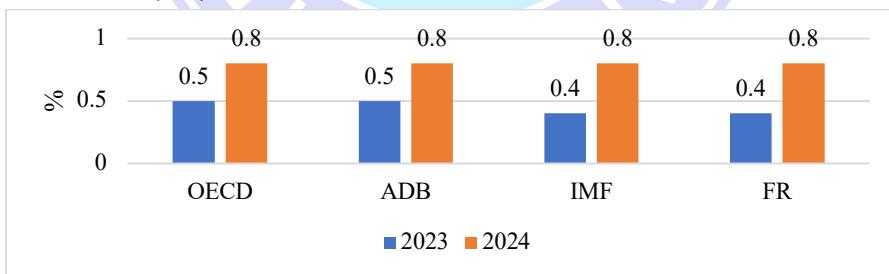
OECD đo lường tăng trưởng GDP của khu vực đồng Euro đạt 0,8% năm 2024, điều chỉnh tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo đưa

ra trong tháng 9/2024. Tăng lương và thị trường lao động sôi động hỗ trợ tiêu dùng tư nhân, đi kèm với tăng trưởng thu nhập bền vững và điều kiện tín dụng thuận lợi là những điều kiện tích cực khiến OECD điều chỉnh nâng mức tăng trưởng GDP của khu vực này.

ADB tính toán tăng trưởng GDP khu vực đồng Euro năm 2024 đạt 0,8%. Việc Ngân hàng trung ương Châu Âu nới lỏng chính sách tiền tệ, đẩy mạnh khả năng tiếp cận tín dụng và thu nhập thực tế hộ gia đình tăng do tiền lương tăng là những nhân tố tích cực khiến ADB đo lường tăng trưởng GDP khu vực đồng Euro năm 2024 cao hơn nhiều so với mức 0,5% của năm 2023.

IMF nhận định tăng trưởng GDP của khu vực đồng Euro năm 2024 đạt 0,8%, điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 7/2024. Mặc dù xuất khẩu hàng hóa đạt kết quả tốt hơn dự kiến nhưng tăng trưởng thấp của một số quốc gia như Đức và Italia do ngành chế biến chế tạo tiếp tục yếu khiến IMF đánh giá tăng trưởng kinh tế khu vực đồng Euro năm 2024 ở mức khiêm tốn.

Fitch Ratings đánh giá tăng trưởng kinh tế khu vực đồng Euro năm 2024 đạt 0,8%, giữ nguyên mức dự báo như đã đưa ra trong tháng 9/2024 và đạt 1,2% năm 2025.



Nguồn: OECD, ADB, IMF và FR

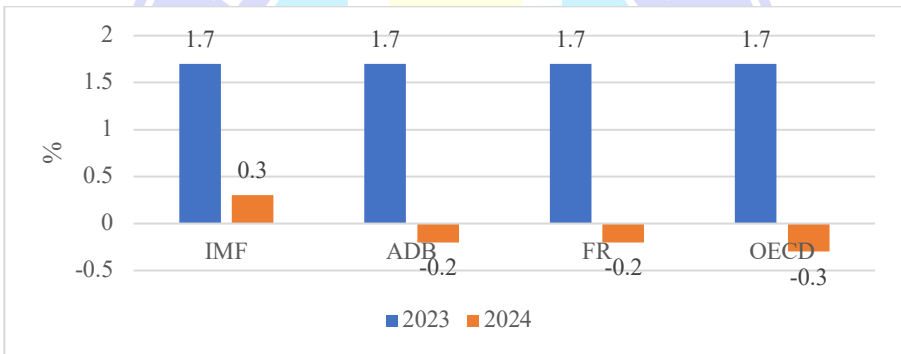
**Hình 1.3. Đánh giá tăng trưởng của khu vực đồng Euro năm 2023 và 2024 theo các tổ chức quốc tế**

Như vậy, các tổ chức quốc tế (ADB, OECD, IMF và FR) đều nhận định tăng trưởng kinh tế của khu vực đồng Euro phục hồi từ mức tăng trưởng thấp của năm 2023 (0,4% - 0,5%) lên mức 0,8% năm 2024.

\* *Nhật Bản*

IMF đo lường tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản chỉ đạt 0,3% năm 2024, điều chỉnh giảm 0,4 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 7/2024, phản ánh gián đoạn tạm thời nguồn cung trong ngành công nghiệp ô tô và tăng trưởng du lịch suy yếu. ADB nhận định năm

2024, nền kinh tế Nhật Bản mất động lực tăng trưởng trong quý III/2024 và tiếp tục ảm đạm trong quý IV/2024 do ảnh hưởng của việc chi tiêu hộ gia đình vẫn âm trong tháng 9/2024, tiền lương thực tế không khởi sắc sau khi lạm phát tăng nhanh trong tháng 6 và tháng 7/2024, đơn hàng xuất khẩu mới của ngành chế biến chế tạo giảm, đầu tư tư nhân yếu. Theo đó, ADB tính toán tăng trưởng GDP Nhật Bản đạt mức -0,2% năm 2024, điều chỉnh giảm 0,6 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2024. Theo FR, sau khi đạt mức tăng trưởng 1,7% năm 2023, tăng trưởng GDP của Nhật Bản được đánh giá đạt -0,2% năm 2024. OECD tiếp tục điều chỉnh giảm tăng trưởng kinh tế Nhật Bản năm 2024 xuống -0,3% (giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 9/2024).



Nguồn: IMF, ADB, FR và OECD

**Hình 1.4. Đánh giá tăng trưởng của Nhật Bản năm 2023 và 2024 theo các tổ chức quốc tế**

Theo hình 1.4, hầu hết các tổ chức quốc tế (OECD, ADB và FR) đều đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản năm 2024 đạt mức âm (khoảng -0,3% đến -0,2%), giảm từ 1,9 - 2,0 điểm phần trăm so với mức tăng trưởng 1,7% năm 2023. Riêng IMF nhận định khả quan hơn khi cho rằng năm 2024 kinh tế Nhật Bản tăng trưởng 0,3%, chỉ giảm 1,4 điểm phần trăm so với tăng trưởng của năm 2023.

**\* Trung Quốc**

OECD tính toán tăng trưởng GDP năm 2024 của Trung Quốc đạt 4,9% như đã đưa ra trong tháng 9/2024, do nói lỏng chính sách tiền tệ giúp đầu tư tăng đi kèm với việc chính phủ chi tiêu mạnh hơn và tăng trưởng tiêu dùng trong nước ổn định.

Theo ADB, tăng trưởng GDP của Trung Quốc trong 3 quý đầu năm 2024 đạt 4,8%, đúng như kỳ vọng do hoạt động xuất khẩu và công nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ. Tăng trưởng xuất khẩu và các chính sách

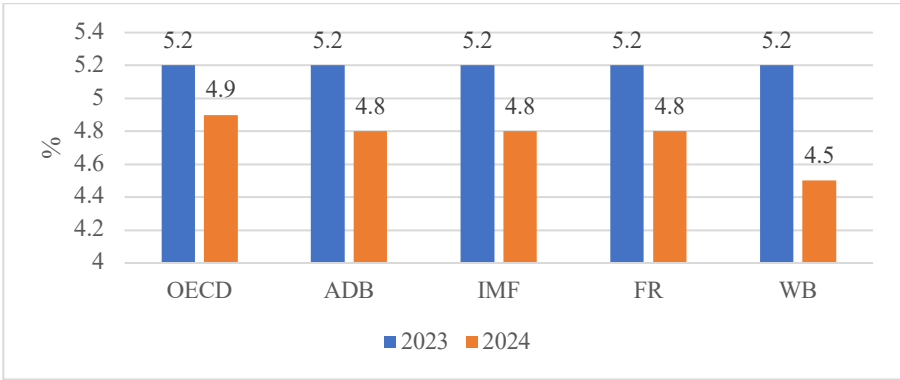
thúc đẩy nâng cấp thiết bị đã tác động tích cực lên sản xuất công nghiệp, đặc biệt sản xuất công nghệ cao. Tuy nhiên, nhu cầu trong nước yếu, lĩnh vực bất động sản vẫn còn mong manh đã kìm hãm tăng trưởng. Từ cuối tháng 9/2024, chính phủ công bố một số biện pháp hỗ trợ, bao gồm sử dụng trái phiếu có mục đích đặc biệt và tăng trần nợ để hỗ trợ chính quyền địa phương. Ngoài ra, để hỗ trợ thị trường bất động sản, ngân hàng trung ương đã giảm lãi suất cơ bản, lãi suất thế chấp và thanh toán ban đầu. Tuy nhiên, việc mở rộng tài khóa có thể bị hạn chế do nợ tăng và doanh thu yếu, trong khi việc liên tục nới lỏng chính sách tiền tệ phải đối mặt với những thách thức do nhu cầu tín dụng yếu, cùng với căng thẳng thương mại, đặc biệt với Hoa Kỳ, là những rủi ro chính đối với tăng trưởng kinh tế Trung Quốc. Do đó, ADB đo lường tăng trưởng GDP của Trung Quốc năm 2024 đạt 4,8%, giữ nguyên so với mức dự báo trong tháng 9/2024.

IMF đánh giá tăng trưởng kinh tế Trung Quốc năm 2024 đạt 4,8%, điều chỉnh giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 7/2024, chủ yếu do lĩnh vực bất động sản vẫn còn yếu, niềm tin người tiêu dùng thấp mặc dù xuất khẩu ròng tốt hơn dự kiến.

Theo FR, sau khi tăng trưởng đạt 5,2% năm 2023, triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc giảm dần. FR tính toán tăng trưởng GDP của Trung Quốc đạt 4,8% năm 2024.

WB nhận định đà tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc ổn định trong ngắn hạn do tâm lý người tiêu dùng dần phục hồi và tác động tích cực của chính sách kích thích kinh tế. Tuy nhiên, lĩnh vực bất động sản yếu, đi kèm với nhu cầu bên ngoài giảm, đã làm giảm triển vọng ngắn hạn của Trung Quốc. Ngoài ra, mức nợ cao, dân số già hóa và mất cân bằng kinh tế dai dẳng cũng là những tác nhân tiêu cực ảnh hưởng đến triển vọng kinh tế của Trung Quốc. Do đó, WB đánh giá tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đạt 4,5% năm 2024, giảm 0,7 điểm phần trăm so với mức 5,2% của năm 2023.





Nguồn: OECD, ADB, IMF, FR và WB

**Hình 1.5. Đánh giá tăng trưởng của Trung Quốc năm 2023 và 2024 theo các tổ chức quốc tế**

Như vậy, các tổ chức quốc tế cùng nhận định tăng trưởng của Trung Quốc năm 2024 chậm lại, đạt khoảng 4,5% - 4,9%, thấp hơn mức 5,2% của năm 2023.

**\* Đông Nam Á**

Trong báo cáo tháng 12/2024, ADB nhận định triển vọng tăng trưởng của Đông Nam Á năm 2024 được điều chỉnh tăng 0,2 điểm phần trăm từ 4,5% lên 4,7%, nhờ xuất khẩu hàng chế biến chế tạo và chi tiêu công mạnh hơn ở các nền kinh tế trong khu vực. Các ngành chế biến chế tạo và thương mại của khu vực được hưởng lợi từ sự phục hồi của ngành điện tử và sự thay đổi trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tăng trưởng tăng ở Malaysia, Thái Lan, Singapore và Việt Nam được hỗ trợ bởi nhu cầu trong nước tăng, lạm phát thấp hơn và đầu tư công bền vững. Tuy nhiên, căng thẳng địa chính trị, tình trạng phân mảnh thương mại và các sự kiện thời tiết khắc nghiệt như Bão Yagi và Bão nhiệt đới Trami gây ra rủi ro cho tăng trưởng, đặc biệt là nông nghiệp và cơ sở hạ tầng.

**Philippines**

Tốc độ tăng trưởng của Philippines tăng nhẹ trong năm 2024 so với 2023 (đạt mức 6,0% so với 5,5%) nhờ nhu cầu trong nước tăng mạnh khi chính phủ thực hiện chính sách điều tiết lạm phát và nới lỏng tiền tệ. Bên cạnh đó, đầu tư công vững chắc, cải cách cơ cấu, bao gồm tự do hóa thị trường, mở cửa nền kinh tế giúp thu hút đầu tư, đẩy mạnh ngoại thương và hỗ trợ đầu tư tư nhân.

### Indonesia

Tăng trưởng của Indonesia đạt 5,0% trong hai năm 2023 và 2024. Nhu cầu trong nước tiếp tục là động lực chính trong tăng trưởng kinh tế của quốc gia này. Tiêu dùng tăng nhờ chi tiêu của xã hội và chính phủ liên quan đến bầu cử tăng, lạm phát giảm và lương của công chức tăng. Tiêu dùng chính phủ tăng giúp bù đắp cho xuất khẩu ròng âm do nhu cầu toàn cầu yếu và giá hàng hóa biến động.

### Malaysia

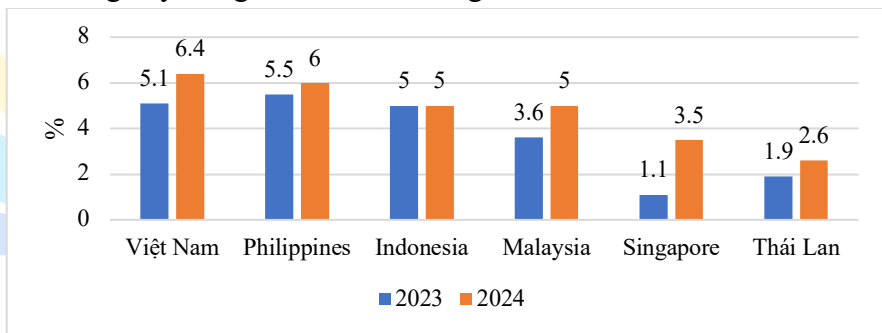
Tại Malaysia, tăng trưởng năm 2024 được điều chỉnh tăng từ 4,5% (dự báo trong tháng 9/2024) lên 5,0%. Chính phủ tiếp tục đẩy nhanh các dự án cơ sở hạ tầng và đặt mục tiêu trở thành trung tâm kỹ thuật số trong khu vực. Tiêu dùng cá nhân chậm lại nhưng vẫn mạnh nhờ cơ hội việc làm được tạo ra từ các dự án đầu tư và các biện pháp hỗ trợ thu nhập của chính phủ.

### Thái Lan

So với dự báo trong tháng 9/2024, tăng trưởng GDP của Thái Lan năm 2024 được điều chỉnh tăng từ mức 2,3% lên 2,6%, phản ánh chi tiêu công và phục hồi xuất khẩu mạnh hơn dự kiến. Du lịch và tiêu dùng cá nhân vẫn là động lực chính của tăng trưởng.

### Singapore

Tại Singapore, GDP năm 2024 đạt 3,5% tăng trưởng cao gấp hơn 3 lần so với năm 2023. Niềm tin kinh doanh trong lĩnh vực chế biến chế tạo tích cực, bất chấp căng thẳng thương mại đang diễn ra giữa các đối tác. Tăng trưởng trong lĩnh vực xây dựng được thúc đẩy bởi sự gia tăng hoạt động xây dựng của khu vực công.



Nguồn: ADB

**Hình 1.6. Đánh giá tăng trưởng của các quốc gia ASEAN năm 2023 và 2024 theo các tổ chức quốc tế**

Theo Hình trên, tăng trưởng năm 2024 của Việt Nam cao nhất trong 6 quốc gia Đông Nam Á, đạt 6,4%, tiếp theo là Philippines đạt 6,0% và Indonesia đạt 5,0%. Tăng trưởng năm 2024 của Singapore và Thái Lan thấp hơn, đạt 3,5% và 2,6% trong năm 2024.

**Bảng 1.1. Đánh giá tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 và 2024 của toàn cầu và một số quốc gia trên thế giới**

Đơn vị tính: %

TT	Quốc gia	Đánh giá năm 2023					Đánh giá năm 2024				
		OECD	IMF	FR	EU	ADB	OECD	IMF	FR	EU	ADB
	Toàn cầu	3,2	3,3	3,0	3,1		3,2	3,2	2,8	3,2	
1	Hoa Kỳ	2,9	2,9	2,9	2,9	2,9	2,8	2,8	2,7	2,7	2,7
2	Khu vực EURO	0,5	0,4	0,4		0,5	0,8	0,8	0,8	0,9	0,8
3	Nhật Bản	1,7	1,7	1,7	1,7	1,7	-0,3	0,3	-0,2	0,2	-0,2
4	Trung Quốc	5,2	5,2	5,2	5,2	5,2	4,9	4,8	4,8	4,9	4,8
5	Indonesia	5,0	5,0			5,0	5,1	5,0			5,0
6	Malaysia	3,6	3,6			3,6	5,7	4,8			5,0
7	Philippines		5,5			5,5		5,8			6,0
8	Thái Lan	1,9	1,9			1,9	2,7	2,8			2,6
9	Singapore		1,1			1,1		2,6			3,5
10	Việt Nam	5,1	5,0			5,1	6,9	6,1			6,4

Nguồn: OECD, IMF, FR và EU cập nhật ngày 30/12/2024.

### 1.1.2. Một số nhân tố rủi ro tác động tiêu cực tới kinh tế thế giới

Tăng trưởng toàn cầu trong năm 2024 tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ các chính sách tài chính - tiền tệ nhìn chung vẫn thắt chặt, các yếu tố địa chính trị bất lợi và sự phân mảnh kinh tế thế giới ngày càng mạnh mẽ.

#### a) Xung đột vũ trang, rủi ro địa chính trị và bất ổn xã hội tiếp diễn

Rủi ro địa chính trị vẫn là mối đe dọa đáng kể đối với nền kinh tế toàn cầu trong năm 2024, đặc biệt, trong bối cảnh các xung đột đang

diễn ra ở Trung Đông và Ucraina leo thang, gây ra những xáo trộn trên thị trường năng lượng và tài chính. Tác động của việc leo thang các xung đột đang diễn ra và các đợt tăng giá năng lượng có thể khuếch đại hậu quả nếu chi phí vận chuyển bị đẩy lên cao hơn nữa và chuyển vào giá hàng hóa. Ngoài ra, bất ổn xã hội, gồm các cuộc biểu tình lớn và bạo loạn, đã gia tăng ở một số khu vực trên toàn cầu. Sự tái bùng phát của bất ổn xã hội, tác động lan tỏa từ các cuộc xung đột và bất bình đẳng gia tăng có thể làm chậm tăng trưởng kinh tế. Bất ổn xã hội cũng có thể làm phức tạp thêm việc thông qua và thực hiện cải cách cần thiết.

#### *b) Rủi ro từ chính sách tài chính - tiền tệ nhìn chung vẫn thắt chặt*

Thị trường tài chính toàn cầu đã thể hiện khả năng phục hồi đáng kể sau thời gian dài chứng kiến chính sách tiền tệ thắt chặt, tuy nhiên vẫn còn nhiều rủi ro tiềm ẩn.

Theo báo cáo mới nhất của IMF (2024), nhiều loại tài sản có thể chứng kiến rủi ro bị định giá lại khi kỳ vọng về việc giảm lãi suất trong tương lai ngày càng khả thi, mặc dù có sự không chắc chắn về cả quy mô và thời điểm thay đổi lãi suất chính sách. Hơn nữa, vẫn tồn tại rủi ro gắn với tác động trễ của các chính sách tiền tệ trong quá khứ có thể mạnh hơn dự kiến, dẫn đến suy giảm kinh tế và bộc lộ các điểm yếu tài chính.

Một rủi ro khác nữa là tác động trong tương lai của lãi suất thực cao hơn có thể mạnh hơn dự kiến. Gánh nặng trả nợ cao và có thể tăng thêm khi nợ lãi suất thấp được đảo nợ, hoặc khi lãi suất vay cố định được đàm phán lại. Một số lĩnh vực, đặc biệt là bất động sản thương mại vẫn đang gặp khó khăn; số vụ phá sản và vỡ nợ doanh nghiệp hiện đã vượt mức trước đại dịch Covid-19 ở một số quốc gia, gây ra rủi ro cho ổn định tài chính.

Trong bối cảnh này, các ưu tiên chính sách chủ yếu là bảo đảm giảm lạm phát bền vững, thiết lập một lộ trình tài khóa để giải quyết các áp lực gia tăng, đồng thời thực hiện các cải cách nhằm nâng cao tăng trưởng bền vững và bao trùm trong trung hạn.

#### *c) Các quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ*

Sự rút lui ồ ạt khỏi hệ thống thương mại toàn cầu đang khiến nhiều quốc gia thực hiện các hành động đơn phương. Việc tăng cường các chính sách bảo hộ không chỉ làm trầm trọng thêm căng thẳng thương mại và phá vỡ chuỗi cung ứng toàn cầu, mà còn có thể làm giảm

triển vọng tăng trưởng trung hạn bằng cách hạn chế lan tỏa tích cực từ đổi mới và chuyển giao công nghệ.

*d) Tăng trưởng chững lại ở Trung Quốc*

Nền kinh tế Trung Quốc đã bước vào thời kỳ giảm tốc, và việc đánh giá những thay đổi lớn đối với nền kinh tế này tương đối phức tạp. Chính phủ Trung Quốc đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 ở mức khoảng 5%. Trong quý đầu tiên, tăng trưởng GDP đạt 5,3%, quý hai chỉ đạt 4,7% và quý ba đạt 4,6%. Các chuyên gia nước này cho rằng mục tiêu 5% có thể đạt được, nhưng chính phủ cần làm nhiều hơn, như áp dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ mở rộng.

Các điều kiện cho thị trường bất động sản phát triển có thể trở nên khó khăn hơn và giá tiếp tục được điều chỉnh trong bối cảnh doanh số và đầu tư giảm. Giá tiếp tục giảm có thể làm giảm lòng tin của người tiêu dùng (vốn đã ở mức thấp kỷ lục), làm suy yếu thêm tiêu dùng hộ gia đình. Điều này có thể khiến nhu cầu trong nước chững lại, do đó có tác động lan tỏa bất lợi thông qua thị trường hàng hóa và thương mại toàn cầu, ảnh hưởng đến sự phục hồi thương mại toàn cầu, làm giảm hoạt động ở các nền kinh tế phụ thuộc vào thương mại. Trong bối cảnh nợ công và tư nhân ở mức cao và ngày càng tăng, tốc độ tăng trưởng chậm hơn ở Trung Quốc và những lo ngại về rủi ro tài chính gia tăng có thể khiến các cơ quan chức năng phải kiềm chế tăng trưởng tín dụng và chuyển hướng sang củng cố tài chính.

*e) Rủi ro từ sự phân mảnh thị trường và công nghệ thế giới ngày càng mạnh mẽ*

Sự phân mảnh thị trường và công nghệ thế giới đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ trong những năm gần đây, với nhiều yếu tố góp phần vào xu hướng này. Hai trong số những yếu tố quan trọng nhất là sự mở rộng của khối BRICS và các biện pháp trừng phạt liên tục của Hoa Kỳ đối với các quốc gia như Nga và Iran. Những diễn biến này đã và đang tạo ra tác động đáng kể đến tiến trình toàn cầu hóa, làm thay đổi cục diện kinh tế, chính trị quốc tế và cản trở sự tăng trưởng kinh tế của nhiều nước liên quan.

Sự mở rộng của khối BRICS, ban đầu gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi đã thu hút sự chú ý đáng kể trên trường quốc tế. Nhóm BRICS đang nỗ lực thiết lập một hệ thống kinh tế đa cực, trong đó các nền kinh tế mới nổi có tiếng nói lớn hơn trong các vấn đề toàn cầu. Việc mở rộng khối BRICS không chỉ tăng cường sức mạnh

kinh tế, mà còn mở rộng phạm vi địa chính trị của khối, đặc biệt là ở Trung Đông và châu Phi. Điều này có thể dẫn đến sự thay đổi trong cán cân quyền lực toàn cầu và thách thức sự thống trị của các thể chế tài chính quốc tế hiện có.

Sự phân mảnh kinh tế này đã tạo ra nhiều tác động tiêu cực đối với tiến trình toàn cầu hóa. Một trong những hệ quả quan trọng nhất là sự suy giảm trong thương mại và đầu tư xuyên biên giới. Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO, 2024), tăng trưởng thương mại toàn cầu đã chậm lại đáng kể trong những năm gần đây, một phần do sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ và các rào cản thương mại.

Một tác động quan trọng khác của sự phân mảnh kinh tế là sự suy giảm trong hợp tác quốc tế về các vấn đề toàn cầu. Sự chia rẽ thế giới thành các khối kinh tế đối lập đang gây khó khăn cho việc đạt được sự đồng thuận về những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh y tế và quản lý tài nguyên. Điều này có thể làm chậm tiến độ trong việc giải quyết những vấn đề cấp bách mà cộng đồng quốc tế phải đối mặt.

*f) Thiên tai xảy ra thường xuyên hơn với tác động ngày càng nghiêm trọng hơn*

Tần suất và mức độ nghiêm trọng của thiên tai đã tăng lên theo thời gian và dự kiến sẽ còn tăng hơn nữa do biến đổi khí hậu, gây rủi ro đối với tăng trưởng toàn cầu. Các hiện tượng như El Niño và La Niña đang diễn ra có nguy cơ tác động tiêu cực đến sản lượng nông nghiệp, tạo áp lực lên giá trong thời gian tới. Những hiện tượng thời tiết này có thể trở nên cực đoan hơn và tăng tần suất trong bối cảnh phát thải khí nhà kính ngày càng tăng sẽ gây thiệt hại về lâu dài cho các quốc gia.

Những tác động bất lợi của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với tăng trưởng có thể được khuếch đại do năng lực tài chính hạn chế để ứng phó với chúng. Thiên tai cũng có thể gây ra rủi ro cho sự ổn định của khu vực ngân hàng bằng cách làm tổn hại đến tài sản thế chấp cho khoản vay và gây ra sự gia tăng các khoản nợ xấu. Đồng thời, lĩnh vực tài chính phải đối mặt với rủi ro cân đối kế toán từ quá trình chuyển đổi xanh, chẳng hạn như từ tài sản bị mắc kẹt trong các lĩnh vực có hàm lượng carbon cao.

Các thảm họa thiên nhiên liên quan đến biến đổi khí hậu có thể sẽ ảnh hưởng đến các quốc gia khác nhau ở mức độ khác nhau, tùy thuộc vào vị trí địa lý và cơ cấu kinh tế của họ. So với các nền kinh tế tiên tiến, các nền kinh tế EMDE có ít năng lực hơn để ứng phó với

những thảm họa này, trong khi quá trình đô thị hóa mạnh mẽ ở một số EMDE có thể làm tăng tính dễ bị tổn thương trước các mối nguy hiểm như lũ lụt. Hơn nữa, tác động của thiên tai có thể không đồng đều giữa các nhóm dân cư và làm gia tăng tình trạng nghèo đói.

### **1.1.3. Các xu thế chính sách vĩ mô**

#### *a) Kiểm soát lạm phát*

Dòng chảy kinh tế thế giới không ngừng biến động và năm 2024 cũng không nằm ngoài quy luật đó. Nếu như lạm phát là mối lo hàng đầu của các nhà hoạch định chính sách tại hầu hết các nền kinh tế trên thế giới trong mấy năm qua, mối lo này đã lắng xuống trong năm 2024. Mặc dù vẫn có thể gặp phải những trở ngại trên con đường đạt được sự ổn định giá cả, lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục giảm từ mức trung bình 6,7% vào năm 2023 xuống còn 5,8% vào năm 2024 và 4,3% năm 2025 trong báo cáo công bố tháng 10/2024 của IMF. Quá trình giảm phát được kỳ vọng nhanh hơn ở các nền kinh tế phát triển với mức giảm 2 điểm phần trăm từ năm 2023 đến 2024 và ổn định ở khoảng 2% vào năm 2025 so với các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển, nơi lạm phát dự kiến giảm từ 8,1 % năm 2023 xuống còn 7,9% năm 2024 và sau đó giảm nhanh hơn xuống 5,9% năm 2025.

Tiến trình giảm lạm phát đang được thúc đẩy bởi chính sách tiền tệ thắt chặt ở hầu hết các nền kinh tế lớn. Tại gần một nửa số nền kinh tế phát triển và gần 60% số nền kinh tế mới nổi, lạm phát toàn phần đã giảm về mục tiêu của ngân hàng trung ương (theo OECD). Lạm phát được dự báo sẽ đạt mục tiêu tại các nền kinh tế phát triển sớm hơn so với tại các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi.

#### *b) Chính sách tiền tệ*

Để đảm bảo triển vọng kinh tế toàn cầu và ứng phó với những thách thức hiện tại, các chính sách cần được điều chỉnh cẩn thận để giảm thiểu biến động tỷ giá và duy trì sự ổn định tài chính. Việc đồng USD tăng giá do lạm phát ở Mỹ có thể gây áp lực lên các quốc gia phụ thuộc vào nhập khẩu và nợ ngoại tệ. IMF khuyến nghị áp dụng linh hoạt tỷ giá và sử dụng các biện pháp can thiệp tạm thời khi cần thiết, đồng thời củng cố các bộ đệm vĩ mô để đối phó với căng thẳng thị trường.

Trong bối cảnh lạm phát giảm dần, các ngân hàng trung ương lớn chuyển sang nói lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng và việc làm. “Hạ cánh mềm” (soft landing) là một từ khóa được nhắc tới

nhieu trong suốt năm 2024. Đây là thuật ngữ chỉ tình trạng kinh tế mà ở đó chính sách tiền tệ thắt chặt đưa lạm phát giảm về mục tiêu nhưng không gây ra sự sụt giảm mạnh trong tốc độ tăng trưởng kinh tế. Trên thực tế, hầu hết các nền kinh tế lớn của thế giới, nhất là kinh tế Hoa Kỳ, đã tiến gần tới trạng thái “hạ cánh mềm” trong năm 2024, với tốc độ lạm phát tiến gần về mục tiêu 2% mà các ngân hàng trung ương đề ra, nhưng nền kinh tế không rơi vào suy thoái hay sụt tốc mạnh. Tuy chưa thể tuyên bố chiến thắng trong cuộc chiến chống lạm phát, các nhà hoạch định chính sách tiền tệ đã có thể đi đến quyết định xoay trục chính sách tiền tệ.

Các ngân hàng trung ương lớn như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB), Ngân hàng Trung ương Anh (BOE), Ngân hàng Trung ương Thụy Sĩ (SNB)... đều đã khởi động chu kỳ nới lỏng. Cùng với đó, ngân hàng trung ương các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển cũng bắt đầu giảm lãi suất theo. Việc cắt giảm lãi suất trên toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục diễn ra trong năm 2025, nhưng mức độ giảm sẽ tùy thuộc vào mỗi nền kinh tế cụ thể.

Theo IMF, sau khi lập đỉnh ở mức 9,4% vào quý 3/2022, lạm phát toàn phần trên toàn cầu được dự báo sẽ giảm về mức 3,5% vào cuối năm 2025, thấp hơn một chút so với mức bình quân trong 2 thập kỷ trước đại dịch. Dù vậy, lạm phát lõi, nhất là giá dịch vụ, có thể cao dai dẳng ở một số nền kinh tế như Mỹ, khiến các ngân hàng trung ương phải tính toán kỹ lưỡng khi giảm lãi suất.

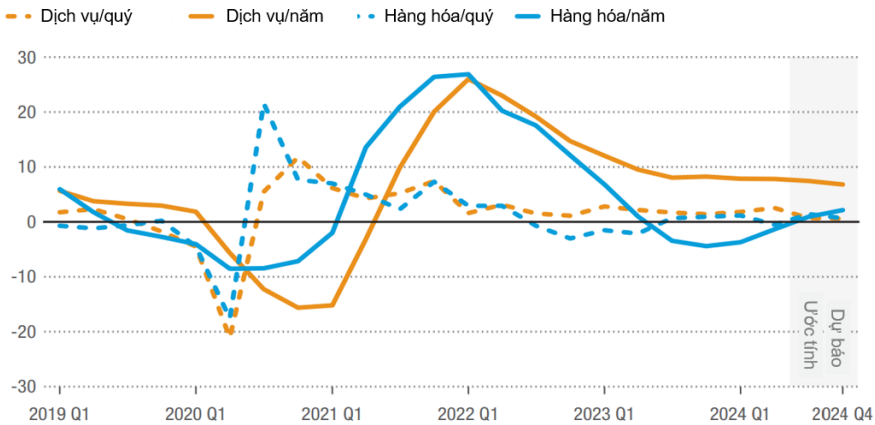
## **1.2. THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**

### **1.2.1. Thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu**

#### *a) Thương mại toàn cầu*

Thương mại toàn cầu dự kiến sẽ đạt mức kỷ lục 33 nghìn tỷ USD vào năm 2024, tăng 1 nghìn tỷ USD so với năm 2023, tương đương mức tăng 3,3%. Đóng góp vào sự tăng trưởng này là cả thương mại hàng hóa và dịch vụ, trong đó thương mại dịch vụ tăng trưởng mạnh mẽ hơn, đạt 7%, so với mức tăng 2% của thương mại hàng hóa. Một trong những nguyên nhân chính là do lạm phát giá dịch vụ.





*Nguồn: Tính toán của UNCTAD dựa trên số liệu thống kê quốc gia*

**Hình 1.7. Tăng trưởng hàng năm và hàng quý về thương mại hàng hóa và dịch vụ**

Năm 2024 chứng kiến thương mại toàn cầu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ từ nửa cuối năm 2023. Trong ba quý đầu năm 2024, các nước đang phát triển thường ghi nhận tốc độ tăng trưởng thương mại vượt trội so với các nước phát triển. Tuy nhiên, sang quý 4, xu hướng này đảo ngược, khi các nền kinh tế phát triển trở thành động lực chính cho sự tăng trưởng thương mại. Ngược lại, khu vực Đông Á chứng kiến sự đình trệ trong tăng trưởng thương mại, thậm chí một số nền kinh tế đang phát triển lớn nhất Châu Á còn ghi nhận mức tăng trưởng âm.

*b) Thương mại ở một số nền kinh tế lớn và một số khu vực*

Thương mại hàng hóa cho thấy các xu hướng trái chiều giữa các nền kinh tế lớn. Mỹ và Brazil là hai quốc gia ghi nhận sự tăng trưởng thương mại, cả xuất khẩu và nhập khẩu, trong quý 3 và cả năm. Trong quý 3, nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng mạnh hơn so với xuất khẩu (tăng 4% và 1%), trong khi đó thì xuất và nhập khẩu của Brazil đều tăng 1%. Một số nước lớn khác cũng ghi nhận tăng trưởng thương mại hàng hóa trong quý 3 như Nhật Bản (cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng 5%), Hàn Quốc (xuất và nhập khẩu hàng hóa đều tăng 1%), Nam Phi (nhập khẩu tăng mạnh gấp 4 lần xuất khẩu, 8% và 2%), Liên minh Châu Âu (nhập khẩu tăng mạnh gấp 2 lần xuất khẩu, 4% và 2%). Trong khi đó, một số nền kinh tế lớn như Trung Quốc và Ấn Độ lại ghi nhận sự sụt giảm, cụ thể trong quý 3 xuất khẩu (giảm 2% với Trung Quốc và 3%

với Ấn Độ) giảm mạnh hơn so với nhập khẩu (đều giảm 1% ở cả hai quốc gia). Liên bang Nga thì đa phần các chỉ số thương mại hàng hóa đều giảm, ngoại trừ nhập khẩu trong quý 3 tăng 4%.

Thương mại dịch vụ tiếp tục tăng trưởng trong quý 3 năm 2024, nhưng với tốc độ chậm hơn so với số liệu hàng năm, cho thấy xu hướng tích cực trong thương mại dịch vụ có thể đã đạt đỉnh đối với hầu hết các nền kinh tế. Tăng trưởng vẫn mạnh trong thương mại dịch vụ đối với Liên minh Châu Âu (cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng 6%) và Hàn Quốc (cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng 5%), cũng như trong nhập khẩu của Brazil (tăng 11%) và Liên bang Nga (tăng 8%), và trong xuất khẩu của Trung Quốc (tăng 9%). Tuy nhiên, nhập khẩu dịch vụ đối với Trung Quốc đã giảm tốc đáng kể (giảm 1%).

Trong quý 3 năm 2024, các nước phát triển đã đảo ngược xu hướng giảm trước đó, với nhập khẩu và xuất khẩu đều tăng trưởng mạnh mẽ, lần lượt là 3% và 2%. Ngược lại, các nước đang phát triển chứng kiến hiệu suất thương mại yếu hơn, với mức tăng trưởng xuất khẩu giảm xuống dưới mức trung bình hàng năm (chỉ tăng 1% trong quý 3 so với mức trung bình năm là 3%) và nhập khẩu sụt giảm (giảm 1% trong quý 3). Tuy nhiên, thương mại của các nước đang phát triển phần lớn vượt trội hơn thương mại của các nước phát triển trên cơ sở hàng năm, cụ thể xuất khẩu và nhập khẩu của các nước đang phát triển tăng 2% và 3%, trong khi đó các nước phát triển lại ghi nhận sự sụt giảm về xuất khẩu và nhập khẩu (đều giảm 2%). Tăng trưởng thương mại Nam - Nam giảm 1% trong quý 3 năm 2024, chủ yếu là do tăng trưởng thương mại dưới mức trung bình của khu vực Đông Á.

**Bảng 1.2: Tăng trưởng thương mại hàng hóa theo nhóm nước**

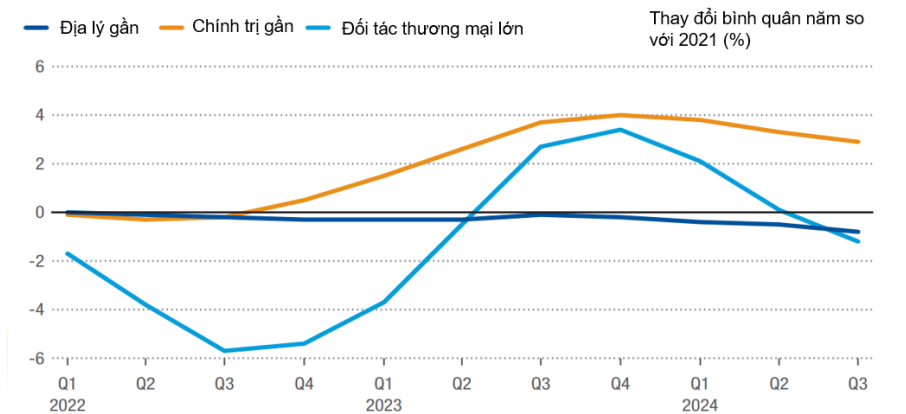
Khu vực	Tăng trưởng quý		Tăng trưởng năm	
	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu
Các nước phát triển	3%	2%	-2%	-2%
Các nước đang phát triển	-1%	1%	3%	2%
Thương mại Nam - Nam	-1%		4%	
Các nước đang phát triển (không gồm Đông Á)	1%	1%	2%	0%
Thương mại Nam - Nam (không gồm Đông Á)	1%		2%	

Nguồn: UNCTAD (2024)

Hầu hết các khu vực đều có tăng trưởng thương mại tổng thể tích cực trong quý 3 năm 2024, tuy nhiên, thương mại đã giảm ở khu vực Tây và Nam Á (xuất và nhập khẩu đều giảm 1%), cũng như trong nhập khẩu của khu vực Thái Bình Dương (giảm 1%). Tăng trưởng xuất khẩu chậm lại ở Đông Á (tăng 1%) và Châu Phi nhưng tăng ở Bắc Mỹ và Châu Âu. Tăng trưởng thương mại nội khu vực nói chung là tích cực trong quý 3 năm 2024, ngoại trừ ở Bắc Mỹ và Châu Phi. Trên cơ sở hàng năm, tăng trưởng thương mại mạnh hơn ở Bắc Mỹ và Đông Á, trong khi tiêu cực ở Châu Âu, Liên bang Nga và ở khu vực Thái Bình Dương.

### *Sự phụ thuộc thương mại*

Kể từ nửa cuối năm 2022, đã có sự thay đổi đáng kể theo hướng gia tăng các mối quan hệ thương mại giữa các nước có sự gần gũi hay liên kết chính trị. Sự thay đổi này cho thấy thương mại song phương ngày càng có lợi cho các quốc gia có vị thế địa chính trị tương tự, một xu hướng thường được gọi là friend-shoring. Đến nửa cuối năm 2023, xu hướng này bắt đầu ổn định. Đồng thời, thương mại toàn cầu đã tập trung nhiều hơn vào các đối tác thương mại lớn, mặc dù xu hướng này bắt đầu đảo ngược vào năm 2024.



Nguồn: UNCTAD (2024)

**Hình 1.8. Xu hướng thương mại theo địa lý gần (nearshoring), chính trị gần (friendshoring) và đối tác thương mại lớn (trade concentration)**

Các vấn đề địa kinh tế tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc định hình các xu hướng thương mại song phương. Những yếu tố này không chỉ tác động đến thương mại giữa các nền kinh tế lớn mà còn có thể ảnh hưởng đến động lực thương mại của họ với các đối tác thương

mại khác. Một yếu tố quan trọng khác tác động đến thương mại song phương là các chuỗi giá trị đang liên tục được định hình lại. Các doanh nghiệp có xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng để giảm sự phụ thuộc vào một nhà cung cấp hay quốc gia nào đó. Hoạt động sản xuất cũng đang chuyển hướng sang các trung tâm sản xuất theo khu vực, giảm sự phụ thuộc vào các chuỗi cung ứng toàn cầu dài và phức tạp. Những thay đổi này có thể dẫn đến việc hình thành các mối quan hệ thương mại mới giữa các quốc gia.

Sự phụ thuộc của một nền kinh tế vào một nền kinh tế khác được tính bằng tỷ lệ thương mại song phương của hai bên trên tổng thương mại của nền kinh tế phụ thuộc. Một số quốc gia tăng phụ thuộc thương mại vào Trung Quốc như Liên bang Nga (tăng 3,7%), Brazil (tăng 2,1%); trong khi đó nhiều quốc gia lại ghi nhận sự sụt giảm sự phụ thuộc thương mại với Trung Quốc như Philippines (giảm 2,4%), Hàn Quốc (giảm 1,1%), Anh (giảm 0,6%), Việt Nam (giảm 0,6%), Mỹ (giảm 0,4%). Bảng số liệu cũng cho thấy có tới 6/10 quốc gia được liệt kê ở đây gia tăng sự phụ thuộc thương mại vào Mỹ, bao gồm Malaysia (tăng 1,7%), Việt Nam (tăng 1,4%), Hàn Quốc (tăng 1,2%), Nhật Bản (tăng 1%), Liên minh Châu Âu (tăng 0,3%), Anh (tăng 0,2%). Như vậy, năm 2024, Việt Nam tăng sự phụ thuộc vào Mỹ trong khi đó lại giảm sự phụ thuộc thương mại vào Trung Quốc. Diễn biến này ngược lại với năm 2023 (tăng phụ thuộc thương mại vào Trung Quốc là 1,4%, trong khi giảm phụ thuộc thương mại vào Mỹ là 0,9%). Điều này cho thấy tính chất linh hoạt trong tương quan thương mại của Việt Nam với Mỹ và Trung Quốc. Trong khi đó, Liên bang Nga ghi nhận sự suy giảm phụ thuộc thương mại hai năm liên tiếp 2023-2024 với Liên minh Châu Âu, và đều ở mức cao nhất, giảm 5,3% năm 2023 và tiếp tục giảm 5,1% năm 2024. Ngược lại, với Trung Quốc thì Nga lại gia tăng sự phụ thuộc thương mại liên tiếp trong hai năm gần đây và cũng đều ở mức cao nhất, cụ thể năm 2023 tăng 7,1% và năm 2024 tăng 3,7%.

**Bảng 1.3. Xu hướng phụ thuộc lẫn nhau về thương mại**

Gia tăng phụ thuộc thương mại		Thay đổi/năm	Suy giảm phụ thuộc thương mại		Thay đổi/năm
Chi phối	Phụ thuộc		Chi phối	Phụ thuộc	
Liên bang Nga	Trung Quốc	3,7%	Liên bang Nga	EU	-5,1%
Brazil	Trung Quốc	2,1%	Australia	Nhật Bản	-2,4%
Liên bang Nga	Ấn Độ	1,8%	Philippines	Trung Quốc	-2,4%
Malaysia	Hoa Kỳ	1,7%	Thái Lan	Nhật Bản	-1,3%
Việt Nam	Hoa Kỳ	1,4%	Hàn Quốc	Trung Quốc	-1,1%
Hàn Quốc	Hoa Kỳ	1,2%	Brazil	EU	-0,6%
Nhật Bản	Hoa Kỳ	1,0%	Hoa Kỳ	Trung Quốc	-0,6%
Hoa Kỳ	Mexico	0,4%	Việt Nam	Trung Quốc	-0,6%
EU	Hoa Kỳ	0,3%	Trung Quốc	EU	-0,5%
Anh	Hoa Kỳ	0,2%	Hoa Kỳ	Trung Quốc	-0,4%

Nguồn: UNCTAD (2024)

*c) Thương mại theo lĩnh vực*

Tăng trưởng thương mại đã cho thấy sự thay đổi đáng kể giữa các ngành trong bốn quý vừa qua. Điều này đặc biệt rõ ràng trong Q3 năm 2024, khi tăng trưởng thương mại toàn cầu rõ rệt nhất trong các ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), chẳng hạn như thiết bị truyền thông và thiết bị văn phòng đều tăng 13% trong quý 3, cũng như trong ngành may mặc - tăng 14% trong quý 3. Mặt khác, giá trị thương mại toàn cầu giảm đối với các ngành như phương tiện đường bộ, dệt may, kim loại và năng lượng lần lượt giảm 3%, 4%, 3% và 2% trong quý 3. Trên cơ sở hàng năm, thương mại toàn cầu vẫn ở mức âm trong một số ngành, bao gồm may mặc, hóa chất, năng lượng, kim loại và các ngành sản xuất khác. Sự không đồng nhất này làm nổi bật sự phục hồi không đồng đều và động lực thay đổi trong thương mại toàn cầu, với một số ngành tiếp tục tụt hậu trong khi những ngành khác lại tăng trưởng.

**Bảng 1.4. Tăng trưởng thương mại theo lĩnh vực**

STT	Lĩnh vực	Quý 3	Cả năm
1	Nông nghiệp - lương thực	-1%	-1%
2	Trang phục	+14%	-5%
3	Hóa chất	-0%	-4%
4	Thiết bị truyền thông (Communication Equipment)	+13%	+1%
5	Năng lượng (Energy)	-2%	-7%
6	Máy móc	+3%	+2%
7	Kim loại (Metals)	-3%	-3%
8	Khoáng sản	-1%	-1%
9	Thiết bị văn phòng (Office Equipment)	+13%	+15%
10	Sản xuất khác	+3%	-2%
11	Dược phẩm	-1%	+11%
12	Thiết bị (cơ khí) chính xác	+2%	+1%
13	Phương tiện đường bộ (Road Vehicles)	-3%	+4%
14	Dệt may (Textiles)	-4%	-0%
15	Vận tải	+3%	+6%

Nguồn: UNCTAD (2024)

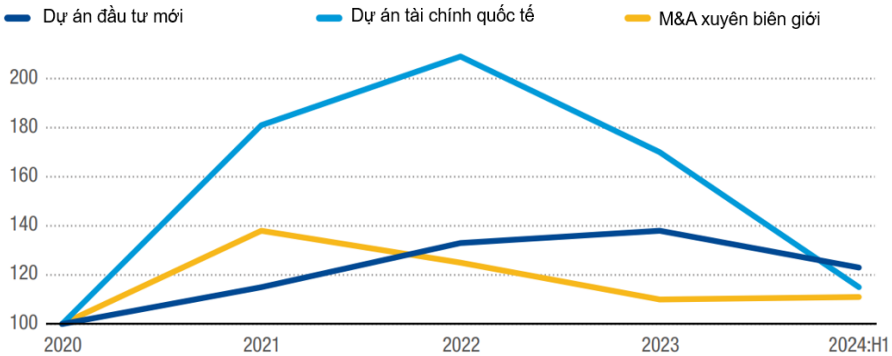
### 1.2.2. Đầu tư toàn cầu

#### a) Tổng quan tình hình đầu tư toàn cầu

Năm 2024, dòng vốn FDI toàn cầu ước đạt 1,4 nghìn tỷ USD, tăng 11% so với năm 2023. Tuy nhiên, nếu không tính dòng tài chính thông qua các nền kinh tế kênh dẫn<sup>1</sup> ở Châu Âu thì FDI toàn cầu đã giảm khoảng 8%. Các thông báo về dự án đầu tư mới, chủ yếu trong các lĩnh vực công nghiệp, đã giảm 8% về số lượng và 7% về giá trị. Mặc dù giảm, giá trị của các dự án đầu tư mới vẫn ở mức cao, chỉ đứng sau mức kỷ lục đạt được vào năm 2023, do các khoản đầu tư quy mô lớn vào sản xuất chất bán dẫn và công nghệ AI. Hoạt động M&A xuyên biên giới có số lượng giao dịch giảm 13%, nhưng tổng giá trị tăng 2%. Tài chính dự án quốc tế, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực cơ sở hạ

<sup>1</sup>Nền kinh tế kênh dẫn (conduit economies) là các quốc gia được sử dụng làm trung gian cho các luồng đầu tư, như một điểm dừng chân vì lý do tài chính (ví dụ tối ưu hóa thuế) chứ không phải để sản xuất hàng hóa và dịch vụ thực tế.

tăng, tiếp tục xu hướng giảm, với số lượng giao dịch giảm 26% và giá trị giảm 31%. Tính cho cả giai đoạn 2000-2024 thì tài chính dự án quốc tế ghi nhận sự biến động mạnh mẽ nhất, đạt mức kỷ lục vào năm 2022 nhưng lại ghi nhận đà giảm vào hai năm gần đây.



**Hình 1.9. Số lượng dự án đầu tư toàn cầu (tham chiếu 2020=100)**

Tài chính dự án quốc tế bao gồm các thông báo về các dự án quy mô lớn liên quan đến nhiều nhà đầu tư và có một phần nợ đáng kể. Các dự án này chủ yếu thuộc lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng và do đó đặc biệt liên quan đến đầu tư cho các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Nhìn chung, môi trường đầu tư toàn cầu vẫn còn nhiều thách thức đối với các lĩnh vực quan trọng để đạt được Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) ở các nước đang phát triển, vốn phụ thuộc đặc biệt vào nguồn tài chính dự án quốc tế. Số lượng các khoản đầu tư liên quan đến SDG đã giảm 11% vào năm 2024. Nếu so với năm 2015 - khi SDG được thông qua thì năm 2024 tài chính dự án quốc tế ghi nhận sự tăng trưởng trong một số lĩnh vực như năng lượng tái tạo (tăng 53%), y tế và giáo dục (tăng 20%), trong khi đó ba lĩnh vực - cơ sở hạ tầng, hệ thống nông nghiệp và thực phẩm, nước và vệ sinh ghi nhận mức sụt giảm dự án được tài trợ quốc tế, tương ứng với các mức giảm là 5%, 14% và 39%.

*b) FDI tại một số nền kinh tế và một số khu vực*

*Tại các nền kinh tế phát triển*

Các giao dịch của các doanh nghiệp đa quốc gia (MNE) ở các nền kinh tế kênh dẫn tiếp tục ảnh hưởng đến dòng vốn FDI ở các nước phát triển. Nếu không tính các nền kinh tế kênh dẫn, FDI ở Châu Âu đã giảm 45%. Sự sụt giảm FDI được ghi nhận ở 18 trong số 27 quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu, đặc biệt tại các nền kinh tế lớn, cụ thể

Đức và Ba Lan giảm 60%, Ý giảm 35%, và Tây Ban Nha và Pháp lần lượt giảm 13% và 6%. Ngược lại, FDI tăng 13% ở Bắc Mỹ, với mức tăng 10% ở Hoa Kỳ chủ yếu là do giá trị các thương vụ M&A cao.

Hoạt động M&A xuyên biên giới, thường chiếm tỷ trọng lớn trong FDI ở các nước phát triển, tăng 19% lên 364 tỷ đô la chủ yếu là do doanh số M&A tăng 80% tại Hoa Kỳ. Các thương vụ lớn ở các nước phát triển bao gồm một nhóm các nhà đầu tư mua lại mảng kinh doanh mạng cố định của Telecom Italia SpA (Ý) với giá 24 tỷ đô la, Aon PLC (Ireland) mua công ty bảo hiểm NFP Corp (Hoa Kỳ) với giá 13 tỷ đô la và Carrier Global Corp (Hoa Kỳ) mua Viessmann Climate Solutions SE (Đức) với giá 13 tỷ đô la. Cũng có những đợt thoái vốn đáng chú ý cho các công ty trong nước vào năm 2024, bao gồm việc Ngân hàng Hoàng gia Canada mua lại hoạt động của Ngân hàng HSBC tại Canada với giá 10 tỷ đô la và việc sáp nhập Masmovil Ibercom SA (Masmovil) (Tây Ban Nha) với hoạt động của Orange Espagne SA (Pháp) tại Tây Ban Nha với giá 8 tỷ đô la.

**Bảng 1.5 . Xu hướng đầu tư năm 2024 so với 2023**

Khu vực	Giá trị FDI	Tăng trưởng (%)		
		FDI	Dự án đầu tư mới	Dự án tài chính quốc tế
Thế giới	1378	+11(-8)*	-8	-26
Các nước phát triển	522	+43(-15)*	-10	-29
Châu Âu	104	...(-45)*	-23	-26
Bắc Mỹ	317	+13	+20	-34
Các nền kinh tế phát triển khác	101	+16	+11	-32
Các nước đang phát triển	854	-2	-6	-23
Châu Phi	94	+86	-22	-13
Mỹ La tinh và vùng Caribe	173	-9	-9	-24
Châu Á	588	-7	-2	-25

*Dấu \* có nghĩa là loại trừ các nền kinh tế dẫn vốn*

*Nguồn: UNCTAD (2025)*

Số lượng thông báo về dự án mới tại các nền kinh tế phát triển đã giảm 10%, giảm khoảng 1.000 dự án so với năm 2023, với mức giảm



lớn nhất được ghi nhận ở Đức, Ba Lan và Pháp. Tuy nhiên, các thông báo về dự án mới tại Bắc Mỹ đã tăng 20%, chủ yếu do giá trị dự án tăng gấp đôi ở Mỹ.

Giá trị của các dự án đầu tư mới chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các thông báo quan trọng trong ngành công nghiệp bán dẫn. Ba dự án bán dẫn lớn nhất, tất cả đều nhắm đến Mỹ, có tổng giá trị là 60 tỷ đô la, phản ánh những nỗ lực đang diễn ra nhằm đa dạng hóa chuỗi cung ứng và thúc đẩy sản xuất trong nước. Tổng giá trị của các dự án mới tại các nền kinh tế phát triển đã tăng 15%, với giá trị trung bình cao hơn mọi năm. Năm 2024, giá trị dự án tăng đáng kể tại Hoa Kỳ (+93%, đạt 266 tỷ đô la), Vương quốc Anh (+32%, lên 85 tỷ đô la) và Ý (+71%, lên 43 tỷ đô la).

Các giao dịch tài trợ dự án quốc tế tại các nền kinh tế phát triển đã giảm 29%, tiếp tục xu hướng giảm được quan sát thấy vào năm 2023. Sự sụt giảm này diễn ra trên diện rộng trong tất cả các ngành và quốc gia với rất ít ngoại lệ.

#### *Tại các nền kinh tế đang phát triển*

FDI chảy đến các nền kinh tế đang phát triển tiếp tục giảm 2% vào năm 2024, sau khi đã giảm 6% vào năm 2023. Thông báo đầu tư mới ở các nước đang phát triển giảm 6% về số lượng và 24% về giá trị. Sự gia tăng số lượng các dự án sản xuất trong năm 2023 đã không lặp lại vào năm 2024. Sự suy giảm lớn nhất về số lượng dự án đầu tư mới đã diễn ra ở Châu Phi (giảm gần 200 dự án) và Châu Á (giảm gần 150 dự án). Thứ hai, tài chính dự án quốc tế giảm 23% về số lượng và 33% về giá trị, chủ yếu ở Châu Á. Một số thị trường mới nổi, bao gồm Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia và Mexico ghi nhận số lượng dự án tài trợ quốc tế lớn hơn đáng kể so với mức trung bình toàn cầu. Thứ ba, giá trị giao dịch M&A xuyên biên giới, chiếm một phần tương đối nhỏ trong FDI tại các nước đang phát triển, cũng thấp hơn 50 tỷ đô la so với năm 2023. Các đợt thoái vốn đáng chú ý bao gồm Iberdrola (Tây Ban Nha) bán 55% cổ phần cho Mexico Infrastructure Partners SA de CV (Mexico) với giá 6,6 tỷ đô la.

Châu Á hiện đang là khu vực thu hút vốn FDI lớn nhất toàn cầu. Tuy nhiên, trong năm 2024, khu vực này ghi nhận mức sụt giảm 7% so với năm trước. Trong số các nền kinh tế lớn nhất Châu Á, Trung Quốc là một trong những quốc gia có lượng vốn FDI giảm mạnh nhất, với mức giảm 29% và đây là năm thứ hai liên tiếp quốc gia này chứng kiến

sự sụt giảm. Dòng vốn FDI vào Trung Quốc hiện giảm khoảng 40% so với mức đỉnh đạt được vào năm 2022. Trái ngược với xu hướng đó, dòng vốn FDI vào khu vực ASEAN tăng nhẹ 2%, đạt mức kỷ lục mới ước tính khoảng 235 tỷ USD. Ấn Độ cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 13% trong dòng vốn FDI.

*c) Theo hình thức và lĩnh vực đầu tư*

Sau giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ vào năm 2022 và 2023, các thông báo về dự án đầu tư mới trong năm 2024 đều ghi nhận sự sụt giảm về cả giá trị (-7%) và số lượng (-8%). Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là sự xuất hiện của nhiều dự án quy mô lớn, với giá trị đầu tư vượt mốc 10 tỷ USD, hứa hẹn tạo ra nhiều việc làm mới (Bảng 1.6). Đặc biệt, Hoa Kỳ đã công bố 3 dự án đầu tư lớn trong lĩnh vực bán dẫn, đặt tại Đài Loan, Hàn Quốc và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE).

Lĩnh vực cung cấp năng lượng và khí đốt cũng chứng kiến sự suy giảm 25% về giá trị đầu tư, chủ yếu do sự sụt giảm đáng kể tại Châu Âu, Châu Á và Châu Phi. Ngược lại, sản xuất than cốc và dầu mỏ tinh chế lại ghi nhận mức tăng trưởng 10%, được thúc đẩy bởi dự án đầu tư lớn nhất năm 2024. Cụ thể, Petronas (Malaysia) và YPF (Argentina) đã cam kết đầu tư hơn 30 tỷ USD để phát triển một nhà máy khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) tại Argentina.

Năm 2024, các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất đã giảm 5% về số lượng và 2% về giá trị. Tuy nhiên, một sự thay đổi đáng chú ý là sự phân hóa trong dòng vốn đầu tư: giá trị đầu tư tăng lên tại các nền kinh tế phát triển, trong khi lại giảm xuống ở các nước đang phát triển, đảo ngược xu hướng tăng trưởng của năm 2023.

Hai quốc gia nổi bật với mức tăng trưởng kỷ lục trong lĩnh vực sản xuất là Hoa Kỳ và Ấn Độ. Tại Hoa Kỳ, sự gia tăng giá trị đầu tư được thúc đẩy bởi các dự án bán dẫn quy mô lớn và các dự án sản xuất ô tô. Trong khi đó, tại Ấn Độ, các dự án bán dẫn và kim loại cơ bản là động lực chính cho sự tăng trưởng này. Ngoài ra, các dự án bán dẫn cũng được ghi nhận tại các quốc gia khác như Ý và Singapore, cho thấy sự quan tâm ngày càng tăng đối với lĩnh vực công nghệ cao này trên toàn cầu.

**Bảng 1.6. Top 10 dự án đầu tư mới lớn nhất được công bố năm 2024**

Nước tiếp nhận đầu tư	Lĩnh vực	Nước chủ đầu tư	Công ty mẹ	Ước tính chi phí vốn (tỷ USD)	Ước tính việc làm mới
Malaysia	Than cốc và dầu mỏ tinh chế	Argentina	Petronas	30	3.000
Đài Loan, Trung Quốc	Chất bán dẫn	Hoa Kỳ	Taiwan Semiconductor Manufacturing	25	1.100
Hàn Quốc	Chất bán dẫn	Hoa Kỳ	Samsung Group	24	3.000
Luxembourg	Sản phẩm kim loại	Ấn Độ	ArcelorMittal	16.5	20.000
Hoa Kỳ	Than cốc và dầu mỏ tinh chế	Mexico	Mexico Pacific	15	2.800
Hoa Kỳ	Thông tin và truyền thông	Anh	QTS Realty Trust	13	1.600
UAE	Chất bán dẫn	Hoa Kỳ	Mubadala Investment Company	11	1.300
Đài Loan, Trung Quốc	Chất bán dẫn	Ấn Độ	Powerchip Technology	11	3.000
Hoa Kỳ	Thông tin và truyền thông	Anh	Amazon.com	10.5	3.000
Canada	Năng lượng tái tạo	Australia	Amp Energy	9.8	3.000

*Nguồn: UNCTAD (2025)*

Trong năm 2024, các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực dịch vụ đã chứng kiến sự sụt giảm cả về giá trị (-6%) và số lượng (-11%). Tương tự, các lĩnh vực khác như cung cấp năng lượng và khí đốt, vận tải và kho bãi (-25%) và xây dựng (-16%) cũng ghi nhận sự giảm sút về giá trị dự án. Tuy nhiên, lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT) lại cho thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ, với giá trị dự án tăng gần gấp đôi lên 200 tỷ

USD. Sự tăng trưởng này chủ yếu được thúc đẩy bởi đầu tư vào các trung tâm dữ liệu và xử lý dữ liệu (bảng 1.7). Sự phát triển của nền kinh tế kỹ thuật số và sự bùng nổ của các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) đã thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư vào cơ sở hạ tầng dữ liệu và sản xuất chất bán dẫn. Cả hai lĩnh vực này đều chiếm vị trí đáng kể trong danh sách các thông báo đầu tư mới lớn nhất. Lĩnh vực chất bán dẫn còn được hưởng lợi từ các chính sách công nghiệp nhằm đảm bảo nguồn cung chip và mở rộng năng lực sản xuất trong nước.

**Bảng 1.7. Các dự án đầu tư mới lớn nhất trong lĩnh vực xử lý dữ liệu công bố năm 2024**

Nước chủ đầu tư	Nước tiếp nhận đầu tư	Công ty mẹ	Ước tính chi phí vốn (triệu USD)	Ước tính việc làm mới
Hoa Kỳ	Anh	QTS Realty Trust	12.978	1.600
Hoa Kỳ	Anh	Amazon.com	10.460	3.000
Hoa Kỳ	Tây Ban Nha	QTS Realty Trust	8.170	200
Singapore	Nhật Bản	Global Logistic Properties	5.900	2.293
Hoa Kỳ	Ả Rập Xê Út	Amazon.com	5.300	1.653

*Nguồn: UNCTAD (2025)*

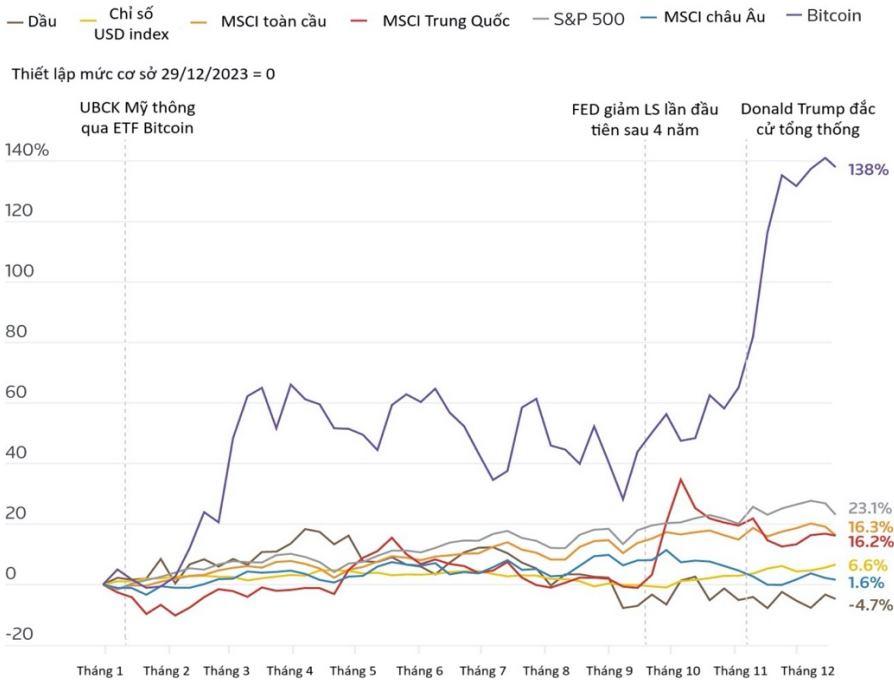
### 1.3. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

#### 1.3.1. Thị trường tài chính thế giới

Thị trường tài chính thế giới đã có những diễn biến đáng chú ý trong năm 2024 với những tăng trưởng mạnh mẽ của giá vàng, tiền điện tử và chứng khoán dù kinh tế toàn cầu phải đối mặt với không ít những thách thức.

##### *a) Thị trường chứng khoán*

Trong bối cảnh chiến sự ở Trung Đông và Ukraine, suy thoái kinh tế của Đức, sự hỗn loạn về ngân sách của Pháp và sự chững lại của kinh tế Trung Quốc, năm 2024 đánh dấu năm thứ hai liên tiếp chứng khoán thế giới đạt mức tăng trên 17%.



Nguồn: Reuters (2024)

### Hình 1.10. Diễn biến các chỉ số chứng khoán thế giới năm 2024

Ba chỉ số chứng khoán chính của Phố Wall đã thiết lập các đỉnh cao mới trong năm 2024. Chỉ số công nghiệp Dow Jones tăng trên 45.000 điểm, S&P 500 trên 6.000 và Nasdaq Composite trên 20.000. Dow Jones kết thúc năm tăng 13%, trong khi S&P 500 và Nasdaq có nhiều cổ phiếu công nghệ hơn, ghi nhận mức tăng hàng năm lần lượt là hơn 23% và 29%. Đây là lần đầu tiên kể từ năm 1998, chỉ số này đạt mức tăng trưởng trên 20% trong hai năm liên tiếp, với 57 kỷ lục mới được thiết lập. Từ lần đầu đạt đỉnh vào ngày 19/1 đến những bước nhảy vọt trong suốt năm 2024, thị trường chứng khoán Mỹ đã chứng minh sự ổn định và sức hút mạnh mẽ của mình, ngay cả khi đối mặt với những lo ngại về lạm phát và lãi suất cao. Nhóm 7 công ty công nghệ lớn nhất (Magnificent 7) gồm Apple, Microsoft, Google, Amazon, Meta, Tesla và Nvidia, hiện thống trị thị trường chứng khoán Mỹ, đã tăng gần 100% kể từ tháng 11/2023. Riêng cổ phiếu của Nvidia, công ty sản xuất bộ xử lý chạy các mô hình AI, bao gồm các ứng dụng như ChatGPT, đã tăng hơn 170% trong năm 2024.

Tại Châu Âu, cổ phiếu DAX trên sàn giao dịch Frankfurt phá vỡ mức 20.000 điểm và kết thúc năm với mức tăng 18,9% bất chấp cuộc khủng hoảng chính trị, trì trệ kinh tế và sự suy thoái của các nhà sản xuất ô tô. Chỉ số FTSE 100 trên sàn giao dịch London tăng 5,7% vào năm 2024 trong khi chỉ số CAC 40 của Pháp giảm 2.1% trong một năm nhiều biến động chính trị nội bộ.

Tại Châu Á, chỉ số Nikkei 225 của Tokyo tăng gần 20% trong năm 2024, cuối cùng đã vượt qua mức cao nhất từng thấy trước khi bong bóng tài sản của Nhật Bản nổ tung vào những năm 1990. Trong khi đó, cổ phiếu Trung Quốc đã có một năm đầy biến động, tăng gần 16% chỉ trong một tuần vào tháng 9/2024 sau khi Bắc Kinh ra tín hiệu sẵn sàng kích thích nền kinh tế đang suy yếu, với một số đợt giảm mạnh hàng tuần kể từ đó. Tính đến cuối năm 2024, cổ phiếu Trung Quốc tăng trưởng 14,5%.

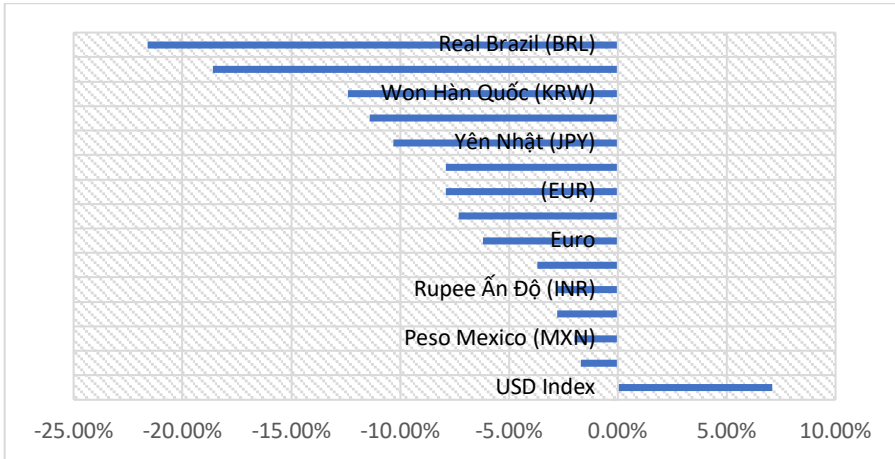
#### *b) Tỷ giá, lãi suất*

Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã đóng vai trò then chốt đối với sự tăng trưởng của thị trường Mỹ khi cắt giảm lãi suất 3 lần trong năm 2024, góp phần giảm bớt áp lực kinh tế và thúc đẩy thị trường.

Các ngân hàng trung ương của một số nước Châu Âu trong năm 2024 cũng đã cắt giảm lãi suất đã tăng để kiềm chế lạm phát. Thụy Sĩ đã bắt đầu hành động vào tháng 3, tiếp theo là Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) vào tháng 6 và Ngân hàng Anh (BoE). Với sự tăng trưởng trì trệ ở Khu vực đồng euro, ECB dự kiến sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất.

Năm qua, hầu hết các đồng tiền lớn đều giảm mạnh so với USD, trong đó đồng Euro đang về sát ngưỡng ngang giá USD sau khi giảm 6,2% năm 2024. Sụt mạnh nhất so với USD là đồng real của Brazil và rúp Nga với mức giảm lần lượt là 21,6% và 18,6%. Riêng đồng real giảm xuống mức thấp kỷ lục so với USD trong bối cảnh nhà đầu tư lo ngại về thâm hụt ngân sách chính phủ tăng nhanh và lạm phát cao dai dẳng tại quốc gia này. Dollar Canada cũng giảm 7,9% do lo ngại Mỹ tăng thuế quan với hàng hóa từ nước này.

Tại Châu Á, các đồng tiền lớn cũng có diễn biến tương tự, với won Hàn Quốc giảm mạnh nhất (12,4%). Yên Nhật và Nhân dân tệ của Trung Quốc lần lượt giảm 10,3% và 2,8% so với USD.



Nguồn: TradingView

**Hình 1.11. Diễn biến tỷ giá các đồng tiền lớn với USD năm 2024**

### 1.3.2. Những vấn đề nổi bật

#### a) Giảm phát đe dọa tài chính bền vững

Trong năm 2024, giảm phát đã có những tác động đáng kể đến tài chính bền vững trên phạm vi toàn cầu.

Giảm phát đã làm tăng gánh nặng nợ công ở nhiều quốc gia. Khi giá cả giảm, giá trị thực của nợ tăng lên, gây áp lực lớn lên ngân sách quốc gia và khả năng trả nợ. Điều này đặc biệt nghiêm trọng ở các quốc gia có mức nợ công cao và hệ thống tài chính yếu.

Theo OECD trong Economic Outlook 2024, Trong năm 2024, Hoa Kỳ đã trải qua một giai đoạn giảm phát nhẹ, với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm 0.3% so với cùng kỳ năm trước. Điều này đã làm tăng gánh nặng nợ công, khi giá trị thực của nợ tăng lên. Báo cáo của IMF (As Inflation Recedes, Global Economy Needs Policy Triple Pivot) chỉ ra rằng giảm phát có thể làm giảm động lực đầu tư và tiêu dùng, gây áp lực lên tăng trưởng kinh tế.

Cũng theo OECD trong nghiên cứu “OECD: Global economy is turning the corner as inflation declines and trade growth strengthens”, Khu vực đồng Euro cũng đối mặt với nguy cơ giảm phát trong năm 2024, với CPI giảm 0.5%. OECD cảnh báo rằng giảm phát có thể làm giảm lợi nhuận doanh nghiệp và tăng tỷ lệ thất nghiệp, gây ra những thách thức lớn cho tài chính công.

Theo báo cáo “Economic dynamics in Asia: Japan’s revival, China’s challenges, and India’s emergence” của tác giả Nico

Luchsinger (2025), Nhật Bản tiếp tục đối mặt với giảm phát, với CPI giảm 0.7% trong năm 2024. Báo cáo của ADB cũng nhấn mạnh rằng giảm phát kéo dài đã làm giảm tiêu dùng và đầu tư, gây ra tình trạng trì trệ kinh tế kéo dài đối với Nhật Bản.

OECD trong Economic Outlook 2024 đánh giá Trung Quốc đã trải qua một giai đoạn giảm phát nhẹ trong năm 2024, với CPI giảm 0.4%. OECD cho biết giảm phát có thể là nguyên nhân chính gây giảm động lực đầu tư và tăng trưởng kinh tế, đồng thời gây áp lực lên hệ thống tài chính của Trung Quốc.

Theo đánh giá của Nico Luchsinger (2025), các quốc gia Đông Nam Á cũng không miễn nhiễm với nguy cơ giảm phát. Báo cáo của ADB cho thấy giảm phát đã làm giảm thu nhập và tăng tỷ lệ thất nghiệp, gây ra những thách thức lớn cho tài chính công và phát triển bền vững tại khu vực kinh tế vốn được coi là một trong những động lực kháng cự suy thoái và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

#### *b) Gia tăng rủi ro tín dụng tư nhân*

Nguy cơ thị trường tín dụng tư nhân toàn cầu tăng trưởng quá nóng trong những năm gần đây trong bối cảnh lãi suất thấp kỷ lục và nằm ngoài tầm kiểm soát của các cơ quan quản lý đang mang đến những lo ngại về nguy cơ xuất hiện một cuộc khủng hoảng tài chính tương tự như cuộc khủng hoảng năm 2008 - 2009. Diễn biến này đến từ việc các công ty được cho là quá lớn hoặc quá rủi ro đối với các ngân hàng thương mại và quá nhỏ để niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán đã ngày càng chuyển sang các quỹ phi ngân hàng để vay tiền nhanh chóng, linh hoạt và bảo mật.

Tại Hoa Kỳ, nguồn vốn tín dụng tư nhân đã tăng theo cấp số nhân trong vài năm gần đây, khi các ngân hàng ngày càng thắt chặt cho vay, với nỗ lực cân bằng bảng cân đối kế toán để đáp ứng các quy định chặt chẽ hơn. Các nhà quản lý quỹ lớn, như Oaktree Capital Management, Apollo Global Management và Ares Management, cũng như các ngân hàng Phố Wall, trong đó có Goldman Sachs và Morgan Stanley, đang tích cực hoạt động trên các thị trường tín dụng tư nhân. Quy mô tín dụng tư nhân tại Hoa Kỳ hiện có thể so sánh với các khoản vay có đòn bẩy và thị trường trái phiếu lãi suất cao.

Tuy nhiên, những quy định trong lĩnh vực thị trường tài chính này khá lỏng lẻo và trong một suy thoái kinh tế nghiêm trọng có thể nhanh chóng làm lộ ra các yếu điểm khi chất lượng tín dụng có thể suy giảm



manh, dẫn đến vỡ nợ và tổn thất đáng kể (IMF, 2024). Cảnh báo của IMF được đưa ra chỉ vài tuần sau khi Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) đưa ra đánh giá về rủi ro ổn định tài chính do vốn cổ phần tư nhân gây ra, nơi mà các quỹ đầu tư cổ phần tư nhân được ví như “ngân hàng ngầm” đã tham gia vào khoảng 70% giao dịch tín dụng tư nhân. Một số “ngân hàng ngầm” lớn nhất bao gồm các quỹ do Apollo, Blackstone, KKR và Carlyle Group điều hành, những quỹ này đã thúc đẩy một số thỏa thuận vốn tư nhân lớn nhất trong thập kỷ qua. Một số công ty lớn nhất của Anh hiện đang được hỗ trợ bởi ngành công nghiệp vốn tư nhân, bao gồm các siêu thị như Asda và Morrisons.

Quy mô khổng lồ của thị trường tín dụng tư nhân có nghĩa là nợ quá mức và kỹ thuật tài chính đã trở thành những nguyên nhân gây lo ngại, trong khi sự ổn định tài chính đang bị đe dọa trước nguy cơ suy thoái kinh tế hoặc các cú sốc khác lớn hơn. Hơn nữa, sự thiếu minh bạch trên các thị trường tín dụng tư nhân có thể làm suy yếu niềm tin vào hệ thống và làm phức tạp thêm phản ứng pháp lý trong trường hợp có vấn đề. Theo IMF, “do hệ sinh thái này không rõ ràng và có tính liên kết cao, nếu tiếp tục tăng trưởng nhanh với sự giám sát hạn chế, các lỗ hổng hiện có có thể trở thành rủi ro hệ thống đối với hệ thống tài chính rộng lớn hơn”.

Nguy cơ rủi ro đến từ sự tăng trưởng nhanh chóng và sự chuyển đổi cấu trúc của việc vay nợ sang tín dụng tư nhân trên đã đặt ra bài toán về một cách tiếp cận giám sát và quản lý chủ động hơn đối với lĩnh vực này trong hệ thống tài chính toàn cầu.

### *c) Rủi ro mạng đe dọa ổn định tài chính vĩ mô*

Quá trình chuyển đổi số trong nền kinh tế và lĩnh vực tài chính đã làm gia tăng đáng kể rủi ro an ninh mạng, trong đó lĩnh vực tài chính - ngân hàng bị tấn công mạng thường xuyên hơn hầu hết các lĩnh vực khác do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ tài chính, thị trường tiền số và các loại hình dịch vụ tài chính mới.

Đối với lĩnh vực tài chính, các cuộc tấn công mạng phổ biến hơn sáu lần so với các lĩnh vực khác, nhưng chi phí trung bình lại thấp hơn, ở mức 1,7 triệu USD, điều này dường như là nhờ có sự quản lý và giám sát chặt chẽ hơn. Lĩnh vực tài chính thường xuyên bị ảnh hưởng bởi gian lận, chiếm hơn 60% trong tất cả các sự cố so với 49% theo mẫu khảo sát các công ty thuộc tất cả các lĩnh vực. Đối với các ngân hàng, rủi ro an ninh mạng chỉ chiếm 0,2% trong tổng số tổn thất hoạt động,

nhưng tần suất xuất hiện những rủi ro này ngày càng tăng và tỉ lệ thu nhập của ngân hàng có thể bị ảnh hưởng bởi rủi ro an ninh mạng ước tính vào khoảng 0,2 - 4,2% (Aldasaro I. et al., 2020). Tuy nhiên, tổn thất tiềm ẩn từ các cuộc tấn công nghiêm trọng mang tính hệ thống vào cơ sở hạ tầng tài chính có thể rất lớn. Theo khảo sát của Ngân hàng Thanh toán quốc tế (BIS), ước tính của các ngân hàng trung ương về tổn thất tiềm năng từ các cuộc tấn công mạng vào hệ thống tài chính có thể lên tới 5% GDP hằng năm, nhưng một số NHTW ở các nước đang phát triển đưa ra ước tính trên 10% GDP. Hơn nữa, những thiệt hại từ các cuộc tấn công mạng đã xảy ra đối với lĩnh vực tài chính trong giai đoạn 2020 - 2021 đã tăng lên: Thông thường, mức tăng này được ước tính trong khoảng 20%, nhưng gần 1/3 NHTW ở các nước phát triển tin rằng nó vượt quá 20% (Sebastian Doerr et al., 2022).

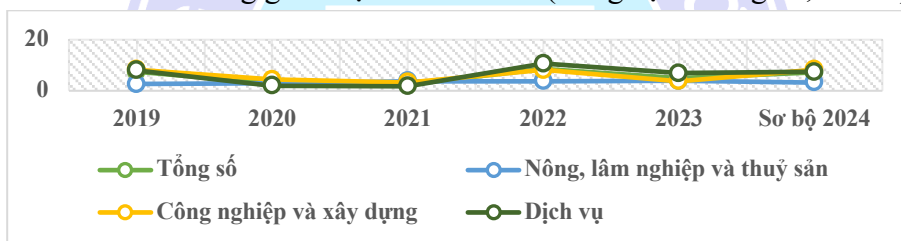
Sự cần thiết phải đối phó với những rủi ro ngày càng tăng của các mối đe dọa an ninh mạng đã dẫn đến sự gia tăng đáng kể ngân sách của các ngân hàng trung ương dành cho công nghệ thông tin. Tuy nhiên, theo một cuộc khảo sát gần đây của IMF đối với 51 quốc gia, hầu hết các cơ quan giám sát tài chính trong các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi chưa đưa ra các quy định về an ninh mạng hoặc xây dựng các nguồn lực để thực thi.

## PHẦN 2: TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM 2024

### 2.1. TĂNG TRƯỞNG VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

#### 2.1.1. Tăng trưởng sản lượng

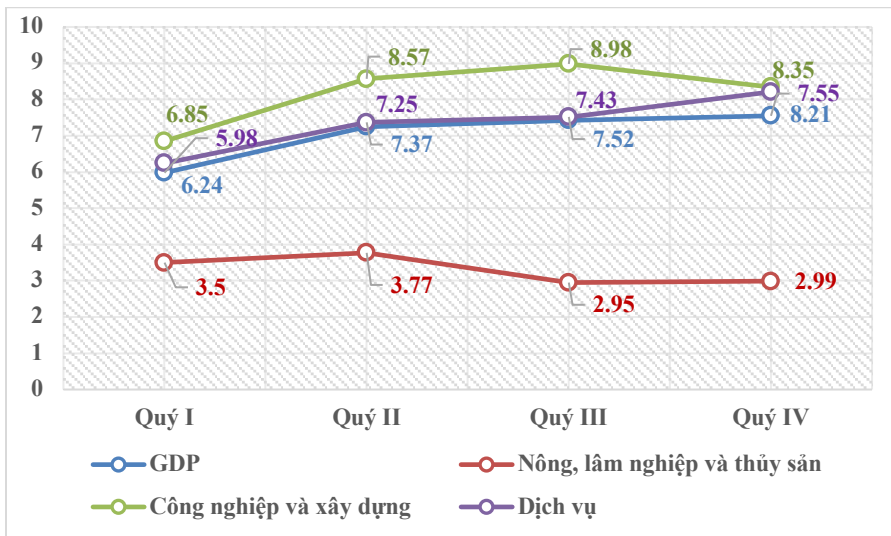
Về tốc độ tăng trưởng kinh tế, năm 2024, GDP ước tính tăng 7,09% so với năm trước, là mức tăng trưởng ấn tượng trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, nhiều quốc gia được dự báo tăng trưởng thấp. Tốc độ tăng GDP năm 2024 đã vượt mục tiêu 6-6,5% đã đề ra; tuy nhiên, vẫn thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2019 và 2022 trong giai đoạn 2019-2024. (Tổng cục Thống kê, 2025a)



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

Hình 2.1. Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2018 - 2024

Đổi chiếu với dữ liệu dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) trước đó, quy mô GDP Việt Nam thực tế đã đạt kết quả cao hơn so với dự báo. Theo dự báo của IMF, quy mô GDP của Việt Nam năm 2024 ước đạt khoảng 448,4 tỷ USD, xếp thứ 5 trong khu vực; trong khi đó, con số thực tế về quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 đạt trên 476 tỷ USD, Việt Nam có khả năng vượt Philippines để trở thành nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á. Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện, thể hiện qua chỉ tiêu GDP bình quân đầu người và năng suất lao động. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88% do trình độ của người lao động được cải thiện hơn (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 ước đạt 28,3%, cao hơn 1,1 điểm phần trăm so với năm 2023).



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

**Hình 2.2. Tốc độ tăng GDP và các khu vực kinh tế các quý của năm 2024 (%)**

Trong năm 2024, tốc độ tăng GDP được phục hồi và tăng dần ở các quý 2,3,4. Đặc biệt, tăng trưởng GDP quý 4 tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước, đã góp phần quan trọng vào kết quả tăng trưởng của cả năm 2024. Trong đó, phải kể tới đóng góp của nhóm ngành dịch vụ (với tốc độ tăng trưởng 8,21%); ngành công nghiệp và xây dựng (đạt 8,98% và 8,35% trong quý 3 và quý 4).

**Về các yếu tố chính tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế,** Việt Nam đã có tốc độ tăng trưởng vượt trội nhờ ngành chế biến chế tạo vững chắc, nhu cầu trong nước tăng và nhu cầu quốc tế phục hồi.

*Thứ nhất,* ngành công nghiệp tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2024 ước tính tăng 8,4% so với năm trước, cao nhất kể từ năm 2020 đến nay và vượt mục tiêu phân đầu đặt ra trong Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ. Chỉ số sản xuất một số ngành công nghiệp trọng điểm tiếp tục phát triển và có tốc độ tăng cao, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng toàn ngành công nghiệp: Dệt tăng 12,1%; sản xuất trang phục tăng 11,7%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 13,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 24,9%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 9,7%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 8,3%.

Quá trình phục hồi nhanh và yếu tố nền so sánh thấp của năm trước (3 quý đầu năm 2023 tăng trưởng thấp) đã khiến ngành công nghiệp đạt được tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 3 khu vực kinh tế.

*Thứ hai*, nhu cầu trong nước tăng trưởng nhanh là yếu tố quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý IV/2024 tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất trong 4 quý của năm 2024; vận chuyển hành khách tăng 9,2% và luân chuyển tăng 10,7%; vận chuyển hàng hóa tăng 12,8% và luân chuyển tăng 13,4%. Tính chung năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,0% so với năm trước; vận chuyển hành khách tăng 8,3% và luân chuyển tăng 11,6%; vận chuyển hàng hóa tăng 14% và luân chuyển tăng 11,8%. Các chính sách vĩ mô đã được thực hiện từ năm 2023 như giảm thuế VAT, hỗ trợ người tiêu dùng thông qua giảm phí, lệ phí...; cải cách tiền lương, nỗ lực giảm giá hàng hóa - dịch vụ từ phía các doanh nghiệp, các hình thức khuyến mãi mua sắm, chi tiêu du lịch trong nước... đã góp phần gia tăng sức mua nội địa vốn bị suy giảm từ thời dịch bệnh Covid-19. (Hạnh, 2025)

*Thứ ba*, xuất, nhập khẩu hàng hóa được coi là động lực nổi bật cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2024 nhờ nhu cầu thị trường quốc tế đang trên đà phục hồi. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Trong năm 2024 có 37 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 94,3% tổng kim ngạch xuất khẩu (trong đó có 8 mặt hàng xuất khẩu đạt trên 10 tỷ USD, chiếm 69,0%). Cán cân thương mại hàng hóa năm 2024 xuất siêu 24,77 tỷ USD (năm trước xuất siêu 28,4 tỷ USD). Đây là năm thứ 9 cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu liên tiếp, nhờ đó góp phần ổn định tỷ giá, tăng dự trữ ngoại hối của nền kinh tế. (Tổng cục Thống kê, 2025a).

Sự phục hồi của các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc đã làm gia tăng nhu cầu tiêu thụ hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu sản phẩm. Mặt khác, các tập đoàn FDI lớn đầu tư vào Việt Nam, mở rộng sản xuất đáp ứng nhu cầu thiết bị điện tử tăng trong bối cảnh chuyển đổi số. Khu vực FDI không chỉ thúc đẩy như cầu tiêu dùng trong nước mà còn là lĩnh vực có tỷ trọng xuất khẩu cao nhất của Việt Nam. Cùng với đó, các chính sách hỗ trợ, ưu đãi từ chính phủ khuyến khích sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nước.

### **Về tăng trưởng ở các khu vực,**

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 đạt mức tăng trưởng tích cực 3,27% mặc dù chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ. Trong đó, sản lượng nhiều nông sản tăng cao, chăn nuôi phát triển ổn định, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng khá. Đặc biệt, giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp năm 2024 tăng 2,94% so với năm trước, đóng góp 0,26 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 5,03% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 4,03%, đóng góp 0,10 điểm phần trăm.

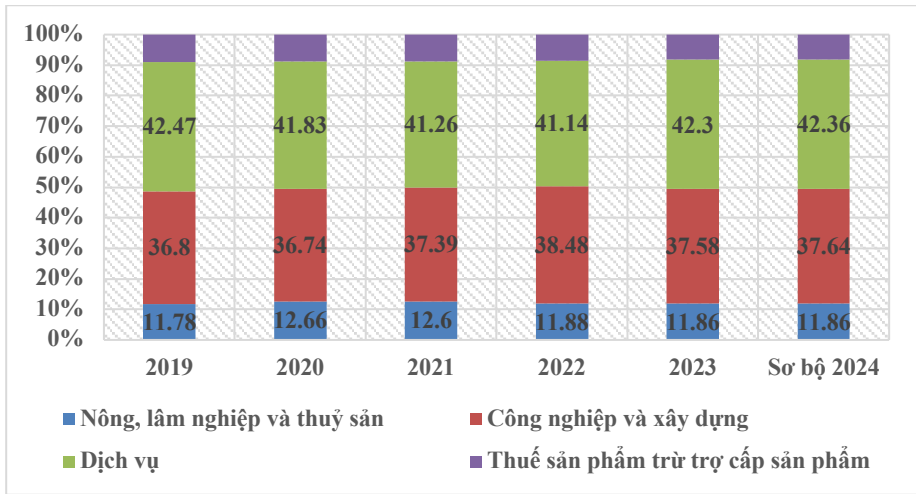
Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp phục hồi tích cực và tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2023. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2024 tăng 8,32% so với năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 8,52% của năm 2022 trong giai đoạn 2019-2024, đóng góp 2,70 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,83%, thấp hơn mức tăng các năm 2016, 2017, 2018 trong giai đoạn 2015-2024, đóng góp 2,49 điểm phần trăm.

Trong khu vực dịch vụ, giá trị tăng thêm năm 2024 tăng 7,38% cao hơn tốc độ tăng 6,91% của năm 2023. Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như: Bán buôn và bán lẻ tăng 7,96% so với năm trước; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,11%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,76%.

Về sử dụng GDP năm 2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,57% so với năm 2023; tích lũy tài sản tăng 7,20%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,45%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,10%.

#### **2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,86%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,64%; khu vực dịch vụ chiếm 42,36%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,14%. Nhìn chung, cơ cấu kinh tế không có nhiều khác biệt so với năm 2023, xét trong cả giai đoạn 2019-2024, xu hướng cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Cơ cấu ngành kinh tế đã chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ; tuy nhiên, xu hướng chuyển dịch diễn ra chậm chạp trong những năm gần đây.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

**Hình 2.3. Cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế giai đoạn 2019 - 2024**

Trong nội bộ ngành nông nghiệp tiếp tục chuyển dần sang phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Các loại hình nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu phát triển mạnh và ngày càng phổ biến.

Trong ngành công nghiệp, tỷ trọng ngành khai khoáng giảm mạnh; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo (tiêu chí và là biểu tượng của nước công nghiệp) tăng khá. Các ngành khai thác, chế biến dầu khí; điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin; luyện kim, sắt thép; xi măng và vật liệu xây dựng; dệt may, da giày; cơ khí chế biến chế tạo, ô tô, xe máy... đã có những bước phát triển nhất định, tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng dài hạn, thúc đẩy quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước..

Đối với ngành dịch vụ đã hướng đến cung cấp sản phẩm chất lượng cao, đa dạng và giá trị gia tăng cao. Các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế phát triển và hàm lượng khoa học, công nghệ cao được chú trọng phát triển, như: tài chính, ngân hàng bảo hiểm, logistics, công nghệ thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, du lịch. Đồng thời, Việt Nam đã tăng cường xuất khẩu dịch

vụ, giảm thâm hụt cán cân xuất - nhập khẩu dịch vụ, hướng tới thặng dư trong cán cân xuất - nhập khẩu dịch vụ.

Mặc dù công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã nâng cao chất lượng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, song thực tế cho thấy 5 năm trở lại đây, quá trình chuyển dịch của các ngành kinh tế theo chiều sâu vẫn chậm và gặp nhiều khó khăn. Cụ thể:

- Nhận thức về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế còn hạn chế và hệ thống cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa đồng bộ nên chưa tạo được động lực, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

- Công nghiệp phát triển thiếu bền vững, giá trị gia tăng thấp, chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp thông minh phát triển chậm. Các ngành dịch vụ quan trọng chiếm tỷ trọng nhỏ, liên kết với các ngành sản xuất yếu.

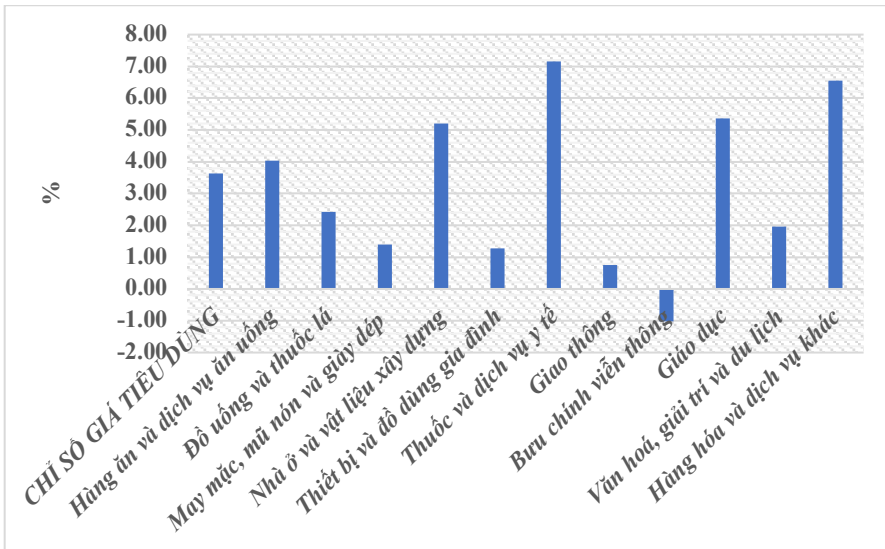
- Khả năng tiếp thu và ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp. Các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất công nghiệp dưới trung bình chiếm tỷ trọng cao, tụt hậu so với mức trung bình của thế giới; việc chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI chưa đạt như kỳ vọng. Nhiều doanh nghiệp FDI chủ yếu thực hiện công đoạn gia công, lắp ráp với công nghệ trung bình và thiếu sự gắn kết, thúc đẩy doanh nghiệp nội địa phát triển. Nguồn lao động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ cho các doanh nghiệp chất lượng còn thấp, thiếu sự gắn kết giữa đào tạo với nhu cầu của thị trường. (Hải, 2024)

## **2.2. GIÁ CẢ VÀ LẠM PHÁT**

### **2.2.1. Giá cả**

Trong năm 2024, giá cả của một số mặt hàng thiết yếu có xu hướng gia tăng, là nhân tố chính cho sự gia tăng của chỉ số giá tiêu dùng. Cụ thể:





Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

#### Hình 2.4. Tốc độ tăng một số nhóm hàng tiêu dùng cơ bản năm 2024

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất ở mức 7,16%, tác động làm CPI chung tăng 0,39 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT từ ngày 17/11/2023 và Thông tư số 21/2024/TT-BYT từ ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế. Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,2% so với năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,98 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 7,68% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm; chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 4,6% do nhu cầu thuê nhà tăng, tác động làm CPI tăng 0,48 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, chỉ số giá nước sinh hoạt năm 2024 tăng 8,33% so với năm trước. Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 5,37% do trong năm học 2023-2024 và 2024-2025 một số địa phương đã tăng mức học phí, tác động làm CPI chung tăng 0,33 điểm phần trăm.

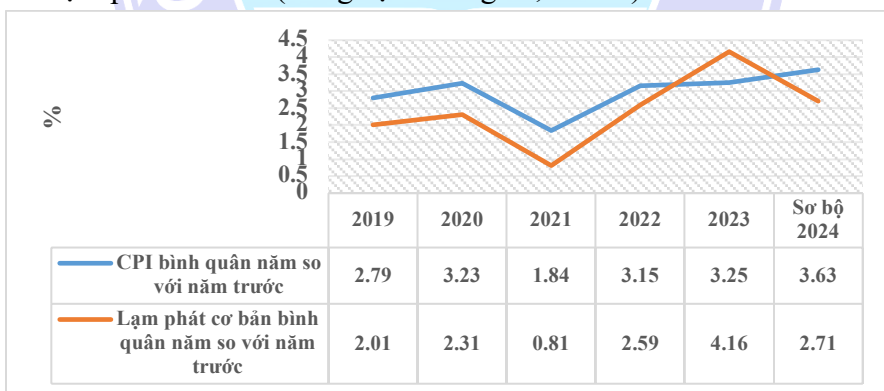
Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,03% so với năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,35 điểm phần trăm. Nhóm lương thực tăng 12,19%, tác động làm CPI tăng 0,45 điểm phần trăm, trong đó giá gạo tăng 15,93% theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết, làm CPI chung tăng 0,41 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm tăng 2,7%, làm CPI chung tăng 0,58 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 3,99% do nhu cầu tiêu dùng và chi phí nhân công

tăng. Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 0,76%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

Bên cạnh đó, giá của một số mặt hàng khác có biến động giảm, góp phần kìm hãm tốc độ tăng của chỉ số giá tiêu dùng. Cụ thể như: chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông năm 2024 giảm 1,02% so với năm 2023 do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với dòng điện thoại thông minh. (Tổng cục Thống kê, 2025b)

### 2.2.2. Chỉ số lạm phát

Về biến động chỉ số giá tiêu dùng, tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. (Tổng cục Thống kê, 2025b)

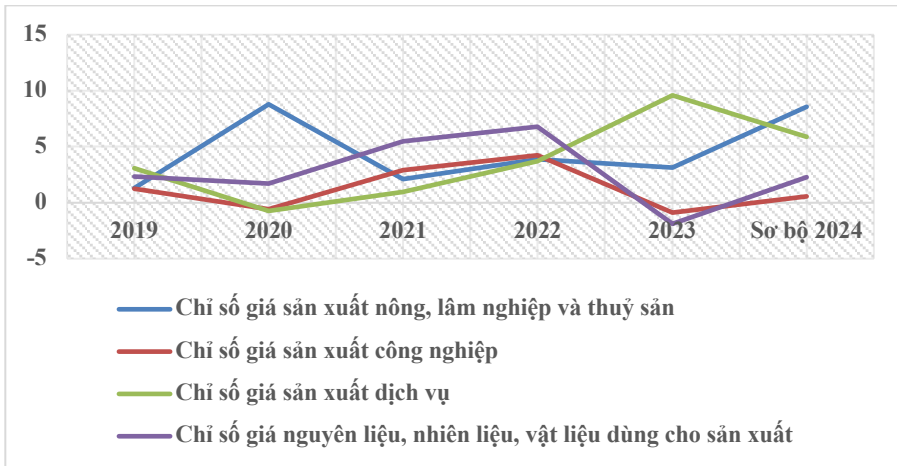


Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

**Hình 2.5. Tốc độ tăng CPI và lạm phát cơ bản bình quân năm giai đoạn 2019 - 2024**

Về biến động chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng mạnh ở mức 8,56% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu khiến chỉ số giá sản xuất nông, lâm và thủy sản tăng là do ảnh hưởng từ thiên tai, bão lũ và tác động môi trường. Cơn bão số 3 (Yagi) và bão số 4 đã gây thiệt hại nghiêm trọng ở nhiều tỉnh miền Bắc và miền Trung, cùng với đó, tình trạng hạn hán ở Tây Nguyên, xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long đã gây thiệt hại lớn đối với cơ sở hạ tầng, sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chỉ tăng 0,59%, cùng với đó, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 2,26% là mức tăng tương đối thấp, đã tạo ra sự bình ổn về chi phí sản xuất ngành công nghiệp, tạo động lực cho sự tăng trưởng mạnh mẽ của nhóm ngành này.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

**Hình 2.6. Chỉ số giá sản xuất và nguyên vật liệu giai đoạn 2019 - 2024**

Trong năm 2024, chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa tăng 1,15%; chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa giảm 1,94% tạo ra các điều kiện hết sức thuận lợi để thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Kết quả là, xuất khẩu hàng hóa năm 2024 ghi dấu ấn đáng tự hào với kim ngạch xuất khẩu bình quân những tháng sau cao hơn những tháng trước, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2024 ước đạt 405,5 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước, lập mốc lịch sử mới, vượt mốc lịch sử 371,82 tỷ USD của năm 2022. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2024 ước tính xuất siêu 24,77 tỷ USD, giảm 12,8% so với mức xuất siêu 28,4 tỷ USD của năm 2023.

Về biến động giá vàng, giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 31/12/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.659,6 USD/ounce, giảm 0,62% so với tháng 11/2024 do chịu áp lực từ đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ đều tăng. Trong tháng 12/2024, mặc dù Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất 0,25% nhưng tín hiệu thận trọng về lộ trình giảm lãi suất trong năm 2025 đã tác động tiêu cực đến giá vàng, làm giá vàng

hạ xuống mức thấp nhất kể từ giữa tháng 11/2024. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 12/2024 giảm 1,38% so với tháng trước; tăng 31,07% so với cùng kỳ năm trước; bình quân cả năm 2024, chỉ số giá vàng tăng 28,64%. (Tổng cục Thống kê, 2025b)

Về biến động chỉ số giá đô la Mỹ, tính đến ngày 31/12/2024, chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 106,98 điểm, tăng 1,46% so với tháng trước do lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm đạt mức cao, làm đồng đô la Mỹ hấp dẫn hơn với nhà đầu tư. Cùng với đó, chính sách tiền tệ của FED duy trì lãi suất cao và nhu cầu ngoại tệ tăng mạnh vào cuối năm đã góp phần đẩy giá trị đồng đô la Mỹ lên. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.488 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2024 tăng 0,09% so với tháng trước; tăng 4,31% so với cùng kỳ năm trước; bình quân năm 2024 tăng 4,91%. (Tổng cục Thống kê, 2025b)

## **2.3. LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM**

### **2.3.1. Tăng trưởng và cơ cấu lao động**

#### ***Lực lượng lao động***

Trong những năm gần đây, thị trường lao động Việt Nam có những chuyển biến mạnh mẽ, thay đổi theo nhu cầu của nền kinh tế. Khi nền kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới đặt ra nhiều thách thức cho thị trường lao động, đòi hỏi nguồn nhân lực phải đáp ứng được về cả lượng và chất. Năm 2024 được đánh giá là năm vẫn còn nhiều khó khăn, các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều trở ngại trong bối cảnh lạm phát, giá nguyên vật liệu cao, tình hình bất ổn chính trị trên thế giới ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế trong nước. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đạt được nhiều thành tựu, kinh tế có nhiều điểm sáng giúp cho thị trường lao động dần phục hồi và có những chuyển biến tích cực.

Theo Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động 15 tuổi trở lên trong năm 2024 ước tính có 52,951.3 nghìn người, tăng 575,4 nghìn người so với năm 2023.

**Bảng 2.1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên theo quý năm 2024***(Nghìn người)*

Chỉ tiêu	Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	Quý IV/2024	Năm 2024
<b>Tổng số</b>	<b>52392,2</b>	<b>52540,8</b>	<b>52764,9</b>	<b>53154,9</b>	<b>52951,3</b>
<i>Phân theo giới tính</i>					
Nam	27855,7	27881,3	28119,5	28283,6	28252,4
Nữ	24536,5	24659,5	24645,4	24871,3	24698,9
<i>Phân theo thành thị, nông thôn</i>					
Thành thị	20077,1	20240,6	20444,9	20591,0	20382,0
Nông thôn	32315,0	32300,2	32320,0	32563,9	32569,3

*Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025*

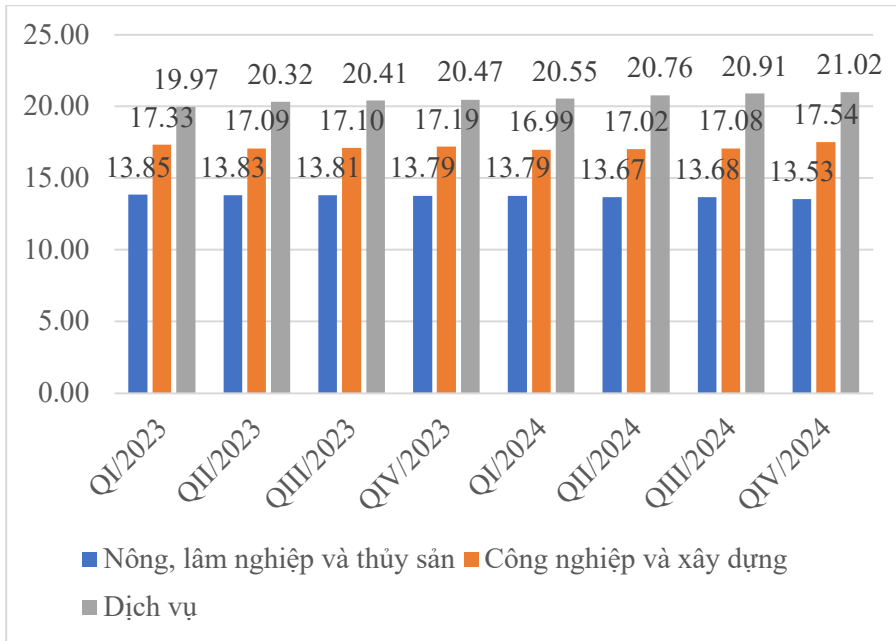
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có xu hướng tăng đều qua các quý năm 2024, trong đó quý IV tăng nhiều nhất. Trong quý IV, lực lượng lao động từ 15 tuổi có 53.154,9 nghìn người tăng 390 nghìn người so với quý III; quý III tăng 224.1 nghìn người so với quý II; quý II tăng 148,6 nghìn người so với quý I.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân chia theo giới tính cũng có sự khác biệt giữa lao động nam và nữ. Trong năm 2024, số lượng lao động nam nhiều hơn nữ là 3.553,5 nghìn người và số lượng lao động nam tăng 383,5 nghìn người so với năm 2023, số lượng lao động nữ giảm 191,9 nghìn người so với năm trước. Theo cơ cấu lao động năm 2024 thì lực lượng lao động nam từ 15 tuổi trở lên có 28.252,4 nghìn người chiếm 53,36% và lực lượng lao động nữ từ 15 tuổi trở lên có 24.898,9 nghìn người chiếm 46,64%. Nhìn chung năm 2024, xét về góc độ tăng lao động nam, trong đó quý III tăng mạnh nhất. Số lao động nam quý II tăng 25,6 nghìn người so với quý I; quý III có số lao động nam tăng 238,2 nghìn người so với quý II. Số lao động nam quý IV tăng chậm hơn so với quý III với 164,1 nghìn người. Ngược lại với lực lượng lao động nam, lao động nữ từ 15 tuổi trở lên tăng trong quý II, giảm trong quý III và tăng nhiều vào quý IV. Quý II năm 2024, số lượng lao động nữ tăng 123 nghìn người so với quý trước, bước sang quý III thì lực lượng lao động nữ giảm 141 nghìn người so với quý II và tăng vọt trong quý IV với 225,9 nghìn người.

Xét theo khu vực thành thị và nông thôn, năm 2024, số lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ở nông thôn nhiều hơn 12.187,3 nghìn người so với khu vực thành thị. Lực lượng lao động khu vực nông thôn năm 2024 giảm 234,1 nghìn người so với năm 2023, ngược lại lực lượng lao động khu vực thành thị lại tăng 809,5 nghìn người so với năm trước. Theo cơ cấu lao động phân chia theo khu vực, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ở nông thôn có 32.569,3 nghìn người chiếm 61,5% và ở khu vực thành thị có 20.382 nghìn người chiếm 38,5%. Nhìn chung năm 2024, lực lượng lao động phân chia theo khu vực đều tăng qua các quý. Đối với lực lượng lao động ở khu vực thành thị, lực lượng lao động tăng nhiều nhất ở quý II là 204,2 nghìn người, tiếp theo là quý II và quý IV lần lượt là 163,4 nghìn người và 146,1 nghìn người. Đối với lực lượng lao động ở khu vực nông thôn thì quý II và quý III biến động ít hơn, tăng lần lượt là 14,8 nghìn người và 20 nghìn người so với quý trước và tăng đột biến ở quý IV với 243,9 nghìn người.

#### ***Lao động có việc làm***

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lao động có việc làm năm 2024 có chuyển biến tích cực hơn so với năm 2023. Số lượng lao động có việc làm tăng đều qua các quý trong năm 2024 và tăng mạnh nhất trong quý IV. Lao động có việc làm quý I năm 2024 là 51,32 triệu người giảm 0,127 triệu người so với quý IV năm 2023 nhưng tăng 0,174 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Bước sang quý II, lao động có việc làm là 51,45 triệu người, tăng 0,127 triệu người so với quý trước và tăng 0,217 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Quý III tiếp tục ghi nhận số lượng lao động có việc làm tăng lên 0,225 triệu người so với quý II và tăng 0,355 triệu người so với quý III năm 2023. Quý IV năm 2024 có số lao động có việc làm tăng nhiều nhất cụ thể là tăng 0,415 triệu người so với quý trước và tăng 0,639 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, lao động có việc làm năm 2024 tiếp tục có tín hiệu tăng trưởng tốt do nền kinh tế dần phục hồi sau đại dịch Covid\_19.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

**Hình 2.7. Lao động có việc làm phân theo ngành kinh tế theo các quý năm 2023 và 2024**

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, các quý năm 2024 có sự chuyển dịch từ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản sang các ngành công nghiệp và xây dựng, ngành dịch vụ. Đối với lao động có việc làm trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, quý I năm 2024 có 13,79 triệu người giảm 0,03 triệu người so với quý IV năm 2024 và giảm 0,065 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Lao động có việc làm trong ngành này tiếp tục giảm trong quý III với 0,119 triệu người so với quý I và giảm 0,160 triệu người so với quý II năm 2023. Sang quý III có sự tăng nhẹ 0,013 triệu người so với quý II và giảm 0,129 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động có việc làm trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm mạnh nhất trong quý IV với 0,152 triệu người và giảm 0,261 triệu người so với quý IV năm 2023. Ngành công nghiệp và xây dựng và ngành dịch vụ năm 2024 đều tăng qua các quý. Lao động có việc làm trong ngành công nghiệp và xây dựng tăng nhẹ trong quý II và quý III lần lượt là 0,028 và 0,063 triệu người so với kỳ trước và tăng mạnh trong quý IV là 0,459 triệu người so với quý III năm 2024. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước thì quý II, quý III lại giảm nhẹ tương ứng là 0,066 triệu người và 0,013

triệu người và quý IV năm 2024 tăng 0,353 triệu người so với quý IV năm 2023. Lao động có việc làm trong ngành dịch vụ tăng nhiều nhất trong quý II năm 2024 với 0,217 triệu người. Sang quý III và quý IV tiếp tục tăng tương ứng với 0,149 triệu người và 0,109 triệu người so với kỳ trước. Trong ngành dịch vụ, lao động có việc làm có mức tăng trưởng tốt hơn so với năm 2023. Quý I năm 2024, lao động có việc làm trong ngành dịch vụ tăng 0,576 triệu người so với quý I năm 2023, quý II tăng 0,444 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Quý III tăng 0,497 triệu người so với quý III năm 2023, tiếp tục tăng trong quý IV với 0,547 triệu người so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2024, lực lượng lao động có việc làm ở tất cả các ngành kinh tế ước đạt 51,87 triệu người, tăng 0,585 triệu người so với năm 2023. Trong đó, lực lượng lao động có việc làm ở ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là ngành công nghiệp và xây dựng và cuối cùng là ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Cụ thể lao động trong ngành dịch vụ có 20,8 triệu người, chiếm 40,1%; lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng có 17,34 triệu người, chiếm 33,4%; lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có 13,74 triệu người, chiếm 26,5%. Bên cạnh đó số lượng lao động các ngành cũng có xu hướng thay đổi so với năm 2023 cụ thể như sau: số lượng lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,08 triệu người, số lượng lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng tăng 0,167 triệu người, số lượng lao động ngành dịch vụ tăng 0,498 triệu người. Cũng theo số liệu của Tổng cục Thống kê, mặc dù lao động có việc làm trong nền kinh tế có mức độ tăng trưởng tốt nhưng tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức là 64,6%, tuy có giảm 0,5% so với năm ngoái nhưng đây cũng là một tỷ lệ khá cao. Có thể thấy thị trường lao động vẫn chưa thực sự được nâng cao về chất lượng, lao động thiếu ổn định và mang tính thời vụ nhiều.

Theo Tổng cục Thống kê, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ có xu hướng tăng lên trong thời gian qua, chứng tỏ việc đào tạo nguồn nhân lực đã được chú trọng và có nhiều cải thiện.



**Bảng 2.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ  
giai đoạn 2023 - 2024**

	Năm 2023 (%)	Năm 2024 (%)	Chênh lệch (điểm %)
<b>Cả năm</b>	<b>27,2</b>	<b>28,3</b>	<b>1,1</b>
<b>Quý I</b>	26,4	27,8	1,4
<b>Quý II</b>	26,8	28,1	1,3
<b>Quý III</b>	27,3	28,5	1,2
<b>Quý IV</b>	27,6	28,6	1,0

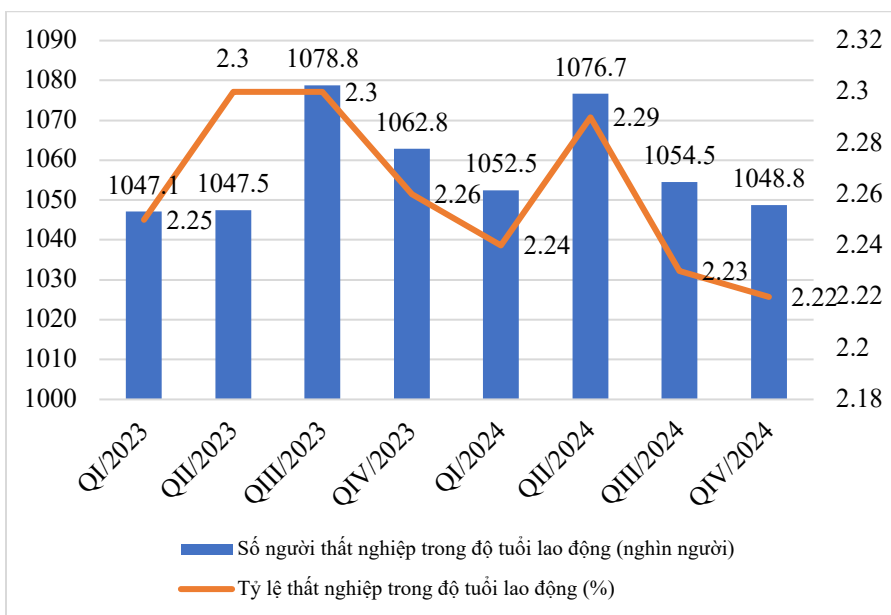
*Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025*

Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ quý I năm 2024 đạt 27,8% tăng 0,2 điểm % so với quý IV năm 2023 và tăng 1,4 điểm % so với cùng kỳ năm trước. Quý II năm 2024 số lượng lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 28,1% tăng 0,3 điểm % so với quý trước và tăng 1,3 điểm % so với quý II năm 2023. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ tiếp tục tăng đều qua quý III và quý IV năm 2024, cụ thể là: quý III đạt 28,5% tăng 0,4 điểm % so với quý trước và tăng 1,2 điểm % so với quý III năm 2023. Quý IV có tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 28,6% tăng 0,1 điểm % so với quý III và tăng 1,0 điểm % so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm 2024, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 28,3% tăng 1,1 điểm % so với năm 2023. Như vậy, số lượng lao động được đào tạo ngày càng nhiều hơn, xu hướng tăng đều qua các quý, các năm tuy vậy con số lao động chưa qua đào tạo vẫn còn nhiều gây khó khăn cho nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

### **2.3.2. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm**

#### ***Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động***

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động năm 2024 có xu hướng giảm so với năm trước. Như vậy, nhìn chung tình hình thất nghiệp trong năm 2024 được cải thiện hơn, đây là một dấu hiệu đáng mừng cho thị trường lao động và nền kinh tế Việt Nam.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

**Hình 2.8. Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động các quý năm 2023 - 2024**

Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động giảm vào quý I năm 2024, tăng vào quý II và giảm dần trong quý III và quý IV. Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2024 là 1.052,5 nghìn người, giảm 10,3 nghìn người so với quý IV năm 2023. Sang quý II, số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động có 1.076,7 nghìn người, tăng 24,2 nghìn người so với quý trước. Quý III năm 2024 có số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 1.054,5 nghìn người, giảm 22,2 nghìn người so với quý II. Quý IV ghi nhận số lượng lao động thất nghiệp tiếp tục giảm xuống còn 1.048,8 nghìn người, giảm 5,7 nghìn người so với quý trước.

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động giảm trong quý I năm 2024, tăng vào quý II và giảm dần vào quý III và quý IV. Tỷ lệ thất nghiệp quý I năm 2024 là 2,24%, giảm 0,02 điểm % so với quý IV năm 2023 và giảm 0,01 điểm % so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp gia tăng vào quý II năm 2024 với 2,29%, tăng 0,05 điểm % so với quý trước nhưng lại giảm 0,01 điểm % so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp giảm ở quý III với 2,23%, giảm 0,06 điểm % so với quý II và giảm 0,07 điểm % so với quý III năm 2023. Sang quý IV năm 2024, tỷ

lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động tiếp tục giảm xuống còn 2,22%, giảm 0,01 điểm % so với quý trước và 0,04 điểm % so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,24%, giảm 0,04 điểm % so với năm trước. Tính trong năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp có tăng trong quý II nhưng xét chung các quý so với cùng kỳ năm trước thì đều giảm. Đây là một tín hiệu tốt khi nền kinh tế dần phục hồi sau dịch Covid 19. Xét về góc độ thất nghiệp theo độ tuổi và khu vực địa lý thì tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi từ 15-24 và ở khu vực thành thị luôn luôn cao hơn.

**Bảng 2.3. Tỷ lệ thất nghiệp tại các khu vực thành thị và nông thôn theo quý năm 2024**

Chỉ tiêu	Chung	Trong đó:	
		Thành thị	Nông thôn
<b>Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động</b>			
Quý I năm 2024	2,24	2,64	1,99
Quý II năm 2024	2,29	2,71	2,01
Quý III năm 2024	2,23	2,29	2,2
Quý IV năm 2024	2,22	2,37	2,11
Ước tính năm 2024	2,24	2,53	2,05
<b>Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (từ 15 - 24 tuổi)</b>			
Quý I năm 2024	7,99	10,18	6,87
Quý II năm 2024	8,01	10,19	6,86
Quý III năm 2024	7,73	8,31	7,43
Quý IV năm 2024	7,96	9,02	7,4
Ước tính năm 2024	7,83	9,35	6,97

*Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025*

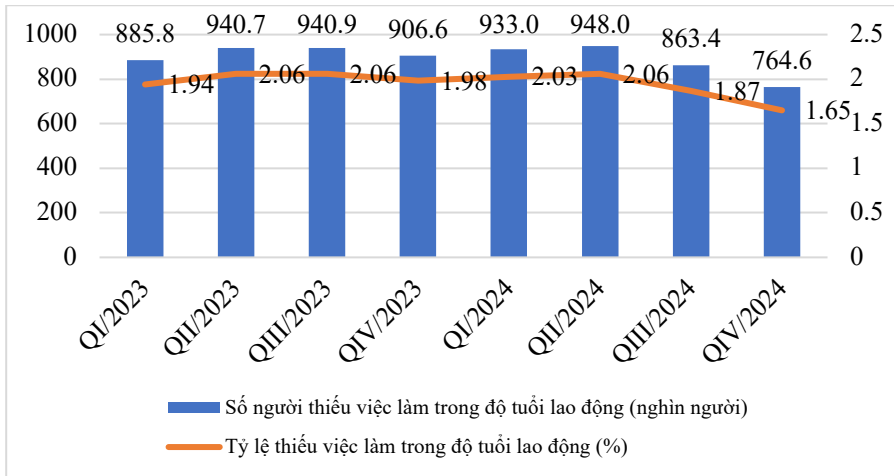
Tỷ lệ lao động thất nghiệp trong độ tuổi lao động ở thành thị luôn ở mức cao hơn khu vực nông thôn. Trong quý I năm 2024, tỷ lệ lao động thất nghiệp trong độ tuổi lao động ở thành thị cao hơn 0,65 điểm % so với khu vực nông thôn, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị luôn cao hơn trong khu vực nông thôn trong quý II, quý III, quý IV lần lượt là 0,7 điểm %, 0,09 điểm % và 0,26 điểm %.

Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (từ 15 - 24 tuổi) luôn ở mức cao, so với tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động thì lực lượng thanh niên có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn 3 lần, trong đó khu vực thành thị cũng có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn khu vực nông thôn. Ước tính năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp thanh niên là 7,83%, trong đó khu vực thành thị có tỷ lệ thất nghiệp thanh niên là 9,35% còn khu vực nông thôn có 6,97% ít hơn 2,38 điểm % so với thành thị. Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (từ 15 - 24 tuổi) cao nhất trong quý II và thấp nhất trong quý III. Quý II năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp thanh niên là 8,01%, tăng 0,02 điểm % so với quý I năm 2024. Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên giảm vào quý III với 7,73%, giảm 0,28 điểm % so với quý trước. Quý IV năm 2024 lại ghi nhận đà tăng tỷ lệ thất nghiệp thanh niên với 7,96%, tăng 0,23 điểm % so với quý III.

Xét theo khu vực, quý I năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (từ 15 - 24 tuổi) ở thành thị là 10,18% còn ở nông thôn là 6,87% thấp hơn 3,31 điểm % so với khu vực thành thị. Tỷ lệ này ở khu vực thành thị trong quý II tăng nhẹ lên 10,19% và ở khu vực nông thôn giảm nhẹ là 6,86% so với quý trước. Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên trong quý III năm 2024 ở khu vực thành thị giảm mạnh với 1,88 điểm % so với quý trước nhưng khu vực nông thôn lại tăng với 0,57 điểm % so với quý II. Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên ở khu vực thành thị quay lại xu hướng tăng với 0,71 điểm % so với quý III nhưng ở khu vực nông thôn thì tỷ lệ thất nghiệp thanh niên lại có xu hướng giảm nhẹ với 0,03 điểm % so với quý trước, tỷ lệ thất nghiệp thanh niên luôn ở mức cao hơn tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là do lao động từ 15-24 tuổi là lực lượng lao động trẻ, có nhu cầu lớn về công việc và là độ tuổi bắt buộc phải tìm kiếm việc làm, bên cạnh đó, lực lượng lao động này thường được đào tạo và có trình độ nhất định nên có nhiều lựa chọn công việc hơn, họ sẵn sàng đánh đổi, chấp nhận thời gian thất nghiệp để tìm kiếm việc làm phù hợp và có mức thu nhập tương xứng hơn là làm tạm thời và bất ổn định.

### ***Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động***

Số người thiếu việc làm và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động năm 2024 có sự biến động nhưng nhìn chung vẫn có xu hướng giảm.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

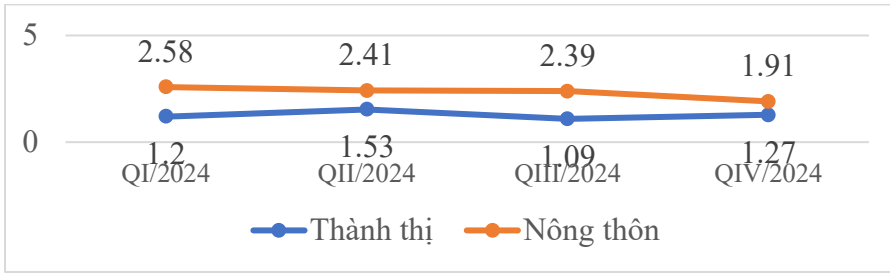
**Hình 2.9. Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giai đoạn 2023 - 2024**

Số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động có xu hướng gia tăng từ đầu năm 2023 cho đến giữa năm 2024 và có xu hướng giảm dần về cuối năm 2024. Quý I năm 2024 có số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 933,0 nghìn người tăng 26,4 nghìn người so với quý IV năm 2023. Quý II năm 2024 ghi nhận gia tăng số lượng người thiếu việc làm với 948,0 nghìn người tăng 15 nghìn người so với quý I. Số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động có xu hướng bắt đầu giảm vào quý III năm 2024 cụ thể là có 863,4 nghìn người giảm 84,6 nghìn người so với quý trước. Số người thiếu việc làm tiếp tục giảm trong quý IV còn 764,6 nghìn người giảm 98,8 nghìn người so với quý trước. Cũng theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính chung năm 2024, số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 846,8 nghìn người giảm 74,4 nghìn người so với năm 2023.

Tỷ lệ thiếu việc làm năm 2024 cao nhất vào quý II với 2,06%, tỷ lệ này bằng quý II và quý III năm 2023. Quý III năm 2024 có tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,87% giảm 0,19 điểm % so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ này tiếp tục giảm trong quý IV với 1,65% giảm 0,22 điểm % so với quý III và giảm 0,33 điểm % so với quý IV năm 2023. Tính chung năm 2024, tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,84% giảm 0,18 điểm % so với năm trước.

Xét theo khu vực, tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị luôn thấp hơn ở khu vực nông thôn qua các quý năm 2024.

(Đơn vị %)



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

**Hình 2.10. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở các khu vực các quý năm 2024**

Đối với khu vực thành thị, tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý I năm 2024 là 1,2%, quý II là 1,53% tăng 0,33 điểm % so với quý trước. Tỷ lệ thiếu việc làm quý III giảm xuống còn 1,09% giảm 0,44 điểm % so với quý II. Quý IV lại ghi nhận sự gia tăng tỷ lệ thiếu việc làm, cụ thể là 1,27% tăng 0,18 điểm % so với quý trước. Đối với khu vực nông thôn, quý I năm 2024 có tỷ lệ thiếu việc làm cao nhất trong năm là 2,58%, quý II tỷ lệ này là 2,41% giảm 0,17 điểm % so với quý trước. Tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn quý III bắt đầu giảm nhẹ xuống là 2,39% giảm 0,02 điểm % so với quý II. Tỷ lệ thiếu việc làm tiếp tục giảm xuống trong quý IV còn 1,91% giảm 0,48 điểm % so với quý III.

Nhìn chung, nền kinh tế có nhiều khởi sắc giúp cho tình trạng việc làm cũng được cải thiện, tuy nhiên trên thị trường lao động vẫn còn rất nhiều người thiếu việc làm do vẫn còn nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, tiếp cận nguồn vốn khó,... đã tác động rất lớn đến việc làm của người lao động. Bên cạnh đó, thị trường lao động cũng đòi hỏi nhiều nhân lực có trình độ cao để đáp ứng được công việc nhưng tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp nên vẫn còn tồn tại một lực lượng lao động lớn chưa đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng lao động. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 như hiện nay rất cần lực lượng lao động có chất lượng. Theo xu hướng phát triển thì ngành CNTT, công nghiệp chế biến, chế tạo, thương mại dịch vụ, du lịch gia tăng tuyển dụng lao động và để đáp ứng được tốt các công việc thì những ứng viên có trình độ, kinh nghiệm, tay nghề, khả năng thích ứng tốt, kỹ năng giải quyết vấn đề,... sẽ được các doanh nghiệp ưu tiên lựa chọn. Như vậy, điều này

đặt ra cho thị trường lao động là phải thúc đẩy đào tạo, nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn, kỹ thuật của người lao động để đáp ứng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế. Đây là một thách thức rất lớn đặt ra cho thị trường lao động Việt Nam, mức độ đáp ứng thích ứng của lực lượng lao động với xu hướng tuyển dụng của các doanh nghiệp chưa cao. Thực tế thị trường lao động chưa cải thiện nhiều về chất lượng nhân lực, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, số lao động làm việc phi chính thức còn nhiều, nhiều doanh nghiệp vẫn khó tuyển dụng những vị trí công việc có năng lực, tay nghề cao. Trong tương lai, để đáp ứng được thị trường lao động hiện đại, hội nhập, linh hoạt cao thì việc đào tạo nguồn nhân lực là công tác then chốt và có tính quyết định đến chất lượng của lao động.

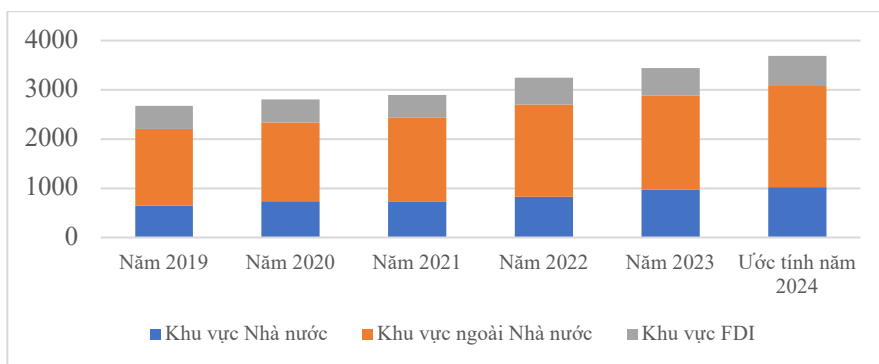
## **2.4. ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH VÀ TIỀN TỆ**

### **2.4.1. Tổng quan về tình hình đầu tư năm 2024**

#### ***Đầu tư trong nước***

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội bao gồm: vốn khu vực nhà nước, vốn khu vực ngoài nhà nước, Vốn khu vực FDI. Theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 3.692,1 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư nhà nước đạt 1.019,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 25,7% tổng vốn đầu tư của nền kinh tế; Vốn khu vực ngoài nhà nước đạt 2.064,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,9% trong tổng vốn đầu tư và vốn khu vực FDI là 608,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,4% tổng vốn đầu tư của nền kinh tế. Như vậy, trong cơ cấu vốn đầu tư thì vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỷ lệ lớn nhất, tiếp đến là vốn đầu tư khu vực nhà nước và cuối cùng là vốn đầu tư khu vực FDI. Có thể thấy rằng, vốn đầu tư trong nước vẫn giữ một tỷ trọng lớn, thúc đẩy cho sự phát triển của kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024 tăng 7,5% so với năm trước, cao hơn mức tăng 6,6% của năm trước, đây là một dấu hiệu tăng trưởng phản ánh sự phục hồi tốt của nền kinh tế.

Vốn đầu tư thực hiện xã hội giai đoạn từ 2019 - 2024 tăng đều qua các năm, trong đó vốn trong khu vực ngoài nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, cao thứ hai là vốn khu vực nhà nước và cuối cùng là vốn khu vực FDI.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

**Hình 2.11. Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành giai đoạn 2019 - 2024 (Nghìn tỷ đồng)**

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong giai đoạn 2019 - 2024 đã có sự tăng lên. Trong năm 2019, nguồn vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội là 2.670,5 nghìn tỷ đồng trong đó nguồn vốn thực hiện trong nước đạt 2.201 nghìn tỷ chiếm 82,42%. Nguồn vốn đầu tư trong nước chủ yếu là vốn khu vực ngoài Nhà nước đạt 1557,9 nghìn tỷ đồng và tiếp theo là vốn khu vực nhà nước đạt 643,1 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó khu vực FDI là 469,5 nghìn tỷ đồng. Năm 2020, tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đạt 2.803,1 nghìn tỷ đồng cao hơn so với năm 2019 (đạt 2.670,5 nghìn tỷ đồng). Năm 2021 tổng vốn đầu tư tăng 3,3% so với năm 2020. Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2022 tăng 11,3% so với trước. Năm 2023 tổng vốn đầu tư tăng 6,6% so với năm 2022. Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024 tăng 7,5% so với năm trước. Trong giai đoạn 2019 - 2024, vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp theo là vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước, do đó tổng vốn đầu tư trong nước đạt tỷ trọng cao. Năm 2019, vốn đầu tư trong nước chiếm 82,42% và tiếp tục tăng trong các năm tiếp theo; đến năm 2024 vốn đầu tư trong nước đạt 83,5% so với vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội. Qua phân tích số liệu có thể thấy rằng, đầu tư trong nước có xu hướng tăng trong những năm gần đây, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng vốn đầu tư thực hiện xã hội và trong đó vốn đầu tư tư nhân vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng đầu tư trong nước, góp phần thúc đẩy đầu tư phát triển kinh tế xã hội.

Bên cạnh nguồn vốn tư nhân, nguồn vốn từ khu vực Nhà nước trong đó có nguồn vốn từ NSNN cũng là một nguồn vốn không thể



thiếu, đảm bảo sự ổn định, phát triển dự án kinh tế - xã hội. Đây cũng là nguồn vốn giữ vai trò quan trọng trong tổng đầu tư trong nước.

**Bảng 2.4. Vốn đầu tư từ nguồn NSNN năm 2024**

	<b>Năm 2024 (tỷ đồng)</b>	<b>Năm 2024 so với kế hoạch (%)</b>	<b>Năm 2024 so với năm 2023 (%)</b>
<b>Tổng</b>	<b>661.294</b>	<b>84,6</b>	<b>3,3</b>
<b>Trung ương</b>	<b>112.804</b>	<b>87,1</b>	<b>-0,4</b>
<b>Địa phương</b>			
Vốn ngân sách NN cấp tỉnh	370.181	80,3	2,6
Vốn ngân sách NN cấp huyện	154.475	92,0	8,7
Vốn ngân sách NN cấp xã	23.835	104,3	0,1

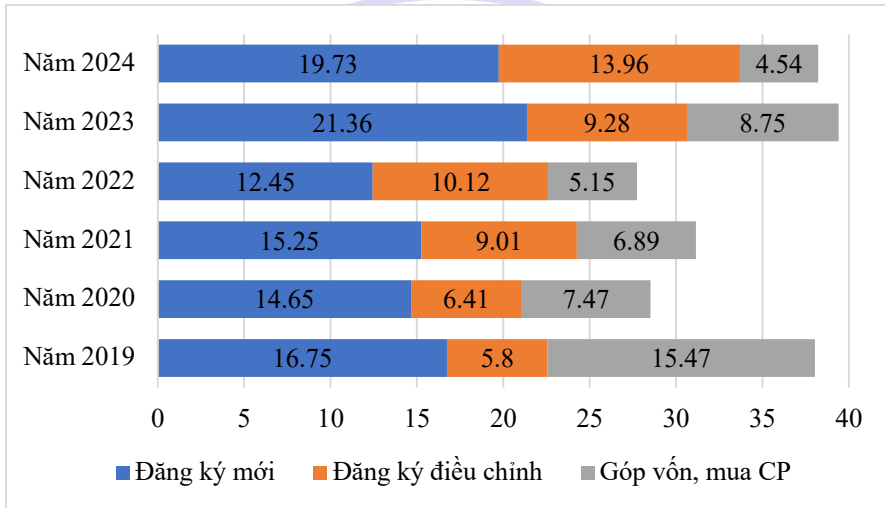
*Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2024*

Vốn đầu tư từ nguồn NSNN năm 2024 đạt 661.294 tỷ đồng, đạt 84% so với kế hoạch và tăng 3,3% so với năm 2023. Theo phân cấp quản lý thì có vốn trung ương và địa phương, vốn địa phương gồm có vốn NSNN cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Theo đó, năm 2024, vốn Trung ương đạt 112.804 tỷ đồng, đạt 87,1% so với kế hoạch và giảm 0,4% so với năm trước. Vốn NSNN cấp tỉnh đạt 370.181 tỷ đồng, đạt 80,3% so với kế hoạch và tăng 2,6% so với năm 2023. Vốn NSNN cấp huyện cũng tăng 8,7% so với năm trước đạt 154.475 tỷ đồng bằng 92,0% so với kế hoạch. Vốn NSNN cấp xã đạt 23.835 tỷ đồng, vượt kế hoạch 4,3% và tăng 0,1% so với năm 2023. Như vậy, so với năm 2023 thì theo cấp quản lý năm 2024, vốn trung ương có giảm một chút nhưng vốn địa phương lại tăng lên và tổng nguồn vốn từ NSNN vẫn tăng hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này cho thấy Nhà nước tập trung quyết liệt quản lý trong việc giải ngân vốn đầu tư công góp phần phục hồi nền kinh tế, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng trưởng nền kinh tế và tạo ra công ăn việc làm cho xã hội.

#### ***Đầu tư nước ngoài***

Vốn đầu tư nước ngoài là một nguồn vốn thuộc vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội có vai trò thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế, tăng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, tạo ra công ăn việc làm và đóng góp lớn cho nguồn NSNN. Theo Tổng cục Thống kê, tính

đến ngày 31/12/2024 thì tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 38,23 tỷ USD, giảm 3,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng vốn đầu tư nước ngoài bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới là 19,73 tỷ USD, vốn đăng ký điều chỉnh 13,96 tỷ USD và góp vốn, mua cổ phần 4,54 tỷ USD.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

**Hình 2.12. Vốn đăng ký nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024 (Tỷ USD)**

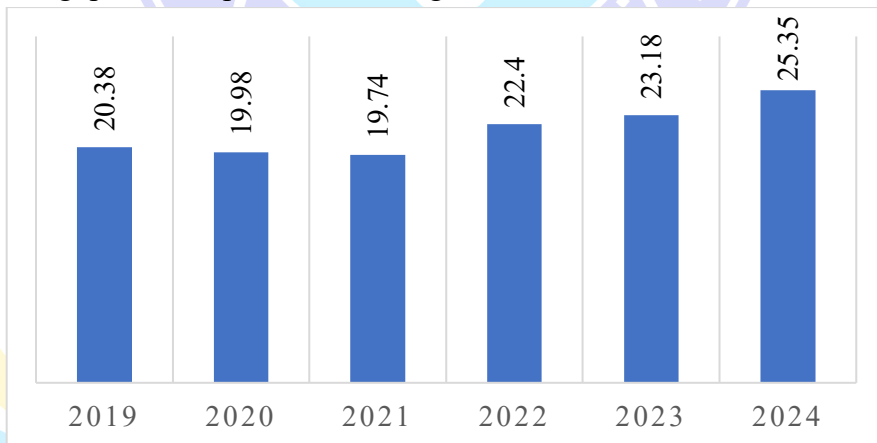
Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam trong giai đoạn 2019 - 2024 có nhiều biến động. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký năm 2019 là 38,02 tỷ USD và năm 2020 giảm còn 28,53 tỷ USD. Năm 2021, tổng vốn đầu tư nước ngoài là 31,15 tỷ USD tăng 9,2% so với năm 2020. Đến năm 2022, tổng vốn đầu tư nước ngoài đạt 27,72 tỷ USD giảm 11,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Năm 2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài đạt 39,39 tỷ USD tăng 42% so với năm 2022. Tổng vốn đầu tư nước ngoài năm 2024 giảm 3,0% so với năm 2023. Như vậy, trong giai đoạn 2019 - 2024, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tăng vào năm 2021, 2023 và giảm vào năm 2020, 2022 và 2024.

Vốn đăng ký cấp mới cũng tăng trong năm 2021, 2023 và giảm trong năm 2020, 2022 và 2024. Cụ thể, vốn đăng ký cấp mới năm 2020 so với 2019 giảm từ 16,75 tỷ USD xuống còn 14,65 tỷ USD. Năm 2021 vốn đăng ký cấp mới tăng 4,1% so với năm 2020, năm 2022 giảm 18,4% so với năm trước. Vốn đăng ký mới năm 2023 tăng mạnh 71,6%

so với năm 2022. Và năm 2024 giảm 1,63% so với năm 2023. Kinh tế năm 2023 có dấu hiệu tăng trưởng tốt do nền kinh tế phục hồi sau những năm dịch Covid nên môi trường đầu tư nước ngoài cũng có nhiều cải thiện rõ rệt.

Khác với vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh chỉ giảm nhẹ vào năm 2023 và tăng ở các năm còn lại. Năm 2021 vốn đăng ký điều chỉnh tăng 40,6% so với năm 2020 và năm 2022 tăng 12,3% so với năm trước. Năm 2023 vốn đăng ký điều chỉnh giảm 8,3% so với năm 2022. Vốn đăng ký điều chỉnh tăng trong năm 2024 là 50,4% so với năm 2023. Như vậy, vốn đăng ký điều chỉnh tăng mạnh mẽ trong năm 2024 chứng tỏ rằng các nhà đầu tư vẫn tin tưởng vào môi trường đầu tư của Việt Nam trong hiện tại và tương lai.

Vốn góp, mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2019 - 2024 cũng thay đổi khác với hai loại vốn trên, tăng mạnh vào năm 2023 và giảm trong các năm còn lại. Năm 2021, vốn góp, mua cổ phần giảm 7,8% so với năm 2020. Vốn góp, mua cổ phần năm 2022 giảm 25,3% so với năm trước và năm 2023 tăng 70% so với năm 2022. Vốn góp, mua cổ phần năm 2024 giảm mạnh 48,1% so với năm 2023.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025

**Hình 2.13. Vốn FDI thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2024 (tỷ USD)**

Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại Việt Nam trong giai đoạn 2019 - 2024 cũng có sự biến động, giảm dần trong năm 2019 - 2021 và tăng dần trong các năm 2022 - 2024. Vốn FDI đạt 20,38 tỷ USD năm 2019 và giảm xuống còn 19,98 tỷ USD trong năm 2020, và 19,74 tỷ USD trong năm 2021. Vốn FDI tăng lên vào năm 2022 đạt 22,4 tỷ USD,

tăng 13,5% so với năm 2021. Năm 2023 tiếp tục tăng vốn FDI, đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Vốn FDI năm 2024 đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2023 và được đánh giá là mức cao nhất từ trước tới nay.

Việt Nam là một trong những quốc gia thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có các đối tác lớn như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Singapore, Đài Loan,... Theo Tổng cục Thống kê thì năm 2024 có 80 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư đăng ký cấp mới vào Việt Nam với 3375 dự án, đạt 19,73 tỷ USD thì trong đó Singapore là quốc gia đầu tư vốn lớn nhất.

**Bảng 2.5. Các quốc gia đầu tư lớn nhất vào Việt Nam năm 2024**

Quốc gia	Số dự án (Dự án)	Vốn đăng ký cấp mới (Triệu USD)	Vốn đăng ký điều chỉnh (Triệu USD)
Singapore	462	6.260,1	2.691,2
Hàn Quốc	410	2.886,3	3.902,6
Trung Quốc	955	2.843,0	1.130,5
Đặc khu Hành chính Hồng Kông (TQ)	379	2.170,5	2.064,6
Nhật Bản	270	1.776,3	800,7
Đài Loan (TQ)	187	1.121,8	713,9

*Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025*

Singapore là nước có tổng số vốn đầu tư vào Việt Nam lớn nhất trong năm 2024 với 6.260,1 triệu USD, chiếm 31,7% tổng số vốn đăng ký cấp mới. Đối tác đầu tư lớn thứ hai là Hàn Quốc với 2.886,3 triệu USD, chiếm 14,6%, tiếp theo là Trung Quốc có tổng số vốn đầu tư cấp mới chiếm 14,4%; Đặc khu Hành chính Hồng Kông (TQ) chiếm 11,0% tổng vốn đầu tư cấp mới; Nhật Bản có vốn đầu tư cấp mới chiếm 9%; Đài Loan (TQ) chiếm 5,7% trong tổng vốn đầu tư cấp mới.

Xét về số dự án đầu tư nước ngoài vào Việt Nam được cấp phép trong năm 2024 thì Trung Quốc là quốc gia có dự án đầu tư lớn nhất với 955 dự án, Singapore là đối tác đầu tư có dự án đầu tư lớn thứ hai với 462 dự án, Hàn Quốc có số dự án đầu tư đứng thứ ba với 410 dự

án, tiếp theo là Đặc khu Hành chính Hồng Kông (TQ), Nhật Bản và Đài Loan (TQ) tương ứng với 379 dự án, 270 dự án và 187 dự án.

Cũng theo số liệu của Tổng cục, vốn đăng ký điều chỉnh năm 2024 có 1539 lượt dự án đã được cấp phép từ các năm trước điều chỉnh vốn tăng thêm 13,96 tỷ USD, tăng 50,4% so với năm 2023. Trong đó, Hàn Quốc đăng ký điều chỉnh lớn nhất, đối tác đầu tư điều chỉnh vốn lớn thứ hai là Singapore, Đặc khu Hành chính Hồng Kông (TQ) điều chỉnh vốn lớn thứ ba, tiếp theo là Trung Quốc, Nhật Bản và cuối cùng là Đài Loan (TQ).

Các đối tác nước ngoài chủ yếu đầu tư vào những tỉnh, thành phố có khu công nghiệp lớn, có lợi thế về kinh tế, cơ sở hạ tầng như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bắc Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Bắc Giang, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh.... Dẫn đầu số dự án đăng ký mới là TP. Hồ Chí Minh với 1416 dự án, đứng thứ hai là Bắc Ninh có 361 dự án, Hà Nội đứng thứ ba có 293 dự án, tiếp theo lần lượt là Bình Dương, Long An, Hải Phòng, Đồng Nai,... Xét về số vốn đăng ký mới và đăng ký điều chỉnh thì Bắc Ninh dẫn đầu, tiếp theo là Hải Phòng, Quảng Ninh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội,...

Xét về góc độ ngành nghề đầu tư, theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu trực tiếp nước ngoài năm 2024 trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 20,62 tỷ USD, chiếm 81,4% tổng số vốn FDI; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,84 tỷ USD, chiếm 7,2% và sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1,07 tỷ USD chiếm 4,2% tổng vốn FDI. Như vậy, vốn FDI trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu vốn. Các đối tác đầu tư tập trung vào ngành này do môi trường và chính sách thu hút đầu tư ở Việt Nam thuận lợi như nhân công và giá thuê đất rẻ, hoạt động xuất nhập khẩu, mạng lưới logistics thuận lợi. Hiện nay, xu hướng của các đối tác là đầu tư vào ngành công nghiệp công nghệ cao như sản xuất điện thoại, linh kiện điện tử, linh kiện ô tô, chất bán dẫn,... góp phần trong sự dịch chuyển kinh tế trong nước, hướng đến một nền công nghiệp hiện đại, tạo công ăn việc làm và nâng cao chất lượng lao động. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam đang đối mặt rất lớn với tình trạng ô nhiễm môi trường ở mức báo động cao đặc biệt tại các khu đô thị và khu công nghiệp. Do đó, Việt Nam cần tập trung thực hiện tốt các yêu cầu, nhiệm vụ mà Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/08/2019 của Bộ

Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến 2030. Theo đó, cần chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

#### **2.4.2. Hoạt động của thị trường tài chính và tiền tệ**

##### **a) Thị trường tiền tệ**

*Tăng trưởng tín dụng và lãi suất.* Trong năm 2024, tăng trưởng tín dụng của Việt Nam đạt 15,08% so với cuối năm 2023, đạt quy mô 15,6 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 2,1 triệu tỷ đồng được bơm vào nền kinh tế<sup>2</sup>. Lãi suất huy động và cho vay duy trì ổn định, với lãi suất huy động tăng nhẹ 0,1 điểm phần trăm và lãi suất cho vay giảm nhẹ 0,09 điểm phần trăm so với cuối năm 2023<sup>3</sup>. Thanh khoản hệ thống ngân hàng nhìn chung được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế. Tuy nhiên, vào tháng 11/2024, thanh khoản có dấu hiệu eo hẹp do nhu cầu vốn tăng cao vào cuối năm. Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng nhẹ. Tính đến cuối tháng 9/2024, tỷ lệ nợ xấu nội bảng đạt 4,55%, tăng so với mức 2% của năm 2022<sup>4</sup>). Tổng nợ xấu của 29 ngân hàng đã công bố báo cáo tài chính quý 3/2024 ở mức gần 259.000 tỷ đồng, tăng 27,8% so với đầu năm<sup>5</sup>.

Tuy nhiên, chất lượng tín dụng có xu hướng giảm nhẹ. Tỷ lệ nợ xấu dự báo tăng lên 4,66% vào cuối năm 2024, so với 4,55% vào cuối năm 2023. Đặc biệt, nợ xấu trong lĩnh vực bất động sản tăng mạnh, với tỷ lệ nợ xấu bất động sản lên 3,51% vào tháng 5/2024, tăng 0,58% so với cuối năm 2023<sup>6</sup>.

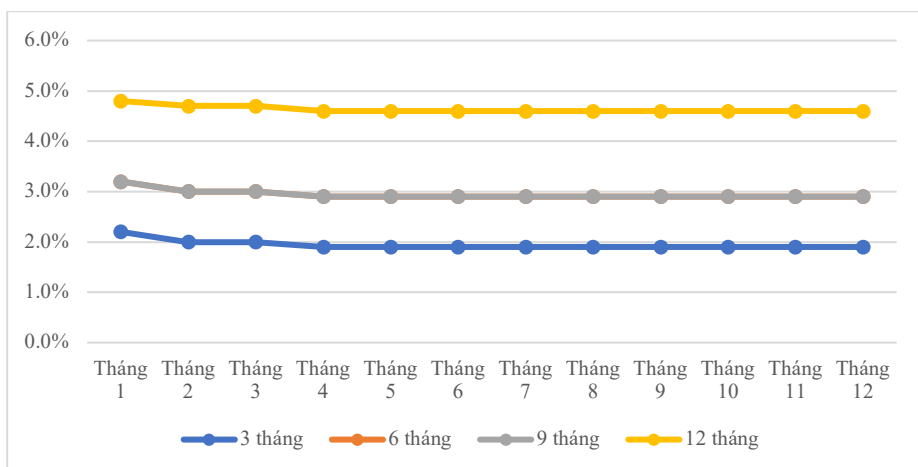
<sup>2</sup><https://baochinphu.vn/tang-truong-tin-dung-nam-2024-vuot-15-102250107170736751.htm>

<sup>3</sup><https://vneconomy.vn/ngan-hang-ky-vong-gi-ve-trien-vong-tang-truong-tin-dung-quy-4-2024.htm?>

<sup>4</sup> (<https://kinhtevadubao.vn/den-cuoi-thang-9-2024-ty-le-no-xau-noi-bang-o-muc-455-tang-so-voi-nam-2022-30315.html?>

<sup>5</sup> <https://thesaigontimes.vn/no-xau-cac-ngan-hang-sap-dat-dinh/>

<sup>6</sup> <https://thesaigontimes.vn/tang-truong-tin-dung-cuoi-nam-2024-tang-toc-can-di-kem-kiem-soat-rui-ro/>



Nguồn: Ngân hàng ngoại thương Việt Nam <https://www.vietcombank.com.vn>

### Hình 2.14. Biến động lãi suất huy động năm 2024 của Vietcombank

Trong năm 2024, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã duy trì thanh khoản ổn định, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Mặt bằng lãi suất cho vay đã giảm khoảng 0,96% so với cuối năm 2023, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận tín dụng<sup>7</sup>. Tuy nhiên, áp lực thanh khoản tại một số ngân hàng nhỏ và yếu kém hơn vẫn hiện hữu, khiến họ phải phụ thuộc nhiều vào thị trường liên ngân hàng. Điều này đặt ra thách thức trong việc đảm bảo tính ổn định cho toàn hệ thống.

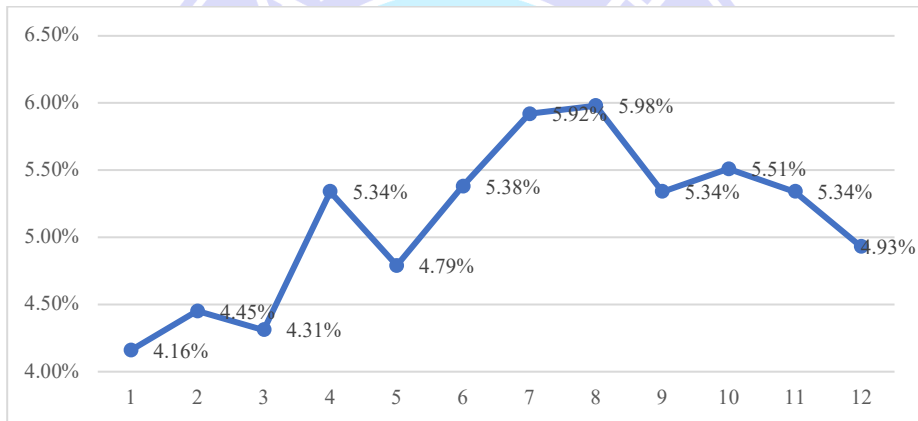
*Hoạt động của thị trường liên ngân hàng.* Trong năm 2024, thị trường liên ngân hàng tại Việt Nam tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết thanh khoản giữa các tổ chức tín dụng. Khối lượng giao dịch tăng mạnh, đặc biệt vào các thời điểm cao điểm như cuối quý 1 và quý 4, nhằm đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn. Lãi suất liên ngân hàng biến động nhẹ trong năm, với mức lãi suất qua đêm dao động quanh 4,5 - 5,0%, tăng so với mức trung bình 4,0% của năm 2023<sup>8</sup>. Theo Ngân hàng Nhà nước, tổng giá trị giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong 11 tháng đầu năm đạt hơn 10 triệu tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Các giao dịch chủ yếu tập trung vào kỳ hạn

<sup>7</sup>[https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/ttsk/ttsk\\_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV620825&rightWidth=0%25&centerWidth=80%25&\\_af\\_rLoop=12029267633236755#%40%3F\\_af\\_rLoop%3D12029267633236755%26centerWidth%3D80%25%26dDocName%3DSBV620825%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26\\_adf.ctrl-state%3Dlcfvdyje7\\_101](https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/ttsk/ttsk_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV620825&rightWidth=0%25&centerWidth=80%25&_af_rLoop=12029267633236755#%40%3F_af_rLoop%3D12029267633236755%26centerWidth%3D80%25%26dDocName%3DSBV620825%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dlcfvdyje7_101)

<sup>8</sup><https://vneconomy.vn/lai-suat-lien-ngan-hang-duoc-du-bao-neo-cao-trong-thang-cuoi-cung-cua-nam-2024.htm?>

ngắn dưới 1 tuần, chiếm khoảng 80% tổng khối lượng, cho thấy sự ưu tiên thanh khoản ngắn hạn của các tổ chức tín dụng.

Tuy nhiên, áp lực thanh khoản tại một số ngân hàng nhỏ và yếu kém hơn vẫn hiện hữu, khiến họ phải phụ thuộc nhiều vào thị trường liên ngân hàng. Điều này đặt ra thách thức trong việc đảm bảo tính ổn định cho toàn hệ thống. Chính sách của Ngân hàng Nhà nước tiếp tục hỗ trợ bằng các công cụ như mua lại giấy tờ có giá và bơm thanh khoản nhằm duy trì sự ổn định và tăng trưởng bền vững của thị trường này



Nguồn: <https://www.sbv.gov.vn>

### Hình 2.15. Biến động lãi suất liên ngân hàng trong năm 2024

**Tỷ giá và dự trữ ngoại hối.** Trong năm 2024, tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối của Việt Nam đã trải qua nhiều biến động đáng kể. Tỷ giá trung tâm VND/USD do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố đã tăng từ 23.650 VND/USD vào đầu năm lên 24.500 VND/USD vào cuối tháng 119. Trên thị trường tự do, tỷ giá VND/USD cũng ghi nhận mức tăng tương tự, từ khoảng 23.800 VND/USD lên 24.600 VND/USD trong cùng kỳ, cho thấy sự đồng nhất giữa thị trường chính thức và thị trường tự do. So với đầu năm, NHNN đã điều chỉnh tăng tỷ giá trung tâm 1,9% lên mức 24.320 đồng/USD. Tỷ giá trên thị trường chính thức tăng khoảng 4,8% lên 25.430 đồng/USD, đồng thời tỷ giá trên thị trường tự do tăng 4,3% lên 25.840 đồng/USD<sup>10</sup>. Ngày 31/12, Ngân hàng Nhà nước niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.335 VND/USD, tăng 8 đồng so với phiên liền trước. Tỷ giá trần lên mức 25.551 VND/USD, cao nhất kể từ đầu năm. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán

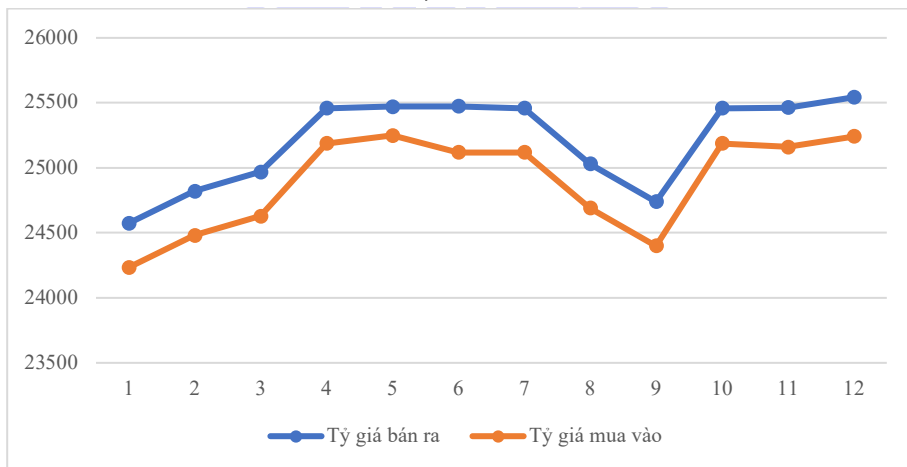
<sup>9</sup> <https://vneconomy.vn/gioi-phan-tich-danh-gia-the-nao-ve-ap-luc-ty-gia-quy-4-2024.htm?>

<sup>10</sup> <https://vnbusiness.vn/tien-te/het-nam-2024-du-tru-ngoai-hoi-con-bao-nhieu-1104442.html?>



giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá chốt phiên cuối cùng của năm 2024 với mức 25.485 VND/USD, tăng 18 đồng so với phiên 30/12.

Các ngân hàng thương mại niêm yết tỷ giá USD/VND mua/bán ở mức 25.221 - 25.551 VND/USD, cao nhất năm 2024.



Nguồn: Ngân hàng ngoại thương Việt Nam <https://www.vietcombank.com.vn>

**Hình 2.16. Diễn biến tỷ giá VND/USD các tháng năm 2024**

Để hỗ trợ thị trường và ổn định tỷ giá, NHNN đã bán ra khoảng 9,4 tỷ USD trong năm 2024, giảm dự trữ ngoại hối từ 88 tỷ USD vào tháng 1 xuống còn khoảng 80 tỷ USD vào cuối năm<sup>11</sup>. Tuy nhiên, dự trữ ngoại hối của Việt Nam vẫn đủ để chi trả khoảng 2,8 tháng nhập khẩu, giảm so với mức 3,3 tháng vào cuối năm 2023.

### b) Thị trường tài chính

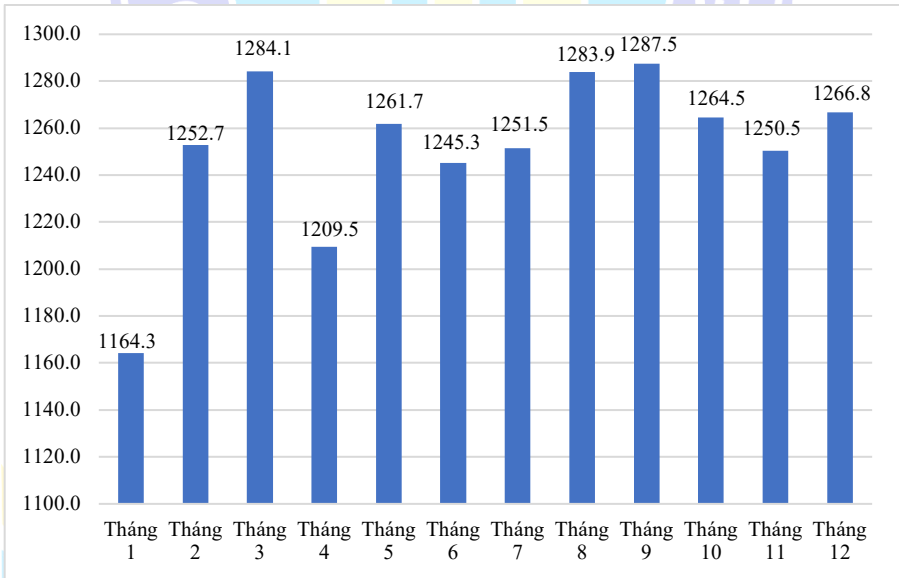
*Thị trường chứng khoán.* Trong năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, với chỉ số VN-Index tăng 12,1% so với năm 2023, đóng cửa ở mức 1.266,78 điểm. Đây là năm thứ 2 thị trường có mức tăng trưởng 2 con số. Tuy nhiên, phần lớn đà tăng diễn ra trong quý I, sau đó thị trường dao động trong biên độ 1.200 - 1.300 điểm. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 7.085 nghìn tỷ đồng vào ngày 16/12/2024, tăng 19,3% so với cuối năm trước, tương đương 69,3% GDP ước tính năm 2023<sup>12</sup>. Lũy kế từ đầu năm, số lượng

<sup>11</sup><https://vnbusiness.vn/tien-te/het-nam-2024-du-tru-ngoai-hoi-con-bao-nhieu-1104442.html?>

<sup>12</sup> [https://thoibaotaichinhvietnam.vn/thi-truong-chung-khoan-viet-nam-nam-2024-duy-tri-da-tang-truong-on-dinh-166659.html?utm\\_source=chatgpt.com](https://thoibaotaichinhvietnam.vn/thi-truong-chung-khoan-viet-nam-nam-2024-duy-tri-da-tang-truong-on-dinh-166659.html?utm_source=chatgpt.com)

tài khoản cá nhân trong nước tăng 1,86 triệu tài khoản, đưa tổng số tài khoản chứng khoán lên 9,15 triệu tài khoản, tương đương khoảng 9% dân số, vượt mục tiêu đề ra. Cũng trong năm 2024, TTCK phái sinh tiếp tục phát huy vai trò phân bổ vốn và phòng ngừa rủi ro. Thị trường trái phiếu tiếp tục phục hồi mạnh mẽ với giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 11.542 tỷ đồng, tăng 77,1% so với bình quân năm trước. Quy mô niêm yết tiếp tục đà tăng trưởng với 466 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt hơn 2.304 nghìn tỷ đồng, tăng 13,5% so với năm 2023, tương đương 22,5% GDP ước tính năm 2023.

Thanh khoản bình quân toàn thị trường năm 2024 đạt 21.515 tỷ đồng, tăng 22,8% so với năm 2023. Trong năm này, do những biến động trên thị trường và tỷ giá hối đoái, khối ngoại đã thực hiện bán ròng với mức cao nhất trong lịch sử thị trường, 92.670 tỷ đồng (tương đương 3,63 tỷ USD). Nhóm cổ phiếu có mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2024 tập trung ở Viettel (+218%), Công nghệ (+76%), Hàng không (+69%)...



Nguồn: [https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages\\_r/l/chitit?dDocName=APPSSCGOVVN1620151185](https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages_r/l/chitit?dDocName=APPSSCGOVVN1620151185) (Chỉ số VN-Index tại giao dịch ngày cuối cùng của mỗi tháng)

**Hình 2.17. Diễn biến VN-Index năm 2024**

Tuy nhiên, thị trường vẫn đối mặt với một số thách thức, bao gồm sự biến động của tỷ giá USD/VND và tác động từ các yếu tố kinh tế vĩ mô toàn cầu.

Trong năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục đa dạng hóa với sự hiện diện của nhiều ngành nghề. Thống kê của Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE) cho biết cuối năm 2024, có 527 mã chứng khoán đang niêm yết và giao dịch cuối năm 2024, giảm 114 mã so với năm 2023. Cụ thể, có 393 mã cổ phiếu đang niêm yết (giảm 1), 16 mã chứng chỉ quỹ ETF (tăng 2). Về cơ cấu ngành, nhóm ngành tài chính, đặc biệt là ngân hàng và chứng khoán, tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn hóa thị trường. Theo thống kê của Vietstock tính đến ngày 8-1, tỷ trọng nhóm ngành tài chính chiếm hơn 35% giá trị vốn hóa của VN-Index, trong đó, riêng nhóm tổ chức tín dụng chiếm hơn 30%, công ty chứng khoán chiếm đến gần 3,5%, số còn lại là doanh nghiệp bảo hiểm. Thống kê của HOSE cho thấy tính đến cuối năm 2024, trong Top 40 công ty niêm yết có giá trị vốn hóa lớn nhất thị trường, có đến 17 ngân hàng thương mại, 4 công ty bất động sản, 1 công ty bảo hiểm và 1 công ty chứng khoán. Nhóm ngành tài chính tiếp tục vượt trội trong rõ chỉ số chung của VN-Index<sup>13</sup>

*Thị trường trái phiếu doanh nghiệp.* Trong năm 2024, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể, với tổng giá trị phát hành đạt khoảng 485.000 tỷ đồng, tăng mạnh (40%) so với mức 311.240 tỷ đồng của năm 2023<sup>14</sup>. Các ngân hàng thương mại tiếp tục dẫn đầu trong việc phát hành TPDN, chiếm khoảng 70% tổng lượng phát hành mới, tương đương gần 300.000 tỷ đồng, chiếm 67,1% tổng thị trường. Ngành bất động sản chứng kiến sự sụt giảm đáng kể ở mức -18,7%, với kỳ hạn phát hành rút ngắn còn 2,65 năm so với 3,72 năm vào năm 2023 và lãi suất coupon tăng lên 11,13% so với 10,93% năm trước. Trái phiếu huy động trực tiếp cho sản xuất kinh doanh ở mức rất hạn chế với 145.000 tỉ đồng.

Về kỳ hạn, các trái phiếu do ngân hàng phát hành thường có thời gian từ 7 - 10 năm, với lãi suất dao động từ 5,8% đến 7,5% trong năm đầu tiên, nhằm củng cố nguồn vốn trung và dài hạn<sup>15</sup>. Trên thị trường

<sup>13</sup> <https://thesaigontimes.vn/nha-dau-tu-khat-co-phieu-trong-khoang-lang-niem-yet-moi/>

<sup>14</sup> <https://tuoitre.vn/trai-phieu-doanh-nghiep-hoi-phuc-voi-443-000-ti-ngan-hang-nao-phat-hanh-nhieu-nhat-20250104231002156.htm?>

<sup>15</sup> <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/70-luong-phat-hanh-moi-trai-phieu-trong-nam-2024-den-tu-nhom-ngan-hang-168348.html?>

thứ cấp, thanh khoản bình quân của trái phiếu riêng lẻ trong tháng 1/2024 đạt khoảng 3,4 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 31% so với bình quân tháng 12/2023.

Tuy nhiên, thị trường vẫn đối mặt với rủi ro trả nợ gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp đang tái cấu trúc tài chính. Dự báo, nhu cầu huy động vốn qua kênh TPDN sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới, đặc biệt khi các doanh nghiệp tìm kiếm nguồn vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh và tái cấu trúc nợ.

*Trái phiếu chính phủ.* Trong năm 2024, thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP) Việt Nam tiếp tục phát triển ổn định, đóng vai trò quan trọng trong việc huy động vốn cho NSNN và điều tiết chính sách tiền tệ.

*Về hoạt động phát hành trên thị trường sơ cấp.* Kho bạc Nhà nước (KBNN) đặt mục tiêu huy động 400.000 tỷ đồng thông qua phát hành TPCP trong năm 2024. Theo số liệu cập nhật đến ngày 30/11/2024, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã huy động được 323.006,5 tỷ đồng thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, đạt 80,75% kế hoạch năm 2024. Về kỳ hạn phát hành: TPCP kỳ hạn 10 năm chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 78% tổng khối lượng phát hành trong tháng 10, tương đương 23.859 tỷ đồng. Về lãi suất trúng thầu: Lãi suất huy động TPCP có xu hướng giảm nhẹ ở một số kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm giảm 0,09% xuống còn 1,89%/năm; các kỳ hạn 10, 15 và 30 năm duy trì ổn định lần lượt ở mức 2,66%, 2,86% và 3,10%/năm.

*Về hoạt động giao dịch trên thị trường thứ cấp:* Lũy kế đến 31/10/2024, tổng giá trị giao dịch thứ cấp trái phiếu Chính phủ đạt 2.320.700 tỷ đồng, bình quân phiên đạt 11.211 tỷ đồng/phiên, tăng 72% so với bình quân cả năm 2023. Lợi suất TPCP biến động nhẹ, giảm nhiều nhất ở kỳ hạn 2 năm (còn 1,4942%) và tăng ở kỳ hạn 25 năm (đạt 3,2602%) và 7-10 năm (2,6420%). Tỷ lệ nắm giữ TPCP của các tổ chức tài chính phi ngân hàng dài hạn tăng đáng kể, đạt 60,5% vào cuối quý 3/2024, tăng khoảng 40% so với năm 2009, cho thấy sự tham gia ngày càng tích cực của các nhà đầu tư dài hạn.

Thị trường TPCP Việt Nam năm 2024 tiếp tục phát triển tích cực, với hoạt động huy động vốn khả quan và sự tham gia đa dạng của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, thanh khoản trên thị trường thứ cấp có xu hướng giảm, đòi hỏi các cơ quan quản lý tiếp tục theo dõi và có biện pháp phù hợp để duy trì sự ổn định và hiệu quả của thị trường.

## 2.5. NGÂN SÁCH VÀ NỢ CÔNG

### 2.5.1. Ngân sách nhà nước<sup>16</sup>

Với dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước, cùng các yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xác định mục tiêu NSNN năm 2024 là: *Xây dựng và tổ chức điều hành chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy nhanh thực hiện các công trình đầu tư hạ tầng quan trọng, kết nối vùng và liên vùng, tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đảm bảo nguồn lực thực hiện chính sách cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện cơ chế tự chủ và lộ trình tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của Trung ương.* Năm 2024, mặc dù nền kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn thách thức nhưng với nỗ lực, quyết tâm của Chính phủ, việc điều hành NSNN đạt kết quả khả quan. Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê (GSO) về tình hình thu chi NSNN ghi nhận tình hình thu chi NSNN năm 2024 như sau:

#### a) Về thu NSNN

- Dự toán thu NSNN

Dự toán tổng thu cân đối NSNN năm 2024 là 1.700,9 nghìn tỷ đồng, tăng 80,1 nghìn tỷ đồng (khoảng 5%) so với dự toán và ước thực hiện năm 2023. Tỷ lệ huy động vào NSNN khoảng 15,3% GDP, trong đó từ thuế, phí khoảng 12,2% GDP. Cụ thể như sau:

- ✚ *Dự toán thu nội địa:* 1.444,4 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 86,3 nghìn tỷ đồng so với ước thực hiện năm 2023, chiếm 84,9% tổng thu cân đối NSNN.
- ✚ *Dự toán thu dầu thô:* 46 nghìn tỷ đồng, tăng 4 nghìn tỷ đồng so với dự toán năm 2023, chiếm 2,9% tổng thu cân đối NSNN, trên cơ sở sản lượng khai thác khoảng 8,3 triệu tấn, giá dầu dự toán khoảng 70 USD/thùng.
- ✚ *Dự toán thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu:* 204 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,4% tổng thu cân đối NSNN. Trong đó: dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 375 nghìn tỷ đồng, tăng 5,6% so với ước thực hiện năm 2023; dự toán chi

---

<sup>16</sup>Bộ Tài Chính, 2024, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 chính phủ trình Quốc hội

hoàn thuế giá trị gia tăng là 171 nghìn tỷ đồng, tăng 11 nghìn tỷ đồng so với ước thực hiện năm 2023.

🚩 *Dự toán thu viện trợ: 6,57 nghìn tỷ đồng*

- Thực hiện thu NSNN

Năm 2024, tổng thu NSNN đạt 1.997,3 nghìn tỷ đồng, vượt 17,4% (tăng 296,3 nghìn tỷ đồng) so với dự toán. Trong đó: Thu nội địa đạt 115,2% dự toán; thu từ dầu thô đạt 126,2%; thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 134,2%.

Về tình hình thu NSNN năm 2024, nhờ chính sách thu hút đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh, nguồn thu nội địa đã tăng đáng kể so với 2023. Đối với nguồn thu từ dầu khí và thuế nhập khẩu, dù ghi nhận đà tăng nhẹ, thu từ dầu khí phụ thuộc vào biến động giá thế giới, trong khi thu xuất nhập khẩu đảm bảo nhờ các hiệp định thương mại tự do (FTA). Thu ngân sách địa phương có sự không đồng đều giữa các địa phương, nhiều địa phương không đạt dự toán.

#### b) Về chi NSNN

- Dự toán chi NSNN năm 2024:

Nguyên tắc bố trí dự toán chi NSNN năm 2024 như sau:

*Thứ nhất*, đảm bảo bố trí tổng chi đầu tư phát triển lớn hơn bội chi NSNN cho các nhiệm vụ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo Luật Đầu tư công và các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo Luật NSNN.

*Thứ hai*, bố trí chi trả lãi đầy đủ, đúng hạn, chi dự phòng, dự trữ quốc gia ở mức hợp lý để bảo đảm xử lý kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phát sinh.

*Thứ ba*, bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo chủ trương của Trung ương; dành nguồn thực hiện điều chỉnh tăng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đối tượng do NSNN đảm bảo, trợ cấp hằng tháng, chế độ ưu đãi người có công và một số chế độ an sinh xã hội đảm bảo bù đắp một phần trượt giá và có tăng thêm; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Theo đó, dự toán tổng chi cân đối NSNN năm 2024 khoảng 2.100,3 nghìn tỷ đồng, tăng 24,1 nghìn tỷ đồng (+1,2%) so với dự toán năm 2023. Nếu tính cả số kiến nghị thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm 2023 sang (khoảng 19 nghìn tỷ đồng) thì tổng nguồn chi năm 2024 khoảng 2.119,4 nghìn tỷ đồng. Dự kiến bố trí các lĩnh vực như sau:

- Dự toán chi đầu tư phát triển là 677,3 nghìn tỷ đồng, tăng 108 nghìn tỷ đồng so dự toán năm 2023 (không kể phần kinh phí bố trí cho Chương trình phục hồi năm 2023); chiếm 32,2% tổng chi cân đối NSNN.

- Dự toán chi trả nợ lãi là 111,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,8 nghìn tỷ đồng so dự toán năm 2023, đảm bảo chi trả nợ lãi đầy đủ, đúng hạn.

- Dự toán chi thường xuyên (chưa bao gồm kinh phí đảm bảo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng cả năm 2024 và thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW từ 01/7/2024) là 1.175,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,5 nghìn tỷ đồng so dự toán năm 2023.

Bám sát mục tiêu kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia 2021 - 2025 dự toán bộ chi NSNN năm 2024 là 399,4 nghìn tỷ đồng, khoảng 3,6% GDP, trong đó: bộ chi NSTW là 372,9 nghìn tỷ đồng, khoảng 3,4% GDP; bộ chi NSĐP khoảng 26,5 nghìn tỷ đồng, khoảng 0,2% GDP.

- Thực hiện chi NSNN năm 2024:

Tổng số chi NSNN đến ngày 31/12/2024 ước đạt khoảng 1.830,8 nghìn tỷ đồng, bằng 86,4% dự toán. Trong đó, chi đầu tư phát triển ước đạt 78,1% dự toán Quốc hội quyết định, tỷ lệ giải ngân đạt 77,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2023 đạt 81,9% kế hoạch); chi thường xuyên ước đạt 94,5% dự toán; đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi phát sinh theo dự toán và tiến độ thực hiện của đơn vị sử dụng ngân sách

Chi ngân sách tăng chủ yếu đến từ việc đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.

### c) Cân đối NSNN

Với kết quả thu, chi NSNN như trên, cân đối ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được đảm bảo. Dự toán bộ chi NSNN năm 2024 Quốc hội quyết định đầu năm là 399,4 nghìn tỷ đồng, bằng 3,6% GDP. Kết quả thực hiện năm 2024, ước bộ chi cả năm khoảng 389,4 nghìn tỷ đồng, bằng 3,4% GDP, giảm 10 nghìn tỷ đồng so dự toán. Việc kiểm soát bộ chi ở mức 3,4% GDP cho thấy nỗ lực của Chính phủ trong việc duy trì kỷ luật tài khóa, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, đồng thời tạo dư địa cho các chính sách tài khóa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Các giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu NSNN năm 2024:

*Một là*, tiếp tục giữ vững nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

*Hai là*, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về thu NSNN, tăng cường quản lý thu, phân đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất đảm bảo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

*Ba là*, tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN gắn với mục tiêu về tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển bền vững.

*Bốn là*, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị gắn với tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập.

*Năm là*, thực hiện quyết liệt, thực chất, có hiệu quả tái cơ cấu doanh nghiệp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước gắn với đổi mới quản trị theo chuẩn mực tiên tiến; đẩy mạnh chuyển đổi số, tham gia vào chiến lược phát triển kinh tế số, xã hội số.

*Sáu là*, đảm bảo sự vận hành ổn định, an toàn của thị trường tài chính và dịch vụ tài chính; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

*Bảy là*, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục cải thiện thực chất môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tăng tính công khai, minh bạch.

### **2.5.2. Nợ công**

Năm 2024 công tác quản lý nợ công, quản lý vốn viện trợ về cơ bản đã đạt được các mục tiêu, kế hoạch đã đặt ra từ đầu năm, góp phần vào thành tích chung của ngành tài chính. Theo đó, các chỉ tiêu an toàn nợ công tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, nằm trong giới hạn trần nợ được Quốc hội phê chuẩn. Hiệu quả công tác quản lý nợ công, nợ Chính phủ trong năm 2024 tiếp tục được giữ vững. Cụ thể các chỉ tiêu phản ánh nợ công như sau:

Tính đến cuối năm 2024, dư nợ công của Việt Nam khoảng 4 - 4,1 triệu tỷ đồng, tương đương 36 - 37% GDP (tương đương với mức dư nợ năm 2023 - tính theo % GDP, nhưng thấp hơn so với mức trần 60% của Quốc hội đề ra). Trong đó, dư nợ Chính phủ khoảng 3,7 triệu tỷ đồng, tương đương 33 - 34%% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia



bằng 32 - 33% GDP (trên là 50% GDP), với nghĩa vụ trả nợ nước ngoài chiếm khoảng 8 - 9% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, nằm trong giới hạn an toàn.

Về cơ cấu nợ của Chính phủ: Cơ cấu nợ Chính phủ tiếp tục cải thiện đáng kể, với tỷ lệ nợ trong nước tăng, trong khi nợ nước ngoài giảm dần. Đến cuối 2024, nợ trong nước chiếm 76% dư nợ Chính phủ, nợ nước ngoài chiếm 24%. Các khoản nợ nước ngoài chủ yếu bao gồm các khoản vay ODA và vay ưu đãi với kỳ hạn dài và lãi suất thấp. Tỷ trọng nợ được Chính phủ bảo lãnh giảm từ 3,8% GDP năm 2021 xuống mức 2 - 3% GDP năm 2024, được quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo an toàn tài chính quốc gia. Công tác trả nợ nước ngoài được thực hiện đầy đủ và kịp thời trong phạm vi dự toán được duyệt. Công tác thu nợ và xử lý rủi ro các dự án cho vay lại có nợ quá hạn cũng được tiếp tục chú trọng tăng cường. Năm 2024, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại đã thu hồi khoảng 17,52 tỷ đồng từ các dự án có nợ quá hạn. Đồng thời, Cục cũng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh lãi suất tham chiếu từ Libor sang Sofr đối với các khoản vay lại.

Nhìn chung, công tác quản lý nợ công của Việt Nam trong năm 2024 được đánh giá là an toàn, hiệu quả, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia và tăng tính chủ động ứng phó với các rủi ro kinh tế.

*Về kế hoạch vay, trả nợ công.* Theo Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 31/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ, kế hoạch vay, trả nợ công năm 2024 được phê duyệt với các nội dung chính như sau:

- Kế hoạch vay của Chính phủ: Tổng mức vay tối đa: 676.057 tỷ đồng, bao gồm: (i) Vay cho cân đối ngân sách trung ương: 659.934 tỷ đồng, trong đó, vay bù đắp bội chi ngân sách trung ương: 372.900 tỷ đồng; Vay để trả nợ gốc: 287.034 tỷ đồng; (ii) Vay về cho vay lại: 16.123 tỷ đồng. Nguồn huy động linh hoạt từ các công cụ: phát hành trái phiếu Chính phủ, vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài, và trong trường hợp cần thiết, vay từ các nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Kế hoạch trả nợ của Chính phủ: Tổng số tiền trả nợ dự kiến: 453.990 tỷ đồng, bao gồm:

+ Trả nợ trực tiếp của Chính phủ: 395.874 tỷ đồng.

+ Trả nợ của các dự án cho vay lại: 58.116 tỷ đồng.

- Kế hoạch vay được Chính phủ bảo lãnh: Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB): Mức bảo lãnh phát hành trái phiếu tối đa 1.160 tỷ

đồng, tương đương với nghĩa vụ trả nợ gốc trái phiếu đến hạn trong năm 2024. Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP): Không phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh trong năm 2024.

Kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương: Vay từ nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và các nguồn vay khác: 30.619 tỷ đồng; Trả nợ: 6.993 tỷ đồng, bao gồm, trả gốc: 4.119 tỷ đồng và trả lãi: 2.874 tỷ đồng.

Chính phủ đánh giá, quản lý nợ công bám sát Nghị quyết của Quốc hội, đảm bảo an toàn nợ. Cùng với đó, cơ cấu nợ Chính phủ đến cuối năm nay cải thiện tích cực. Nợ được Chính phủ bảo lãnh được quản lý chặt chẽ, tỷ trọng giảm từ mức 3,8% GDP năm 2021 xuống còn 2 - 3% GDP năm nay. Việc trả nợ được thực hiện đầy đủ cam kết, trong dự toán đã duyệt. Chỉ tiêu nghĩa vụ nợ trực tiếp của Chính phủ trên thu ngân sách khoảng 21 - 22%.

Chiến lược quản lý nợ chủ động giúp làm giảm rủi ro thanh khoản cũng như sự phụ thuộc vào các nguồn huy động bên ngoài. Nợ bằng ngoại tệ giảm dần giúp hạ rủi ro tỷ giá. Tuy nhiên, Chính phủ nhìn nhận việc đàm phán, ký thỏa thuận vay nước ngoài chậm hơn. Chi phí vay nước ngoài đang cao hơn so với mức bình quân trong nước và tiềm ẩn các rủi ro về biến động tỷ giá. Giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn vay nước ngoài đạt thấp.

## **2.6. CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ**

### **2.6.1. Chính sách tài khóa**

Năm 2024 là năm thứ tư thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, là năm quan trọng nhằm tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế. Tiếp tục phát huy những điểm sáng về phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và giải quyết những nguy cơ tiềm ẩn trong nền kinh tế ở Việt Nam, Chính phủ đã đưa ra Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024 (sau đây gọi là Nghị quyết 01). Nhiệm vụ và giải pháp đầu tiên được đưa ra nhằm phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 là “ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn”. Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ trên, các chính sách cần được phối hợp linh hoạt, trong đó chính sách tài khóa năm 2024 được thực hiện là “chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.”

Theo đó, chính sách tài khóa cần xem xét tiếp tục thực hiện các chính sách liên quan đến miễn, giảm, gia hạn các loại thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; Đẩy mạnh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm để phân đầu giải ngân trên 95% kế hoạch được giao, trong đó chú trọng đến các dự án trọng điểm quốc gia, đường cao tốc, liên vùng, ven biển.

### ***Chính sách thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất***

Trong năm 2024, Chính phủ đã thực hiện một số chính sách miễn, giảm và gia hạn các loại thuế, lệ phí, tiền thuê đất cho người dân và doanh nghiệp, trong đó có thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân,...

Về chính sách giảm thuế: trong năm 2024, tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28 tháng 12 năm 2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội. Theo đó tiếp tục thực hiện giảm thuế giá trị gia tăng 2% đối với một số nhóm hàng hóa dịch vụ từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. Thuế giá trị gia tăng tiếp tục giảm trong 6 tháng tiếp theo của năm 2024 theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội, thực hiện giảm thuế từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Về chính sách gia hạn thời gian nộp thuế, tiếp tục gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2024 theo Nghị định số 64/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ. Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước được tiếp tục gia hạn thời hạn nộp, theo đó thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh của kỳ tính thuế tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2024 được gia hạn theo Nghị định số 65/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

Về chính sách giảm phí, lệ phí: Lệ phí trước bạ đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước tiếp tục giảm 50% mức thu từ tháng 9 đến hết tháng 11/2024 theo Nghị định số 109/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ. Hơn nữa, ngày 28 tháng 6 năm 2024, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2024/TT-BTC quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho

hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, thực hiện giảm mức thu đối với 36 loại phí và lệ phí được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các khoản phí, lệ phí liên quan đến sử dụng dịch vụ công trực tuyến năm 2024 tiếp tục thực hiện mức giảm từ 10% đến 50% theo Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.

### ***Chính sách đầu tư công***

Tiếp nối những thành công của năm 2023 về giải ngân vốn đầu tư công, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Nghị quyết 01 đã thể hiện quan điểm của Chính phủ về vấn đề đầu tư công. Theo đó, nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện là đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm để đạt mục tiêu giải ngân trên 95% so với kế hoạch. Tập trung và các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, đường cao tốc, liên vùng, ven biển và các chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện đầu tư có trọng điểm, tập trung, không dàn trải, các dự án không thật sự cần thiết sẽ được loại bỏ ra khỏi danh mục đầu tư. Các dự án không giải ngân được sẽ được chuyển vốn sang các dự án có khả năng giải ngân nhằm tránh lãng phí và kém hiệu quả. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong các khâu quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án và giải ngân vốn đầu tư công. Cần chủ động chuẩn bị sẵn sàng về mặt bằng, mỏ vật liệu, nhân công,...

Trong năm 2024, quá trình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công đã được giám sát chặt chẽ và có những định hướng và giải pháp cụ thể trong từng tháng, từng quý của năm. Ngày 22 tháng 3 năm 2024 Thủ tướng ban hành Công điện số 24/CĐ-TTg về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024. Ngày 05 tháng 4 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết 44/NQ-CP về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2024 và hội nghị trực tuyến chính phủ với địa phương. Theo đó, cần phải thực hiện “quyết liệt giải ngân vốn đầu tư công; tập trung thúc đẩy tiến độ thi công các dự án, công trình trọng điểm, nhất là các công trình hạ tầng giao thông chiến lược, quan trọng quốc gia, như đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông; các dự án cao tốc Đông - Tây; sân bay, cảng biển; đường cao tốc, dự án liên vùng, liên tỉnh.” Chính phủ tiếp tục bám sát hoạt động thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nhằm kịp thời có biện pháp giải quyết các vướng mắc, thúc đẩy đầu tư công trong năm 2024 đảm bảo các mục tiêu đã đề

ra. Các Công điện 71/CĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2024; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024; Công điện số 104/CĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2024 đã thể hiện quan điểm chỉ đạo, quyết liệt trong việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Trong đó Công điện số 104/CĐ-TTg về việc đôn đốc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024 đã đưa ra kết quả tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 09 tháng đầu năm của cả nước ước đạt 47,29% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, trong khi đó, cùng kỳ năm trước đạt 51,38%. Công điện 115/CĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng chính phủ tiếp tục đánh giá kết quả đầu tư công 10 tháng năm 2024 đạt 52,92%. Như vậy, kết quả thực hiện chưa đạt như kỳ vọng đề ra, do đó, việc đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công trong những tháng cuối năm là hết sức khẩn trương và cấp bách.

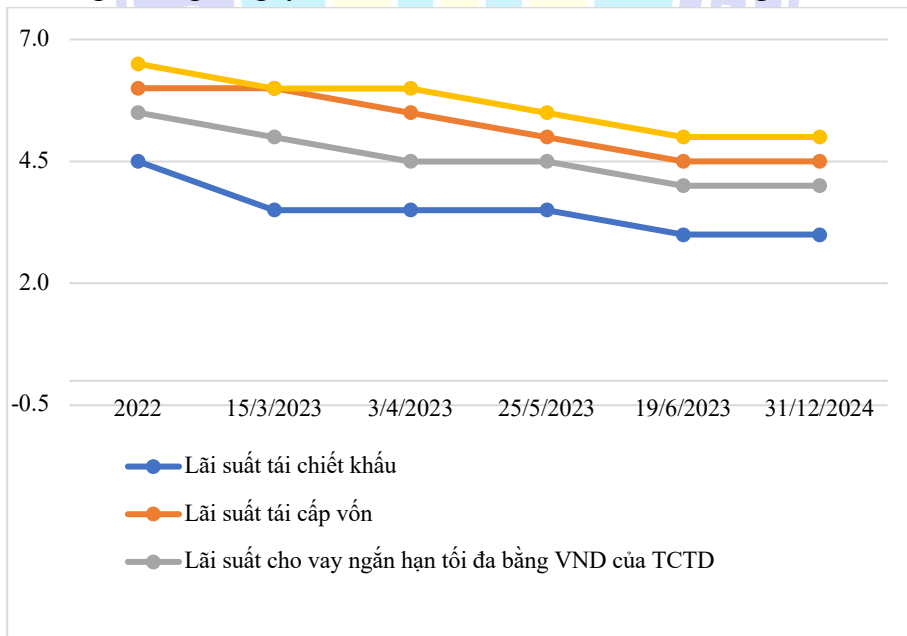
Như vậy, chính sách tài khóa năm 2024 đã được thực hiện theo hướng chính sách tài khóa mở rộng, tiếp tục thực hiện với các chính sách giảm, miễn, gia hạn các loại thuế, phí, lệ phí đồng thời thúc đẩy thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách và kiểm tra, giám sát thực hiện đặc biệt đối với chính sách đầu tư công. Tuy nhiên, quá trình thực hiện có nhiều vướng mắc, khó khăn nên kết quả thực hiện còn chậm so với kế hoạch được giao.

### **2.6.2. Chính sách tiền tệ**

Năm 2024, Chính phủ, NHNN đã chủ động điều hành các công cụ chính sách tiền tệ (CSTT) linh hoạt, theo sát những biến động lớn của kinh tế thế giới, góp phần kiểm soát lạm phát phù hợp với mục tiêu đề ra.

Về điều hành tín dụng, NHNN đã đổi mới biện pháp điều hành tăng trưởng tín dụng (TTTD), thông báo công khai chỉ tiêu TTTD từ đầu năm. Trong điều kiện lạm phát được kiểm soát tốt dưới mức mục tiêu, NHNN đã hai lần điều chỉnh chỉ tiêu TTTD cho các tổ chức tín dụng (TCTD) vào ngày 28/8 và ngày 28/11 để kịp thời đáp ứng vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh. Việc chủ động điều chỉnh chỉ tiêu TTTD cho các TCTD mà các TCTD không cần phải đề nghị, dựa trên nguyên tắc cụ thể, bảo đảm công khai, minh bạch; cũng giúp các ngân hàng thương mại triển khai thực hiện một cách tích cực và hoàn toàn chủ động. (Anh, 2025)

Về điều hành lãi suất, trong năm 2024, NHNN tiếp tục duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp để định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Theo Quyết định số 2411/QĐ-NHNN ngày 01/11/2024 về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-NHNN ngày 30/9/2024, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng ở mức 0,5%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng ở mức 4,75%/năm, riêng lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô ở mức 5,25%/năm; lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường. Các mức lãi suất tái cấp vốn, tái chiết khấu, lãi suất cho vay tối đa cũng được giữ nguyên so với thời điểm điều chỉnh tháng 6/2023.



*Nguồn: Tổng hợp từ Ngân hàng Nhà nước, 2025*

**Hình 2.18. Các mức lãi suất điều hành của NHNN giai đoạn 2022 - 2024**

NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành trong bối cảnh lãi suất thế giới vẫn neo ở mức cao, tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp, qua đó có điều kiện để hỗ trợ nền kinh tế. Trên cơ sở điều hành của NHNN, một

số ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất nhưng mức tăng vẫn nằm trong tầm kiểm soát của NHNN. Mặt bằng lãi suất cho vay đối với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại đã giảm 0,44% so với năm 2023. Đây là bước đi thể hiện sự chủ động của NHNN, phù hợp với diễn biến, tình hình trong và ngoài nước, hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với kiểm soát lạm phát. (Anh, 2025; Đức, 2025b)

Về điều hành tỷ giá, NHNN điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp, góp phần hấp thu các cú sốc bên ngoài; đồng thời, phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ. Nhờ đó, thị trường ngoại tệ duy trì ổn định, thanh khoản ngoại tệ thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ; tỷ giá diễn biến linh hoạt theo cả hai chiều tăng/giảm, phù hợp với điều kiện thị trường. Đến cuối năm 2024, tỷ giá tăng khoảng 5,03%, đây là sự ổn định, hài hòa, cân đối được ngoại tệ trong nền kinh tế, đảm bảo cho xuất, nhập khẩu, các doanh nghiệp, nhà đầu tư không có gì lo lắng để phải đầu cơ, găm giữ ngoại tệ.

Với các giải pháp đồng bộ của NHNN, tính đến thời điểm 25/12/2024, tổng phương tiện thanh toán tăng 9,42% so với cuối năm 2023 (cùng thời điểm năm trước tăng 10,34%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,06% (cùng thời điểm năm trước tăng 11,19%). Tính đến ngày 31/12/2024, tín dụng nền kinh tế tăng khoảng 15,08 % so với cuối năm 2023. Tín dụng tập trung vào các sản xuất - kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên. (TV, 2025)

Mặt khác, NHNN tiếp tục chỉ đạo các TCTD đẩy mạnh triển khai các chương trình tín dụng như: Chương trình 145.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm, thủy sản... Đặc biệt, ngành ngân hàng đã khẩn trương, kịp thời thực hiện các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3.

Khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt và hoạt động ngân hàng số tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện, tạo sự đồng bộ và điều kiện thuận lợi cho phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, thúc đẩy hoạt động ngân hàng số, ứng dụng công nghệ mới và đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán. (TV, 2025)

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động điều hành chính sách tín dụng của NHNN cũng còn một số hạn chế. Điển hình như chính sách tín dụng cho bất động sản và DN nhỏ và vừa là hai lĩnh vực cần phải đẩy

mạnh hơn nữa. Tuy nhiên, không ít DN thuộc hai lĩnh vực này lại chưa đủ điều kiện, tiêu chuẩn để có thể vay vốn ngân hàng. Mặt khác, việc triển khai một số chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ còn gặp vướng mắc bởi các quy định pháp luật chưa thực sự đồng bộ, đặc biệt là nhà ở xã hội. (Đức, 2025a)

Lãi suất đã giảm nhưng vẫn ở mức cao, đồng thời, khó khăn tài chính ở nhiều doanh nghiệp ảnh hưởng đến khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế. Chính sách thắt chặt tín dụng và lãi suất vay vẫn cao khiến doanh nghiệp khó tiếp cận vốn để duy trì và mở rộng sản xuất, kết quả là, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa phải đóng cửa hoặc thu hẹp quy mô hoạt động.

### **2.6.3. Chính sách thương mại và đầu tư**

Ngành Công thương đặt ra mục tiêu về phát triển thương mại năm 2024 bao gồm:

+ Về thương mại nội địa: Phát triển mạng lưới phân phối hiện đại như trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi, đồng thời nâng cao hiệu quả các chợ truyền thống; Phát triển các mô hình bán lẻ kết hợp với thương mại điện tử, tạo thuận lợi cho người tiêu dùng trong việc tiếp cận sản phẩm; Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động bán lẻ, phát triển các sàn thương mại điện tử và ứng dụng bán lẻ trực tuyến; Tiếp tục thực hiện chương trình "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", nâng tỷ lệ hàng Việt trong hệ thống phân phối hiện đại lên trên 90%. Năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành cả nước ước đạt 6.391,0 nghìn tỷ đồng, tăng 9,0% so với năm trước (năm 2023 tăng 9,4%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,9% (năm 2023 tăng 6,8%).

+ Về ngoại thương: Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 6%, tương ứng 377 tỷ USD. Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, chú trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và nông sản chế biến; Mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết như CPTPP, EVFTA, RCEP, và UKVFTA.

Để đạt được các mục tiêu này, Chính quyền các cấp tiếp tục triển khai thực hiện và ban hành các chính sách đối với thương mại trong năm 2024, cụ thể như sau:



a) Đối với thương mại nội địa

Năm 2024, Việt Nam tiếp tục thực hiện các chính sách trọng điểm nhằm thúc đẩy thương mại nội địa, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế bền vững và nâng cao chất lượng đời sống người dân. Chính phủ tập trung vào đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực bán lẻ, và phát triển hệ thống phân phối hiện đại.

*Về quy hoạch và phát triển hạ tầng thương mại.* Chính phủ tiếp tục triển khai các chính sách ưu tiên cải thiện cơ sở hạ tầng thương mại, bao gồm chợ đầu mối, trung tâm logistics, siêu thị, và cửa hàng tiện lợi, nhằm đảm bảo hàng hóa lưu thông hiệu quả từ sản xuất đến tiêu dùng. Đồng thời, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được đẩy mạnh thông qua các biện pháp về tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực, và trợ giúp kỹ thuật, đặc biệt trong việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số.

*Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người tiêu dùng.* Thực hiện cung cấp các gói hỗ trợ tài chính, ưu đãi thuế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại (theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Bên cạnh đó, chương trình "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" tiếp tục được triển khai nhằm nâng cao tỷ lệ tiêu thụ hàng Việt Nam trong hệ thống phân phối. Chính sách này không chỉ thúc đẩy sản xuất trong nước mà còn hỗ trợ quảng bá và tiêu thụ hàng hóa địa phương, đặc biệt là các sản phẩm nông sản và đặc sản vùng miền; Phát triển hệ thống thông tin thị trường để hỗ trợ doanh nghiệp và người tiêu dùng tiếp cận thông tin giá cả, chất lượng sản phẩm. Các văn bản được ban hành trong năm 2024 liên quan đến chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người tiêu dùng tại Việt Nam:

- Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 27/8/2024: Chỉ thị về việc kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường trong nước. Chỉ thị này đề ra các giải pháp nhằm thúc đẩy tiêu dùng nội địa, hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và phát triển thị trường trong nước để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Công văn số 806/CT-HĐM ngày 2/7/2024: Công văn về các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có hiệu lực từ ngày 01/7/2024. Công văn này thông báo về việc ban hành và hiệu lực của các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền lợi người

tiêu dùng, nhằm nâng cao nhận thức và thực thi quyền lợi của người tiêu dùng.

*Về quản lý thị trường.* Chính phủ chú trọng quản lý giá cả, bình ổn thị trường và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thông qua các biện pháp kiểm soát chất lượng hàng hóa, tăng cường xử lý vi phạm về hàng giả, hàng nhái, và gian lận thương mại. Năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

*Về thúc đẩy chuyển đổi số trong thương mại nội địa.* Chính phủ khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành và mở rộng mô hình kinh doanh trực tuyến, phát triển sàn thương mại điện tử và nền tảng số hỗ trợ kết nối cung cầu. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số được triển khai thông qua ưu đãi tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực, và hỗ trợ kỹ thuật. Đồng thời, các giải pháp về bảo mật dữ liệu và thanh toán điện tử được tăng cường nhằm tạo dựng lòng tin của người tiêu dùng và thúc đẩy tiêu dùng nội địa. Chuyển đổi số không chỉ giúp mở rộng thị trường mà còn thúc đẩy tăng trưởng bền vững cho thương mại trong nước.

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024: Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định này phê duyệt quy hoạch phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, bao gồm các mục tiêu và định hướng phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024: Phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Quyết định này phê duyệt chiến lược phát triển hạ tầng số, đặt ra các mục tiêu như phổ cập cáp quang đến các hộ gia đình và phủ sóng mạng băng rộng di động 5G đến 99% dân số vào năm 2030.

#### b) Chính sách đối với hoạt động ngoại thương

Năm 2024, chính sách ngoại thương của Việt Nam tập trung vào việc thúc đẩy xuất khẩu bền vững, kiểm soát nhập khẩu hợp lý và thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế. Các chính sách này nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh, bảo vệ lợi ích quốc gia, và duy trì tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều thách thức.

Chính phủ triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp thâm nhập các thị trường mới và tối ưu hóa hiệu quả từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP, EVFTA, và RCEP. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường để đáp ứng yêu cầu về phát triển bền vững từ các thị trường nhập khẩu lớn.

Trong năm 2024, Việt Nam đã triển khai một số chính sách nhằm thúc đẩy xuất khẩu bền vững, tập trung vào việc chuyển đổi xanh và nâng cao giá trị gia tăng cho hàng hóa xuất khẩu:

*Xúc tiến xuất khẩu xanh:* Bộ Công Thương đã tổ chức Diễn đàn Xúc tiến Xuất khẩu Việt Nam 2024 với chủ đề "Xúc tiến xuất khẩu xanh", nhằm hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, đáp ứng xu hướng tiêu dùng xanh trên toàn cầu

*Thông báo số 54464/TB-BCT ngày 8/12/2024:* Bộ Công Thương ban hành thông báo về kết quả tổ chức Diễn đàn Xúc tiến xuất khẩu Việt Nam năm 2024, với mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và tận dụng cơ hội từ thị trường xuất khẩu.

*Kế hoạch số 337323/KH-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ Công Thương:* Đặt mục tiêu tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 15,8% so với năm trước, cao gần gấp 3 lần so với mục tiêu kế hoạch do Chính phủ giao trong năm 2024 (6%), đồng thời thúc đẩy xuất khẩu bền vững thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế

*Chi thị số 82276/CT-QH ngày 20/10/2024 của Quốc hội:* về việc phát triển xuất nhập khẩu gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và địa phương, nhằm phát huy lợi thế cạnh tranh, khai thác hiệu quả cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do và thúc đẩy xuất khẩu bền vững

**Chính sách đầu tư:** Trong năm 2024, Việt Nam đã triển khai nhiều chính sách nhằm thu hút và thúc đẩy đầu tư, đặc biệt là FDI, với mục tiêu nâng cao chất lượng và hiệu quả của các dự án đầu tư. Việt Nam đã áp dụng các chính sách đột phá để thu hút FDI thế hệ mới, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao. Các biện pháp này nhằm tận dụng nguồn lực từ bên ngoài, trong bối cảnh nguồn lực trong nước còn hạn chế. Việt Nam tập trung quản lý đầu tư nhằm: Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư công, đầu tư tư nhân và FDI; Thúc đẩy các dự án có giá trị gia

tăng cao, công nghệ tiên tiến, và thân thiện với môi trường; Giảm thiểu rủi ro trong quản lý vốn đầu tư công, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Chính phủ tiếp tục thực hiện ban hành các văn bản nhằm nâng cao hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công, như:

- Nghị định số 25/2024/NĐ-CP: quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư công, tập trung vào các tiêu chí lựa chọn và thẩm định dự án, giám sát thực hiện, và quy trình báo cáo.

- Quyết định số 147/QĐ-TTg: Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2024-2026, trong đó nhấn mạnh ưu tiên đầu tư vào hạ tầng giao thông, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số.

- Quản lý đầu tư nước ngoài

Chính sách quản lý FDI năm 2024 tập trung vào: tăng cường chất lượng các dự án FDI với các ưu đãi đặc biệt, quy định tại Nghị định số 29/2024/NĐ-CP. Hỗ trợ các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất xanh, và năng lượng tái tạo, thông qua việc áp dụng cơ chế "một cửa" trong cấp phép đầu tư.

- Quản lý đầu tư tư nhân

Khuyến khích đầu tư tư nhân thông qua các cơ chế bảo vệ quyền sở hữu tài sản, tăng khả năng tiếp cận vốn và thông tin thị trường, cụ thể trong Thông tư số 11/2024/TT-BKHĐT.

## **2.6.4. Chính sách khác**

### ***Chính sách tiền lương***

Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, mức lương cơ sở là 2,34 triệu đồng/tháng thay cho mức 1,8 triệu đồng/tháng.

Lương tối thiểu vùng năm 2024 cũng có sự điều chỉnh từ tháng 7 năm 2024. Năm 2024, mức lương tối thiểu vùng được thực hiện theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 đến hết tháng 6 năm 2024 và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 từ tháng 7 năm 2024. Theo đó, mức lương tối thiểu vùng của vùng I được điều chỉnh tăng 280.000 đồng đạt mức 4.960.000 đồng/tháng; vùng II tăng 250.000 đồng ở mức 4.410.000 đồng/tháng; vùng III tăng 220.000 đồng đạt mức 3.860 đồng/tháng và vùng IV tăng 200.000 đồng ở mức 3.450.000 đồng/tháng.

Ngoài ra, Chính phủ ban hành Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/2/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 liên quan đến việc quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

### ***Chính sách điều chỉnh giá một số mặt hàng***

Trong năm 2024, giá điện được điều chỉnh theo Quyết định số 05/2024/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân. Quyết định này thay thế Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2024. Ngày 30 tháng 7 năm 2024, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 09/2024/TT-BCT quy định tính toán giá bán điện bình quân nhằm hướng dẫn Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính toán giá bán điện bình quân theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 05/2024/QĐ-TTg. Theo đó, “giá bán điện bình quân được lập trên cơ sở chi phí khâu phát điện, chi phí mua các dịch vụ truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, chi phí dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, chi phí điều hành - quản lý ngành, các khoản chi phí khác được phân bổ và chỉ bao gồm những chi phí phục vụ trực tiếp cho việc sản xuất, cung ứng điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam để đảm bảo khả năng vận hành, cung ứng điện và đáp ứng nhu cầu đầu tư theo kế hoạch được duyệt, trong đó chi phí các khâu có tính đến các khoản giảm trừ giá thành theo quy định”.

Năm 2024, mức giá trần vé máy bay nội địa cũng được điều chỉnh tăng theo Thông tư số 34/2023/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2024. Theo đó, các đường bay có khoảng cách dưới 500km có mức giá là 1.600.000 đồng/vé/chiều với đường bay phát triển kinh tế - xã hội và 1.700.000 đồng/vé/chiều với các đường bay khác. Ngoài ra, các nhóm đường bay còn lại sẽ có mức tăng giá từ 50.000 - 250.000 đồng/vé/chiều so với quy định cũ, tùy thuộc vào độ dài từng đường bay. Mức giá tối đa đã bao gồm toàn bộ chi phí hành khách phải trả cho một vé máy bay, trừ thuế giá trị gia tăng và các khoản thu hộ cho cảng hàng không (bao gồm giá phục vụ hành

khách và giá đảm bảo an ninh hành khách, hành lý; khoản giá dịch vụ với các hạng mục tăng thêm). Căn cứ đề xuất tăng trần giá vé máy bay nội địa là do sự tăng lên của giá nhiên liệu bay và tỷ giá làm cho chi phí của chuyến bay tăng lên.

### ***Chính sách quy định khu công nghệ cao***

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2024/NĐ-CP quy định về khu công nghệ cao có hiệu lực từ ngày 25 tháng 03 năm 2024. Nghị định quy định các “phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao; việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; hoạt động tại khu công nghệ cao; cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao”. Nghị định cũng quy định rõ các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với khu công nghệ cao, theo đó đây là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng các ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư. Tùy thuộc vào dự án đầu tư, các hoạt động trong khu công nghệ cao sẽ được áp dụng các mức ưu đãi, hỗ trợ theo quy định pháp luật về đầu tư, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, đất đai, tín dụng và pháp luật có liên quan. Ưu tiên tham gia các chương trình hỗ trợ đào tạo, tuyển dụng lao động; chương trình hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ vốn vay và các chương trình hỗ trợ khác của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương.



## CHƯƠNG 3. THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA

### 3.1. TỔNG MỨC BÁN LẺ VÀ CUNG - CẦU MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU

#### 3.1.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

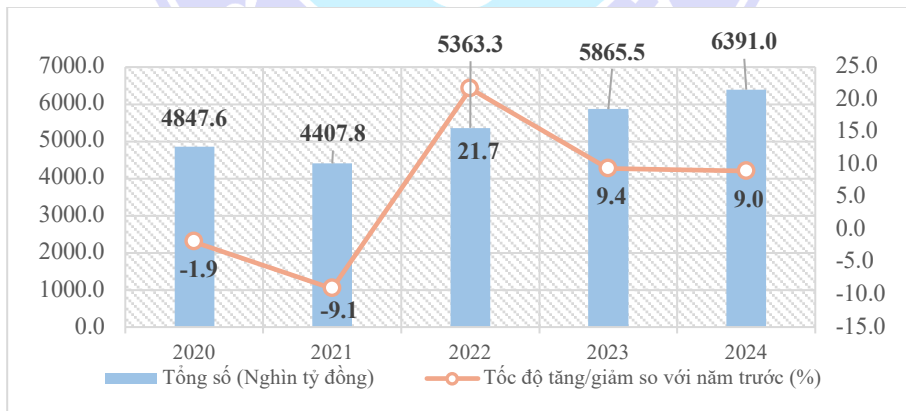
##### *a. Khái quát về tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ*

Bước vào năm 2024, năm thứ tư thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025, thương mại Việt Nam tiếp tục đối mặt với những thách thức không hề nhỏ. Trên thế giới, xung đột quân sự tiếp tục leo thang với các điểm nóng Nga-Ukraine, Hamas-Israel, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra gay gắt. Về kinh tế và thương mại, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với những thách thức từ tăng trưởng yếu và lạm phát giảm chậm, chính sách tiền tệ thắt chặt từ những năm trước tiếp tục duy trì đến hết quý III/2024 mới được nói lỏng một phần, bảo hộ thương mại tiếp tục gia tăng, chuỗi cung ứng toàn cầu tiềm ẩn nguy cơ đứt gãy ở bất cứ thời điểm nào... Trong khi đó, ở trong nước, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, đặc biệt cơn bão Yagi và Soulik đã tàn phá nặng nề các địa phương phía Bắc và khu vực duyên hải miền Trung. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đồng hành của Quốc hội cùng với sự chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ ngành và địa phương, thị trường và thương mại nội địa năm 2024 vẫn có những bước tiến vững chắc. Thương mại nội địa khẳng định vai trò “trụ đỡ” đảm bảo cho các mục tiêu tăng trưởng vĩ mô.

Kết quả hoạt động thương mại nội địa được thể hiện qua chỉ tiêu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng. Đây là toàn bộ doanh thu hàng hoá bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng đã bán ra thị trường nội địa của các cơ sở sản xuất kinh doanh, bao gồm: doanh thu bán lẻ hàng hoá; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống; doanh thu du lịch lữ hành; doanh thu dịch vụ khác. Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024 của Tổng cục Thống kê công bố ngày 6 tháng 1 năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành năm 2024 đạt 6.391 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2023 (năm 2023 tăng 9,4%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,9% (năm 2023 tăng 6,8%). Kết quả này cho thấy hoạt động thương mại trong nước tiếp tục khai thác

hiệu quả sức mua của thị trường, có sự phục hồi tích cực, là trụ đỡ cho việc thực hiện các mục tiêu cân đối vĩ mô quan trọng. So với năm 2019 (năm chưa xảy ra dịch Covid-19), tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 tăng 29,4%, trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 31,5% và doanh thu du lịch lữ hành tăng 39,8%.

Trong thương mại nội địa, giao dịch qua phương thức thương mại điện tử tăng nhanh. Thương mại điện tử tiếp tục phát triển trở thành kênh phân phối quan trọng, góp phần phát triển chuỗi cung ứng và lưu thông trong và ngoài nước, hỗ trợ tiêu thụ hiệu quả lượng lớn nông sản, thực phẩm cho người nông dân và doanh nghiệp. Năm 2024, quy mô thị trường thương mại điện tử bán lẻ Việt Nam ghi nhận giá trị 25 tỷ USD, chiếm 9% doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng của cả nước, đạt tốc độ tăng trưởng 20%/năm so với năm 2023. Tỷ trọng thương mại điện tử chiếm 2/3 giá trị của nền kinh tế số Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng hai con số của thương mại điện tử tiếp tục đưa Việt Nam vào nhóm 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử hàng đầu thế giới, tạo động lực phát triển kinh tế số và dẫn dắt chuyển đổi số trong doanh nghiệp.



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2025)

**Hình 3.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành, giai đoạn 2020 - 2024**

**b. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo quý, tháng**

Năm 2024, hoạt động thương mại nội địa tiếp tục khai thác hiệu quả sức mua của thị trường, phục hồi tích cực, đạt mức tăng trưởng vượt trội so với mức tăng trưởng chung của nền kinh tế. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ năm 2024 tăng 9% so với



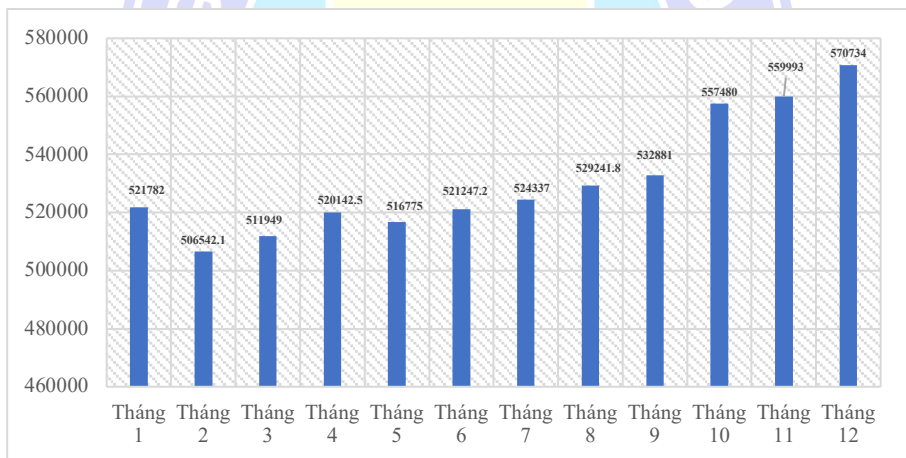
năm 2023, đạt mục tiêu kế hoạch của ngành (mục tiêu tăng 9%) được nêu trong Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 5 tháng 1 năm 2024. Với mức tăng 9%, nếu xét theo tháng, ngoại trừ tháng 2, tháng 5 và tháng 8 có tổng mức giảm nhẹ so với tháng liền kề, các tháng còn lại đều ghi nhận mức tăng so với tháng trước đó. Tuy nhiên, nếu so sánh với các tháng cùng kỳ năm 2023, tất cả các tháng trong năm 2024 đều có mức tăng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cao hơn so với cùng kỳ, dao động từ 7,1 đến 9,5%. Mức tăng cao nhất 9,5% được ghi nhận trong tháng 5, tiếp đến là các tháng 7, 12, 3, 6 và 4. Sở dĩ có mức tăng cao của các tháng này so với cùng kỳ là do nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước phục hồi. Thêm vào đó là sự đóng góp lớn của các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ du lịch lữ hành.

Theo số liệu báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 1 năm 2024 theo giá hiện hành đạt 524,1 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 13,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,8% (cùng kỳ năm 2023 tăng 9,1%). Sự gia tăng này chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng các vật phẩm văn hóa, giáo dục, đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình và dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2023. Bước sang tháng 2, tháng trùng với Tết Nguyên Đán, nhu cầu tiêu dùng, mua sắm và du lịch của người dân tiếp tục tăng cao nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2023. Tuy nhiên, nếu so với quy mô tháng 1 thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ lại giảm 2,3%. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành đạt 1.031,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 tăng 14,7%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,0% (cùng kỳ năm 2023 tăng 10,9%).

Vào tháng 4, khi đề xuất của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được chấp thuận, người lao động được nghỉ 5 ngày liên tục dịp 30/4. Với tần suất của các ngày nghỉ dài trong tháng 4, nhu cầu đi lại, mua sắm, vui chơi giải trí gia tăng mạnh mẽ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4 tăng 2% so với tháng 3 và tăng 9% so với cùng kỳ năm 2023. Tuy nhiên, sau dịp nghỉ lễ, nhu cầu tiêu dùng, đi lại của người dân sau dịp nghỉ lễ giảm nhẹ nên tổng mức lưu chuyển của tháng 5 đã giảm 0,1% xuống mức 519,7 nghìn tỷ đồng.

Các tháng còn lại của năm 2024, trừ tháng 8, tiếp tục chứng kiến mức tăng nhẹ của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng so với tháng trước và so với cùng kỳ năm 2023. Chính sách thị thực thuận lợi, các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh tại các địa phương cùng với những giải thưởng du lịch danh giá được các tổ chức quốc tế trao tặng đã thu hút khách quốc tế đến Việt Nam ngày càng tăng trong các tháng này. Tháng 12 là thời điểm chuẩn bị nguồn cung hàng hóa đáp ứng nhu cầu người dân Tết Ất Tỵ nên quy mô thương mại nội địa tăng 1,9% so với tháng 11 và tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó, dịch vụ lưu trú tăng 13,1%, dịch vụ du lịch và lữ hành tăng 9,9%.

Đơn vị: tỷ đồng



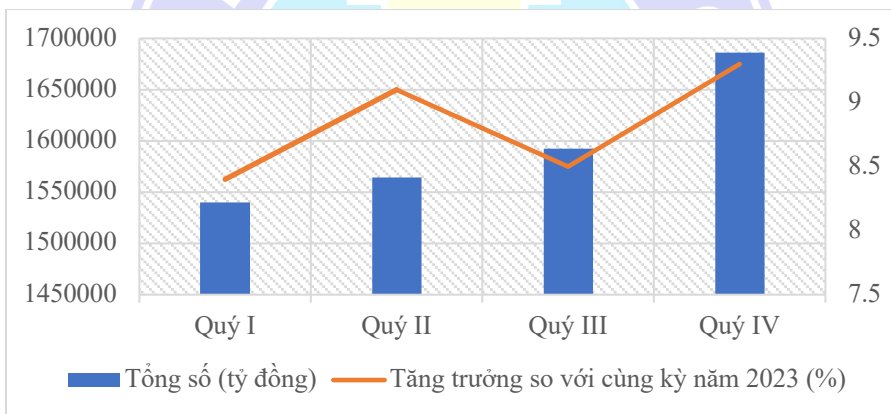
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2025)

### Hình 3.2. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tính theo từng tháng của năm 2024

Ghi chú: số liệu thực hiện theo từng tháng là số liệu sơ bộ. Số liệu tháng 12 là ước tính

Xét theo quý, tổng mức lưu chuyển có sự phục hồi khi giá trị các quý đều tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm 2023. Mức tăng so với cùng kỳ năm 2023 dao động trong khoảng từ 8,4% đến 9,3%. Trong quý I, thị trường hàng hóa trong nước tương đối ổn định mặc dù nhu cầu tiêu dùng đối với các mặt hàng như lương thực, thực phẩm, hàng may mặc, đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình giảm trong tháng 2 và tháng 3 do người dân đã mua tích trữ giai đoạn trước Tết. Tuy nhiên, chi

tiêu cho các dịch vụ du lịch và lữ hành lại tăng nhẹ ở các tháng liền kề. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong quý I đạt 1.540,27 nghìn tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó dịch vụ lưu trú, ăn uống (tăng 14,1%) và lữ hành (tăng 46,4%). Trong các quý tiếp theo, nhu cầu tiêu dùng và sản xuất tiếp tục phục hồi, nhất là sự tăng trưởng mạnh mẽ của du lịch nội địa tạo động lực cho tăng trưởng của thương mại nội địa. Trong quý II, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.564,16 nghìn tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2023. Trong quý IV, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt giá trị 1.686,1 nghìn tỷ đồng, tăng 5,9% so với quý III và tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2023.



*Ghi chú: số liệu các quý I, II, III là sơ bộ, quý IV là ước tính*

*Nguồn: Tổng cục Thống kê (2025)*

**Hình 3.3. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tính theo quý của năm 2024**

**c. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo ngành kinh doanh**

Cấu thành của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng gồm: doanh thu bán lẻ hàng hoá của các cơ sở kinh doanh thương nghiệp và doanh thu bán lẻ sản phẩm của các cơ sở sản xuất hoặc nông dân trực tiếp bán ra thị trường; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống; doanh thu du lịch lữ hành; doanh thu dịch vụ phục vụ cá nhân, cộng đồng và các dịch vụ khác do các tổ chức và cá nhân kinh doanh, phục vụ trực tiếp cho người tiêu dùng. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa thường chiếm tỷ trọng cao nhất. Trong doanh thu bán lẻ hàng hóa, nhóm lương thực, thực phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất, tiếp đến là nhóm

xăng dầu các loại và nhiên liệu, nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình, nhóm hàng may mặc...

Doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2024 đạt 4.921,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% so với năm 2023. Trong đó, tăng cao nhất là nhóm hàng lương thực, thực phẩm (10,8%); tiếp đến là nhóm hàng may mặc (8,4%); phương tiện đi lại (trừ ô tô) (8,2%); vật phẩm văn hóa, giáo dục (6%); đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (3,6%). Năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có mức tăng doanh thu bán lẻ hàng hóa cao nhất (tăng 26,4%). Năm 2023, mức tăng hai con số chỉ là Quảng Ninh (12,2%); Bình Dương (11,4%); Hải Phòng (10,4%)... Tuy nhiên, năm 2024, mức tăng doanh thu bán lẻ của các tỉnh thành có tổng mức cao của cả nước đều dừng ở 1 con số: Quảng Ninh (9,7%), Hải Phòng (9,6%), Cần Thơ (7,8%), Đà Nẵng (7,2%), Hà Nội (6,6%), Thành phố Hồ Chí Minh (5,2%). Quy mô doanh thu bán lẻ hàng hóa dao động quanh mức 77% trong suốt năm 2024. Tỷ trọng này thấp hơn 1 điểm phần trăm so với năm 2023 song cao hơn mức trung bình 74 - 75% của giai đoạn 2010 đến 2019.

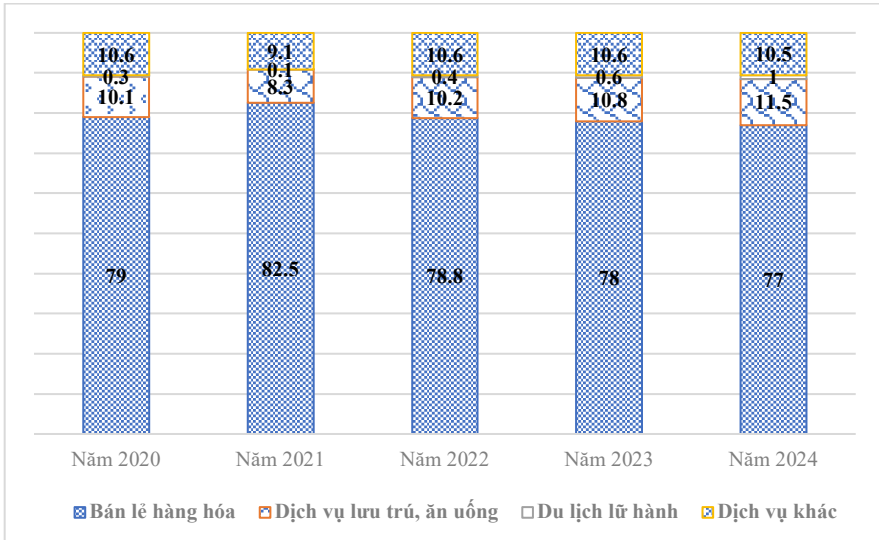
Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2024 đạt 733,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,5% tổng mức và tăng 12,9% so với năm 2023. Một số địa phương có doanh thu tăng trong năm 2024 gồm: Khánh Hòa (16,7%), Cần Thơ (13,7%), Hà Nội (11,7%), Thành phố Hồ Chí Minh (10,5%), Bình Dương (9,8%).

Doanh thu du lịch lữ hành đạt 62,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 1% tổng mức và tăng 16% so với năm 2023. Mức tăng này là thấp hơn nhiều so với mức tăng 52,5% của năm 2023 nhưng xét về giá trị tuyệt đối, tổng doanh thu dịch vụ du lịch và lữ hành năm 2024 cao hơn gần 25 nghìn tỷ đồng so với năm 2023. Nguyên nhân được lý giải là do từ đầu năm, các địa phương đã tăng cường đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến du lịch, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Vì vậy, doanh thu dịch vụ du lịch và lữ hành của một số địa phương tăng cao: Cần Thơ (33,7%), Quảng Ninh (21,4%), Thành phố Hồ Chí Minh (18,7%), Khánh Hòa (16,5%), Bình Dương (15,7%), Hà Nội (12,4%)...

Doanh thu dịch vụ khác năm 2024 đạt 672,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,5% tổng mức và tăng 9% so với năm 2023. Các địa phương có doanh thu tăng bao gồm: Điện Biên (17,8%), Đồng Nai (15,4%), Nam Định

(13,5%), Cần Thơ (12%), Hải Dương (9,2%), Hà Nội (8,5%), Thành phố Hồ Chí Minh (7,9%).

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2025)

### Hình 3.4. Cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa

#### và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, giai đoạn 2020 - 2024

#### d. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo khu vực thị trường

Có nhiều cách phân loại thị trường nội địa, trong đó, tiêu chí phân loại theo khu vực địa lý thường được các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng trong thống kê và quản lý. Theo khu vực địa lý, thị trường thương mại thường được chia theo 2 cách: (1) Phân loại theo địa hình, gồm hai khu vực chính là khu vực nông thôn (bao gồm cả miền núi, vùng xa, hải đảo) và khu vực thành thị; (2) Phân theo khu vực thị trường vùng kinh tế: gồm 06 vùng kinh tế, bao gồm các tỉnh có điều kiện tự nhiên tương đồng nhau như cách phân loại của Tổng cục Thống kê hiện sử dụng: vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải miền Trung, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Dân số Việt Nam phân bố không đồng đều giữa các vùng kinh tế - xã hội. Số liệu thống kê trong niên giám thống kê Việt nam 2023 cho thấy, Đồng bằng sông Hồng là nơi tập trung dân cư lớn nhất của cả nước với 23,73 triệu người, chiếm 23,66% tổng dân số cả nước; tiếp đến là

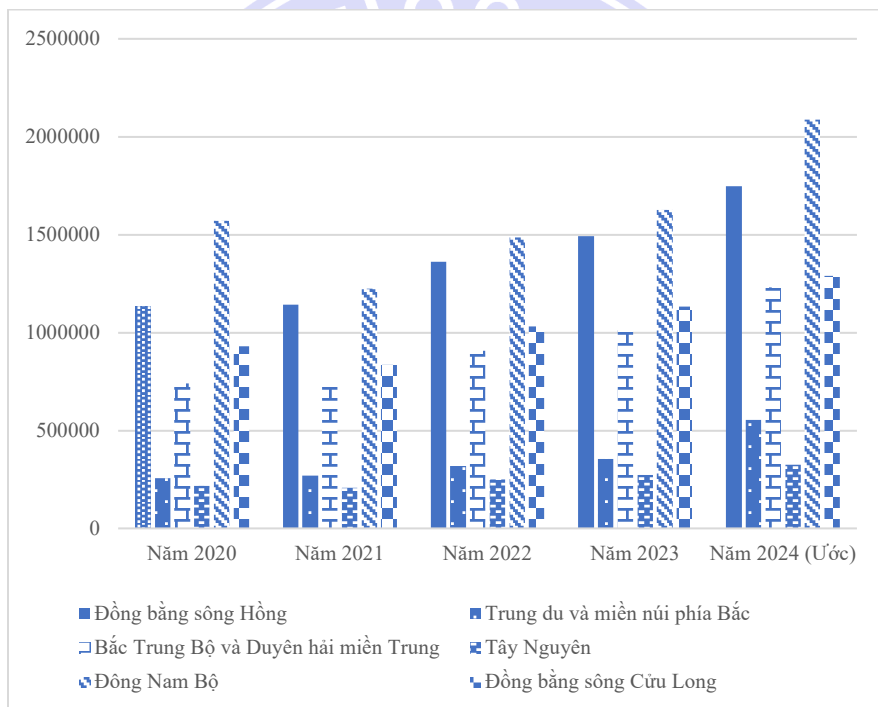
vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải miền Trung với 20,77 triệu người, chiếm 20,7%. Tây Nguyên là nơi có ít dân cư sinh sống nhất với 6,16 triệu người, chiếm 6,14% dân số cả nước. Vùng Đồng bằng sông Hồng là nơi có mật độ dân cư đông nhất cả nước với 1.115 dân/km<sup>2</sup>, tiếp đến là Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Đây đều là khu vực tập trung nhiều thành phố lớn với các trung tâm kinh tế năng động, thu hút nhiều người di cư đến làm ăn, sinh sống và học tập. Bên cạnh sự khác biệt về phân bố dân cư, các điều kiện kinh tế - xã hội từng khu vực, đặc biệt là thu nhập cũng tác động lớn đến quy mô lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ giữa các khu vực.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê và cục Thống kê các tỉnh công bố trong Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2024, cả 6 vùng kinh tế đều có quy mô tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2024 tăng so với năm 2023. Tăng cao nhất là khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, kế tiếp là Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên Hải miền Trung. Xếp theo địa phương thì Nghệ An là địa phương có mức tăng trưởng doanh thu của tổng mức cao nhất, tăng 28,82% so với năm 2023, đạt 157.356,4 tỷ đồng, tiếp đến là các địa phương Điện Biên (24,77%), Kiên Giang (22,15%), Bắc Kạn (20,99%), Sóc Trăng (20,55%), Lâm Đồng (19%), Hưng Yên (17,23%), Cao Bằng (16,84%), Thái Bình (15,74%)... Trong khi đó, nếu xét về quy mô, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là địa phương đứng đầu cả nước với 1.205,3 nghìn tỷ đồng, tiếp đến là Hà Nội 853,3 nghìn tỷ đồng, Bình Dương 352 nghìn tỷ đồng, Đồng Nai 298,56 nghìn tỷ đồng...

Trong 6 vùng kinh tế, Đông Nam Bộ là vùng có quy mô dân số đứng thứ 3 cả nước song lại là khu vực thị trường lớn nhất cả nước, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 đạt 2.187,9 nghìn tỷ đồng. Đây là sự phục hồi đáng kể sau giai đoạn Covid\_19, năm 2020 giảm 2,08% so với năm 2019, đạt 1.570 nghìn tỷ; năm 2022 tăng 21,3% so với năm 2021, đạt 1.485 nghìn tỷ đồng, năm 2023 tăng gần 9,4% so với năm 2022, đạt 1.626,57 nghìn tỷ đồng. Với sự phục hồi mạnh mẽ sau dịch, hiện tại quy mô tổng mức của vùng hiện chiếm gần 30% cả nước. Trong 6 tỉnh thành của khu vực Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là động lực cho tăng trưởng quy mô lưu chuyển hàng hóa của vùng năm 2024 với 1.205,31 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5 so với cùng kỳ năm 2023; trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 565,01 nghìn tỷ đồng, tăng 10,6%; doanh thu dịch vụ lưu trú và

ăn uống đạt 136,22 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5%; doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành đạt 38,85 nghìn tỷ đồng, tăng 42,9%. Các địa phương khác trong vùng cũng có mức tăng khá: Bình Dương tăng 13,3% đạt 352 tỷ đồng; Đồng Nai tăng 13,04% đạt 298,56 nghìn tỷ đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 13,42% đạt 122 nghìn tỷ đồng; Tây Ninh tăng 10,91% đạt 120,34 nghìn tỷ đồng.

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2025), tính toán của tác giả từ số liệu báo cáo của cục Thống kê các tỉnh (2025)

**Hình 3.5. Quy mô tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tính theo vùng, giai đoạn 2020 - 2024**

Đồng bằng sông Hồng là vùng có quy mô dân số lớn nhất cả nước, đứng thứ 2 cả nước về quy mô thị trường. Giai đoạn từ 2010 đến nay, về cơ bản, đây là khu vực thị trường có tỷ lệ tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tương đối ổn định, dao động từ quanh mức 22% cả nước. Tuy nhiên, trong 4 năm trở lại đây, tỷ trọng này tăng lên 25%. Thậm chí, trong giai đoạn Covid-19, vùng vẫn giữ được đà tăng tổng mức, với quy mô tăng từ 1.133,3 nghìn tỷ đồng năm 2020 lên 1.360 nghìn tỷ đồng năm 2022, chiếm 25,4% tổng quy mô cả nước. Năm

2023, vùng có quy mô tổng mức lưu chuyển bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ gần 1.493,54 nghìn tỷ đồng. Năm 2024, dù một số địa phương trong vùng chịu ảnh hưởng nặng nề của siêu bão Yagi, đặc biệt là Quảng Ninh song vùng vẫn đạt quy mô tổng mức khoảng 1.847,6 nghìn tỷ đồng (theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2024 của cục Thống kê các địa phương). Đáng lưu ý là 11 tỉnh thành trong vùng đều có mức tăng 2 con số (Hải Phòng 13,58%, Hà Nam 15,4%, Thái Bình 15,74%, Bắc Ninh 12,6%, Quảng Ninh 14,2%, Hải Dương 14,2%). Mặc dù Quảng Ninh, Hải Phòng có sự gia tăng đáng kể quy mô tổng mức thời gian qua song Hà Nội vẫn là địa phương dẫn đầu khu vực về quy mô thương mại. Giai đoạn 2018-2023, quy mô thương mại của thành phố tăng từ 458,89 nghìn tỷ đồng năm 2018 lên 670,25 nghìn tỷ đồng năm 2023, chiếm khoảng 45% tổng mức của vùng. Trong năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của thành phố đạt 853,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm 2023; trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 539,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 63,2% tổng mức và tăng 11% (đá quý, kim loại quý tăng 35,3%, lương thực, thực phẩm tăng 11,4%, gỗ và vật liệu xây dựng tăng 9,7%, xăng dầu tăng 8,9%, ô tô con tăng 8,8%, hàng may mặc tăng 8,3%, đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 8,1%, hàng hóa khác tăng 15,3%). Doanh thu khách sạn, nhà hàng đạt 117,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 13,7% tổng mức và tăng 11,7% (dịch vụ lưu trú đạt 13,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,5% và tăng 31,2%; dịch vụ ăn uống đạt 104,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,2% và tăng 9,6%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 27,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,3% và tăng 34,3%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 168,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 19,8% và tăng 6,8% (dịch vụ hành chính, văn phòng tăng 9,6%; dịch vụ giáo dục và đào tạo tăng 9%; dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 9%; dịch vụ y tế tăng 7,5%).

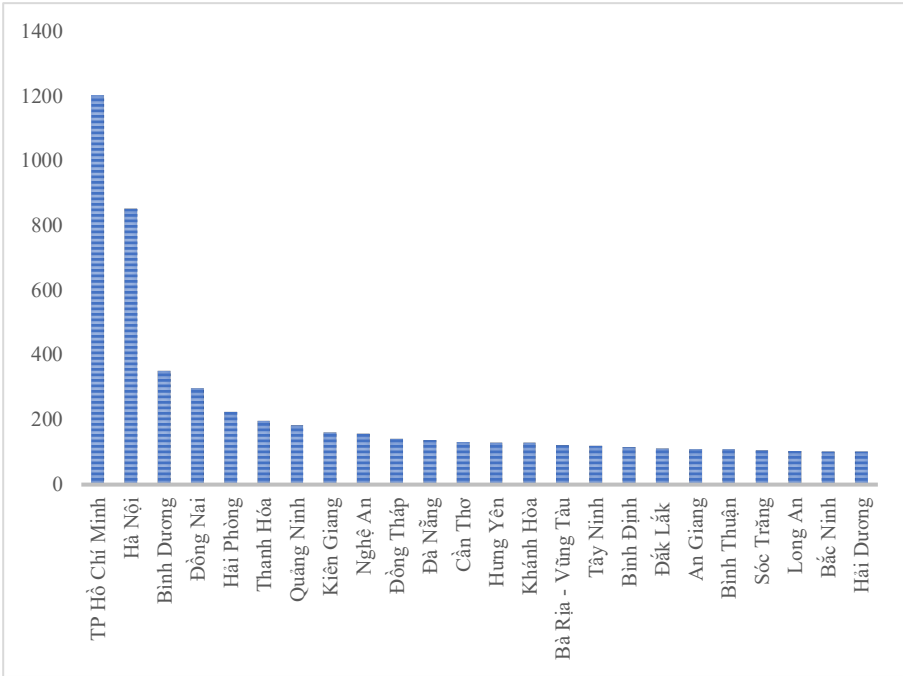
Với Quảng Ninh, dù chịu thiệt hại nặng nề do siêu bão Yagi đến hạ tầng kinh tế, tài sản, vật nuôi nhưng tỉnh vẫn đạt mức tăng trưởng kinh tế 8,42% (xếp thứ 6 trong vùng Đồng bằng sông Hồng và thứ 20 cả nước). Các hoạt động dịch vụ tiếp tục là động lực cho sự tăng trưởng của tỉnh. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 25,2% so với năm 2023, chiếm 15,6% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ; trong đó, doanh thu lưu trú tăng 22,46%, doanh thu ăn uống tăng 26,33%. Hoạt động lưu trú và ăn uống có mức tăng cao do Quảng Ninh tổ chức nhiều sự kiện, chương trình về văn hóa, thể thao, thương mại,



du lịch kết hợp với các sản phẩm du lịch đặc trưng ở từng địa phương trong tỉnh. Doanh thu dịch vụ lữ hành tăng 21,4% so với năm 2023. Năm 2024, tổng lượt khách du lịch đến tỉnh đạt 19 triệu lượt khách, tăng 22% so với năm 2023. Khách quốc tế đạt 3,8 triệu lượt khách, tăng 77% so cùng kỳ năm 2023.

Các vùng thị trường khác đều cho thấy sự gia tăng về quy mô tổng mức song tỷ trọng thấp hơn so với vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng. Đặc biệt, Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, tỷ trọng còn thấp. Tây Nguyên hiện chiếm khoảng 4,3% tổng mức cả nước. Trong năm 2024, vùng đạt 324,54 nghìn tỷ đồng, tăng 19,49% về giá trị so với năm 2023. Thống kê sơ bộ của các địa phương trong vùng đều cho thấy sự gia tăng tổng mức so với năm 2023, cụ thể: Kon Tum đạt 39.273 tỷ đồng (tăng 14,88%), Gia Lai đạt 60.083,04 tỷ đồng (tăng 10,52%), Đắk Lắk đạt 111.323 tỷ đồng (tăng 11,2%), Lâm Đồng đạt 87.708,6 tỷ đồng (tăng 19%), Đắk Nông đạt 26.155,53 tỷ đồng (tăng 7,18%). Vùng Trung du và miền núi phía Bắc năm 2024 đã có mức gia tăng quy mô vùng ấn tượng, tăng 57% so với năm 2023, từ 353,8 nghìn tỷ lên mức 555,6 nghìn tỷ đồng. Các địa phương dẫn đầu vùng về tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng là Thái Nguyên, Hòa Bình, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Lạng Sơn. Năm 2024, tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ dẫn đầu vùng là Thái Nguyên (79.400 tỷ đồng, tăng 18,2%), tiếp đến là Hòa Bình (74.347 tỷ đồng, tăng 18%), Bắc Giang (66.802,7 tỷ đồng, tăng 14,8%), Phú Thọ (57.800,6 tỷ đồng, tăng 13,8%), Sơn La (45.969,24 tỷ đồng, tăng 13,32%), Lào Cai (42.548,7 tỷ đồng, tăng 8,5%). Với vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hòa là các động lực của vùng với giá trị tổng mức năm 2024 tương ứng là 198.000 tỷ đồng (tăng 14,3%), 157.356,4 tỷ đồng (tăng 28,82%), 136.954 tỷ đồng (tăng 15%) và 129.122,64 tỷ đồng (tăng 13,33%). Trong khi đó, ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, ngoại trừ Tiền Giang và Bạc Liêu, các tỉnh thành đều ghi nhận mức tăng tổng mức 2 con số, dẫn đầu là Kiên Giang (22,15%), Sóc Trăng (20,55%), Long An (17,21%), Vĩnh Long (14,35%), An Giang (13,71%). Tuy nhiên, xét về quy mô tổng mức, Kiên Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ là 3 địa phương dẫn đầu vùng, chiếm gần 34% tổng quy mô lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ của vùng.

Đơn vị: nghìn tỷ đồng



Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2024 của cục Thống kê các tỉnh (2025)

**Hình 3.6. Các địa phương có tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên 100 nghìn tỷ đồng năm 2024**

### 3.1.2. Cung - cầu một số mặt hàng thiết yếu

Trong bối cảnh thị trường hàng hóa thế giới năm 2024 có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội (xung đột quân sự Nga - Ukraine, bất ổn ở khu vực Trung Đông, lạm phát giảm chậm, chính sách tiền tệ thắt chặt tiếp tục được duy trì...), ở trong nước, thị trường trong nước tiếp tục tăng trưởng cao, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được bảo đảm, hàng hóa dồi dào, thị trường ổn định, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát của Chính phủ. Nhiều giải pháp điều tiết cung cầu, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu và bình ổn thị trường đã được Bộ Công thương tích cực triển khai, góp phần phục vụ cuộc sống của người dân và hoạt động của các doanh nghiệp. Trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn (đầu năm 2024), công tác chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết được các địa phương, doanh nghiệp triển khai tích cực từ sớm cùng với Chương trình bình ổn thị

trường với nhiều mặt hàng đa dạng, phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân. Giá cả hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu khá bình ổn. Đặc biệt, cơn bão số 3 (bão Yagi) đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản song công tác cung ứng hàng hóa được duy trì cho các khu vực bị bão, lũ, công tác khắc phục sau bão được triển khai tích cực, các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhanh chóng trở lại bình thường.

Diễn biến tình hình cung, cầu, giá cả một số mặt hàng thiết yếu trong năm 2024 như sau:

### **Lúa gạo**

Sản xuất lúa gạo năm 2024 diễn ra trong điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng gay gắt, hạn hán ở khu vực Tây Nguyên, miền Trung, xâm nhập mặn tại các tỉnh phía Nam, đặc biệt là ảnh hưởng từ cơn bão Yagi đến các địa phương phía Bắc. Tuy nhiên, nhờ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong phòng chống và khắc phục kịp thời ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ, sản xuất lúa gạo đã có kết quả đáng ghi nhận.

Diện tích lúa cả năm 2024 đạt 7,13 triệu ha, tăng 12 nghìn ha so với năm 2023; năng suất lúa đạt 60,9 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha (chủ yếu do năng suất lúa vụ mùa ở các địa phương phía Bắc giảm vì bị ảnh hưởng của cơn bão Yagi); sản lượng lúa đạt 43,46 triệu tấn, giảm 33,6 nghìn tấn. Tình hình sản xuất và thu hoạch lúa theo vụ như sau: *Lúa đông xuân*: Vụ lúa đông xuân 2024 cả nước gieo trồng được 2,95 triệu ha, tăng 1,5 nghìn ha so với năm 2023; năng suất lúa đạt 68,8 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha, sản lượng đạt 20,33 triệu tấn, tăng 145,0 nghìn tấn, trong đó, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt gần 10,8 triệu tấn, tăng 77,6 nghìn tấn. *Lúa hè thu*: Diện tích gieo trồng lúa hè thu cả nước đạt 1,91 triệu ha, giảm 3,6 nghìn ha so với năm 2023 do đầu vụ một số địa phương thiếu nước tưới nên không xuống giống được; năng suất đạt 58,4 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha; sản lượng đạt 11,16 triệu tấn, tăng 139,1 nghìn tấn. *Lúa thu đông*: Với chủ trương mở rộng sản xuất lúa thu đông của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo trồng được 717,9 nghìn ha, tăng 10,2 nghìn ha so với vụ thu đông năm 2023; năng suất đạt 57,9 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha; sản lượng đạt 4,16 triệu tấn, tăng 118,5 nghìn tấn. *Lúa mùa*: Vụ mùa năm nay cả nước gieo cấy được 1,55 triệu ha, tăng 3,9 nghìn ha so với vụ mùa năm 2023; năng suất lúa đạt 50,4 tạ/ha, giảm 2,9 tạ/ha chủ yếu do năng suất lúa mùa miền Bắc giảm (giảm 4,9 tạ/ha) do ảnh hưởng của cơn bão số 3; sản

lượng đạt 7,81 triệu tấn, giảm 436,4 nghìn tấn (các địa phương phía Bắc giảm 584,8 nghìn tấn).

Mặc dù sản lượng lúa năm 2024 giảm so với năm trước do thời tiết không thuận lợi nhưng nhờ chuyển đổi cơ cấu giống lúa hợp lý, thực hiện chuyển đổi sản xuất lúa gạo từ chiều rộng sang chiều sâu theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, bền vững, đẩy mạnh hợp tác, liên kết theo chuỗi để giảm chi phí, gia tăng giá trị các khâu trong quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ... nên sản xuất lúa gạo năm 2024 đã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, đảm bảo an ninh lương thực, phục vụ chế biến và xuất khẩu. Từ Quý III, việc chính phủ Ấn Độ bãi bỏ lệnh xuất khẩu gạo sau loạt chính sách nói lỏng hạn chế đã tác động lớn đến nguồn cung xuất khẩu và giá gạo thu mua trong nước. Cuối tháng 10, chính phủ Ấn Độ tiếp tục bãi bỏ thuế xuất khẩu gạo đồ và giá sàn gạo trắng phi basmati tiếp tục tạo ra một làn sóng mới trên thị trường xuất khẩu gạo toàn cầu, đặt các nước xuất khẩu gạo khác vào thế cạnh tranh cao. Giá lúa gạo thu mua trong nước cuối tháng 10 có đôi chút biến động, cụ thể: gạo nguyên liệu IR504 hè thu giảm 50 đồng/kg, ở mức 10.500 - 10.700 đồng/kg; gạo thành phẩm IR504 giảm 50 đồng/kg, ở mức 12.600 - 12.800 đồng/kg; lúa IR50404 giữ giá 6.900-7.000 đồng/kg; lúa Đài thơm 8 có giá 7.800 - 8.000 đồng/kg; lúa OM 5451 tăng nhẹ 100 đồng/kg, ở mức 7.200 - 7.400 đồng/kg; lúa OM18 dao động từ 7.500 - 7.800 đồng/kg; lúa OM380 có giá từ 7.200 - 7.300 đồng/kg; lúa Nhật giữ giá 7.800 - 8.000 đồng/kg... Vào thời điểm tháng 12, tại Đồng bằng sông Cửu Long, giá lúa gạo thu mua được giữ ổn định tuy nhiên, khi bước sang những ngày đầu năm 2025, giá thu mua gạo có xu hướng giảm thấp nhất trong 2 năm qua khiến nông dân gặp khó. Các loại lúa chất lượng cao như Đài Thơm 8, OM5451, OM18 được thương lái thu mua với giá 5.800-6.500 đồng/kg (tùy loại) trong khi cùng thời điểm năm ngoái là 9.000 đồng/kg, thậm chí cao hơn. Các giống lúa phân khúc thấp hơn có giá từ hơn 5.000 đến dưới 7.000 đồng/kg (tùy loại), giảm từ 1.000 - 2.000 đồng/kg so với cùng kỳ.

### ***Thực phẩm***

*Về chăn nuôi:* Chăn nuôi trâu, bò có xu hướng giảm do điều kiện chăn nuôi khó khăn, chi phí chăn nuôi cao, lợi nhuận mang lại thấp... Trong khi đó, chăn nuôi gia cầm phát triển ổn định, các địa phương đẩy mạnh phát triển mô hình chăn nuôi liên kết tạo thành chuỗi khép kín từ

trang trại đến bàn ăn, góp phần thúc đẩy hoạt động chăn nuôi phát triển. Về tốc độ tăng/giảm lượng gia súc, gia cầm so với thời điểm cùng kỳ tháng 12 năm 2023, đàn lợn tăng 4,1%, gia cầm tăng 2,8%, số lượng trâu, bò lại giảm tương ứng 3% và 0,6%. Hiện nay, người chăn nuôi đang tập trung tái đàn, tăng đàn gia súc, gia cầm để cung ứng ra thị trường. Sản lượng cụ thể như sau: thịt hơi xuất chuồng đạt 8,24 triệu tấn, trong đó thịt lợn 5,1 triệu tấn (tăng 6,6%), thịt gia cầm 2,43 triệu tấn (tăng 5,4%), thịt bò 501,8 nghìn tấn (tăng 1,7%). Với các sản phẩm chăn nuôi khác, sản lượng trứng gia cầm đạt 20.179,8 triệu quả (tăng 5%), sản lượng sữa bò tươi 1.235,2 nghìn tấn (tăng 6%).

Về giá thịt lợn hơi: sau nhiều đợt biến động về giá trong giai đoạn 2021 - 2023, đã có lúc giá thịt lợn đạt đỉnh ở mức 80.000 đồng/kg, cuối năm 2023 giá giảm còn 49.500 đồng/kg. Từ tháng 1 năm 2024 giá lợn hơi đã hồi phục trở lại (52.500 đồng/kg) và có xu hướng tăng dần đến tháng 6 với giá tăng đỉnh điểm, đạt 68.500 đồng/kg. Tuy nhiên, từ tháng 6, chăn nuôi lợn có xu hướng giảm đàn nên tại thời điểm gần cuối tháng 7, giá lợn hơi của cả nước giảm từ 0,4 - 1,6% so với trung bình tháng 6 nhưng vẫn ở mức cao, từ 64.000 - 66.500 đồng/kg, cá biệt có nơi và có những ngày giá heo hơi đạt trên 70.000 đồng/kg. Mặc dù dịch tả lợn Châu Phi lan rộng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát nên nguồn cung vào các tháng cuối năm vẫn đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước.

*Về thủy sản:* Trong bối cảnh nguồn thủy sản tự nhiên ngày càng cạn kiệt thì việc chuyển hướng sang phát triển nuôi trồng trong đó có phát triển nuôi biển theo hướng công nghiệp hiện đại, bền vững tiếp tục là hướng đi đúng đắn của ngành thủy sản trong năm 2024. Sản lượng thủy sản đạt 9.547 nghìn tấn, tăng 2,5% so với năm 2023, trong đó: cá đạt 6.773,1 nghìn tấn, tăng 2,2%; tôm đạt 1.385,3 nghìn tấn, tăng 5,1%; thủy sản khác đạt 1.388,6 nghìn tấn, tăng 1,1%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 5.721,6 nghìn tấn, tăng 4,0% so với năm 2023, trong đó: cá đạt 3.826,6 nghìn tấn, tăng 3,9%; tôm đạt 1.246,5 nghìn tấn, tăng 5,6%; thủy sản khác đạt 648,5 nghìn tấn, tăng 1,4%. Nuôi trồng cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long phát triển do xuất khẩu cá tra tăng, giá bán duy trì ổn định khuyến khích người dân mở rộng diện tích nuôi. Sản lượng cá tra 1.857,3 nghìn tấn, tăng 4,8%. Nuôi tôm nước lợ chuyển đổi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là nuôi tôm thẻ chân trắng. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng và giá tôm

thể chân trắng liên tục tăng những tháng cuối năm nên người dân mạnh dạn thả nuôi. Sản lượng tôm thể chân trắng đạt 897,6 nghìn tấn, tăng 6,3%. Sản lượng tôm sú năm 2024 là 266,5 nghìn tấn, tăng 3,6%.

Sản lượng thủy sản khai thác năm 2024 đạt 3.825,4 nghìn tấn, tăng 0,3%, trong đó: cá 2.946,5 nghìn tấn, tăng 0,2%; tôm 138,8 nghìn tấn, tăng 0,1%, thủy sản khác 740,1 nghìn tấn, tăng 0,7%. Khai thác thủy sản biển tiếp tục được triển khai thực hiện khai thác bền vững đảm bảo tái tạo nguồn lợi thủy sản tự nhiên, đồng thời thực hiện tốt cơ chế, chính sách của Nhà nước về hạn ngạch khai thác vùng khơi và bảo tồn nguồn lợi thủy sản. Sản lượng thủy sản khai thác biển năm 2024 đạt 3.622,7 nghìn tấn, tăng 0,1% so với năm 2023, trong đó: Cá 2.813,8 nghìn tấn, tương đương năm 2023; tôm 129,7 nghìn tấn, tăng 0,2%.

### **Sữa**

Thị trường sữa Việt Nam sau giai đoạn tăng trưởng liên tục (2011 - 2019) đã bắt đầu chững lại từ năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Theo Hiệp hội Sữa Việt Nam, trong 2 năm gần nhất 2022 - 2023, doanh thu thị trường sữa Việt Nam lần lượt đạt 125.200 tỷ đồng và 125.882 tỷ đồng, gần như là đi ngang. Do đó, năm 2024, khi nhu cầu tiêu thụ sữa dần phục hồi, chu kỳ tăng trưởng mới được dự báo sẽ mở ra. Theo báo cáo từ IMARC Group - công ty nghiên cứu thị trường hàng đầu thế giới, chuyên cung cấp các chiến lược quản lý và nghiên cứu thị trường, thị trường sữa Việt Nam sẽ tăng trưởng khoảng 9,4% trong giai đoạn từ 2024 đến 2032. Còn Statista - công ty nghiên cứu thị trường của Đức có báo cáo ước đoán khối lượng sản xuất sữa tại Việt Nam sẽ đạt khoảng 2,53 tỷ kg vào năm 2028. Thị trường sữa dự kiến sẽ có tốc độ tăng trưởng về khối lượng là 5% vào năm 2025.

Thị trường sữa Việt Nam hiện có khoảng 200 doanh nghiệp hoạt động, bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, trong đó có 40 doanh nghiệp sản xuất và phân phối sữa. Các doanh nghiệp trong nước chiếm khoảng 75% thị phần trong khi doanh nghiệp nước ngoài chiếm 25%. Các doanh nghiệp hàng đầu trong nước là Vinamilk, TH True Milk, Nutifood, IDP và Mộc Châu Milk. Vinamilk hiện chiếm trên 40% thị phần sữa trong nước. Các doanh nghiệp nước ngoài có Friesland Campina (Hà Lan), Nestlé (Thụy Sĩ), Abbott (Mỹ), Mead Johnson (Mỹ) và Fonterra (New Zealand). Trong số này, Friesland Campina chiếm gần 20% thị phần trong nước. Nhiều doanh nghiệp đã

chủ động đầu tư công nghệ, nhiều nhà máy mới với công nghệ hiện đại đã đưa vào sản xuất chế biến trong ngành sữa Việt Nam. Tính đến năm 2024, cả nước có hơn 1.700 trại bò sữa, với quy mô trung bình 37,4 con/trại và nhiều trang trại nuôi quy mô lớn từ 2.000 con đến vài chục nghìn con. Ngoài ra, còn có gần 28.700 hộ chăn nuôi bò sữa.

Trong nửa đầu năm 2024, tiêu thụ sữa Việt Nam tiếp tục yếu, với mức giảm 2,8% so với cùng kỳ do tâm lý tiêu dùng ảm đạm từ cuối năm 2022 đến nay. Tuy nhiên, báo cáo của Maybank IBG Research cho thấy, trong năm 2024, ngành công nghiệp sữa của Việt Nam phục hồi với tốc độ tăng trưởng dương về sản lượng, trong đó: sản lượng sữa tươi tăng 2,7%; sản lượng sữa bột tăng 10,9%. Điều này là do sự phục hồi của nền kinh tế, giúp nâng cao mức độ sẵn sàng và khả năng chi tiêu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm sữa nước và sản phẩm từ sữa. Đồng thời, việc cải thiện thu nhập và điều kiện sống tạo điều kiện cho người tiêu dùng có khả năng chi tiêu cao hơn cho các sản phẩm sữa chất lượng cao.

Ngành sữa tươi nguyên liệu Việt Nam đạt sản lượng 1,2 triệu tấn (thứ 11 Châu Á về sản lượng và thứ 5 về năng suất). Tuy nhiên, sản lượng sữa trong nước vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng nội địa. Ngành sữa Việt Nam chỉ đáp ứng khoảng 40% nhu cầu tiêu thụ trong nước. Việc thiếu hụt nguồn nguyên liệu và cơ sở hạ tầng sản xuất còn hạn chế đã dẫn đến sự bất cân xứng giữa cung và cầu. Do đó, nhiều công ty sữa phải nhập khẩu sản phẩm từ nước ngoài để bù đắp khoảng trống này. New Zealand, Mỹ, Pháp, Malaysia và Thái Lan là các thị trường chủ yếu cung cấp sữa và sản phẩm từ sữa cho Việt Nam. Theo số liệu công bố của Tổng cục Hải quan ngày 10 tháng 1 năm 2025, trong năm 2024, Việt Nam đã nhập gần 1,13 tỷ USD sữa và sản phẩm từ sữa, trong đó: nhập khẩu nhiều nhất từ New Zealand, với 290,36 triệu USD, chiếm 25,5% tổng kim ngạch nhập khẩu sữa của cả nước, tiếp đến là Mỹ với 124,48 triệu USD, Australia 120,95 triệu USD, Malaysia 60,43 triệu USD, Thái Lan 56,1 triệu USD, Nhật Bản 52,59 triệu USD...

### ***Muối***

Theo Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Việt Nam có tiềm năng lớn trong sản xuất muối với 3.200 km đường bờ biển, diện tích sản xuất muối cả nước năm 2024 là trên 11.009 ha với 73 cơ sở chế biến muối tinh, muối trộn

i-ốt, muối sạch xuất khẩu... Trong đó, 13 cơ sở chế biến muối (chiếm 19,7%) đã đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công suất 15.000 - 22.000 tấn/năm; 1 cơ sở đã đầu tư 2 dây chuyền thiết bị đồng bộ nhập khẩu của Tây Ban Nha có công suất 200.000 tấn/năm; khoảng 15 dây chuyền chế biến muối tinh liên tục theo phương pháp nghiền rửa muối. Sản phẩm muối tinh và muối tinh sấy của các dây chuyền này cung ứng khoảng 40% nhu cầu sử dụng của ngành công nghiệp thực phẩm và ăn trực tiếp. Sản phẩm muối Việt Nam được tiêu thụ trong nước với 2 mục đích chủ yếu là phục vụ nhu cầu sinh hoạt và dùng làm nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp như công nghiệp hóa chất, chế biến thủy hải sản, công nghiệp thực phẩm, y tế.

Sản xuất muối diễn ra trên 21 địa phương ven biển, song diện tích sản xuất muối tập trung chính ở các tỉnh: Bạc Liêu, Bến Tre, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hà Tĩnh, Nghệ An, Nam Định, Thanh Hóa... Sản lượng muối sản xuất niên vụ 2023 - 2024 tại một số vùng muối chủ yếu như sau: Bạc Liêu, diện tích sản xuất là 1.462,7 ha (trong đó diện tích muối trái bạt 252,7 ha), tăng 3,08%, sản lượng muối thu hoạch 76.438 tấn (trong đó muối trắng 18.693 tấn), tăng 178,32%. Với Ninh Thuận, diện tích sản xuất muối của địa phương này là 3.059 ha; trong đó diện tích muối công nghiệp 2.407 ha, diện tích muối diêm dân 652 ha. Sản lượng muối đạt trên 446.000 tấn, trong đó muối công nghiệp trên 246.000 tấn, còn lại là muối của diêm dân. Thanh Hóa: tổng diện tích đất đang còn sản xuất muối là 104,38 ha, chủ yếu tại xã Hòa Lộc và xã Hải Lộc, huyện ven biển Hậu Lộc, với 777 lao động làm nghề muối, sản lượng tính riêng năm 2024 đạt 10.910 tấn muối... Mặc dù đầu tư công nghệ và nâng cao năng lực sản xuất song nhu cầu tiêu thụ muối của nước ta vào khoảng 1,5 - 1,6 triệu tấn, trong đó sản lượng sản xuất trong nước đáp ứng khoảng 1 triệu tấn muối, chủ yếu là muối ăn. Vì thế, lượng nhập khẩu muối mỗi năm của Việt Nam dao động từ 400.000 - 600.000 tấn muối để phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước.

### ***Phân bón***

Theo Bộ Tài chính, năm 2024, cả nước có khoảng 1.000 doanh nghiệp sản xuất phân bón ở cả 2 dòng sản phẩm chính là phân bón vô cơ và hữu cơ. Dù vậy, thị trường phân bón Việt Nam hiện có mức độ tập trung thấp, với 5 công ty hàng đầu chiếm khoảng 28% thị phần,



gồm: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Đạm Cà Mau) (chiếm 15% thị phần), Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (Đạm Phú Mỹ), Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem), Công ty Cổ phần DAP - Vinachem. Theo Hiệp hội Phân bón Việt Nam, nhu cầu phân bón cho sản xuất nông nghiệp cần trên 10,4 triệu tấn phân bón các loại mỗi năm; trong đó, nhu cầu phân urê 2,2 triệu tấn, phân SA 900 nghìn tấn, phân kali 960 nghìn tấn, phân DAP 900 nghìn tấn, phân NPK 4 triệu tấn và phân lân 1,8 triệu tấn, tiêu thụ phân bón vô cơ 7,6 triệu tấn/năm... Tổng công suất thiết kế sản xuất phân bón của cả nước đạt khoảng 20,7 triệu tấn, trong đó phân bón vô cơ là 16,1 triệu tấn, hữu cơ là 4,6 triệu tấn. Trong năm 2024, công suất sản xuất phân đạm urê của 4 nhà máy thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Vinachem) đã lên tới 2,5 triệu tấn/năm trong khi nhu cầu tiêu thụ trong nước chỉ ở ngưỡng 1,6 - 1,8 triệu tấn/năm. Với phân bón chứa lân và phân tổng hợp NPK, công suất sản xuất trong nước cũng vượt xa nhu cầu. Cụ thể:

*Phân đạm:* Về phân Urea, năng lực trong nước đến thời điểm hiện tại khoảng 3 triệu tấn/năm, bao gồm Đạm Phú Mỹ 800.000 tấn, Đạm Cà Mau 800.000 tấn, Đạm Hà Bắc 500.000 tấn, Đạm Ninh Bình 560.000 tấn. Với công suất trong nước khoảng hơn 2,6 triệu tấn/năm trong khi nhu cầu trong nước chỉ khoảng 2 triệu tấn/năm. Như vậy, về Urea đến nay, sản xuất trong nước không những phục vụ đủ cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp mà còn có lượng để xuất khẩu. Về phân DAP: hiện phân DAP được sản xuất tại hai nhà máy là DAP Đình Vũ và DAP Lào Cai với tổng công suất 660.000 tấn/năm, với mỗi nhà máy có công suất 330.000 tấn/năm. Tuy nhiên, với nhu cầu khoảng 1 triệu tấn/năm thì năng lực sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được 2/3 nhu cầu và cần nhập khẩu khoảng 300.000 - 400.000 tấn loại phân này mỗi năm. Về phân SA (phân đạm 1 lá): hiện tại trong nước chưa có nhà máy nào sản xuất SA và nhu cầu của nước ta vẫn phải nhập khẩu 100% từ nước ngoài.

*Phân Lân:* hiện Supe Lân sản xuất trong nước có công suất 1,2 triệu tấn/năm, bao gồm nhà máy Lâm Thao công suất 800.000 tấn/năm, Lào Cai 200.000 tấn/năm và Long Thành 200.000 tấn/năm. Ngoài ra, sản xuất lân nung chảy hiện tại vào khoảng 1,3 triệu tấn/năm, trong đó: nhà máy Văn Điển công suất 300 nghìn tấn, nhà máy ở Thanh Hoá công suất 500 nghìn tấn, nhà máy Ninh Bình công suất 300 nghìn tấn và nhà

máy Lào Cai công suất 200 nghìn tấn. Như vậy, sản xuất phân lân trong nước cũng đáp ứng được về cơ bản cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp trong nước.

Về giá, giá Ure trong nước trong 9 tháng đầu năm cơ bản không có sự thay đổi nhiều ngoại trừ những biến động thời gian đầu năm. Sự gia tăng nguồn cung và sự sụt giảm nhẹ về cầu, gây áp lực lên giá Ure, tiêu thụ nội địa nhìn chung hồi phục nhẹ qua đó cũng không tác động nhiều tới giá trong nước. Tính tới hiện tại, giá Ure Phú Mỹ dao động từ 550-600 nghìn đồng/bao, Ure Ninh Bình: 550 - 590 nghìn đồng/bao, Ure Cà Mau: 535 - 540 nghìn đồng/bao.

Việt Nam vẫn phải nhập khẩu khoảng 40% lượng phân DAP và toàn bộ lượng phân kali để đáp ứng nhu cầu trong nước. Theo số liệu công bố của Tổng cục Hải quan ngày 10 tháng 1 năm 2025, trong năm 2024, Việt Nam đã nhập gần 5,25 triệu tấn phân bón các loại với tổng trị giá 1,71 tỷ USD, tăng 27,2% về lượng và 21% về trị giá so với năm 2023. Nguồn nhập chủ yếu từ Trung Quốc, Nga, Lào, Hàn Quốc, Canada, Indonesia, Israel, Bỉ, Na Uy, Nhật Bản... Việt Nam nhập từ Trung Quốc khoảng 2,36 triệu tấn, tương đương 739,65 triệu USD, chiếm gần 45% lượng nhập khẩu phân bón của cả nước. Tiếp đến là Nga với 547,7 nghìn tấn, tương đương 228,6 triệu USD.

### ***Thép xây dựng***

Việt Nam là quốc gia đang phát triển và nhu cầu thép phát triển cơ sở hạ tầng tăng theo từng năm. Trong giai đoạn 2022 - 2023, ngành thép Việt Nam đã chứng kiến sự lao dốc mạnh do phải đối mặt với loạt thách thức như giá nguyên liệu đầu vào tăng cao và nhu cầu sụt giảm. Tuy nhiên, từ cuối năm 2023 đầu 2024, ngành thép đã đón nhận những tín hiệu phục hồi ban đầu, bao gồm cả sự cải thiện nhu cầu trong nước đến bức tranh lạc quan hơn của ngành thép thế giới.

Theo thống kê từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), tính riêng quý I năm 2024, sản xuất thép thành phẩm của Việt Nam đạt 7,06 triệu tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2023. Tiêu thụ đạt 6,68 triệu tấn, tăng 10% so cùng kỳ. Xuất khẩu cũng ghi nhận mức tăng trưởng tốt, đạt mức tăng 36% so với cùng kỳ lên 2,25 triệu tấn. Giá thép trong nước cũng hồi phục từ mức đáy 3 năm và liên tục tăng trong giai đoạn này. Tính từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024, giá thép tại miền Bắc trải qua tổng cộng 6 lần điều chỉnh tăng giá liên tiếp. Giá thép cuộn CB240

tăng lên 14,34 triệu đồng/tấn, tức tăng thêm khoảng 910.000 đồng sau 6 lần điều chỉnh. Giá thép thanh vằn D10 CB300 cũng tăng lên 14,53 triệu đồng/tấn, tăng khoảng 790.000 đồng so với cuối tháng 11. Sang quý II, quý III, ngành thép trầm lắng trở lại, nhưng nhìn chung vẫn giữ được nhịp tăng trưởng ổn định hơn so cùng kỳ năm ngoái. Trong tháng 8, sản xuất thép thô đạt 1,79 triệu tấn, giảm 7% so với tháng 7 và tăng 1,5% so với tháng 8 năm 2023. Tiêu thụ thép thô đạt 1,8 triệu tấn, đi ngang so với tháng 7 nhưng tăng 16% so với cùng kỳ năm 2023. Sản xuất thép thành phẩm đạt 2,53 triệu tấn, tăng 0,2% so với tháng 7 và tăng 28% so với tháng 8 năm 2023. Bán hàng thép thành phẩm đạt 2,52 triệu tấn, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm 2023. Sản xuất thép xây dựng đạt hơn 1 triệu tấn, tăng 1,7% so với tháng 7 và tăng 4% so với tháng 8/2023. Bán hàng thép xây dựng đạt 981.624 tấn, giảm 16% so với cùng kỳ năm 2023. Đáng chú ý, cuối quý III đầu quý IV, ngành thép đón nhận lực đỡ quan trọng đến từ “sức nóng” của ngành thép Trung Quốc. Vào thời điểm này, giá thép đã phục hồi từ mức đáy nhiều năm và thậm chí leo lên mức đỉnh 3 tháng. Giá nguyên liệu thô sản xuất thép là quặng sắt cũng liên tục tăng cao. Theo đó, giá thép trên thị trường nội địa cũng bắt đầu tăng trở lại kể từ cuối tháng 9. Sau nhiều lần điều chỉnh tăng liên tiếp, hiện giá thép nước ta ổn định quanh vùng giá 14 triệu đồng/tấn.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 11 tháng của năm 2024, sản lượng thép thô đạt hơn 20,06 triệu tấn, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng tiêu thụ thép thô đạt 19,57 triệu tấn, trong đó lượng xuất khẩu đạt 2,556 triệu tấn, tăng 59%. Sản xuất thép thành phẩm đạt 26,948 triệu tấn, tăng 7,7%, với sự bứt phá của các sản phẩm như thép tôn mạ kim loại và sơn phủ màu (tăng 25,7%), thép xây dựng (tăng 11,7%), và ống thép (tăng 4%). Hoạt động bán hàng thép thành phẩm cũng đạt 26,776 triệu tấn, tăng 13%, với cuộn cán nguội (CRC) dẫn đầu mức tăng trưởng 40,8%, tiếp đến là tôn mạ kim loại (32,8%) và thép xây dựng (11,9%). Riêng thép cuộn cán nóng (HRC) ghi nhận mức giảm nhẹ 2,2%. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu thị trường, lượng thép nhập khẩu trong năm 2024 tiếp tục gia tăng. Việt Nam nhập khẩu 17,68 triệu tấn sắt thép với trị giá 12,58 tỷ USD, tăng 32,6% về lượng và 20,6% về giá trị. Hai thị trường cung cấp thép lớn nhất cho Việt Nam năm 2024 là Trung Quốc và Nhật Bản. Việt Nam đã nhập khoảng 7,49 tỷ USD sắt thép các loại (khoảng 11,93 triệu tấn) từ Trung Quốc, tăng

32,5% so với năm 2023 và nhập khoảng 1,5 tỷ USD sắt thép các loại từ Nhật Bản, tăng 4,4%, tương ứng tăng 64 triệu USD.

### ***Đường***

Từ sau năm 2021, khi Việt Nam áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu, ngành mía đường trong nước đã ghi nhận sự hồi sinh và tăng trưởng đáng kể. Về diện tích canh tác, nếu như trong giai đoạn 2011- 2021, diện tích mía sụt giảm từ 283.000 ha (niên vụ 2011/2012) xuống còn 146.938 ha (niên vụ 2021/2022), thì hiện tại, diện tích trồng đã tăng trở lại. Theo báo cáo của Hiệp hội Mía đường Việt Nam, tổng diện tích trồng mía cả nước niên vụ 2023/24 (bắt đầu từ tháng 12 năm 2023) là 174.842 ha, trong đó diện tích mía của nông dân liên kết bán nguyên liệu cho nhà máy đường chiếm 93%. Tổng diện tích mía thu hoạch niên vụ 2023/2024 là 163.019 ha, tăng 11,4% (tương ứng tăng 21.113 ha so với niên vụ 2022/2023). Cũng theo kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Mía đường năm 2024, cơ cấu bộ giống mía toàn quốc gồm 60 giống, trong đó, giống KK3 có diện tích trồng lớn nhất (chiếm 68,3% tổng diện tích trồng mía của cả nước), tiếp đến là các giống LK92-11 (9,3%), R579 (4,5%)... So sánh với cơ cấu bộ giống của Thái Lan năm 2024 (KK3 chiếm 97%, LK92-11 chiếm 1%, các giống khác chiếm 2%), cơ cấu bộ giống mía ở Việt Nam tuy có đa dạng nhưng đang có xu hướng phát triển tương tự như ở Thái Lan khi diện tích trồng 2 giống mía chủ lực là KK3 và LK92-11 ở Việt Nam đã tăng dần từ 31% (năm 2017) lên 77,6% (năm 2024). Niên vụ 2023/24 cũng cho thấy sự chuyển dịch lớn trong khu vực sản xuất mía đường. Khu vực miền Trung - Tây Nguyên với lợi thế cạnh tranh về nông nghiệp và công nghiệp chế biến đã có mức tăng trưởng ngoạn mục, tăng 96% so với niên vụ 2020/21, vươn lên trở thành khu vực sản xuất mía đường lớn nhất của cả nước (chiếm 62% sản lượng cả nước).

Về sản lượng mía thu hoạch, niên vụ 2023/2024, các nhà máy trong toàn ngành đã ép được 11.204.789 tấn, sản xuất được 1.107.777 tấn đường các loại. So sánh với vụ ép mía 2022/2023, sản lượng mía ép niên vụ 2023/2024 tăng 17,9% (tương đương 1.708.431 tấn) và sản lượng đường tăng 18,4%. Như vậy, từ vụ 2020/2021, trong vòng 4 vụ liên tiếp, sản lượng mía ép đã tăng 66% và sản lượng đường tăng 61%. Cũng trong niên vụ 2023-2024, lần đầu tiên ngành mía đường Việt Nam

đạt đến mức năng suất đường 6,79 tấn đường/ha, vượt qua các đối thủ trong khu vực như Thái Lan, Indonesia, Philippin để đứng vị trí số 1 về năng suất đường trong khu vực.

Về giá, giá thu mua mía đã được ngành đường Việt Nam liên tục nâng qua 5 vụ liên tiếp (tăng 152% so với niên vụ 2019/20), từ mức 0,85 - 0,9 triệu đồng/tấn năm 2020, hiện đã đến mức 1,2 - 1,3 triệu đồng/tấn mía. Mức giá mua mía này tương đương so với các nước sản xuất mía đường trong khu vực (giá mía niên vụ 2023/24 của Thái Lan là 38,9 USD/tấn, tương đương 935.000 đồng/tấn, giá mua mía của ngành đường Việt Nam 1.267.993 đồng/tấn, cao hơn 35%). Vì vậy, tạo động lực gia tăng diện tích trồng mía, gia tăng sản lượng mía và đường. Về giá đường, thời điểm cuối năm 2023 và nửa đầu quý I/2024, giá đường Việt Nam tiếp tục duy trì mức cao (21.000 - 22.000 đồng/kg), đi ngược với xu hướng giảm của giá đường thế giới trong ngắn hạn do lượng tồn kho của hầu hết các doanh nghiệp đường trong nước xuống thấp bởi sản lượng sản xuất của vụ trước đã được tiêu thụ gần hết và từ tháng 12 năm 2023 các nhà máy mới bước vào vụ 2023/2024, nhu cầu tiêu thụ đường trong nước thường tăng cao vào thời điểm cuối năm để phục vụ hoạt động sản xuất bánh mứt kẹo cho dịp lễ tết. Tuy nhiên, từ cuối quý I/2024, giá đường Việt Nam bắt đầu điều chỉnh và giảm nhẹ xấp xỉ 3% so với cùng kỳ trong cả năm 2024, đạt trung bình 19.900 đồng/kg.

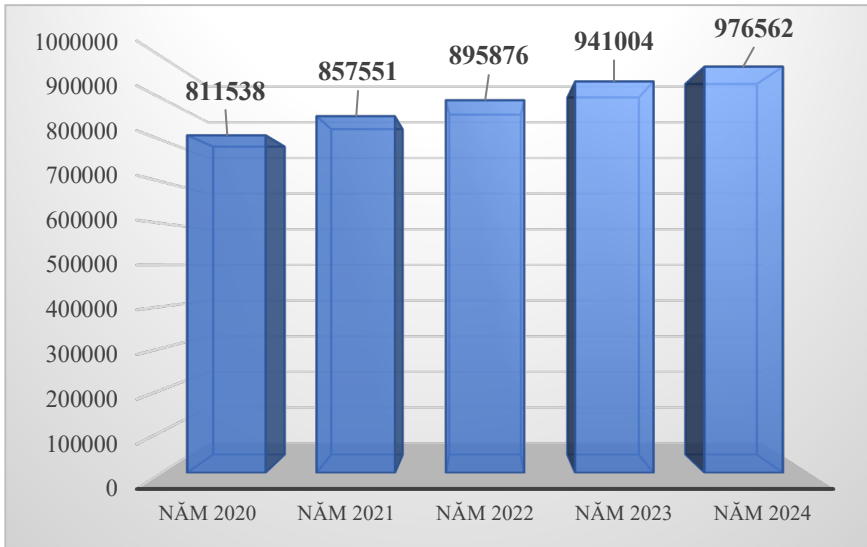
## **3.2. CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THƯƠNG MẠI**

### **3.2.1. Số lượng các doanh nghiệp tham gia thương mại**

Hoạt động thương mại trên thị trường nội địa hiện có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế với nhiều loại hình kinh doanh khác nhau. Các chủ thể hoạt động thương mại bao gồm: cá thể, hộ kinh doanh, hợp tác xã, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Bước sang năm 2024, bối cảnh tình hình thế giới (như đã nói ở đầu chương) tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Tuy nhiên, bức tranh về tình hình đăng ký doanh nghiệp dù còn hiện hữu nhiều khó khăn nhưng nhìn chung vẫn có những điểm sáng. Theo số liệu được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, lũy kế tính đến hết năm 2024, cả nước có 976.562 doanh nghiệp hoạt động, tăng 3,78% so với năm 2023, tương ứng số tuyệt đối là 35.558 doanh nghiệp.

Đơn vị: doanh nghiệp



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2025), Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (2025) và tính toán của tác giả

### Hình 3.7. Tổng số doanh nghiệp hoạt động của cả nước giai đoạn 2020 - 2024

Về số doanh nghiệp thành lập mới: Trong năm 2024, cả nước có 157.240 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 1,4% về số doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2023. Với gần 160 nghìn doanh nghiệp, tổng số vốn đăng ký đạt xấp xỉ 1.547,03 nghìn tỷ đồng (giảm 1,8%) và tổng số lao động đăng ký là 1.001,5 nghìn lao động (5,4%). Tổng số vốn đăng ký bổ sung của doanh nghiệp đang hoạt động vào nền kinh tế trong năm 2024 đạt 2.025,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm 2023 (năm 2023 giảm 4,4% so với năm 2022); vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,8 tỷ đồng, giảm 0,4% so với năm 2023 (năm 2023 giảm 10,8%). Đây là một trong những dấu hiệu tích cực, cho thấy các doanh nghiệp đang hoạt động là những doanh nghiệp đã có trải nghiệm, thích nghi trong nền kinh tế.

Nếu xét theo tháng, tháng 4, tháng 6, tháng 7 có số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới cao nhất (trên 15 nghìn doanh nghiệp). Tháng 2 có số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới ít nhất (8.592 doanh nghiệp) - đây là tháng trùng với dịp nghỉ tết Nguyên đán. Tháng 12, cả nước có gần 10 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn

đăng ký là hơn 96,4 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký hơn 95,7 nghìn lao động, giảm 10,4% về số doanh nghiệp, giảm 30,4% về vốn đăng ký và tăng 6,2% về số lao động so với tháng 11. So với cùng kỳ năm 2023, giảm 12,6% về số doanh nghiệp, giảm 22,8% về số vốn đăng ký và tăng 27,8% về số lao động.

*Về số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động:* Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2024 đạt mức cao nhất từ trước đến nay với gần 76,2 nghìn doanh nghiệp. Trong đó, tháng 12 ghi nhận số doanh nghiệp trở lại tăng đáng kể với hơn 8,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trên phạm vi cả nước, tăng 14,8% so với tháng 11, cao hơn mức trung bình 6.348 doanh nghiệp của cả năm 2024.

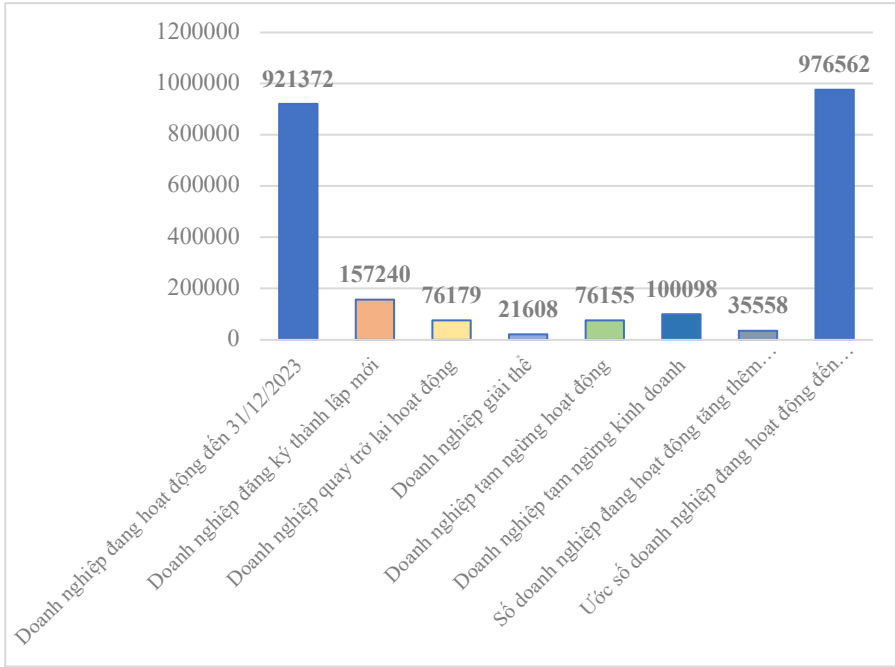
*Về số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường:* có khoảng 197.861 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Trong đó, phần lớn là các doanh nghiệp lựa chọn hình thức tạm ngừng kinh doanh trong ngắn hạn (chiếm 50,6%). Tính riêng tháng 12 có 26.418 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Cụ thể:

- Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trong năm 2024 là 100.098 doanh nghiệp. Phần lớn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời gian hoạt động ngắn, dưới 5 năm với 41.087 doanh nghiệp (chiếm 41,05%); tập trung chủ yếu ở quy mô nhỏ (dưới 10 tỷ đồng) với 89.414 doanh nghiệp (chiếm 89,33%). Riêng trong tháng 12/2024 có 4.187 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh.

- Số doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể trong năm 2024 là 76.155 doanh nghiệp, tập trung chủ yếu ở quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng với 68.905 doanh nghiệp (chiếm 90,48%).

- Số doanh nghiệp giải thể trong năm 2024 là 21.608 doanh nghiệp, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, có 15/17 ngành kinh doanh chính có số lượng doanh nghiệp giải thể tăng so với cùng kỳ năm 2023. Phần lớn doanh nghiệp giải thể trong năm 2024 có thời gian hoạt động ngắn (dưới 5 năm) với 14.461 doanh nghiệp (chiếm 66,92%) và tập trung chủ yếu ở quy mô vốn từ 0-10 tỷ đồng với 18.961 doanh nghiệp (chiếm 87,75%, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm 2023).

Đơn vị: doanh nghiệp



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2025), Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (2025) và tính toán của tác giả

### Hình 3.8. Số doanh nghiệp vào/ra khỏi thị trường năm 2024

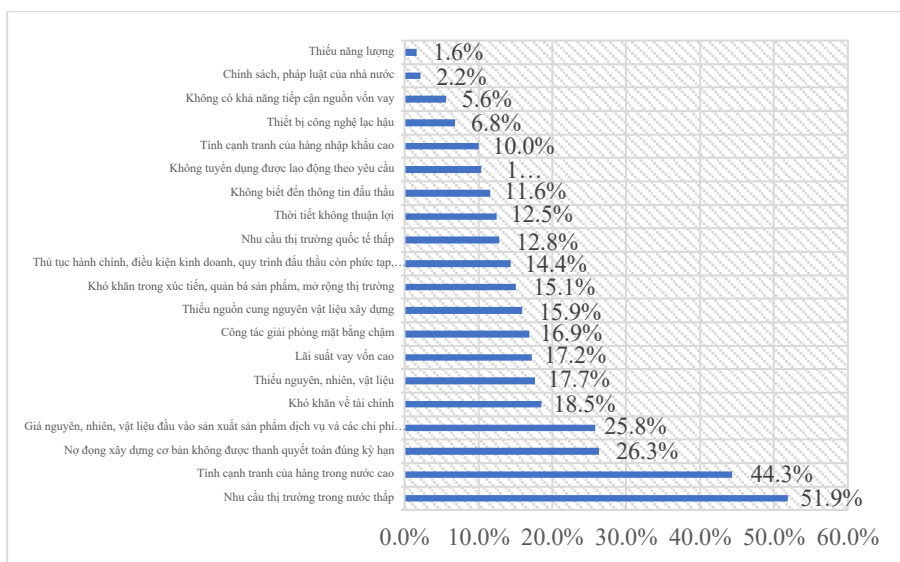
Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong quý IV năm 2024 so với quý III, Tổng cục Thống kê tiến hành khảo sát 30.576 doanh nghiệp, bao gồm: 6.327 doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; 6.393 doanh nghiệp ngành xây dựng; 17.856 doanh nghiệp ngành thương mại, dịch vụ, đại diện cho 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Kết quả cho thấy 77,3% doanh nghiệp nhận định hoạt động sản xuất kinh doanh quý IV tốt hơn và giữ ổn định so với quý III (28,6% tốt hơn và 48,7% giữ ổn định); 22,7% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn hơn. So với quý III, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thuận lợi hơn quý trước tăng 5,1%; giữ ổn định tăng 0,4% và khó khăn hơn giảm 5,5%.

Các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo lạc quan nhất với 79,8% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn và giữ ổn định (38,0% tốt lên và 41,8% giữ ổn định); 20,2% doanh nghiệp đánh giá khó khăn hơn. Ngành thương mại, dịch vụ có 77,6% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh quý



IV tốt hơn quý III và giữ ổn định (24,9% tốt hơn và 52,7% giữ ổn định); 22,4% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn hơn. Trong ngành xây dựng, 73,7% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh quý IV tốt hơn và giữ ổn định so với quý III (29,9% tốt hơn và 43,8% giữ ổn định); 26,3% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn hơn.

Trong bối cảnh thị trường trong nước và quốc tế có nhiều biến động khó lường, có rất nhiều nguyên nhân gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc quay trở lại thị trường, thậm chí phải tạm dừng hoạt động hoặc giải thể. Nguyên nhân chính là khó khăn từ thị trường trong nước và sức ép cạnh tranh trên thị trường. Khó khăn của doanh nghiệp còn bởi thể chế, pháp luật. Mặc dù đã được quan tâm, chỉ đạo, tập trung tháo gỡ vướng mắc, tuy nhiên vẫn còn một số vướng mắc, bất cập chưa được kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển: Tình trạng nợ đọng, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật chưa được khắc phục triệt để; Việc phân cấp, phân quyền, cắt giảm một số quy định, thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện kinh doanh... trong một số lĩnh vực còn chưa triệt để; công tác thực thi có lúc, có nơi còn chưa thống nhất; Một số cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp chậm được triển khai, hiệu quả chưa cao; Một bộ phận doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận vốn; Tăng trưởng tín dụng mặc dù có chuyển biến nhưng chưa được như kỳ vọng; Áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp bất động sản năm 2024 lớn; Nhiều dự án bị đình trệ, chậm tiến độ làm nguồn lực xã hội lớn, của cả tư nhân và Nhà nước bị tổn động trong các dự án, đất đai, trong khi doanh nghiệp bị thiếu nguồn lực để tiếp tục mở rộng đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Ngoài ra, còn có một số nguyên nhân khác khiến doanh nghiệp gặp khó trong hoạt động. Có thể minh họa điều này từ kết quả khảo sát của Tổng cục Thống kê như hình dưới đây:



*Nguồn: Tổng cục Thống kê (2025), Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024*

**Hình 3.9. Các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý III năm 2024**

### 3.2.2. Cơ cấu các doanh nghiệp tham gia thương mại

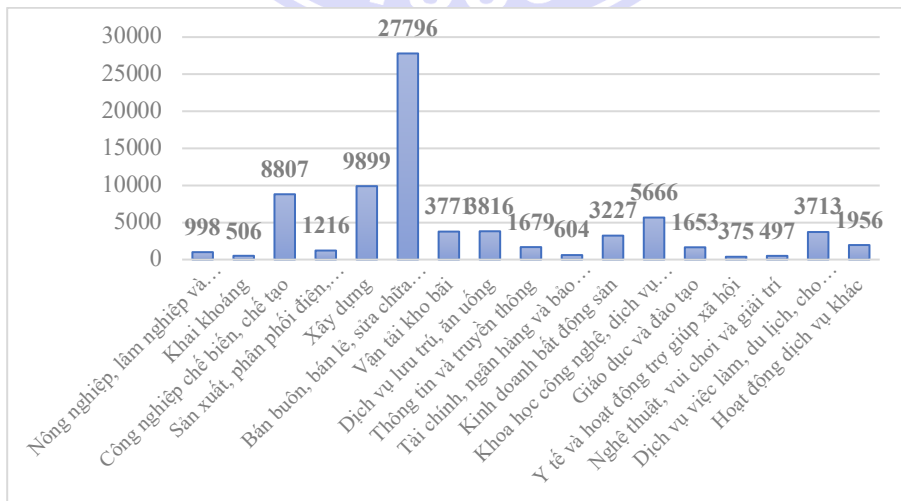
976.562 doanh nghiệp hoạt động trên thị trường năm 2024 hiện diện ở cả 17 ngành chủ chốt trong nền kinh tế, trong 3 khu vực kinh tế (nông lâm thủy sản, công nghiệp và xây dựng, dịch vụ) và trên 6 khu vực kinh tế - xã hội. Biến động doanh nghiệp tham gia thương mại theo ngành năm 2024 cụ thể như sau:

Theo dữ liệu công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, với 157.240 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong năm 2024, khu vực dịch vụ dẫn đầu với 118,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, chiếm 75,58% số doanh nghiệp thành lập mới, 66% tổng vốn đăng ký thành lập mới và 49,61% tổng lượng lao động của các doanh nghiệp thành lập mới. Có 6/17 ngành có số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng so với cùng kỳ năm 2023; cụ thể: công nghiệp chế biến chế tạo (tăng 1,3%), sản xuất phân phối điện, nước, gas (tăng 7,9%), bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy (tăng 2,6%), vận tải kho bãi (tăng 6,8%), thông tin và truyền thông (tăng 4,7%), nghệ thuật, vui chơi và giải trí (tăng 14,9%). Số vốn đăng ký mới của doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ, lưu trú và nghệ thuật, vui chơi và

giải trí tăng đáng kể so với năm 2023 (lần lượt tăng 80,03% và 9,48%) đã phần nào cho thấy sự phục hồi của du lịch Việt Nam. Việc tăng trưởng vốn đầu tư vào hai lĩnh vực này là một tín hiệu tích cực cho thấy ngành du lịch Việt Nam đang trên đà phục hồi và có triển vọng phát triển bền vững trong thời gian tới. Tuy nhiên, cũng có một số ngành ghi nhận số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm so với cùng kỳ năm 2023. Giảm mạnh nhất về số lượng doanh nghiệp thành lập mới là các ngành khai khoáng (giảm 14,6%), dịch vụ lưu trú và ăn uống (giảm 13,1%), xây dựng (giảm 8,8%), nông, lâm nghiệp và thủy sản (giảm 8,4%), giáo dục và đào tạo (giảm 7,9%)...

Doanh nghiệp thành lập mới đa phần có quy mô nhỏ (từ 0 - 10 tỷ đồng) với 145.464 doanh nghiệp (chiếm 92,5%, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2023), chủ yếu thuộc nhóm ngành dịch vụ với 118.840 doanh nghiệp, chiếm 75,58% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, giảm 0,64% so với cùng kỳ năm 2023. Nhóm ngành công nghiệp và xây dựng có 36.778 doanh nghiệp gia nhập thị trường, chiếm 23,39% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, giảm 3,42% so với cùng kỳ năm 2023. Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận 1.622 doanh nghiệp thành lập mới, chiếm 1,03% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, giảm 8,41% so với cùng kỳ năm 2023.

Đơn vị: doanh nghiệp



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2025)

**Hình 3.10. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới năm 2024, phân loại theo ngành**

Theo phân vùng kinh tế - xã hội, các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ (65.883 doanh nghiệp, chiếm 41,9%) và Đồng bằng sông Hồng (48.027 doanh nghiệp, chiếm 30,54%). Có 3/6 vùng kinh tế có số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng so với năm 2023, cụ thể: vùng Trung du và miền núi phía Bắc có hơn 8,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 3,8%; Tây Nguyên có gần 4,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 1,6%; Đồng bằng sông Cửu Long có hơn 12,7 nghìn doanh nghiệp, tăng khá 11,4%.

**Bảng 3.1. Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới năm 2024 tại một số địa phương**

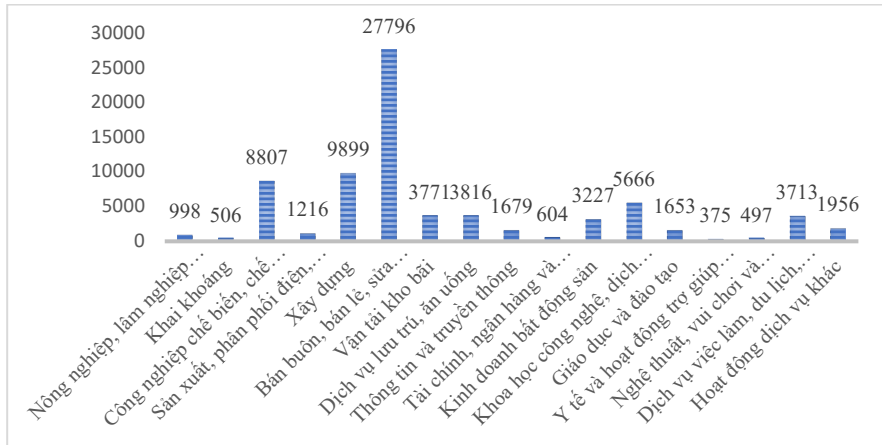
	Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới		
	Số doanh nghiệp	Vốn đăng ký (tỷ đồng)	Số lao động (người)
Thành phố Hồ Chí Minh	48.664	408.349	145.223
Hà Nội	28.931	290.299	142.071
Bình Dương	8.671	70.854	61.723
Đồng Nai	4.608	59.288	25.427
Bắc Ninh	3.820	39.367	74.481
Thanh Hóa	3.684	25.534	24.873
Hải Phòng	3.494	62.176	23.988
Đà Nẵng	3.451	14.377	16.392

*Nguồn: Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (2025)*

Trong khi đó, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng ở cả 17/17 ngành và cả 3 khu vực, cụ thể: khu vực dịch vụ tăng mạnh nhất (tăng 31,2% về số lượng doanh nghiệp quay trở lại hoạt động so với cùng kỳ 2023, chiếm 71,87% số doanh nghiệp), tiếp đến là khu vực khu vực công nghiệp và xây dựng (tăng 28,7%), khu vực nông, lâm, thủy sản (tăng 24%). Nếu xét theo từng ngành cụ thể, thông tin và truyền thông có mức tăng cao nhất 43,5%, tương ứng 1.679 doanh nghiệp, tiếp đến là kinh doanh bất động sản (3.227 doanh nghiệp, tăng 42,2%); vận tải kho bãi (3.771 doanh nghiệp, tăng 34,6%); khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác (5.666 doanh nghiệp, tăng 33,7%); bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy (27.796 doanh nghiệp, tăng 33,1%); y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (375 doanh nghiệp, tăng 30,7%); xây dựng (9.899 doanh nghiệp, tăng 29,9%); công

ngành chế biến, chế tạo (8.807 doanh nghiệp, tăng 29%); dịch vụ lưu trú và ăn uống (3.816 doanh nghiệp, tăng 26,4%)..

Đơn vị: doanh nghiệp



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2025)

**Hình 3.11. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động năm 2024, phân loại theo ngành**

Trong năm 2024, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 21.608 doanh nghiệp, tăng 20% so với năm 2023. Trong đó, tập trung nhiều nhất ở khu vực dịch vụ với 17.008 doanh nghiệp (chiếm 78,71%). Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy là lĩnh vực có số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể nhiều nhất, chiếm 40,21% tổng số doanh nghiệp hoàn tất giải thể cả nước và 51,08% doanh nghiệp giải thể trong khu vực dịch vụ. Mặc dù chỉ với 149 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong năm 2024 nhưng ngành khai khoáng lại có mức tăng cao nhất, tăng 38% về số lượng doanh nghiệp giải thể so với năm 2023. Trong khi đó, số liệu thống kê cũng cho thấy chỉ có 2/17 ngành có số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể giảm so với năm 2023: sản xuất phân phối điện, nước, gas (giảm 15,3%), tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (giảm 0,4%).

**Bảng 3.2. Doanh nghiệp thành lập mới và giải thể năm 2024  
phân theo một số lĩnh vực hoạt động**

	Số lượng doanh nghiệp (Doanh nghiệp)		Tốc độ tăng/giảm so với năm 2023 (%)	
	Thành lập mới	Giải thể	Thành lập mới	Giải thể
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy	63.862	8.688	2,6	28,4
Công nghiệp chế biến chế tạo	19.095	2.332	1,3	19
Xây dựng	15.800	1.442	- 8,8	10,1
Kinh doanh bất động sản	4.580	1.290	- 2,7	1,3
Vận tải kho bãi	8.487	829	6,8	17,3
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.822	992	-13,1	6,8
Sản xuất phân phối, điện, nước, gas	1.198	243	7,9	- 15,3

*Nguồn: Tổng cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội (2025)*

### **3.3. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA**

Hoạt động thương mại nội địa năm 2024 đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận (như đã trình bày ở mục 3.1), từ sự gia tăng quy mô, tốc độ đến việc củng cố vai trò của thương mại nội địa với phát triển kinh tế - xã hội. Đóng góp vào kết quả đó phải kể đến là sự vào cuộc của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan. Mặc dù 2024 không phải là năm có quá nhiều rà soát, sửa đổi về luật song những chỉ đạo mang tính định hướng của nhà nước, của Bộ Công Thương và các bộ ngành liên quan đã đưa đến sự kích thích và tạo động lực quan trọng cho sự phát triển của thương mại nội địa.

#### **3.3.1. Nhóm chính sách phát triển và quản lý hạ tầng thương mại**

Ngày 5 tháng 1 năm 2024, thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN năm 2024. Theo đó, 1 trong số 12 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được xác định là tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến

lược đồng bộ, hiện đại, ưu tiên công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, hệ thống đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, các dự án có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số; kết nối hệ thống cao tốc với sân bay, cảng biển và triển khai hệ thống đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị. Cụ thể: *Thứ nhất*, tập trung giải quyết vướng mắc, nhất là hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng đường bộ, đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo chất lượng các dự án cao tốc. Phân đầu hoàn thành mục tiêu cả nước có 3.000 km đường bộ cao tốc và trên 1.000 km đường bộ ven biển vào năm 2025; *Thứ hai*, thực hiện hiệu quả Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch huy động nguồn lực triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển điện lực, năng lượng tái tạo, hydrogen. Khởi động lại điện năng lượng hạt nhân, phù hợp với mục tiêu, quy hoạch, điều kiện, lợi thế phát triển kinh tế - xã hội; *Thứ ba*, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật số đồng bộ, hiện đại. Đây được xem là định hướng lớn, tạo điều kiện cho phát triển và hoàn thiện hạ tầng chung, trong đó có hạ tầng thương mại.

*Về quản lý, phát triển chợ:* Nhằm thúc đẩy phát triển hạ tầng thương mại, hoàn thiện cơ sở pháp lý đáp ứng yêu cầu phát triển chợ trong tình hình hiện nay, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, địa phương xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 5 tháng 6 năm 2024 về phát triển và quản lý chợ. Nghị định này thay thế cho Nghị định 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP. Nghị định 60 đặt ra các quy định chi tiết về phân loại chợ, quản lý và tổ chức hoạt động chợ, nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, theo đó có nhiều điểm mới thay đổi so với các quy định trước đây. Cụ thể một số thay đổi của Nghị định như: *Thứ nhất*, không sử dụng cụm từ “truyền thống”, sửa đổi khái niệm chợ dân sinh từ “Chợ dân sinh là chợ hạng 3 do xã, phường quản lý nhằm mục đích kinh doanh những mặt hàng thông dụng và thiết yếu phục vụ đời sống hàng ngày của người dân” được quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP thành “Chợ dân sinh là chợ kinh doanh những mặt hàng thông dụng và thiết yếu phục vụ đời sống hàng ngày của người dân”. Nghị định mới lược bỏ các khái niệm như chợ trong khu kinh tế cửa khẩu, chợ biên giới, chợ miền núi, chợ cửa khẩu..., bổ sung khái niệm: chợ đêm, điểm

kinh doanh tự phát, chợ di tích, lịch sử, văn hóa, cảnh quan kiến trúc, chợ cộng đồng, cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công về chợ, tài sản kết cấu hạ tầng chợ và đã bổ sung, làm rõ khái niệm về chợ kiên cố, chợ bán kiên cố. *Thứ hai*, làm rõ việc tổ chức quản lý chợ và hoạt động kinh doanh tại chợ được quy định tại Chương 3. Theo đó, chợ được quản lý bởi doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư, kinh doanh, khai thác, quản lý chợ hoặc đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ đối với tài sản do nhà nước đầu tư... thay vì ban quản lý chợ như trước đây. Các thủ tục hành chính đối với việc phê duyệt nội quy chợ cũng được cắt giảm đáng kể. *Thứ ba*, về quản lý điểm kinh doanh tại chợ, Nghị định 60 cắt giảm thủ tục hành chính về phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ trình ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt so với quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP. Bổ sung quy định về thời hạn sử dụng hoặc thuê điểm kinh doanh tại chợ do các bên tự thỏa thuận trừ trường hợp pháp luật khác quy định. Thời hạn sử dụng hoặc thuê điểm kinh doanh tại chợ phải được thể hiện trong hợp đồng giữa tổ chức quản lý chợ với thương nhân kinh doanh tại chợ theo hướng dẫn của ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Bổ quy định phương án bố trí, sắp xếp khu vực kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ phải trình ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*Về phát triển hạ tầng thương mại biên giới:* Ngày 25 tháng 2 năm 2021, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 259/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp đó, ngày 2 tháng 8 năm 2023, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký quyết định số 1979/QĐ-BCT phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cụ thể, hướng đến việc nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam; rà soát, xây dựng danh mục hạ tầng thương mại biên giới ưu tiên đầu tư, nâng cấp cải tạo các tỉnh biên giới Việt Nam giáp Trung Quốc, Lào, Campuchia; kết nối và phát triển hạ tầng thương mại biên giới với các nước có chung đường biên giới và các nước khác trong khu vực. Thực hiện theo tinh thần quyết định số 259, ngày 23 tháng 10 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 1247/QĐ-TTg về Kế hoạch thực hiện Bản ghi nhớ về phát triển và kết nối hạ tầng thương mại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ



Nhân dân Lào. Trong đó, tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng thương mại biên giới phù hợp tiềm năng 2 nước, hỗ trợ thương nhân kinh doanh đưa hàng hóa vào chuỗi phân phối dưới hình thức thương mại biên giới, phát triển các loại hình hạ tầng thương mại biên giới, rà soát các loại hình hạ tầng thương mại biên giới cần nâng cấp, cải tạo và danh mục hạ tầng thương mại biên giới ưu tiên đầu tư xây dựng.

*Về phát triển hạ tầng thương mại nông thôn:* sau Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022, Chính phủ đã ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, huyện nông thôn mới phải có chợ trung tâm chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định. Chính phủ cũng đã ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 bằng Quyết định số 318/QĐ-TTg, trong đó quy định xã nông thôn mới phải có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa và xã nông thôn mới nâng cao phải có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm. Theo tinh thần của Quyết định số 320/2022/QĐ-TTg và Quyết định 1214/QĐ-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc hướng dẫn và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, năm 2024, các địa phương tiếp tục nghiêm túc thực hiện. Về cơ bản, các địa phương đã hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu của người dân.

Trước đây, Bộ Công Thương đã lập Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến 2020 và tầm nhìn đến 2030; Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm hội chợ triển lãm trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Sau khi Luật Quy hoạch có hiệu lực, yêu cầu tích hợp các quy hoạch hạ tầng thương mại trước đây vào quy hoạch tỉnh, vùng, quốc gia đã được thực hiện. Trong năm 2024, các sở Công Thương tiếp tục chủ trì, phối hợp với các

sở, ngành, địa phương tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành các quy hoạch phù hợp với từng thời kỳ, nhằm định hướng phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn một cách đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc lưu thông hàng hóa của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các tỉnh. Hiện tại, hầu hết các tỉnh đã có quy hoạch phát triển chợ, một số tỉnh đã có quy hoạch siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng xăng dầu... Có khoảng 35 tỉnh, thành phố đã ban hành các quy định về quy trình đầu tư và chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng chợ; quy định quy trình chuyển đổi hình thức tổ chức quản lý kinh doanh chợ trên địa bàn. Liên quan đến chợ, quy định quản lý về phát triển chợ tiếp tục được hoàn thiện trong năm 2024 để phù hợp với thực tiễn.

Một số văn bản khác liên quan đến quản lý và phát triển hạ tầng thương mại trong nước có thể kể đến như: Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Luật số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 về Luật Điện lực sửa đổi. Mặc dù Luật Điện lực sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2025 song đây được xem là cơ sở hoàn thiện thể chế cho sự phát triển điện lực, góp phần đảm bảo hạ tầng năng lượng cho phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 01/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021, Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022); Văn bản hợp nhất số 37/VBHN-BGTVT ngày 04 tháng 09 năm 2024 về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2024 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Luật số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 về Luật Đầu tư công (sửa đổi), quy định việc quản lý nhà nước về đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư

công, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công. Luật mới đã có các quy định nhằm phân loại dự án đầu tư công, quy định các tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C, phân cấp cho Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, nhóm C do địa phương quản lý. Đây là những tiền đề pháp lý quan trọng để các địa phương phê duyệt dự án hoàn thiện và phát triển hạ tầng thương mại...

### **3.3.2. Nhóm chính sách quản lý một số mặt hàng kinh doanh có điều kiện**

Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Theo đó, trong năm 2024, có 229 ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện. Trong hệ thống văn bản quản lý chung liên quan đến mặt hàng kinh doanh có điều kiện còn hiệu lực đến năm 2024 phải kể đến Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo; Thông tư số 03/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 1 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Thông tư số 43/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, Thông tư số 45/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự đăng ký mẫu con dấu, thu hồi và hủy con dấu, hủy giá trị sử dụng con dấu, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu. ... Với một số mặt hàng kinh doanh có điều kiện, văn bản quản lý nổi bật trong năm 2024 có thể kể đến như:

*Mặt hàng xăng dầu:* Với mặt hàng xăng dầu, thời gian qua, văn bản đáng chú ý nhất trong quản lý kinh doanh xăng dầu là Nghị định số 80/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17 tháng 11 năm 2023. Nghị định này nhằm khắc phục những bất cập trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu. Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 80 đã đáp ứng nguyện vọng của thương nhân là đại lý kinh doanh xăng dầu khi tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập hàng từ 03 nguồn thay vì 02 nguồn như trước đây. Đại lý bán lẻ xăng dầu được ký hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho tối đa 3 thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Bãi bỏ loại hình kinh doanh tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (trừ trường hợp thương nhân đã được cấp Giấy xác nhận điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho đến khi Giấy xác nhận hết hiệu lực). Ngoài ra, Nghị định còn quy định việc rút ngắn thời gian điều hành giá xăng dầu từ 10 ngày xuống còn 07 ngày, giúp việc theo dõi điều chỉnh giá sát với giá xăng dầu của thế giới; quy định cụ thể chi tiết hơn về việc thu hồi giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, trong đó có bổ sung quy định về thời gian khắc phục vi phạm về điều kiện đối với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân vi phạm quy định về dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu trong vòng 90 ngày kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính nếu không khắc phục vi phạm sẽ bị thu hồi giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Nghị định còn bổ sung các quy định đối với Quỹ bình ổn giá xăng dầu nhằm tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đối với các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Ngoài Nghị định 80, trong quản lý điều hành kinh doanh xăng dầu, Bộ Công thương, Bộ Tài chính còn căn cứ vào một số văn bản liên quan khác như Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021, Thông tư số 104/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định yếu tố cấu thành trong công thức giá cơ sở xăng dầu, Thông tư số 103/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng và quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu, Thông tư liên tịch số

39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 quy định về phương pháp tính giá cơ sở, cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá và Thông tư liên tịch số 90/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 24 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 39, Thông tư số 104/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định yếu tố cấu thành trong công thức giá cơ sở xăng dầu...

Có thể nói, từ khi thực hiện điều hành giá xăng dầu rút xuống 7 ngày theo Nghị định số 80/2023/NĐ-CP, giá xăng dầu trong nước phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới, cùng với các loại chi phí kinh doanh xăng dầu được cập nhật kịp thời, đã tạo động lực cho doanh nghiệp tạo nguồn xăng dầu cung ứng đầy đủ nhu cầu cho thị trường nội địa. Trong năm 2024, Thủ tướng chính phủ còn ban hành các thông tư hướng dẫn và chỉ đạo để điều hành giá xăng dầu trong nước phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới; sử dụng công cụ Quỹ bình ổn giá nhằm hạn chế mức biến động mạnh của giá xăng dầu trong nước so với biến động của giá thế giới (khi giá xăng dầu thế giới biến động tăng cao), góp phần thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát và hỗ trợ phục hồi kinh tế, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể kinh doanh và sử dụng xăng dầu. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương cũng có nhiều văn bản thuộc chức năng quản lý của Bộ với mặt hàng xăng dầu. Cụ thể:

+ Nghị quyết số 60/2024/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn.

+ Công văn số 14477/BTC-QLG ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền áp dụng trong công thức tính giá cơ sở xăng dầu.

+ Công văn 10607/BCT-TTTN ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ Công Thương cùng với các công văn số 10388, 9885, 9460, 9214, 8729, 8505, 8296, 8066, 7771, 7558, 7281, 6996, 6717, 6323, 6040, 5843, 5345, 5129, 4896, 4662, 4477, 4280, 4065, 3845, 3640, 3469, 3084, 2846... cũng của Bộ Công thương về điều hành kinh doanh xăng dầu trong năm 2024.

+ Quyết định số 3153/QĐ-BCT ngày 2 tháng 12 năm 2024 về việc thành lập đoàn thẩm định điều kiện cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu (nhiên liệu hàng không).

+ Quyết định số 3150/QĐ-BCT ngày 2 tháng 12 năm 2024 về việc thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu.

+ Công điện số 2036/CĐ-BCT ngày 28 tháng 3 năm 2024 về thực hiện nghiêm quy định về hóa đơn điện tử đối với hoạt động kinh doanh, bán lẻ xăng dầu.

+ Công điện số 26/CĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp quản lý mặt hàng xăng dầu, thực hiện nghiêm quy định về hóa đơn điện tử đối với hoạt động kinh doanh, bán lẻ xăng dầu.

+ Công điện số 99/CĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm cung ứng xăng dầu cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp...

+ Chỉ thị số 01/CT-BCT của Bộ Công thương ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc triển khai Công điện số 1437/CĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung thực hiện các giải pháp bảo đảm cung ứng đủ xăng dầu cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp.

+ Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ban Chấp hành Trung ương về việc đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

*Mặt hàng thuốc lá:* Ngày 28 tháng 12 năm 2023, Bộ Công thương đã có Thông tư số 43/2023/TT-BCT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số điều của nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Theo đó: Sửa đổi khoản 1, khoản 9 Điều 13 của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 21 của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; bãi bỏ một số Phụ lục kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ

trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, Thủ tướng chính phủ có Công điện số 47/CĐ-TTg về tăng cường quản lý thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng. Theo đó, trong những năm qua, thực hiện Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá. Các bộ, ngành, địa phương cũng tích cực triển khai các hoạt động theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá bước đầu đạt được các kết quả đáng khích lệ, tỷ lệ sử dụng thuốc lá điều thông thường đã giảm trung bình 0.5% mỗi năm trong nam giới. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây trên thị trường đã xuất hiện các sản phẩm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng và việc sử dụng các sản phẩm này có nhiều diễn biến phức tạp, tỷ lệ sử dụng có xu hướng gia tăng nhanh trong cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ và có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người sử dụng. Văn bản này sẽ giúp kiểm soát, ngăn chặn kịp thời tác hại của việc sử dụng thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng qua sự phối hợp của các Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công An, Bộ Công Thương...

*Dịch vụ kế toán:* Thông tư số 18/2024/TT-BTC và Thông tư số 23/2024/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn về quản lý và kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán; Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BTC ngày 12 tháng 08 năm 2024, Thông tư về cấp, quản lý và sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán; Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC ngày 12 tháng 08 năm 2024, Thông tư hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán; Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BTC ngày 12 tháng 08 năm 2024, Thông tư hướng dẫn cấp nhật kiến thức hàng năm cho kế toán về cấp, thu hồi và quản lý giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán; Thông tư số 23/2024/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn về quản lý và kiểm tra hoạt động kế toán.

*Dịch vụ kinh doanh chứng khoán:* Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư 76/2024/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

*Kinh doanh bất động sản:* Luật số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 1 năm 2024 của Quốc hội (Luật Đất đai); Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 của Quốc hội; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; Nghị định 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định 64/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2024.

*Kinh doanh dầu khí:* Nghị định số 132/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

*Kinh doanh casino:* Nghị định số 145/2024/NĐ-CP ngày 4 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi khoản 2 Điều 12 của Nghị định 03/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh casino.

*Dịch vụ thẩm định giá:* Nghị định 78/2024/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; Thông tư số 36/2024/TT-BTC



ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá doanh nghiệp; Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; Thông tư số 37/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá tài sản vô hình.

*Kinh doanh dịch vụ vận tải:* Nghị định số 121/2024/NĐ-CP ngày 3 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2024 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Thông tư số 18/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 05 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Văn bản hợp nhất số 39/VBHN-BGTVT ngày 5 tháng 9 năm 2024, Thông tư quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Hoạt động thương mại điện tử:* Công điện số 56/CĐ-TTg ngày 6 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; Công điện số 119/CĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về thương mại điện tử; Công văn số 8598/BCT-TMĐT ngày 26 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

### **3.3.3. Các chính sách phát triển thương mại nội địa khác**

Nhằm đảm bảo phát triển thị trường nội địa, năm 2024, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và các bộ ngành đã ban hành nhiều

văn bản chỉ đạo, trong đó hướng đến đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các Chương trình, đề án về phát triển thương mại trong nước như: Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030; Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Ngoài ra, để đảm bảo ổn định cung cầu hàng hóa trên thị trường nội địa, hoàn thành mục tiêu quản lý, điều hành giá theo chức năng, Bộ Công Thương chủ động đẩy mạnh triển khai thực hiện các giải pháp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Một số văn bản chỉ đạo quan trọng liên quan đến ổn định và phát triển thương mại nội địa năm 2024 có thể kể đến như:

*Về văn bản chỉ đạo:* Ngày 21 tháng 4 năm 2024, Thủ tướng chính phủ ban hành Chỉ thị số 12/CT-TTg về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh trong nước, vấn đề tỷ giá, áp lực lạm phát có xu hướng tăng, hoạt động sản xuất kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực còn khó khăn..., Thủ tướng yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương chú trọng phát triển thị trường trong nước, tăng cường xúc tiến thương mại, kích cầu tiêu dùng trên địa bàn, tích cực hưởng ứng Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử. Đồng thời, giao các bộ ngành, trong đó có Bộ Công Thương chủ động có các biện pháp theo thẩm quyền và quy định để đảm bảo cung ứng đủ điện, xăng dầu phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp, tuyệt đối không để thiếu điện, thiếu hụt, đứt gãy nguồn cung xăng dầu trong mọi tình huống.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg về việc kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường trong nước nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Về nhiệm vụ chung, Thủ tướng yêu cầu sớm đưa vào vận hành các công trình, dự án đầu tư tạo năng lực sản xuất mới. Trong đó, tập trung rà

soát, ưu tiên các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong giải ngân vốn đầu tư công, các gói tín dụng, đất đai cũng như các chính sách thu hút các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện các dự án phù hợp với quy mô và tín hiệu thị trường; Khơi thông thị trường trong nước, có chính sách khuyến khích tiêu dùng, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực mà sản xuất trong nước có thể mạnh, còn năng lực sản xuất và thị trường trong nước có nhu cầu; Rà soát và có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Triển khai các giải pháp kết nối vùng nhằm giảm chi phí vận chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa giữa các vùng; hỗ trợ doanh nghiệp dịch chuyển đầu tư về các vùng có lợi thế cạnh tranh về các yếu tố như mặt bằng sản xuất kinh doanh, nguồn lao động dồi dào và giá nhân công rẻ để giảm chi phí sản xuất; Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại thị trường trong nước, kết nối cung cầu, hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường, tư vấn pháp lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thực hiện đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường cuối năm 2024, Bộ trưởng Bộ Công Thương có Chỉ thị số 12/CT-BCT ngày 20 tháng 10 năm 2024 về việc thực hiện các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường hàng hóa cuối năm 2024 và dịp Tết Nguyên Đán Ất Tỵ 2025. Trong Chỉ thị, Bộ trưởng Bộ Công Thương chỉ đạo sở công thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo dõi sát diễn biến thị trường, cung cầu các mặt hàng thiết yếu, nhất là những mặt hàng có nhu cầu cao hoặc có biến động giá nhiều trên địa bàn thời gian qua để chủ động có phương án hoặc đề xuất với các cơ quan chức năng biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định thị trường, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến trong dịp cuối năm và Tết Nguyên Đán. Bên cạnh đó, các Sở cần thực hiện tốt chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị chức năng, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan nhằm chủ động nguồn cung ứng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân.

*Về xúc tiến thương mại:* Năm 2024, hoạt động xúc tiến thương mại với nòng cốt là Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại đã được triển khai và thu được kết quả đáng ghi nhận. Chương trình đã hỗ trợ gần 6.000 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức xúc tiến thương

mại địa phương, tham gia và hưởng lợi, trong đó tổng giá trị hợp đồng được ký kết trực tiếp tại các hội chợ, triển lãm quốc tế đạt trên 52 triệu USD (chưa bao gồm các hợp đồng được ký kết sau hội chợ, triển lãm, giao thương), doanh số bán hàng tại các hội chợ, triển lãm cấp vùng đạt gần 100 tỷ đồng. Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng phối hợp với nền tảng thương mại điện tử Alibaba.com triển khai Gian hàng quốc gia Việt Nam (Vietnam Pavilion) trên Alibaba.com, phối hợp với Alibaba tuyển chọn và công bố 100 doanh nghiệp tiêu biểu được lựa chọn tham gia Gian hàng quốc gia Việt Nam. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác xúc tiến được đẩy mạnh qua những nỗ lực của Bộ Công Thương trong phối hợp nghiên cứu xây dựng mô hình tổng thể Hệ sinh thái xúc tiến thương mại đáp ứng điều kiện kỹ thuật, đảm bảo khả năng vận hành thông suốt, hiệu quả. Bộ Công Thương đã trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương, Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

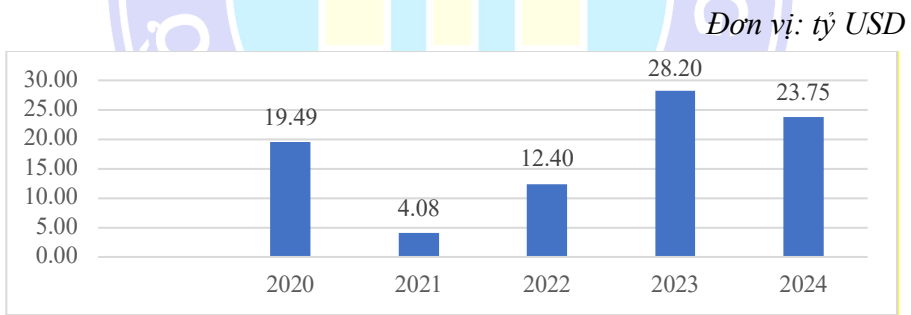
*Về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:* Bộ Công Thương chủ động xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cụ thể: trình Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2024 ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia ngày 2 tháng 7 năm 2024 cũng có Công văn số 806/CT-HĐM thông báo gửi sở công thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2024. Để tăng cường quản lý giá, bình ổn thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, ngày 10 tháng 10 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

## CHƯƠNG 4. THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

### 4.1. CÁN CÂN THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

#### 4.1.1 Cán cân thương mại

Năm 2024, Việt Nam vẫn là quốc gia xuất siêu, thặng dư thương mại đạt 23,75 tỷ USD, giảm 4,45 tỷ USD so với năm 2023 (năm 2023 đạt 28,2 tỷ USD, cao kỷ lục trong 5 năm trở lại đây). Mức thặng dư thương mại giảm là do tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu đang có xu hướng tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, từ đó làm giảm thặng dư thương mại, tuy rằng tổng lượng xuất nhập khẩu của Việt Nam trong năm có xu hướng tăng. So với các năm trước đây, đặc biệt là giai đoạn bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, mức thặng dư xuất khẩu của Việt Nam năm 2024 có sự tăng trưởng hết sức rõ ràng, gấp 1.9 lần so với năm 2022 và gấp 5.8 lần so với năm 2021.



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Hình 4.1. Cán cân thương mại của Việt Nam  
từ năm 2020 đến năm 2024**

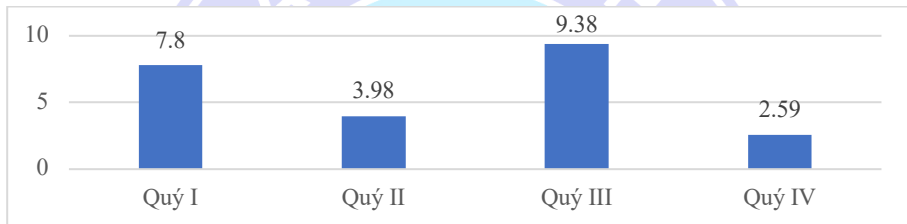
#### - Theo các quý trong năm

Nhìn chung, Việt Nam duy trì thặng dư thương mại trong tất cả các quý năm 2024, tuy nhiên sự phân bố về kim ngạch thặng dư có sự chuyển dịch so với năm 2023. Thặng dư thương mại năm 2024 tập trung chủ yếu vào quý I và quý III, trong khi đó thặng dư thương mại năm 2023 tập trung chủ yếu vào các quý giữa năm.

Số liệu cho thấy, ba tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất siêu tương đối cao, ở mức 7,8 tỷ USD (tăng 2,99 tỷ USD so với cùng kì năm 2023). Tuy nhiên, mức thặng dư này không được duy trì và có sự sụt giảm tương đối mạnh vào quý II, chỉ đạt mức 3,98 tỷ USD (quý II năm 2023, Việt Nam đạt mức xuất siêu tương đối cao 8,03 tỷ USD). Tuy

nhiên, đến quý III năm 2024, mức xuất siêu của Việt Nam tăng mạnh và đạt mức cao nhất trong năm là 9,38 tỷ USD. Tuy nhiên, trong quý 4 năm 2024, thặng dư thương mại giảm mạnh xuống mức 2,59 tỷ USD do có sự gia tăng đáng kể về kim ngạch nhập khẩu hàng hóa cho mục đích sản xuất và tiêu dùng cuối năm (đặc biệt tháng 12, Việt Nam có thặng dư thương mại âm). Có thể thấy, tuy thặng dư thương mại được duy trì ở mức tương đối cao, nhưng không được phân bố đồng đều cho các quý, chỉ tập trung tại quý I và III, trong khi đó quý IV có sự sụt giảm đáng kể.

Đơn vị: tỷ USD



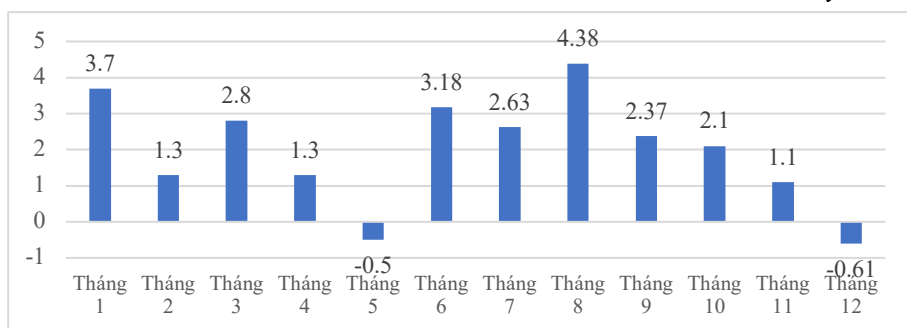
Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### **Hình 4.2. Cán cân thương mại của Việt Nam theo các quý năm 2024**

- Theo các tháng trong năm

Số liệu từ Tổng cục Hải quan cho thấy, thặng dư thương mại được duy trì trong hầu hết các tháng trong năm 2024, trừ tháng 5 và tháng 12. Ngoài ra, sự phân bố thặng dư thương mại theo các tháng cũng không đồng đều, tập trung vào các tháng đầu và giữa năm 2024. Cụ thể, trong tháng 1, thương mại Việt Nam xuất siêu 3,7 tỷ USD tăng 3,05 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2023. Tuy nhiên, mức thặng dư thương mại có sự sụt giảm trong 4 tháng tiếp theo, đặc biệt Việt Nam có thặng dư thương mại âm 500 triệu USD vào tháng 5. Các tháng giữa năm có mức thặng dư thương mại cao hơn, đặc biệt tháng 8 Việt Nam xuất siêu cao nhất trong năm, đạt 4,38 tỷ USD. Các tháng cuối năm, thặng dư thương mại bắt đầu giảm, đặc biệt, tháng 12, Việt Nam nhập siêu 600 triệu USD.

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Hình 4.3. Cán cân thương mại của Việt Nam theo các tháng năm 2024**

#### 4.1.2. Cán cân thương mại theo thị trường

##### - Cán cân thương mại theo các thị trường chính

Số liệu năm năm 2024 cho thấy, xu hướng của phân phối cán cân thương mại có sự đồng nhất so với các năm trước đây, theo đó, Việt Nam thường có thâm hụt thương mại với các thị trường thuộc khu vực Châu Á, tuy nhiên lại có thặng dư thương mại đối với các thị trường thuộc khu vực Châu Âu và châu Mỹ. Đồng thời, thâm hụt và thặng dư thương mại của Việt Nam đối với các thị trường chính đều có xu hướng tăng trong năm 2024.

**Bảng 4.1. Cán cân thương mại của Việt Nam với các thị trường chính năm 2024**

Đơn vị: tỷ USD

Quốc gia	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
Trung Quốc	60.6	144.3	-83.7
Hoa Kỳ	119.6	15	104.6
Asean	37	46.9	-9.9
Hàn Quốc	25.5	56.2	-30.7
EU	52.1	16.7	35.4
Nhật Bản	24.6	21.4	3.2

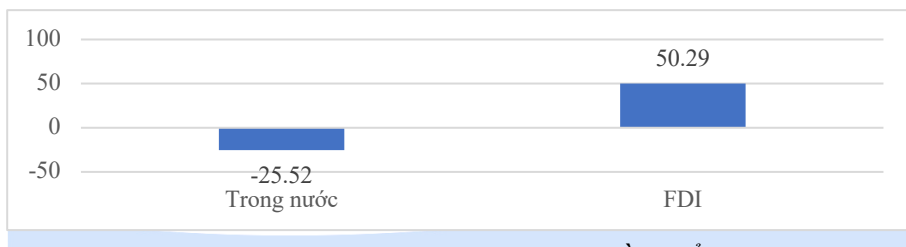
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Cụ thể, Việt Nam có thâm hụt thương mại lớn nhất với thị trường Trung Quốc ở mức 83.7 tỷ USD (tăng 33.8 tỷ USD so với năm 2023) và thị trường Hàn Quốc ở mức 30.7 tỷ USD (tăng 1.6 tỷ USD so với năm 2023). Tuy nhiên, Việt Nam cũng có mức thặng dư thương mại rất lớn đối với Hoa Kỳ, đạt 104.6 tỷ USD, tăng 21.6 tỷ USD so với năm 2023; và với thị trường EU, đạt 35.4 tỷ USD tăng 6.3 tỷ USD so với năm 2023.

#### 4.1.3. Cán cân thương mại theo khu vực kinh tế

Nhìn chung, cơ cấu phân bổ về thặng dư thương mại theo khu vực kinh tế năm 2024 không có sự chuyển biến nhiều so với các năm trước đây. Thặng dư thương mại hoàn toàn được tạo ra từ khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong khi đó khối doanh nghiệp trong nước nhập siêu. Ngoài ra, thặng dư và thâm hụt thương mại tại hai khu vực kinh tế đều có xu hướng tăng. Cụ thể, khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt thặng dư thương mại ở mức 50,29 tỷ USD, tăng 2,69 tỷ USD so với năm 2023. Trong khi đó, khối doanh nghiệp trong nước nhập siêu 25,52 tỷ USD, tăng 5,52 tỷ USD so với năm 2023. Từ đó có thể thấy, xuất siêu của Việt Nam vẫn phụ thuộc rất lớn vào khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI bị ảnh hưởng rất lớn từ các yếu tố như chuỗi cung ứng toàn cầu, các yếu tố địa chính trị, từ đó làm tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam chịu những ảnh hưởng tương tự. Các doanh nghiệp FDI cũng chưa tạo ra được hiệu ứng lan tỏa, chưa góp phần thúc đẩy doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Hình 4.4. Cán cân thương mại theo khu vực kinh tế năm 2024**

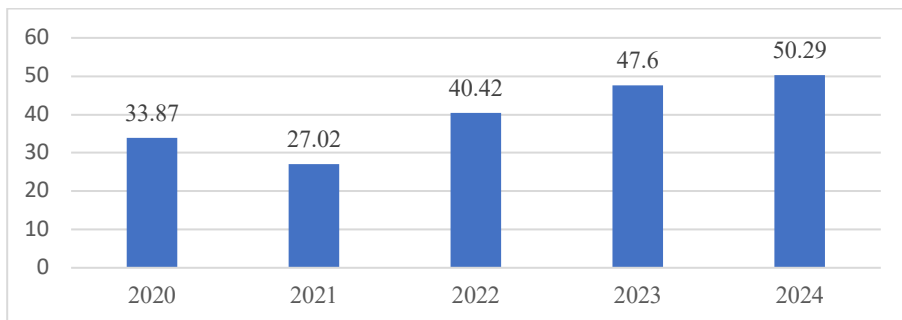
#### - Khối doanh nghiệp có vốn FDI

Trong năm 2024, khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục xuất siêu và là nguồn lực chính tạo ra thặng dư thương mại cho



Việt Nam. Kim ngạch xuất siêu của khối doanh nghiệp FDI cũng có sự gia tăng vượt bậc đạt 50,29 tỷ USD, tăng 5,65% so với năm 2023.

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### Hình 4.5. Cán cân thương mại khối doanh nghiệp FDI giai đoạn 2020 - 2024

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng nhập khẩu của khối doanh nghiệp FDI đang cao hơn tốc độ tăng trưởng xuất khẩu (xuất khẩu khối doanh nghiệp FDI tăng trưởng 12,5%, xuất khẩu tăng trưởng 19,5%), và có tiềm năng tạo ra thâm hụt thương mại trong tương lai. Điều này cho thấy, hoạt động xuất nhập khẩu của nhóm doanh nghiệp FDI bị ảnh hưởng rất nhiều bởi tình hình toàn cầu. Đồng thời, mức thặng dư thương mại từ khu vực doanh nghiệp FDI cũng đang dần mất đi sự ổn định và tính bền vững, khi tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đang dần chậm hơn so với tốc độ tăng trưởng nhập khẩu. Từ đó cho thấy, chính phủ Việt Nam cần tiếp tục thiết lập hành lang pháp lý và môi trường kinh doanh phù hợp, đồng thời tiếp tục ký kết các hiệp định thương mại tự do để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp FDI.

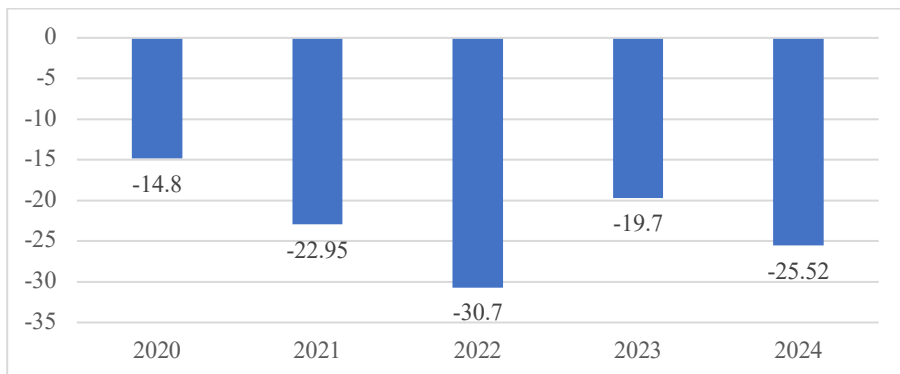
#### - Khối doanh nghiệp trong nước

Các doanh nghiệp trong nước tiếp tục duy trì nhập siêu trong năm 2024, trong đó kim ngạch nhập siêu năm 2024 tăng cao, đạt 25,52 tỷ USD, cao hơn 5,82 tỷ USD so với năm 2023, và cao thứ hai trong giai đoạn từ 2020 đến 2024 (năm 2022 nhập siêu đạt 19,7 tỷ USD).

Kim ngạch nhập siêu tăng cao là do kim ngạch nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước đang ở mức tương đối cao, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước đang có xu hướng vượt trội hơn so với tốc độ tăng trưởng nhập khẩu, từ đó cho thấy nỗ lực của doanh nghiệp trong nước trong việc thúc đẩy

xuất khẩu. Năm 2024, nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước tăng 19.5%, trong khi đó xuất khẩu tăng 19.8%.

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Hình 4.6. Cán cân thương mại khối doanh nghiệp trong nước giai đoạn 2020 - 2024**

## 4.2. XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

### 4.2.1. Xuất khẩu hàng hóa

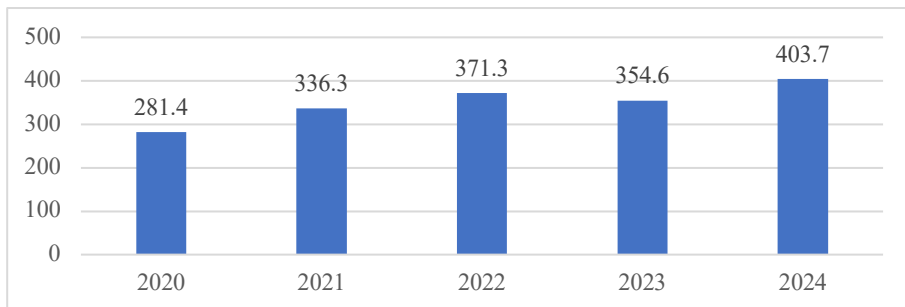
#### 4.2.1.1. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa

- Về tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa

Sự phục hồi mạnh mẽ của thương mại toàn cầu trong năm 2024 đã thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. WTO đánh giá chỉ số thương mại hàng hóa thế giới năm 2024 tăng và đạt mức 103 (chỉ số trên 100 cho thấy khối lượng thương mại toàn cầu vượt xu hướng). OECD cho rằng, sự phục hồi này có tính chu kỳ, song hành cùng kinh tế toàn cầu sau đại dịch Covid\_19. Thương mại thế giới phục hồi kích thích cả cung và cầu đối với hàng hóa, từ đó thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu 2024 đạt mức kỷ lục là 403,7 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước (cao hơn gấp 2 lần so với mục tiêu chính phủ giao trong năm ở mức 6%). Từ đó có thể thấy, xuất khẩu Việt Nam chịu ảnh hưởng rất sâu sắc từ các yếu tố kinh tế chính trị thế giới (năm 2023, kim ngạch xuất khẩu Việt Nam tăng trưởng âm do tình hình lạm phát thế giới tăng cao (Báo cáo thường niên, 2023)). Vì vậy, tuy rằng chính phủ Việt Nam đã và đang có các chính sách mạnh mẽ nhằm khuyến khích hoạt động xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa chỉ có thể duy trì và tiếp tục phát triển khi chính phủ có phương án

đối phó với tình hình chính trị kinh tế phức tạp của thế giới trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh gia tăng bảo hộ thương mại và xung đột địa chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới.

Đơn vị: tỷ USD



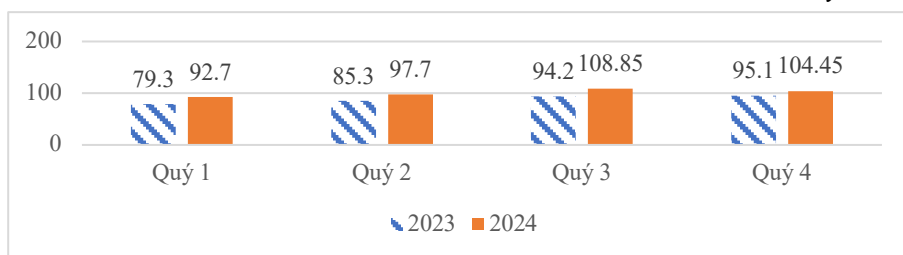
Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### Hình 4.7. Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2020 - 2024

- Về kim ngạch xuất khẩu theo quý, tháng

Số liệu cho thấy, các quý năm 2024 đều có kim ngạch xuất khẩu cao hơn so với năm 2023, tuy nhiên phân phối kim ngạch xuất khẩu theo các quý giữa hai năm có sự tương đồng nhất định, theo đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng dần trong các quý I, II và III, tuy nhiên có sự sụt giảm nhẹ trong quý IV. Cụ thể, với sự cải thiện của tình hình kinh tế thế giới, cũng như tận dụng đà phát triển của năm 2023, kim ngạch xuất khẩu quý I năm 2024 của Việt Nam đạt 92.7 tỷ USD, cao hơn 16.89% so với cùng kỳ năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng vào quý II và quý III năm 2024, trong đó quý II, kim ngạch xuất khẩu đạt 97.7 tỷ USD, quý III đạt 108.85 tỷ USD, cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm 2023 (quý II năm 2023 đạt 85.3 tỷ USD, quý III đạt 94.2 tỷ USD). Tuy nhiên, do các biến động về địa chính trị vào 3 tháng cuối năm 2024, kim ngạch xuất khẩu quý IV giảm 400 triệu USD, đạt 104.5 tỷ USD, tuy nhiên mức xuất khẩu này vẫn là tương đối cao (quý IV năm 2023 chỉ đạt 95.1 tỷ USD).

Đơn vị: tỷ USD

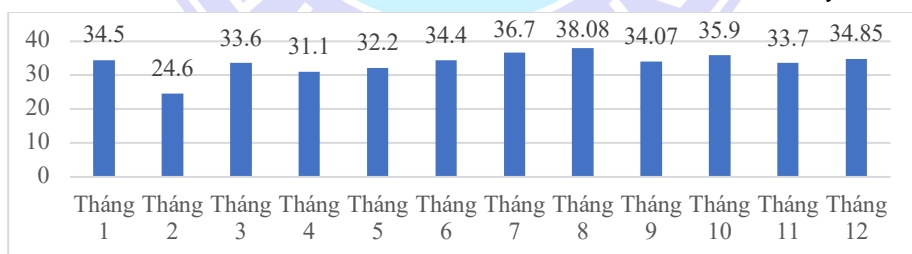


Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### Hình 4.8. Kim ngạch xuất khẩu các quý năm 2024

Về kim ngạch xuất khẩu theo các tháng, có thể thấy kim ngạch xuất khẩu hàng tháng của Việt Nam duy trì ở mức rất cao, đa số đều ở mức trên 30 tỷ USD. Đồng thời, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2024 có sự phân bố tương đối đồng đều giữa các tháng, ko bị tập trung vào một số tháng giữa hoặc cuối năm như năm 2023 và 2022. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu Việt Nam bắt đầu tháng 1 ở mức tương đối cao, đạt 34,5 tỷ USD, tăng 3,1 tỷ USD so với tháng 12 năm 2023, và tăng 46,1% so với vùng kì năm 2023.

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### Hình 4.9. Kim ngạch xuất khẩu các tháng năm 2024

Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh trong tháng 2, chỉ đạt 24,6 tỷ USD, thấp hơn 1,6 tỷ USD so với cùng kì năm 2023. Trong 45 tháng tiếp theo, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng đều từng tháng, duy trì ở mức trên 31 tỷ USD, và đạt mức cao nhất trong năm vào tháng 8 năm 2024, đạt 38/08 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu của các tháng cuối năm có chiều hướng giảm do ảnh hưởng của sự phức tạp trong các vấn đề kinh tế chính trị thế giới, vẫn duy trì ở mức trung bình là 34,63 tỷ USD. Đặc biệt, tháng 11 và tháng 12 kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam quay trở lại mức đầu năm, lần lượt ở mức 33,7 và 34,85 tỷ USD.

#### 4.2.1.2. Xuất khẩu theo nhóm mặt hàng

##### a. Cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng chủ lực

- Về giá trị xuất khẩu hàng hóa: Năm 2024, cơ cấu các mặt hàng chủ lực của Việt Nam không có sự thay đổi đáng kể, trong đó năm 2024 có 37 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 94.3% tổng kim ngạch xuất khẩu, nhiều hơn 1 nhóm hàng so với năm 2023. Tuy nhiên, số nhóm hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD giữ nguyên ở mức 8 nhóm hàng, tuy có sự dịch chuyển về cơ cấu. Nhóm hàng thủy sản có kim ngạch xuất khẩu năm 2024 vượt trội, góp mặt vào nhóm hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD.

**Bảng 4.2. Giá trị xuất khẩu các mặt hàng trên 10 tỷ USD năm 2023, 2024**

Mặt hàng	Giá trị xuất khẩu năm 2023	Giá trị xuất khẩu năm 2024	Tốc độ tăng trưởng (%)	Tỷ trọng XK
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	57.3	72.58	26.6	17.98
Điện thoại các loại và linh kiện	52.3	53.8	2.86	13.33
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	43.1	52.19	21.09	12.93
Hàng dệt, may	33.3	37.037	11.2	9.17
Giày dép các loại	20.2	22.87	13.21	5.67
Gỗ và sản phẩm gỗ	13.4	16.282	21.50	4.03
Phương tiện vận tải và phụ tùng:	14.1	15.06	6.8	3.73
Thủy sản	8.97	10.04	11.92	2.49

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tiếp tục dẫn đầu trong kim ngạch xuất khẩu ở mức 72,58 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 17.8% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác lần lượt xếp thứ 2 và thứ 3 và có kim ngạch xuất khẩu khá tương đồng, ở mức 53,8 tỷ USD và 52,19 tỷ USD. Các nhóm hàng khác như hàng dệt may, giày dép các loại; gỗ và sản phẩm gỗ; phương tiện vận tải và phụ tùng đều có sự tăng trưởng trong kim ngạch xuất khẩu và duy trì được mức kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD. Đặc biệt, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu vượt trội, đạt mức 10,04 tỷ USD trong năm 2024, tăng 1,07 tỷ USD so với năm 2023

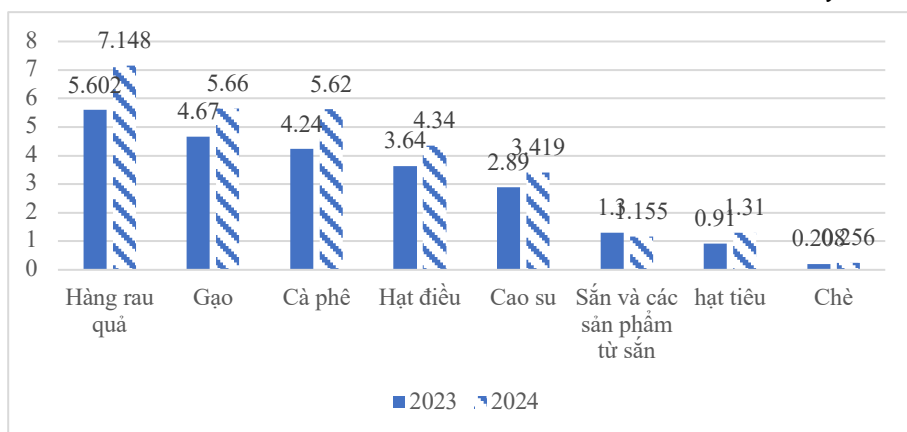
- Về tốc độ tăng trưởng: Số liệu cho thấy, toàn bộ các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều có tăng trưởng dương trong năm 2024, đặc biệt một số mặt hàng có tốc độ tăng trưởng trên 10% (năm 2023 chỉ có 3 mặt hàng chủ lực đạt tăng trưởng dương). Cụ thể, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có tăng trưởng xuất khẩu lớn nhất trong năm 2024, đạt 17.98%. Mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác cũng tăng trưởng trên 10%, ở mức 13.33% và 12.93%. Các mặt hàng khác đều có tốc độ tăng trưởng dưới 10%. Đặc biệt, mặt hàng thủy sản tuy có gia tăng về kim ngạch xuất khẩu, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 2,49% trong năm 2024

#### *b. Tình hình xuất khẩu của một số nhóm hàng chính*

##### *- Nhóm hàng nông sản*

Về trị giá xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu năm 2024 có sự phát triển mạnh mẽ so với năm 2023, dù gặp nhiều biến động về mặt tự nhiên, thời tiết nắng nóng gay gắt, hạn hán, mưa bão tại các địa phương chủ lực sản xuất nông sản ở các tỉnh miền Trung và phía Nam, đặc biệt cơn bão số 3 đi qua, gây thiệt hại rất lớn về sản xuất nông nghiệp tại các tỉnh phía Bắc. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu rau quả tăng trưởng vượt bậc từ mức 5,602 tỷ USD lên 7,148 tỷ USD, đứng đầu trong xuất khẩu nông sản trong năm 2024. Mặt hàng gạo tiếp tục giữ vị trí thứ hai trong kim ngạch xuất khẩu nông sản, đạt 5,66 tỷ USD, tăng gần 1 tỷ USD so với năm 2023. Các mặt hàng khác như cà phê, hạt điều, cao su, hạt tiêu và chè cũng có kim ngạch xuất khẩu tăng trong năm 2024, đặc biệt mặt hàng sắn và các sản phẩm từ sắn có sự sụt giảm trong kim ngạch.

Đơn vị: tỷ USD

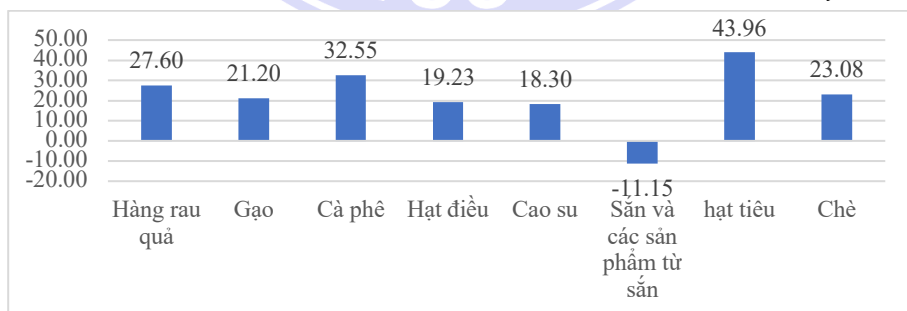


Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### Hình 4.10. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản năm 2024

Về tốc độ tăng trưởng: Nhìn chung, trong năm 2024, tăng trưởng xuất khẩu nông sản được phân phối tương đối đồng đều, và đều ở mức trên 10%, riêng sắn và các sản phẩm từ sắn sụt giảm 11.15%. Cụ thể, hạt tiêu có tốc độ tăng trưởng lớn nhất trong năm, đạt 43.96% trong năm 2024, cà phê có tốc độ tăng trưởng xếp thứ 2, đạt 32.55%. Các mặt hàng rau quả, gạo, chè đều có tốc độ tăng trưởng trên 20%.

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### Hình 4.11. Tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng nông sản năm 2024

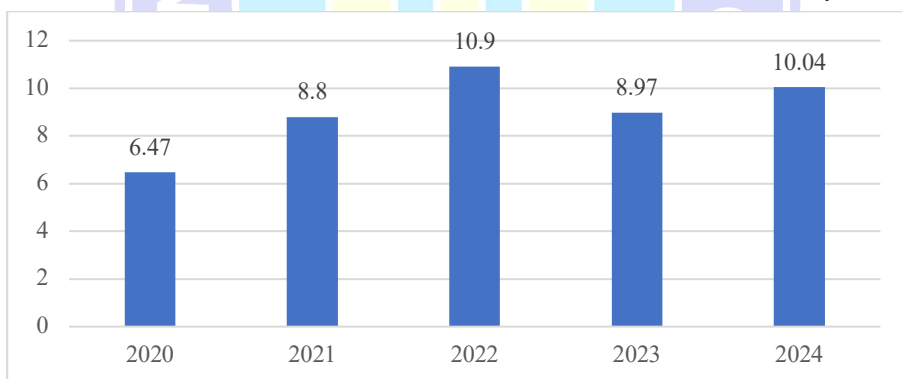
##### - Nhóm hàng thủy sản

Về trị giá xuất khẩu: Năm 2024, xuất khẩu thủy sản Việt Nam được thúc đẩy nhờ các yếu tố từ môi trường kinh tế toàn cầu, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đã có sự tăng trưởng vượt bậc so với năm 2023, đạt ngưỡng 10,04 tỷ USD. Sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thủy sản là

do sự phục hồi trong nhu cầu của thị trường quốc tế, tạo động lực cho các doanh nghiệp thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam vẫn còn gặp khó khăn trong năm 2024. Đặc biệt, nhóm hàng tôm đông lạnh xuất khẩu vẫn chịu tác động tiêu cực từ xu hướng giá chưa phục hồi, cũng như áp lực cạnh tranh từ các thị trường như Ecuador và Ấn Độ. Đồng thời, mặt hàng cá ngừ cũng gặp khó khăn trong hoạt động xuất khẩu do khó khăn trong quy trình đánh bắt dưới quy định kích thước tối thiểu 0.5m, dẫn tới việc khan hiếm nguồn nguyên liệu chế biến

Về tốc độ tăng trưởng, năm 2024, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tăng trưởng ở mức gần 12%, cải thiện hơn so với mức tăng trưởng âm của năm 2023 (năm 2023 tăng trưởng ở mức -17.6%), gần bằng với mức tăng trưởng của năm 2022.

*Đơn vị: tỷ USD*



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

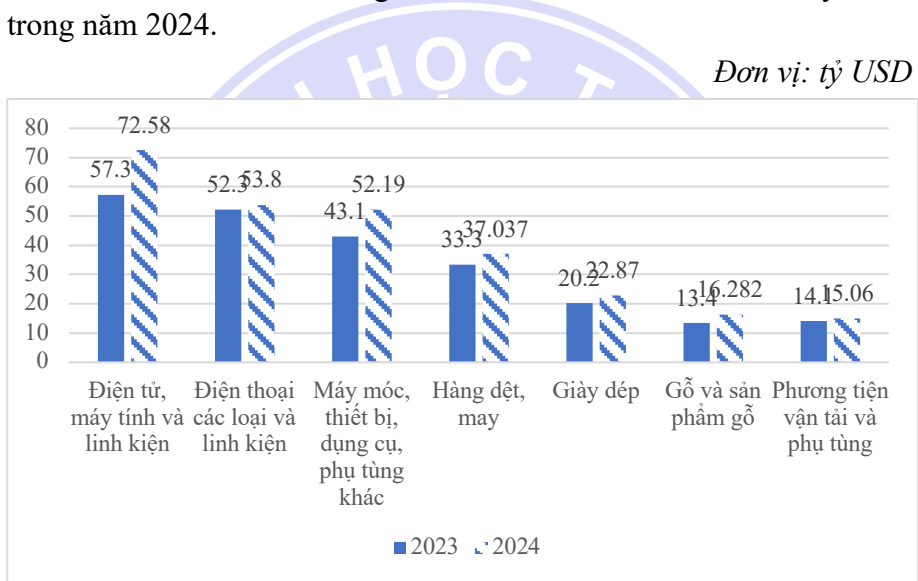
#### **Hình 4.12. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2020 - 2024**

##### **- Nhóm hàng công nghiệp**

Về giá trị xuất khẩu: Trong năm 2024, quy mô sản xuất công nghiệp phục hồi nhanh, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp 11 tháng năm 2024 tăng 8.4% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay. Phát triển sản xuất tạo động lực cho phát triển kim ngạch xuất khẩu công nghiệp trong năm 2024, đa phần các mặt hàng công nghiệp Việt Nam đều có sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu trong năm 2024. Cụ thể, đa phần các mặt hàng công nghiệp đều có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó có 7 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, trong đó có 3 nhóm hàng



đạt kim ngạch trên 50 tỷ USD (năm 2023 có 2 nhóm hàng). Trong năm 2024, mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện đạt kim ngạch vượt trội, đạt 72,58 tỷ USD tăng 15,28 tỷ USD so với năm 2023. Đứng thứ 2 là nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện đạt 54,8 tỷ USD. Mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác và hàng dệt may đứng ở vị trí thứ 3 và thứ 4 với kim ngạch đạt lần lượt 52,19 và 37,07 tỷ USD trong năm 2024.



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Hình 4.13. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chủ lực giai đoạn 2023 - 2024**

Ngoài nhóm hàng chủ lực, các mặt hàng công nghiệp khác cũng đạt kim ngạch xuất khẩu tương đối cao, cụ thể, có 15 nhóm hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD (năm 2023 chỉ có 2 mặt hàng), trong đó mặt hàng Máy ảnh, máy quay phim, linh kiện và sản phẩm từ chất dẻo đạt kim ngạch lần lượt ở mức 8,022 và 6,725 tỷ USD vào năm 2024. Các mặt hàng xơ, sợi dệt các loại; Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù và Sản phẩm từ sắt thép đều đạt mức trên 4 tỷ USD. Ngoài ra một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 3 tỷ USD, bao gồm đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận; sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ; dây điện và dây cáp điện. Đặc biệt, sản phẩm mây tre, cói và thảm; vải màn, vải kỹ thuật khác đạt kim ngạch xuất khẩu ở mức dưới 1 tỷ USD, lần lượt ở mức 804 và 771 triệu USD trong năm 2024.

**Bảng 4.3. Giá trị xuất khẩu của một số mặt hàng công nghiệp khác năm 2024**

<b>Mặt hàng</b>	<b>Giá trị xuất khẩu (tỷ USD)</b>	<b>Tăng trưởng (%)</b>
Xơ, sợi dệt các loại	4,407	1,310
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	8,022	5,414
Sản phẩm từ chất dẻo	6,725	29,826
Sản phẩm từ sắt thép	4,594	15,718
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	4,25	12,732
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	3,756	2,343
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	3,408	33,647
Dây điện và dây cáp điện	3,5	5,105
Chất dẻo nguyên liệu	2,63	21,759
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	2,29	17,436
Sản phẩm hóa chất	2,708	11,901
Clanhke và xi măng	1,136	-13,939
Giấy và các sản phẩm từ giấy	2,097	0,383
Sản phẩm từ cao su	1,225	14,486
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	1,185	42,428
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	0,804	9,686
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	0,771	16,641

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

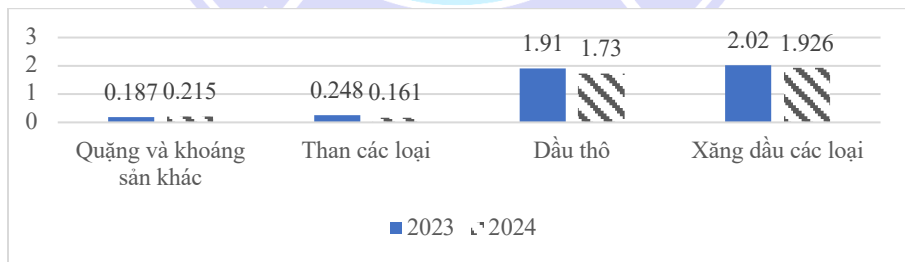
Về tốc độ tăng trưởng: Nhìn chung, đa phần các mặt hàng công nghiệp đều có kim ngạch xuất khẩu dương trong năm 2024, trong đó,

một số mặt hàng có tốc độ tăng trưởng rất cao như mặt hàng thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh có tăng trưởng vượt bậc trong năm 2024, đạt 42,4%. Xếp thứ 2 về tốc độ tăng trưởng là sản phẩm nội thất từ chất liệu gỗ ở mức 33,647%. Sản phẩm từ chất dẻo cũng có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tương đối nhanh, ở mức 29,8%. Các mặt hàng khác như vải màn, vải kỹ thuật khác; sản phẩm từ cao su; sản phẩm hóa chất; chất dẻo nguyên liệu; túi xách, vali, mũ, ô dù đều có tốc độ tăng trưởng trên 10%. Cá biệt, mặt hàng Clanhke và xi măng có tốc độ tăng trưởng âm, ở mức -13,9%.

*- Nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản*

Về trị giá xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nhiên liệu khoáng sản của Việt Nam đều có xu hướng giảm trong năm 2024, cho thấy sự chuyển dịch khỏi việc xuất khẩu các loại nhiên liệu, khoáng sản của Việt Nam. Cụ thể, năm 2024, kim ngạch xuất khẩu xăng dầu đứng đầu nhóm nhiên liệu, khoáng sản, đạt 1,926 tỷ USD. Đứng thứ hai là nhóm hàng dầu thô, đạt 1,73 tỷ USD. Các mặt hàng quặng và khoáng sản khác; than các loại đều có kim ngạch xuất khẩu dưới 1 tỷ USD, lần lượt ở mức 187 và 161 triệu USD.

*Đơn vị: tỷ USD*



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Hình 4.14. Giá trị xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản giai đoạn 2023 - 2024**

Về tốc độ tăng trưởng: Nhìn chung, đa phần các mặt hàng nhiên liệu đều có tăng trưởng âm trong năm 2024, chỉ có quặng và khoáng sản khác có tốc độ tăng trưởng dương. Cụ thể, quặng và khoáng sản khác có tốc độ tăng trưởng đạt 14,97% trong năm 2024. Than các loại, dầu thô, xăng dầu các loại đều tăng trưởng âm. Đặc biệt, xuất khẩu than các loại giảm rất mạnh, ở mức 35,08% trong năm 2024

**Bảng 4.4. Tốc độ tăng trưởng nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản**

Mặt hàng	Tốc độ tăng trưởng (%)
Quặng và khoáng sản khác	14,97
Than các loại	-35,08
Dầu thô	-9,42
Xăng dầu các loại	-4,65

Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### 4.2.1.3. Xuất khẩu theo thị trường

##### - Thị trường Châu Á

Về giá trị xuất khẩu: Trị giá xuất khẩu của thị trường Châu Á vẫn tập trung vào một số thị trường trọng điểm như thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, và Asean. Cụ thể, xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tuy có sự sụt giảm, nhưng vẫn đứng đầu trong các thị trường Châu Á, đạt kim ngạch 61,2 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 15,16%. Ngoài ra, thị trường ASEAN vẫn là thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam, đạt 37 tỷ USD, chiếm 9,165% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2024.

**Bảng 4.5. Trị giá xuất khẩu một số quốc gia thuộc khu vực Châu Á năm 2024**

Thị trường	Trị giá xuất khẩu (tỷ USD)	Tăng trưởng xuất khẩu (%)	Tỷ trọng (%)
ASEAN	37	13,15	9,165
Trung Quốc	61,2	-0,81	15,160
Hàn Quốc	25,6	8,94	6,341
Nhật Bản	24,6	4,68	6,094

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về tốc độ tăng trưởng: Xuất khẩu sang các thị trường Châu Á có tăng trưởng dương, trừ thị trường Trung Quốc. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường ASEAN đạt mức cao nhất trong khối thị trường Châu Á, đạt 13,15%. Tốc độ tăng trưởng thị

trường Hàn Quốc và Nhật Bản lần lượt ở mức 8.94% và 4.68%. Đặc biệt, xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc giảm 0.81%.

*- Thị trường Châu Âu*

Về giá trị xuất khẩu: Xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Châu Âu tập trung vào Liên minh Châu Âu (EU), do tác động của Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU. Cụ thể, xuất khẩu của Việt Nam tập trung vào một số thị trường như Hà Lan và Đức, lần lượt ở mức 12,993 tỷ USD (chiếm 3,21% tổng kim ngạch xuất khẩu), và 7,93 tỷ USD (chiếm 1,965% tổng kim ngạch xuất khẩu). Xuất khẩu sang thị trường Italia và Tây Ban Nha đều đạt ở ngưỡng trên 4 tỷ USD. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Bỉ và Pháp đều đạt trên 3 tỷ USD

**Bảng 4.6. Trị giá xuất khẩu một số quốc gia thuộc khu vực Châu Âu năm 2024**

<b>Thị trường</b>	<b>Trị giá xuất khẩu (tỷ USD)</b>	<b>Tăng trưởng xuất khẩu (%)</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>
<b>Áo</b>	1,997	-21,06	0,495
<b>Bỉ</b>	3,78	17,39	0,936
<b>Đức</b>	7,934	7,21	1,965
<b>Hà Lan</b>	12,993	27,38	3,218
<b>Italia</b>	4,942	10,55	1,224
<b>Pháp</b>	3,4	7,25	0,842
<b>Tây Ban Nha</b>	4,003	20,9	0,992

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Về tốc độ tăng trưởng: Xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu đều có tốc độ tăng trưởng dương, ngoại trừ thị trường Áo. Cụ thể, xuất khẩu sang thị trường Hà Lan và Tây Ban Nha có tốc độ tăng trưởng rất cao, ở mức 27,38% và 20,9%. Xuất khẩu sang thị trường Bỉ cũng tăng trưởng khá cao, ở mức 17,39%. Đặc biệt xuất khẩu sang Áo giảm 21,06%

- Thị trường Châu Mỹ

Về giá trị xuất khẩu: Kim ngạch thị trường Châu Mỹ tập trung vào thị trường Hoa Kỳ, đạt 119,5 tỷ USD (chiếm 29,6% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2024). Các thị trường Mexico, Canada, và Brazil đều có kim ngạch xuất khẩu dưới 10 tỷ USD.

**Bảng 4.7. Trị giá xuất khẩu một số quốc gia thuộc khu vực Châu Mỹ năm 2024**

Thị trường	Trị giá xuất khẩu (tỷ USD)	Tăng trưởng xuất khẩu (%)	Tỷ trọng (%)
<b>Hoa Kỳ</b>	119,5	23,17	29,601
<b>Mexico</b>	5,46	23,25	1,35
<b>Canada</b>	6,37	13,54	1,57
<b>Brazil</b>	2,6	6,99	0,64

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Về tốc độ tăng trưởng: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường Châu Mỹ tương đối cao, đặc biệt là thị trường Hoa Kỳ và Mexico ở mức trên 20%. Xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Canada cũng tăng trưởng 13,54%.

- Thị trường Châu Đại dương

Về giá trị xuất khẩu: Xuất khẩu sang thị trường Châu Đại Dương của Việt Nam vẫn chú trọng vào thị trường Úc, đạt mức 6,47 tỷ USD (chiếm 1,602% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước). Kim ngạch xuất khẩu sang New Zealand vẫn ở mức thấp, chỉ đạt 686 triệu USD trong năm 2024.

**Bảng 4.8. Trị giá xuất khẩu một số quốc gia thuộc khu vực Châu Đại Dương năm 2024**

Thị trường	Trị giá xuất khẩu (tỷ USD)	Tăng trưởng xuất khẩu (%)	Tỷ trọng (%)
<b>New Zealand</b>	0,686	5,86	0,169
<b>Úc</b>	6,47	24,42	1,602

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Về tốc độ tăng trưởng: Xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Úc tăng trưởng tương đối nhanh ở mức 24,42% trong năm 2024. Trong khi đó, xuất khẩu sang thị trường New Zealand chỉ tăng trưởng ở mức 5,86%

*- Thị trường châu Phi*

Về giá trị xuất khẩu: Xuất khẩu sang thị trường Châu Phi có tăng trưởng nhất định trong năm 2024, nhưng chưa thực sự đáng kể. Xuất khẩu sang Châu Phi tập trung vào thị trường Nam Phi và Ai Cập, lần lượt ở mức 773 triệu USD và 472 triệu USD.

**Bảng 4.9. Trị giá xuất khẩu một số quốc gia thuộc khu vực Châu Phi năm 2024**

Thị trường	Trị giá xuất khẩu (tỷ USD)	Tăng trưởng xuất khẩu (%)	Tỷ trọng (%)
<b>Ai Cập</b>	0,472	9,2	0,11
<b>Angeria</b>	0,192	-18,98	0,047
<b>Angola</b>	0,035	40	0,0086
<b>Nam Phi</b>	0,773	1,31	0,191

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

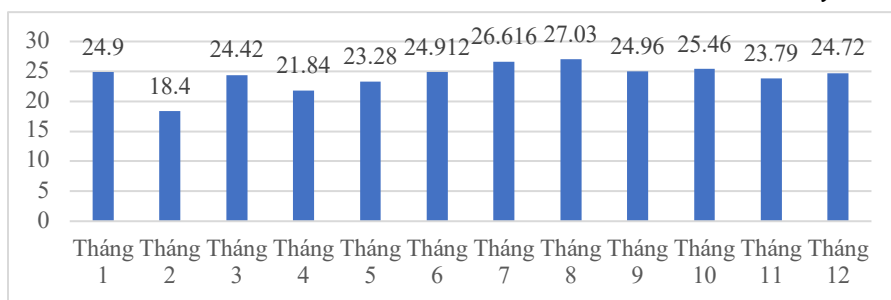
Về tốc độ tăng trưởng: Tuy kim ngạch xuất khẩu sang Angola không cao, nhưng tốc độ tăng trưởng tương đối đáng kể ở mức 40%. Tuy nhiên, xuất khẩu sang Angeria có sự tụt giảm ở mức 18,98%

**4.2.1.4. Xuất khẩu theo khu vực kinh tế**

*- Khu vực FDI*

Về giá trị xuất khẩu: Có thể thấy, khối doanh nghiệp FDI có kim ngạch xuất khẩu các tháng đều trên 10 tỷ USD, và có sự phân bố kim ngạch xuất khẩu tương đối đồng đều giữa các tháng. Cụ thể, tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp FDI đạt 24,9 tỷ USD, sau đó giảm xuống mức thấp nhất trong năm vào tháng 2, ở mức 18,4 tỷ USD. Từ tháng 3 đến tháng 12, kim ngạch xuất khẩu được duy trì ở mức trên 20 tỷ USD, đặc biệt tháng 8 kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đạt mức 27,03 tỷ USD

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

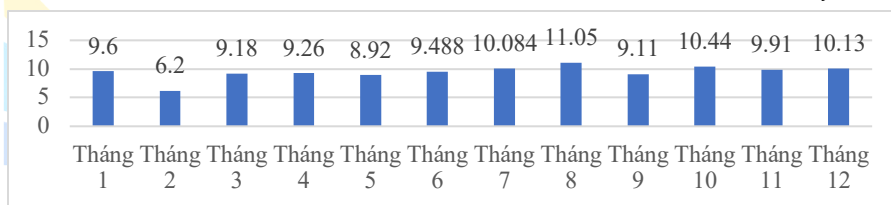
**Hình 4.15. Giá trị xuất khẩu của khu vực FDI theo các tháng năm 2024**

Về cơ cấu mặt hàng: Nhóm doanh nghiệp FDI vẫn tập trung xuất khẩu một số mặt hàng công nghiệp trọng điểm như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 69,8 tỷ USD); điện thoại các loại và linh kiện (đạt 53,7 tỷ USD); máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (đạt 45,3 tỷ USD)

- Khu vực trong nước

Về giá trị xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước cũng có phân phối tương đồng với các doanh nghiệp FDI. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước đạt mức thấp nhất trong năm vào tháng 2 (ở mức 6,2 tỷ USD). Các tháng còn lại, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp nội địa duy trì tương đối ổn định ở mức trên 9 tỷ USD, đặc biệt tháng 8, kim ngạch xuất khẩu của nhóm doanh nghiệp này đạt mức cao nhất trong năm ở mức 11,05 tỷ USD.

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Hình 4.16. Giá trị xuất khẩu của khu vực trong nước theo các tháng năm 2024**



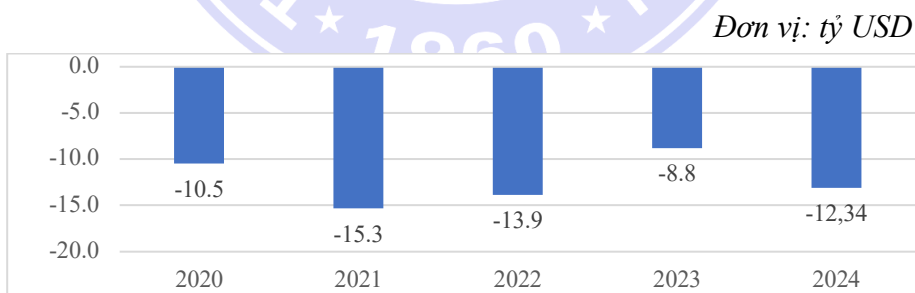
Về cơ cấu mặt hàng: Khu vực trong nước vẫn tập trung xuất khẩu các mặt hàng truyền thống như nông sản và thủy sản. Kim ngạch xuất khẩu trong nước cho thủy sản đạt 9,2 tỷ USD; gạo đạt 5,66 tỷ USD; hạt điều đạt 859 triệu USD.

#### 4.2.2. Xuất khẩu dịch vụ

##### 4.2.2.1. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ

###### - Về cán cân thương mại dịch vụ

Việt Nam là quốc gia nhập siêu ngành dịch vụ suốt nhiều năm liền, đặc biệt là sau khi gia nhập WTO vào năm 2007. Từ 2020 đến nay, mức nhập siêu dịch vụ của Việt Nam có xu hướng duy trì bình ổn ở mức trên 10 tỷ USD. Cụ thể, năm 2020, Việt Nam chỉ nhập siêu 10,5 triệu USD, tuy nhiên kim ngạch nhập siêu tăng đến mức 10,5 tỷ USD, vượt quá kim ngạch xuất khẩu dịch vụ. Năm 2021, nhập siêu dịch vụ tăng lên tới 15,3 tỷ USD, cao gấp 3 lần kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch nhập siêu lớn vào năm 2020, 2021 là do COVID\_19 khiến cho xuất khẩu các ngành dịch vụ chính của Việt Nam như du lịch, vận tải tụt giảm mạnh, khiến thâm hụt thương mại tăng. Năm 2024, dự kiến kim ngạch nhập siêu sẽ ở mức 12,34 tỷ USD, cao hơn năm 2023, nhưng đã giảm so với năm 2020 và 2021.



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

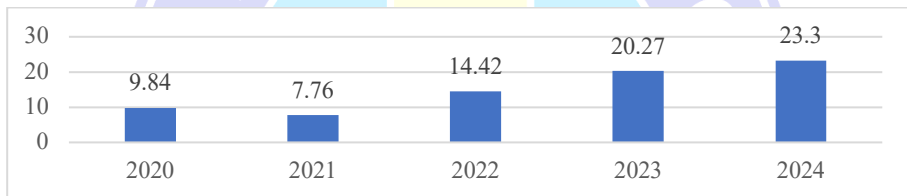
**Hình 4.17. Cán cân thương mại dịch vụ Việt Nam  
giai đoạn 2020 - 2024**

###### - Về xuất khẩu dịch vụ

Nhìn chung, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam trong khoảng thời gian từ 2020 đến 2024 có xu hướng tăng rõ rệt. Đặc biệt trong năm 2024, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam dự kiến tăng cao hơn so với thời kì trước COVID\_19, vào năm 2020. Đồng thời, tuy tăng trưởng liên tục trong khoảng 4 năm trở lại đây, kim ngạch xuất

khẩu dịch vụ vẫn còn ở mức tương đối khiêm tốn, chiếm tỷ trọng chưa cao so với tổng kim ngạch xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam. Cụ thể, năm 2019, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam đạt 20,42 tỷ USD, tuy nhiên vào năm 2021, do đại dịch COVID\_19 cản trở hoạt động du lịch, kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh và đạt mức thấp nhất là 7,76 tỷ USD. Điều này cho thấy sự phụ thuộc rất đáng kể vào ngành du lịch của xuất khẩu dịch vụ. Xuất khẩu dịch vụ Việt Nam bắt đầu tăng trưởng từ năm 2022, và dự kiến đạt mức cao nhất trong vòng 6 năm qua vào năm 2024 đạt 23,30 tỷ USD (chiếm 5,45% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam).

Đơn vị: tỷ USD



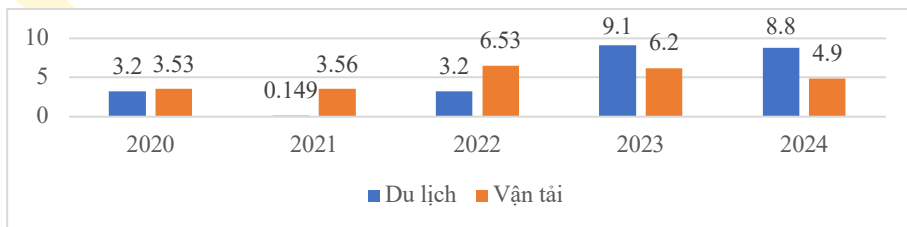
Nguồn: Tổng cục Thống kê

**Hình 4.18. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024**

#### 4.2.2.2. Xuất khẩu theo cơ cấu dịch vụ

Cơ cấu xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam có sự cục bộ rất rõ ràng, tập trung vào hai ngành chính là xuất khẩu du lịch và xuất khẩu dịch vụ. Trong giai đoạn từ 2020 đến 2024, xuất khẩu du lịch chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu xuất khẩu dịch vụ, trừ các năm chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID\_19. Vận tải cũng là ngành dịch vụ xuất khẩu chính của Việt Nam.

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê

**Hình 4.19. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ Việt Nam theo nhóm ngành giai đoạn 2020 - 2024**

Cụ thể, từ năm 2020 đến 2022, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ du lịch tụt giảm mạnh dưới sự tác động của đại dịch COVID\_19 và chỉ đạt 3,2 tỷ USD vào năm 2022, thấp hơn 3,15 tỷ so với xuất khẩu dịch vụ vận tải. Xuất khẩu dịch vụ du lịch ở Việt Nam đã có sự hồi phục sau dịch, đạt 9,1 tỷ USD vào năm 2023, cao hơn 2,9 tỷ USD so với xuất khẩu dịch vụ vận tải. Trong năm 2024, theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ du lịch đạt 8,8 tỷ USD (chiếm 50.6% tổng kim ngạch xuất khẩu dịch vụ, tăng 33,4% so với cùng kỳ năm 2023. Đồng thời, xuất khẩu dịch vụ vận tải đạt 4,9 tỷ USD (chiếm 28,1% tổng kim ngạch xuất khẩu), tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2023.

### 4.3. NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

#### 4.3.1. Nhập khẩu hàng hóa

##### 4.3.1.1. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa

Năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,67% so với năm 2023 (Biểu đồ 4.20)



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

**Hình 4.20. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024**

Năm 2024 cũng là năm mà kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt giá trị cao nhất trong giai đoạn 5 năm 2020 - 2024. Kim

ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2024 tăng so với năm 2023 là kết quả sự tác động tổng hòa của nhiều yếu tố:

- *Thứ nhất*, Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công vào cơ sở hạ tầng, giao thông, năng lượng,... Vì vậy, Việt Nam cần nhập khẩu nhiều máy móc, thiết bị, thiết bị công nghệ cao, vật liệu xây dựng,... mà trong nước chưa sản xuất được. Ngoài ra, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu như vải, sợi, da, nhựa, hóa chất, linh kiện điện tử,...

- *Thứ hai*, Việt Nam tiếp tục phục hồi sau đại dịch COVID-19, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư FDI, xuất khẩu của Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu sản xuất và xuất khẩu hàng hóa, các doanh nghiệp cần nhập khẩu nhiều hơn các nguyên liệu đầu vào. Đó là lý do khiến giá trị nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị vẫn tăng cao.

- *Thứ ba*, nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng, đặc biệt là đối với các mặt hàng nhập khẩu như điện tử, đồ gia dụng, thời trang, thực phẩm chế biến, ô tô,...

- *Thứ tư*, Việt Nam ngày càng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, dẫn đến nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu, bán thành phẩm để gia công, lắp ráp và xuất khẩu.

- *Thứ năm*, các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động nhập khẩu, giảm thuế quan, giúp hàng hóa nhập khẩu trở nên cạnh tranh hơn.

Tóm lại, sự gia tăng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2024 so với năm 2023 phản ánh nền kinh tế tiếp tục phục hồi sau COVID\_19, cũng như sự hội nhập sâu rộng của Việt Nam vào kinh tế toàn cầu khiến nhu cầu nhập khẩu hàng hóa tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng tiếp tục tăng, đặc biệt là nhóm hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng mà trong nước chưa đáp ứng được. Tuy nhiên, việc tăng nhập khẩu cũng đặt ra những thách thức đối với cán cân thương mại và sự phụ thuộc vào nguồn cung từ nước ngoài, đòi hỏi Việt Nam cần có các chính sách điều hành linh hoạt và hiệu quả để đảm bảo phát triển bền vững.

#### **4.3.1.2. Nhập khẩu theo nhóm mặt hàng**

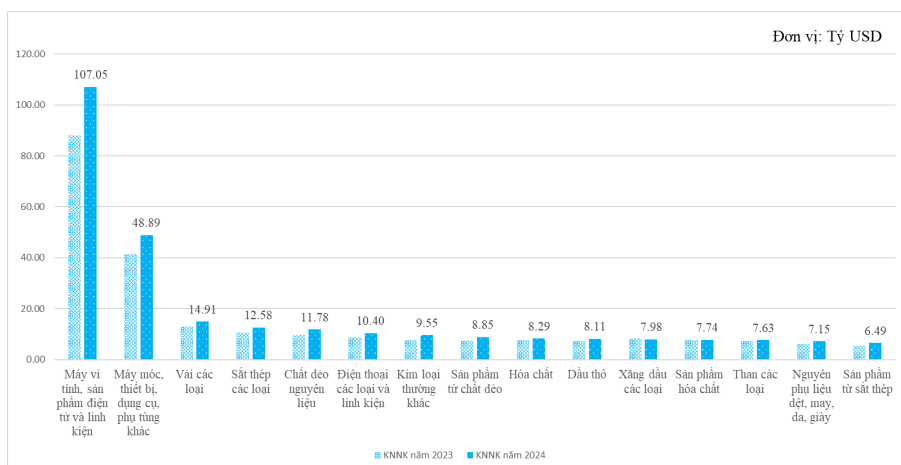
Trong năm 2024, có 46 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 93,1% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó

có 6 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD (chiếm 54,0%), chủ yếu là các mặt hàng nguyên liệu và thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất công nghiệp. Việt Nam vẫn phải nhập khẩu nhiều máy móc thiết bị và linh kiện điện tử, đây là những nhóm hàng có kim ngạch tăng mạnh so với năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu năm 2024, *nhóm hàng tư liệu sản xuất* có tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 356,43 tỷ USD, chiếm 93,6% tổng kim ngạch nhập khẩu, bao gồm (1) máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng (chiếm 47,4% nhóm hàng tư liệu sản xuất) được nhập khẩu để phục vụ cho quá trình hiện đại hóa, tự động hóa sản xuất công nghiệp, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm xuất khẩu; và (2) nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu (chiếm 46,2% nhóm hàng tư liệu sản xuất) được nhập khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo như dệt may, điện tử, sản xuất nhựa, và hóa chất. *Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng* có tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 24,33 tỷ USD, chiếm 6,4% tổng kim ngạch nhập khẩu, bao gồm các mặt hàng chính như: hàng tiêu dùng như thực phẩm chế biến, đồ gia dụng, và các sản phẩm phục vụ đời sống hàng ngày. Nhu cầu nhập khẩu nhóm hàng tiêu dùng thấp so với tư liệu sản xuất cho thấy Việt Nam đã dần tăng cường sản xuất các sản phẩm tiêu dùng trong nước, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu đều tăng cao so với năm trước. Sự gia tăng mạnh mẽ về kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng tư liệu sản xuất là tín hiệu tích cực cho thấy sự mở rộng đầu tư và sản xuất trong nước, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ cao. Tuy nhiên, tỷ trọng nhập khẩu tư liệu sản xuất cao cho thấy nền kinh tế Việt Nam vẫn phụ thuộc vào nguồn cung cấp từ nước ngoài để vận hành các ngành công nghiệp.

Mặt hàng nhập khẩu dẫn đầu là điện tử, máy tính và linh kiện đạt 107,1 tỷ USD, chiếm 28,1% tổng kim ngạch nhập khẩu, tăng 21,7% so với năm 2023; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 48,9 tỷ USD, tăng 17,6%; vải đạt 14,9 tỷ USD, tăng 14,5%; sắt thép đạt 12,6 tỷ USD, tăng 20,6%; chất dẻo đạt 11,8 tỷ USD, tăng 11,8%; điện thoại và linh kiện đạt 10,4 tỷ USD, tăng 18,9% (hình 4.21).



Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### Hình 4.21. 15 nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất năm 2024

Dưới đây là các mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch trên 10 tỷ USD:  
+ *Điện tử, máy tính và linh kiện*

Nhóm này có kim ngạch nhập khẩu năm 2024 là 107,1 tỷ USD (chiếm 28,1% tổng kim ngạch nhập khẩu), tăng 21,7% so với năm 2023. Đây là nhóm hàng có giá trị nhập khẩu lớn nhất, chủ yếu từ các thị trường như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản. Linh kiện và thiết bị nhập khẩu phục vụ ngành công nghiệp sản xuất điện tử, vốn là ngành mũi nhọn trong xuất khẩu của Việt Nam. Việc nhập khẩu lớn linh kiện và thiết bị cho thấy ngành công nghiệp điện tử của Việt Nam đang phát triển mạnh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm. Tuy nhiên, việc phụ thuộc vào nguồn cung từ nước ngoài khiến ngành này dễ chịu rủi ro từ biến động thị trường toàn cầu và sự gián đoạn chuỗi cung ứng.

+ *Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng*

Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này năm 2024 là 48,9 tỷ USD, tăng 17,6% so với năm 2023. Nhóm hàng này bao gồm các mặt hàng bao gồm thiết bị công nghiệp, máy móc phục vụ nông nghiệp, xây dựng, và sản xuất chế tạo, chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và EU. Nhập khẩu máy móc cho thấy Việt Nam đang tập trung hiện đại hóa nền sản xuất công nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, tỷ lệ nội địa hóa thấp trong

sản xuất máy móc dẫn đến phụ thuộc lớn vào nhập khẩu, kéo theo chi phí cao và rủi ro từ biến động giá cả quốc tế.

#### + *Vải*

Kim ngạch nhập khẩu vải năm 2024 đạt 14,9 tỷ USD, tăng 14,5% so với năm 2023. Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dệt may lớn, nhưng phụ thuộc phần lớn vào nguồn vải nhập khẩu, đặc biệt từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Ấn Độ. Nhu cầu nhập khẩu vải tăng phản ánh sự phát triển của ngành dệt may, đặc biệt khi đơn hàng xuất khẩu gia tăng. Mặc dù vậy, điều này cho thấy Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào vải nhập khẩu làm giảm giá trị gia tăng trong sản phẩm dệt may của Việt Nam, gây áp lực lên biên lợi nhuận.

#### + *Sắt thép*

Kim ngạch nhập khẩu sắt thép trong năm 2024 đạt 12,6 tỷ USD, tăng 20,6% so với năm 2023. Việt Nam nhập khẩu sắt thép chủ yếu từ Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN để phục vụ các ngành xây dựng, chế tạo máy móc và cơ khí. Nhu cầu nhập khẩu tăng mạnh thể hiện sự phát triển của các dự án cơ sở hạ tầng, xây dựng trong nước, và các ngành công nghiệp nặng. Tuy nhiên, khi giá nguyên liệu quốc tế biến động có thể làm tăng chi phí đầu vào cho các doanh nghiệp trong nước.

#### + *Chất dẻo*

Chất dẻo được nhập khẩu với tổng giá trị 11,8 tỷ USD vào năm 2024, tăng 11,8% với với năm trước. Chất dẻo nhập khẩu chủ yếu phục vụ ngành sản xuất bao bì, hàng gia dụng và vật liệu xây dựng. Các nguồn nhập khẩu chính bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc và Thái Lan. Việc nhập khẩu nhiều chất dẻo cho thấy sự phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài và áp lực từ các tiêu chuẩn môi trường đối với sản phẩm nhựa.

#### + *Điện thoại và linh kiện*

Đây là nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu năm 2024 đạt 10,4 tỷ USD, tăng 18,9% với với năm 2023. Nhóm hàng này được nhập khẩu từ các nguồn chính là Trung Quốc, Hàn Quốc, nhằm phục vụ ngành sản xuất và lắp ráp điện thoại di động tại Việt Nam. Samsung và các tập đoàn lớn tiếp tục mở rộng sản xuất, dẫn đến nhu cầu nhập khẩu linh kiện tăng cao. Điều này cho thấy sự đóng góp lớn của ngành sản xuất điện thoại vào giá trị xuất khẩu của ngành công nghiệp điện tử, song cũng phản ánh về sự phụ thuộc vào nguồn cung linh kiện từ nước ngoài.

Như vậy, trong năm 2024, với 93,6% tổng kim ngạch nhập khẩu, nhóm tư liệu sản xuất chi phối cơ cấu nhập khẩu, khẳng định tầm quan trọng của đầu tư vào công nghiệp và sản xuất, cơ cấu này phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa của Việt Nam. Nhóm vật phẩm tiêu dùng giữ vai trò bổ trợ. Mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ (6,4%), nhóm này vẫn có ý nghĩa trong việc đảm bảo nguồn cung cấp hàng hóa phục vụ dân sinh, đặc biệt là khi nhu cầu nội địa ngày càng tăng. Tuy nhiên, qua đó cũng cho thấy sự phụ thuộc lớn vào nhập khẩu nguyên vật liệu và máy móc từ nước ngoài có thể tạo áp lực lên cán cân thương mại trong dài hạn, việc giá nhập khẩu tư liệu sản xuất cao (như máy móc và nguyên liệu) có thể làm tăng chi phí sản xuất, giảm tính cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Việc phân tích thực trạng nhập khẩu các mặt hàng có kim ngạch cao giúp nhận diện được cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế của Việt Nam, đồng thời định hướng các chính sách dài hạn nhằm tối ưu hóa lợi ích từ hoạt động thương mại quốc tế. Với cấu trúc nhập khẩu hiện tại, Việt Nam đang hướng đến việc củng cố nền tảng sản xuất và xuất khẩu, nhưng cần triển khai các giải pháp dài hạn nhằm giảm phụ thuộc vào nhập khẩu tư liệu sản xuất và phát triển bền vững.

#### **4.3.1.3. Nhập khẩu theo thị trường**

Năm 2024, Việt Nam tiếp tục duy trì quan hệ thương mại mạnh mẽ với các đối tác lớn trên toàn cầu. Các thị trường nhập khẩu chính bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN, Nhật Bản, và EU, với sự tăng trưởng ổn định ở nhiều khu vực. Theo đó, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Châu Á chiếm phần lớn tổng kim ngạch nhập khẩu (khoảng 75%), đây là thị trường cung cấp nguyên liệu, linh kiện và hàng hóa phục vụ sản xuất. Châu Âu là thị trường cung cấp máy móc, thiết bị, và các sản phẩm chất lượng cao, kim ngạch nhập khẩu từ khu vực này chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch nhập khẩu. Thị trường châu Mỹ là nơi cung cấp công nghệ và hàng tiêu dùng, chủ yếu là thị trường Hoa Kỳ, với tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu khoảng 7%. Dưới đây là một số thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam.

##### **+ Trung Quốc**

Năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường Trung Quốc đạt 114,3 tỷ USD, tăng 30,4% so với năm 2023, chiếm 30% tổng



kim ngạch nhập khẩu. Đây là thị trường đứng đầu về kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam.

Các mặt hàng nhập khẩu nhiều từ thị trường này bao gồm nguyên liệu thô (vải, chất dẻo, hóa chất), máy móc, linh kiện điện tử. Ngoài ra, Trung Quốc là nguồn cung ứng hàng đầu cho các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và dệt may của Việt Nam.

#### + Hàn Quốc

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường này trong năm qua đạt 56,2 tỷ USD, tăng 7,1% so với năm 2023, chiếm 14,7% tổng kim ngạch nhập khẩu. Việt Nam nhập khẩu từ Hàn Quốc các mặt hàng chủ lực như linh kiện điện tử, máy móc, hóa chất, và nguyên liệu nhựa.

#### + ASEAN

ASEAN tiếp tục là thị trường mà Việt Nam nhập siêu trong năm 2024 với kim ngạch nhập khẩu đạt 46,9 tỷ USD, tăng 14,7% so với năm 2023, chiếm 12,3% tổng kim ngạch nhập khẩu. Các mặt hàng nhập khẩu từ ASEAN bao gồm: sắt thép, hóa chất, nguyên liệu sản xuất, và hàng tiêu dùng. Thị trường các nước ASEAN cung cấp nguồn nguyên liệu đa dạng và dễ tiếp cận với chi phí vận chuyển thấp, song sự cạnh tranh giữa các quốc gia trong khu vực có thể ảnh hưởng đến lợi thế của Việt Nam.

#### + Nhật Bản

Nhật Bản là đối tác cung cấp công nghệ cao và các sản phẩm chất lượng cho Việt Nam. Việt Nam nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản các mặt hàng như: máy móc, thiết bị, phụ tùng, và nguyên liệu sản xuất. Trong năm 2024, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này là 21,4 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm 2023, chiếm 5,6% tổng kim ngạch nhập khẩu.

#### + EU

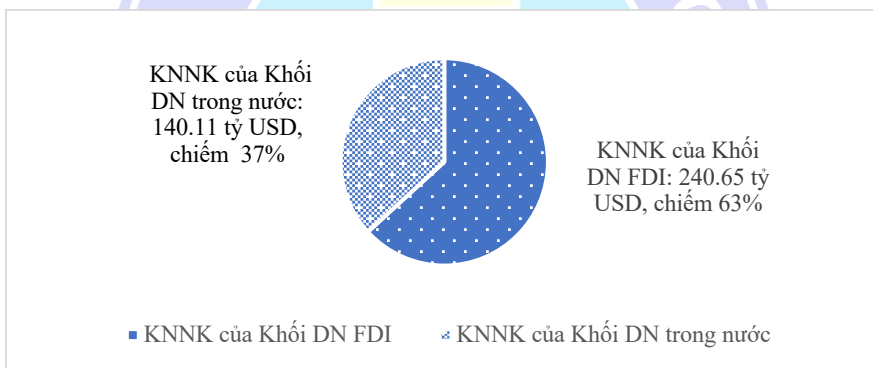
Năm 2024, Việt Nam nhập khẩu từ EU với tổng kim ngạch là 16,7 tỷ USD, chiếm 4,4% tổng kim ngạch nhập khẩu, tăng 11,8% so với năm 2023. Các mặt hàng chính được nhập khẩu từ thị trường này bao gồm máy móc, thiết bị, dược phẩm, và hàng tiêu dùng. EU là nguồn cung các sản phẩm chất lượng cao, hỗ trợ cải thiện các tiêu chuẩn sản xuất trong nước. Tuy nhiên, chi phí nhập khẩu từ EU thường cao hơn, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

Như vậy, cơ cấu nhập khẩu theo thị trường đa dạng, quan hệ thương mại mạnh mẽ với các nước Châu Á giúp Việt Nam đảm bảo

nguồn cung cấp ổn định và chi phí thấp. Mặc dù vậy, việc phụ thuộc lớn vào các thị trường Châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Hàn Quốc, có thể làm tăng rủi ro từ sự gián đoạn chuỗi cung ứng, nhập khẩu từ các thị trường khác như EU, Hoa Kỳ,... còn hạn chế. Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục tối ưu hóa cơ cấu nhập khẩu theo thị trường để phát triển bền vững và cân bằng hơn trong thương mại quốc tế.

#### 4.3.1.4. Nhập khẩu theo khu vực kinh tế

Năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 380,76 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 140,11 tỷ USD, tăng 19,5%, chiếm 36,8% tổng kim ngạch nhập khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 240,65 tỷ USD, tăng 15,1%, chiếm 63,2%.



Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Hình 4.22. Kim ngạch nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước và khối doanh nghiệp FDI tại Việt Nam năm 2024**

#### 4.3.2. Nhập khẩu dịch vụ

Năm 2024 là năm thứ năm liên tiếp kim ngạch nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam tăng dần qua các năm. Theo số liệu được công bố bởi Tổng cục thống kê, tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ ước đạt 36,19 tỷ USD, tăng 24,4% so với năm 2023. Cán cân thương mại dịch vụ vẫn ở trạng thái nhập siêu 12,34 tỷ USD.

Cơ cấu nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam năm 2024 có sự phân bổ rõ nét giữa các lĩnh vực chủ yếu, bao gồm dịch vụ vận tải, dịch vụ du lịch, và các dịch vụ khác. Dịch vụ vận tải là nhóm dịch vụ có kim ngạch nhập khẩu nhiều nhất (tỷ trọng 40,3%) và liên tục tăng trong năm gần đây. Dịch vụ du lịch cũng có kim ngạch nhập khẩu tăng đều qua các năm và là nhóm dịch vụ đứng thứ hai về tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu, 34,7%. Dưới đây là nội dung chi tiết diễn biến kim ngạch

và tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam trong giai đoạn 2020-2024.

**Bảng 4.10. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ của một số ngành giai đoạn 2020 - 2024**

	2020		2021		2022		2023		2024	
	KNNK (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	KNNK (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	KNNK (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	KNNK (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	KNNK (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng số</b>	<b>20.307</b>	<b>100%</b>	<b>23.182</b>	<b>100%</b>	<b>28.39</b>	<b>100%</b>	<b>29.093</b>	<b>100%</b>	<b>36.19</b>	<b>100%</b>
Dịch vụ vận tải	9.03	44,5	11.705	50,5	13.726	48,3	12.59	43,3	14,6	40,3
Dịch vụ bưu chính viễn thông	0.25	1,2	0.427	1,8	0.376	1,3	0.334	1,1		
Dịch vụ du lịch	4.61	22,7	3.83	16,5	6.67	23,5	7.825	26,9	12,57	34,7
Dịch vụ tài chính	0.176	0,9	0.109	0,5	0.216	0,8	0.23	0,8		
Dịch vụ bảo hiểm	0.918	4,5	0.882	3,8	0,9	3,2	0.89	3,1		
Dịch vụ Chính phủ	0.192	0,9	0.192	0,8	0.202	0,7	0.224	0,8		
Dịch vụ khác	5.131	25,3	6.037	26,0	6,3	22,2	7	24,1	9,02	24,9

*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

**+ Dịch vụ vận tải**

Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ vận tải năm 2024 đạt 14,6 tỷ USD, chiếm 40,3% tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ, tăng 16,0% so với năm 2023. Nhập khẩu dịch vụ vận tải chủ yếu liên quan đến vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu quốc tế, bao gồm vận tải bằng biển, vận chuyển hàng không nhằm đáp ứng nhu cầu cao trong bối cảnh tăng trưởng thương mại hàng hóa, đặc biệt từ các thị trường như Trung Quốc, Mỹ, và EU.

Nhập khẩu dịch vụ vận tải của Việt Nam phản ánh sự phát triển của hoạt động thương mại quốc tế, sự gia tăng về nhu cầu vận tải và logistics. Mặc dù vậy, điều này cũng cho thấy thương mại quốc tế về hàng hóa của Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào dịch vụ vận tải nước ngoài do năng lực của ngành dịch vụ vận tải đường biển và hàng không trong nước còn hạn chế.

**+ Dịch vụ du lịch**

Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ du lịch của Việt Nam năm 2024 đạt 12,57 tỷ USD, chiếm 34,7% tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ, tăng 60,6% so với năm 2023. Người Việt Nam thường đi du lịch ở các thị trường phổ biến như: Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu và Mỹ. Điều này cho thấy mức sống của người dân được cải thiện và nhu cầu trải nghiệm quốc tế ngày càng lớn khiến việc đi du lịch nước ngoài (outbound tourism) ngày càng tăng, kim ngạch nhập khẩu dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam.

#### + Các dịch vụ khác

Dịch vụ tài chính, dịch vụ công nghệ thông tin (thuê phần mềm, dịch vụ điện toán đám mây từ nước ngoài), dịch vụ bản quyền và sở hữu trí tuệ, dịch vụ kỹ thuật chuyên môn (thuê chuyên gia quốc tế, tư vấn kỹ thuật, và chuyển giao công nghệ). Kim ngạch nhập khẩu nhóm dịch vụ khác là 9,02 tỷ USD, chiếm 25,0% tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ. Cơ cấu nhập khẩu dịch vụ phản ánh rõ nét sự phát triển của nền kinh tế, đặc biệt trong các lĩnh vực vận tải và du lịch. Nhu cầu nhập khẩu dịch vụ công nghệ và tài chính tăng cao, phù hợp với xu thế hội nhập và số hóa toàn cầu.

Như vậy, năm 2024, nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam tăng trưởng mạnh, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch và vận tải, phản ánh sự phát triển kinh tế và nhu cầu tiêu dùng dịch vụ quốc tế gia tăng. Sự gia tăng mạnh mẽ trong nhập khẩu dịch vụ du lịch phản ánh xu hướng người Việt Nam đi du lịch nước ngoài ngày càng tăng. Nhập khẩu dịch vụ vận tải tăng cho thấy nhu cầu vận chuyển quốc tế và logistics phát triển, phù hợp với tăng trưởng thương mại hàng hóa. Mặc dù vậy, cán cân dịch vụ du lịch chịu áp lực lớn do chi tiêu cao của người Việt Nam ra nước ngoài, đặt ra thách thức trong việc phát triển các ngành dịch vụ trong nước để cân bằng cán cân thương mại. Vì vậy, cần có chiến lược phát triển dịch vụ trong nước để giảm nhập siêu và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

## 4.4. QUẢN LÝ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

### 4.4.1. Quản lý xuất, nhập khẩu hàng hóa

Năm 2024, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong hoạt động thương mại quốc tế, nhờ Chính phủ và các cơ quan triển khai nhiều chính sách, giải pháp để quản lý nhập khẩu, thúc đẩy xuất khẩu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, tận dụng những điều kiện thuận lợi và những cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký. Dưới đây là một số chính sách quan trọng đã được triển khai trong năm qua.

+ *Phát triển xuất khẩu bền vững, quản lý nhập khẩu:* Tiếp tục thực hiện *Quyết định số 493/QĐ-TTg* ngày 19 tháng 4 năm 2022 phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 với mục tiêu tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân 8 - 9%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 tăng trưởng bình quân 5 -

6%/năm. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 tăng trưởng bình quân 7 - 8%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 tăng trưởng bình quân 4 - 5%/năm. Ngoài ra, để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu, nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm công nghiệp, *Quyết định số 25/2024/QĐ-TTg* hạn chế nhập khẩu các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có thể sản xuất trong nước, tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước phát triển sản phẩm thay thế nhập khẩu. *Thông tư số 12/2024/TT-BCT* nhằm quản lý nhập khẩu nhóm hàng chiến lược. Theo đó, Thông tư quy định quản lý nhập khẩu các nhóm hàng chiến lược như sắt thép, phân bón, và năng lượng; áp dụng hạn ngạch nhập khẩu và giấy phép đối với một số mặt hàng để đảm bảo an ninh kinh tế, ổn định thị trường trong nước, hạn chế nhập khẩu các mặt hàng có thể gây mất cân đối cung cầu.

+ *Tạo thuận lợi thương mại và cải thiện môi trường kinh doanh*: Ngày 10 tháng 1 năm 2024, Chính phủ ban hành *Nghị quyết số 02/NQ-CP* đề ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024. Trong đó, chú trọng đến việc nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

+ *Quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang*: Ngày 17 tháng 6 năm 2024, Chính phủ ban hành *Nghị định số 66/2024/NĐ-CP* về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo các Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA). Nghị định này quy định về (1) điều kiện nhập khẩu: Hàng hóa tân trang phải tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam áp dụng đối với hàng nhập khẩu mới cùng loại, bao gồm chính sách nhập khẩu, chính sách mặt hàng, chính sách thuế, hải quan, nhãn hàng hóa và các điều kiện kinh doanh liên quan; (2) về quản lý chất lượng: Hàng hóa tân trang nhập khẩu phải đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và môi trường theo quy định hiện hành. Việc ban hành Nghị định này nhằm đảm bảo việc nhập khẩu hàng hóa tân trang phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời bảo vệ lợi ích quốc gia và người tiêu dùng.

Ngoài ra, ngày 17 tháng 6 năm 2024, Bộ Công Thương ban hành *Quyết định số 1625/QĐ-BCT* công bố các thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, bao gồm việc cấp mã số tân trang và giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và UKVFTA. Quyết định này nhằm minh bạch hóa các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình xuất khẩu hàng hóa.

+ *Chính sách điều chỉnh thuế quan và ưu đãi theo FTA*: Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/03/2024 để thực hiện lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu theo các hiệp định thương mại tự do (FTA) như EVFTA, CPTPP, UKVFTA, áp dụng ưu đãi thuế quan cho các mặt hàng nhập khẩu từ các đối tác FTA khi đáp ứng quy tắc xuất xứ nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguyên liệu nhập khẩu giá rẻ, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Công Thương Lào hợp nhất thông tư thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận giữa về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào theo *Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2024*. Văn bản này giúp doanh nghiệp nắm rõ các quy tắc xuất xứ, tận dụng ưu đãi thuế quan trong hoạt động xuất khẩu.

+ *Tăng cường hiệu quả quản lý hải quan*: Trong năm 2024, Tổng cục Hải quan đã triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhập khẩu, bao gồm:

Ứng dụng công nghệ thông tin: Đẩy mạnh việc áp dụng các hệ thống quản lý hiện đại, tự động hóa quy trình thông quan, giảm thiểu thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

Hợp tác quốc tế: Đảm nhiệm vai trò Chủ tịch và chủ trì tổ chức thành công Hội nghị Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN lần thứ 33, góp phần thúc đẩy hợp tác hải quan trong khu vực.

Những nỗ lực này nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, đồng thời đảm bảo an ninh và lợi ích quốc gia.

+ *Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững*: Chính phủ chú trọng đến việc kiểm soát nhập khẩu các mặt hàng có nguy cơ gây hại cho môi trường, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tiêu chuẩn nghiêm ngặt đối với hàng hóa nhập khẩu, nhằm đảm bảo phát triển kinh tế song hành với bảo vệ môi trường. Chẳng hạn, Thủ tướng Chính phủ đã ký *Quyết*

định số 08/2024/QĐ-TTg với nội dung chính là tăng cường kiểm tra, giám sát nhập khẩu các mặt hàng như nhựa phế liệu, thiết bị điện tử đã qua sử dụng, hóa chất độc hại. Các hàng hóa này phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Mục tiêu của Quyết định này là giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường từ hàng hóa nhập khẩu, góp phần đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

+ *Chính sách quản lý nhập khẩu trong lĩnh vực nông nghiệp*: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 04/2024/QĐ-BNN nhằm kiểm soát nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp như giống cây trồng, thực phẩm chế biến, và phân bón; thực hiện các biện pháp kỹ thuật để bảo vệ sản xuất nông nghiệp trong nước. Quyết định này hướng đến mục tiêu hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp sản xuất trong nước, và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và an ninh lương thực.

Có thể thấy năm 2024, Việt Nam đạt được những kết quả ấn tượng trong hoạt động xuất khẩu, đồng thời triển khai các chính sách quản lý hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp. Hoạt động quản lý xuất nhập khẩu năm 2024 của Việt Nam cũng được thể hiện thông qua việc thực hiện các chính sách, quy định điều chỉnh thuế quan, quy định xuất xứ phù hợp với các FTA, hạn chế nhập khẩu hàng hóa có nguy cơ gây hại cho môi trường và sản xuất nội địa; tăng cường hiệu quả quản lý, giảm chi phí và thời gian thông quan. Những chính sách này thể hiện nỗ lực của Chính phủ trong việc quản lý hiệu quả hoạt động nhập khẩu hàng hóa, đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững và tuân thủ các cam kết quốc tế, đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế.

#### **4.4.2. Quản lý xuất, nhập khẩu dịch vụ**

Năm 2024, Việt Nam tiếp tục thực hiện các chính sách quản lý xuất nhập khẩu dịch vụ nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đáp ứng cam kết quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia. Các chính sách được thiết kế để thúc đẩy xuất khẩu dịch vụ có giá trị cao, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu dịch vụ, và tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp.

Để thúc đẩy xuất khẩu dịch vụ ở Việt Nam, trong năm 2024, Việt Nam tiếp tục tập trung vào các chiến lược và giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa các lĩnh vực dịch vụ xuất khẩu,

và tận dụng tối đa các lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết. Cụ thể:

+ Tăng cường năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ. Theo đó, đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ số thông qua các chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo, và chuyển đổi số trong các ngành dịch vụ như logistics, du lịch, và tài chính; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua tăng cường đào tạo, phát triển kỹ năng cho người lao động trong các ngành dịch vụ xuất khẩu, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT) và tài chính. Đặc biệt, Việt Nam rất chú trọng việc xây dựng thương hiệu quốc gia, quảng bá hình ảnh Việt Nam như một điểm đến hấp dẫn trong các lĩnh vực dịch vụ như du lịch, giáo dục, và y tế.

+ Đẩy mạnh xuất khẩu các dịch vụ chủ chốt

- Dịch vụ công nghệ thông tin: Tăng cường hợp tác quốc tế trong gia công phần mềm, phát triển ứng dụng và dịch vụ điện toán đám mây; Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tiếp cận thị trường quốc tế.

- Du lịch: Tăng cường xúc tiến du lịch trên các nền tảng trực tuyến và mạng xã hội; phát triển các gói du lịch xanh và bền vững, phù hợp với xu hướng du lịch toàn cầu.

- Dịch vụ logistics: Xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, tối ưu hóa quy trình logistics và cải thiện khả năng kết nối với các thị trường quốc tế; khai thác các cảng biển lớn và hành lang kinh tế khu vực.

+ Tận dụng các cơ hội từ hiệp định thương mại tự do (FTA)

- Phân tích thị trường: Cung cấp thông tin về thị trường, chính sách và nhu cầu của các nước đối tác FTA để doanh nghiệp tận dụng cơ hội xuất khẩu dịch vụ.

- Cải cách thể chế: Đơn giản hóa các thủ tục pháp lý liên quan đến xuất khẩu dịch vụ và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế.

- Kết nối doanh nghiệp: Tổ chức các hội thảo, diễn đàn và chương trình xúc tiến thương mại để kết nối doanh nghiệp Việt Nam với các đối tác nước ngoài.

+ Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ



- Tài chính: Cung cấp các gói vay ưu đãi và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ xuất khẩu.
- Thương mại điện tử: Phát triển các nền tảng thương mại điện tử chuyên biệt cho xuất khẩu dịch vụ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận khách hàng quốc tế.
- Khuyến khích đầu tư nước ngoài: Thu hút các dự án đầu tư vào các ngành dịch vụ chiến lược nhằm nâng cao năng lực và mở rộng thị trường.
- + Phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo
  - Dịch vụ xanh: Đẩy mạnh xuất khẩu các dịch vụ thân thiện với môi trường, đặc biệt trong du lịch và logistics.
  - Hỗ trợ đổi mới sáng tạo: Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng công nghệ mới để cung cấp dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Đối với hoạt động nhập khẩu dịch vụ, trong năm 2024, Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp sau:

+ Tận dụng FTA để tối ưu hóa nhập khẩu dịch vụ: Theo đó, phân tích các điều khoản về dịch vụ trong các hiệp định thương mại tự do để kiểm soát nhập khẩu dịch vụ một cách hiệu quả.

+ Phòng ngừa các rủi ro từ hội nhập quốc tế: Theo dõi và đánh giá thường xuyên các tác động của dịch vụ nhập khẩu đến thị trường nội địa để có biện pháp ứng phó kịp thời; ngăn chặn việc lạm dụng nhập khẩu dịch vụ để trốn thuế hoặc chuyển giá qua biên giới.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý nhập khẩu dịch vụ: Theo đó, Việt Nam đẩy mạnh việc ứng dụng chuyển đổi số để tăng cường minh bạch và hiệu quả quản lý hoạt động; xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê về dịch vụ nhập khẩu để phục vụ công tác quản lý và hoạch định chính sách. Bên cạnh đó, Việt Nam tăng cường quản lý thuế và tài chính thông quan việc sử dụng công nghệ AI để phát hiện các giao dịch bất thường trong hoạt động nhập khẩu dịch vụ và quản lý chặt chẽ các giao dịch thanh toán quốc tế liên quan đến nhập khẩu dịch vụ nhằm tránh thất thoát nguồn thu ngân sách.

Nhìn chung, quản lý nhập khẩu dịch vụ hiệu quả không chỉ giúp bảo vệ lợi ích của Việt Nam mà còn tạo điều kiện thúc đẩy các ngành dịch vụ trong nước phát triển bền vững, đồng thời đảm bảo cân đối cán cân thương mại dịch vụ trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

### PHẦN 3. CÔNG NGHỆ AI TRONG KỸ NGUYÊN SỐ

## CHƯƠNG 5: PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AI TRÊN THẾ GIỚI

### 5.1. BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ AI TRONG KỸ NGUYÊN SỐ

#### 5.1.1. Bối cảnh phát triển của công nghệ AI

##### *a. Sự hình thành của công nghệ AI*

Công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI) đã trải qua một hành trình đáng chú ý, phát triển qua nhiều thập kỷ nghiên cứu, thử nghiệm và tiến bộ công nghệ. Sự hình thành của AI bắt nguồn từ giữa thế kỷ 20, được đánh dấu bằng một loạt bước phát triển và đột phá quan trọng đã định hình nên trạng thái hiện tại của nó.

Khái niệm AI bắt nguồn từ lịch sử cổ đại, khi các huyền thoại và truyền thuyết thường mô tả máy móc hoặc sinh vật có trí thông minh giống con người. Tuy nhiên, nền tảng chính thức của AI như một ngành khoa học bắt đầu vào những năm 1950 và chỉ giới hạn ứng dụng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Alan Turing, một nhà khoa học máy tính tiên phong, đã đặt nền móng với bài báo nổi tiếng của mình "Máy tính và trí thông minh" (1950), trong đó giới thiệu ý tưởng về máy móc có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí thông minh nếu được thực hiện bởi con người. Đề xuất "bài kiểm tra Turing" của Turing đã trở thành chuẩn mực cơ bản để đánh giá trí thông minh của máy móc (TURING, 1950).

Những năm 1950 và 1960 chứng kiến sự xuất hiện của AI tượng trưng (còn được gọi là AI cổ điển - GOF AI). Các nhà nghiên cứu tập trung vào việc phát triển các hệ thống AI có thể thao túng các ký hiệu và quy tắc để mô phỏng lý luận và giải quyết vấn đề của con người. Các chương trình AI ban đầu, chẳng hạn như Logic Theorist được đưa ra vào năm 1956 và General Problem Solver được giới thiệu vào năm 1957, đã chứng minh tiềm năng của lý luận tượng trưng trong việc giải quyết các vấn đề toán học và logic. Năm 1956, Hội nghị Dartmouth do John McCarthy, Marvin Minsky, Nathaniel Rochester và Claude Shannon tổ chức được coi là sự ra đời của AI như một lĩnh vực nghiên cứu chính thức (Popular Science, 2023). Hội nghị nhằm mục đích khám phá khả năng tạo ra "cỗ máy suy nghĩ" và đánh dấu sự khởi đầu của nghiên cứu

AI như một ngành học thuật. McCarthy, thường được gọi là "cha đẻ của AI", đã đặt ra thuật ngữ "trí tuệ nhân tạo" trong hội nghị này<sup>2</sup>.

Trong giai đoạn này, nghiên cứu AI được đặc trưng bởi sự nhân mạnh mẽ vào logic hình thức, biểu diễn kiến thức và các hệ thống dựa trên quy tắc. Sự phát triển của các ngôn ngữ như LISP vào năm 1958 của John McCarthy và Prolog vào năm 1972 của Alain Colmerauer đã cung cấp các công cụ mạnh mẽ để xây dựng các hệ thống AI tượng trưng. Mặc dù đạt được những thành công ban đầu, AI tượng trưng đã phải đối mặt với những thách thức đáng kể, đặc biệt là khi giải quyết các vấn đề phức tạp và thực tiễn trong thế giới thực.

Trong các thập kỷ tiếp theo, lĩnh vực AI đã trải qua những thăng trầm (được các nhà khoa học gọi là "mùa đông AI đầu tiên") khi một số vấn đề nghiên cứu AI tỏ ra khó khăn hơn so với dự kiến và một số nghiên cứu đã chứng minh không thể vượt qua với các công nghệ tại thời điểm đó. Cho đến cuối thập niên 1990, các tiến bộ về các nghiên cứu AI mới bắt đầu gia tăng. Dấu mốc khởi đầu là chiến thắng của máy tính chơi cờ vua Deep Blue của IBM trước nhà vô địch thế giới Garry Kasparov vào năm 1997. Trong những năm gần đây, khi các hãng công nghệ lớn như Google, IBM, Facebook, Nvidia, Baidu, Tencent... sử dụng phân tích dữ liệu lớn, thuật toán tiên tiến, phần cứng hiệu năng cao xử lý song song thì AI đã có bước phát triển mạnh mẽ và đã bắt đầu được ứng dụng sâu vào mọi lĩnh vực (hay còn gọi là AI hẹp), trong đó có sản xuất, kinh doanh. Hiện nay, ứng dụng AI đang ngày càng trở nên dễ dàng hơn nhờ có những thuật toán nguồn mở và thư viện miễn phí, chi phí cho năng lực tính toán đám mây tương đối rẻ và nhiều cảm biến sinh dữ liệu. Bởi vậy, không chỉ có các công ty lớn mà ngay cả các công ty khởi nghiệp (start-up) cũng có vai trò quan trọng trong việc đưa AI ứng dụng vào cuộc sống.

Những hạn chế của AI tượng trưng (AI cổ điển) đã dẫn đến sự xuất hiện của một mô hình mới vào những năm 1980 và 1990, đó là học máy<sup>3</sup>. Học máy đã chuyển trọng tâm từ các quy tắc được lập trình rõ ràng sang các thuật toán có thể học từ dữ liệu. Cách tiếp cận này cho phép các hệ thống AI thích ứng và cải thiện hiệu suất của chúng theo thời gian.

Một trong những đột phá quan trọng trong học máy là sự phát triển của mạng nơ-ron, lấy cảm hứng từ cấu trúc và chức năng của não người. Các mô hình mạng nơ-ron ban đầu, chẳng hạn như Perceptron

được đưa ra vào năm 1957 do Frank Rosenblatt phát triển, đã đặt nền tảng cho các mô hình tiên tiến hơn (Block, 1962). Tuy nhiên, phải đến khi sự ra đời của phương pháp lan truyền ngược vào những năm 1980, được phổ biến bởi Geoffrey Hinton, David Rumelhart và Ronald Williams, thì mạng nơ-ron mới trở nên thiết thực cho nhiều ứng dụng khác nhau.

Trong những năm 1990 và đầu những năm 2000, những tiến bộ trong các kỹ thuật học thống kê, chẳng hạn như máy vectơ hỗ trợ (SVM) và các phương pháp tổng hợp, đã thúc đẩy hơn nữa lĩnh vực học máy (Keith D. Foote, 2021). Sự sẵn có của các tập dữ liệu lớn và sức mạnh tính toán tăng lên cho phép các nhà nghiên cứu đào tạo các mô hình phức tạp hơn và đạt được hiệu suất tiên tiến trong nhiều tác vụ khác nhau.

Những năm 2010 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quá trình hình thành công nghệ AI với sự ra đời của học sâu (VR360, 2024). Học sâu là một tập hợp con của học máy, bao gồm việc đào tạo các mạng nơ-ron sâu với nhiều lớp để tự động học các biểu diễn phân cấp của dữ liệu. Phương pháp này đã đạt được thành công đáng kể trong các nhiệm vụ như nhận dạng hình ảnh, xử lý ngôn ngữ tự nhiên và nhận dạng giọng nói.

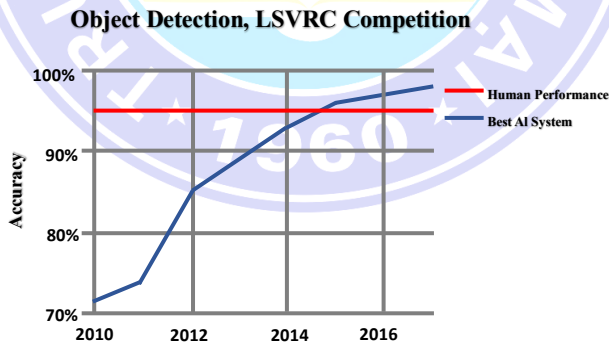
Khoảnh khắc đột phá của học sâu vào năm 2012 khi một nhóm do Geoffrey Hinton dẫn đầu đã giành chiến thắng trong Thử thách nhận dạng hình ảnh quy mô lớn ImageNet (ILSVRC) bằng cách sử dụng mạng nơ-ron tích chập sâu (CNN). Thành tích này đã chứng minh sức mạnh của học sâu trong việc xử lý các nhiệm vụ phức tạp, thông qua đó đã thúc đẩy làn sóng nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực này.

Những gã khổng lồ công nghệ như Google, Facebook và Microsoft bắt đầu đầu tư mạnh vào nghiên cứu học sâu, dẫn đến những tiến bộ nhanh chóng và triển khai các ứng dụng hỗ trợ AI. Sự ra đời của các khuôn khổ như TensorFlow vào năm 2015 và PyTorch vào năm 2016 đã giúp các nhà nghiên cứu và nhà phát triển dễ dàng xây dựng và triển khai các mô hình học sâu hơn.

Ngày nay, công nghệ AI đang đi đầu trong đổi mới và đã trở thành một phần không thể thiếu trong nhiều ngành công nghiệp và cuộc sống hàng ngày. Các ứng dụng hỗ trợ AI đang cách mạng hóa các lĩnh vực khác nhau. Một số ứng dụng điển hình của AI bao gồm: xe tự lái, xử lý hình ảnh, gợi ý (recommendation), hỗ trợ ra quyết định, xử lý ngôn ngữ tự nhiên... Ứng dụng AI được huấn luyện tốt có thể thực hiện một

số công việc với kỹ năng tương đương như con người nhưng có lợi thế hơn nhờ khả năng mở rộng (học liên tục), thậm chí tự học (không cần hướng dẫn của con người) và không cần nghỉ ngơi. AI có thể phát hiện ra mẫu trong những dữ liệu quá phức tạp đến mức các chuyên gia cũng không nhận ra. Trong một số ứng dụng đặc thù về nhận diện giọng nói và xử lý hình ảnh, AI đã bằng hoặc vượt khả năng của con người. Hình 5.1 cho thấy, khoảng đầu năm 2015, năng lực xử lý hình ảnh của hệ thống AI tốt nhất (best AI system) đã phát hiện vật thể với độ chính xác bắt đầu bằng và vượt con người (human performance). Hình 5.2 cho thấy, khoảng đầu năm 2017, năng lực xử lý nhận dạng tiếng nói của hệ thống AI tốt nhất đã bắt đầu bằng với con người (Aayush et al., 2020).

Trợ lý ảo sử dụng AI của Google có tên Google Duplex được giới thiệu vào ngày 10/5/2018 đã gây sốc cho thế giới khi có thể giả giọng người nói chuyện với nhân viên cửa hàng cắt tóc mà nhân viên này không hề phát hiện được đây là phần mềm máy tính. Việc này làm dấy lên nỗi lo về nguyên tắc đạo đức phát triển AI nếu không được sử dụng với mục đích đúng đắn (Chowdhury, 2019).

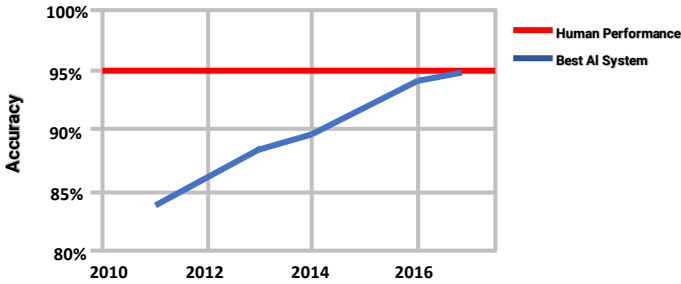


*Nguồn: (Aayush et al., 2020)*

**Hình 5.1. AI vượt con người trong việc phát hiện vật thể  
(xử lý hình ảnh)**

Sự hình thành công nghệ AI là minh chứng cho những nỗ lực chung của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học và kỹ sư trong nhiều thập kỷ. Từ những khởi đầu ban đầu trong lý luận tượng trưng cho đến tác động mang tính cách mạng của học sâu, AI đã đi một chặng đường dài. Khi AI tiếp tục phát triển, nó có tiềm năng biến đổi mọi khía cạnh của cuộc sống con người, thúc đẩy sự đổi mới và giải quyết những thách thức phức tạp trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

## Speech Recognition, Switchboard HUB5'00



Nguồn: (Aayush et al., 2020)

### Hình 5.2. AI bằng con người trong việc nhận diện giọng nói

#### b. Các điều kiện phát triển của công nghệ AI

Về cơ bản, công nghệ AI không ngẫu nhiên xuất hiện mà được hình thành từ nhiều điều kiện khác nhau đã định hình nên sự phát triển và tiến hóa như hiện nay. Các điều kiện phát triển của công nghệ AI bao gồm:

*Thứ nhất, bối cảnh lịch sử và nghiên cứu ban đầu.* Nền tảng của công nghệ AI được đặt ra vào giữa thế kỷ 20, với những đóng góp đáng kể từ những người tiên phong như Alan Turing, John McCarthy và Marvin Minsky (GB Times, 2024). Những ngày đầu của AI được đặc trưng bởi sự tập trung mạnh mẽ vào lý luận biểu tượng và logic hình thức, ảnh hưởng đến các hướng nghiên cứu ban đầu. Việc thành lập AI như một ngành học chính thức tại Hội nghị Dartmouth năm 1956 đã đánh dấu một thời điểm quan trọng trong lịch sử của nó.

*Thứ hai, những tiến bộ trong sức mạnh tính toán.* Sự tăng trưởng theo cấp số nhân của sức mạnh tính toán là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của AI. Định luật Moore, dự đoán rằng số lượng bóng bán dẫn trên các mạch tích hợp sẽ tăng gấp đôi sau khoảng hai năm, đã tạo điều kiện cho việc tạo ra phần cứng mạnh mẽ và hiệu quả hơn (Jacob Stoner, 2023). Điều này cho phép đào tạo các mô hình AI phức tạp và xử lý các tập dữ liệu lớn, vốn rất cần thiết cho các ứng dụng AI hiện đại.

*Thứ ba, tính khả dụng của các tập dữ liệu lớn.* Sự ra đời của internet và số hóa thông tin đã dẫn đến việc tạo ra một lượng lớn dữ liệu. Các mô hình AI, đặc biệt là các mô hình dựa trên máy học và học sâu, đòi hỏi các tập dữ liệu mở rộng để học và cải thiện hiệu suất của chúng (Badawy, 2023). Tính khả dụng của dữ liệu lớn từ nhiều nguồn

khác nhau, bao gồm phương tiện truyền thông xã hội, nền tảng thương mại điện tử và mạng cảm biến, đã đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của công nghệ AI.

*Thứ tư, sự đổi mới thuật toán trong công nghệ trí tuệ nhân tạo.* Những tiến bộ đáng kể trong các thuật toán đã đóng một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển AI. Sự phát triển của các kỹ thuật máy học, chẳng hạn như mạng nơ-ron, máy vector hỗ trợ và cây quyết định, đã cho phép các hệ thống AI học hỏi từ dữ liệu và đưa ra dự đoán (Machine Learning Models, 2023). Sự ra đời của học sâu, bao gồm đào tạo mạng nơ-ron sâu với nhiều lớp, đã cách mạng hóa AI bằng cách đạt được hiệu suất tiên tiến trong các tác vụ như nhận dạng hình ảnh và xử lý ngôn ngữ tự nhiên.

*Thứ năm, sự tăng trưởng đầu tư trong nghiên cứu và phát triển công nghệ AI.* Các khoản đầu tư đáng kể vào nghiên cứu và phát triển AI của cả khu vực công và tư đã đẩy nhanh tiến độ của công nghệ AI. Các chính phủ và tổ chức trên toàn thế giới đã nhận ra tiềm năng của AI và đã tài trợ cho các sáng kiến nghiên cứu, chương trình học thuật và trung tâm đổi mới. Những gã khổng lồ công nghệ như Google, Microsoft, Facebook và Amazon cũng đã đầu tư mạnh vào nghiên cứu AI, dẫn đến những tiến bộ và đột phá nhanh chóng. Nghiên cứu của Goldman Sachs cho thấy, những khoản đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ AI trên toàn cầu sẽ đạt khoảng 200 tỷ USD trong năm 2025 (Sachs, 2023).

*Thứ sáu, sự hợp tác liên ngành.* Sự phát triển của công nghệ AI đã được hưởng lợi từ sự hợp tác liên ngành trong nhiều lĩnh vực, bao gồm khoa học máy tính, toán học, khoa học thần kinh, tâm lý học và kỹ thuật (Aayush et al., 2020). Những hiểu biết sâu sắc từ các ngành này đã góp phần vào sự hiểu biết sâu sắc hơn về trí thông minh, khả năng học tập và nhận thức, vốn là nền tảng của AI. Những nỗ lực hợp tác đã dẫn đến việc tạo ra các hệ thống AI sáng tạo có thể mô phỏng khả năng nhận thức của con người.

*Thứ bảy, sự phát triển của cộng đồng nguồn mở.* Sự gia tăng của các cộng đồng nguồn mở đã dân chủ hóa quyền truy cập vào các công cụ và tài nguyên AI. Các khuôn khổ nguồn mở như TensorFlow, PyTorch và scikit-learn đã giúp các nhà nghiên cứu và nhà phát triển dễ dàng xây dựng, đào tạo và triển khai các mô hình AI hơn. Các nền

tầng này cung cấp các mô-đun được xây dựng sẵn, tài liệu mở rộng và hỗ trợ cộng đồng, thúc đẩy môi trường hợp tác cho đổi mới AI.

*Thứ tám, các cân nhắc về đạo đức và quy định cho phát triển công nghệ AI.* Khi công nghệ AI phát triển, các cân nhắc về đạo đức và quy định ngày càng trở nên quan trọng. Các vấn đề như thiên vị trong thuật toán AI, quyền riêng tư dữ liệu, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình cần được giải quyết để đảm bảo phát triển và triển khai AI có trách nhiệm. Các chính phủ và tổ chức đang nỗ lực thiết lập các hướng dẫn về đạo đức và khuôn khổ quy định để giảm thiểu rủi ro và thúc đẩy sự công bằng trong các ứng dụng AI (Campos Zabala, 2023).

*Thứ chín, nhu cầu thị trường và ứng dụng công nghệ AI kinh doanh.* Nhu cầu ngày càng tăng đối với các giải pháp AI trong nhiều ngành công nghiệp đã thúc đẩy sự phát triển và áp dụng công nghệ AI. Các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe, tài chính, bán lẻ và sản xuất đang tận dụng AI để cải thiện hiệu quả, nâng cao trải nghiệm của khách hàng và giành được lợi thế cạnh tranh (AYADATA, 2025). Thành công thương mại của các sản phẩm và dịch vụ do AI thúc đẩy đã thúc đẩy hơn nữa hoạt động nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực này.

*Thứ mười, sự phát triển các chương trình giáo dục và đào tạo về công nghệ AI.* Các tổ chức và cơ sở giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng thế hệ nhà nghiên cứu và chuyên gia AI tiếp theo. Sự phát triển của các trường đại học và cao đẳng cung cấp các chương trình chuyên biệt về AI, học máy và khoa học dữ liệu ngày càng tăng, cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành công trong lĩnh vực này. Các khóa học trực tuyến và chương trình cấp chứng chỉ cũng giúp giáo dục AI tiếp cận được với nhiều đối tượng hơn, bồi dưỡng nguồn nhân tài đa dạng. Điều này, thu hút sự quan tâm tham gia và phát triển mạnh mẽ của công nghệ AI cũng như các ứng dụng của AI trong nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

*Thứ mười một, sự tích hợp và hội tụ công nghệ mới.* Xu hướng tích hợp và hội tụ của AI với các công nghệ mới nổi khác, chẳng hạn như Internet vạn vật (IoT), blockchain và điện toán lượng tử, đang mở ra những con đường mới cho sự đổi mới, sáng tạo (Analytics Insight, 2025). Các thiết bị IoT hỗ trợ AI có thể thu thập và phân tích dữ liệu theo thời gian thực, cho phép đưa ra quyết định thông minh hơn trong nhiều ứng dụng khác nhau. Công nghệ chuỗi khối có thể tăng cường



tính bảo mật và minh bạch của các hệ thống AI, trong khi điện toán lượng tử hứa hẹn sẽ giải quyết các vấn đề phức tạp nằm ngoài tầm với của máy tính cổ điển.

*Thứ mười hai, sự hợp tác và cạnh tranh toàn cầu.* Bản chất toàn cầu của nghiên cứu AI đã dẫn đến cả sự hợp tác và cạnh tranh giữa các quốc gia và tổ chức. Các hội nghị, hội thảo quốc tế và các dự án nghiên cứu chung tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi ý tưởng và tiến bộ trong AI. Đồng thời, các quốc gia đang cạnh tranh để trở thành những người dẫn đầu trong lĩnh vực AI, đầu tư vào các chiến lược AI quốc gia và xây dựng các trung tâm nghiên cứu AI để thu hút nhân tài và thúc đẩy đổi mới (Kerry et al., 2022).

Sự phát triển của công nghệ AI là kết quả của sự hội tụ của nhiều yếu tố, bao gồm bối cảnh lịch sử, những tiến bộ trong sức mạnh tính toán, tính khả dụng của dữ liệu, các cải tiến thuật toán, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, hợp tác liên ngành, cộng đồng nguồn mở, các cân nhắc về đạo đức, nhu cầu thị trường, chương trình giáo dục, sự hội tụ công nghệ và hợp tác toàn cầu. Mỗi yếu tố này đều đóng vai trò quan trọng trong việc định hình sự phát triển của AI và tiếp tục ảnh hưởng đến quỹ đạo tương lai của nó. Khi công nghệ AI tiếp tục phát triển, nó có tiềm năng to lớn để chuyển đổi các ngành công nghiệp, cải thiện chất lượng cuộc sống và giải quyết các thách thức toàn cầu phức tạp. Hành trình phát triển AI vẫn đang tiếp diễn và tương lai hứa hẹn nhiều đột phá và cơ hội thú vị hơn nữa.

### ***c. Các giai đoạn phát triển của công nghệ AI***

Công nghệ AI trải qua nhiều giai đoạn phát triển để trở nên hữu ích, hiệu quả và có thể triển khai trong các ứng dụng thực tế. Sau đây là các giai đoạn chính:

*Thứ nhất, khái niệm hóa và thiết kế.* Giai đoạn đầu tiên này bao gồm việc xác định mục tiêu và phạm vi của hệ thống AI. Các nhà nghiên cứu và nhà phát triển khái niệm hóa mô hình AI, xác định mục đích của mô hình và thiết kế kiến trúc. Giai đoạn này cũng bao gồm việc lựa chọn các thuật toán và phương pháp phù hợp dựa trên vấn đề đang gặp phải.

*Thứ hai, thu thập và chuẩn bị dữ liệu.* Hệ thống AI cần một lượng lớn dữ liệu để học và đưa ra dự đoán chính xác. Trong giai đoạn này, dữ liệu có liên quan được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau. Sau đó, dữ liệu được làm sạch, xử lý trước và dán nhãn để đảm bảo chất lượng và tính phù hợp của dữ liệu để đào tạo mô hình AI. Giai đoạn này

rất quan trọng vì chất lượng dữ liệu ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu suất của hệ thống AI.

*Thứ ba, đào tạo và phát triển mô hình.* Trong giai đoạn này, mô hình AI được đào tạo bằng dữ liệu đã chuẩn bị. Các thuật toán học máy được áp dụng để xác định các mẫu và mối quan hệ trong dữ liệu. Mô hình điều chỉnh các tham số của mình dựa trên dữ liệu đào tạo để tối ưu hóa hiệu suất của mô hình. Quá trình này thường bao gồm thử nghiệm và tinh chỉnh lặp đi lặp lại để cải thiện độ chính xác và hiệu quả.

*Thứ tư, xác thực và kiểm tra.* Sau khi mô hình được đào tạo, nó sẽ trải qua quá trình xác thực và kiểm tra nghiêm ngặt để đánh giá hiệu suất. Quá trình này bao gồm việc sử dụng các tập dữ liệu riêng biệt (bộ xác thực và kiểm tra) để đánh giá mức độ tổng quát hóa của mô hình đối với dữ liệu mới, chưa từng thấy. Các số liệu chính như độ chính xác, độ chính xác, khả năng thu hồi và điểm F1 được sử dụng để đo lường hiệu quả của mô hình. Bất kỳ vấn đề hoặc sai lệch nào được xác định trong quá trình thử nghiệm đều được giải quyết thông qua quá trình tinh chỉnh thêm.

*Thứ năm, triển khai và tích hợp.* Sau khi xác thực thành công, mô hình AI được triển khai vào môi trường thực tế nơi nó sẽ được sử dụng. Giai đoạn này bao gồm việc tích hợp hệ thống AI với cơ sở hạ tầng, phần mềm và quy trình làm việc hiện có. Đảm bảo khả năng tương thích, khả năng mở rộng và bảo mật là những cân nhắc chính trong quá trình triển khai. Hệ thống được theo dõi hiệu suất và bất kỳ điều chỉnh cần thiết nào đều được thực hiện.

*Thứ sáu, giám sát và bảo trì.* Các hệ thống AI cần được giám sát và bảo trì liên tục để đảm bảo chúng tiếp tục hoạt động như mong đợi. Giai đoạn này bao gồm việc theo dõi hiệu suất của hệ thống, xác định bất kỳ sự suy giảm hoặc bất thường nào và đào tạo lại mô hình khi cần. Các bản cập nhật và cải tiến thường xuyên được triển khai dựa trên phản hồi và dữ liệu mới. Việc giám sát liên tục cũng giúp phát hiện và giải quyết mọi vấn đề về đạo đức hoặc công bằng có thể phát sinh.

*Thứ bảy, tuân thủ đạo đức và quy định.* Trong suốt mọi giai đoạn phát triển, điều cần thiết là phải đảm bảo rằng hệ thống AI tuân thủ các hướng dẫn về đạo đức và các yêu cầu của quy định. Điều này bao gồm việc giải quyết các vấn đề như quyền riêng tư dữ liệu, sự thiên vị, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Việc tuân thủ các luật và

quy định có liên quan là rất quan trọng để xây dựng lòng tin và đảm bảo việc sử dụng công nghệ AI có trách nhiệm.

Việc phát triển công nghệ AI là một quá trình gồm nhiều giai đoạn gồm việc lập kế hoạch, thực hiện và cải tiến liên tục một cách cẩn thận. Mỗi giai đoạn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra các hệ thống AI hiệu quả, đáng tin cậy và có đạo đức. Bằng cách tuân thủ các giai đoạn này, các nhà nghiên cứu và nhà phát triển có thể khai thác tiềm năng của AI để giải quyết các vấn đề phức tạp và thúc đẩy sự đổi mới trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

### **5.1.2. Vai trò của công nghệ AI trong kỷ nguyên số**

Vai trò của trí tuệ nhân tạo (AI) trong doanh nghiệp là mang tính chuyển đổi, thúc đẩy sự đổi mới, hiệu quả và lợi thế cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Các ứng dụng của AI trong kinh doanh rất rộng lớn và tác động của nó rất sâu sắc, định hình lại các mô hình và quy trình kinh doanh truyền thống. Về cơ bản, trong kỷ nguyên số, công nghệ AI thể hiện một số vai trò chính yếu như sau:

*Thứ nhất, nâng cao khả năng ra quyết định.* Công nghệ AI trao quyền cho doanh nghiệp với khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu. Bằng cách phân tích lượng lớn dữ liệu, thuật toán AI có thể xác định các mô hình và thông tin chi tiết vượt quá khả năng của con người. Ví dụ, trong các dịch vụ tài chính, phân tích dự đoán do AI thúc đẩy có thể dự báo xu hướng thị trường và giúp các công ty đưa ra quyết định đầu tư sáng suốt. Nền tảng COIN (Trí tuệ hợp đồng) của JP Morgan sử dụng máy học để xem xét các tài liệu pháp lý và trích xuất thông tin quan trọng, giúp giảm đáng kể thời gian và chi phí liên quan đến xử lý thủ công.

*Thứ hai, nâng cao trải nghiệm của khách hàng.* Công nghệ AI đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao trải nghiệm của khách hàng bằng cách cung cấp các dịch vụ được cá nhân hóa và hiệu quả. Các chatbot và trợ lý ảo hỗ trợ AI, chẳng hạn như các chatbot và trợ lý ảo được các công ty như H&M và Sephora sử dụng, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách hàng 24/7, xử lý các yêu cầu và đưa ra các khuyến nghị được cá nhân hóa. Các hệ thống AI này có thể phân tích dữ liệu khách hàng để hiểu sở thích và cung cấp các tương tác được điều chỉnh phù hợp, cải thiện sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng.

*Thứ ba, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổ chức.* Công nghệ AI tối ưu hóa hoạt động kinh doanh bằng cách tự động hóa các tác vụ thường xuyên và hợp lý hóa quy trình. Trong sản xuất, robot

và hệ thống tự động hóa do AI điều khiển, chẳng hạn như những hệ thống được Tesla sử dụng trong các Gigafactory, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm chi phí hoạt động. Các hệ thống quản lý chuỗi cung ứng dựa trên AI có thể dự đoán nhu cầu, tối ưu hóa mức tồn kho và cải thiện hậu cần, như đã thấy ở các công ty như Amazon, nơi sử dụng AI để quản lý hiệu quả mạng lưới phân phối rộng lớn của mình.

*Thứ tư, giúp đổi mới và phát triển sản phẩm.* Công nghệ AI thúc đẩy đổi mới bằng cách cho phép doanh nghiệp phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới. Ví dụ, nghiên cứu và phát triển (R&D) do AI điều khiển có thể đẩy nhanh quá trình khám phá thuốc trong ngành dược phẩm. Các công ty như Pfizer và Novartis tận dụng AI để phân tích các tập dữ liệu lớn và xác định các ứng cử viên thuốc tiềm năng, giúp giảm đáng kể thời gian và chi phí đưa thuốc mới ra thị trường. Trong ngành công nghệ, AI được sử dụng để tạo ra các sản phẩm sáng tạo như thiết bị nhà thông minh và xe tự hành.

*Thứ năm, giúp phát hiện gian lận và nâng cao khả năng bảo mật.* Công nghệ AI tăng cường khả năng bảo mật và phát hiện gian lận trong doanh nghiệp. Trong lĩnh vực ngân hàng, thuật toán AI phân tích dữ liệu giao dịch để phát hiện các hoạt động gian lận theo thời gian thực. Ví dụ, PayPal sử dụng AI để theo dõi giao dịch và đánh dấu hành vi đáng ngờ, giảm tỷ lệ gian lận và bảo vệ tài khoản khách hàng. Trong an ninh mạng, các hệ thống do AI điều khiển có thể xác định và phản hồi các mối đe dọa nhanh hơn các phương pháp truyền thống, bảo vệ thông tin nhạy cảm và duy trì tính liên tục của hoạt động kinh doanh.

*Thứ sáu, tăng hiệu quả quản lý nhân sự và tài năng.* Công nghệ AI cách mạng hóa nguồn nhân lực (HR) bằng cách tự động hóa các quy trình tuyển dụng và cải thiện quản lý nhân tài. Các nền tảng tuyển dụng do AI điều khiển, chẳng hạn như các nền tảng do Unilever sử dụng, sàng lọc sơ yếu lý lịch, tiến hành phỏng vấn ban đầu và xác định những ứng viên tốt nhất dựa trên các tiêu chí được xác định trước. AI cũng có thể tăng cường sự gắn kết và giữ chân nhân viên thông qua các chương trình đào tạo được cá nhân hóa và phân tích hiệu suất, thúc đẩy lực lượng lao động năng suất và hài lòng hơn.

*Thứ bảy, giúp tối ưu hóa chiến lược tiếp thị và bán hàng.* Công nghệ AI chuyển đổi các chiến lược tiếp thị và bán hàng bằng cách cung cấp thông tin chi tiết về hành vi và sở thích của khách hàng. Các công cụ tiếp thị do AI hỗ trợ, chẳng hạn như các công cụ do HubSpot và

Salesforce cung cấp, phân tích dữ liệu khách hàng để cung cấp các chiến dịch tiếp thị có mục tiêu và nội dung được cá nhân hóa. Phân tích dự đoán có thể dự báo xu hướng bán hàng và xác định khách hàng tiềm năng, cho phép nhóm bán hàng tập trung nỗ lực của họ hiệu quả hơn. Các hệ thống đề xuất do AI thúc đẩy, như các hệ thống được Netflix và Amazon sử dụng, tăng cường sự tương tác của khách hàng và thúc đẩy doanh số.

*Thứ tám, hỗ trợ quản lý tài chính.* Công nghệ AI hỗ trợ quản lý tài chính bằng cách cung cấp dự báo, lập ngân sách và đánh giá rủi ro chính xác. Các công cụ lập kế hoạch tài chính do AI thúc đẩy phân tích dữ liệu lịch sử để dự đoán hiệu suất tài chính trong tương lai và xác định các rủi ro tiềm ẩn. Ví dụ: phần mềm kế toán do AI hỗ trợ của Xero tự động hóa sổ sách kế toán, lập hóa đơn và quản lý chi phí, giúp các doanh nghiệp nhỏ quản lý tài chính hiệu quả hơn. AI cũng có thể nâng cao các chiến lược đầu tư bằng cách phân tích dữ liệu thị trường và cung cấp thông tin chi tiết theo thời gian thực.

*Thứ chín, tối ưu hóa quản lý chuỗi cung ứng.* Công nghệ AI tối ưu hóa quản lý chuỗi cung ứng bằng cách dự đoán nhu cầu, tối ưu hóa hàng tồn kho và tăng cường hậu cần. Các nền tảng chuỗi cung ứng do AI thúc đẩy, như các nền tảng được IBM và Oracle sử dụng, sử dụng máy học để phân tích dữ liệu và đưa ra quyết định theo thời gian thực. AI có thể dự đoán biến động nhu cầu, tối ưu hóa tuyến đường giao hàng và giám sát đoạn chuỗi cung ứng. Ví dụ, DHL sử dụng AI để dự đoán khối lượng lô hàng và tối ưu hóa mạng lưới hậu cần của mình, cải thiện hiệu quả và giảm chi phí.

*Thứ mười, kiểm soát và đảm bảo chất lượng.* Công nghệ AI nâng cao quy trình kiểm soát và đảm bảo chất lượng bằng cách tự động hóa các nhiệm vụ kiểm tra và phát hiện. Trong sản xuất, các hệ thống thị giác hỗ trợ AI có thể xác định lỗi trong sản phẩm với độ chính xác cao, đảm bảo chất lượng đồng nhất. Các công ty như Siemens và General Electric sử dụng hệ thống kiểm soát chất lượng hỗ trợ AI để giám sát dây chuyền sản xuất và phát hiện các bất thường. AI cũng có thể dự đoán lỗi thiết bị và lên lịch bảo trì, giảm thời gian chết và cải thiện chất lượng sản phẩm tổng thể.

*Thứ mười một, hỗ trợ hoạt động quản lý năng lượng.* Công nghệ AI góp phần vào việc quản lý năng lượng bằng cách tối ưu hóa mức tiêu thụ năng lượng và giảm chi phí. Các hệ thống quản lý năng lượng

hỗ trợ AI, như các hệ thống do Schneider Electric và Siemens sử dụng, phân tích các mô hình sử dụng năng lượng và thực hiện các điều chỉnh theo thời gian thực để tối ưu hóa hiệu quả. AI có thể dự đoán nhu cầu năng lượng, quản lý lưu trữ năng lượng và tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo, giúp doanh nghiệp giảm lượng khí thải carbon và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

*Thứ mười hai, thông tin chi tiết và phân tích về khách hàng.* Công nghệ AI cung cấp cho doanh nghiệp những thông tin chi tiết sâu hơn về hành vi và sở thích của khách hàng. Các công cụ phân tích hỗ trợ AI, như các công cụ do Google Analytics và Adobe Analytics cung cấp, phân tích dữ liệu khách hàng để xác định xu hướng và mô hình. Những thông tin chi tiết này cho phép doanh nghiệp điều chỉnh sản phẩm và dịch vụ của mình để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nâng cao sự hài lòng của khách hàng và thúc đẩy tăng trưởng. Ví dụ, Starbucks sử dụng AI để phân tích dữ liệu khách hàng và cá nhân hóa các chiến dịch tiếp thị, cải thiện sự tương tác và lòng trung thành của khách hàng.

Công nghệ AI đã trở thành một phần không thể thiếu trong hoạt động kinh doanh hiện đại, thúc đẩy sự đổi mới, hiệu quả và lợi thế cạnh tranh. Từ việc nâng cao khả năng ra quyết định và trải nghiệm của khách hàng đến tối ưu hóa hoạt động và thúc đẩy sự đổi mới, AI đóng vai trò chuyên đổi trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Bằng cách tận dụng AI, các doanh nghiệp có thể mở ra những cơ hội mới, cải thiện hiệu suất và luôn dẫn đầu trong bối cảnh ngày càng số hóa và cạnh tranh. Tương lai của AI trong kinh doanh thậm chí còn có nhiều tiềm năng hơn nữa, với những tiến bộ liên tục hứa hẹn sẽ định hình lại các ngành công nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng chưa từng có.

## **5.2. CÁC LĨNH VỰC ỨNG DỤNG NỔI BẬT CỦA CÔNG NGHỆ AI**

### **5.2.1. Kinh doanh**

Trong thời đại chuyển đổi số hiện nay, trí tuệ nhân tạo (AI) đang nổi lên như một công nghệ tiên tiến, không chỉ cách mạng hóa cách thức doanh nghiệp hoạt động mà còn định hình lại mối quan hệ giữa doanh nghiệp và khách hàng. Với tiềm năng vượt trội, AI đang thay đổi từ quản lý vận hành, dự đoán nhu cầu, tối ưu hóa chuỗi cung ứng đến nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa vận hành, và nâng cao hiệu quả marketing.

*\* Nâng cao và cải thiện trải nghiệm khách hàng*

Trong ba năm gần đây (2022 - 2024), AI đã cách mạng hóa cách thức hoạt động của doanh nghiệp, từ việc quản lý vận hành đến cải thiện trải nghiệm khách hàng. Các tổ chức lớn và vừa trên toàn thế giới đang áp dụng AI vào mọi khía cạnh của kinh doanh để nâng cao năng suất và duy trì lợi thế cạnh tranh. Theo báo cáo của *Grand View Research* năm 2023, quy mô thị trường AI toàn cầu ước tính đạt 196,63 tỷ đô la Mỹ vào năm 2023 và dự kiến sẽ tăng trưởng ở tốc độ CAGR là 36,6% từ năm 2024 đến năm 2030 (*Grand View Research*, 2023). Hoạt động nghiên cứu và đổi mới liên tục thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ tiên tiến trong các ngành dọc, chẳng hạn như ô tô, chăm sóc sức khỏe, bán lẻ, tài chính và sản xuất.

AI đã chứng tỏ vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Đầu tiên, trong quản lý khách hàng và cá nhân hóa trải nghiệm, các công cụ như ChatGPT của OpenAI hoặc Salesforce Einstein của Salesforce đã hỗ trợ doanh nghiệp giao tiếp với khách hàng thông qua chatbot và email, giúp cá nhân hóa phản hồi và tối ưu hóa dịch vụ khách hàng. ChatGPT cách mạng hóa dịch vụ khách hàng bằng cách cung cấp các khả năng tương tác nâng cao, sẵn sàng 24/7, hiệu quả chi phí, cá nhân hóa, hỗ trợ đa ngôn ngữ, tích hợp liền mạch và khả năng xử lý các truy vấn phức tạp. Theo OpenAI, hơn 500.000 doanh nghiệp đã áp dụng ChatGPT cho mục đích này vào năm 2024 (Sana Hassan, 2024). Công nghệ tiên tiến này không chỉ nâng cao trải nghiệm khách hàng mà còn tinh giản hoạt động của các công ty trên nhiều ngành công nghiệp khác nhau. Không giống như các chatbot truyền thống dựa vào các phản hồi được lập trình sẵn, ChatGPT sử dụng các thuật toán xử lý ngôn ngữ tự nhiên để cung cấp các tương tác giống con người hơn. Sự cải tiến này cho phép khách hàng tham gia vào các cuộc trò chuyện mượt mà hơn, dẫn đến mức độ hài lòng cao hơn. ChatGPT có thể được tích hợp với các hệ thống quản lý quan hệ khách hàng, nền tảng quản lý vé và các phần mềm doanh nghiệp khác. Sự tích hợp này cho phép luồng thông tin thông suốt, nâng cao hiệu quả và hiệu quả của hoạt động dịch vụ khách hàng. Ví dụ, ChatGPT có thể truy cập lịch sử mua hàng hoặc các tương tác trước đó của khách hàng để cung cấp các phản hồi chính xác và phù hợp hơn.

Salesforce Einstein là một giải pháp AI được tích hợp sâu trong hệ sinh thái Salesforce. Từ việc tối ưu hóa quy trình bán hàng,

marketing đến dịch vụ khách hàng, Einstein giúp các tổ chức nâng cao hiệu suất và duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Salesforce Einstein cũng giúp các doanh nghiệp cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng bằng cách phân tích dữ liệu, sử dụng các thuật toán học máy để dự đoán hành vi khách hàng, chẳng hạn như khả năng mua hàng, sự hài lòng hoặc tỷ lệ rời bỏ. Einstein có khả năng tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại như gửi email, tạo báo cáo, hoặc theo dõi tiến trình khách hàng. Điều này giúp tiết kiệm thời gian và giảm thiểu sai sót trong vận hành. Einstein cung cấp các công cụ phân tích mạnh mẽ để xử lý khối lượng lớn dữ liệu, từ đó đưa ra những thông tin chi tiết về xu hướng thị trường và hành vi khách hàng. Nền tảng này sử dụng AI để cung cấp các đề xuất và nội dung phù hợp với từng khách hàng, dựa trên sở thích, hành vi mua sắm và lịch sử giao dịch. Einstein hoạt động như một phần mở rộng của Salesforce CRM, giúp các nhóm bán hàng, marketing và dịch vụ khách hàng dễ dàng tiếp cận các thông tin hữu ích mà không cần rời khỏi nền tảng.

Như vậy, có thể thấy AI có thể giúp các nhân viên kinh doanh dự đoán chính xác khả năng chốt giao dịch và tập trung vào các cơ hội có giá trị cao nhất, hỗ trợ tối ưu hóa các chiến dịch marketing, từ việc phân khúc khách hàng đến tự động hóa gửi email. Bên cạnh đó, AI còn giúp cải thiện khả năng phản hồi nhanh chóng và cung cấp các giải pháp phù hợp cho khách hàng thông qua chatbot AI. Các công cụ dự đoán và phân tích của AI giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định nhanh chóng và chính xác hơn, cá nhân hóa mọi tương tác, từ đó tăng sự hài lòng và trung thành của khách hàng.

*\* Dự đoán nhu cầu và tối ưu hóa chuỗi cung ứng*

Trong lĩnh vực dự đoán nhu cầu và tối ưu hóa chuỗi cung ứng, IBM Watson Supply Chain sử dụng AI để phân tích dữ liệu theo thời gian thực, giúp dự đoán xu hướng và giảm rủi ro trong chuỗi cung ứng. Procter & Gamble báo cáo rằng giải pháp này đã giúp giảm 15% chi phí logistics (Nicholas DeNittis, 2024). Về chiến lược, P&G đang tập trung AI để tích hợp vào phân phối và bán lẻ, lập kế hoạch và mua phương tiện truyền thông, đổi mới sản phẩm và bao bì, hoạt động sản xuất và văn phòng hỗ trợ. Doanh nghiệp mở rộng quy mô các sáng kiến AI bằng cách nêu rõ mục đích kinh doanh của họ, xây dựng sự thành thạo và kỹ năng AI của tổ chức và chuẩn hóa quá trình phát triển AI trên



toàn bộ các doanh nghiệp của P&G để đạt được tốc độ và hiệu quả. Amazon Forecast, một công cụ dựa trên AI, hỗ trợ các nhà bán lẻ tối ưu hóa hàng tồn kho và tránh tình trạng thiếu hụt hàng hóa (AWS, 2024). Nhiều nhà bán lẻ lớn đã ứng dụng Amazon Forecast để tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Chẳng hạn, một báo cáo từ Amazon Web Services cho biết các doanh nghiệp sử dụng công cụ này đã giảm 20% lượng hàng tồn kho dư thừa và tăng 30% khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong các đợt cao điểm (AWS, 2024).

Như vậy, có thể thấy AI giúp nhà bán lẻ dự đoán nhu cầu hàng hóa theo thời gian, tối ưu hóa hàng tồn kho, giảm chi phí vận hành, từ đó có kế hoạch sản xuất và lưu trữ phù hợp. Điều này đặc biệt hữu ích trong việc quản lý các sản phẩm có tính mùa vụ hoặc nhu cầu biến động, hỗ trợ xác định lượng hàng cần thiết ở từng thời điểm, giúp doanh nghiệp tránh được tình trạng thiếu hụt hoặc dư thừa, tối ưu hóa chi phí lưu kho. Dựa trên nền tảng đám mây, AI có khả năng xử lý khối lượng lớn dữ liệu và mở rộng quy mô theo nhu cầu của doanh nghiệp. AI được thiết kế để dễ dàng tích hợp với các hệ thống quản lý chuỗi cung ứng hiện có, giúp doanh nghiệp triển khai nhanh chóng mà không cần thay đổi cơ sở hạ tầng công nghệ hiện tại. Việc dự báo chính xác giúp doanh nghiệp có thể phản ứng nhanh trước các thay đổi trên thị trường, đảm bảo khách hàng nhận được sản phẩm đúng thời điểm mà không gặp sự cố thiếu hụt.

*\* Tối ưu hóa hiệu quả chiến lược quảng cáo theo thời gian thực*

Trong marketing kỹ thuật số, việc tạo nội dung do AI thúc đẩy tối ưu hóa các tài liệu tiếp thị, trong khi quảng cáo được nhắm mục tiêu tận dụng các thuật toán để tiếp cận đối tượng cụ thể một cách hiệu quả. Tự động hóa hợp lý hóa các nhiệm vụ lặp đi lặp lại, cho phép các nhà tiếp thị tập trung vào kế hoạch chiến lược. Phân tích dự đoán cho phép các doanh nghiệp dự đoán xu hướng và sự thay đổi, góp phần vào việc ra quyết định chủ động (Wu & Monfort, 2023). Nhìn chung, AI trao quyền cho các nhà tiếp thị bằng các công cụ thúc đẩy hiệu quả, nâng cao cá nhân hóa và tạo điều kiện cho việc ra quyết định dựa trên dữ liệu, cuối cùng là cải thiện hiệu suất tiếp thị và lợi tức đầu tư. Để tận dụng tối đa công nghệ, các tổ chức cần có một chiến lược có thể giúp họ tận dụng AI để tăng cường các nỗ lực tiếp thị, tối ưu hóa các chiến dịch và cải thiện sự tương tác của khách hàng. Thay vì sử dụng AI cho các tác

vụ hẹp như quảng cáo theo chương trình hoặc tạo nội dung, các nhóm tiếp thị nên nghĩ về cách đạt được các kỹ năng và bí quyết về AI để họ có thể sử dụng AI trong toàn bộ hành trình của khách hàng.

Báo cáo *HubSpot AI Trend Report 2024* phân tích cách AI đang định hình ngành marketing và hỗ trợ các nhà tiếp thị cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng, tăng năng suất và đạt được mục tiêu kinh doanh. Với sự tham gia của hơn 1.000 chuyên gia marketing tại Mỹ, báo cáo cung cấp góc nhìn đa chiều về xu hướng AI, từ lợi ích, thách thức đến cách áp dụng AI hiệu quả trong thực tiễn. 74% nhà tiếp thị đã sử dụng công cụ AI vào năm 2023, tăng từ 21% trong năm 2022 (HubSpot, 2024). AI không chỉ là một xu hướng tạm thời mà đã trở thành công cụ thiết yếu để cải thiện quy trình làm việc. Ứng dụng phổ biến của AI trong marketing là cá nhân hóa email marketing, tự động hóa trả lời chatbot, phân tích dữ liệu khách hàng để cải thiện hiệu suất chiến dịch. Theo HubSpot, AI cũng có những mối lo ngại như làm giảm năng lực cá nhân (57%), mất liên quan trong công việc, lo ngại về mất việc làm (48%) (HubSpot, 2024). Tuy nhiên, báo cáo nhấn mạnh rằng AI không thay thế con người mà hỗ trợ họ nâng cao năng suất, sáng tạo và hiệu quả công việc. Đối với ngành marketing, AI không chỉ là công cụ mà còn là chiến lược dài hạn để đạt được thành công bền vững. Các doanh nghiệp nên áp dụng AI một cách cẩn trọng để tối ưu hóa lợi ích kinh doanh và đáp ứng nhu cầu khách hàng trong kỷ nguyên số.

Ứng dụng AI đã mang lại nhiều lợi ích kinh tế, như tăng năng suất nhờ giảm thiểu các tác vụ lặp đi lặp lại, tiết kiệm chi phí vận hành và cải thiện trải nghiệm khách hàng thông qua việc phân tích hành vi và sở thích để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phù hợp. Nhìn chung, AI đã và đang đóng vai trò cốt lõi trong việc nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và cải thiện hiệu quả chiến lược marketing. Với sự kết hợp của các công cụ mạnh mẽ như ChatGPT và Salesforce Einstein, doanh nghiệp có thể không chỉ tăng năng suất mà còn nâng cao sự hài lòng và trung thành của khách hàng. Dù vẫn còn tồn tại những thách thức như chi phí đầu tư và bảo mật dữ liệu, tiềm năng của AI trong việc tạo ra những giá trị mới cho doanh nghiệp là không thể phủ nhận. Trong tương lai, với các bước tiến vượt bậc của công nghệ Generative AI, các doanh nghiệp cần tận dụng tốt cơ hội để phát triển bền vững và tạo dựng lợi thế cạnh tranh trong kỷ nguyên số.

### 5.2.2. Tài chính

Trong lĩnh vực tài chính, AI đã trở thành một công cụ quan trọng giúp các tổ chức tài chính tối ưu hóa hoạt động, quản lý rủi ro, và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Các ứng dụng AI không chỉ cải thiện hiệu quả vận hành mà còn mở ra các cơ hội để dự đoán xu hướng, phân tích dữ liệu và phát triển các sản phẩm tài chính cá nhân hóa.

#### *\* Dự đoán rủi ro và đánh giá tín dụng*

Trong thời đại số hóa, AI đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt trong việc đánh giá tín dụng. Với khả năng phân tích dữ liệu lớn, học máy và các công nghệ tiên tiến khác, AI không chỉ tối ưu hóa quy trình làm việc mà còn giúp các tổ chức tài chính đưa ra các quyết định tín dụng nhanh chóng, chính xác và ít rủi ro hơn. Trước đây, việc đánh giá tín dụng phụ thuộc nhiều vào quy trình thủ công và thông tin từ báo cáo tín dụng truyền thống, thường mất nhiều thời gian và dễ mắc lỗi. AI đã thay đổi cách tiếp cận này bằng cách tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau như lịch sử tín dụng, hành vi tiêu dùng, giao dịch ngân hàng, dữ liệu xã hội học. AI có thể phân tích các chỉ số như tỷ lệ nợ trên thu nhập, tần suất thanh toán hóa đơn đúng hạn, hoặc thậm chí hành vi mua sắm trực tuyến để đưa ra các dự đoán về khả năng thanh toán nợ. Những phân tích này không chỉ nhanh chóng mà còn chính xác hơn so với các phương pháp truyền thống. Việc ứng dụng AI giúp ngân hàng không chỉ giảm thời gian xử lý hồ sơ mà còn giảm thiểu tỷ lệ mắc lỗi do yếu tố con người, từ đó tăng cường độ tin cậy trong quy trình đánh giá tín dụng. Hơn nữa, AI còn giúp dự đoán những rủi ro tiềm ẩn bằng cách phân tích các mẫu dữ liệu bất thường hoặc thay đổi trong hành vi tài chính của khách hàng. Điều này giúp ngân hàng có thể phản ứng kịp thời trước các dấu hiệu cảnh báo, từ đó giảm thiểu tổn thất và cải thiện quản lý rủi ro. Chẳng hạn, AI có thể phát hiện các hành vi gian lận như việc sử dụng thông tin giả mạo hoặc các giao dịch bất thường trong thời gian thực, từ đó bảo vệ ngân hàng và khách hàng trước các mối đe dọa tài chính. Hơn nữa, AI còn hỗ trợ các tổ chức tài chính trong việc tối ưu hóa lãi suất cho vay. Thay vì áp dụng lãi suất chung cho tất cả khách hàng, AI có thể tính toán mức lãi suất phù hợp dựa trên hồ sơ tín dụng cá nhân. Điều này không chỉ tạo lợi ích cho khách hàng mà còn giúp ngân hàng tối ưu hóa lợi nhuận và giảm rủi ro.

Các hệ thống AI như Zest AI không chỉ tự động hóa quy trình đánh giá tín dụng mà còn nâng cao chất lượng các quyết định. Zest AI, một công cụ nổi bật trong lĩnh vực này, sử dụng các thuật toán học máy để phân tích các tập dữ liệu phức tạp và xác định các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng. Điều này cho phép ngân hàng phê duyệt hoặc từ chối các khoản vay nhanh hơn, đồng thời tăng tỷ lệ phê duyệt khoản vay lên đến 20% và giảm rủi ro tín dụng đến 25% (Zest AI, 2024). Trong một dự án thử nghiệm, Zest AI đã áp dụng công nghệ của mình để đánh giá tín dụng cho các khách hàng tại các khu vực có dữ liệu tín dụng hạn chế. Kết quả cho thấy, các ngân hàng không chỉ mở rộng được thị phần mà còn giảm đáng kể tỷ lệ nợ xấu, đồng thời tăng khả năng tiếp cận tín dụng.

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, các hệ thống AI ngày càng trở nên thông minh hơn, cho phép phân tích các tập dữ liệu phức tạp hơn và đưa ra các dự đoán chính xác hơn. Hơn nữa, sự kết hợp giữa AI và các công nghệ khác như blockchain có thể tạo ra các giải pháp minh bạch và an toàn hơn trong quản lý tín dụng. Trong những năm tới, AI có thể được tích hợp sâu hơn vào các hệ thống tài chính toàn cầu, từ các tổ chức lớn đến các công ty khởi nghiệp tài chính (Fintech). Điều này không chỉ giúp cải thiện hiệu quả và giảm chi phí mà còn mang lại cơ hội tài chính cho hàng triệu người trên thế giới, đặc biệt là ở các thị trường mới nổi.

#### *\* Phát hiện gian lận*

Trong bối cảnh số hóa nhanh chóng của ngành tài chính, gian lận đang trở thành một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với ngân hàng và các tổ chức tài chính. Sự gia tăng trong khối lượng giao dịch và tính phức tạp của các hình thức gian lận đòi hỏi các tổ chức phải áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến để bảo vệ tài sản và dữ liệu của mình. Gian lận tài chính không chỉ gây ra tổn thất tài chính mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và niềm tin của khách hàng đối với các tổ chức tài chính. Các phương pháp phát hiện gian lận truyền thống, như quy trình kiểm tra thủ công hoặc dựa vào các quy tắc tĩnh, đã trở nên kém hiệu quả trong việc đối phó với các hình thức gian lận ngày càng tinh vi. Trong khi đó, AI có khả năng phân tích dữ liệu lớn một cách nhanh chóng và tự động, cho phép xác định các mẫu giao dịch bất thường, từ đó cải thiện khả năng phát hiện và ngăn chặn gian lận.

Các hệ thống phát hiện gian lận dựa trên AI sử dụng nhiều công nghệ tiên tiến để phân tích và đánh giá các giao dịch tài chính. Các bước chính trong quy trình phát hiện gian lận bao gồm: (1)- *Thu thập và xử lý dữ liệu*. Hệ thống AI thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm lịch sử giao dịch, hành vi khách hàng, thông tin vị trí, và các dữ liệu bên thứ ba. Sau đó, dữ liệu này được xử lý và chuẩn hóa để đảm bảo tính toàn vẹn và sẵn sàng cho các bước phân tích tiếp theo; (2)- *Phân tích mẫu giao dịch*. AI sử dụng học máy để phân tích các mẫu giao dịch thông qua các thuật toán phức tạp. Hệ thống có thể học từ dữ liệu lịch sử để hiểu các đặc điểm của giao dịch bình thường và xác định các giao dịch bất thường. Ví dụ, nếu một tài khoản thường xuyên giao dịch trong phạm vi địa lý nhất định nhưng đột ngột phát sinh giao dịch ở một quốc gia khác, hệ thống có thể coi đây là hành vi đáng ngờ; (3)- *Phát hiện giao dịch bất thường*. Bằng cách áp dụng các mô hình phân tích thời gian thực, AI có thể phát hiện các giao dịch không hợp lệ ngay khi chúng xảy ra. Hệ thống sẽ ngăn cản các giao dịch này để đội ngũ quản lý rủi ro kiểm tra hoặc tự động thực hiện các biện pháp như đóng băng tài khoản hoặc chặn giao dịch; (4)- *Học liên tục và cải thiện hiệu suất*. Một trong những ưu điểm vượt trội của AI là khả năng học liên tục. Khi các phương thức gian lận mới xuất hiện, hệ thống AI có thể điều chỉnh các mô hình phát hiện của mình để cải thiện độ chính xác và giảm thiểu các cảnh báo sai.

SAS Fraud Management là một trong những hệ thống hàng đầu trong phát hiện và ngăn chặn gian lận. Công cụ này sử dụng phân tích thời gian thực để giám sát hàng triệu giao dịch mỗi ngày, giúp các tổ chức tài chính phát hiện các mẫu giao dịch đáng ngờ một cách nhanh chóng và hiệu quả. Theo SAS, việc áp dụng công nghệ này đã giúp các tổ chức tài chính giảm đến 30% tổn thất do gian lận trong năm 2023. Feedzai là một nền tảng AI mạnh mẽ khác được thiết kế đặc biệt để chống gian lận trong các giao dịch tài chính. Feedzai sử dụng các thuật toán học máy để phân tích hành vi giao dịch và xác định các rủi ro tiềm ẩn. Nền tảng này cũng tích hợp các công cụ trực quan hóa dữ liệu, giúp các chuyên gia quản lý rủi ro dễ dàng theo dõi và phân tích các giao dịch đáng ngờ. Mastercard đã triển khai công nghệ AI qua hệ thống Decision Intelligence, giúp phát hiện và ngăn chặn gian lận trên toàn cầu. Hệ thống này sử dụng học sâu để phân tích các yếu tố như lịch sử

giao dịch, vị trí địa lý, và thời gian giao dịch, từ đó đưa ra các dự đoán chính xác hơn về khả năng gian lận.

*\* Tư vấn tài chính cá nhân hóa*

Một trong những ứng dụng nổi bật nhất của AI trong lĩnh vực này là khả năng phân tích dữ liệu chi tiêu và lập kế hoạch tài chính cá nhân hóa. Các công cụ như Mint hoặc MyBudget sử dụng AI để phân tích dữ liệu chi tiêu hàng ngày, tạo kế hoạch tài chính cá nhân hóa. AI thu thập và phân tích thông tin từ các giao dịch tài chính, hóa đơn, và chi tiêu của khách hàng để cung cấp một cái nhìn tổng quan về tình hình tài chính cá nhân. Dựa trên dữ liệu thu thập được, các công cụ này giúp người dùng xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn như tiết kiệm, đầu tư, hoặc quản lý nợ. Ví dụ, nếu khách hàng có mục tiêu tiết kiệm để mua nhà trong 5 năm, Mint có thể đề xuất các phương pháp phân bổ thu nhập và giảm thiểu chi tiêu không cần thiết. Khả năng này giúp khách hàng không chỉ có cái nhìn rõ ràng hơn về tình hình tài chính của mình mà còn đạt được các mục tiêu tài chính một cách hiệu quả.

AI cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cá nhân hóa các giải pháp đầu tư và tiết kiệm. Các hệ thống tư vấn đầu tư như Betterment hoặc Wealthfront sử dụng AI để xây dựng danh mục đầu tư cá nhân hóa, tối ưu hóa lợi nhuận đầu tư và tư vấn tiết kiệm thông minh. Dựa trên mục tiêu tài chính, khả năng chịu rủi ro, và thời gian đầu tư, các hệ thống này đề xuất danh mục đầu tư phù hợp cho từng khách hàng. Ví dụ, khách hàng có mục tiêu nghỉ hưu trong 20 năm có thể được đề xuất các quỹ đầu tư dài hạn với lợi suất cao. AI cũng theo dõi và điều chỉnh danh mục đầu tư của khách hàng dựa trên biến động thị trường, đảm bảo lợi nhuận tối ưu trong dài hạn. Với những khách hàng muốn tối ưu hóa tiết kiệm, AI cũng phân tích dòng tiền và đề xuất các tài khoản tiết kiệm với lãi suất cao hoặc các chương trình ưu đãi từ ngân hàng.

*\* Tối ưu hóa danh mục đầu tư*

Quản lý danh mục đầu tư là một phần quan trọng trong chiến lược tài chính của các cá nhân và tổ chức. Trong bối cảnh thị trường tài chính ngày càng biến động và phức tạp, AI đã nổi lên như một công cụ mạnh mẽ giúp tối ưu hóa danh mục đầu tư, dự đoán xu hướng thị trường và giảm thiểu rủi ro. Công nghệ này không chỉ giúp nhà đầu tư quản lý tài sản hiệu quả hơn mà còn mở ra cơ hội để đạt được lợi nhuận vượt trội.

Thay vì dựa vào cảm giác hoặc các phân tích thủ công, AI sử dụng dữ liệu lịch sử, xu hướng thị trường, và thông tin thời gian thực để đề xuất các chiến lược đầu tư tối ưu. Một trong những hệ thống nổi bật nhất trong lĩnh vực này là BlackRock's Aladdin. Hệ thống này kết hợp AI và công nghệ phân tích tài chính để hỗ trợ các nhà quản lý tài sản trong việc phân tích hàng loạt dữ liệu thị trường và tài sản để xác định các yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến danh mục đầu tư, theo dõi và điều chỉnh danh mục đầu tư dựa trên biến động thị trường, giúp tăng khả năng đạt được lợi nhuận tối ưu. Dựa trên mục tiêu tài chính, thời gian đầu tư, và khả năng chịu rủi ro, Aladdin đưa ra các đề xuất chiến lược đầu tư phù hợp cho từng nhà đầu tư.

AI đang định hình lại ngành tài chính với những ứng dụng vượt trội, từ dự đoán rủi ro và đánh giá tín dụng, phát hiện gian lận, tư vấn tài chính cá nhân hóa, đến tối ưu hóa danh mục đầu tư. Với khả năng phân tích dữ liệu lớn và ra quyết định thông minh, AI không chỉ cải thiện hiệu quả vận hành mà còn mở ra các cơ hội phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính cá nhân hóa, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Dù vẫn còn những thách thức về bảo mật dữ liệu và chi phí triển khai, các hệ thống AI như Zest AI, SAS Fraud Management, hoặc BlackRock's Aladdin đã chứng minh được tiềm năng to lớn trong việc tối ưu hóa quy trình tài chính và giảm thiểu rủi ro. Các tổ chức tài chính cần đầu tư chiến lược vào AI để khai thác tối đa tiềm năng của công nghệ này, không chỉ để tăng cường lợi nhuận mà còn để mang lại giá trị bền vững và xây dựng niềm tin lâu dài với khách hàng. AI không chỉ là một công cụ mà còn là một chiến lược dài hạn giúp ngành tài chính phát triển bền vững trong kỷ nguyên số hóa.

### **5.2.3. Giáo dục và đào tạo**

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, AI đang cách mạng hóa cách tiếp cận giảng dạy, học tập và quản lý. Với khả năng phân tích dữ liệu lớn, tự động hóa quy trình và cá nhân hóa trải nghiệm học tập, AI không chỉ cải thiện hiệu quả giáo dục mà còn mở ra những cơ hội mới để nâng cao chất lượng dạy và học. Các ứng dụng của AI trong giáo dục không chỉ hỗ trợ giảng viên và học sinh mà còn giúp các tổ chức giáo dục quản lý tốt hơn và đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của xã hội.

### *\* Cá nhân hóa học tập*

AI đang đóng vai trò quan trọng trong việc cá nhân hóa học tập, tạo ra lộ trình học tập riêng biệt dựa trên nhu cầu và khả năng của từng học sinh. Các hệ thống như DreamBox hoặc Squirrel AI sử dụng các thuật toán học máy để phân tích dữ liệu hành vi học tập, điểm số và mức độ tiến bộ, từ đó thiết kế các bài học phù hợp với từng cá nhân. AI có thể đánh giá chính xác mức độ hiểu biết của học sinh đối với từng môn học. Ví dụ, nếu một học sinh gặp khó khăn trong môn toán, AI sẽ ưu tiên các bài tập liên quan để cải thiện kỹ năng và theo dõi sự tiến bộ theo thời gian. Công cụ như Khan Academy sử dụng AI để gợi ý tài liệu và bài giảng phù hợp với nhu cầu học tập cá nhân. Hệ thống này giúp học sinh tập trung vào những lĩnh vực cần cải thiện, đồng thời tiết kiệm thời gian trong việc tìm kiếm tài liệu. Sự cá nhân hóa này không chỉ nâng cao hiệu quả học tập mà còn tăng động lực cho học sinh khi họ nhận thấy sự hỗ trợ từ hệ thống phù hợp với nhu cầu cá nhân của mình.

### *\* Hỗ trợ giảng dạy thông minh*

AI không chỉ mang lại lợi ích cho học sinh mà còn hỗ trợ giáo viên trong việc quản lý lớp học, chấm điểm và thiết kế giáo trình, giúp cải thiện hiệu quả giảng dạy. Công cụ như Gradescope cho phép giáo viên chấm các bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm một cách nhanh chóng và chính xác. AI phân tích các câu trả lời và cung cấp phản hồi chi tiết, đảm bảo tính khách quan trong đánh giá. Điều này giúp giáo viên tiết kiệm thời gian để tập trung vào việc giảng dạy và hỗ trợ học sinh tốt hơn. Các nền tảng như Coursera sử dụng AI để phân tích dữ liệu từ hàng triệu người học. Nhờ đó, hệ thống có thể tối ưu hóa nội dung giảng dạy, giúp các khóa học trở nên hiệu quả và phù hợp hơn với từng đối tượng học viên. Sự hỗ trợ này giúp giáo viên cải thiện chất lượng giảng dạy và mang lại trải nghiệm học tập tốt hơn cho học sinh.

### *\* Học tập qua chatbot và trợ lý ảo*

Các công nghệ như chatbot và trợ lý ảo AI đang dần trở thành công cụ thiết yếu trong giáo dục, hỗ trợ học sinh và giáo viên giải quyết các vấn đề một cách nhanh chóng và hiệu quả. Chatbot như Jill Watson (được phát triển bởi Georgia Tech) cung cấp hỗ trợ liên tục, giúp học sinh giải đáp thắc mắc ngay cả ngoài giờ học chính thức. Tính năng này đảm bảo rằng học sinh không bị gián đoạn trong quá trình học tập. Với công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, chatbot có thể giao tiếp như một



giáo viên thực thụ, giúp học sinh cảm thấy gần gũi và thoải mái hơn khi tương tác. Điều này đặc biệt hữu ích trong việc hướng dẫn giải bài tập hoặc cung cấp thông tin về khóa học. Những công cụ này không chỉ nâng cao trải nghiệm học tập mà còn giúp học sinh giải quyết nhanh chóng các vấn đề gặp phải trong quá trình học.

*\* Phát hiện và hỗ trợ học sinh gặp khó khăn*

AI đóng vai trò quan trọng trong việc xác định và hỗ trợ học sinh gặp khó khăn, giúp giảm thiểu nguy cơ bỏ học và cải thiện hiệu suất học tập. Các hệ thống như BrightBytes sử dụng AI để phân tích dữ liệu học tập và hành vi của học sinh, từ đó phát hiện các dấu hiệu cảnh báo như điểm số giảm sút hoặc tỷ lệ tham gia lớp học thấp. Điều này cho phép giáo viên và phụ huynh đưa ra các biện pháp hỗ trợ kịp thời, giúp học sinh vượt qua khó khăn. AI cũng hỗ trợ học sinh lựa chọn ngành học và nghề nghiệp phù hợp dựa trên sở thích và năng lực cá nhân. Công cụ như Pymetrics sử dụng AI để phân tích điểm mạnh và yếu của học sinh, từ đó đưa ra các gợi ý phù hợp về nghề nghiệp tương lai. Sự hỗ trợ này giúp học sinh không chỉ vượt qua trở ngại trong học tập mà còn chuẩn bị tốt hơn cho hành trình nghề nghiệp.

*\* Tăng cường học tập từ xa*

Trong thời kỳ học trực tuyến ngày càng phổ biến, AI đã cải thiện đáng kể hiệu quả của giáo dục từ xa thông qua việc tích hợp vào các nền tảng học trực tuyến. AI theo dõi mức độ tương tác của học sinh trong lớp học trực tuyến thông qua các công cụ như Zoom hoặc Blackboard. Hệ thống này có thể nhận diện học sinh ít tham gia và gửi thông báo để cải thiện tình trạng. Các hệ thống như Carnegie Learning sử dụng AI để phân tích hiệu suất học tập và cung cấp phản hồi ngay lập tức. Điều này giúp học sinh nhận ra điểm mạnh và yếu của mình để điều chỉnh phương pháp học tập một cách hiệu quả hơn. AI không chỉ tăng cường khả năng tương tác và phản hồi trong lớp học trực tuyến mà còn giúp duy trì sự cam kết của học sinh đối với lộ trình học tập.

#### **5.2.4. Giao thông và tự động hóa**

AI đang cách mạng hóa ngành giao thông, mang lại những cải tiến đáng kể trong hiệu quả vận hành, an toàn giao thông và phát triển các phương tiện tự động hóa. Với khả năng xử lý dữ liệu lớn, học máy và phân tích thời gian thực, AI giúp tối ưu hóa mọi khía cạnh của hệ thống giao thông, từ quản lý luồng giao thông đô thị đến hỗ trợ hoạt

động của các doanh nghiệp logistics. Những ứng dụng của AI trong giao thông không chỉ cải thiện trải nghiệm người dùng mà còn góp phần bảo vệ môi trường và giảm thiểu tai nạn giao thông.

Hệ thống giao thông thông minh (Intelligent Transportation Systems - ITS) sử dụng AI để giám sát và điều chỉnh luồng giao thông, từ đó giảm thiểu tình trạng tắc nghẽn và nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng đường bộ. ITS tích hợp cảm biến, camera và các thiết bị IoT để thu thập dữ liệu như lưu lượng xe, tốc độ, và điều kiện đường. AI sau đó phân tích dữ liệu này để dự đoán tình trạng giao thông và tối ưu hóa các giải pháp như điều chỉnh đèn tín hiệu giao thông theo thời gian thực. Các thành phố như Singapore và Tokyo đã triển khai hệ thống ITS để cải thiện lưu thông. Tại Singapore, hệ thống này đã giảm đáng kể thời gian di chuyển trong giờ cao điểm, trong khi tại Tokyo, ITS giúp giảm tới 20% lượng khí thải carbon nhờ tối ưu hóa luồng giao thông (ITS World Congress, 2024). AI trong ITS cũng hỗ trợ phát hiện các tai nạn hoặc sự cố trên đường, từ đó thông báo cho các cơ quan chức năng để can thiệp kịp thời, giảm thiểu tình trạng ùn tắc kéo dài.

Xe tự lái là một trong những ứng dụng nổi bật nhất của AI trong lĩnh vực giao thông, với tiềm năng thay đổi hoàn toàn cách thức di chuyển của con người. Công nghệ này dựa vào các thuật toán học sâu, thị giác máy tính và các cảm biến tiên tiến để điều hướng môi trường và ra quyết định. Các công ty như Tesla, Waymo, và Cruise đã phát triển xe tự lái với các cấp độ tự động hóa khác nhau, từ hỗ trợ lái cơ bản đến tự động hoàn toàn. Những chiếc xe này có khả năng nhận diện vật cản, biển báo giao thông, và người đi bộ để đưa ra các phản ứng nhanh chóng, giảm nguy cơ tai nạn giao thông. Xe tự lái sử dụng các cảm biến như LIDAR, radar và camera để xây dựng bản đồ 3D của môi trường xung quanh, kết hợp với AI để phân tích và ra quyết định lái xe an toàn. Ví dụ, xe của Waymo có thể dự đoán hành động của người đi bộ hoặc phương tiện khác trong bán kính hàng trăm mét để điều chỉnh tốc độ và hướng di chuyển. Việc triển khai xe tự lái không chỉ giảm thiểu tai nạn giao thông mà còn tăng cường hiệu quả sử dụng nhiên liệu, giảm căng thẳng cho người lái xe và tối ưu hóa thời gian di chuyển.

AI đang giúp các doanh nghiệp logistics và vận tải cải thiện hiệu quả hoạt động thông qua việc dự báo nhu cầu, tối ưu hóa tuyến đường và quản lý đội xe. AI sử dụng dữ liệu lịch sử và phân tích xu hướng để

dự đoán nhu cầu vận chuyển trong tương lai. Điều này giúp các doanh nghiệp lên kế hoạch và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn, đặc biệt trong các mùa cao điểm hoặc sự kiện lớn. AI hỗ trợ thiết kế các tuyến đường vận chuyển ngắn nhất và ít tắc nghẽn nhất, giúp tiết kiệm thời gian và nhiên liệu. Ví dụ, các công ty như UPS và FedEx sử dụng hệ thống tối ưu hóa tuyến đường dựa trên AI để giảm hàng triệu dặm di chuyển mỗi năm, từ đó cắt giảm đáng kể chi phí vận hành.

Ngoài các ứng dụng chính trên, AI còn được tích hợp vào nhiều khía cạnh khác của hệ thống giao thông như quản lý bãi đỗ xe thông minh, cải thiện dịch vụ công cộng. Các hệ thống AI có thể hướng dẫn lái xe đến các bãi đỗ gần nhất có chỗ trống, giúp tiết kiệm thời gian và giảm tắc nghẽn. AI được sử dụng để điều phối lịch trình xe buýt, tàu điện ngầm, đảm bảo khả năng phục vụ đúng giờ và tối ưu hóa lượng khách.

Việc ứng dụng AI trong giao thông không chỉ nâng cao trải nghiệm người dùng mà còn mang lại những lợi ích to lớn cho xã hội và môi trường. AI giúp giảm lượng khí thải nhờ tối ưu hóa tuyến đường và quản lý phương tiện hiệu quả hơn. Đồng thời, hệ thống giao thông thông minh và xe tự lái góp phần giảm tỷ lệ tai nạn giao thông và nâng cao an toàn cho mọi người tham gia giao thông. AI đang thay đổi cách chúng ta tiếp cận giao thông và tự động hóa, từ việc tối ưu hóa luồng giao thông đô thị đến phát triển xe tự lái và cải thiện quản lý vận tải. Với tiềm năng to lớn, AI không chỉ giúp giảm thiểu chi phí và tăng hiệu quả mà còn đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển bền vững. Trong tương lai, sự kết hợp giữa AI và các công nghệ như IoT và blockchain sẽ tiếp tục định hình một hệ thống giao thông hiện đại, an toàn và thân thiện với môi trường.

### **5.2.5. Giải trí và truyền thông**

AI đang định hình lại cách con người tiếp cận và trải nghiệm nội dung giải trí và truyền thông. Từ việc sáng tạo nội dung đến cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, AI không chỉ tăng cường hiệu quả sản xuất mà còn tạo ra những hình thức tương tác hoàn toàn mới, đáp ứng tốt hơn nhu cầu và sở thích cá nhân.

*\* Sản xuất nội dung sáng tạo*

AI đã mở rộng giới hạn sáng tạo nghệ thuật và truyền thông, cho phép người dùng và các nhà sáng tạo nội dung tạo ra sản phẩm chất lượng cao mà không cần kỹ năng chuyên môn phức tạp. Công cụ như DALL-

E và Runway AI cho phép người dùng tạo hình ảnh hoặc video từ các mô tả bằng văn bản. Chẳng hạn, một nhà thiết kế có thể mô tả cảnh vật hoặc ý tưởng và nhận được các sản phẩm trực quan độc đáo trong vài giây. Những công cụ này đặc biệt hữu ích trong ngành quảng cáo và điện ảnh, nơi tốc độ và sự sáng tạo là yếu tố then chốt. AI hỗ trợ các nhà sản xuất âm nhạc tạo ra các bản nhạc hoặc cải thiện chất lượng âm thanh. Các công cụ như AIVA (Artificial Intelligence Virtual Artist) đã được sử dụng để sáng tác nhạc nền cho phim, trò chơi điện tử và các dự án sáng tạo khác, mang lại sự mới mẻ và hiệu quả vượt trội. AI cũng hỗ trợ trong việc viết kịch bản phim, bài báo, hoặc bài hát bằng cách cung cấp các gợi ý hoặc sáng tạo nội dung từ các mô tả hoặc yêu cầu cụ thể.

#### *\* Cá nhân hóa nội dung*

AI đang cải thiện cách các nền tảng giải trí và truyền thông cung cấp nội dung đến người dùng bằng cách phân tích hành vi và sở thích của họ. Các nền tảng như Netflix, Spotify và YouTube sử dụng AI để theo dõi thói quen xem phim, nghe nhạc, hoặc tìm kiếm của người dùng. Từ đó, hệ thống đề xuất các bộ phim, bài hát, hoặc video phù hợp nhất với sở thích của họ. Điều này không chỉ tăng cường trải nghiệm người dùng mà còn giúp các nền tảng giữ chân khách hàng lâu hơn. AI giúp các công ty quản lý và sắp xếp khối lượng nội dung khổng lồ trên các nền tảng truyền thông, đảm bảo rằng người dùng dễ dàng tiếp cận nội dung mà họ quan tâm.

#### *\* Tương tác người dùng*

AI đang mở ra một kỷ nguyên mới về cách khán giả tương tác với nội dung truyền thông thông qua các công nghệ hiện đại như chatbot, nhân vật ảo, và các ứng dụng tương tác thời gian thực. Trong ngành công nghiệp trò chơi, AI tạo ra các nhân vật ảo có khả năng tương tác và phản ứng với người chơi một cách tự nhiên. Điều này không chỉ làm tăng sự hấp dẫn của trò chơi mà còn mang lại cảm giác chân thực hơn cho người dùng. Các chatbot thông minh được tích hợp vào các trang web và nền tảng truyền thông xã hội, giúp trả lời các câu hỏi, hỗ trợ khách hàng, và cung cấp thông tin tức thì về nội dung. Ví dụ, các ứng dụng AI của Meta không chỉ cung cấp thông tin mà còn tương tác dưới dạng các nhân vật hoặc biểu tượng thân thiện. AI được tích hợp vào các công nghệ VR và AR để cung cấp các trải nghiệm tương tác đa chiều. Trong các buổi biểu diễn âm nhạc trực tuyến hoặc triển lãm nghệ thuật ảo, AI giúp tạo môi trường sống động và tương tác cao hơn với khán giả.

### *\* Tăng cường sản xuất và phân phối nội dung*

AI không chỉ cá nhân hóa trải nghiệm mà còn tối ưu hóa quy trình sản xuất và phân phối nội dung. Các công ty truyền thông sử dụng AI để tự động hóa quá trình chỉnh sửa video, thêm phụ đề, và dịch nội dung sang nhiều ngôn ngữ khác nhau. Điều này giúp các nhà sản xuất tiếp cận khán giả toàn cầu nhanh chóng hơn. AI phân tích dữ liệu từ mạng xã hội và các nguồn thông tin khác để dự đoán các xu hướng nội dung sắp tới, giúp các công ty truyền thông chuẩn bị tốt hơn và tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Việc ứng dụng AI không chỉ mang lại lợi ích về mặt công nghệ mà còn có tác động sâu rộng đến xã hội và nền văn hóa. AI giúp nội dung truyền thông dễ dàng tiếp cận với nhiều đối tượng người dùng, từ việc cung cấp bản dịch chính xác đến cá nhân hóa trải nghiệm cho từng vùng miền. AI không thay thế hoàn toàn con người mà trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực, giúp các nhà sáng tạo tập trung hơn vào ý tưởng và chiến lược thay vì các công việc lặp đi lặp lại. Việc sử dụng AI trong sáng tạo nội dung cũng đặt ra các câu hỏi về quyền sở hữu trí tuệ và trách nhiệm của các nền tảng trong việc sử dụng dữ liệu người dùng.

### **5.2.6. Y tế và chăm sóc sức khỏe**

AI đang cách mạng hóa lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe, mang lại những tiến bộ vượt bậc trong chẩn đoán bệnh, quản lý dữ liệu y tế, phát triển thuốc, và chăm sóc cá nhân hóa. Sự kết hợp giữa công nghệ AI và y học không chỉ cải thiện hiệu quả điều trị mà còn giúp giảm chi phí, nâng cao trải nghiệm của bệnh nhân, và mở ra những hướng đi mới trong nghiên cứu y học.

#### *\* Chẩn đoán và dự đoán bệnh*

AI đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ bác sĩ chẩn đoán và dự đoán bệnh với độ chính xác cao hơn so với các phương pháp truyền thống. AI sử dụng thị giác máy tính để phân tích các hình ảnh như X-quang, MRI, và CT scan, giúp phát hiện sớm các bệnh lý như ung thư, viêm phổi, hoặc các vấn đề về tim mạch. Ví dụ, hệ thống IBM Watson Health đã chứng minh khả năng vượt trội trong việc phân tích hình ảnh và hỗ trợ bác sĩ đưa ra các quyết định điều trị hiệu quả. AI sử dụng dữ liệu di truyền và hồ sơ bệnh án để dự đoán nguy cơ mắc các bệnh mãn tính như tiểu đường, ung thư, hoặc Alzheimer. Các hệ thống này không chỉ giúp phát hiện sớm mà còn hỗ trợ đưa ra các chiến lược phòng ngừa

cá nhân hóa. Các công cụ AI giảm thiểu sai sót trong quá trình chẩn đoán, từ đó nâng cao tỷ lệ thành công của các phương pháp điều trị và cải thiện chất lượng chăm sóc sức khỏe.

#### *\* Quản lý và xử lý dữ liệu y tế*

Dữ liệu y tế đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao. AI tự động hóa các quy trình liên quan đến thu thập, lưu trữ và phân tích dữ liệu, giúp tiết kiệm thời gian và giảm thiểu sai sót. Các hệ thống như Epic Systems sử dụng AI để quản lý hồ sơ y tế điện tử, giúp các bác sĩ và bệnh viện dễ dàng truy cập và chia sẻ thông tin bệnh nhân. Điều này cải thiện sự phối hợp giữa các chuyên khoa và nâng cao hiệu quả chăm sóc. AI phân tích dữ liệu y tế thời gian thực từ các thiết bị đeo hoặc cảm biến, giúp giám sát tình trạng bệnh nhân và cung cấp các cảnh báo kịp thời cho đội ngũ y tế. AI sử dụng dữ liệu từ nhiều nguồn để phân tích các xu hướng sức khỏe, hỗ trợ các cơ quan y tế công cộng trong việc phát hiện và ứng phó với các dịch bệnh.

#### *\* Phát triển thuốc*

AI đang tạo ra những bước tiến lớn trong lĩnh vực phát triển thuốc, rút ngắn thời gian và giảm chi phí nghiên cứu, từ đó đẩy nhanh quá trình đưa thuốc mới ra thị trường. AI phân tích hợp chất hóa học để xác định những hợp chất tiềm năng có thể trở thành thuốc. Ví dụ, DeepMind đã sử dụng AI để nghiên cứu cấu trúc protein, mở ra các phương pháp điều trị mới cho các bệnh hiểm nghèo. AI hỗ trợ tối ưu hóa thiết kế và thực hiện các thử nghiệm lâm sàng bằng cách chọn lựa nhóm bệnh nhân phù hợp và phân tích kết quả nhanh chóng. AI giúp dự đoán tác dụng phụ của thuốc trước khi đưa vào sử dụng, giảm thiểu rủi ro cho bệnh nhân và nâng cao hiệu quả của các phương pháp điều trị.

#### *\* Chăm sóc sức khỏe cá nhân hóa*

AI đang thay đổi cách tiếp cận chăm sóc sức khỏe bằng cách cung cấp các kế hoạch điều trị và chăm sóc được cá nhân hóa dựa trên nhu cầu và điều kiện cụ thể của từng bệnh nhân. Các ứng dụng như MyFitnessPal và Noom sử dụng AI để gợi ý chế độ ăn uống và bài tập phù hợp với mục tiêu sức khỏe cá nhân, từ giảm cân đến tăng cường sức khỏe tim mạch. AI tích hợp với các thiết bị đeo thông minh giúp giám sát các chỉ số sức khỏe như nhịp tim, huyết áp, và mức độ vận động. Điều này đặc biệt hữu ích cho bệnh nhân mắc các bệnh mãn tính,

giúp họ duy trì sức khỏe tốt hơn mà không cần đến bệnh viện thường xuyên. AI cung cấp thông tin và hướng dẫn điều trị trong thời gian thực hiện, giúp bệnh nhân tuân thủ các liệu trình một cách chính xác.

*\* Ứng dụng AI trong y tế cộng đồng*

Ngoài việc hỗ trợ các bệnh nhân cá nhân, AI còn đóng vai trò quan trọng trong y tế cộng đồng, giúp các cơ quan y tế phát hiện và ứng phó với các vấn đề sức khỏe toàn cầu. AI phân tích dữ liệu từ các nguồn khác nhau như mạng xã hội, dữ liệu vệ tinh, và báo cáo y tế để dự đoán và kiểm soát dịch bệnh. Ví dụ, trong đại dịch COVID-19, AI đã được sử dụng để theo dõi sự lây lan và hỗ trợ phân bổ nguồn lực y tế một cách hiệu quả. AI giúp quản lý và tối ưu hóa chuỗi cung ứng, đảm bảo rằng các vật tư y tế và vaccine được phân phối đến đúng nơi và đúng thời điểm.

AI đang định hình tương lai của y tế và chăm sóc sức khỏe với những ứng dụng vượt trội trong chẩn đoán bệnh, quản lý dữ liệu, phát triển thuốc và chăm sóc cá nhân hóa. Mặc dù vẫn còn những thách thức, tiềm năng của AI trong việc cải thiện sức khỏe con người là không thể phủ nhận. Trong tương lai, với sự phát triển không ngừng, AI sẽ tiếp tục đóng vai trò cốt lõi trong việc xây dựng một hệ thống y tế thông minh, hiệu quả và bền vững.

### **5.3. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA**

#### **5.3.1. Hoa Kỳ**

Trong bối cảnh hiện nay, AI trở thành một yếu tố then chốt thúc đẩy các quốc gia gia tăng ảnh hưởng, hướng đến sức mạnh kinh tế, sự tiên bộ công nghệ và ảnh hưởng toàn cầu. Tầm quan trọng của AI không chỉ là tiên bộ công nghệ mà còn là yếu tố hình thành sức mạnh kinh tế, an ninh quốc gia và lãnh đạo toàn cầu. AI thúc đẩy đổi mới, thúc đẩy cạnh tranh công nghiệp và nâng cao khả năng quân sự, từ đó nâng cao vai trò then chốt của nó trong bối cảnh hiện đại. Hoa Kỳ, một quốc gia tiên phong trong đổi mới và công nghệ, và đã xây dựng một chiến lược trong lĩnh vực này, nhằm duy trì vị trí hàng đầu của mình trong phát triển AI, tạo động lực phát triển kinh tế, chính trị mạnh mẽ. Hoa Kỳ thể hiện sức mạnh đáng kể và các khoản đầu tư chiến lược vào sự phát triển của AI, với rất nhiều công ty hàng đầu về AI, cung cấp các giải pháp trong nhiều lĩnh vực. Với vị thế của mình, chiến lược AI của Hoa Kỳ

không chỉ thúc đẩy đổi mới trong nước mà còn có tác động đáng kể đến các liên minh quốc tế, có thể ảnh hưởng tới việc định hình tương lai của việc phát triển AI toàn cầu.

### *Chiến lược quốc gia về AI của Hoa Kỳ*

Sự ra đời chiến lược AI của Hoa Kỳ bắt đầu từ tháng 10 năm 2016, khi chính quyền Obama ban hành "Kế hoạch chiến lược nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia" với sự công nhận ngày càng tăng về tiềm năng chuyển đổi của AI trên nhiều lĩnh vực (THE WHITEHOUSE, 2016). Cam kết của chính phủ trong việc thúc đẩy sự phát triển của AI được nhấn mạnh qua các sáng kiến chiến lược nhằm duy trì vị thế lãnh đạo toàn cầu trong công nghệ. Các mục tiêu chủ yếu xoay quanh việc thúc đẩy cạnh tranh kinh tế, an ninh quốc gia và phúc lợi xã hội thông qua việc triển khai AI có trách nhiệm. Những mục tiêu chính bao gồm thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, thiết lập các tiêu chuẩn đạo đức và đảm bảo một lực lượng lao động AI có tay nghề cao.

Tính đến nay, đã có ba tài liệu chiến lược AI đáng chú ý được chính phủ Hoa Kỳ phát hành và thông qua kể từ năm 2016. Sau đó, chiến lược AI quốc gia của Hoa Kỳ được phát triển và cập nhật qua các năm 2019, 2023. Trong đó (1) Vào năm 2016, trong thời kỳ chính quyền Obama, Hoa Kỳ đã phát hành chiến lược AI đầu tiên với tên gọi "Kế hoạch chiến lược nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia". Chiến lược này tập trung vào việc nâng cao nghiên cứu và phát triển AI, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đầu tư vào các lĩnh vực liên quan đến AI. Mục tiêu chính của chiến lược là thúc đẩy đổi mới AI, hỗ trợ các quan hệ đối tác công - tư và giải quyết các tác động xã hội như mất việc làm do tự động hóa; (2) Vào tháng 6 năm 2019, dưới chính quyền Trump, một sắc lệnh hành pháp đã được phát hành để cập nhật Sáng kiến AI của Hoa Kỳ (The WHITEHOUSE, 2019). Mục tiêu của chiến lược là ưu tiên nghiên cứu và phát triển AI, thúc đẩy đổi mới AI và duy trì vị thế lãnh đạo của Hoa Kỳ trên toàn cầu; (3) Vào tháng 5 năm 2023 dưới chính quyền Biden, chiến lược cập nhật này nhằm củng cố thêm vị thế lãnh đạo của Hoa Kỳ trong lĩnh vực AI (The WHITEHOUSE, 2019). Nó nhấn mạnh sự phát triển AI có trách nhiệm, giải quyết các thách thức xã hội và đảm bảo tính cạnh tranh toàn cầu. Chiến lược này tập trung vào việc đầu tư vào nghiên cứu, phát triển công nghệ AI đồng thời ưu tiên đạo đức, thiết lập khung quy định vững chắc và thúc đẩy phát triển lực lượng lao động trong các lĩnh vực liên



quan đến AI. Chiến lược AI của Hoa Kỳ đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh toàn cầu, tác động đến các cuộc thảo luận về quản trị AI và các liên minh quốc tế. Chiến lược này không chỉ thúc đẩy các đối tác thông qua việc chia sẻ kiến thức và hợp tác nghiên cứu, mà còn tạo ra cạnh tranh, có thể làm căng thẳng mối quan hệ với các quốc gia muốn dẫn đầu về AI.

Chiến lược AI của Hoa Kỳ có tác động quan trọng đối với ngành công nghiệp AI, cả trong nước và quốc tế. Trong nước, chiến lược có thể tạo ra một môi trường thúc đẩy đổi mới, hỗ trợ các sáng kiến nghiên cứu và phát triển, đồng thời củng cố vị thế cạnh tranh của các công ty AI Mỹ. Tuy nhiên, trên bình diện toàn cầu, chiến lược này có thể tạo ra sự kết hợp giữa hợp tác và cạnh tranh, làm ảnh hưởng đến các ngành công nghiệp AI toàn cầu, ảnh hưởng đến các quan hệ hợp tác, liên minh và các mô hình thương mại.

Triển vọng tương lai của chiến lược AI của Hoa Kỳ sẽ chứng kiến sự phát triển đa dạng, bao gồm việc tăng cường cơ sở hạ tầng AI và đào tạo nhân tài, đồng thời tái điều chỉnh các khung pháp lý để giải quyết các vấn đề đạo đức và tăng cường niềm tin của xã hội vào các ứng dụng AI. Việc hợp tác xuyên ngành và xuyên quốc gia là vô cùng quan trọng để thúc đẩy đổi mới, chia sẻ các phương pháp hay nhất và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến phát triển và triển khai AI.

Phân tích toàn diện về chiến lược AI của Hoa Kỳ cho thấy vai trò quan trọng của nó trong việc định hình tương lai của bối cảnh AI toàn cầu. Sự phát triển từ kế hoạch chiến lược năm 2016 đến cập nhật năm 2023 cho thấy cam kết của Hoa Kỳ trong việc duy trì vị thế đứng đầu công nghệ AI, đồng thời cam kết thúc đẩy đổi mới và giải quyết các vấn đề đạo đức trong phát triển AI.

### **5.3.2. Trung Quốc**

Trong quá trình phát triển AI của mình, Trung Quốc đã đưa ra một loạt chính sách AI để thúc đẩy hiệu quả sự phát triển ổn định của công nghệ AI và các ngành liên quan. Trung Quốc đã ra nhiều tài liệu chính sách AI cấp trung ương.

Ngày 8/8/2016, Hội đồng Nhà nước Trung Quốc ban hành Kế hoạch đổi mới khoa học và công nghệ trong giai đoạn Kế hoạch 5 năm lần thứ XIII, trong đó xác định rõ ràng AI là hướng phát triển chính của công nghệ thông tin thế hệ tiếp theo, nhấn mạnh việc xây dựng một hệ thống công nghệ công nghiệp hiện đại nên tập trung vào phát triển

tương tác giữa người và máy tính, đặc biệt là nhận thức thông minh, tích hợp vật lý - ảo hóa và tương tác tự nhiên, hiểu biết ngữ nghĩa và đưa ra quyết định thông minh; tạo ra những bước đột phá trong các lý thuyết, phương pháp và công nghệ hợp nhất giữa người - máy và phát triển các thiết bị, công cụ và nền tảng liên quan; và tạo ra những đột phá về trí thông minh giống con người dựa trên phân tích dữ liệu lớn và đạt được tầm nhìn, thánh giác, lời nói và suy nghĩ giống như con người để hỗ trợ phát triển công nghiệp dựa trên AI và các ứng dụng trình diễn trong các lĩnh vực quan trọng như giáo dục, văn phòng và y tế. AI đã trở thành một phần cốt lõi của chương trình Deep Blue của Trung Quốc nhằm bảo vệ an ninh quốc gia và lợi ích chiến lược với công nghệ cao chiến lược.

Báo cáo tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 19 nhấn mạnh cam kết “xây dựng Trung Quốc thành nhà sản xuất chất lượng và phát triển sản xuất tiên tiến và thúc đẩy tích hợp hơn nữa Internet, dữ liệu lớn và AI với nền kinh tế thực”, cho thấy AI đã trở thành một chiến lược quốc gia quan trọng và một hướng quan trọng của chuyển đổi công nghiệp của Trung Quốc. Trong lĩnh vực AI, Trung Quốc đã đưa ra một loạt các tài liệu chính sách bao gồm:

Năm 2013: Hướng dẫn của Hội đồng Nhà nước về Thúc đẩy sự phát triển lành mạnh và có trật tự của Internet vạn vật (IOT);

Năm 2015: Chiến lược “Made in China 2025”; Hướng dẫn của Hội đồng nhà nước về Thúc đẩy Hành động “Internet +”; Thông báo của Hội đồng nhà nước về việc ban hành “Đề cương hành động nhằm thúc đẩy phát triển dữ liệu lớn”;

Năm 2016: Kế hoạch phát triển công nghiệp Robot (2016-2020); Kế hoạch 5 năm lần thứ XIII về phát triển kinh tế và xã hội quốc gia;

Năm 2017: Thông báo của Hội đồng Nhà nước về ban hành “Kế hoạch phát triển AI thế hệ tiếp theo” (Digichina, 2017). Trong số đó, “Kế hoạch phát triển AI thế hệ tiếp theo” nhấn mạnh rằng sự tiến bộ AI toàn diện, cả về phát triển ngành học, mô hình lý thuyết, đổi mới công nghệ và nâng cấp phần mềm và phần cứng, đang kích hoạt sự thay đổi phản ứng dây chuyền và cuối cùng là thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội từ số hóa và kết nối với AI.

Khái quát những nội dung chính trong “Kế hoạch phát triển AI thế hệ tiếp theo” được coi là chiến lược AI quốc gia của Trung Quốc như sau.

*Mục tiêu chiến lược của Kế hoạch:* Mục tiêu chiến lược được chia thành ba bước sau đây:

*Thứ nhất,* đến năm 2020, công nghệ và ứng dụng AI nói chung sẽ ngang hàng với trình độ tiên tiến toàn cầu, ngành công nghiệp AI sẽ trở thành một yếu tố tăng trưởng kinh tế quan trọng mới và các ứng dụng công nghệ AI sẽ trở thành một cách mới để cải thiện sinh kế của mọi người, hỗ trợ mạnh mẽ Trung Quốc gia nhập vào hàng ngũ các quốc gia đổi mới sáng tạo và đạt được toàn diện mục tiêu của một xã hội thịnh vượng vừa phải.

*Thứ hai,* vào năm 2025, Trung Quốc sẽ đạt được những bước đột phá lớn về lý thuyết cơ bản cho AI, nhờ đó một số công nghệ và ứng dụng đạt được trình độ hàng đầu thế giới và AI trở thành động lực chính cho nâng cấp công nghiệp và chuyển đổi kinh tế của Trung Quốc, trong khi việc xây dựng xã hội thông minh đã có kết quả tích cực.

*Thứ ba,* đến năm 2030, các lý thuyết, công nghệ và ứng dụng AI của Trung Quốc sẽ đạt được các cấp độ hàng đầu thế giới, biến Trung Quốc thành trung tâm đổi mới AI chính của thế giới, đạt được kết quả rõ rệt trong nền kinh tế thông minh và các ứng dụng xã hội thông minh, làm nền tảng quan trọng để trở thành một cường quốc và quốc gia đổi mới hàng đầu.

*Phương hướng triển khai tổng thể:* Trong chiến lược phát triển AI của Trung Quốc, đề cập con đường chiến lược cho phát triển lành mạnh và bền vững của AI bao gồm việc thúc đẩy bốn khía cạnh.

*Thứ nhất,* xây dựng một hệ thống đổi mới công nghệ AI mở và hợp tác: Thiết lập các lý thuyết nền tảng và một hệ thống công nghệ chung cho một thế hệ AI mới; Tăng cường đội ngũ tài năng cao cấp trong AI để thúc đẩy đổi mới và tương tác, hợp tác; Hình thành khả năng đổi mới liên tục cho AI.

*Thứ hai,* hiểu rõ đặc trưng tích hợp cao của các thuộc tính công nghệ và thuộc tính xã hội. Không chỉ cần tăng cường nỗ lực R&D và ứng dụng AI, tối đa hóa tiềm năng của AI, mà còn dự đoán các thách thức của AI, điều phối chính sách công nghiệp, đổi mới chính sách và chính sách xã hội, hợp lý hóa quy định, vừa khuyến khích phát triển vừa tối đa hóa phòng ngừa rủi ro.

*Thứ ba,* tuân thủ việc thúc đẩy đột phá trong R&D AI, ứng dụng sản phẩm AI và thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp AI: Thích nghi với các đặc điểm và xu hướng phát triển AI; Tăng cường sự tích hợp

sâu sắc của chuỗi đổi mới và chuỗi công nghiệp, sự phát triển tương tác của cung ứng công nghệ và nhu cầu thị trường; Thúc đẩy mạnh mẽ các ứng dụng công nghệ và phát triển công nghiệp, tăng cường bố trí và nghiên cứu R&D dài hạn; Đạt được sự phát triển và cải tiến liên tục. Đảm bảo rằng lý thuyết đi trước, làm chủ công nghệ và các ứng dụng được bảo mật và kiểm soát được.

*Thứ tư*, hỗ trợ đầy đủ cho phát triển khoa học và công nghệ, xã hội và an ninh quốc gia. Thúc đẩy toàn diện khả năng đổi mới quốc gia với những đột phá công nghệ AI; Dẫn đầu trong quá trình xây dựng một sức mạnh khoa học và công nghệ toàn cầu; Thông qua việc củng cố ngành công nghiệp thông minh và nuôi dưỡng nền kinh tế thông minh, tạo ra một chu kỳ tăng trưởng mới cho Trung Quốc; Thông qua việc xây dựng một xã hội thông minh, thúc đẩy cải thiện sinh kế và phúc lợi của người dân và thực hiện tư duy phát triển lấy con người làm trung tâm; Thông qua AI, nâng cao sức mạnh quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia.

*Trong tâm chiến lược Trí tuệ nhân tạo của Trung Quốc:*

Dựa trên bức tranh tổng thể về phát triển quốc gia, nắm bắt chính xác xu hướng phát triển toàn cầu của AI, tăng cường toàn diện khả năng đổi mới khoa học và công nghệ, triển khai toàn diện và ứng dụng trong các lĩnh vực mục tiêu, và nâng cao mức độ thông minh tích hợp của các ứng dụng trong phát triển kinh tế và xã hội, cũng như trong quốc phòng. Trong đó nội dung đề cập đến chiến lược của Trung Quốc trong việc phát triển AI với các điểm chính sau:

- Cung cấp nguồn lực đổi mới sáng tạo AI: Trung Quốc tập trung vào việc cung cấp các nguồn lực cho nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong AI, bao gồm việc tăng cường nghiên cứu lý thuyết cơ bản, phát triển công nghệ chủ chốt, nền tảng cơ bản, và xây dựng đội ngũ tài năng trong lĩnh vực AI.
- Chia sẻ nguồn lực mở và phát triển bền vững: Khuyến khích việc chia sẻ nguồn lực mở trong AI và xây dựng các khả năng đổi mới sáng tạo bền vững để đảm bảo Trung Quốc duy trì vị thế trong nhóm các quốc gia dẫn đầu về khoa học và công nghệ AI, đồng thời đóng góp vào sự phát triển toàn cầu của AI.
- Hệ thống lý thuyết cơ bản cho AI mới: Trung Quốc sẽ tập trung vào các vấn đề khoa học lớn trong AI, giải quyết các nhu cầu hiện tại và phát triển dài hạn, tạo ra những đột phá trong lý

thuyết ứng dụng AI cơ bản. Đồng thời, ưu tiên nghiên cứu cơ bản có thể thúc đẩy sự thay đổi mô hình trong AI và khuyến khích sự giao thoa giữa các ngành học.

- Hệ thống công nghệ chung then chốt cho AI thế hệ tiếp theo: Trung Quốc tập trung vào việc nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế trong AI thông qua nghiên cứu và phát triển (R&D) các công nghệ then chốt, bao gồm dữ liệu, phần cứng nền tảng, và các công nghệ nhận diện, cảm nhận, điện toán, giao diện người-máy. Mục tiêu là tạo ra các hệ thống công nghệ ổn định, trưởng thành và tương thích.

Có thể thấy, chiến lược quốc gia về AI của Trung Quốc hướng tới một chiến lược toàn diện để phát triển AI, từ lý thuyết cơ bản đến công nghệ then chốt, với mục tiêu duy trì vị thế hàng đầu và đóng góp vào sự phát triển AI toàn cầu. Trong đó vai trò điều tiết của nhà nước thể hiện rất rõ.

Để đảm bảo cho thực hiện Kế hoạch phát triển AI, Trung Quốc cam kết: thực hiện ưu đãi thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và phát triển khởi nghiệp AI, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp AI. Trung Quốc sẽ nghiên cứu hệ thống chính sách giáo dục, chăm sóc y tế, bảo hiểm và trợ giúp xã hội để thích ứng với AI và giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội do AI mang lại; thiết lập tiêu chuẩn công nghệ AI, hệ thống khung tiêu chuẩn AI và hệ thống sở hữu trí tuệ, thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá bảo mật AI; tăng cường mạnh mẽ việc đào tạo lực lượng lao động AI, hỗ trợ phát triển nhiều hoạt động khoa học AI, và cải thiện toàn diện trình độ của toàn xã hội về ứng dụng AI.

### **5.3.3. Nhật Bản**

Trong Kế hoạch cơ bản về khoa học và công nghệ lần thứ 5, Nhật Bản tập trung vào AI, nhằm xây dựng một xã hội siêu thông minh (xã hội 5.0). Để hiện thực hóa tầm nhìn và mục tiêu của mình, chính phủ Nhật bản đã ban hành Chiến lược phát triển AI và được cập nhật liên tục trong các năm 2017, 2019, 2022.

Chiến lược công nghệ AI đầu tiên của Nhật Bản (OECD.AI, 2017a) được đưa ra tháng 3/2017, tập trung vào thúc đẩy phát triển AI và các ưu tiên cho công nghiệp hóa, nâng cao năng suất và chăm sóc sức khỏe. Chiến lược nhấn mạnh vào R&D AI, hợp tác giữa ngành công nghiệp, chính phủ và khu vực hàn lâm để thúc đẩy nghiên cứu AI và giải quyết các vấn đề liên quan đến năng suất, phúc lợi. Trong chiến

lược này, chính phủ Nhật Bản đưa ra Lộ trình sử dụng AI công cộng năm 2025-2030; và xây dựng hệ sinh thái bằng cách kết nối nhiều miền. Tháng 6/2018, chính phủ Nhật Bản tuyên bố rằng AI cũng sẽ trở thành một phần chính thức trong Chiến lược đổi mới sáng tạo tích hợp của nước này. Chính phủ hy vọng sẽ tăng mạnh các nhà nghiên cứu trẻ trong lĩnh vực AI, một phần bằng cách tài trợ cho các lĩnh vực ưu tiên. Nhật Bản đặt mục tiêu đến năm 2025 sẽ đào tạo mỗi năm khoảng 250.000 nhân lực về AI, tập trung vào các lĩnh vực chủ chốt như y tế, nông nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông... Ứng dụng AI trong các lĩnh vực này sẽ giúp giảm gánh nặng, cải thiện năng suất lao động.

Hiện nay, Nhật Bản đã tích cực phát triển năng lực AI của mình với trọng tâm là đổi mới sáng tạo, tăng trưởng kinh tế và lợi ích xã hội. Sau đây là một số khía cạnh chính trong các chiến lược AI mới nhất năm 2022 của Nhật Bản:

**Chiến lược AI quốc gia:** Chiến lược AI quốc gia của Nhật Bản nhằm mục đích tận dụng công nghệ AI để giải quyết các thách thức của xã hội, tăng cường khả năng cạnh tranh trong ngành và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân. Chiến lược bao gồm các biện pháp thúc đẩy nghiên cứu và phát triển AI, cải thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu và hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và các công ty khởi nghiệp.

**Chiến lược AI 2022:** Chiến lược AI 2022 được xây dựng dựa trên chiến lược AI 2019 và tập trung vào việc giải quyết các cuộc khủng hoảng sắp xảy ra, thúc đẩy triển khai AI trong xã hội và đảm bảo AI có khả năng phục hồi và có trách nhiệm. Chiến lược nhấn mạnh tầm quan trọng của an ninh mạng, chuyển đổi số và độ tin cậy của các hệ thống AI.

**Giáo dục và Phát triển lực lượng lao động:** Nhật Bản đã đưa giáo dục AI và khoa học dữ liệu vào các trường học và các chương trình phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp. Sáng kiến này nhằm mục đích trang bị cho lực lượng lao động những kỹ năng cần thiết để phát triển trong nền kinh tế do AI thúc đẩy.

**Hợp tác công tư:** Nhật Bản khuyến khích sự hợp tác giữa chính phủ, khu vực tư nhân và học viện để thúc đẩy đổi mới AI. Các sáng kiến như Hội đồng chiến lược AI, được Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (METI) hỗ trợ, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự hợp tác này.

**AI trong xã hội:** Nhật Bản đang triển khai các giải pháp AI để giải quyết các thách thức của xã hội như chăm sóc người cao tuổi, giảm

thiếu biến đổi khí hậu và nâng cao ngành công nghiệp anime. Các dự án bao gồm hệ thống chăm sóc người cao tuổi do AI điều khiển và nền tảng nghệ thuật sáng tạo được thiết kế riêng cho các ngành công nghiệp văn hóa của Nhật Bản.

Hỗ trợ và tài trợ của Chính phủ: Chính phủ Nhật Bản cung cấp hỗ trợ và tài trợ đáng kể cho nghiên cứu và phát triển AI. Điều này bao gồm các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng AI, tăng trưởng vốn đầu tư mạo hiểm và các chính sách ủng hộ AI để tạo ra môi trường thuận lợi cho đổi mới AI.

Các chiến lược này phản ánh cam kết của Nhật Bản trong việc trở thành quốc gia dẫn đầu toàn cầu về công nghệ AI và tận dụng AI để tạo ra một xã hội bền vững và kiên cường.

#### **5.3.4. Hàn Quốc**

Hàn Quốc đã có những bước tiến đáng kể trong lĩnh vực AI, với chiến lược quốc gia toàn diện hướng tới mục tiêu trở thành siêu cường AI (theo công bố trên OECD) (OECD.AI, 2017b). Sau đây là một số khía cạnh chính trong các chiến lược AI gần đây của Hàn Quốc:

Tầm nhìn và mục tiêu: Tầm nhìn của Hàn Quốc là chuyển đổi từ siêu cường CNTT thành siêu cường AI. Chính phủ đã thiết lập Chiến lược quốc gia về Trí tuệ nhân tạo, bao gồm lộ trình thúc đẩy đổi mới AI và tăng cường khả năng cạnh tranh của ngành.

Đạo luật khung AI: Gần đây, Hàn Quốc đã thông qua Đạo luật khung về Phát triển Trí tuệ nhân tạo và Thiết lập Nền tảng cho sự tin cậy (Đạo luật khung AI). Luật toàn diện này nhằm mục đích cân bằng các yêu cầu quản lý với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng của ngành AI. Luật này định nghĩa các khái niệm chính như AI có tác động cao và AI tạo ra, đồng thời đặt ra các yêu cầu về tính an toàn và độ tin cậy của AI.

Hội đồng tư vấn cấp cao về Chiến lược AI: Để đảm bảo cách tiếp cận toàn diện đối với đổi mới AI, Hàn Quốc đã thành lập Hội đồng tư vấn cấp cao về Chiến lược Trí tuệ nhân tạo. Cấu trúc quản trị cấp cao này liên quan đến cả khu vực công và tư nhân và nhằm mục đích đẩy nhanh quá trình tích hợp AI trong cuộc sống hàng ngày, các ngành công nghiệp và khu vực công.

Đầu tư vào AI: Chính phủ Hàn Quốc đã cam kết đầu tư 710 tỷ KRW trong năm nay để thúc đẩy việc áp dụng AI trong nhiều lĩnh vực, bao gồm chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và chẩn đoán sớm chứng tự kỷ ở trẻ em.

Hợp tác công tư: Hàn Quốc đã tích cực thu hút khu vực tư nhân tham gia vào việc hoạch định chính sách AI thông qua nhiều nhóm tư vấn khác nhau, chẳng hạn như Diễn đàn đạo đức AI và Liên minh tài năng số. Sự hợp tác này nhằm mục đích kết hợp các ý tưởng sáng tạo và chuyên môn từ khu vực tư nhân vào các chiến lược AI quốc gia.

Các chiến lược tổng thể này phản ánh cam kết của Hàn Quốc trong việc tận dụng công nghệ AI để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.

Xét riêng về *Chiến lược quốc gia về AI* của Hàn Quốc, được công bố ngày 12/12/2019, đặt mục tiêu nâng hiệu quả kinh tế từ lĩnh vực AI lên 455.000 tỷ won (386,5 tỷ USD) tới năm 2030, nâng cao chất lượng cuộc sống từ vị trí thứ 30 lên thứ 10 trong Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), đưa Hàn Quốc đứng thứ ba thế giới về năng lực cạnh tranh kỹ thuật số. Từ năm 2020 tới năm 2029, Chính phủ sẽ đầu tư 1.009,6 tỷ won (867,1 triệu USD) để phát triển các loại chip bán dẫn thông minh thế hệ mới. Ngoài ra, Chính phủ sẽ xây dựng một hệ thống đào tạo, cung cấp kiến thức cơ bản về AI cho người dân. Chính phủ sẽ đổi mới cơ chế, quy định pháp luật, lập lộ trình quy chế toàn diện ở lĩnh vực AI, xây dựng các khái niệm, nguyên tắc cơ bản về thời đại AI, và đối sách phòng ngừa tác động tiêu cực. Chính phủ sẽ lập nguồn quỹ khởi nghiệp lĩnh vực AI với quy mô 5.000 tỷ won (4,3 tỷ USD).

### **5.3.5. Châu Âu**

Liên minh Châu Âu (EU) đã xây dựng chiến lược phát triển AI riêng, đặc trưng cho giá trị chung Châu Âu, và dựa trên nguyên tắc chính là bảo vệ một cách hiệu quả an ninh an toàn và quyền lợi cho công dân EU (OECD.AI., 2020). Cách tiếp cận của EU, tuy có một số điểm giao thoa, nhưng về căn bản, lại rất khác cách tiếp cận của Mỹ, hay Trung Quốc. Ngày 19/02/2020, EU đã công bố chiến lược phát triển công nghệ Trí tuệ nhân tạo. Trong đó, EC định hướng xây dựng một hệ thống pháp lý thành công trong hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI, như bộ quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân trực tuyến - GDPR mà khối này mới đưa vào áp dụng và nay đã trở thành một tiêu chuẩn toàn cầu. Trong khối EU, mỗi quốc gia có thể ban hành các chiến lược quốc gia về phát triển AI phù hợp với quốc gia mình và nằm trong khuôn khổ chiến lược chung của EU.

Khác với chiến lược hướng tới vị thế dẫn đầu của Mỹ, hay chiến lược dựa trên sự chi phối của chính phủ như Trung Quốc, EU khẳng



định lòng tin là nguyên tắc chỉ đạo cho lĩnh vực AI ở Châu Âu. Những lĩnh vực ứng dụng nhiều nguy cơ như y tế, an ninh hoặc giao thông có yêu cầu khắt khe hơn về tính minh bạch và con người giám sát. Những lĩnh vực ứng dụng ít nguy cơ hơn hầu như sẽ được tự quyết định nhưng cũng sẽ phải đủ điều kiện đăng ký nhãn hiệu tự nguyện nếu áp dụng những tiêu chuẩn cao hơn.

Ngày 13/03/2024, các nghị sỹ của Nghị viện Châu Âu (EP) đã bỏ phiếu nhất trí thông qua Đạo luật Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence Act - AIA) nhằm đảm bảo sự an toàn và tuân thủ các quyền cơ bản trong tiến trình thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Trước đó, toàn văn nội dung dự luật trên cũng đã được thống nhất sau các cuộc đàm phán giữa EP với tất cả các quốc gia thành viên vào ngày 09/12/2023. AIA gồm 459 trang, 13 chương, 113 điều và 13 phụ lục.

Thông cáo báo chí gửi giới truyền thông của EP cho biết, AIA được xây dựng với mục đích bảo vệ các quyền cơ bản, dân chủ và pháp quyền cũng như sự bền vững môi trường khởi AI có độ rủi ro cao, đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đưa Châu Âu trở thành khu vực dẫn đầu trong lĩnh vực AI. Quy định của AIA thiết lập các nghĩa vụ đối với AI dựa trên những rủi ro tiềm ẩn và mức độ ảnh hưởng. Bên cạnh đó, AIA cũng đề cập đến một số nội dung chính quan trọng khác như: các ứng dụng của AI bị cấm; miễn trừ việc thực thi pháp luật; những nghĩa vụ đối với các hệ thống AI có rủi ro cao; các yêu cầu về tính minh bạch.

AIA cấm một số ứng dụng của AI đe dọa đến quyền công dân, bao gồm hệ thống phân loại sinh trắc học dựa trên các đặc điểm nhạy cảm và việc thu thập hình ảnh khuôn mặt không có chủ đích từ internet hoặc đoạn phim camera giám sát an ninh để tạo cơ sở dữ liệu nhận dạng khuôn mặt. Sự nhận dạng cảm xúc ở nơi làm việc và trường học, chấm điểm xã hội dựa trên hành vi xã hội hoặc đặc điểm cá nhân, chính sách dự đoán (khi AI chỉ dựa trên hồ sơ cá nhân hoặc đánh giá đặc điểm của họ) và AI thao túng hành vi con người hoặc khai thác lỗ hổng của con người sẽ đều bị cấm.

Trong chiến lược của EU thể hiện mong tạo ra một thị trường dữ liệu chung trong đó các công ty và các trường đại học có thể tự do tiếp cận. Từ đó, các đơn vị tại EU không phải phụ thuộc vào các hệ thống dữ liệu từ các đối thủ Mỹ và Châu Á. Ví dụ như, EU hy vọng việc những công ty công nghệ như Siemens của Đức hay Alstom của Pháp cùng chia sẻ dữ liệu trong thị trường này sẽ góp phần đưa EU lên

vị trí thống lĩnh làn sóng đột phá công nghệ sắp tới. Bà Ursula von der Leyen cho biết EU sẽ tạo ra một thị trường dữ liệu chung cho toàn khối và mong muốn kích hoạt khoản đầu tư trị giá từ 4-6 tỷ euro cho không gian dữ liệu và các cơ sở hạ tầng đám mây cho toàn khối.

Bên cạnh một thị trường dữ liệu chung, EC cũng dự định tạo ra các thị trường dữ liệu nhỏ hơn cho các ngành công nghiệp trọng điểm. EU cũng xem xét buộc các công ty công nghệ lớn phải chia sẻ dữ liệu nếu không muốn bị phạt, đồng nghĩa với việc EU cũng phải sửa đổi luật chống độc quyền. Cao ủy Công nghiệp EU Thierry Breton cho rằng đây là thời điểm khởi đầu của cuộc chiến dữ liệu công nghiệp mà EU là "chiến trường" chính. Ông cũng khẳng định EU hội đủ mọi điều kiện cần thiết để trở người đi đầu trong lĩnh vực này.

Bên cạnh các quy định chặt chẽ về tiêu chuẩn phát triển AI, trong một số lĩnh vực chứa đựng nhiều "nguy cơ", chiến lược của EU cũng có đề cập tới giải pháp "sand-box" - cho phép thử nghiệm công nghệ mới dưới sự kiểm soát của cơ quan chính phủ, trước khi được phép đưa ra thị trường. Ngoài ra, so với Mỹ thì EU nhấn mạnh hơn vào việc sử dụng AI trong các dịch vụ công cộng và vì lợi ích chung của người dân, vốn luôn là nguyên tắc nền tảng của EU.

## **5.4. CÁC XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ THÁCH THỨC CỦA CÔNG NGHỆ AI TRÊN THẾ GIỚI THỜI GIAN QUA**

### **5.4.1. Các xu hướng phát triển của công nghệ AI**

*Đầu tư chiến lược vào công nghệ AI và tạo sự cạnh tranh toàn cầu về công nghệ giữa các quốc gia.* Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, chính phủ của rất nhiều các quốc gia đã có các chính sách hỗ trợ tích cực cho sự phát triển công nghệ AI. Trong đó, các quốc gia phát triển hàng đầu như Mỹ và Trung Quốc đang thúc đẩy các chương trình nghiên cứu và phát triển (R&D) công nghệ AI toàn cầu. Họ đã tập trung vào hoạt động nghiên cứu thông qua sự dẫn đầu của số lượng công bố quốc tế, đăng ký sáng chế và quy mô tài trợ cho các hoạt động liên quan đến công nghệ này. Khối lượng đầu tư công vào R&D AI tại Mỹ ước tính đạt 1,5 tỷ USD năm 2021. Theo khuyến nghị của Ủy ban An ninh Quốc gia về công nghệ AI của Mỹ, đến năm 2026, ngân sách dành cho R&D trong lĩnh vực AI sẽ gia tăng đến 32 tỷ Đô la Mỹ mỗi năm. Trong giai đoạn 2021 - 2027, Ủy ban Châu Âu có kế hoạch phân bổ 1 tỷ euro hàng năm cho R&D AI theo các chương trình Horizon Europe và Digital Europe. Ngoài ra, các quốc gia EU riêng lẻ đều có

chiến lược phát triển AI quốc gia. Điển hình, đến năm 2025, Đức sẽ chi 5 tỷ euro cho R&D công nghệ AI (Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, 2022). Bất chấp sự sụt giảm trong tổng đầu tư tư nhân vào công nghệ này trong năm 2023, nguồn tài trợ cho AI tạo sinh vẫn gia tăng gần gấp đôi so với năm 2022, đạt 25,2 tỷ USD. Các doanh nghiệp lớn như OpenAI, Anthropic, Hugging Face và Inflection đã tham gia đầu tư vào công nghệ AI tạo sinh và báo cáo các vòng gây quỹ gia tăng đáng kể (NTK, 2024).

*Sự ảnh hưởng sâu rộng của công nghệ AI đến các lĩnh vực then chốt của mỗi quốc gia.* Sự phát triển của công nghệ AI thể hiện sức mạnh của một quốc gia thông qua năng lực đổi mới và sáng tạo. Các quốc gia phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, và một số nước Châu Âu đã ban hành và đang xây dựng các chiến lược dài hạn nhằm thúc đẩy sự phát triển của công nghệ AI nhằm nâng cao vị thế quốc gia trong cuộc cạnh tranh giành vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực này. Cuộc chạy đua quyết liệt về công nghệ AI giữa các cường quốc xuất phát từ một số lý do. *Thứ nhất*, công nghệ AI được ứng dụng vào các lĩnh vực then chốt như an ninh quốc phòng, kinh tế và các lĩnh vực khác. Điển hình, trong lĩnh vực quân sự, công nghệ này sẽ nâng cao hiệu suất của các hệ thống vũ khí, phòng thủ và an ninh, cả trong môi trường truyền thống và môi trường mạng, trong khi các kỹ thuật chống công nghệ AI được thiết kế để phủ nhận hoặc gây nhầm lẫn cho việc ra quyết định dựa trên công nghệ AI, cũng có khả năng xuất hiện (Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, 2023). Bên cạnh đó, các tiến bộ khoa học được tăng tốc hơn nhờ công nghệ AI. Trong năm 2022, công nghệ AI bắt đầu thúc đẩy khám phá khoa học. Năm 2023 đã chứng kiến sự ra đời của nhiều ứng dụng có giá trị của AI trong khoa học như AlphaDev giúp phân loại thuật toán hiệu quả hơn hay GNOME tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình khám phá vật liệu (NTK, 2024). Ngành công nghiệp tiếp tục thống trị vị trí tiên phong trong phát triển nghiên cứu AI. Vào năm 2023, ngành công nghiệp đã tạo ra 51 mô hình học máy có khả năng đáng chú ý, trong khi giới học thuật chỉ đóng góp 15 mô hình. Ngoài ra, còn có 21 mô hình đáng chú ý khác là kết quả của sự hợp tác giữa các ngành công nghiệp và giới học thuật vào năm 2023 (NTK, 2024). Thứ hai, so với các công nghệ mới khác, như máy tính lượng tử, 5G, Internet vạn vật (IoT), công nghệ AI có đặc trưng là năng lực “tự học” của máy tính. Do đó, công nghệ này có thể tự phân đoán,

phân tích trước các dữ liệu mới mà không cần sự hỗ trợ của con người; đồng thời, có khả năng xử lý dữ liệu với số lượng rất lớn và tốc độ cao. Hiện nay, mỗi ngày trên toàn cầu có khoảng 2,2 tỷ Gb dữ liệu mới (tương đương 165.000 tỷ trang tài liệu) được tạo ra và được các công ty như Google, Twitter, Facebook, Amazon, Baidu, Weibo, Tencent, hay Alibaba,... thu thập để tạo thành dữ liệu lớn. Thứ ba, cuộc chạy đua về công nghệ AI là một loại hình cạnh tranh chiến lược quốc gia. Vì vậy, sự cạnh tranh trong phát triển công nghệ AI được dự báo có thể dẫn đến leo thang cạnh tranh trong lĩnh vực chính trị, an ninh, quân sự, kinh tế, đầu tư, nghiên cứu, và dữ liệu (Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, 2022).

*Dân chủ hóa AI tạo sinh.* Đến năm 2026, theo dự báo của Gartner, hơn 80% doanh nghiệp sẽ sử dụng các mô hình và giao diện lập trình ứng dụng (API) AI tạo sinh và/hoặc các ứng dụng được hỗ trợ AI tạo sinh trong môi trường sản xuất sẽ tăng so với năm 2023. Theo Gartner, các AI tạo sinh sẽ trở thành xu hướng công nghệ hàng đầu và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến doanh nghiệp mà không cần sự hỗ trợ của con người. Quy mô thị trường toàn cầu của AI tạo sinh ước đạt 62,72 tỷ Đô la Mỹ vào năm 2025 (Statista, 2025). Quy mô thị trường sẽ cho thấy tốc độ tăng trưởng hàng năm (từ 2025-2030) là 41,53%, và đạt quy mô thị trường là 356,1 tỷ Đô la Mỹ vào năm 2030 (Statista, 2025). Việc dân chủ hóa AI tạo sinh sẽ giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn thông tin khổng lồ, mở rộng đáng kể kiến thức và kỹ năng. Theo báo cáo của Viện Công nghệ Massachusetts, AI tạo sinh và các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) đang dân chủ hóa khả năng tiếp cận AI, cuối cùng đã tạo dựng lòng tin của doanh nghiệp đối với AI. Matei Zaharia, đồng sáng lập và là Giám đốc Công nghệ tại Công ty Phần mềm Databricks, Hoa Kỳ, cho rằng: “*AI tạo sinh đang thúc đẩy đột phá trong mọi ngành công nghiệp*”. Công nghệ này được áp dụng trong các hoạt động như đào tạo nhân viên, bán hàng, dịch vụ và hỗ trợ khách hàng, kiểm thử và phát triển phần mềm, thiết kế sản phẩm, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị an ninh và an toàn, kiến tạo và quản lý nội dung, sản phẩm dịch vụ cá nhân hóa (Statista, 2024b). AI tạo sinh tạo ra các nội dung như văn bản, hình ảnh, và video dựa trên các dữ liệu đầu vào. AI tạo sinh sử dụng các mô hình học sâu để hiểu và tái tạo các mẫu dữ liệu hiện có và sáng tạo ra các kết quả hoàn toàn mới. Trong lĩnh vực dữ liệu, công nghệ này tạo ra thay đổi quan trọng như tạo dữ liệu tổng hợp mô phỏng

hay mô hình dự đoán có thể tiết kiệm thời gian và chi phí nghiên cứu. Các AI thế hệ mới như AI tạo sinh cải thiện hiệu suất và hỗ trợ hiệu quả trong ra quyết định của người dùng nhờ việc tự học thay vì phụ thuộc vào thiết kế và sự can thiệp của con người. Do đó, AI tạo sinh sẽ là giai đoạn mới của công nghệ AI và đánh dấu là ứng dụng AI mới nổi hàng đầu trong năm 2025.

*Sự giao thoa giữa AI và an ninh mạng toàn cầu.* Năm 2025 dự báo sự gia tăng đáng kể của các cuộc tấn công mạng với một số xu hướng đe dọa mới như nền tảng đám mây có nguy cơ bị tấn công, xuất hiện thêm chuyên môn về chuỗi tấn công, các công cụ hack tự động trên thị trường web đen, các mối đe dọa trong đời thực xuất hiện nhiều hơn ở các kịch bản tấn công, phát triển các nguyên tắc chung để cùng nhau phòng thủ trước các cuộc tấn công mạng (Quốc Trường, 2024). Các chuyên gia khẳng định vai trò của AI càng trở nên quan trọng trong việc định hình tương lai của an ninh mạng. Sự kết hợp giữa công nghệ AI và an ninh mạng toàn cầu sẽ mở ra cơ hội để cải thiện và bảo vệ an ninh kỹ thuật số thông qua nhận diện các mối đe dọa và tối ưu hóa chiến lược bảo vệ và khả năng phục hồi.

*Hội tụ của công nghệ AI và điện toán lượng tử.* Thông qua các thí nghiệm, hệ thống lượng tử có thể xử lý một số thuật toán AI nhanh chóng và hiệu quả hơn so với máy tính truyền thống. Đến năm 2025, các doanh nghiệp công nghệ quy mô lớn và tổ chức nghiên cứu sẽ đầu tư mạnh vào hạ tầng AI lượng tử. Hiện nay, AI lượng tử đang trong giai đoạn sơ khai. Tuy nhiên, AI lượng tử tạo nên một làn sóng mới trong giới nghiên cứu và công nghệ. Sự hội tụ của AI và điện toán lượng tử để giải quyết các vấn đề phức tạp của AI truyền thống chưa thể xử lý hiệu quả. Một số hãng công nghệ như IBM và Google đang đầu tư lớn vào AI lượng tử và tiềm năng ứng dụng của công nghệ này đối với một số lĩnh vực như tài chính, hậu cần và chăm sóc sức khỏe.

*Xu hướng phối hợp giữa AI và con người.* Theo Gartner, hiệu ứng tương tác giữa con người và máy móc sẽ trở thành xu hướng công nghệ chiến lược hàng đầu trong năm 2025, đặc biệt AI tích hợp sẽ đảm bảo và nâng cao năng lực của con người và cải thiện quy trình ra quyết định và thực hiện. Sự hợp tác giữa AI và con người trở nên hài hòa và cùng chia sẻ lợi ích. AI sẽ hỗ trợ hiệu quả hơn cho con người trong việc nhận diện các vấn đề, ra các quyết định phù hợp, tự động hóa các quy trình hoạt động, giúp con người thực hiện các nghiệp vụ phức tạp vượt

quá khả năng của con người. Thế hệ AI mới như AI tạo sinh dựa trên mô hình học sâu kiến tạo các ý tưởng sáng tạo, tạo ra nội dung; đồng thời, AI phân tích dữ liệu để dự báo các xu hướng giúp cho con người ra các quyết định phù hợp. Vì vậy, AI sẽ phát huy tiềm năng và sự sáng tạo, làm cho các hoạt động trở nên dễ dàng, và nâng cao hiệu suất công việc của con người.

Nhìn chung, công nghệ AI sẽ trở thành công nghệ chủ đạo trong bối cảnh chuyển đổi số bởi công nghệ này là sự thể hiện khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề sáng tạo của máy móc, từ ý nghĩa AI hẹp được thiết kế để giải quyết các vấn đề cụ thể đến AI rộng, tổng quát là một hệ thống trong tương lai có thể ngang bằng hoặc vượt qua khả năng hiểu và thực hiện của con người. Đến năm 2040, các ứng dụng của công nghệ AI kết hợp với các công nghệ khác để mang lại các lợi ích trên các lĩnh vực khác nhau trên toàn cầu (Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, 2023).

#### **5.4.2. Các thách thức của công nghệ AI**

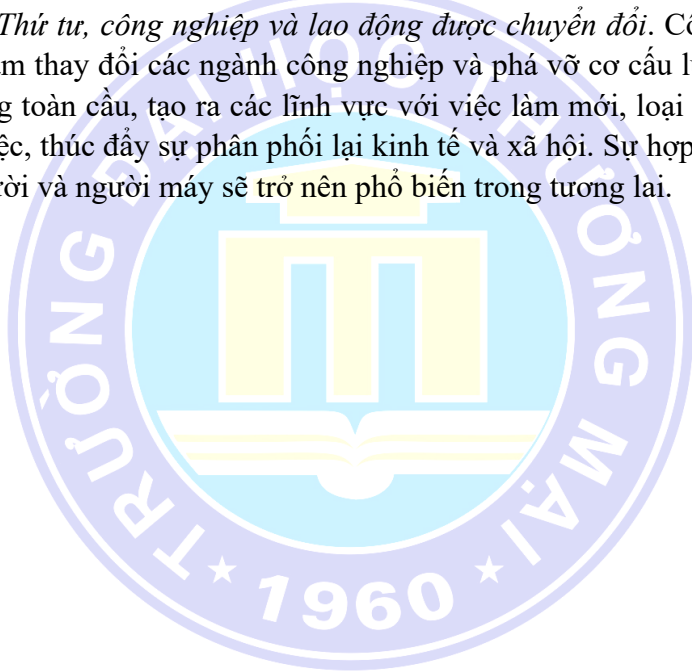
*Thứ nhất, công nghệ AI có khả năng làm gia tăng tình trạng phân phối không công bằng trong xã hội.* Với các ứng dụng AI, công việc và hoạt động của con người giảm dần. Kết quả, sự đóng góp và giá trị của con người tạo ra sản phẩm và dịch vụ sẽ giảm theo, trong khi đó giá trị của ứng dụng AI tăng lên và phân phối cho các nhà đầu tư vào các ứng dụng AI sẽ gia tăng (Thùy et al., 2018).

*Thứ hai, công nghệ AI liên quan đến mối đe dọa tiềm ẩn đối với con người.* Khi công nghệ AI trở nên thông minh hơn con người, chúng sẽ không kiểm soát được và hành động như “một loài thông minh mới”. Và công nghệ AI có thể trở thành một công cụ tấn công hay mục tiêu tấn công của tội phạm AI. Khi công nghệ AI được ứng dụng sâu rộng vào trong các lĩnh vực, hậu quả của tội phạm trí tuệ nhân tạo sẽ càng phức tạp và trầm trọng hơn (Thùy et al., 2018).

*Thứ ba, lo ngại về vấn đề đạo đức.* Sự phát triển của công nghệ AI và mức độ tham gia của con người vào quá trình ra quyết định, nếu có, sẽ tiếp tục làm gia tăng các lo ngại liên quan đến vấn đề đạo đức và các quan điểm về nghĩa vụ đạo đức có thể sẽ khác nhau trên toàn cầu. Ngoài ra, bản chất không rõ ràng của việc ra quyết định bằng AI làm gia tăng khả năng xảy ra sai lệch không chủ ý, phân biệt đối xử, kết quả không mong muốn hoặc định hướng sai có chủ ý. Hợp tác để nâng cao

công nghệ AI đáng tin cậy, với các quy trình ra quyết định minh bạch và rõ ràng để cải thiện niềm tin của các bên tham gia. Mặc dù các quốc gia phát triển các quy tắc nghiêm ngặt về sử dụng dữ liệu cá nhân, nhưng sẽ có tranh luận về việc sử dụng các quy tắc này có thể cùng tồn tại với việc thực hiện đầy đủ các khả năng của AI hay không (Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, 2023).

*Thứ tư, công nghiệp và lao động được chuyển đổi.* Công nghệ AI sẽ làm thay đổi các ngành công nghiệp và phá vỡ cơ cấu lực lượng lao động toàn cầu, tạo ra các lĩnh vực với việc làm mới, loại bỏ nhiều công việc, thúc đẩy sự phân phối lại kinh tế và xã hội. Sự hợp tác giữa con người và người máy sẽ trở nên phổ biến trong tương lai.



## CHƯƠNG 6: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI TẠI VIỆT NAM

### 6.1. BỐI CẢNH, ĐỘNG LỰC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AI CỦA VIỆT NAM

#### 6.1.1. Bối cảnh phát triển công nghệ AI tại Việt Nam

Tại Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển công nghệ AI là một hành trình được đánh dấu bằng các sáng kiến chiến lược, sự hỗ trợ của chính phủ và sự hợp tác với các công ty công nghệ hàng đầu thế giới. Tuy nhiên, sự phát triển của công nghệ AI tại Việt Nam đã được khởi phát khá sớm vào đầu những năm 2000, khi Chính phủ nhận ra tiềm năng của công nghệ và đổi mới là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Một trong những sáng kiến sớm nhất là thành lập Chương trình quốc gia về phát triển công nghệ cao vào năm 2008. Chương trình này nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, trong đó có công nghệ AI để nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp Việt Nam.

Ngày 26/1/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 127/QĐ-TTg Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, nhằm mục đích đưa AI trở thành công nghệ mũi nhọn trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Chiến lược này nêu rõ cam kết của chính phủ trong việc thúc đẩy nghiên cứu và phát triển AI, khuyến khích áp dụng AI trong nhiều lĩnh vực khác nhau và đưa Việt Nam trở thành quốc gia dẫn đầu khu vực về AI vào năm 2030. Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhắc lại tham vọng của Việt Nam là trở thành một trong ba quốc gia hàng đầu Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển AI vào năm 2030. Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thu hút và tôn vinh các trí thức và nhà khoa học, những người được coi là lực lượng cốt lõi đằng sau những tiến bộ công nghệ của Việt Nam. Trọng tâm của Chính phủ trong việc tạo ra một môi trường thuận lợi cho nhân tài và sự đổi mới là rất quan trọng để đạt được mục tiêu này (Báo điện tử Chính phủ, 2024).

Năm 2022, tổ chức Oxford Insights (Anh) công bố về chỉ số sẵn sàng AI của Việt Nam xếp hạng 55/181 toàn cầu và xếp thứ 6/10 trong ASEAN về chỉ số sẵn sàng AI. Việt Nam đang có các lợi thế như dân số trẻ, có kỹ năng kỹ thuật số cao, có khả năng thích nghi nhanh với các giải pháp kỹ thuật số..., là những điều kiện lý tưởng để phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo AI (Oxford Insights, 2023). Nước ta đã xuất hiện



liên hiệp các cộng đồng AI ở Việt Nam, góp phần đưa Việt Nam sánh vai với các cường quốc trên thế giới, gồm: Câu lạc bộ Khoa - Trường - Viện Công nghệ Thông tin - Truyền thông Việt Nam FISU; Cộng đồng nghiên cứu, triển khai và ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI4Life; Cộng đồng Chuyển đổi số - Digital Transformation; Cộng đồng Machine Learning cơ bản; Cộng đồng Google Developer; Cộng đồng Business Intelligence; Cộng đồng VietAI - Trí tuệ nhân tạo Việt. Đây là tiền đề tốt cho một chặng đường dài phát triển phía trước.

Nhưng không phải đến khi ban hành Chiến lược AI, các doanh nghiệp Việt Nam mới phát triển lĩnh vực này. Trên thực tế, các tập đoàn công nghệ lớn trong nước và startup khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đang tăng tốc đầu tư và thực hiện những bước đi vững chắc trong nghiên cứu AI và ứng dụng trong nhiều mô hình kinh doanh mới. FPT, công ty dịch vụ công nghệ thông tin nổi tiếng tại Việt Nam, gần đây đã công bố sẽ chi 300 tỷ đồng (13,16 triệu USD) cho nghiên cứu và phát triển AI trong năm năm tới. Doanh nghiệp này đã đầu tư cho những nghiên cứu liên quan từ năm 2013. Đến nay, nó đã hình thành được một hệ sinh thái đa dạng các sản phẩm, giải pháp và nền tảng giúp doanh nghiệp khác tối ưu hóa hoạt động và cải thiện hiệu suất, phục vụ hơn 14 triệu người dùng thiết bị đầu cuối. Trong nỗ lực thực hiện mục tiêu trở thành đơn vị dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, VNPT, một doanh nghiệp viễn thông xuất phát từ nhà nước, đang đẩy mạnh phát triển những công nghệ AI liên quan đến thành phố thông minh và chính quyền điện tử. Bắt tay với các địa phương, VNPT đã triển khai trên 30 trung tâm điều hành và giám sát thông minh (IOC) ở các tỉnh/thành phố trên toàn quốc, trong đó nhiều trung tâm đã đưa vào vận hành. Những tập đoàn công nghệ khác như Viettel, Vingroup... cũng đang mạnh tay bỏ tiền vào nghiên cứu và phát triển AI (Bộ Công Thương, 2021).

Viettel đã phát triển các hệ thống AI của mình từ năm 2015. Với việc đưa ra nền tảng Viettel AI Open Platform vào vận hành, Viettel đang cung cấp một loạt công cụ giúp cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có thể tích hợp, thông minh hóa các ứng dụng của mình. Đến nay đã có hơn 70.000 cá nhân và tổ chức đăng ký sử dụng nền tảng này. Để nâng cao năng lực nghiên cứu, Viettel và Vingroup đã tiên phong đầu tư vào công nghệ siêu máy tính với khả năng thực hiện trên 20 triệu tỉ phép tính/giây nhằm giải quyết những vấn đề phức tạp trong tính toán. Trong khi Vingroup hướng vào các công nghệ ứng dụng AI trong chăm sóc

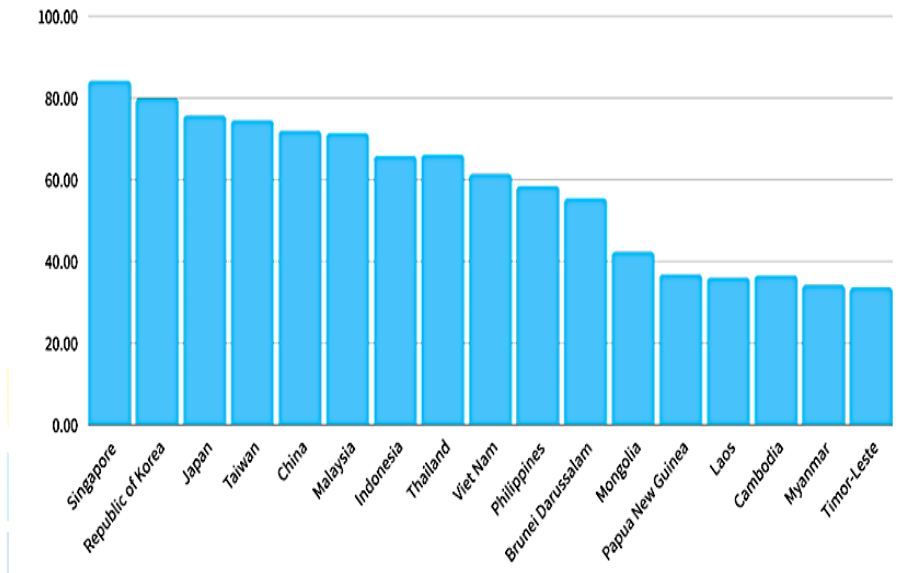
sức khỏe, ô tô thông minh và xe tự lái, Viettel đặt trọng tâm đầu tư vào các công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, chuyển đổi giọng nói, chữ viết tiếng Việt với độ chính xác cao (Bộ Công Thương, 2021).

Không chỉ các tập đoàn lớn chạy đua AI, nhiều startup Việt hoặc có người Việt Nam sáng lập cũng theo đuổi lĩnh vực này. Một số đã ghi dấu ở thị trường quốc tế như ELSA Speak hay Harrison-AI. Không ít các startup Việt nói rằng họ đã triển khai hoặc tính đến chuyện triển khai AI trong các sản phẩm của mình trong tương lai. Các chuyên gia trong ngành giải thích thời gian qua, AI đã trở thành một công cụ hiệu quả để tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam. Nếu các doanh nghiệp công nghệ không theo kịp công nghệ thay đổi nhanh chóng, họ có nguy cơ trở nên lạc hậu trong tương lai<sup>16</sup>. Tuy nhiên phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ, gần như không có động lực để triển khai AI trong các nghiệp vụ thường ngày của mình, vì chi phí lao động hiện đang quá rẻ so với chi phí ban đầu để triển khai công nghệ.

Năm 2023, hàng loạt doanh nghiệp công nghệ lớn của Việt Nam, như Viettel, FPT, Rikkei Soft... bắt đầu có sự đầu tư rất lớn cho việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tương lai. Theo đó, Tập đoàn Viettel đang tập trung nghiên cứu phát triển AI với 3 lĩnh vực chính: Xử lý tiếng nói và ngôn ngữ tự nhiên, thị giác máy tính và phân tích dữ liệu. Ngoài ra, Viettel đang phát triển thêm lĩnh vực robotics và digital twin để mở rộng lĩnh vực AI. Trong khi đó, Tập đoàn FPT đang ứng dụng công nghệ AI trong rất nhiều lĩnh vực, từ chăm sóc sức khỏe, đến giáo dục và giải quyết thủ tục hành chính. Hiện nền tảng FPT.AI của FPT là hệ sinh thái của hơn 20 dịch vụ AI tiên tiến đang được triển khai tại 15 quốc gia, với 11 triệu người dùng và 200 triệu người giao tiếp (Thanh Anh, 2023). Hãng Rikkeisoft cũng đã bước đầu tự chủ về công nghệ AI lõi, như camera thông minh, loa thông minh, robotics... Thời gian tới, Rikkeisoft đẩy mạnh việc tạo ra các sản phẩm ứng dụng nhờ công nghệ robot và áp dụng trong lĩnh vực thực tế, như khách sạn, resort và sân golf, cũng như phát triển các ứng dụng AI, tạo ra các ứng dụng cài đặt trên xe (Minh Sơn, 2023)... Hiện nay, các doanh nghiệp của Việt Nam đang nỗ lực phát triển AI để không quá chậm chân so với thế giới. Trí tuệ nhân tạo được xem là một trong những công nghệ cốt lõi của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sẽ là công nghệ chủ lực trong 10 năm tới, vì thế chúng ta cần xây dựng các chính sách phát triển AI dài hạn, trong đó tập trung cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng, đồng thời có

những chính sách hỗ trợ về việc ứng dụng AI, tạo tiền đề quan trọng phát triển ngành công nghệ số của Việt Nam.

Chỉ số xếp hạng về mức độ sẵn sàng về AI của Chính phủ Việt Nam năm 2023 đứng thứ 39 thế giới, xếp thứ 5 trong ASEAN. Theo Oxford Insight (2023), năm 2023, Việt Nam có điểm trung bình tăng, đạt 54,48 điểm (năm 2022 là 53,96 và 2021 là 51,82 điểm). Việt Nam cũng vượt qua Philippines để vươn lên vị trí thứ 5 trong khu vực ASEAN, tăng một bậc so với năm trước (Oxford Insights, 2023). Để đánh giá, Oxford Insights dựa trên ba trụ cột gồm: chính phủ, công nghệ và khả năng tiếp cận cơ sở dữ liệu, cơ sở hạ tầng. Trong đó, chính phủ (quy định, chính sách, sẵn sàng thích ứng với thay đổi) đạt 69,04 điểm. Hai trụ cột còn lại gồm công nghệ (37,82 điểm) và khả năng tiếp cận cơ sở dữ liệu và cơ sở hạ tầng (56,58 điểm). Báo cáo đã mở rộng phạm vi xếp hạng với 193 quốc gia/vùng lãnh thổ. Theo đó so với toàn cầu, Việt Nam đứng thứ 59/193 quốc gia/vùng lãnh thổ (năm 2022 con số này là 55/181). Đây là năm thứ ba liên tiếp, Việt Nam vượt qua ngưỡng trung bình của thế giới.



Nguồn: (Oxford Insight, 2024)

**Hình 6.1. Bảng xếp hạng mức độ sẵn sàng về AI khu vực Đông Á**

Cũng theo công bố của Oxford Insight (2024), chỉ số xếp hạng mức độ sẵn sàng về AI của Chính phủ Việt Nam năm 2024 là 61.42 điểm tăng so với năm 2023 và tiếp tục giữ vững vị trí thứ 5 khu vực ASEAN, cao hơn nhiều so với mức trung bình của thế giới.

**Bảng 6.1. Vị trí của Việt Nam trong Bảng xếp hạng GII giai đoạn 2020 - 2024**

Năm	Vị trí GII	Đầu vào đổi mới	Đầu ra đổi mới
2020	42	62	38
2021	44	Thứ 60	38
2022	48	59	41
2023	46	57	Thứ 40
<b>2024</b>	<b>44</b>	<b>53</b>	<b>36</b>

*Nguồn: (WIPO, 2024)*

Theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới WIPO (2024), Việt Nam xếp thứ 44 trong số 133 nền kinh tế được xếp hạng trong GII 2024. Chỉ số đổi mới toàn cầu (GII) xếp hạng các nền kinh tế thế giới theo năng lực đổi mới của họ. Bao gồm khoảng 80 chỉ số, được nhóm thành đầu vào và đầu ra đổi mới, GII nhằm mục đích nắm bắt các khía cạnh đa chiều của đổi mới. Bảng này cho thấy thứ hạng của Việt Nam trong bốn năm qua. Tính khả dụng của dữ liệu và những thay đổi trong khuôn khổ mô hình GII ảnh hưởng đến việc so sánh thứ hạng GII theo từng năm. Khoảng tin cậy thống kê cho thứ hạng của Việt Nam trong GII 2024 nằm trong khoảng từ thứ hạng 42 đến 45.

Việt Nam xếp hạng 71 trong số 193 quốc gia trong Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) của Liên hợp quốc năm 2024, tăng 15 bậc so với năm 2022 (xếp thứ 86). Điểm số của Việt Nam trong EGDI là 0,7709, xếp vào nhóm EGDI "rất cao". Tiến bộ của Việt Nam trong quản trị số là nhờ đầu tư vào cơ sở hạ tầng và công nghệ như điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo và băng thông rộng. Chính phủ Việt Nam cũng đã đạt được mục tiêu năm 2024 là tăng thứ hạng chính phủ điện tử lên ít nhất năm bậc. Khung mô hình chính phủ số của Liên hợp quốc bao gồm sáu động lực chính cho chính phủ số: Lãnh đạo số, Phương pháp tiếp cận lấy dữ liệu làm trung tâm, Nhận dạng số hợp pháp, Tham gia điện tử hiệu quả, Văn hóa số và Cơ sở hạ tầng số. Ngoài ra, báo cáo

EGDI 2024 cũng làm sáng tỏ vai trò của Trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị khu vực công. Năm 2024, giá trị EGDI của Việt Nam đã đưa quốc gia này vào nhóm các quốc gia có mức EGDI "Rất cao" (39,4% quốc gia nằm trong nhóm này). Điểm số này cao hơn mức trung bình EGDI toàn cầu là 0,6382, mức trung bình khu vực Châu Á là 0,6990 và mức trung bình Đông Nam Á là 0,6928. Ở Đông Nam Á, Việt Nam đã vượt qua Brunei để xếp thứ 5/11 quốc gia, cải thiện một bậc so với năm 2022. Bốn quốc gia có thứ hạng cao hơn Việt Nam là Singapore, Thái Lan, Malaysia và Indonesia. Liên hợp quốc khen ngợi Việt Nam vì những nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến. Trong số 55 quốc gia thuộc nhóm thu nhập trung bình thấp, Việt Nam là một trong năm quốc gia (bốn quốc gia còn lại là Ukraine, Mông Cổ, Uzbekistan và Philippines) đạt được mức EGDI "Rất cao".

Theo Cisco (2024), trong năm 2024 chỉ có 22% các tổ chức tại Việt Nam đã hoàn toàn sẵn sàng triển khai và tận dụng các công nghệ AI, giảm so với mức 27% của năm 2023 (Cisco, 2024). Sự suy giảm này nhấn mạnh những thách thức mà các công ty phải đối mặt trong việc áp dụng, triển khai và khai thác tối đa AI. Với sự phát triển nhanh chóng của thị trường và tác động đáng kể mà AI dự kiến sẽ đem lại đối với các hoạt động kinh doanh, khoảng cách về mức độ sẵn sàng này trở nên đặc biệt quan trọng. Chỉ số này dựa trên khảo sát đối với 3.660 nhà lãnh đạo cấp cao từ doanh nghiệp có quy mô 500 nhân viên trở lên tại 14 thị trường thuộc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Nhật Bản và Trung Quốc (APJC). Các nhà lãnh đạo này chịu trách nhiệm tích hợp và triển khai AI trong tổ chức của họ. Chỉ số Sẵn sàng AI được đo lường trên sáu trụ cột: chiến lược, cơ sở hạ tầng, dữ liệu, quản lý, nhân tài và văn hoá. Tại Việt Nam, 100% các công ty đều báo cáo rằng nhu cầu triển khai AI ngày càng tăng trong năm qua, chủ yếu đến từ sự thúc đẩy của CEO và ban lãnh đạo. Bên cạnh đó, các công ty đang cam kết một nguồn lực lớn cho AI, với 48% công ty báo cáo rằng có tới 10% đến 30% ngân sách CNTT của họ được phân bổ cho việc triển khai AI. Mặc dù đã đầu tư đáng kể vào AI trong các lĩnh vực chiến lược như an ninh mạng, cơ sở hạ tầng CNTT, phân tích và quản lý dữ liệu, nhiều công ty báo cáo rằng lợi nhuận từ các khoản đầu tư này không đáp ứng được kỳ vọng của họ. Mức độ sẵn sàng cho AI suy giảm trên tất cả các trụ cột với cơ sở hạ tầng được xác định là thách thức chính: Một trong những sự suy giảm lớn nhất là về sự sẵn sàng của cơ sở hạ tầng với những khoảng trống trong tính toán,

hiệu suất mạng trung tâm dữ liệu, an ninh mạng cùng các yếu tố khác. Chỉ có 38% tổ chức có GPU cần thiết để đáp ứng nhu cầu AI hiện tại lẫn trong tương lai và 39% có khả năng bảo vệ dữ liệu trong các mô hình AI với mã hoá từ đầu đến cuối, kiểm toán bảo mật, giám sát liên tục và phản ứng tức thời với các mối đe dọa tiềm ẩn.

Nhìn về phía trước, tương lai của AI tại Việt Nam rất hứa hẹn. Với tầm nhìn rõ ràng và cam kết đổi mới, Việt Nam đang sẵn sàng trở thành quốc gia dẫn đầu khu vực về AI, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và tiến bộ công nghệ của đất nước. Hành trình của AI tại Việt Nam là minh chứng cho khả năng phục hồi, khả năng thích ứng và quyết tâm của đất nước trong việc nắm bắt kỷ nguyên số và khai thác sức mạnh của AI vì một tương lai tươi sáng hơn.

### **6.1.2. Các động lực phát triển công nghệ AI tại Việt Nam**

Sự phát triển của công nghệ AI tại Việt Nam đang diễn ra sôi động và được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố khác nhau. Với chiến lược quốc gia rõ ràng, sự hỗ trợ mạnh mẽ của chính phủ và sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân, Việt Nam đang ở vị thế tốt để trở thành quốc gia dẫn đầu khu vực về AI. Sự hợp tác liên tục với các nhà lãnh đạo công nghệ toàn cầu và tập trung vào việc phát triển nhân tài và cơ sở hạ tầng AI sẽ là chìa khóa để hiện thực hóa khát vọng hùng cường của Việt Nam.

Dưới đây là một số động lực chính:

#### *Thứ nhất, nỗ lực của Chính phủ về phát triển công nghệ AI*

Thời gian gần đây, Chính phủ liên tục có các động thái thể hiện bằng những chính sách thiết thực khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển của công nghệ AI tại Việt Nam. Với tầm nhìn rõ ràng và cam kết đổi mới sáng tạo, Việt Nam đang sẵn sàng trở thành quốc gia dẫn đầu khu vực về AI, góp phần vào tăng trưởng kinh tế và tiến bộ công nghệ của đất nước. Tiêu biểu nhất có thể kể đến trong chính sách phát triển công nghệ AI của Chính phủ như: Quyết định số 127/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 ngày 26/1/2021, với mục tiêu từng bước đưa Việt Nam trở thành một trung tâm đổi mới sáng tạo và AI nằm trong Top 4 của khu vực ASEAN, top 50 của thế giới (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Mục tiêu của chiến lược hướng tới việc xây dựng một hệ thống sinh thái AI mạnh mẽ, nơi các doanh nghiệp, nhà nghiên cứu và nhà tư vấn có thể cùng nhau phát triển các giải pháp AI tiên tiến. Đồng thời, chiến lược tập trung vào việc ứng dụng AI vào các lĩnh vực như y tế, nông

nghiệp, công nghiệp, tài chính, để nâng cao hiệu quả và chất lượng cuộc sống, tạo ra nguồn nhân lực năng động có kiến thức và kỹ năng về AI để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chiến lược này đã giúp định hình khung pháp lý và hoạt động đầu tư phát triển và ứng dụng AI trên nhiều lĩnh vực tại Việt Nam một cách mạnh mẽ.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Thủ tướng Chính phủ chủ trì làm việc với nhiều lãnh đạo tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới, doanh nghiệp FDI tìm hiểu cơ hội mở rộng đầu tư tại Việt Nam (như Apple, Intel, NVIDIA, Foxconn, Meta, Synopsys, Microsoft, SpaceX, Samsung...), đề nghị tăng cường hợp tác, đồng hành với Việt Nam thực hiện chuyên giao công nghệ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực bán dẫn, công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao khả năng hiện thực hóa và thúc đẩy sự phát triển của AI tại Việt Nam, ngày 31/12/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 182/2024/NĐ-CP quy định việc thành lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp công nghệ cao, áp dụng từ năm tài chính 2024 (Thủ tướng Chính phủ, 2024). Theo đó, các doanh nghiệp này nếu đáp ứng các tiêu chí sẽ được hỗ trợ chi phí từ Quỹ hỗ trợ đầu tư, bao gồm hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu và hỗ trợ chi phí hàng năm. Với hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu, doanh nghiệp có thể nhận hỗ trợ lên đến 50% chi phí đầu tư ban đầu cho các dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực bán dẫn, công nghệ AI, và các dự án có tác động tích cực đến hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ mới. Với Hỗ trợ chi phí hàng năm, doanh nghiệp sẽ nhận được hỗ trợ cho các hoạt động như đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển, đầu tư tài sản cố định, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, đầu tư công trình hạ tầng xã hội, và các trường hợp khác theo quyết định của Chính phủ, quan trọng hơn quỹ sẽ chi trực tiếp bằng tiền để hỗ trợ doanh nghiệp trong các hạng mục này. Nghị định 182/2024/NĐ-CP với các chính sách hỗ trợ cụ thể, không chỉ giúp các doanh nghiệp công nghệ cao trong nước sẽ có thêm nguồn lực để tăng cường năng lực sản xuất và cạnh tranh, mà còn tạo điều kiện nền tảng cho các doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển những sản phẩm công nghệ cao (Thủ tướng Chính phủ, 2024). Từ đó, giúp Việt Nam có cơ hội rút ngắn khoảng cách về công nghệ với các nước phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực mũi nhọn như bán dẫn, công nghệ

AI, và sản xuất công nghệ cao, từ đó gia tăng khả năng cạnh tranh của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Quan trọng hơn, trong thời gian qua, Việt Nam đã nỗ lực thúc đẩy hợp tác quốc tế với nhiều doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ AI hàng đầu thế giới, tiêu biểu nhất có thể kể đến Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với NVIDIA về việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Trí tuệ nhân tạo (AI), được gọi là VRDC (Vietnam Research and Development Center), cùng với Trung tâm Dữ liệu AI tại Việt Nam vào chiều 05/12/2024, tại trụ sở Chính phủ dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Phạm Minh Chính và ông Jensen Huang, nhà sáng lập, Chủ tịch Tập đoàn NVIDIA. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam cũng mạnh dạn đầu tư và tài trợ cho một số dự án liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI). Một trong những dự án nổi bật là dự án "Việt Nam AI" do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam (VAST) và các đối tác quốc tế thực hiện. Dự án này bắt đầu vào năm 2023 và nhằm nâng cao khả năng ứng dụng AI trong giáo dục và nghiên cứu, đồng thời phát triển các mô hình ngôn ngữ tiếng Việt chất lượng cao. Ngoài ra, Chính phủ cũng đã hỗ trợ một số dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ AI trong các trường đại học và viện nghiên cứu như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, và Viện Công nghệ Vật lý (VAST). Hoạt động trực tiếp này của Chính phủ đã tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự phát triển và ứng dụng công nghệ AI trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nói riêng và các lĩnh vực khác nói chung của nền kinh tế tại Việt Nam.

*Thứ hai, sự tham gia mạnh mẽ của các nhóm nghiên cứu, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tại Việt Nam vào phát triển và ứng dụng công nghệ AI*

Tại Việt Nam, sự quan tâm của các doanh nghiệp đối với công nghệ AI đến từ khá sớm. Phần lớn doanh nghiệp Việt Nam đều cố gắng tìm kiếm các giải pháp AI để cải thiện quy trình sản xuất, quản lý và phân tích dữ liệu, từ đó tăng hiệu quả kinh doanh và giảm chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh. Tháng 11/2022, khi Chat GPT (Chat Generative Pre-training Transformer) xuất hiện - đây là một Chatbot được mệnh danh là trí tuệ nhân tạo (AI) thông minh nhất thế giới do công ty khởi nghiệp OpenAI phát triển đã làm cho các doanh nghiệp Việt lĩnh vực AI có thêm động lực phát triển, tăng tốc đầu tư trong lĩnh vực AI và ứng dụng AI vào cuộc sống. Các tập đoàn công nghệ lớn như



FPT Corporation, Viettel và Vingroup đã đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển AI, thúc đẩy đổi mới và thương mại hóa các giải pháp AI.

Tiêu biểu nhất trong việc tham gia mạnh mẽ vào phát triển và ứng dụng công nghệ AI từ sớm tại Việt Nam có những nhà nghiên cứu, những tập đoàn công nghệ lớn như: FPT, Viettel, Vin đóng vai trò đầu tàu. Ngày 21 tháng 11 năm 2020 tại sự kiện Diễn đàn công nghệ giáo dục EDU 4.0, nhóm Open Classroom dưới sự hướng dẫn của chuyên gia về AI Phạm Thành Nam đã cho ra mắt Robot Trí Nhân là người máy trí tuệ nhân tạo đầu tiên của Việt Nam; Tập đoàn FPT đã đầu tư cho những nghiên cứu liên quan từ năm 2013 và tuyên bố sẽ dành ngân sách hơn 13 triệu USD để phát triển sản phẩm FPT. AI chính là nền tảng trí tuệ nhân tạo "Make in Vietnam" thứ hai vừa ra mắt quý 4 năm 2023. Tập đoàn Viettel, Vingroup... cũng đã tập trung nhân lực, trí tuệ vào nghiên cứu và phát triển AI. Các tập đoàn này đã tiên phong đầu tư vào công nghệ siêu máy tính với khả năng thực hiện trên 20 triệu phép tính/giây nhằm giải quyết những vấn đề phức tạp trong tính toán. Tập đoàn Vingroup định hướng phát triển AI vào lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, ô tô thông minh và xe tự lái. Trong khi đó, Viettel lại đặt trọng tâm đầu tư vào các công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, chuyển đổi giọng nói, chữ viết tiếng Việt với độ chính xác cao. Gần 10 năm nghiên cứu AI, tập đoàn Viettel đã phát triển thành công một loạt công nghệ ứng dụng AI trong việc định danh, bảo mật và giám sát an ninh. Đến nay đã có hơn 80.000 cá nhân và tổ chức đăng ký sử dụng nền tảng nền tảng Viettel AI Open Platform. Ngoài ra, Viettel cũng đang phát triển thêm 2 lĩnh vực Robotic và Digital Twin. Tập đoàn VNPT sớm dùng AI để tự động bóc tách dữ liệu ảnh, chuyển đổi thành text và đưa thông tin vào các trường dữ liệu tương ứng, cho phép sử dụng chữ ký điện tử và hồ sơ điện tử, giúp hạn chế tối đa hiện tượng sim rác và rút ngắn thời gian đăng ký thông tin thuê bao xuống tối đa 5 giây.

Hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam cũng phát triển mạnh mẽ, với nhiều công ty khởi nghiệp tập trung vào AI nổi lên trong những năm gần đây. Các công ty như Cinnamon AI, Palexy và Abivin đã được công nhận về các giải pháp AI sáng tạo của họ trong nhiều lĩnh vực, chẳng hạn như bán lẻ, hậu cần và chăm sóc sức khỏe. Các công ty khởi nghiệp này đã thu hút được khoản đầu tư đáng kể từ các công ty đầu tư mạo hiểm trong và ngoài nước, thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của ngành AI tại Việt Nam. Một sản phẩm AI với tên gọi AIDU vừa ra mắt

đã có ngay 4.000 hợp đồng cho thấy các doanh nghiệp công nghệ vừa và nhỏ của Việt Nam cũng có thể tham gia phát triển trí tuệ nhân tạo. Công ty GenAI đã đi vào các lĩnh vực Aidu Power, Aidu Business, Aidu Elite... với 500 trợ lý ảo. Nhiều ngân hàng và doanh nghiệp cũng triển khai ứng dụng công nghệ AI vào hoạt động kinh doanh như: LPBank Chatbot, được triển khai trên website, Zalo Official Account (OA), và hai trang Facebook của ngân hàng này.

Trong khu vực công, từ năm 2022, phần mềm trợ lý ảo pháp luật đã được triển khai tại Tòa án Nhân dân Tối cao nhằm giảm tải công việc của các thẩm phán. Đến tháng 6/2024, đã có 173.206 văn bản pháp luật, 27.610 câu hỏi giải đáp tình huống pháp lý và 1,4 triệu bản án được tích hợp vào trợ lý ảo. Sau một thời gian triển khai, các thẩm phán và trợ lý ảo tương tác trung bình từ 10.000-15.000 lượt/ngày. Dự kiến đến hết năm 2025, trợ lý ảo sẽ được công khai để mọi người có thể truy cập và sử dụng như một công cụ trợ giúp pháp lý, giúp lan tỏa tri thức pháp luật và tiết kiệm chi phí cho xã hội.

Ở lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ AI được Viện Nghiên cứu Lúa Quốc tế (IRRI) ứng dụng để phát triển giống lúa chống chịu khí hậu, hỗ trợ nông dân Việt Nam ứng phó tốt hơn với biến đổi khí hậu. Với sự tham gia mạnh mẽ, ngay từ đầu của các nhóm nghiên cứu, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ AI trong mọi lĩnh vực của đời sống đã tạo ra động lực đủ mạnh để thúc đẩy sự phát triển của công nghệ AI tại Việt Nam.

*Thứ ba, hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực AI đang nhận được sự quan tâm của cả Chính phủ và các doanh nghiệp tại Việt Nam*

Việt Nam đã ký kết nhiều hợp tác quốc tế với các quốc gia và tổ chức hàng đầu trong lĩnh vực AI, nhằm học hỏi kinh nghiệm và công nghệ từ các đối tác quốc tế, cụ thể:

*Về phía Chính phủ:*

Tháng 4 năm 2024: Hội nghị AI Connect II được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh, với sự tham gia của các đại biểu từ 15 quốc gia trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và Hội đồng Đại Tây Dương tổ chức, hợp tác với Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Chương trình AI Connect được thiết kế nhằm trao quyền cho các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình ở Nam bán cầu, bao gồm Việt Nam, để tham gia hiệu quả hơn vào chính sách AI quốc tế. Hội thảo có sự tham gia của 44 người tham gia được lựa chọn

trong chương trình AI Connect II từ Nam Á và Đông Nam Á, cũng như đại diện cấp cao trong khu vực từ các công ty công nghệ, chính phủ và các tổ chức khu vực. Hội nghị kéo dài ba ngày, kết thúc vào ngày 24 tháng 4 đánh dấu thời điểm quan trọng trong việc thúc đẩy chính sách và phát triển AI có trách nhiệm trên khắp Nam Á và Đông Nam Á, với sự tham gia của những người tham gia vào các cuộc thảo luận sôi nổi, chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi chuyên môn từ các chuyên gia nổi tiếng toàn cầu, đồng thời khám phá các nghiên cứu điển hình và thông lệ tốt nhất có liên quan đến khu vực. Hội nghị cung cấp một nền tảng độc đáo cho việc kết nối và hợp tác giữa các nhà hoạch định chính sách quốc tế, các học viên, học giả và đại diện khu vực tư nhân cam kết định hình tương lai của AI. Họ sẽ nhận được sự hỗ trợ và cơ hội để tham gia với các chuyên gia về chủ đề này thông qua một cộng đồng thực hành toàn cầu được củng cố bởi các mạng lưới phụ khu vực.

Tháng 9 năm 2024: Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hội thảo "Tăng cường hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong phát triển ngành công nghiệp bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI)" tại New York, để cải thiện hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong lĩnh vực phát triển công nghệ AI và vi mạch. Sự kiện có sự tham dự của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, trong khuôn khổ chuyến công tác Hoa Kỳ. Hội thảo là cam kết của Việt Nam trong việc cải thiện và tạo môi trường đầu tư tối ưu nhất cho các nhà đầu tư trong các lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, trong đó có AI và bán dẫn. Tại hội thảo, đại diện các công ty công nghệ hàng đầu của Hoa Kỳ đã chia sẻ kinh nghiệm và chỉ ra tiềm năng, cơ hội hợp tác với Việt Nam trong ngành bán dẫn và AI, giúp quốc gia Đông Nam Á này tận dụng cơ hội để tham gia vào chuỗi giá trị bán dẫn và AI toàn cầu.

Ngày 5/12/2024, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng, đại diện Chính phủ Việt Nam và Phó chủ tịch điều hành toàn cầu NVIDIA Jay Puri đã ký kết thỏa thuận hợp tác về việc thành lập trung tâm nghiên cứu, phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) và Trung tâm Dữ liệu AI tại Việt Nam, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Phạm Minh Chính và Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc điều hành NVIDIA Jensen Huang. Việc thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển AI của NVIDIA và Trung tâm dữ liệu AI của Viettel, sử dụng công nghệ của NVIDIA, sẽ cung cấp một nền tảng quan trọng để NVIDIA và các đối tác trong nước thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và triển khai các công nghệ AI tiên tiến.

Sự hỗ trợ của NVIDIA trong lĩnh vực AI sẽ giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển công nghệ cao, đặc biệt là AI, đồng thời thúc đẩy Đông Nam Á trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, các trung tâm này được kỳ vọng sẽ đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ các sáng kiến nghiên cứu AI, phát triển các ứng dụng AI, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp, đồng thời tạo ra cơ hội việc làm cho nguồn nhân lực tài năng của Việt Nam.

Tháng 1 năm 2025: Amandeep Singh Gill, đặc phái viên về Công nghệ Mới và Công nghệ Đang Phát triển của Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc, đến thăm Việt Nam và thảo luận về việc hợp tác trong công nghệ số và AI. Trao đổi tại trụ sở Chính phủ và tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Phó Tổng Thư ký Liên hợp quốc Amandeep Singh Gill cho biết tại Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai tổ chức vào tháng 9/2024 ở New York (Mỹ), đã thông qua Thỏa thuận số toàn cầu (Global Digital Compact-GDC) với mong muốn tạo ra những yếu tố ổn định và quản trị các yếu tố khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ mới nổi vì lợi ích của con người và xã hội. Thỏa thuận này tạo tiền đề cho hợp tác quốc tế cũng như tăng cường tính đoàn kết, hợp tác trong lĩnh vực công nghệ số, trí tuệ nhân tạo. Với ý nghĩa đó, ông Amandeep Singh Gill cho biết chuyến thăm Việt Nam lần này của ông là chuyến công tác nước ngoài đầu tiên sau khi Liên hợp quốc thành lập bộ phận mới về công nghệ số và công nghệ mới nổi. Trong chuyến thăm này, phía Liên hợp quốc bày tỏ sự sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam trong hành trình tăng trưởng và mục tiêu đầy tham vọng về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và AI.

#### *Về phía doanh nghiệp:*

Sự phát triển AI của Việt Nam đã được thúc đẩy thông qua các hoạt động hợp tác và quan hệ đối tác với các nhà lãnh đạo công nghệ và viện nghiên cứu toàn cầu. Các quan hệ đối tác đáng chú ý bao gồm sự hợp tác giữa Qualcomm và các công ty công nghệ Việt Nam. Khoản đầu tư của Qualcomm vào các phòng thí nghiệm kỹ thuật tiên tiến tại Hà Nội đã cung cấp các cơ sở thiết yếu để thử nghiệm và tạo mẫu, trao quyền cho các đối tác địa phương và Nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM) theo sáng kiến "Make in Vietnam". Sự hợp tác này không chỉ nâng cao năng lực sản xuất của Việt Nam mà còn thúc đẩy đổi mới trong các giải pháp AI, IoT và thành phố thông minh. Ngoài Qualcomm, các gã khổng lồ công nghệ như Google, Microsoft và Nvidia đã thiết lập quan hệ đối

tác với các trường đại học, trung tâm nghiên cứu và công ty công nghệ của Việt Nam. Những sự hợp tác này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao kiến thức, xây dựng năng lực và tiếp cận các công nghệ tiên tiến. Ví dụ, quan hệ đối tác của Nvidia với các nhà lãnh đạo công nghệ của Việt Nam đã mở rộng năng lực của đất nước trong nghiên cứu và phát triển AI, mở ra những cơ hội mới cho các công ty khởi nghiệp và công ty đã thành lập của Việt Nam để đổi mới và cạnh tranh trên quy mô toàn cầu.

Ngày 30/6/2022, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) và Tập đoàn NVIDIA (Hoa Kỳ) đã tổ chức lễ ký kết Biên bản ghi nhớ thiết lập quan hệ đối tác chiến lược về Trí tuệ nhân tạo (AI) để thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ AI tại Viettel & Việt Nam. Viettel là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam và là 1 trong số 5 doanh nghiệp tại khu vực Đông Nam Á chính thức thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược với NVIDIA, một trong những tập đoàn cung cấp giải pháp cho AI lớn nhất thế giới. Các giải pháp của NVIDIA được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực AI với hơn 2/3 siêu máy tính nhanh nhất thế giới sử dụng công nghệ của tập đoàn này. Việc thiết lập quan hệ đối tác với các đối tác hàng đầu thế giới, trong đó có NVIDIA, thể hiện quyết tâm đầu tư vào công nghệ trí tuệ nhân tạo của Viettel. Hợp tác giữa Viettel và NVIDIA được kỳ vọng sẽ đẩy nhanh tốc độ nghiên cứu và ứng dụng AI trong các lĩnh vực như thị giác máy tính, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, bản sao số, Robotica, ... Theo thỏa thuận này, Viettel tham gia vào mạng lưới đối tác toàn cầu của NVIDIA, đánh dấu cột mốc quan trọng trong việc thực hiện chiến lược AI quốc gia, góp phần đưa các giải pháp AI của Viettel ra thị trường quốc tế.

Ngày 04 tháng 07 năm 2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh, VinAI phối hợp với Viettel IDC và Qualcomm tổ chức lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác chiến lược về nghiên cứu, phát triển và tăng cường cung cấp, ứng dụng các giải pháp AI tại Việt Nam. Theo thỏa thuận, Viettel IDC sẽ tích hợp các giải pháp của VinAI dựa trên nền tảng Qualcomm vào các sản phẩm và dịch vụ của mình. Hoạt động hợp tác này giữa các bên thể hiện rất rõ chiến lược tăng cường quan hệ đối tác và mở rộng hệ sinh thái dịch vụ. Sự hợp tác này nhằm mục đích mang lại trải nghiệm tối ưu và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, phù hợp với mô hình “One Stop Shopping” nơi mọi yêu cầu có thể được đáp ứng tại một nơi.

FPT Corporation đã hợp tác với IBM và Microsoft để phát triển các giải pháp AI và trí tuệ nhân tạo cho doanh nghiệp thông qua một số hoạt động cụ thể như: FPT và IBM đã đồng tổ chức Hội thảo tại Hà Nội vào ngày 16 tháng 11 năm 2024 có tựa đề "Digital Future: AI and Data Lead the Game". Hội thảo này nhằm thảo luận về ứng dụng của AI và big data trong ngành ngân hàng và tài chính. FPT và IBM chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn và các giải pháp công nghệ tiên tiến giúp nâng cao cạnh tranh của các ngân hàng trong thời kỳ số hóa. Bên cạnh đó, FPT hợp tác với Microsoft trong nhiều dự án liên quan đến AI và trí tuệ nhân tạo, nhằm cung cấp các giải pháp AI cho doanh nghiệp. Ví dụ điển hình là việc triển khai các chatbot và trợ lý ảo AI để cải thiện dịch vụ khách hàng, cung cấp phản hồi nhanh chóng và cá nhân hóa.

Như vậy, có thể thấy những hợp tác quốc tế trong lĩnh vực AI không chỉ được thúc đẩy, tăng cường bởi Chính phủ mà còn nhận được sự hưởng ứng và khát khao của các doanh nghiệp trong nước. Điều này không chỉ giúp Việt Nam mở rộng quan hệ đối tác và hệ sinh thái dịch vụ AI, nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghệ AI, nâng cao cạnh tranh trong lĩnh vực công nghệ số của Việt Nam.

*Thứ tư, sự quan tâm của các tổ chức học thuật và nghiên cứu về công nghệ AI tại Việt Nam*

Đóng góp của các tổ chức học thuật và nghiên cứu trong việc hình thành và phát triển công nghệ AI tại Việt Nam là điều không thể phủ nhận. Sự tham gia mạnh mẽ của các tổ chức học thuật và các viện nghiên cứu tại Việt Nam đối với công nghệ AI đã giúp bồi dưỡng lực lượng lao động kỹ thuật số và AI có tay nghề cao. Những yếu tố đó sẽ cho phép Việt Nam khai thác nguồn nhân tài rộng lớn hơn, thúc đẩy hệ sinh thái số toàn diện hơn.

Các trường đại học hàng đầu như Đại học Bách khoa Hà Nội (HUST), Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU) và Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (HCMUT) đã đi đầu trong nghiên cứu và giáo dục về AI. Các tổ chức này đã thành lập các trung tâm nghiên cứu AI, xây dựng chương trình giảng dạy chuyên ngành và hợp tác với các đối tác quốc tế để nâng cao kiến thức và kỹ năng về AI. Ví dụ, Viện John von Neumann tại VNU-HCM là trung tâm nghiên cứu AI, tập trung vào các lĩnh vực như học máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên và robot. Ngoài ra, việc thành lập Viện Nghiên cứu cao

cấp về toán học Việt Nam (VIASM) đã đặt nền móng cho các nghiên cứu liên ngành về AI và các lĩnh vực liên quan cũng như các ứng dụng thực tiễn của AI vào cuộc sống. Bên cạnh đó, các tổ chức giáo dục tại Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp AI. Các chương trình đào tạo về AI tại các trường đại học và viện nghiên cứu không chỉ trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết mà còn cung cấp các kỹ năng thực hành qua các dự án nghiên cứu và thực tập tại các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu. Điều này giúp tạo ra một thế hệ chuyên gia AI có khả năng ứng dụng và phát triển công nghệ AI trong nhiều lĩnh vực khác nhau như y tế, giáo dục, công nghiệp, và nông nghiệp. Cùng với đó, các tổ chức giáo dục tại Việt Nam thường xuyên hợp tác với các đối tác quốc tế để tiếp cận công nghệ và kiến thức mới nhất về AI. Chẳng hạn, Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh đã hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu hàng đầu thế giới để thực hiện các dự án nghiên cứu chung, tổ chức các hội thảo và hội nghị về AI. Sự hợp tác này không chỉ giúp nâng cao năng lực nghiên cứu của các tổ chức giáo dục tại Việt Nam, mà còn tạo ra các cơ hội học tập và nghiên cứu cho sinh viên và nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài. Thông qua các dự án hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức giáo dục và các viện nghiên cứu tại Việt Nam đã đưa ra các giải pháp AI cụ thể giúp giải quyết các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp và xã hội. Ví dụ, Viện Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Bách khoa Hà Nội đã phát triển các giải pháp AI cho việc chẩn đoán bệnh tật và quản lý hồ sơ bệnh án điện tử, giúp nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và giảm thiểu sai sót trong chẩn đoán và điều trị.

Có thể thấy, các tổ chức học thuật và các viện nghiên cứu tại Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường ươm tạo, sáng tạo, khởi nghiệp và nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực công nghệ AI. Điều này không chỉ giúp thúc đẩy sự phát triển của công nghệ AI mà còn tạo ra những cơ hội kinh doanh mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

*Thứ năm, Việt Nam có nguồn dân số trẻ, đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng*

Vào thời điểm hiện tại, Việt Nam có dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào quan tâm đến việc học tập và làm việc trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, tiếp cận nhanh với các công nghệ mới. Các trường đại học

hàng đầu Việt Nam như Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Quốc gia TP.HCM đều có những ngành đào tạo chuyên về trí tuệ nhân tạo. Đây là điều kiện rất thuận lợi để Việt Nam có đủ nguồn lực tương lai nhằm phát triển AI sâu rộng trong các ngành công nghiệp và nhiều lĩnh vực khác nhau.

Theo thống kê của Phòng Kinh tế và xã hội Liên hợp quốc, dân số hiện tại của Việt Nam là 101.310.086 người vào ngày 14/01/2025. Dân số Việt Nam hiện chiếm 1,24% dân số thế giới với độ tuổi trung bình là 32,9 tuổi, đứng thứ 15 trên thế giới trong bảng xếp hạng dân số các nước và vùng lãnh thổ. Các số liệu thống kê và dự báo này cho thấy, trong giai đoạn từ năm 2025 - 2050, Việt Nam là nước có cơ cấu dân số trẻ với độ tuổi trung bình dao động từ 32,9 đến 41,2 tuổi. Điều này khiến cho Việt Nam được đánh giá là thời kỳ có cơ cấu dân số vàng đạt tỷ lệ cao nhất từ trước tới nay. Đây là những thuận lợi cơ bản để Việt Nam phát triển và ứng dụng công nghệ AI bắt kịp với sự phát triển của thế giới, bởi những người trẻ thường được đánh giá có sự nhanh nhạy trong nắm bắt công nghệ mới, thích trải nghiệm những sản phẩm dịch vụ mới có nhiều tiện ích. Đồng thời, tầng lớp dân cư thuộc lứa tuổi từ 32,9 - 41,2 tuổi cũng là tầng lớp dân cư thường đã có công việc và thu nhập ổn định nên việc chi tiêu và trải nghiệm công nghệ mới cũng thường xuyên và ổn định hơn. Chính vì vậy, trong giai đoạn 2025 - 2050, dân cư xã hội số tại Việt Nam được dự báo cũng sẽ tăng lên nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Sự tăng trưởng nhanh chóng của dân số trẻ, năng động đã, đang và sẽ tiếp tục, tạo động lực định hình và thúc đẩy sự phát triển của công nghệ AI tại Việt Nam.

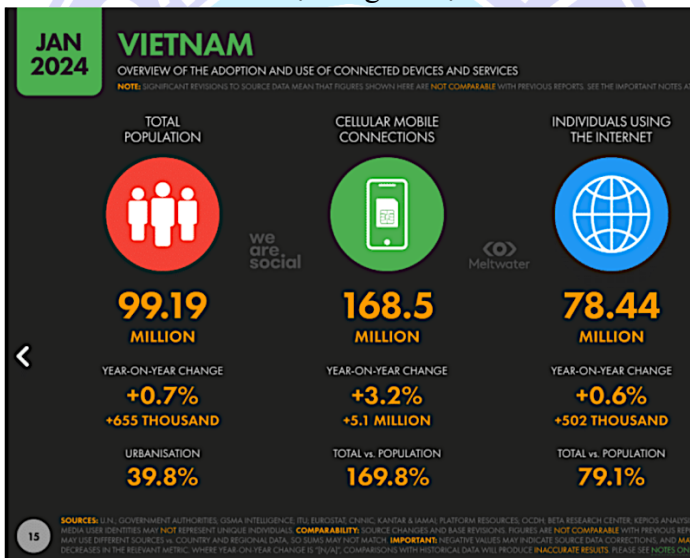
**Bảng 6.2. Dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025**

Năm	Dân số	% thay đổi	Thay đổi	Di cư	Tuổi trung bình	Tỷ lệ sinh	Mật độ	% dân thành thị	Dân thành thị	% thế giới	Thế giới	Hạng
2020	97338579	0.99	932301	-80000	32.5	2.06	314	37.7	36727248	1.25	7794798739	15
2025	101106835	0.76	753651	-92816	34.6	2.06	326	41.6	42039428	1.24	8184437460	16
2030	104163519	0.60	611337	-88025	36.7	2.06	336	45.4	47248046	1.22	8548487400	16
2035	106296108	0.41	426518	-83146	38.5	2.06	343	49.1	52215812	1.20	8887524213	16
2040	107795031	0.28	299785	-83147	39.7	2.06	348	52.8	56944758	1.17	9198847240	16
2045	108901037	0.20	221201	-82955	40.4	2.06	351	56.4	61416054	1.15	9481803274	17
2050	109605011	0.13	140795		41.2	2.06	353	60.0	65711413	1.13	9735033990	16

Nguồn: (Danso, 2024)



Báo cáo của We Are Social & HootSuite (2024) cho thấy, tỷ lệ người dùng Internet tại Việt Nam đã tăng đáng kể từ 67% vào năm 2020 lên 79,1% vào đầu năm 2024 (We are Social, 2024). Điều này cho thấy sự phổ biến Internet ngày càng rộng rãi. Việt Nam có 72,70 triệu người dùng mạng xã hội vào tháng 1 năm 2024, tương đương với 73,3% tổng dân số. Tổng cộng có 168,5 triệu kết nối di động đang hoạt động tại Việt Nam vào đầu năm 2024, tương đương với 169,8% tổng dân số. Cũng theo báo cáo nhóm người dùng trẻ tuổi vẫn chiếm tỷ lệ lớn, tuy nhiên, sự tăng đáng kể của người dùng trung niên và cao tuổi cho thấy sự phổ biến của Internet đến mọi tầng xã hội.



Nguồn: (We are Social, 2024)

**Hình 6.2. Tỷ lệ người dùng Internet tại Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024**

Nguồn dân số trẻ, năng động với tỷ lệ thâm nhập Internet cao, khả năng thích ứng và chấp nhận công nghệ lớn đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy sự phát triển của công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), khiến Việt Nam trở thành một quốc gia có tiềm năng lớn để trở thành một trong những nền tảng hàng đầu trong lĩnh vực AI trong khu vực và trên thế giới.

### 6.1.3. Chính sách phát triển công nghệ AI của Việt Nam

Ở góc độ chính sách, từ năm 2014, công nghệ AI đã được đưa vào danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển tại Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ, 2014). Tiếp đó, Chỉ thị 16/CT-TTg ngày

04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) đã xác định công nghệ AI là một trong các công nghệ đột phá, mũi nhọn của cuộc CMCN 4.0, cần tổ chức triển khai nghiên cứu nhưng chưa có những nội dung cụ thể thúc đẩy phát triển AI (Thủ tướng Chính phủ, 2017). Nghị quyết phiên họp Chính phủ tháng 3/2018 đã đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá tác động và xây dựng Chiến lược quốc gia về cuộc CMCN 4.0. Năm 2018, lần đầu tiên, Việt Nam tổ chức sự kiện thường niên “Ngày hội Trí tuệ nhân tạo” do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì. Từ đó đến nay, “Ngày hội Trí tuệ nhân tạo” đã trở thành một sự kiện khoa học tin cậy, thu hút sự quan tâm của đông đảo các cơ quan ban hành chính sách, quản lý, tập đoàn công nghệ, đơn vị nghiên cứu... cùng chung tay thúc đẩy sự phát triển hệ sinh thái trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam. Cũng trong năm 2018, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 950/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2018). Mục tiêu của đề án là phát triển đô thị thông minh bền vững ở Việt Nam hướng tới tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, khai thác, phát huy các tiềm năng và lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; khai thác tối ưu hiệu quả tài nguyên, con người, nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời đảm bảo tạo điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia hiệu quả nghiên cứu, đầu tư xây dựng, quản lý phát triển đô thị thông minh; hạn chế các rủi ro và nguy cơ tiềm năng; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và các dịch vụ đô thị; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, hội nhập quốc tế. Hình thành các chuỗi đô thị thông minh khu vực phía Bắc, miền Trung, phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long, lấy thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Cần Thơ là hạt nhân, hình thành mạng lưới liên kết các đô thị thông minh.

Năm 2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Chính phủ giao xây dựng đề án thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia theo mô hình của thế giới với những thể chế vượt trội và cạnh tranh, Trung tâm khởi công tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc vào cuối năm 2019 với mục tiêu phát triển thành công những ý tưởng công nghệ sáng tạo mang tính đột phá của người Việt, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Bộ Kế hoạch và Đầu tư còn hỗ trợ khơi thông nguồn vốn cho AI qua các quỹ đầu tư trong nước và quốc tế như sự kiện Vietnam Venture

Summit (tháng 6/2019); thành lập quỹ Global Fund nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đưa tri thức Việt Nam ra thế giới; kết nối 18 quỹ đầu tư quốc tế và trong nước cam kết đầu tư 425 triệu USD cho các startup của Việt Nam; đồng thời, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực với sự kiện thành lập Mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam, quy tụ các chuyên gia công nghệ và cộng đồng AI (năm 2018).

Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2117/QĐ-TTg, ban hành danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Thủ tướng Chính phủ, 2020a). Ở lĩnh vực công nghệ số, danh mục công nghệ ưu tiên gồm: Trí tuệ nhân tạo; Internet vạn vật; công nghệ phân tích dữ liệu lớn; công nghệ chuỗi khối; điện toán đám mây... Trong số đó, Bộ Khoa học và Công nghệ xác định AI là công nghệ được ưu tiên hàng đầu<sup>(2)</sup>. Cũng trong năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 749/QĐ-TTg Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (Thủ tướng Chính phủ, 2020b). Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và đòi hỏi khách quan của sự phát triển trong thời đại ngày nay, mở ra cơ hội cho các quốc gia bứt phá vươn lên. Tại Việt Nam, tiến trình chuyển đổi đang diễn ra rất mạnh mẽ, sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã đặt ra mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu. Trong đó:

- **Chính phủ số sẽ giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy chính phủ**, giúp cải thiện sự ổn định và minh bạch chính sách, nâng cao chất lượng các dịch vụ công cung cấp cho xã hội, hình thành các hạ tầng công nghệ và nền tảng dữ liệu quốc gia phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Đây chính là những nền tảng hết sức quan trọng để phát triển kinh tế số và xã hội số.

- **Kinh tế số được hình thành sẽ tạo ra một thị trường với quy mô giá trị tăng theo cấp số nhân** nhờ các mô hình kinh doanh mới, các kênh kết nối người bán đến người mua theo các phương thức mới, năng lực sản xuất ở cấp độ cao hơn nhờ công nghệ số và nguồn dữ liệu khổng lồ, giúp tạo ra sức cạnh tranh mới cho thị trường và các dự địa tăng trưởng mới cho nền kinh tế. Kinh tế số chính là động lực để

“đánh thức” các doanh nghiệp từ tác động của dịch bệnh và nhanh chóng vươn mình phát triển để giúp nền kinh tế sớm phục hồi và phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn mới.

- **Xã hội số giúp hình thành những công dân số** được trang bị tốt về kỹ năng số (ứng dụng và sử dụng công nghệ), nhận thức số (về an toàn an ninh mạng, sở hữu trí tuệ...) để có thể nhanh chóng thích ứng với các trạng thái xã hội mới, cùng với đó là nền tảng hạ tầng số phủ khắp toàn dân (phủ cập điện thoại thông minh, internet băng rộng, phủ sóng 4G...) giúp mỗi người dân vừa có thể trở thành một người tiêu dùng vừa có thể là một doanh nghiệp siêu nhỏ.

Đầu năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 127/QĐ-TTg, ngày 26/1/2021, “Về Chiến lược Quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030” (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Chiến lược này đưa ra mục tiêu cụ thể nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng, đưa trí tuệ nhân tạo trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam trong Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và từng bước đưa Việt Nam trở thành điểm sáng về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI trong khu vực và trên thế giới<sup>(3)</sup>. Chiến lược này nhằm mục đích biến AI thành công nghệ nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Một trong những đặc điểm chính của các chính sách này là tập trung vào phát triển nhân tài. Chính phủ nhân mạnh nhu cầu xây dựng nhóm nhân tài AI mạnh mẽ thông qua các chương trình giáo dục và đào tạo tại các trường đại học và viện nghiên cứu. Học bổng, trợ cấp và ưu đãi được cung cấp để thu hút và giữ chân những nhân tài hàng đầu trong lĩnh vực này. Ngoài ra, chiến lược này còn nhân mạnh tầm quan trọng của cơ sở hạ tầng và nguồn lực AI. Các khoản đầu tư được hướng đến các cơ sở điện toán hiệu suất cao, trung tâm dữ liệu và các cơ sở hạ tầng quan trọng khác để hỗ trợ nghiên cứu và phát triển AI. Một đặc điểm quan trọng khác là khuôn khổ pháp lý được thiết kế để đảm bảo việc sử dụng AI có đạo đức và có trách nhiệm. Chính phủ đang xây dựng các quy định rõ ràng và hướng dẫn đạo đức để giải quyết các vấn đề như quyền riêng tư dữ liệu, thiên vị thuật toán và trách nhiệm giải trình. Hợp tác quốc tế cũng là một thành phần quan trọng trong các chính sách AI của Việt Nam. Chính phủ tích cực tìm kiếm quan hệ đối tác với các nhà lãnh đạo công nghệ toàn cầu, các viện nghiên cứu và các quốc gia khác để nâng cao năng lực AI của Việt Nam

và hội nhập vào hệ sinh thái AI toàn cầu. Hơn nữa, các chính sách nhấn mạnh việc ứng dụng AI trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm chăm sóc sức khỏe, tài chính, sản xuất, bán lẻ và vận tải. Mục tiêu là tận dụng AI để thúc đẩy đổi mới, cải thiện hiệu quả và tăng cường khả năng cạnh tranh trong các ngành này. Cam kết của chính phủ đối với AI được thể hiện rõ trong các mục tiêu đầy tham vọng, chẳng hạn như đưa Việt Nam trở thành một trong ba quốc gia hàng đầu Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển AI vào năm 2030 và thành lập một trung tâm công nghiệp công nghệ số vào năm 2045.

Để triển khai chiến lược quan trọng trên, ngày 23-6-2021, Bộ Khoa học và Công nghệ có Quyết định số 1678/QĐ-BKHCN, ban hành kế hoạch triển khai "Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030". Bộ Khoa học và Công nghệ tập trung vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về AI ở Việt Nam, cũng như xây dựng kết cấu hạ tầng dữ liệu lớn theo chỉ đạo của Chính phủ.

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan được giao nhiệm vụ tham mưu, định hướng để thúc đẩy phát triển công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó, tập trung nguồn lực cho phát triển AI. Bộ đã phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025 "Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0" (KC4.0/19-25). Đến ngày 11/6/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ có Quyết định số 1290/QĐ-BKHCN hướng dẫn một số nguyên tắc về nghiên cứu, phát triển các hệ thống AI có trách nhiệm, đây là văn bản đầu tiên ở Việt Nam nêu ra một số nguyên tắc chung cần chú ý trong nghiên cứu, phát triển các hệ thống AI có trách nhiệm và khuyến nghị các tổ chức, đơn vị, cá nhân tự nguyện tham khảo, áp dụng trong quá trình nghiên cứu, thiết kế, phát triển cung cấp các hệ thống AI. Đồng thời, Bộ đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển công nghệ AI, tạo mối liên kết giữa các nhà nghiên cứu, nhà đầu tư, các doanh nghiệp nhằm thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng AI.

Tháng 9 năm 2024, dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số vừa được Chính phủ trình Quốc hội số gồm 08 Chương, 72 điều (Công thông tin điện tử Chính phủ, 2024). Việc xây dựng Luật Công nghiệp Công nghệ số (CN CNS) xuất phát từ nhu cầu cần thiết về một hành lang pháp lý nhằm định hướng thúc đẩy sự phát triển của ngành và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam;

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số của Việt Nam. Dự thảo Luật đã dành hẳn một chương để điều chỉnh về trí tuệ nhân tạo nhằm bảo đảm khuyến khích, phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và có biện pháp quản lý, giảm thiểu rủi ro để đảm bảo công nghệ số này được khai thác có trách nhiệm, thúc đẩy lòng tin và đảm bảo an toàn cho con người. Dự thảo Luật nhấn mạnh trí tuệ nhân tạo phục vụ sự thịnh vượng và hạnh phúc của con người, lấy con người làm trung tâm, cải thiện năng suất và hiệu quả công việc; cung cấp quyền truy cập toàn diện, công bằng và không phân biệt đối xử; tôn trọng các giá trị đạo đức, quyền và lợi ích của con người, bảo vệ quyền riêng tư; đảm bảo tính minh bạch, khả năng giải thích, trách nhiệm giải trình và khả năng kiểm soát các thuật toán và mô hình trí tuệ nhân tạo, v.v. Dự thảo Luật quy định về quản lý rủi ro đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo; trách nhiệm của các bên liên quan trong việc phát triển, cung cấp, triển khai, sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo; nhãn và quy trình, thủ tục dán nhãn sản phẩm công nghệ số do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra. Ngoài ra, dự thảo Luật còn quy định cơ chế kiểm tra có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Đây là cơ chế rất quan trọng, mang tính đột phá, tạo hành lang pháp lý đủ mạnh để hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp công nghệ số nói chung và trí tuệ nhân tạo nói riêng.

Gần đây, rất nhiều hội thảo, hội nghị khoa học đã được tổ chức dưới sự chủ trì của Chính phủ, các bộ, ngành với sự tham gia của các tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế. Qua đó, Lãnh đạo Chính phủ đã đưa ra quan điểm về việc đẩy mạnh triển khai AI, coi AI là một công nghệ cho mục đích tổng thể, là công nghệ “nguồn” có tính chất đột phá, dẫn dắt năng suất quốc gia, đưa Việt Nam hướng đến một xã hội an toàn và văn minh, đưa kinh tế – xã hội Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong giai đoạn từ nay đến 2045.

## **6.2. CÁC LĨNH VỰC ỨNG DỤNG NỔI BẬT CỦA CÔNG NGHỆ AI TẠI VIỆT NAM**

Tại thời điểm hiện tại, việc phát triển và ứng dụng công nghệ AI tại Việt Nam trải dài trên nhiều lĩnh vực, thúc đẩy hiệu quả, đổi mới và khả năng cạnh tranh. Theo Báo cáo "*Business Technology Report 2024*" của CPA Australia cung cấp cái nhìn tổng quan về việc ứng dụng công nghệ trong các doanh nghiệp khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, với

những số liệu nổi bật về Việt Nam như 74% doanh nghiệp Việt Nam có chiến lược số hóa, cao hơn mức trung bình 63% của khu vực (Australia, 2024). Điều này góp phần cải thiện mức độ vận dụng công nghệ của các doanh nghiệp Việt và mang lại nhiều lợi ích như thúc đẩy hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao sự hài lòng của nhân viên và củng cố an ninh mạng. Có tới 98% doanh nghiệp Việt Nam cho biết lợi ích chính từ việc đầu tư vào ứng dụng công nghệ là sự cải thiện rõ rệt trong hoạt động kinh doanh, 91% nhận thấy an ninh mạng được tăng cường và 87% thừa nhận sự nâng cao trong trải nghiệm của khách hàng. Các doanh nghiệp Việt Nam coi trọng tính chính xác, bảo mật và quyền riêng tư của dữ liệu tài chính mà họ sở hữu. Thực tế, gần 3/4 doanh nghiệp coi đây là yếu tố cốt lõi nhất. Bảo mật và quyền riêng tư dữ liệu là yếu tố thiết yếu đối với danh tiếng của doanh nghiệp và chất lượng dữ liệu rất quan trọng đối với hiệu quả của AI và các công nghệ khác (Tạ Hiền, 2024). Gần 80% doanh nghiệp Việt Nam đã sử dụng AI trong 12 tháng qua, vượt mức trung bình 69% của khu vực. 46% doanh nghiệp Việt Nam đầu tư nâng cao kỹ năng công nghệ cho toàn bộ đội ngũ, bao gồm cả ban lãnh đạo, so với mức trung bình 40% của khu vực. Những số liệu này cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đang tích cực áp dụng công nghệ và AI để nâng cao hiệu quả và cạnh tranh, đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực công nghệ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng.

### **6.2.1. Ứng dụng AI trong công nghiệp sản xuất**

AI đã trở thành một công cụ chiến lược trong ngành công nghiệp sản xuất, mang lại những cải tiến đột phá về tự động hóa, hiệu suất và tối ưu hóa chi phí. Tại Việt Nam, với sự phát triển của công nghệ 4.0, các doanh nghiệp sản xuất đang tích cực triển khai AI vào mọi khía cạnh của quy trình sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu thị trường.

AI đang cách mạng hóa các doanh nghiệp quản lý chuỗi cung ứng, giúp họ dự đoán nhu cầu, tối ưu hóa kho hàng và cải thiện hiệu quả logistics. Các hệ thống AI phân tích dữ liệu lịch sử và xu hướng tiêu dùng để dự báo chính xác nhu cầu sản phẩm trong tương lai. Điều này giúp doanh nghiệp lập kế hoạch sản xuất và phân phối hiệu quả hơn, tránh tình trạng tồn kho, dư thừa hoặc thiếu hụt. AI hỗ trợ tối ưu hóa tuyến đường vận chuyển và giảm chi phí logistics thông qua phân tích dữ liệu giao thông và điều kiện vận chuyển. Ví dụ, VinFast, một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam, đã triển khai AI để tối ưu hóa quy trình phân phối, từ quản lý kho bãi đến vận chuyển sản

phẩm tới tay khách hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả. AI giúp các nhà máy giảm chi phí lưu kho bằng cách tự động hóa quy trình nhập xuất hàng hóa và tối ưu hóa diện tích kho bãi.

Tự động hóa là một trong những ứng dụng quan trọng nhất của AI trong ngành công nghiệp sản xuất. Các hệ thống robot công nghiệp được trang bị AI không chỉ thay thế lao động thủ công trong các công việc lặp đi lặp lại mà còn mang lại độ chính xác và năng suất cao hơn. Tại các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử của Samsung ở Bắc Ninh và Thái Nguyên, AI được triển khai trong các dây chuyền sản xuất và kiểm soát chất lượng. Những robot này có thể hoạt động liên tục, giảm thiểu lỗi và tăng năng suất sản xuất. AI hỗ trợ điều phối các nguồn lực sản xuất một cách tối ưu, đảm bảo sử dụng hiệu quả các máy móc và lao động. Điều này đặc biệt quan trọng trong các ngành sản xuất quy mô lớn như sản xuất linh kiện điện tử hoặc ô tô. Các camera được tích hợp AI giám sát quá trình sản xuất và kiểm tra từng sản phẩm ngay trên dây chuyền. Hệ thống này có thể phát hiện các lỗi nhỏ nhất mà con người khó nhận biết, từ đó loại bỏ sản phẩm lỗi trước khi chúng ra thị trường. AI không chỉ giúp phát hiện lỗi mà còn phân tích nguyên nhân gốc rễ, từ đó đề xuất các cải tiến trong quy trình sản xuất. Các hệ thống AI có khả năng dự đoán sự cố của máy móc dựa trên dữ liệu cảm biến, từ đó lập kế hoạch bảo trì phòng ngừa để tránh gián đoạn sản xuất.

AI cho phép các nhà máy chuyển đổi linh hoạt giữa các dòng sản phẩm khác nhau mà không làm gián đoạn quy trình sản xuất. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh thị trường yêu cầu sự tùy chỉnh cao và sản xuất theo đơn đặt hàng. AI giúp sản xuất các sản phẩm được tùy chỉnh theo nhu cầu của khách hàng mà không cần thay đổi cấu trúc dây chuyền sản xuất. Nhờ khả năng phân tích dữ liệu thời gian thực, AI hỗ trợ các nhà máy điều chỉnh quy mô sản xuất một cách nhanh chóng để đáp ứng nhu cầu đột biến. Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) ứng dụng AI giúp các nhà máy dệt may chuyển đổi nhanh chóng giữa các loại sản phẩm và tối ưu hóa dây chuyền sản xuất.

Ứng dụng AI trong công nghiệp sản xuất tại Việt Nam đang mở ra một kỷ nguyên mới với hiệu quả cao hơn, chi phí thấp hơn và chất lượng sản phẩm được cải thiện. Từ quản lý chuỗi cung ứng thông minh đến tự động hóa sản xuất và kiểm soát chất lượng, AI không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa.



Đầu tư vào AI sẽ là chìa khóa giúp Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất hàng đầu khu vực.

### **6.2.2. Ứng dụng AI trong giáo dục và đào tạo**

AI đang mang đến những thay đổi đột phá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện trải nghiệm học tập và nâng cao hiệu quả quản lý. Một trong những ứng dụng nổi bật của AI tại Việt Nam là cá nhân hóa học tập, giúp mỗi học sinh có lộ trình học phù hợp với năng lực và sở thích cá nhân. Hiện nay có khoảng 700 công ty EdTech, bao gồm công ty trong nước và công ty nước ngoài, hoạt động và kinh doanh tại Việt Nam. Trong đó khoảng 300 công ty công nghệ và hơn 400 doanh nghiệp hoạt động trong môi trường số. Theo Sách Trắng Edtech Việt Nam 2024, khoảng 60% sản phẩm Edtech (việc áp dụng công nghệ trong giáo dục) ở Việt Nam áp dụng công nghệ AI, đặc biệt là các sản phẩm đào tạo ngoại ngữ. Ngoài ra, năm 2023 cũng được ví như năm của ChatGPT trong các sản phẩm EdTech nổi bật. Trong năm 2023, thống kê của Google Trends cho thấy ChatGPT và OpenAI là 2 từ khóa được tìm kiếm nhiều nhất tại Việt Nam (Edtech, 2024). Ba nền tảng công nghệ giáo dục huy động được nhiều nhất là Equest, Elsa và MindX với các con số tương ứng là 120, 23 và 15 triệu USD. Dự báo đầu tư vào EdTech sẽ tăng khoảng 20% vào năm 2027 so với năm 2023, tập trung vào các sản phẩm về nội dung và đào tạo nâng cao kỹ năng có tích hợp công nghệ AI (Vecom, 2024).

Tại Việt Nam, các nền tảng giáo dục tiên tiến đã nhanh chóng nắm bắt xu thế ứng dụng AI để cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập. Ví dụ, Topica - một nền tảng giáo dục trực tuyến nổi tiếng. Topica sử dụng AI để xây dựng hệ thống học tập cá nhân hóa, giúp học viên được thiết kế lộ trình học tập phù hợp với năng lực và mục tiêu cá nhân. Hệ thống này phân tích dữ liệu học tập của học viên, từ tiến độ hoàn thành bài tập đến mức độ hiểu bài, để đưa ra những nội dung học tập phù hợp và giữ vững động lực học tập. Một ví dụ khác là Edmicro, một nền tảng giáo dục ứng dụng AI để hỗ trợ học sinh ôn luyện hiệu quả, đặc biệt trong các kỳ thi quan trọng như kỳ thi trung học phổ thông quốc gia. Edmicro tích hợp AI vào hệ thống bài giảng và đề thi thử, giúp học sinh làm quen với cấu trúc đề thi và đánh giá được năng lực của mình một cách chính xác. Hệ thống sử dụng AI để phân tích kết quả thi, xác định các điểm mạnh và điểm yếu của học sinh, từ đó đề xuất những bài học và bài tập bổ sung phù hợp.

Không chỉ trong lĩnh vực đào tạo trực tuyến, AI còn được áp dụng hiệu quả trong hệ thống giáo dục truyền thống tại Việt Nam. Các trường học và trung tâm giáo dục đã triển khai các hệ thống chấm điểm tự động và quản lý hành chính thông minh. Ví dụ, một số trường tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đã ứng dụng AI để tự động hóa quy trình chấm bài, đặc biệt đối với các bài kiểm tra trắc nghiệm. Công nghệ này không chỉ giúp giảm tải công việc cho giáo viên mà còn đảm bảo tính minh bạch và chính xác trong đánh giá kết quả học tập. Một số trường đại học cũng đã triển khai hệ thống quản lý dữ liệu học tập tích hợp AI, giúp theo dõi tiến độ học tập và hỗ trợ cố vấn học tập đưa ra những hướng dẫn phù hợp cho từng sinh viên.

Sự kết hợp giữa AI và giáo dục tại Việt Nam không chỉ nâng cao chất lượng học tập và giảng dạy mà còn thúc đẩy sự hiện đại hóa trong quản lý giáo dục. Việc áp dụng AI không chỉ cải thiện hiệu quả giảng dạy mà còn giúp học sinh, sinh viên đạt được kết quả vượt trội, đồng thời tạo ra một môi trường học tập cá nhân hóa và linh hoạt. Với sự phát triển không ngừng của công nghệ, AI hứa hẹn sẽ tiếp tục cách mạng hóa nền giáo dục Việt Nam trong tương lai.

### **6.2.3. Ứng dụng AI trong dịch vụ và thương mại**

Trong lĩnh vực dịch vụ và thương mại, AI đang cách mạng hóa trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa chi phí vận hành và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh. Chatbot và trợ lý ảo tích hợp AI cung cấp dịch vụ khách hàng 24/7, hỗ trợ giải đáp thắc mắc và xử lý giao dịch nhanh chóng. AI phân tích dữ liệu người dùng để cá nhân hóa trải nghiệm, đề xuất sản phẩm hoặc dịch vụ phù hợp, đồng thời quản lý các chương trình khách hàng thân thiết hiệu quả hơn.

Tại Việt Nam, sự phát triển mạnh mẽ của AI đã mang đến những chuyển đổi đáng kể trong lĩnh vực dịch vụ và thương mại, giúp các doanh nghiệp không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, từ đó nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường. Các doanh nghiệp hàng đầu như Tiki, VNPAY và Vincom Retail là những ví dụ tiêu biểu về việc ứng dụng AI để cải thiện trải nghiệm khách hàng và vận hành doanh nghiệp hiệu quả hơn. AI đã trở thành công cụ chiến lược giúp các tổ chức nắm bắt xu hướng, phân tích hành vi tiêu dùng, và đưa ra các giải pháp phù hợp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Trong lĩnh vực thương mại điện tử, Tiki là một minh chứng rõ nét cho sự đổi mới nhờ AI. Tiki ứng dụng công nghệ AI trong việc cá nhân hóa trải nghiệm mua sắm cho từng khách hàng, từ việc đề xuất sản phẩm dựa trên lịch sử mua hàng đến việc phân tích hành vi tiêu dùng để thiết kế các chương trình ưu đãi phù hợp. Hệ thống quản lý kho hàng và logistics của Tiki cũng được tích hợp AI, giúp tối ưu hóa quy trình lưu trữ và vận chuyển hàng hóa. Công nghệ này dự đoán nhu cầu mua sắm của khách hàng theo mùa, tối ưu hóa lượng hàng tồn kho, và đảm bảo hàng hóa được giao đến tay khách hàng một cách nhanh chóng và chính xác. Những cải tiến này không chỉ nâng cao trải nghiệm mua sắm mà còn giúp Tiki tối ưu hóa chi phí vận hành, từ đó tăng khả năng cạnh tranh trong một thị trường thương mại điện tử ngày càng khốc liệt. Cùng với đó là sự đầu tư công nghệ được thực hiện bài bản và đồng bộ tại các trung tâm khai thác vùng với hệ thống dây chuyền chia chọn tự động hiện đại. Ứng dụng AI tích hợp xử lý thông tin, phân tích hình ảnh, hệ thống cho phép chia chọn bưu kiện tốc độ cao chính xác 100% theo hàng trăm hướng đến tận cấp huyện, xã. Điều này không chỉ giúp các đơn vị vận chuyển (ví dụ Vietnam Post) nâng cao năng suất, độ chính xác, rút ngắn đến 70% thời gian khai thác, giao nhận hàng hóa mà còn tối ưu chi phí, mang đến mức giá dịch vụ tốt nhất cho khách hàng (Vecom, 2024).

Trong lĩnh vực tài chính và thanh toán, VNPAY đã tích hợp AI để cải thiện hiệu quả vận hành và mang lại giá trị gia tăng cho người dùng. Hệ thống phân tích dữ liệu lớn của VNPAY giúp hiểu rõ hành vi giao dịch của khách hàng, từ đó đề xuất các sản phẩm và dịch vụ tài chính phù hợp như các chương trình khuyến mãi cá nhân hóa, giảm giá theo thời gian thực hoặc gợi ý thanh toán tiện lợi.

Trong ngành bán lẻ, Vincom Retail đã ứng dụng AI để hiện đại hóa mô hình quản lý và tương tác với khách hàng tại các trung tâm thương mại của mình. Các chatbot và hệ thống gợi ý AI tại Vincom Retail cung cấp thông tin về các sự kiện, chương trình giảm giá, và định hướng khách hàng đến những cửa hàng hoặc sản phẩm mà họ có thể quan tâm. Điều này không chỉ tăng trải nghiệm người dùng mà còn giúp các đối tác của Vincom Retail cải thiện doanh thu và hiệu quả bán hàng.

Ứng dụng AI trong dịch vụ và thương mại tại Việt Nam không dừng ở việc nâng cao trải nghiệm khách hàng, mà còn mở ra cơ hội lớn để tối ưu hóa quy trình vận hành và quản lý. Các hệ thống AI giúp các

doanh nghiệp theo dõi xu hướng tiêu dùng, tối ưu hóa chiến lược marketing và dự đoán nhu cầu thị trường một cách chính xác. Đồng thời, AI đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện các cơ hội tiềm năng và điều chỉnh chiến lược kinh doanh linh hoạt, phù hợp với những thay đổi nhanh chóng của thị trường. Với tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ và nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, việc ứng dụng AI đã trở thành xu hướng không thể thiếu trong ngành dịch vụ và thương mại tại Việt Nam. Những cải tiến nhờ AI không chỉ giúp các doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí và gia tăng lợi nhuận, mà còn góp phần xây dựng một hệ sinh thái kinh doanh bền vững và hiện đại hơn. Trong tương lai, AI sẽ tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong việc định hình ngành dịch vụ và thương mại, thúc đẩy sự phát triển bền vững và gia tăng vị thế cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế.

#### **6.2.4. Ứng dụng AI trong y tế và chăm sóc sức khỏe**

Trong thời kỳ đại dịch COVID-19, các ứng dụng AI đóng vai trò tích cực trong việc truy vết người tiếp xúc khi xuất hiện ổ dịch hoặc ca nhiễm mới trong cộng đồng. Công nghệ này hỗ trợ đội ngũ y tế điều tra lịch trình, thu thập thông tin dịch tễ, và khi số ca nhiễm tăng cao, AI đã giúp đẩy nhanh và chính xác hóa quá trình nhập liệu. Công nghệ chuyển đổi hình ảnh thành văn bản, với sự hỗ trợ của AI, đã số hóa toàn bộ tờ khai và phiếu điều tra dịch tễ, đưa dữ liệu lên hệ thống nhanh chóng. Theo nghiên cứu của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, AI có thể giúp tăng độ chính xác trong chẩn đoán ung thư lên tới 95%. Một số bệnh viện đã bắt đầu triển khai các hệ thống AI để hỗ trợ chẩn đoán ung thư như hệ thống phân tích hình ảnh y tế tự động để phát hiện và đánh giá các khối u, giúp các bác sĩ có thêm dữ liệu chính xác để đưa ra quyết định điều trị (IZISolution, 2024).

Một trong những phần mềm hỗ trợ điều trị COVID-19 nổi bật là DrAid™, được Công ty VinBrain thuộc Tập đoàn Vingroup phát triển từ năm 2019. Đây là phần mềm AI đầu tiên tại Việt Nam giúp chẩn đoán các bệnh về phổi, tim và xương dựa trên hình ảnh X-quang. DrAid™ có thể phát hiện các dấu hiệu bất thường trên ảnh X-quang ngực trong chưa đầy 5 giây, kết hợp với xét nghiệm PCR để tăng độ chính xác và hỗ trợ bác sĩ từ tuyến trung ương đến cơ sở y tế địa phương. Hệ thống Robot Call sử dụng AI để tự động gọi điện hỏi thăm sức khỏe và cập

nhật thông tin y tế cho người dân, góp phần giảm áp lực cho nhân viên y tế. Công nghệ này, tích hợp các chức năng như chuyển đổi văn bản thành giọng nói, chuyển đổi giọng nói thành văn bản và hội thoại thông minh, cho phép thực hiện các cuộc gọi nhanh chóng để truyền tải khuyến cáo hoặc thông tin cần thiết. Hệ thống AI Callbot này, do Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp cùng Bộ Y tế và Đại học Quốc gia Hà Nội triển khai, ban đầu được áp dụng tại Bắc Giang và Bắc Ninh, sau đó mở rộng ra khu vực miền Trung và TP. Hồ Chí Minh (Tạp chí điện tử Thông tin và Truyền thông, 2021). Trong lĩnh vực dược phẩm, AI có ba ứng dụng chính. Thứ nhất, AI giúp thiết kế sản phẩm dược phẩm bằng cách phân tích dữ liệu và mô phỏng để tìm ra các loại thuốc hiệu quả hơn. Thứ hai, AI hỗ trợ vận hành nhà máy sản xuất dược phẩm bằng cách dự đoán và phát hiện sớm các sự cố, cho phép bảo trì chủ động thay vì chờ thiết bị hỏng hóc. Thứ ba, AI được sử dụng trong các hoạt động tư vấn và hỗ trợ văn phòng, như đọc tài liệu, xử lý hóa đơn trong quy trình nhập xuất hàng, hoặc cung cấp trợ lý ảo hỗ trợ bán hàng và người dùng.

### **6.2.5. Đánh giá chung về các lĩnh vực ứng dụng nổi bật của công nghệ AI tại Việt Nam**

#### ***\* Những điểm đạt được***

TTTN đã mang lại nhiều lợi ích đáng kể trong các lĩnh vực sản xuất, giáo dục, thương mại và y tế tại Việt Nam. Trong ngành sản xuất, TTTN giúp nâng cao hiệu suất, giảm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp. Nhiều tập đoàn lớn như VinFast, Samsung và Foxconn đã ứng dụng TTTN thành công, tạo tiền đề cho sự phát triển rộng rãi trong lĩnh vực này. Việc áp dụng TTTN còn giúp giảm lỗi sản phẩm, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong giáo dục, TTTN đóng vai trò quan trọng trong cá nhân hóa trải nghiệm học tập, giúp học sinh tiếp cận nội dung phù hợp với khả năng và nhu cầu. Đồng thời, công nghệ này cũng hỗ trợ cải thiện hiệu quả giảng dạy, giảm tải công việc hành chính cho giáo viên và nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt trong ôn luyện và thi cử. Trong lĩnh vực thương mại, TTTN giúp cá nhân hóa dịch vụ, nâng cao sự hài lòng của khách hàng, đồng thời tối ưu hóa vận hành, giảm chi phí logistics và tài chính. Hơn nữa, TTTN còn hỗ trợ doanh nghiệp dự báo xu hướng thị trường một cách chính xác, giúp họ đưa ra các quyết định chiến lược hiệu quả hơn. Đối với ngành y tế, TTTN đã giúp phát hiện sớm các bệnh lý nguy

hiếm, từ đó tăng hiệu quả điều trị và giảm tải công việc cho bác sĩ. Bên cạnh đó, TTTN còn góp phần tối ưu hóa quản lý y tế, giúp hệ thống chăm sóc sức khỏe hoạt động hiệu quả và chính xác hơn. Nhìn chung, sự phát triển của TTTN tại Việt Nam đã và đang tạo ra những thay đổi tích cực trong nhiều lĩnh vực, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

#### **\* Một số tồn tại**

Mặc dù TTTN mang lại nhiều lợi ích, nhưng việc triển khai công nghệ này vẫn gặp phải nhiều hạn chế tại Việt Nam. Trước tiên, chi phí đầu tư ban đầu cao là một rào cản lớn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, do TTTN đòi hỏi hạ tầng công nghệ tiên tiến và đội ngũ nhân lực chất lượng cao. Theo báo cáo của Navigos (2023), Việt Nam đang thiếu khoảng 60.000 kỹ sư TTTN, khiến quá trình phát triển và ứng dụng công nghệ này gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, hạn chế về dữ liệu cũng là một vấn đề đáng lo ngại, khi nhiều doanh nghiệp chưa có hệ thống dữ liệu đồng bộ để phục vụ TTTN một cách hiệu quả. Trong giáo dục, chi phí triển khai cao khiến các trường học nhỏ và vừa khó có thể ứng dụng TTTN vào giảng dạy. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu đội ngũ giảng viên và kỹ sư TTTN càng làm chậm quá trình số hóa giáo dục, khi theo VietnamWorks (2023), Việt Nam cần bổ sung khoảng 50.000 chuyên gia TTTN để đáp ứng nhu cầu. Cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, cũng là một trở ngại khi nhiều trường học chưa thể tiếp cận công nghệ TTTN do thiếu kết nối internet và thiết bị hỗ trợ. Trong lĩnh vực dịch vụ và thương mại, TTTN yêu cầu hạ tầng dữ liệu lớn và hệ thống bảo mật cao, điều này khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc triển khai. Hơn nữa, dù TTTN có thể tối ưu hóa nhiều quy trình, nhưng vẫn chưa thể thay thế hoàn toàn con người trong việc xử lý những tình huống phức tạp. Đối với ngành y tế, TTTN tuy có khả năng hỗ trợ phát hiện bệnh sớm và tối ưu hóa quản lý y tế, nhưng vẫn cần đầu tư mạnh vào hạ tầng dữ liệu và bảo mật để đảm bảo hiệu quả ứng dụng. Đồng thời, TTTN chưa thể thay thế hoàn toàn bác sĩ trong các quyết định lâm sàng phức tạp, do vẫn phụ thuộc vào đánh giá và kinh nghiệm của con người. Những hạn chế này cho thấy TTTN dù mang lại nhiều lợi ích nhưng vẫn cần có các giải pháp phù hợp để phát triển và ứng dụng hiệu quả hơn trong thực tế.

### 6.3. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI TRONG CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ SỐ TẠI VIỆT NAM

Công nghệ trí tuệ nhân tạo đã và đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới, và Việt Nam không nằm ngoài xu hướng này. Chính phủ Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của AI trong quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, đặc biệt là trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Như trên đã trình bày, các lĩnh vực như thương mại điện tử, tài chính, sản xuất, y tế, giao thông và giáo dục đã có những bước tiến đáng kể trong việc áp dụng công nghệ AI để cải thiện hiệu quả hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Gần đây, Chính phủ Việt Nam đã thông qua chương trình Chuyển đổi kỹ thuật số quốc gia, kéo dài từ năm 2025 đến năm 2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2020b). Mục tiêu cụ thể của chương trình là tăng gấp đôi tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế số hóa vào năm 2025 và xây dựng nền tảng bền vững cho các quá trình chuyển đổi kỹ thuật số trong tương lai, bao gồm việc chuẩn bị cho sự áp dụng các giải pháp AI, trong đó có Business Intelligence tại Việt Nam. Theo Phó Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, sự cải thiện trong Điểm sẵn sàng AI của Việt Nam có thể được ghi nhận nhờ sự tham gia tích cực vào các hoạt động dựa trên công nghệ và việc áp dụng chính sách quốc gia về phát triển AI.

Thực trạng ứng dụng AI trong nền kinh tế số tại Việt Nam có thể thấy rõ qua các lĩnh vực nhỏ hơn như: Cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, Tối ưu hóa chuỗi cung ứng và logistics, Ứng dụng trong quản lý rủi ro và chống gian lận, Phân tích dữ liệu và dự báo/dự đoán thị trường; Quản lý thông minh và tối ưu hóa quy trình sản xuất. Công nghệ AI phát triển trong các lĩnh vực này có sự đan xen và đôi khi không thể phân tách được. Ngoài ra sự phát triển của AI trong mỗi lĩnh vực có sự tương tác qua lại, thúc đẩy sự phát triển ở trong các lĩnh vực khác. Chi tiết thực trạng ứng dụng AI trong từng lĩnh vực này được chi tiết hóa trong các nội dung dưới đây.

#### 6.3.1. Cá nhân hóa trải nghiệm người dùng

##### *Thực trạng ứng dụng tại Việt Nam*

Cá nhân hóa trải nghiệm người dùng (Personalized User Experience) là một chiến lược được sử dụng trong tiếp thị kỹ thuật số để điều chỉnh nội dung, sản phẩm và dịch vụ dựa trên sở thích, mối quan tâm và hành vi của từng người dùng. Thay vì cung cấp trải nghiệm chuẩn, giống nhau theo quy tắc chung cho tất cả khách truy cập, tiếp

cận theo chiến lược cá nhân hóa tìm cách cung cấp cho mỗi người dùng trải nghiệm riêng độc đáo và phù hợp. Điều này giúp người dùng cảm thấy rằng sản phẩm hoặc dịch vụ đang thực sự hiểu và đáp ứng được mong muốn của họ, tạo ra sự gắn kết và tương tác tốt hơn.

Cá nhân hóa trải nghiệm người dùng có thể có nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn như đề xuất sản phẩm dựa trên lịch sử mua hàng, tạo nội dung cụ thể theo sở thích của người dùng (các trang feed của mạng xã hội), hay thiết kế trang web phản hồi theo từng thiết bị đang sử dụng. Về cơ bản, cá nhân hóa tìm cách thiết lập mối liên hệ sâu sắc hơn giữa thương hiệu và người dùng, dẫn đến sự hài lòng, lòng trung thành và chuyển đổi cao hơn.

Dễ thấy, những ví dụ về cách cá nhân hóa trải nghiệm người dùng được sử dụng trong các nền tảng như:

- Gợi ý nội dung phù hợp: Ví dụ, các nền tảng phát video như Netflix, YouTube sử dụng thuật toán để đề xuất phim, video dựa trên lịch sử xem của người dùng.

- Email và thông báo theo cá nhân hóa: Gửi những email hoặc thông báo dựa trên hành vi hoặc sở thích của người dùng, chẳng hạn như thư khuyến mãi, thư chúc mừng sinh nhật, thư quảng cáo sản phẩm mới dựa trên lần mua trước đó.

- Giao diện và trải nghiệm người dùng tùy chỉnh: Cho phép người dùng tùy chỉnh giao diện hoặc cài đặt theo sở thích cá nhân, như thay đổi màu sắc, bố cục trang web.

- Quảng cáo theo nhóm người dùng mục tiêu: Sử dụng dữ liệu người dùng để hiển thị các quảng cáo liên quan lớn nhất tới người dùng đó, giúp tăng khả năng tương tác và chuyển đổi.

Một khảo sát của Forbes (Shep Hyken, 2024) tại Hoa Kỳ, năm 2024, về tầm quan trọng của trải nghiệm được cá nhân hóa cho thấy rằng 81% khách hàng thích các công ty cung cấp trải nghiệm được cá nhân hóa và 70% khách hàng cho biết trải nghiệm được cá nhân hóa mà trong đó nhân viên bán hàng biết họ là ai và lịch sử tương tác của họ với công ty (các lần mua hàng trước, mô hình mua hàng, cuộc gọi hỗ trợ, v.v.) là quan trọng. Điều này cho thấy cá nhân hóa trải nghiệm người dùng là một chiến lược quan trọng để đảm bảo các hoạt động kinh doanh thành công trong môi trường kinh tế số.



Để triển khai, áp dụng chiến lược cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, yêu cầu cốt lõi là phân tích, xử lý các dữ liệu phản ánh sở thích, nhu cầu và hành vi của từng người dùng. Điều này đòi hỏi các công nghệ mới có khả năng tự động phân tích và đưa ra gợi ý phù hợp. Hiện nay, công nghệ trí tuệ nhân tạo là nền tảng chính để thực hiện chiến lược kể trên.

AI ứng dụng trong lĩnh vực cá nhân hóa trải nghiệm người dùng cho phép tận dụng dữ liệu lớn, sử dụng các thuật toán và kỹ thuật học máy để điều chỉnh trải nghiệm cho từng người dùng. Vai trò của AI thể hiện rõ ở một số khía cạnh chính (những thành phần quan trọng trong quá trình xây dựng cá nhân hóa các nhân hóa) như sau:

- Thu thập và phân tích dữ liệu: Các hệ thống AI tự động thu thập và phân tích lượng lớn dữ liệu từ các tương tác của người dùng, bao gồm nhấp chuột, tìm kiếm, mua hàng và sở thích. Sau đó, các thuật toán học máy xác định các mẫu và xu hướng trong dữ liệu này, cung cấp thông tin chi tiết về hành vi của người dùng.

- Phân tích dự đoán: AI có thể dự đoán hành vi của người dùng trong tương lai dựa trên dữ liệu lịch sử, như dự đoán những sản phẩm mà người dùng có thể quan tâm hoặc nội dung mà họ có khả năng tương tác (bằng các hệ tư vấn). Các mô hình dự đoán giúp tạo ra các đề xuất được cá nhân hóa giúp tăng cường sự tương tác và sự hài lòng của người dùng.

- Cá nhân hóa theo thời gian thực: AI cho phép cá nhân hóa theo thời gian thực bằng cách điều chỉnh nội dung hoặc giao diện một cách linh hoạt dựa trên hành vi hiện tại của người dùng. Ví dụ: một trang web thương mại điện tử có thể hiển thị các đề xuất sản phẩm được cá nhân hóa hoặc một trang web tin tức có thể làm nổi bật các bài viết dựa trên lịch sử đọc của người dùng.

- Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP): Các chatbot và trợ lý ảo hỗ trợ AI sử dụng NLP để hiểu và phản hồi các truy vấn của người dùng theo cách giống con người. NLP giúp cung cấp hỗ trợ khách hàng được cá nhân hóa và cải thiện chất lượng tương tác của người dùng.

- Hệ thống học tập thích ứng: Trong các công nghệ giáo dục, AI có thể tạo ra các trải nghiệm học tập thích ứng phù hợp với tốc độ, điểm mạnh và điểm yếu của từng người học. Điều này đảm bảo rằng mỗi người học nhận được nội dung giảng dạy chuyên biệt, phù hợp nhất với với nhu cầu của họ.

Có thể thấy, công nghệ AI tăng cường đáng kể khả năng cá nhân hóa trải nghiệm người dùng bằng cách tạo ra các tương tác trở phù hợp hơn, hiệu quả hơn và thú vị hơn đối với từng cá nhân người dùng. Khả năng “học” và cải tiến liên tục của các mô hình, thuật toán trong AI đảm bảo rằng trải nghiệm được cá nhân hóa sẽ ngày càng tốt hơn cùng với thời gian sử dụng của người dùng.

Tại Việt Nam, có thể thấy những ứng dụng mạnh mẽ của các hệ thống cá nhân hóa như sau:

Thương mại là một trong những lĩnh vực đi đầu và đạt được nhiều thành công nhất trong chiến lược xây dựng, phát triển và triển khai công nghệ liên quan tới cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng. Các sàn giao dịch thương mại điện tử đang chiếm thị phần lớn tại Việt Nam như Shopee, Lazada, Tiki, .v.v đều đang ứng dụng AI để tạo ra các trải nghiệm được cá nhân hóa cho người sử dụng. Ví dụ: khi một người dùng thực hiện thao tác “lướt” các sản phẩm trên Shopee và cảm thấy quan tâm đến sản phẩm “quần jeans ống suông” thì ngay lập tức các thao tác như dừng lại xem, click vào, v.v... sẽ được ghi lại toàn bộ. Do đó, người dùng sẽ cảm thấy hiện tượng các sản phẩm liên quan đến “quần jeans” sẽ được đề xuất nhiều hơn. Và đây cũng chính là một phần của cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng sử dụng các thuật toán như lọc cộng tác trong lĩnh vực AI. Tương tự như vậy, mỗi người người dùng sẽ có trải nghiệm khác nhau với các quá trình tìm kiếm và thực hiện giao dịch trên các sàn thương mại điện tử như Lazada, Tiki, v.v... Dựa trên nguồn dữ liệu lớn từ hàng chục triệu người dùng, các nền tảng thương mại điện tử này có thể phân tích, thấu hiểu tâm lý, nhu cầu, hành vi của khách hàng, từ đó gợi ý các sản phẩm người dùng có thể quan tâm, hay thiết kế chương trình khuyến mại phù hợp. Nguồn dữ liệu này rất đa dạng không chỉ là sản phẩm người dùng đã mua, dành bao nhiêu ngân sách cho hàng hóa, mà còn là tất cả thông tin của quá trình tìm kiếm sản phẩm của họ như thế nào. Người dùng lướt xem các sản phẩm nào, đâu là những mặt hàng họ muốn mua, tại sao họ chưa mua hoặc là họ còn cần gì nữa... Quá trình đi đến quyết định mua hàng của khách hàng là các dữ liệu được thu thập chi tiết. Bên cạnh đó, dịch vụ giao hàng, phản hồi của khách hàng đều được các nền tảng lưu trữ và sử dụng trong phân tích, xây dựng hệ thống có tính cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng.

Gần đây, Lazada đã giới thiệu báo cáo chuyên sâu “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thương mại điện tử tại Đông Nam Á” cùng với loạt tính năng GenAI hoàn toàn mới trên ứng dụng (Báo điện tử Thanh Niên, 2025). Báo cáo này là kết quả hợp tác giữa Lazada và Kantar, dựa trên khảo sát đến từ hơn 6.000 người tiêu dùng ở Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Việt Nam và Philippines. Báo cáo nhằm tìm hiểu về mức độ tin cậy, xu hướng sử dụng và kỳ vọng của người dùng với AI trong thương mại điện tử. Các tính năng GenAI của Lazada được công bố bao gồm: Trợ lý mua sắm cá nhân AI - AI Lazzie; Đề xuất sản phẩm thông minh; Thông tin sản phẩm được tạo bởi AI và cả Người mẫu ảo do AI tạo ra. Kết quả từ báo cáo cũng cho thấy mức độ tin cậy rất cao đối với các nền tảng AI, với phần lớn người tiêu dùng tin tưởng và dựa vào AI để có gợi ý cá nhân hóa (92%) và tóm tắt sản phẩm (90%). Các tính năng GenAI của Lazada như đánh giá thông minh do AI tạo ra và gợi ý sản phẩm cá nhân hóa dựa trên thói quen mua sắm và lịch sử mua hàng có thể nâng cao trải nghiệm mua sắm bằng cách cung cấp thông tin nhanh chóng, đầy đủ và đáng tin cậy. Các công cụ này tăng cường lòng trung thành của khách hàng nhờ tương tác liền mạch và đáng tin cậy, giúp người tiêu dùng đưa ra quyết định mua sắm sáng suốt hơn. Khảo sát của Lazada cho thấy có đến 88% người tham gia ở Đông Nam Á đưa ra quyết định mua hàng dựa trên nội dung và gợi ý sản phẩm do AI tạo ra, và hơn một nửa (51%) cho rằng đánh giá sản phẩm và người bán là yếu tố quan trọng khi mua sắm trực tuyến.

Trong lĩnh vực ngân hàng, các Chatbot ngân hàng được phát triển rộng rãi và cung cấp các tạo đối mang tính cá nhân hóa cho khách hàng, điển hình như hệ thống VCB DIGIBOT của ngân hàng Vietcombank. Một nghiên cứu gần đây cho thấy có 14 NHTM tại Việt Nam triển khai Chatbot cho hoạt động kinh doanh của mình trên tổng số 43 NHTM (Lê Nguyễn Quỳnh Hương, 2023). Các hệ thống Chatbot được phát triển để trả lời các nhu cầu khách hàng vào mọi thời điểm và khách hàng cần, không phụ thuộc vào một khuôn khổ chung cho dịch vụ chăm sóc ngân hàng.

Trong lĩnh vực Hệ thống học tập thích ứng, một số hệ thống trợ lý giáo dục đã được phát triển và cung cấp tới người học, như VioEdu (fpt), vnEdu (vnpt). Các hệ thống này được phát triển để tạo ra trải nghiệm học tập được cá nhân hóa trong học sinh. Từ đó mang lại hiệu quả học tập cao, phù hợp với các năng lực học tập khác nhau của người học.

## ***Hiệu quả và lợi ích***

Những năm gần đây, việc ứng dụng công nghệ AI để triển khai các hệ thống cá nhân hóa trải nghiệm người dùng đã mang lại những hiệu quả và lợi ích đáng kể cho các doanh nghiệp và người dùng tại Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế số đang phát triển nhanh chóng của đất nước. Xét một cách chung nhất, những lợi ích chính đạt được gồm:

- Cải thiện sự hài lòng và tương tác của khách hàng: Công nghệ này cho phép các doanh nghiệp điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ và nội dung cho từng người dùng dựa trên sở thích, hành vi và thông tin nhân khẩu học của họ. Điển hình thành công tại Việt Nam là các nền tảng như trang thương mại điện tử (Tiki, Shopee), dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến và nền tảng phát trực tuyến (Zing MP3) v.v.

- Nâng cao hiệu quả tiếp thị: AI cho phép các doanh nghiệp phân tích khối lượng lớn dữ liệu khách hàng và dự đoán hành vi, cho phép thực hiện các chiến dịch tiếp thị có mục tiêu và hiệu quả hơn. Tại Việt Nam, các doanh nghiệp địa phương sử dụng AI để phân khúc cơ sở khách hàng của họ và tạo ra các quảng cáo được cá nhân hóa có nhiều khả năng gây được tiếng vang với những người dùng cụ thể. Ví dụ: quảng cáo do AI thúc đẩy trên các nền tảng truyền thông xã hội như Facebook hoặc Zalo giúp các doanh nghiệp tiếp cận đúng đối tượng với nội dung được thiết kế riêng, tăng cả tương tác của người dùng và doanh số bán hàng.

- Trải nghiệm thương mại điện tử được tối ưu hóa: Tại Việt Nam, các sàn thương mại điện tử đang mang đến trải nghiệm mua sắm được cá nhân hóa bằng cách đưa ra các đề xuất dựa trên hành vi trước đây, lịch sử duyệt web và sở thích của người dùng. Các nền tảng như Lazada, Sendo và Tiki sử dụng AI để hiểu ý định của người dùng và đề xuất các sản phẩm phù hợp. Điều này giúp người dùng khám phá các sản phẩm phù hợp với sở thích của họ hiệu quả hơn, cải thiện trải nghiệm mua sắm tổng thể và thúc đẩy doanh số bán hàng. Trải nghiệm được cá nhân hóa khiến người dùng cảm thấy được thấu hiểu, dẫn đến lòng trung thành cao hơn và mua hàng lặp lại.

- Hỗ trợ và dịch vụ khách hàng được cải thiện: Các chatbot và trợ lý ảo hỗ trợ AI đã trở thành một tính năng chính trong dịch vụ khách hàng trên nhiều ngành tại Việt Nam, bao gồm ngân hàng, bán lẻ và viễn

thông. Các hệ thống AI này có thể cung cấp hỗ trợ theo thời gian thực, 24/7, trả lời các câu hỏi phổ biến và hướng dẫn người dùng thực hiện nhiều quy trình khác nhau. Khách hàng được hưởng lợi từ thời gian phản hồi nhanh hơn và các giải pháp chính xác hơn cho các truy vấn của họ, dẫn đến sự hài lòng của khách hàng tốt hơn. Điều này cũng giúp giảm chi phí hoạt động cho doanh nghiệp bằng cách tự động hóa các tác vụ thường xuyên và cho phép các tác nhân con người tập trung vào các vấn đề phức tạp hơn.

- Tăng hiệu quả kinh doanh: AI có thể giúp các doanh nghiệp tại Việt Nam dự đoán nhu cầu của khách hàng, tối ưu hóa quản lý hàng tồn kho và hợp lý hóa hậu cần, tất cả đều góp phần tạo nên mô hình kinh doanh hiệu quả và tiết kiệm chi phí hơn. Các nhân hóa trải nghiệm người dùng có thể khiến khách hàng chi tiêu nhiều hơn. Ví dụ như, theo thống kê FPT (FPT Digital, 2023), 40% người tiêu dùng mua các sản phẩm, dịch vụ đắt tiền hơn so với dự định vì khi họ mua sắm với trải nghiệm cá nhân hóa. 49% khách hàng mua sản phẩm, dịch vụ mà ban đầu họ không có ý định mua sau khi được nhận đề xuất cá nhân hóa. Các nhân hóa trải nghiệm người dùng có thể khiến khách hàng trung thành, và quảng bá thương hiệu tốt hơn. Ví dụ như, theo thống kê FPT, nhờ các trải nghiệm được cá nhân hóa, 44% người tiêu dùng sẽ mua hàng của doanh nghiệp nhiều lần, 39% người tiêu dùng sẽ trở thành những người ủng hộ và quảng bá thương hiệu.

- Tăng cường áp dụng các dịch vụ kỹ thuật số, thúc đẩy sự phát triển kinh tế số: Khi ngày càng nhiều người tiêu dùng Việt Nam sử dụng các dịch vụ kỹ thuật số, cá nhân hóa do AI thúc đẩy đã đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường áp dụng của người dùng. Các dịch vụ như ngân hàng trực tuyến, thanh toán kỹ thuật số và ứng dụng di động được hưởng lợi từ sự phát triển người dùng với quy mô lớn.

- Tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp: Bằng cách triển khai AI để cung cấp trải nghiệm được cá nhân hóa, các doanh nghiệp tại Việt Nam có thể tạo sự khác biệt trong bối cảnh kỹ thuật số cạnh tranh. Trên thực tế, khách hàng đang ngày càng trở nên quyền lực hơn, khi thị trường đang có rất nhiều sự lựa chọn về sản phẩm, dịch vụ, vì vậy, các doanh nghiệp phải trở nên cạnh tranh hơn để trở nên nổi bật trong mắt khách hàng. Do đó, nếu doanh nghiệp không cá nhân hoá hành trình cung cấp các dịch vụ, sản phẩm, thì sẽ có nguy cơ mất khách hàng tiềm năng.

### ***Khó khăn, thách thức:***

Mặc dù có tiềm năng cải thiện đáng kể sự hài lòng và mức độ tương tác của người dùng, để thực hiện việc triển khai ứng dụng công nghệ AI trong cá nhân hóa trải nghiệm người dùng đặt ra một số thách thức, đặc biệt là ở Việt Nam với những đặc trưng văn hóa rất đặc thù, riêng biệt. Sau đây là một số thách thức chính:

- **Mối quan ngại về thu thập dữ liệu và quyền riêng tư:** Đây là thách thức lớn đầu tiên khi chất lượng các công nghệ AI được sử dụng để cá nhân hóa trải nghiệm người dùng phụ thuộc rất nhiều vào việc thu thập và phân tích lượng lớn dữ liệu người dùng, chẳng hạn như lịch sử duyệt web, sở thích, tương tác và thông tin nhân khẩu học, v.v... (có thể bao gồm các dữ liệu khách hàng không muốn công khai). Tuy nhiên, việc thu thập dữ liệu này gây ra mối quan ngại về quyền riêng tư rất lớn từ người dùng. Người dùng, khách hàng không phải lúc nào cũng thoải mái khi chia sẻ thông tin cá nhân của họ, ngay cả khi mục đích sử dụng là để nâng cao chất lượng dịch vụ.

- **Chất lượng dữ liệu và tích hợp dữ liệu:** Các hệ thống AI yêu cầu dữ liệu sạch, chất lượng cao để tạo ra những hiểu biết chính xác và có ý nghĩa về khách hàng. Tuy nhiên, dữ liệu về khách hàng được thu thập từ các nguồn khác nhau (từ hệ thống của công ty cung cấp dịch vụ, dữ liệu giao dịch ngân hàng, dữ liệu cuộc gọi, duyệt web, mạng xã hội, v.v...) thường không nhất quán, không đầy đủ hoặc ở định dạng không tương thích, khiến việc tích hợp và phân tích trở nên khó khăn.

- **Hạ tầng tính toán:** Các hệ thống cá nhân hóa trải nghiệm người dùng luôn phải xử lý dữ liệu theo thời gian thực, và thời gian xử lý thường rất ngắn, để đưa ra các khuyến nghị phù hợp và kịp thời cho người dùng. Bên cạnh đó, các nền tảng ứng dụng thường có số lượng người dùng truy cập tại một thời điểm rất lớn. Điều này có thể đòi hỏi kỹ thuật cao, khối lượng xử lý lớn nên sẽ cần các nền tảng tính toán có sức mạnh tính toán rất lớn.

- **Hiệu hành vi của người dùng:** Sở thích và hành vi của người dùng có tính chất thay đổi theo bối cảnh và thời gian (tính động của dữ liệu hành vi), và do đó, việc dự đoán chính xác sở thích, hành vi người dùng là bài toán đặc biệt khó khăn. Các mô hình AI phát triển cho lĩnh vực này phải có khả năng thích ứng với hành vi thay đổi của người dùng, chẳng hạn như sở thích thay đổi, biến động theo mùa hoặc thay

đổi đột ngột trong sở thích. Các hệ thống AI phải kết hợp được dữ liệu được thu thập liên tục (data stream) thể hiện phản hồi của người dùng theo thời gian, cho phép chúng liên tục cập nhật, được huấn luyện lại (học hỏi) và điều chỉnh theo hành vi của người dùng. Phát triển các mô hình như vậy là một thách thức rất lớn.

- Sự thiên lệch và tính công bằng trong các mô hình AI: Các mô hình AI trong lĩnh vực cá nhân hóa trải nghiệm người dùng có thể vô tình tạo nên sự thiên vị, hệ quả từ sự thiên lệch có trong dữ liệu đào tạo, dẫn đến các khuyến nghị sai lệch hoặc trải nghiệm không công bằng cho một số nhóm người dùng nhất định. Điều này có thể dẫn đến kết quả phân biệt đối xử hoặc duy trì các khuôn mẫu một cách quá lâu.

- Một số khó khăn thách thức khác với trình độ phát triển công nghệ AI tại Việt Nam trong lĩnh vực này thể hiện trong vấn đề xây dựng các mô hình TTN đáp ứng các yêu cầu về: khả năng mở rộng, tính tin cậy và tính minh bạch cho người dùng,

Trong tương lai gần, một số xu hướng phát triển của lĩnh vực cá nhân hóa trải nghiệm người dùng ứng dụng AI sẽ tiếp tục được phát triển và triển khai. Xu hướng tích hợp sâu, rộng hơn của AI và khoa học dữ liệu vào các nền tảng thương mại điện tử, tạo ra trải nghiệm mua sắm liền mạch và cá nhân hóa hơn nữa. Điều này bao gồm kết quả tìm kiếm được cá nhân hóa, thiết kế bảng giá cả động, các công cụ phân tích dự đoán tiên tiến hơn, dự đoán chính xác nhu cầu của người dùng theo từng bối cảnh, thời gian trước khi người dùng đưa ra các dấu hiệu. Những tiến bộ về công nghệ trong tương lai có thể tạo ra các trải nghiệm “siêu cá nhân hóa” thích ứng theo thời gian thực với sở thích, hành vi và thậm chí là cảm xúc thay đổi của người dùng. Trợ lý ảo và Chatbot có thể sẽ đóng vai trò lớn hơn trong việc tạo ra các trải nghiệm, tương tác giống con người hơn (đặc biệt trong lĩnh vực chăm sóc khách hàng). Mô hình triển khai cá nhân hóa đa kênh sẽ tiếp tục phát triển với sự phát triển của các nền tảng hợp nhất và tích hợp liền mạch hơn dữ liệu trực tuyến và ngoại tuyến. Sử dụng các thiết bị đeo, mặc, để phát triển các gian hàng nhà thông minh và cửa hàng thực-ảo có thể sẽ trở nên phổ biến hơn. Các hệ thống cung cấp giải pháp cá nhân hóa trải nghiệm người dùng tại Việt Nam sẽ tiếp tục trở nên phù hợp hơn với sự khác biệt về văn hóa vùng miền và khu vực nhỏ. Khi nền kinh tế số phát triển rộng tại Việt Nam, dữ liệu mà các hệ thống AI được tiếp cận và sử dụng

sẽ chứa đựng những thông tin có khả năng biểu diễn được nhiều hành vi khác nhau của người dùng theo từng vùng miền, địa phương. Tính bản địa hóa của các mô hình sẽ ngày càng được nâng cao, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ và nội dung được cá nhân hóa phù hợp với các cộng đồng cụ thể trên khắp cả nước.

Trong những năm gần đây, có thể thấy công nghệ AI được ứng dụng mạnh mẽ để phát triển và triển khai các hệ thống cung cấp trải nghiệm người dùng được cá nhân hóa tại Việt Nam. Sự phát triển này mang lại rất nhiều lợi ích cho các tổ chức, doanh nghiệp, nhưng cũng đặt ra những thách thức lớn về vấn đề quyền riêng tư, chất lượng dữ liệu, tính công bằng trong khuyến nghị, khả năng mở rộng và đầu tư về hạ tầng. Khi giải quyết những thách thức này, các doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng các công nghệ AI một cách hiệu quả để phát triển các giải pháp cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra trong chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp.

### **6.3.2. Tối ưu hóa chuỗi cung ứng và logistics**

#### ***Thực trạng ứng dụng tại Việt Nam***

AI đang làm thay đổi ngành logistics một cách sâu rộng, với nhiều ứng dụng khác nhau. Một cách tổng quát, chúng ta đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của ngành Logistics với các ứng dụng mới từ công nghệ AI. Các mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành logistics được đa dạng hóa, mở rộng và tối ưu nhờ triển khai các công nghệ mới. Các xu hướng chính bao gồm: Tối ưu hóa tuyến đường vận chuyển; Xe tự hành và máy bay không người lái; Tự động hóa kho hàng; Dự báo nhu cầu thị trường; Theo dõi và cảnh báo theo thời gian thực; Lập kế hoạch cung ứng linh động; Quản lý hàng tồn kho thông minh; Tích hợp với công nghệ IoT (Internet vạn vật).

Tính đến năm 2023, Việt Nam xếp thứ 43/100 về Chỉ số hiệu suất logistics (Cổng thông tin điện tử bộ Tài chính, 2023), đưa Việt Nam vào top 5 quốc gia ASEAN, sau Singapore, Malaysia và Thái Lan, và ngang bằng với Philippines. Thị trường logistics của Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng 14-16% vào năm 2025, đóng góp khoảng 5% vào GDP của quốc gia vào năm 2023. Thị trường này dự kiến sẽ tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2023 đến năm 2027, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) dự kiến là 5,5%. Trong nền kinh tế số tại Việt Nam, tiềm năng phát triển của ngành logistics là rất lớn.



Những năm gần đây, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành logistics tại Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể, đặc biệt là khi ngành logistics ở Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về hiệu quả, tốc độ và độ chính xác trong vận hành. Ứng dụng công nghệ AI đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa các quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí. Đón đầu cơ hội từ “Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI đến năm 2030” (Thủ tướng Chính phủ, 2021), các công ty công nghệ chủ chốt của Việt Nam như Viettel, FPT đã tiên phong trong các ứng dụng AI trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, các công ty quốc tế cũng tích cực giới thiệu các giải pháp quản lý chuỗi cung hiện đại vào thị trường Việt Nam. Đón đầu các xu hướng phát triển công nghệ AI trong ngành, các doanh nghiệp logistics tại Việt Nam cũng tích cực phát triển các giải pháp phù hợp với thực trạng phát triển và cơ sở hạ tầng logistics tại Việt Nam. Cụ thể, thực trạng ứng dụng AI trong logistics tại Việt Nam có thể thấy qua các lĩnh vực sau:

- Ứng dụng AI trong tối ưu hóa tuyến đường và lịch trình giao hàng: Các công ty logistics tại Việt Nam đã ứng dụng AI để tối ưu hóa các tuyến đường vận chuyển, giúp giảm thiểu thời gian giao hàng và chi phí nhiên liệu. Công nghệ AI phân tích dữ liệu giao thông theo thời gian thực, dự báo tình trạng tắc nghẽn và điều chỉnh lộ trình giao hàng cho các tài xế, đảm bảo giao hàng nhanh chóng và hiệu quả. Ví dụ, một số công ty vận chuyển, như Grab và Gojek, đã áp dụng công nghệ AI để điều phối các phương tiện giao hàng, giúp tối ưu hóa quá trình giao nhận hàng hóa trong thời gian ngắn nhất, đặc biệt là trong các thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM.

- Tự động hóa kho và quản lý tồn kho thông minh: AI được áp dụng để tự động hóa quy trình quản lý kho bãi, từ việc nhận diện sản phẩm đến quản lý vị trí lưu trữ. Hệ thống AI có thể dự báo nhu cầu hàng hóa dựa trên các yếu tố như mùa vụ, xu hướng tiêu dùng, và lịch sử giao dịch, từ đó tối ưu hóa mức tồn kho và giảm thiểu tình trạng thiếu hụt hoặc dư thừa hàng hóa. Ví dụ như Viettel đã và đang tích cực ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, IoT, Big Data và Blockchain vào quản lý kho bãi và tồn kho, giúp tối ưu hóa quy trình, giảm thiểu chi phí, và nâng cao hiệu quả công việc. Các giải pháp này không chỉ giúp tăng tốc độ và độ chính xác trong việc xử lý đơn hàng mà còn cải thiện khả năng dự báo và quản lý hàng hóa, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Viettel

trong ngành logistics tại Việt Nam. Theo công bố, Chuỗi giải pháp tự động hóa toàn diện cho ngành logistics, do Viettel Post phát triển, tự động hoá toàn bộ các khâu trong chuỗi vận chuyển từ lưu kho đến giao hàng (ViettelGroup, 2024). Tại Ngày hội đổi mới sáng tạo Việt Nam 2024, Viettel trình diễn 4 robot tự hành trong chuỗi giải pháp: drone (máy bay không người lái vận chuyển hàng tại các vị trí khó tiếp cận), robot chia chọn AGV sorting (robot tự hành phân loại hàng hóa), robot vận chuyển AGV picking (robot tự hành tải trọng 1 tấn vận chuyển các khối hàng lớn), robot cánh tay (robot ứng dụng thị giác máy tính thực hiện gấp, nhấc và di chuyển hàng hóa).

- Ứng dụng AI trong dự báo nhu cầu và quản lý chuỗi cung ứng: AI giúp các công ty logistics tại Việt Nam dự báo nhu cầu hàng hóa một cách chính xác hơn, từ đó tối ưu hóa sản lượng vận chuyển và tồn kho. Các thuật toán học máy tiên tiến có thể phân tích các yếu tố như thời tiết, xu hướng thị trường, sự kiện đặc biệt và các yếu tố kinh tế để dự báo nhu cầu hàng hóa trong tương lai. Ví dụ, các nền tảng thương mại điện tử tại Việt Nam đã bắt đầu ứng dụng AI để dự báo nhu cầu của người tiêu dùng, từ đó giúp các nhà cung cấp và các công ty logistics chuẩn bị lượng hàng hóa phù hợp và điều phối nguồn lực hiệu quả hơn. Các công ty logistics lớn tại Việt Nam có tiềm lực công nghệ rất cao (một số là các chi nhánh hoặc công ty liên doanh với các công ty logistics lớn trên thế giới) đã và đang triển khai các công nghệ quản lý và dự báo nhu cầu theo thời gian thực, từ đó tối ưu hóa các kế hoạch vận chuyển, tối ưu hóa sử dụng các phương tiện, đặc biệt là các phương tiện có chi phí vận hành lớn.

- Ứng dụng trong phân tích dữ liệu và tối ưu hóa chi phí: Các công ty logistics tại Việt Nam đang sử dụng công nghệ AI để phân tích dữ liệu lớn (big data) để nhận diện các xu hướng, phát hiện các vấn đề trong quy trình và đưa ra các giải pháp tối ưu chi phí. AI giúp dự báo các yếu tố như biến động giá nhiên liệu, tình trạng tắc nghẽn giao thông, và các yếu tố kinh tế ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển. Ví dụ, các công ty logistics sử dụng AI để phân tích chi phí vận chuyển và đưa ra các chiến lược giảm chi phí, bao gồm việc tối ưu hóa việc sử dụng xe vận chuyển và phân phối hàng hóa. Trong đó, xu hướng tối ưu hóa giao hàng chặng cuối đang sử dụng những thành tựu AI nổi bật. Trong ngành logistics tại Việt Nam, giao hàng chặng cuối luôn là một thách thức lớn, đặc biệt là trong các khu vực đô thị đông đúc. AI giúp các công ty vận

chuyển tối ưu hóa việc phân phối hàng hóa tới khách hàng cuối, bằng cách phân tích các yếu tố như mật độ giao thông, thời gian giao hàng, và khoảng cách từ điểm giao đến điểm nhận. Ví dụ, các nền tảng như Grab và Now (của Foody) đã triển khai các giải pháp AI để tối ưu hóa giao hàng cuối cùng, giúp giảm thời gian giao hàng và tăng tính chính xác trong việc giao nhận đơn hàng.

- Ứng dụng AI trong tự động hóa và robot hóa trong kho bãi: Một số công ty logistics lớn tại Việt Nam bắt đầu thử nghiệm và áp dụng robot trong kho bãi để tự động hóa quy trình đóng gói, phân loại và vận chuyển hàng hóa. AI giúp các robot này nhận diện và xử lý hàng hóa, cải thiện hiệu quả và giảm thiểu sai sót trong các quy trình thủ công. Ví dụ, một số công ty logistics như Lazada đã triển khai hệ thống robot trong kho bãi để tự động hóa các công đoạn như phân loại đơn hàng và đóng gói. Một doanh nghiệp Việt Nam nổi bật là Viettel đang triển khai các hệ thống nhà kho thông minh. Cụ thể, Viettel Post cung cấp đầy đủ các dịch vụ gồm: nhập hàng vào kho, lưu kho, xử lý đơn hàng, dán nhãn, xuất hàng, chia chọn, vận chuyển bằng việc ứng dụng công nghệ robot AGV vận chuyển hàng hóa và lưu trữ tự động, sắp xếp hàng hóa và điều phối đơn một cách ngẫu nhiên dựa theo tối ưu đường đi. Các công ty cung cấp các giải pháp quản lý kho bãi tự động hay bán tự động, các giải pháp thông minh dựa trên các công nghệ AI mới cũng phát triển rất mạnh mẽ, như các giải pháp từ FTP, Intech Group, RTC technology, v.v...

### ***Hiệu quả và lợi ích***

Mặc dù xuất phát điểm hạn chế, Việt Nam đang chứng kiến sự gia tăng đáng kể trong việc áp dụng AI vào tối ưu hóa chuỗi cung ứng và logistics. Ứng dụng công nghệ này mang lại các lợi ích rõ nét cho lĩnh vực này tại Việt Nam. Cụ thể, ứng dụng AI trong việc phân tích dữ liệu giúp các doanh nghiệp Việt Nam cải thiện khả năng dự báo nhu cầu sản phẩm, từ đó tối ưu hóa việc quản lý tồn kho. AI hỗ trợ cho phép tối ưu hóa lộ trình vận chuyển và phân phối hàng hóa qua việc phân tích các yếu tố như thời gian giao hàng, tình trạng giao thông, và các yếu tố bất lợi khác. AI được ứng dụng trong quản lý kho bãi giúp tự động hóa nhiều quy trình, từ việc sắp xếp hàng hóa đến kiểm tra và phân phối.

Bên cạnh đó, một trong những lợi ích lớn của công nghệ AI là khả năng phát hiện sớm các sự cố hoặc gián đoạn trong chuỗi cung ứng,

như tình trạng thiếu nguyên liệu, tắc nghẽn giao thông hoặc vấn đề với nhà cung cấp. Điều này đặc biệt có lợi trong hiện trạng phát triển những năm gần đây, nhất là trong thời kỳ đại dịch Covid-19 tác động làm gián đoạn các chuỗi cung ứng.

Ngoài ra, ứng dụng AI trong logistics giúp các doanh nghiệp Việt Nam nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, một yếu tố quan trọng trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Công nghệ này đang giúp các doanh nghiệp logistics tại Việt Nam tự động hóa nhiều quy trình, giảm thiểu sự can thiệp của con người và tối ưu hóa nguồn lực. Từ đó, phần giúp các doanh nghiệp logistics tại Việt Nam giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

### ***Khó khăn, thách thức***

Việc áp dụng AI vào lĩnh vực tối ưu hóa chuỗi cung ứng và logistics tại Việt Nam mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng tồn tại không ít khó khăn thách thức. Những vấn đề nổi bật phải đối mặt và hiện tại gồm:

- Vấn đề tích hợp dữ liệu: Logistics bao gồm thông tin, dữ liệu đến từ nhiều nguồn khác nhau như hệ thống GPS, báo cáo thời tiết, hệ thống kiểm kê và các đối tác trong chuỗi cung ứng (bao gồm nhiều thành phần khác nhau). Việc thu thập và tích hợp các tập dữ liệu riêng biệt này vào một nền tảng thống nhất để sử dụng công nghệ AI phân tích và đưa ra gợi ý tối ưu có thể rất phức tạp, đặc biệt với các công ty vừa và nhỏ.

- Ra quyết định theo thời gian thực: Ứng dụng AI trong tối ưu hóa chuỗi cung, logistics thông thường cần đưa ra quyết định theo thời gian thực, chẳng hạn như tối ưu hóa tuyến đường, hiệu chỉnh lộ trình khi bối cảnh thay đổi (thông tin giao thông, hay yêu cầu dịch chuyển biến đổi), xử lý sự cố hay phân bổ lại nguồn lực. Những quyết định này đòi hỏi các thuật toán mạnh mẽ và xử lý nhanh, đặc biệt là khi gặp phải sự gián đoạn hoặc các sự kiện bất ngờ. Việc đảm bảo khả năng xử lý hiệu suất cao, ổn định là một thách thức lớn về mặt kỹ thuật.

- Khả năng mở rộng: Việc mở rộng các giải pháp AI trên các lĩnh vực, phạm vi có số lượng sản phẩm lớn hoặc mô hình hoạt động đa dạng có thể khó khăn. Việc tùy chỉnh các mô hình, công nghệ AI cho các đối tượng có thông tin về bối cảnh địa lý, quy định và văn hóa đa dạng trong các hoạt động logistics phạm vi lớn hay quy mô toàn quốc gia đòi hỏi nhiều rất nhiều nỗ lực và yêu cầu chuyên môn rất cao.

- Chi phí triển khai: Việc triển khai công nghệ AI trong hậu cần thường đòi hỏi đầu tư đáng kể vào cơ sở hạ tầng, phần mềm và đào tạo. Tại Việt Nam, các công ty logistics có quy mô không quá lớn, có thể gặp khó khăn với chi phí để triển khai và vận hành công nghệ AI.

- Chất lượng và tính nhất quán của dữ liệu: Chất lượng và độ chính xác của dữ liệu được sử dụng để đào tạo các mô hình AI là rất quan trọng. Dữ liệu trong lĩnh vực logistics có thể thay đổi rất nhanh, sử dụng dữ liệu không đầy đủ, lỗi thời hoặc không chính xác sẽ dẫn đến việc ra quyết định không tối ưu hoặc thậm chí là sai lầm từ hệ thống.

- Tính phức tạp của động lực chuỗi cung ứng: Chuỗi cung ứng có thể rất năng động và dễ bị gián đoạn (ví dụ: thiên tai, vấn đề địa chính trị). Hệ thống AI phải đủ linh hoạt để thích ứng với những thay đổi này và đưa ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn.

Có thể thấy, ứng dụng AI trong ngành logistics tại Việt Nam đang được chú trọng và ngày càng phổ biến và đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động. Các ứng dụng AI trong lĩnh vực logistics đang giúp các công ty trong ngành logistics mở rộng quy mô, tiết kiệm chi phí hơn, chăm sóc khách hàng và xây dựng mô hình hoạt động bền vững hơn. Việc tích hợp AI vào logistics không chỉ là một xu hướng, mà là sự thay đổi bắt buộc hướng tới quản lý chuỗi cung ứng thông minh hơn và phản ứng nhanh hơn. Bất chấp những khó khăn và thách thức gặp phải, tại Việt Nam, các công cụ AI vẫn dần được triển khai và có tiềm năng to lớn trong việc nâng cao hoạt động logistic. Công nghệ AI cho phép tối ưu hóa mọi thứ từ lập kế hoạch tuyến đường và quản lý hàng tồn kho đến dự báo nhu cầu và tự động hóa kho, hứa hẹn sẽ mang lại ngày càng nhiều lợi ích trong tương lai.

Tuy nhiên, khi so sánh với khu vực và trên thế giới, việc áp dụng công nghệ nói chung, cụ thể là trí tuệ nhân tạo vẫn còn thấp trong cả lĩnh vực hậu cần và vận tải của Việt Nam. Đặc biệt với các công ty nhân có quy mô vừa và nhỏ, cho đến nay, chỉ một số ít công ty có khả năng, và đã bắt đầu tích hợp AI vào hoạt động kinh doanh và vận hành của họ. Chính phủ cần có những giải pháp để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp ứng dụng AI vào hoạt động logistics.

### 6.3.3. Ứng dụng trong quản lý rủi ro và chống gian lận

#### *Thực trạng ứng dụng tại Việt Nam*

AI đã thực tạo ra sự cách mạng trong lĩnh vực quản lý rủi ro và chống gian lận trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau. Các ứng dụng chính của AI trong lĩnh vực này có thể thấy trong các vấn đề chính như:

*Trong vấn đề quản lý rủi ro:*

- Phân tích dự đoán: Các mô hình AI cho phép phân tích dữ liệu lịch sử để dự đoán rủi ro tiềm ẩn, giúp doanh nghiệp chuẩn bị cho những điều không chắc chắn.

- Điểm tín dụng: AI mở rộng phương pháp và nâng cao chất lượng đánh giá điểm tín dụng bằng cách đánh giá nhiều biến số hơn, dẫn đến các đánh giá chính xác hơn.

- Phân tích rủi ro thị trường: Các công cụ AI được ứng dụng rất rộng rãi để đánh giá xu hướng thị trường và các chỉ số kinh tế để dự báo rủi ro thị trường tiềm ẩn.

- Kiểm tra căng thẳng: AI thực hiện các bài kiểm tra căng thẳng đối với các tổ chức tài chính để đánh giá khả năng phục hồi của họ trong những điều kiện bất lợi.

- Dự đoán rủi ro chuỗi cung ứng: AI dự đoán sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng bằng cách phân tích nhiều yếu tố khác nhau như các sự kiện địa chính trị và thiên tai.

*Trong vấn đề chống (phòng ngừa) gian lận:*

- Phát hiện bất thường: Các hệ thống AI xác định các mô hình bất thường trong dữ liệu giao dịch có thể chỉ ra các hoạt động gian lận.

- Sinh trắc học hành vi: AI sử dụng sinh trắc học giọng nói và hành vi để xác minh danh tính và phát hiện các bất thường trong tương tác của người dùng.

- Giám sát thời gian thực: AI liên tục giám sát các giao dịch và đánh dấu các hoạt động đáng ngờ theo thời gian thực.

- Chống rửa tiền (AML): AI giúp phát hiện và ngăn chặn rửa tiền bằng cách phân tích các mẫu giao dịch và đánh dấu các hoạt động đáng ngờ.

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi số và chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động kinh doanh số. Đi kèm với những tiện ích, người dân, người tiêu dùng cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro, đặc biệt là các hoạt động lừa đảo trực tuyến. Lừa đảo trực tuyến ở Việt

Nam đang ngày càng gia tăng về mức độ tinh vi và quy mô<sup>17</sup>. Ghi nhận của Cục An toàn thông tin (ATTT), Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT), trong 9 tháng năm 2024 đã tiếp nhận hơn 22.200 phản ánh về trường hợp lừa đảo trực tuyến do người dùng Internet gửi về Công cảnh báo an toàn thông tin Việt Nam, trong đó hơn 80% vụ việc liên quan đến chiếm đoạt tài sản thông qua các hình thức lừa đảo kỹ thuật số như giả mạo ngân hàng, ví điện tử, và lừa đảo đầu tư. Thực trạng trên đã thúc đẩy các doanh nghiệp Việt nam phát triển và ứng dụng các biện pháp mới trong quản lý rủi ro và chống gian lận.

Phân tích rủi ro tín dụng, phát hiện gian lận và hành vi bất thường: Các ngân hàng và tổ chức tài chính tại Việt Nam đã và đang ứng dụng AI để đánh giá rủi ro tín dụng. Ngân hàng có thể sử dụng công nghệ AI để theo dõi hoạt động tài chính và phân tích dữ liệu khách hàng liên quan đến khoản vay giúp cho các ngân hàng quản lý rủi ro của các khoản vay. Ngoài ra, ngân hàng cũng ứng dụng AI vào các quy trình đánh giá rủi ro để hỗ trợ cho cán bộ tín dụng trong việc phân tích hành vi của người vay, từ đó góp phần làm giảm các hành vi gian lận. Khi sử dụng AI để bảo mật cho ngân hàng, khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến thì hệ thống AI sẽ thông báo ngay cho khách hàng và cảnh báo họ nếu có bất kỳ giao dịch đáng ngờ xảy ra. Điển hình như, ngân hàng Vietcombank đang đẩy mạnh sử dụng AI vào các sản phẩm dịch vụ số trong ngân hàng, bao gồm khả năng đánh giá rủi ro tín dụng và khả năng vỡ nợ. Vietcombank cũng thành lập một trung tâm riêng chuyên nghiên cứu về AI ứng dụng trong ngân hàng, trong đó có ưu tiên về các hệ thống phân tích rủi ro tín dụng và phát hiện gian lận, bên cạnh các ứng dụng khác. Các ngân hàng tại Việt Nam đã triển khai bắt buộc các hệ thống kiểm tra sinh trắc học bằng công nghệ AI cho các giao dịch có khối lượng lớn (theo quy định của Nhà nước). Các thuật toán học máy được sử dụng phổ biến trong nhận diện các giao dịch bất thường, giúp hạn chế phần nào các hành vi lừa đảo trước khi chúng gây thiệt hại lớn.

Dự báo và phân tích rủi ro đầu tư: AI cũng giúp các công ty tài chính và quỹ đầu tư phân tích và dự báo các rủi ro thị trường, từ đó đưa ra các chiến lược đầu tư an toàn và hiệu quả hơn, giảm thiểu thiệt hại

---

<sup>17</sup> Tạp chí Thông tin & Truyền thông. (2024). Thực trạng và xu hướng lừa đảo trực tuyến tại Việt Nam. Truy cập ngày 10/1/2025 tại: <https://ictvietnam.vn/thuc-trang-va-xu-huong-lua-dao-truc-tuyen-tai-viet-nam-67940.html>

trong các đợt biến động thị trường. Một số công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam cung cấp các công cụ phân tích thị trường, tạo ra các lựa chọn xây dựng danh mục cho các nhà đầu tư. Ví dụ như, tại công ty chứng khoán hàng đầu SSI, các phương pháp công nghệ tư AI, học máy (Machine Learning) đã được thử nghiệm nhiều năm qua tại nhiều bộ phận, trong đó có trung tâm phân tích của SSI. Đội ngũ phân tích của SSI đưa ra các bài toán và chiến thuật cho AI để tối ưu hoá và đưa ra các câu trả lời. Những công cụ này khá hữu ích cho nhà đầu tư khi chưa có các ý tưởng cụ thể trong đầu, AI có thể đưa ra một số lựa chọn để nghiên cứu. Tương tự, công ty FireAnt đưa ra một nền tảng cung cấp dữ liệu chứng khoán và các công cụ phân tích gợi ý cho các nhà đầu tư dựa trên ứng dụng AI. Dù vậy, các công nghệ này được ứng dụng trong phạm vi còn hạn chế, nhưng cũng cho thấy việc ứng dụng công nghệ AI trong dự báo và phân tích rủi ro đầu tư hoàn toàn khả thi.

Các công ty fintech, các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam cũng đã triển khai ứng dụng công nghệ AI trong phát hiện gian lận. Thực tế cho thấy, hành vi tài chính lừa đảo đã gia tăng trong những năm gần đây, từ lừa đảo thẻ tín dụng và đơn xin vay tiền đến yêu cầu bảo hiểm không có thật và chuyển khoản ngân hàng bất hợp pháp. Các cá nhân và doanh nghiệp có thể thiệt hại lớn vì các hoạt động gian lận này. Các công ty dịch vụ tài chính với các khoản vay nhỏ, như Mcredit đi đầu trong ứng dụng các giải pháp này. Mcredit đầu tư ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc nhân diện, định danh khách hàng (eKYC), đánh giá điểm tín dụng khách hàng. Từ đó, ứng dụng mô hình Agile và Design Thinking trong hoạt động thiết kế và triển khai sản phẩm số. Bên cạnh đó, các hệ thống AI hiệu quả có thể giám sát các giao dịch tài chính trong thời gian thực và các thuật toán AI có thể phát hiện ra những điểm bất thường hoặc các mẫu lạ khác với thói quen chi tiêu hàng ngày của người dùng. Các doanh nghiệp fintech dựa trên công nghệ AI để phản ứng với các hoạt động có khả năng gian lận nhanh hơn và chính xác hơn. Hiện tại, các doanh nghiệp tài chính đều dành một nguồn lực đáng kể để tiếp tục đầu tư phát triển các hệ thống AI ưu việt trong phát hiện các hoạt động đáng ngờ trước khi hành vi lừa đảo xảy ra.

Các doanh nghiệp cũng phần nào quan tâm tới ứng dụng AI trong dự báo rủi ro thiên tai và môi trường từ đó dự báo ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh. Các mô hình dự báo các rủi ro thiên tai (bão, lũ lụt, động đất) bằng công nghệ AI đã được nghiên cứu và triển khai tại



Việt Nam. Các mô hình cho phép phân tích dữ liệu ảnh vệ tinh, dữ liệu lịch sử về các thông tin môi trường, khí hậu để đưa ra cảnh báo sớm, từ đó giảm thiểu thiệt hại cho người dân và doanh nghiệp.

### ***Hiệu quả và lợi ích***

Tại Việt Nam, có thể thấy các ứng dụng AI trong các vấn đề riêng của lĩnh vực quản lý rủi ro và chống gian lận không chỉ nâng cao hiệu quả và độ chính xác mà còn giảm đáng kể chi phí vận hành cho các hệ thống, đặc biệt trong ngành tài chính, ngân hàng. Các công cụ AI tạo ra các phương thức vận hành theo hướng tự động hóa và giảm thiểu tối ưu yêu cầu về nhân lực tham gia. Từ đó các hệ thống cũng có khả năng triển khai liên tục với quy mô lớn, một đặc điểm mà các hệ thống vận hành với nhiều nhân lực rất khó có thể đạt được. Ứng dụng AI trong lĩnh vực quản lý rủi ro và chống gian lận đang giúp cho các công ty tài chính tại Việt Nam nâng cao niềm tin với người dùng, từ đó thúc đẩy các phương thức thanh toán mới được ứng dụng rộng rãi trong xã hội.

### ***Khó khăn, thách thức:***

Việc áp dụng AI vào quản lý rủi ro và chống gian lận tại Việt Nam đang đặt ra một số thách thức lớn, bao gồm cả những thách thức chung trong lĩnh vực mà các nước trên thế giới đều gặp phải và những thách thức riêng của Việt Nam:

- Chất lượng và tính khả dụng của dữ liệu: Dễ thấy, hệ thống AI yêu cầu khối lượng lớn dữ liệu chính xác, chất lượng cao để xác định hiệu quả các mô hình và đưa ra dự đoán. Trong quản lý rủi ro và chống gian lận, dữ liệu có thể không đầy đủ, không nhất quán hoặc khó truy cập. Dữ liệu chất lượng kém có thể dẫn đến kết quả dương tính giả (xác định sai các giao dịch hợp pháp là gian lận) hoặc kết quả âm tính giả (không phát hiện ra gian lận thực tế). Ví dụ tại Việt Nam, trong lĩnh vực dự báo thiên tai, Giáo sư Trần Thục, Chủ tịch Hội Khí tượng Thủy văn Việt Nam, nhấn mạnh là tầm quan trọng của việc tích lũy dữ liệu chi tiết về các hiện tượng khí tượng trong quá khứ. AI dựa trên các quy luật từ dữ liệu quá khứ để dự đoán tương lai, do đó, cơ sở dữ liệu về các hình thái thời tiết và các điều kiện gây ra hiện tượng cực đoan là vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, hiện nay, cơ sở dữ liệu KTTV của Việt Nam chủ yếu tập trung vào các số liệu quan trắc cơ bản, chưa đủ mức chi tiết cần thiết để hỗ trợ AI trong việc dự báo các hiện tượng phức tạp.

- Các chiến thuật gian lận đang phát triển với tốc độ nhanh: Những kẻ phạm tội thực hiện các hành vi gian lận cũng liên tục phát triển các chiến thuật mới để vượt qua các hệ thống đã được phát triển và triển khai, do đó việc phát triển các mô hình AI như là một cuộc chiến để theo kịp sự thay đổi. Hiện nay, các phương thức lừa đảo trên môi trường số đã thanh đổi nhanh chóng, và thực sự tạo ra những thách thức vô cùng lớn với việc nhận diện, xác thực và truy vết.

- Khả năng giải thích: Nhiều thuật toán AI, đặc biệt là các mô hình học sâu, được coi là "hộp đen", hay còn gọi là các mô hình bất khả tri, khiến việc giải thích lý do đằng sau các quyết định của chúng trở nên khó khăn. Trong các lĩnh vực nhạy cảm như phát hiện gian lận và quản lý rủi ro, điều quan trọng là phải minh bạch và có thể giải thích cách thức và lý do đưa ra quyết định, đặc biệt là trong các ngành được quản lý chặt chẽ. Do đó, việc xây dựng các mô hình dự đoán, cảnh báo gian lận có tính giải thích được là một thách thức rất lớn.

- Tuân thủ quy định: Các tổ chức tài chính và công ty phải tuân thủ các yêu cầu quy định nghiêm ngặt liên quan đến quyền riêng tư dữ liệu, chống rửa tiền (AML) và phòng ngừa gian lận. Đảm bảo rằng các hệ thống AI tuân thủ các quy định này trong khi vẫn duy trì hiệu quả có thể là một thách thức đáng kể. Không tuân thủ có thể dẫn đến hình phạt hoặc tổn hại đến danh tiếng.

- Quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu: Chống gian lận và quản lý rủi ro thường yêu cầu quyền truy cập vào dữ liệu cá nhân, đặc biệt là dữ liệu tài chính. Đây là những dữ liệu hết sức nhạy cảm. Vấn đề đảm bảo các hệ thống AI xử lý các loại dữ liệu này một cách an toàn và tuân thủ luật về quyền riêng tư là một thách thức quan trọng. Bất kỳ vi phạm hoặc sử dụng sai dữ liệu nào cũng có thể dẫn đến hậu quả pháp lý và tài chính cho các cơ quan, tổ chức ứng dụng công nghệ AI.

#### **6.3.4. Phân tích dữ liệu và dự báo/dự đoán thị trường**

##### ***Thực trạng ứng dụng tại Việt Nam***

Trên thực tế, Việt Nam có phần đi sau các nước phát triển trên thế giới trong việc ứng dụng AI vào hoạt động kinh doanh do những hạn chế khách quan về mặt hạ tầng. Nhưng lĩnh vực phân tích dữ liệu và dự đoán thị trường, các doanh nghiệp Việt Nam đã có tiếp cận nhanh chóng. Những công nghệ AI đã và đang được ứng dụng rất lớn trong

lĩnh vực này. Các ứng dụng chính của AI thể hiện trong các giai đoạn khác nhau của quá trình phân tích dữ liệu, cụ thể như:

*Trong vấn đề phân tích dữ liệu:*

- Thu thập, làm sạch và chuẩn bị dữ liệu: AI cho phép tự động hóa quy trình thu thập, làm sạch và chuẩn bị dữ liệu thô trong quá trình phân tích dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu lớn, từ đó tiết kiệm thời gian và cải thiện độ chính xác của quá trình phân tích.

- Nhận dạng mẫu (pattern recognition): AI cung cấp các công nghệ (thuật toán và công cụ) để xác định các mẫu, quy luật và xu hướng thể hiện trong các tập dữ liệu, dữ liệu lớn, cung cấp thông tin chi tiết có giá trị mà các nhà phân tích có thể bỏ qua, đặc biệt phổ biến khi thực hiện phân tích thủ công.

- Phân tích cảm xúc (sentiment analysis): AI, điển hình là công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, được ứng dụng để phân tích dữ liệu văn bản từ phương tiện truyền thông xã hội, các đánh giá, phản hồi và các nguồn khác để phân tích ý kiến và quan điểm của cộng đồng, công chúng. Các kết quả phân tích cảm xúc được sử dụng phổ biến và mang lại giá trị cao trong các lĩnh vực như marketing, quản lý rủi ro, dự báo.v.v...

- Mô hình dự đoán: Công nghệ AI bao hàm rất nhiều các mô hình dự đoán hiệu quả dựa trên dữ liệu lịch sử, hỗ trợ quá trình phân tích và ra quyết định.

- Phân khúc khách hàng (Customer segmentation): AI, với các công cụ nhận dạng mẫu và phân cụm, cung cấp các nền tảng công nghệ cho phép các doanh nghiệp xây dựng và xác định phân khúc khách hàng của mình thông qua các phương thức mới, như phân tích hành vi mua hàng, nhân khẩu học và các yếu tố khác.

*Trong vấn đề dự báo thị trường:* Ứng dụng AI trong bài toán dự báo thị trường có thể chia nhỏ vào các lĩnh vực riêng như:

- Dự đoán giá cổ phiếu: AI được ứng dụng để nghiên cứu và phát triển rất nhiều mô hình phân tích dữ liệu cổ phiếu từ lịch sử giao dịch, tin tức và tâm lý thị trường để dự đoán giá cổ phiếu trong tương lai.

- Các chỉ số kinh tế: AI được sử dụng để xây dựng các mô hình đánh giá các chỉ số kinh tế, chẳng hạn như GDP, tỷ lệ lạm phát và số liệu việc làm, để dự báo xu hướng kinh tế.

- Dự báo nhu cầu: AI được kết hợp với dữ liệu lớn để xây dựng các mô hình hiệu quả dự đoán nhu cầu trong tương lai đối với các sản

phẩm và dịch vụ bằng cách phân tích dữ liệu bán hàng lịch sử, tính theo mùa và xu hướng thị trường.

- Tối ưu hóa chuỗi cung ứng: AI dự báo sự gián đoạn của chuỗi cung ứng và tối ưu hóa việc quản lý hàng tồn kho bằng cách phân tích nhiều yếu tố khác nhau như nhu cầu, thời gian giao hàng và hiệu suất của nhà cung cấp.

- Quản lý danh mục đầu tư: AI hỗ trợ tạo và quản lý danh mục đầu tư bằng cách phân tích dữ liệu thị trường, các yếu tố rủi ro và mục tiêu đầu tư của từng cá nhân.

Phân tích dữ liệu và ứng dụng trong kinh doanh đã là một xu hướng phổ biến trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Tuy nhiên, tại Việt Nam, chất lượng của hoạt động này trong doanh nghiệp còn có những hạn chế nhất định. Các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu đang ở bước số hóa, hoặc đã từng bước sử dụng các công nghệ, phần mềm mới nhưng chưa đạt được mục tiêu đề ra nên đã ngừng sử dụng, hoặc vẫn đang sử dụng nhưng còn gặp khó khăn, chưa thực sự thuận lợi.

Xét về mặt phạm vi, phần lớn các lĩnh vực hoạt động ở Việt Nam đều đã có sự ứng dụng AI trong xử lý dữ liệu. Nhà nước đã và đang dần xây dựng bộ cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu lớn để phát triển thành phố thông minh (TPTM) và chính quyền điện tử giai đoạn 2020 - 2025. Ví dụ điển hình như, Hà Nội đã thực hiện hàng loạt ứng dụng công nghệ vào quản lý điều hành, cũng như cung cấp dịch vụ công ích cho Nhân dân<sup>18</sup>. Trong năm 2017, Hà Nội đã bắt đầu xây dựng một số hệ thống điều hành thông minh. Theo đó, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, AI để xây dựng, phát triển TPTM.

Trong kinh doanh, một số đơn vị như FPT, VNG, VCCorp đã tham gia nghiên cứu và ứng dụng dữ liệu, dữ liệu lớn trong phân tích hành vi khách hàng. Một số trang bán hàng điện tử áp dụng AI trong phân tích kho dữ liệu lớn của mình trong hoạt động thương mại, như trang bán lẻ Sendo, Tiki, v.v...

Trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, nhiều ngân hàng đã dùng dữ liệu tiêu dùng, mua, vay, vị trí thanh toán của khách hàng để xác định giao dịch có hợp lệ hoặc có phải bị gian lận hay không. Tất cả các mô hình phân tích này đều sử dụng AI để có thể phân tích nguồn dữ

---

<sup>18</sup> Tạp chí Tổ chức nhà nước. (2025). Hà Nội: Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử. Truy cập ngày 6/2/2025 tại: [https://tcnn.vn/news/detail/39426/Ha\\_Noi\\_Ung\\_dung\\_cong\\_nghe\\_thong\\_tin\\_trong\\_xay\\_dung\\_chinh\\_quyen\\_dien\\_tuall.html](https://tcnn.vn/news/detail/39426/Ha_Noi_Ung_dung_cong_nghe_thong_tin_trong_xay_dung_chinh_quyen_dien_tuall.html)

liệu đa dạng, dạng số, văn bản, hình ảnh, hành vi v.v... để tạo ra các thông tin có giá trị, đưa vào hoạt động kinh doanh trực tiếp.

Về ngành vận chuyển, có thể kể đến Hãng hàng không Vietnamairlines (VNA). VNA là hãng hàng không Việt Nam đầu tiên đã triển khai xong giai đoạn đầu của nền tảng dữ liệu mở Skywise được phát triển bởi Airbus và đối tác Big Data - Palantir. Hiện nay, VNA đã và đang triển khai tích hợp các cơ sở dữ liệu vào hệ thống Skywise như: thông tin lịch bay, kế hoạch bay (Netlines, FIM), dữ liệu cảm biến trên tàu bay (AGS), các cảnh báo kỹ thuật từ tàu bay (Airman)... Với hệ thống này, các công nghệ mới nhất trong lĩnh vực AI sẽ được ứng dụng vào bài toán phân tích sẽ liệu.

Lĩnh vực cải cách hành chính có Công ty FSI với giải pháp số hóa tài liệu và công nghệ nhận dạng và bóc tách thông tin văn bản dựa trên nền tảng là công nghệ học sâu trong AI. Ngoài ra, một số lĩnh vực khác ở Việt Nam như bất động sản, khám, chữa bệnh... đang dần tiếp cận và ứng dụng AI để phân tích và khai thác dữ liệu, nhằm mang lại hiệu quả hoạt động tối đa.

Tuy nhiên, với các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, theo kết quả khảo sát được công bố trong Báo cáo Thường niên Chuyển đổi số 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cho thấy: 48.8% doanh nghiệp đã từng sử dụng một số giải pháp chuyển đổi số, 35.3% doanh nghiệp đã số hóa dữ liệu, quy trình (chủ yếu đưa các dữ liệu, văn bản, giấy tờ từ “bản cứng” thành “bản mềm” lưu trữ trên hệ thống). Nhưng, chỉ một tỉ lệ nhỏ doanh nghiệp (2.2%) đã làm chủ công nghệ, phần mềm quản lý để phân tích dữ liệu, tự động hoá để đưa ra các quyết định trong sản xuất kinh doanh, cho dù một số vẫn còn gặp khó khăn trong quá trình sử dụng công nghệ.

Xét riêng trong vấn đề dự báo thị trường, các doanh nghiệp Việt Nam đã chú trọng ứng dụng AI trong dự báo thị trường. Trong đó, thường hướng tới các bài toán như: phân tích dữ liệu lớn: Các doanh nghiệp sử dụng AI để phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau như lịch sử mua sắm, thói quen người tiêu dùng, và các yếu tố kinh tế để dự đoán xu hướng thị trường; Dự đoán nhu cầu sản phẩm: AI giúp các doanh nghiệp dự đoán nhu cầu sản phẩm một cách chính xác hơn, từ đó điều chỉnh sản xuất và lưu kho phù hợp.

Một số công ty dẫn đầu xu hướng này như FPT, VIN, v.v. Trong đó, FPT là một trong những công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực

công nghệ thông tin và AI. Họ đã triển khai nhiều dự án AI và đạt được nhiều thành công trong việc ứng dụng AI vào các lĩnh vực khác nhau. Trong đó, FPT digital, hay FPT security đều là các đơn vị trọng ứng dụng AI trong dự báo thị trường. Viettel là một trong những công ty hàng đầu Việt Nam với nhiều dự án AI, bao gồm dự án phát triển hệ thống tự động hóa sản xuất và hệ thống quản lý chuỗi cung, trong đó tích hợp các mô hình dự báo thị trường mới nhất. VIN AI được xếp vào Top 20 công ty toàn cầu dẫn đầu về nghiên cứu AI vào năm 2022, theo bình chọn của Thundermark Capital. Công ty được giới thiệu là đơn vị cung cấp các giải pháp ứng dụng AI trong dự báo thị trường cho nội bộ tập đoàn và các đối tác. Những công ty này đều đang đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển và ứng dụng AI tại Việt Nam nói chung và lĩnh vực dự báo thị trường nói riêng.

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam khi ứng dụng công nghệ AI trong lịch vực phân tích dữ liệu và dự báo/dự đoán thị trường sẽ đạt được những lợi ích lớn. Với các doanh nghiệp, AI giúp các đơn vị này tối ưu hóa chiến lược kinh doanh bằng cách dự đoán các yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận. Với khả năng phân tích và dự đoán chính xác của các mô hình AI, các doanh nghiệp có thể nắm bắt cơ hội mới và phản ứng nhanh chóng với sự thay đổi của thị trường. Với các cơ quan tổ chức nhà nước, các dịch vụ sẽ được cung cấp tối ưu hơn với sự hỗ trợ của AI, làm tăng sự hài lòng của người dân, tối ưu hóa nguồn lực quốc gia.

### ***Khó khăn, thách thức***

Việc triển khai AI vẫn gặp nhiều thách thức như thiếu dữ liệu chất lượng và khả năng phân tích của nguồn nhân lực hiện tại.

Chất lượng dữ liệu là một yếu tố quan trọng đối với bài toán dự báo thị trường, và tại Việt Nam, tình trạng này mặc dù đang có những cải tiến, nhưng vẫn là trở ngại chính để phát triển các mô hình AI có chất lượng cao. Dữ liệu Việt Nam chưa đầy đủ và chưa đồng nhất. Nhiều nguồn dữ liệu thị trường tại Việt Nam không được thu thập đầy đủ, thiếu sự thống nhất về tiêu chuẩn giữa các ngành, lĩnh vực và các tổ chức khác nhau. Bên cạnh đó, dữ liệu thường tồn tại một cách phân tán. Dữ liệu thị trường thường không được tích hợp vào một hệ thống chung, dẫn đến việc khó khăn trong việc truy xuất và phân tích. Dữ liệu có thể chứa lỗi, thiếu sót, hoặc có những thông tin không chính xác, điều này có thể gây sai lệch trong việc dự báo. Độ trễ cập nhật lớn, dữ liệu thị

trường không được cập nhật thường xuyên, khiến cho các mô hình dự báo không phản ánh đúng xu hướng thị trường hiện tại. Ở khía cạnh định dạng và phương pháp thu thập dữ liệu: các dữ liệu thu thập từ nhiều nguồn khác nhau thường không được chuẩn hóa hoặc đồng bộ hóa, gây khó khăn trong việc sử dụng các phương pháp phân tích và dự báo tự động.

Khó khăn điển hình khác là việc thiếu chuyên gia trong từng lĩnh vực để phát triển các mô hình phân tích dữ liệu và dự báo thị trường chuyên biệt. Dù đã có sự gia tăng trong hoạt động đào tạo bậc đại học, sự thiếu hụt chuyên gia trong lĩnh vực khoa học dữ liệu và phân tích thị trường vẫn rất phổ biến. Các doanh nghiệp khó tìm kiếm chuyên gia, đặc biệt chuyên gia cấp cao, đã ảnh hưởng đáng kể đến khả năng triển khai các mô hình dự báo hiệu quả.

### **6.3.5. Quản lý thông minh và tối ưu hóa quy trình sản xuất**

#### ***Thực trạng ứng dụng tại Việt Nam***

AI đang làm thay đổi các quá trình quản trị kinh doanh, thể hiện rõ nhất qua các hệ thống quản lý thông minh và tối ưu hóa quy trình sản xuất trong nhiều ngành sản xuất, dịch vụ khác nhau. Các ứng dụng chính của AI trong lĩnh vực này có thể thấy trong các phần của quá trình sản xuất và quản lý khác nhau. Tối ưu hóa phân bổ nguồn lực: AI cho phép tối ưu hóa việc phân bổ các nguồn lực như nhân lực, vật liệu và thời gian bằng cách phân tích dữ liệu nhu cầu, cung ứng và quy trình làm việc. Quản lý năng lượng: Hệ thống AI giám sát và kiểm soát việc sử dụng năng lượng trong các tòa nhà và nhà máy công nghiệp, giảm chi phí và tác động đến môi trường. Tối ưu lập lịch: AI được sử dụng rất rộng rãi trong bài toán lập lịch, cho phép dự đoán sự cố thiết bị và lên lịch các hoạt động bảo trì để giảm thiểu thời gian chết và kéo dài tuổi thọ thiết bị. Tự động hóa quy trình: ứng dụng AI để tự động hóa các nhiệm vụ lặp đi lặp lại và tốn thời gian, giải phóng nhân viên để tập trung vào các hoạt động chiến lược hơn. Tối ưu hóa chuỗi cung ứng: AI nâng cao hoạt động của chuỗi cung ứng bằng cách dự đoán nhu cầu, tối ưu hóa mức tồn kho và cải thiện hậu cần. Dịch vụ khách hàng: chatbot và trợ lý ảo hỗ trợ AI xử lý các yêu cầu của khách hàng, cung cấp phản hồi được cá nhân hóa và chuyển các vấn đề phức tạp đến các tác nhân con người. Ra quyết định dựa trên dữ liệu: AI phân tích lượng lớn dữ liệu để cung cấp thông tin chi tiết và khuyến nghị hỗ trợ ra quyết định chiến lược.

Trong các nội dung trên, chúng ta đã thấy được thực trạng ứng dụng AI trong lĩnh vực tối ưu hóa chuỗi cung ứng, dịch vụ chăm sóc khách hàng với các hệ thống Chatbot, trong phân tích dữ liệu và hỗ trợ gia quyết định. Do đó, trong phần này chúng ta sẽ chỉ quan tâm tới hiện trạng ứng dụng AI trong những quy trình kinh doanh khác.

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã và đang ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa quy trình sản xuất. Các thành tựu công nghệ mới của AI được các doanh nghiệp ứng dụng trong các hoạt động kinh doanh khác nhau, phổ biến bao gồm:

- Điều chỉnh tham số sản xuất: Các doanh nghiệp đã sử dụng các thuật toán học máy (Machine Learning) để phân tích dữ liệu từ quy trình sản xuất, bao gồm các thông số như nhiệt độ, áp suất, tốc độ máy móc và thời gian vận hành. Từ đó, công cụ AI có thể tự động điều chỉnh các tham số này để tối ưu hóa hiệu suất, giảm thiểu lãng phí và đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng nhất.

- Ngoài ra, AI còn được sử dụng để phát hiện các bất thường có thể ảnh hưởng đến quy trình sản xuất. Sau đó đưa ra các đề xuất hoặc thực hiện các điều chỉnh tự động, giúp giảm thời gian ngừng hoạt động và hạn chế rủi ro hỏng hóc. Kiểm tra chất lượng sản phẩm: Công nghệ học sâu thuộc lĩnh vực thị giác máy tính đang được ứng dụng nhiều hơn mang tới khả năng tự động hóa quy trình kiểm tra, phát hiện các khuyết tật nhỏ để đảm bảo chỉ những sản phẩm hoàn hảo mới được đưa ra thị trường. Ví dụ, RTC Vision (RVS) là phần mềm thị giác máy được phát triển bởi Công ty cổ phần RTC Technology Việt Nam, RVS được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng tự động hóa công nghiệp và kiểm tra chất lượng sản phẩm ứng dụng công nghệ Deep Learning. Các giải pháp và công cụ tương tự đã được các công ty giới thiệu phổ biến tại thị trường Việt Nam, và dần được ứng dụng phổ biến hơn.

- Tối ưu hóa lịch trình sản xuất: Công nghệ AI cho phép phân tích dữ liệu về thời gian sản xuất, khả năng vận hành của máy móc và thời gian giao hàng để xây dựng các lịch trình sản xuất linh hoạt. Khai thác tối đa dữ liệu về thời gian sản xuất, khả năng vận hành của máy móc và thời gian giao hàng để tối ưu hóa lịch trình. Đồng thời, xây dựng các lịch trình sản xuất linh hoạt, có khả năng thích ứng với những thay đổi đột ngột trong đơn hàng hoặc các sự cố không lường trước, đáp ứng các mục tiêu như giảm thời gian chờ đợi, tăng hiệu suất máy móc và



đảm bảo thời gian giao hàng chính xác. Ví dụ, Siemens đã phát triển một hệ thống AI thông minh, có khả năng học hỏi và tự thích ứng với những thay đổi trong quá trình sản xuất. Nhờ đó, hệ thống có thể dự đoán và ngăn chặn các sự cố trước khi chúng xảy ra, giảm thiểu rủi ro và đảm bảo hoạt động liên tục của nhà máy. Các công ty như Siemens đã phát triển hệ thống AI thông minh, có khả năng học hỏi và tự thích ứng với những thay đổi trong quá trình sản xuất, giúp dự đoán và ngăn chặn các sự cố trước khi chúng xảy ra.

Ứng dụng AI để xây dựng quy trình vận hành tối ưu, nâng cao hiệu suất công việc, giảm chi phí nhân sự đang được triển khai tại các đơn vị quản lý bất động sản. Chia sẻ về ứng dụng AI trong quản lý vận hành tòa nhà, bà Hoàng Nguyệt Minh, Giám đốc Cấp cao, Bộ phận Cho thuê Thương mại, Savills Hà Nội cho biết, xu hướng văn phòng thông minh đã bắt đầu xuất hiện. Tại một số tòa nhà do Savills quản lý vận hành như tòa Grand Terra - 36 Cát Linh đã ứng dụng AI kết hợp công nghệ nhận diện khuôn mặt để kiểm soát người ra vào khu vực văn phòng. Công nghệ này cho phép đánh giá hành vi của người ra vào, và tự động gửi cảnh báo đến phòng an ninh khi phát hiện những dấu hiệu bất thường. Đại diện Savills đánh giá, xu hướng văn phòng tích hợp công nghệ sẽ phát triển mạnh mẽ và hứa hẹn đem lại nhiều tiện ích trong tương lai.

### ***Khó khăn, thách thức***

Có rất nhiều lợi ích khi ứng dụng AI trong lĩnh vực quản lý thông minh và tối ưu hóa quy trình sản xuất. Nhưng bên cạnh đó, các doanh nghiệp muốn thành công trong hoạt động này cũng cần vượt qua nhiều thách thức, trong đó có các thách thức chính như:

- Chi phí ban đầu lớn: Ứng dụng AI vào lĩnh vực quản lý thông minh và tối ưu hóa quy trình sản xuất thông thường đòi hỏi đầu tư ban đầu rất lớn cho cả phần cứng và phần mềm. Các hệ thống như kiểm soát chất lượng tự động, hay tối ưu tham số sản xuất thường yêu cầu các thiết bị phần cứng hiện đại, được thiết kế thông minh và có chi phí rất lớn.

- Đào tạo kỹ năng mới cho nhân viên: Trên thực tế trong quá trình chuyển đổi mô hình sản xuất các các mô hình mới, có khả năng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu về AI đòi hỏi các doanh nghiệp phải thực hiện những chuyển đổi sâu rộng, thay đổi cấu trúc và hình thức quản lý, đồng thời đào tạo những kỹ năng mới phù hợp cho nhân viên.

Thực tế, việc đào tạo lại nhân viên thích ứng với những công cụ mới có hiệu suất cao là một thách thức, trở ngại lớn trong hành trình chuyển đổi của doanh nghiệp.

Việt Nam đang là một môi trường sản xuất năng động, các doanh nghiệp trong nước đã bước đầu ứng dụng AI để nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực quản lý thông minh và tối ưu hóa quy trình sản xuất. Các ứng dụng này không chỉ cải thiện hiệu quả và giảm chi phí mà còn tăng cường sự linh hoạt và khả năng phản ứng tổng thể của doanh nghiệp trong môi trường thị trường biến động rất nhanh như hiện nay.

## **6.4. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ THÁCH THỨC CỦA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI TẠI VIỆT NAM THỜI GIAN QUA**

### **6.4.1. Xu hướng phát triển của công nghệ AI tại Việt Nam**

Cùng với xu hướng của toàn cầu, năm 2024 và thời gian tới, AI được coi là công nghệ then chốt thúc đẩy chính phủ số, kinh tế số và xã hội số tại Việt Nam. Cùng với công nghệ chuỗi khối, dữ liệu lớn và IoT, AI được chú trọng ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực và trở thành trụ cột và đột phá trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Việt Nam trở thành một điểm sáng của phát triển AI.

*Xây dựng và phát triển hạ tầng dữ liệu và tính toán.* Hạ tầng dữ liệu, tính toán và chất lượng dữ liệu là các vấn đề then chốt trong phát triển các ứng dụng AI. Tại Việt Nam, hạ tầng dữ liệu và tính toán mới chỉ ở mức sơ khai, dữ liệu chưa nhiều, nằm rải rác khắp nơi và chưa đủ chất lượng. Chỉ số hạ tầng và dữ liệu của Việt Nam là rất thấp khi so sánh với các quốc gia có cùng chỉ số sẵn sàng về trí tuệ nhân tạo toàn cầu. Theo báo cáo chỉ số sẵn sàng trí tuệ nhân tạo năm 2023 do Oxford Insights công bố, Việt Nam tăng điểm lần thứ ba liên tiếp có điểm trung bình đạt 54,48 điểm, đứng thứ 5/10 trong ASEAN và tăng một bậc so với năm 2022 (Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 2024). Do đó, sẽ cần thiết để Việt Nam tiếp tục duy trì và phát triển hạ tầng dữ liệu, giúp tiếp cận, cải thiện hiệu quả và năng suất của hệ thống khoa học và nghiên cứu công nghệ AI nhằm giảm chi phí trùng lặp trong việc thu thập, chuyển giao và tái sử dụng dữ liệu và tài liệu khoa học. Việt Nam sẽ tiếp tục đầu tư trong hình thành các cơ sở dữ liệu hành chính dùng chung, chia sẻ, mở trong quá trình triển khai chính phủ điện tử; mở rộng khung chia sẻ dữ liệu tin cậy nhằm thúc đẩy hợp tác chia sẻ dữ liệu giữa các doanh nghiệp, cá nhân thuộc khu vực tư nhân; tích hợp dữ liệu dùng chung, chia sẻ, mở của các bộ, ngành, địa phương lên cổng

dữ liệu quốc gia; xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy sử dụng các nền tảng nội địa, cơ chế liên kết và chia sẻ các hệ thống tính toán hiệu năng cao, tính toán đám mây (Thủ tướng Chính phủ, 2021).

*Đầu tư phát triển AI thế hệ mới.* Việt Nam đã và đang kiến tạo môi trường khởi nghiệp thuận lợi cho các startup phát triển và ứng dụng công nghệ số, bao gồm AI nhờ sự hỗ trợ từ chính sách của nhà nước và doanh nghiệp lớn, chi phí thấp, hạ tầng thuận lợi. Các doanh nghiệp đang đầu tư mạnh mẽ vào phát triển AI tạo sinh có khả năng sáng tạo nội dung mới mẻ, độc đáo và chất lượng cao dựa trên dữ liệu mà ứng dụng này học được và sử dụng mô hình học sâu và mô hình phổ biến mạng đối nghịch tạo sinh (Generative Adversarial Networks – GANs). Công ty tập trung vào AI tạo sinh nhờ khả năng giải phóng sức lao động của con người, khả năng xử lý dữ liệu khổng lồ và đa dạng, nâng cao hiệu suất, và chất lượng sản phẩm. Đồng thời, AI tạo sinh được ứng dụng trong các lĩnh vực khác nhau như truyền thông và giải trí, nghệ thuật và thiết kế, truyền thông và bán hàng, phát triển sản phẩm và dịch vụ, và công nghệ thông tin... Việt Nam có các lợi thế để phát triển AI tạo sinh về con người (với dân số trẻ, khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ) và nền tảng tài nguyên số (với 84% người dân sở hữu điện thoại thông minh và 4G được phủ sóng tới 99,8% người dân, nguồn dữ liệu dồi dào). Bên cạnh đó, nguồn dữ liệu của Việt Nam mang tính đặc thù, bản địa, nhiều bài toán chỉ có người Việt mới khai thác được. Việt Nam đã tự phát triển và làm chủ được một số mô hình ngôn ngữ lớn Tiếng Việt và được giới thiệu tới các doanh nghiệp. Điển hình, VNPT Generative AI phát triển nền tảng AI định danh và xác thực điện tử VNPT eKYC, nền tảng AI xử lý hình ảnh VNPT SmartVision, nền tảng AI phân tích hành vi cá nhân hóa trải nghiệm phục vụ cho triệu người dùng, AI tạo sinh đưa ra phân tích chuyên sâu về sự tương tác giữa khách hàng và điện thoại viên. Quy mô thị trường của AI tạo sinh ước đạt 174,1 triệu Đô la Mỹ vào năm 2025 (Statista, 2024b). Quy mô thị trường sẽ cho thấy tốc độ tăng trưởng hàng năm (từ 2025–2030) là 41,52%, và đạt quy mô thị trường là 988,2 triệu Đô la Mỹ vào năm 2030 (Statista, 2024a). Vì thế, xu hướng ứng dụng và phát triển AI tạo sinh phù hợp với thị trường Việt Nam và Việt Nam cần tập trung vào ba trụ cột chính là con người (nguồn nhân lực trình độ cao), tài nguyên (cơ sở dữ liệu) và công cụ.

*Phát triển mạnh của ứng dụng AI đàm thoại.* AI đàm thoại đã được ứng dụng trong một số lĩnh vực như ngân hàng, du lịch, thương mại điện tử, giáo dục, hành chính tại Việt Nam. Trong năm 2025, ứng dụng công nghệ này sẽ phát triển mạnh mẽ hơn. Khi các tổ chức và doanh nghiệp mở rộng trên phạm vi và quy mô rộng lớn hơn, ứng dụng AI đàm thoại sẽ được nâng cấp và triển khai rộng rãi để giải quyết các vấn đề tương tác của tổ chức với khách hàng, xử lý các truy vấn, yêu cầu và các nghiệp vụ phức tạp hơn. Ứng dụng AI đàm thoại (như chatbot) sẽ tiếp tục phát triển trong lĩnh vực chuyển đổi số mạnh mẽ tại Việt Nam như ngân hàng, thương mại điện tử, giáo dục và một số lĩnh vực tiên năng như dịch vụ hành chính, pháp luật, bất động sản, y tế, chăm sóc sức khỏe.

*AI cải thiện cá nhân hóa trải nghiệm người dùng.* Cá nhân hóa là một yêu cầu cần thiết trong hoạt động tương tác và cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Để đáp ứng nhu cầu cá nhân hóa, các tổ chức và doanh nghiệp cần thiết kế và nâng cấp công nghệ AI và các công nghệ này có khả năng tùy chỉnh, hiểu rõ các đặc điểm, sở thích và hành vi của mỗi khách hàng; từ đó, sẽ nâng cao hiệu quả trong hoạt động tương tác và cung ứng sản phẩm, dịch vụ. Tại Việt Nam, các lĩnh vực như bán lẻ, tài chính – ngân hàng, y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đang cạnh tranh gay gắt. Điều này đòi hỏi các tổ chức và doanh nghiệp cần phải nghiên cứu, tiếp cận và áp dụng các công nghệ số để mở rộng mối quan hệ với khách hàng tiềm năng, tăng cường sự trung thành của khách hàng hiện tại. Vì thế, ứng dụng công nghệ AI sẽ là giải pháp quan trọng giúp tổ chức và doanh nghiệp giải quyết các vấn đề đó thông qua khả năng trao đổi, giao tiếp và truyền thông mang tính cá nhân hóa với khách hàng trong thời gian tới.

#### **6.4.2. Thách thức của ứng dụng công nghệ AI tại Việt Nam**

*Thiếu hụt nguồn nhân lực công nghệ cao.*

Trong cuộc đua AI, nhân lực là con át chủ bài. Không chỉ các công ty Việt Nam tranh giành những kỹ sư, nghiên cứu viên AI người Việt tốt nhất, mà cả các tập đoàn quốc tế và những công ty hàng đầu thế giới làm về AI cũng muốn tận dụng lực lượng tinh hoa này. Sự tham gia của các công ty này là một dấu hiệu tốt. Nó đã tạo ra một động lực, thu hút được các chuyên gia, kỹ sư AI của Việt Nam từ khắp nơi trên thế giới. Các hội thảo với sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài

được tổ chức thường xuyên đang giúp hình thành dần các cộng đồng AI trong nước.

Cuộc chiến nhân tài đã hút lượng đáng kể nguồn nhân lực AI còn mỏng của Việt Nam, trong khi việc đào tạo nhân lực ngành AI chuyên nghiệp vẫn còn yếu và thiếu. Dù các trường đại học đang tăng tốc, thậm chí ký được thỏa thuận hợp tác với những đối tác công nghệ lớn từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Úc,... để mở ra các trung tâm nghiên cứu AI quốc tế tại Việt Nam, thì tốc độ và chất lượng đào tạo cũng được đánh giá là “khó theo kịp nhu cầu” vì số lượng trường đại học thực sự đào tạo tốt ngành này chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Ngay cả đào tạo nhân lực công nghệ thông tin, vốn được coi là “vòng ngoài” cho việc phát triển và ứng dụng các công nghệ số mới, cũng đang thiếu hụt khoảng 100.000 – 200.000 người mỗi năm. Theo báo cáo của Nexus FrontierTech năm 2019, nguồn nhân lực AI của Việt Nam hiện nay chỉ đáp ứng 1/10 nhu cầu thị trường.

Nhưng nhu cầu nhân lực AI không chỉ cần những “tinh hoa” về công nghệ, mà còn đòi hỏi cả “phổ thông” - tức những người có khả năng ứng dụng AI trong ngành nghề của mình và có những kỹ năng hợp tác với AI một cách hiệu quả. Trong một tọa đàm AI cuối năm 2020, GS. Hồ Tú Bảo, chuyên gia nghiên cứu và tư vấn về triển khai AI tại Việt Nam, nhận định rằng trên thực tế, số lượng nhân lực để hiểu thuật toán và tạo ra các công cụ AI chỉ chiếm 2-3%, trong khi phần lớn 70-80% là những người dùng công cụ đó để áp dụng trong các lĩnh vực chuyên môn (tài chính, bảo hiểm, y tế, thông tin, sản xuất, chế tạo, bán lẻ, dịch vụ...).

Vì vậy, để phát triển AI, trước tiên Việt Nam phải có bước đi phù hợp trong đào tạo nguồn nhân lực cả bề rộng và chiều sâu. Câu chuyện đào tạo đòi hỏi sự hợp tác của Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, Bộ TT&TT và Bộ LĐTB&XH dưới sự điều hành của Nhà nước và Chiến lược AI. Theo nhiều chuyên gia, để đáp ứng nhu cầu nhân lực AI khổng lồ trong vòng 10 năm tiếp theo, Việt Nam cần dành khoản đầu tư lớn để triển khai đồng thời nhiều cách tiếp cận rộng rãi, bao gồm cả đào tạo chính quy, kết hợp đào tạo doanh nghiệp – viện trường, đào tạo trong cộng đồng và giáo dục trực tuyến mở đại trà.

Việc phát triển AI không chỉ đòi hỏi kinh phí lớn mà còn cần nguồn nhân lực chất lượng cao dồi dào. Hiện tại, nhân lực AI cũng là những đối tượng được săn đón không chỉ bởi các doanh nghiệp trong

nước mà còn đối với những tập đoàn nước ngoài. Tuy nhiên, nguồn cung nhân lực AI ở nước ta đang ở mức rất thấp, chỉ đáp ứng được 10% nhu cầu tuyển dụng. Công nghệ AI phát triển rất nhanh và sâu nên khó tìm được đội ngũ nhân lực hoặc chuyên gia có đủ và sâu kiến thức để theo kịp sự phát triển này. Mặc dù với tiềm lực là một thành phố trẻ có mật độ khoa học - công nghệ cao đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu và các cơ sở tổ chức liên quan nhưng nguồn nhân lực có chuyên môn cao và sâu về AI lại là bài toán đau đầu đối với Việt Nam, đến nay vẫn còn khó khăn, chưa có giải pháp. Đặc biệt khi Việt Nam đã xác định phát triển kinh tế AI và muốn AI trở thành ngành kinh tế mũi nhọn thì chắc chắn phải thu hút được đội ngũ nhân lực về AI chất lượng cao để giúp Việt Nam có thể hoàn thành mục tiêu đã đặt ra trong chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

Hiện nay, theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), Việt Nam có 700 kỹ sư AI làm việc chuyên sâu, nhưng chỉ có khoảng 300 chuyên gia AI trong lực lượng lao động (WIPO, 2024). Một trong những thách thức lớn nhất đối với việc phát triển AI tại Việt Nam là thiếu nguồn nhân lực chuyên sâu và chất lượng cao. Ông Đặng Hữu Sơn, đồng sáng lập LovinBot và Phó Chủ tịch Liên minh phát triển nguồn nhân lực số Việt Nam (AIID), cho biết lĩnh vực AI tạo sinh dự kiến sẽ đóng góp tới 14.000 tỷ đồng vào nền kinh tế số vào năm 2030 và trong năm năm tới cần hơn 100.000 chuyên gia để đáp ứng nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, hiện nay, số lượng nhân lực đủ trình độ để làm việc trong lĩnh vực này còn rất hạn chế. Chuyên gia Nguyễn Xuân Hoài, Viện trưởng Viện Trí tuệ nhân tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, chia sẻ rằng mỗi năm chỉ có khoảng 30% trong số 55.000 sinh viên công nghệ thông tin tốt nghiệp có khả năng làm việc liên quan đến AI. Nhiều trường đại học và cơ sở giáo dục tại Việt Nam đã bắt đầu tiên phong trong việc đào tạo nguồn nhân lực AI. Điển hình, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã định hướng phát triển các khối ngành đào tạo liên quan đến AI với quy mô lớn, bao gồm khoảng 6.000 sinh viên đại học, 1.000 học viên cao học và 300 giảng viên. Mục tiêu là đóng góp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành AI của Việt Nam (Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 2024). Bên cạnh đó, Việt Nam cần xác định rõ mục tiêu và phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu dựa trên thực tiễn, có sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo và doanh

nghiệp nhằm tận dụng cơ sở hạ tầng và định hướng, nhu cầu thực tế của doanh nghiệp nhằm đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp với thực tiễn và phát triển lĩnh vực AI trong tương lai tại Việt Nam.

*Vấn đề an toàn và bảo mật.* Bên cạnh xu hướng phát triển của AI tạo sinh và lợi ích của công nghệ này trong việc sáng tạo nội dung, AI tạo sinh mang lại các cơ hội để tin tặc gây ra tình trạng mất an ninh, an toàn mạng. Vấn đề rủi ro từ việc giả mạo nội dung, ảnh hưởng đến tính xác thực, tin cậy, và quyền riêng tư của người dùng. Công nghệ AI có thể tạo nội dung giả mạo như công nghệ Deepfake qua việc sử dụng mô hình học máy. Đồng thời, với sự hỗ trợ của AI tạo sinh, vấn đề lừa đảo và xâm phạm quyền riêng tư ngày càng phức tạp thông qua việc tạo ra tin nhắn, thư điện tử, cuộc trò chuyện tự động. AI tạo sinh thực hiện các cuộc tấn công vào hệ thống thông tin nhờ khả năng tạo ra các loại mã độc, mã nguồn, chương trình độc hại, thư điện tử và website giả mạo. Các hình thức tấn công kỹ thuật này trở nên tinh vi hơn khi có khả năng che dấu, khó phân biệt và tránh bị phát hiện bởi các công cụ bảo mật. Hơn nữa, nguy cơ rủi ro đối với dữ liệu cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khi người dùng sử dụng thông tin cá nhân (như nhân khẩu học, địa chỉ, tài khoản ngân hàng) và thông tin từ tổ chức (như chiến lược kinh doanh, dự án, thông tin khách hàng) cho AI tạo sinh và thông tin này có thể bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép. Khi sử dụng và chia sẻ dữ liệu cá nhân cho AI tạo sinh, người dùng còn thiếu ý thức bảo vệ và cung cấp cần trọng. Sự tồn tại của các mô hình sử dụng AI tạo sinh để tạo ra các nội dung giả mạo và không chính xác đặt ra các thách thức cho việc kiểm soát thông tin và bảo vệ quyền riêng tư của người dùng (Châu Minh Khánh, 2024). Ngoài ra, các thách thức cho an ninh mạng, các hệ thống và thuật toán mã hóa từ sự xuất hiện của các siêu máy tính, chip lượng tử với khả năng tính toán cực lớn. Vì vậy, Việt Nam sẽ tiếp tục đối mặt với các thách thức to lớn hơn về an ninh mạng trong năm 2025 khi các cuộc tấn công mạng dựa trên công nghệ AI ngày càng tinh vi, đa dạng, phức tạp hơn.

*Phát triển công nghệ AI gắn với trách nhiệm và đạo đức.* AI có trách nhiệm là một cách tiếp cận để triển khai và phát triển AI từ quan điểm đạo đức và pháp lý nhằm tạo ra AI an toàn, đáng tin cậy và có đạo đức. AI có trách nhiệm liên quan đến việc xem xét các tác động tiềm tàng của công nghệ này đến người dùng, môi trường, và xã hội nhằm giảm thiểu các tác hại và ưu tiên tính minh bạch và công bằng khi thiết

kế, sử dụng và phát triển AI. Do đó, phát triển AI có trách nhiệm cần đảm bảo quy trình và giải pháp thiết kế và sử dụng AI phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, không gây hại cho con người và môi trường (Nguyễn Hùng, Vũ Hùng Cường, 2024). Tại Việt Nam, Chính phủ đã đề ra nhiều định hướng chiến lược nhằm thúc đẩy phát triển và ứng dụng AI một cách có trách nhiệm. Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 1290/QĐ-BKHCN, hướng dẫn các nguyên tắc nghiên cứu, phát triển hệ thống AI có trách nhiệm, bao gồm tính minh bạch, khả năng kiểm soát, an toàn, bảo mật và tôn trọng quyền con người. Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Thế Duy nhấn mạnh rằng, AI có trách nhiệm và đạo đức là vấn đề quan trọng cần được chú trọng ngay từ khâu xây dựng hệ thống, và yêu cầu sự phối hợp của nhiều bộ ngành (Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 2024).

*Các quy định về bảo vệ quyền riêng tư và an toàn an ninh mạng liên quan công nghệ AI.*

Khi công nghệ AI tiếp tục phát triển, những cân nhắc về mặt đạo đức và xã hội ngày càng trở nên quan trọng. Các vấn đề như quyền riêng tư dữ liệu, sự thiên vị của thuật toán và tác động của AI đối với việc làm cần được giải quyết để đảm bảo phát triển và triển khai AI có trách nhiệm.

Chiến lược AI của Việt Nam nhấn mạnh tầm quan trọng của những cân nhắc về mặt đạo đức trong nghiên cứu và ứng dụng AI. Chính phủ đang nỗ lực xây dựng các hướng dẫn đạo đức và thông lệ tốt nhất cho AI, tập trung vào tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và công bằng. Các chiến dịch nâng cao nhận thức của công chúng cũng được tiến hành để giáo dục người dân về những lợi ích và rủi ro tiềm ẩn của AI, thúc đẩy văn hóa sử dụng AI có trách nhiệm. Phát triển AI có trách nhiệm và đạo đức là sự cần thiết đối với mỗi quốc gia để phát huy tầm ảnh hưởng và giá trị tích cực của công nghệ này. Các quốc gia trên thế giới đã nhận thức và thông qua nhiều văn bản pháp lý về AI có trách nhiệm và đạo đức ở quy mô quốc gia và khu vực. Điều này sẽ đảm bảo việc thực hiện và phát triển AI một cách hợp pháp, đạo đức, tin cậy, giảm thiểu tác động tiêu cực và tiềm năng đối với vấn đề an ninh mạng. Điển hình, chính phủ Anh đã có định hướng chính sách thông qua việc ban hành sách trắng về AI vào ngày 29/03/2023 với 5 đề xuất nguyên tắc cho khung quy định về AI, bao gồm: (i) An toàn, bảo mật, bền vững; (ii) Tính minh bạch và giải thích phù hợp; (iii) Công bằng; (iv) Trách



nhiệm giải trình và quản trị; (v) Khả năng cạnh tranh và khắc phục. Tại Liên minh Châu Âu (EU), 27 quốc gia đã phê duyệt và thông qua đạo luật AI, chính thức áp dụng vào ngày 01/08/2024. Đây là văn bản pháp lý đầu tiên trên thế giới về quản lý hệ thống AI an toàn và tôn trọng các quyền cơ bản của con người và các giá trị của EU. Đạo luật này quản lý AI dựa trên mức đánh giá nguy cơ rủi ro từ tối thiểu đến không thể chấp nhận được; đề cập đến danh sách nguy cơ rủi ro cao trong việc sử dụng AI trong các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng trọng yếu, giáo dục, nhân sự, an ninh trật tự và lý di cư; quy định các hệ thống AI tạo sinh sẽ chịu một số yêu cầu đặc biệt như phải thông báo với người dùng và gắn nhãn do AI tạo ra (Báo Chính phủ, 2024). Một số quốc gia có sự phát triển AI đã thông qua văn bản pháp lý liên quan như Trung Quốc với đạo luật quản lý về AI tạo sinh năm 2023 trong việc quản lý dữ liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, Mỹ với đạo luật về trách nhiệm giải trình bằng thuật toán năm 2022 trong việc đánh giá tác động đối với hệ thống ra quyết định tự động (bao gồm AI) tập trung vào quyền riêng tư và tính hiệu quả, và Ủy ban Thương mại liên bang đã ban hành hướng dẫn sử dụng AI nhấn mạnh sự công bằng, trách nhiệm và minh bạch (Nguyễn Hùng, Vũ Hùng Cường, 2024).

Tại Việt Nam, ngày 26/1/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 127/QĐ-TTg về Chiến lược quốc gia nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI đến năm 2030. Chiến lược này, cùng với Luật Công nghệ cao 2008, tạo ra khung pháp lý quan trọng cho sự phát triển AI tại Việt Nam. Ngày 2/2/2024, Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược về dữ liệu quốc gia, đây là cơ sở quan trọng để phát triển AI của Việt Nam. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển của các công nghệ AI thế hệ mới như AI tạo sinh, Việt Nam chưa có quy định pháp lý cụ thể đảm bảo sự phát triển bền vững. Trong khi, AI được xem là công nghệ cốt lõi của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư và tác động ý nghĩa đến phát triển kinh tế - xã hội và đưa Việt Nam trở thành một điểm sáng về AI. Vì vậy, sẽ là một thách thức lớn đối với Việt Nam khi chưa có văn bản và đạo luật liên quan đến quản lý về AI, đặc biệt AI thế hệ mới quy định rõ ràng về tính minh bạch, tính riêng tư, sự công bằng và trách nhiệm. Đồng thời, Việt Nam cần có cơ chế hỗ trợ cho việc tập hợp dữ liệu lớn, cơ chế khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp với các trung tâm nghiên cứu, trường đại học về dữ liệu và tạo ứng dụng AI dành cho Việt Nam, và các quy định pháp lý để bảo vệ lợi ích và tính riêng tư của dữ liệu chia sẻ của

người dùng. Vì vậy, cơ sở pháp lý sẽ góp phần tạo môi trường phát triển AI nhanh chóng, có trách nhiệm, đạo đức và bền vững.

Bên cạnh đó, AI tại Việt Nam đối diện với thách thức khác như khả năng tiếp cận với chuyên gia và cố vấn hàng đầu về AI để đánh giá và thẩm định sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường, thiếu cơ hội tiếp cận với cơ sở hạ tầng, nền tảng và công cụ sẵn sàng cho doanh nghiệp. Đây là các yếu tố then chốt thúc đẩy việc thương mại hóa sản phẩm AI ra thị trường Việt Nam và toàn cầu.

### *Cơ sở hạ tầng dữ liệu và tính toán.*

Một trở ngại quan trọng mà Việt Nam cần vượt qua là xây dựng hạ tầng dữ liệu và tính toán. AI là một lĩnh vực dựa trên dữ liệu, nên nếu không có dữ liệu tốt và cập nhật thường xuyên, chúng ta sẽ lâm vào ngõ cụt. Trong khi đó, hạ tầng tính toán là “cỗ máy” để AI chạy cũng rất quan trọng, bởi khi tốc độ phát triển và áp dụng AI ngày càng tăng thì khối lượng tính toán và tài nguyên cho tính toán cũng phải tăng tương ứng.

Hạ tầng dữ liệu và tính toán của Việt Nam mới đang ở mức sơ khởi. Việt Nam chưa có nhiều bộ dữ liệu chất lượng tốt; các dữ liệu thường bị phân mảnh, ít liên thông và hạn chế về quyền truy cập. Nói đến Chiến lược AI, Thứ trưởng Bộ KH&CN Bùi Thế Duy khẳng định rằng để thực hiện tốt các mục tiêu đề ra, Việt Nam cần nhanh chóng hình thành văn hóa chia sẻ dữ liệu và tiếp cận mở.

Nỗ lực thúc đẩy chia sẻ và tập trung dữ liệu của Chính phủ Việt Nam đã được thể hiện qua việc khởi động Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn) chia sẻ dữ liệu bộ ngành, địa phương; cũng như thiết lập Hệ tri thức Việt số hóa để thu thập nguồn dữ liệu từ cộng đồng, dán nhãn và tiền xử lý những dữ liệu đó nhằm ứng dụng cho trí tuệ nhân tạo.

Tuy nhiên, để AI được nghiên cứu và áp dụng phổ biến hơn, văn hóa chia sẻ, kết nối và mở cửa cần lan tỏa đến cả khu vực doanh nghiệp. Vingroup đang tiên phong khi mở bộ dữ liệu 18.000 ảnh X-quang được thu thập và gán nhãn bởi các bác sĩ chẩn đoán hình ảnh uy tín. Ngay sau đó, họ mở mã nguồn cho phần mềm gán nhãn để các nhóm nghiên cứu hoặc công ty khởi nghiệp có thể nhanh chóng phát triển bài toán riêng của mình về AI trong y tế. Theo các cộng đồng phát triển công nghệ, những thiện chí chia sẻ dữ liệu như vậy rất quý giá và nên tăng cường trên nhiều lĩnh vực hơn.

## PHẦN 4. DỰ BÁO VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH NĂM 2025

### CHƯƠNG 7. DỰ BÁO VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

#### 7.1. DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI

##### 7.1.1. Nhận diện bối cảnh thế giới

Kinh tế thế giới bước vào năm 2025 trên nền tảng tăng trưởng ổn định của năm 2024, lạm phát hạ nhiệt, căng thẳng tại Trung Đông có dấu hiệu hạ nhiệt nhờ lệnh ngừng bắn tại Gaza chính thức có hiệu lực<sup>19</sup>, chính sách nới lỏng tiền tệ của các nền kinh tế lớn trên thế giới từ nửa cuối năm 2024 dự kiến sẽ kéo dài trong năm 2025, những tiến bộ công nghệ của cuộc CMCN 4.0 tiếp tục đem lại nhiều thay đổi mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Mặc dù vậy, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với những rủi ro về địa chính trị, đặc biệt là xung đột Nga - Ukraine vẫn chưa hạ nhiệt, tình trạng biến đổi khí hậu, cùng với những tác động do thay đổi chính sách của Tổng thống Donald Trump mang lại. Những chính sách dự kiến sẽ được ông Donald Trump áp dụng và có ảnh hưởng lớn tới kinh tế thế giới, bao gồm:

*Thứ nhất*, các tuyên bố của ông Trump trong chiến dịch tranh cử cho thấy khả năng áp thuế 60% đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc và thuế 10% đến 20% đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu của các quốc gia khác; áp thuế 25% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Mexico và Canada.<sup>20</sup> Ngày 1/2/2025, Tổng thống Trump đã ký lệnh áp thuế lên hàng hóa Mexico, Canada và Trung Quốc. Theo đó, năng lượng nhập khẩu từ Canada sẽ bị áp thuế 10%, trong khi mặt hàng này từ Mexico vẫn chịu thuế 25%. Các mặt hàng khác từ Mexico và Canada chịu mức thuế 25% và toàn bộ hàng Trung Quốc bị áp thêm 10%, từ 0<sup>h</sup>01 ngày 4/2. Tuy nhiên, đến ngày 3/2/2025, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã tạm hoãn áp thuế cao đối với Mexico và Canada trong 30 ngày, dù vẫn giữ nguyên mức thuế quan của Mỹ đối với Trung Quốc. Theo Reuters, động thái trên của Tổng thống Trump nhằm đối lấy

---

<sup>19</sup> Vào 16h15' chiều ngày 19/1/2025 theo giờ Việt Nam, lệnh ngừng bắn ở Gaza được thỏa thuận giữa Israel và phong trào Hồi giáo Hamas đã chính thức có hiệu lực, mở ra hy vọng về một viễn cảnh hòa bình lâu dài tại Dải Gaza.

<sup>20</sup> <https://www.icgam.com/2024/11/27/what-does-trumps-election-win-mean-for-the-global-economy/>.

những nhượng bộ về thực thi biên giới và tội phạm từ phía hai quốc gia Canada và Mexico.

*Thứ hai*, gia hạn Đạo luật cắt giảm thuế và việc làm vào cuối năm 2025, với một số biện pháp bổ sung, bao gồm giảm thuế doanh nghiệp từ 21% xuống 20% (15% đối với một số công ty), tăng chi tiêu quốc phòng và cắt giảm chi tiêu để chính sách tài khóa nới lỏng 0,5% GDP vào năm 2026<sup>21</sup>.

*Thứ ba*, gia tăng đáng kể trong các vụ trục xuất lên 750.000 người một năm, cùng với các hạn chế và răn đe biên giới. Trong động thái mới nhất nhằm đẩy mạnh việc trục xuất người nhập cư bất hợp pháp, người nhập cư vi phạm pháp luật, ngày 29/1/2025, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã công bố kế hoạch gây chấn động đưa 30.000 người nhập cư bị trục xuất đến căn cứ quân sự Guantanamo.

Nếu ông Trump chỉ thực hiện một phần nhỏ trong các cam kết của mình - từ thuế quan thương mại cao hơn đến bãi bỏ quy định, khoan dầu nhiều hơn và gia tăng yêu cầu hơn đối với các đối tác NATO của Hoa Kỳ, áp lực lên tài chính chính phủ, lạm phát, tăng trưởng kinh tế và lãi suất sẽ được cảm nhận ở mọi nơi của thế giới.

Hầu hết các phân tích chỉ ra rằng việc tăng mạnh thuế nhập khẩu của Mỹ ban đầu có thể sẽ dẫn tới tác động lạm phát ở Mỹ, sức mua thực tế giảm do giá hàng hóa tăng cao và đầu tư bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn thương mại gia tăng, tác động tiêu cực tới tăng trưởng đối với tất cả các quốc gia liên quan. Một rủi ro quan trọng khác là cuộc chiến tranh thương mại toàn cầu leo thang làm gián đoạn chuỗi cung ứng và đẩy tăng trưởng toàn cầu xuống thấp hơn và (ban đầu) đẩy lạm phát lên cao hơn. Sau đó, nhu cầu tăng chậm lại sẽ khiến lạm phát giảm.

Thương mại toàn cầu có thể sẽ giảm do thuế quan nhập khẩu tăng, từ đó ảnh hưởng tiêu cực tới GDP toàn cầu. Thuế nhập khẩu, bao gồm thuế quan phổ cập 10% đối với hàng nhập khẩu từ tất cả các quốc gia nước ngoài và thuế quan 60% đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, là một chính sách then chốt của Trump và có khả năng sẽ có tác động toàn cầu lớn nhất. Thuế quan cản trở thương mại toàn cầu, làm giảm tăng trưởng cho các nhà xuất khẩu và gây sức ép lên tài chính công đối với tất cả các bên liên quan. Thuế quan cũng có khả năng làm tăng lạm

---

<sup>21</sup> <https://www.abrdn.com/en-us/institutional/insights-and-research/what-is-the-impact-of-trump-2-0-on-the-global-economy>.

phát ở Hoa Kỳ, buộc Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ phải hành động với chính sách tiền tệ chặt chẽ hơn. Một nghiên cứu của Viện Peterson cho thấy dòng chảy thương mại giữa Mỹ và các đối tác thương mại lớn có thể bị giảm từ 1% đến 4%, tùy thuộc vào hành động trả đũa của các nước. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng sẽ bị ảnh hưởng. Quỹ Tiền tệ Quốc tế đã mô tả tăng trưởng toàn cầu là yếu, với hầu hết các quốc gia đều có sự mở rộng “yếu ớt”. Một tác động tiếp theo đối với thương mại toàn cầu có khả năng gây ra rủi ro giảm đối với dự báo tăng trưởng GDP 3,2% của quỹ này cho năm tới.

Chính sách của ông Trump cũng có thể ảnh hưởng tới các khoản đầu tư vào năng lượng tái tạo của Mỹ và ảnh hưởng xấu tới môi trường toàn cầu. Ông Trump đã nhiều lần nhấn mạnh sẽ chấm dứt các hạn chế về quy định đối với hoạt động khoan dầu, thăm dò khí đốt và khai thác than, và sẽ nỗ lực hạn chế các khoản chi tiêu liên quan đến Đạo luật Giảm lạm phát của Tổng thống Biden. Đạo luật này không chỉ thúc đẩy các dự án, doanh nghiệp và công nghệ được thiết kế để giúp giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu mà còn giúp khuyến khích khối lượng lớn vốn tư nhân đầu tư vào “công nghệ xanh”, bao gồm năng lượng mặt trời, năng lượng gió, thu giữ carbon và lưu trữ pin điện. Ông Trump sẽ cố gắng duy trì vai trò của Mỹ là nhà sản xuất dầu mỏ lớn nhất thế giới bằng cách khuyến khích nhiều dự án nhiên liệu hóa thạch trong nước hơn, từ đó tác động tiêu cực đối với lượng khí thải carbon toàn cầu, và các nhà phân tích cảnh báo rằng điều này có thể gây tổn hại đến các quỹ tài chính tập trung vào tính bền vững đã giúp hỗ trợ tích cực cho quá trình chuyển đổi năng lượng để đạt được các mục tiêu khí hậu toàn cầu. Giá dầu thế giới có thể tiếp tục hạ nhiệt do ông Donald Trump dự kiến đẩy mạnh khai thác dầu. Mối lo ngại về việc cắt giảm sản lượng của OPEC+ và sự gia tăng xung đột ở Trung Đông đã thúc đẩy sự biến động gần đây của giá dầu Brent.

### **7.1.2. Tăng trưởng kinh tế thế giới**

Kinh tế thế giới đã đạt tốc độ tăng trưởng ổn định 3,2% trong năm 2024, tương đương tốc độ tăng năm 2023 (IMF 2025, OECD 2024). Mặc dù tăng trưởng thương mại toàn cầu có thể bị ảnh hưởng bởi xung đột địa chính trị và chính sách thuế của ông Trump, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 dự báo vẫn khá vững chắc. Chính sách nới lỏng tiền tệ và giá dầu hạ nhiệt có thể thúc đẩy kinh tế toàn cầu tăng trưởng cao hơn. Goldman Sachs (2024) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm

2025 vẫn đạt tốc độ tăng của năm 2024, bất chấp tác động của việc Mỹ tăng thuế nhập khẩu. IMF (1/2025) và OECD (12/2024) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 sẽ đạt 3,3%, cao hơn so với tốc độ tăng 3,2% vào năm 2024.

*Kinh tế Mỹ* dự báo vẫn đạt tốc độ tăng trưởng 2,7% năm 2025, gần bằng tốc độ tăng 2,8% năm 2024 nhờ nhu cầu vẫn mạnh và chính sách tiền tệ được nới lỏng (IMF, 1/2025). Với dự kiến nhập cư sẽ giảm từ mức đỉnh gần đây, cầu lao động giảm bớt phần nào và ít có khả năng các hộ gia đình tiếp tục rút tiền tiết kiệm hơn, tăng trưởng tiêu dùng sẽ chậm lại, mặc dù vẫn vững chắc. Trong khi đó, đầu tư kinh doanh được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức vừa phải (OECD, 12/2024). Fed có thể nới lỏng chính sách tiền tệ hơn nữa trong hai năm tới. Ngoài ra, các cam kết của ông Trump trong cuộc bầu cử, bao gồm các chính sách hỗ trợ kinh tế, bãi bỏ quy định đối với lĩnh vực năng lượng, có thể giúp cắt giảm giá cả, và thuế suất trong nước thấp, sẽ hỗ trợ thu nhập ròng. Thêm vào đó, khả năng Tổng thống Donald Trump giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) từ 21% xuống 20% (và có thể 15% với một số ngành) có thể kích thích hoạt động sản xuất tại Mỹ và thu hút dòng vốn đầu tư quay trở lại nước Mỹ. Goldman Sachs (2024) dự báo tác động của các chính sách thương mại mới tiềm năng của Donald Trump đối với GDP của Mỹ dự kiến sẽ nhỏ và phần lớn được bù đắp bởi các yếu tố khác. Thuế nhập khẩu tăng sẽ dẫn đến tác động khiêm tốn đến thu nhập cá nhân khả dụng thực tế (đã điều chỉnh theo lạm phát) thông qua giá tiêu dùng cao hơn. Financial Times (2024) cho rằng đồng đô la mạnh hơn sẽ làm giảm tác động lạm phát của thuế nhập khẩu, bằng cách giảm giá thực tế của hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu được định giá bằng euro hoặc bảng Anh. Các công ty sẽ thích nghi và tìm cách giảm bớt tác động bằng cách chuyển hướng thương mại qua các quốc gia khác.

Tăng trưởng kinh tế ở *khu vực đồng euro* dự kiến sẽ tăng từ 0,8% năm 2024 lên 1% vào năm 2025 và 1,4% vào năm 2026 nhờ lãi suất chính sách thấp hơn và nhu cầu trong nước cao hơn (IMF, 1/2025). Tiền lương thực tế tăng dự kiến sẽ thúc đẩy tiêu dùng và chính sách tiền tệ nới lỏng dần dần dự kiến sẽ hỗ trợ đầu tư. Lĩnh vực sản xuất yếu sẽ gây áp lực lên tăng trưởng của các quốc gia như Đức và Ý. Tuy nhiên, nhu cầu trong nước của Italia dự kiến sẽ được hưởng lợi từ Kế hoạch phục hồi và phục hồi quốc gia do Liên minh Châu Âu tài trợ. Việc tăng thuế quan nhập khẩu của Mỹ có thể sẽ giáng một đòn vào nền kinh tế

EU vốn có mức độ phụ thuộc lớn vào lĩnh vực xuất khẩu và đang trải qua một giai đoạn tăng trưởng âm đậm cùng nhiều cuộc khủng hoảng chính trị nối tiếp nhau. Mỹ là thị trường xuất khẩu hàng hóa hàng đầu của EU nói chung và Đức nói riêng, trong đó dược phẩm, máy móc và phương tiện giao thông là những nhóm mặt hàng lớn nhất trong danh sách hàng xuất khẩu của khu vực này sang Mỹ. Trong chiến dịch tranh cử vừa qua, ông Trump đã đề xuất áp dụng mức thuế 60% đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc và mức thuế từ 10-20% đối với hàng hóa từ tất cả các quốc gia khác. Viện Kinh tế Đức ước tính rằng việc áp thuế quan như vậy có thể khiến quy mô nền kinh tế Đức giảm từ 1,2-1,4% vào năm 2028 so với trong trường hợp không áp thuế quan. Xuất khẩu của EU đang gặp khó khăn do nguồn năng lượng giá rẻ từ Nga đã cạn, sự chậm trễ của khu vực này trong cuộc cách mạng xe điện, và mức độ phụ thuộc quá lớn của nền kinh tế khu vực vào việc bán hàng cho Trung Quốc. Goldman Sachs đã giảm 0,5 điểm phần trăm dự báo tăng trưởng của khu vực đồng euro vào năm 2025 sau kết quả bầu cử của Hoa Kỳ và có khả năng sẽ cắt giảm thêm nữa nếu Hoa Kỳ áp dụng thuế quan toàn diện.

*Kinh tế Nhật Bản* dự kiến sẽ có sự phục hồi tăng trưởng mạnh lên 1,1% vào năm 2025, khi mức lương thực tế tăng, lợi nhuận tăng nhanh và trợ cấp tài chính thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư tư nhân. Vào năm 2026, tăng trưởng GDP dự kiến sẽ giảm xuống 0,8%, gần với mức tăng trưởng tiềm năng ước tính, trong bối cảnh chuyển sang chính sách kinh tế vĩ mô hạn chế hơn. Tăng trưởng cầu trong nước mạnh mẽ cũng sẽ hỗ trợ tăng trưởng ở *Hàn Quốc*, với GDP tăng 2,2% vào năm 2024 và dự báo đạt 2,0% vào năm 2025 và 2,1% vào năm 2026 (IMF, 1/2025). Ở cả Nhật Bản và Hàn Quốc, lạm phát dự kiến sẽ ổn định ở mức khoảng 2% vào năm 2025 và 2026 (OECD, 12/2024).

Tăng trưởng *kinh tế Trung Quốc* dự báo sẽ giảm dần từ 4,8% vào năm 2024 xuống 4,6% vào năm 2025 và 4,5% vào năm 2026 (IMF, 1/2024). Tăng trưởng tiêu dùng sẽ ổn định, nhưng mức tiết kiệm cao và thị trường bất động sản tiếp tục suy yếu sẽ kìm hãm tăng trưởng, khiến lạm phát ở mức thấp. Tăng trưởng đầu tư sẽ được hưởng lợi từ việc nới lỏng chính sách tiền tệ và chi tiêu mạnh hơn của chính phủ, với hạn ngạch trái phiếu đặc biệt của chính quyền địa phương được tăng vào tháng 11/2024 và các biện pháp kích thích được công bố gần đây có khả năng hỗ trợ tăng trưởng. Trung Quốc dự kiến sẽ bị ảnh hưởng đặc biệt

nghiêm trọng do quy mô của các mức thuế quan được đề xuất đối với Trung Quốc và tầm quan trọng của ngành sản xuất đối với nền kinh tế của nước này. Các phản ứng chính sách của Trung Quốc có thể bao gồm đồng việc cho phép đồng nhân dân tệ yếu hơn và tăng cường các biện pháp kích thích tài chính và tiền tệ.

**Bảng 7.1. Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và một số nền kinh tế chủ chốt (%)**

	Dự báo của IMF (1/2025)			Dự báo của OECD (12/2024)		
	2023	2024	2025*	2023	2024	2025*
<i>Thế giới</i>	3,3	3,2	3,3	3,2	3,2	3,3
<i>OECD</i>				1,8	1,7	1,9
Mỹ	2,9	2,8	2,7	2,9	2,8	2,4
Khu vực đồng euro	0,4	0,8	1,0	0,5	0,8	1,3
Nhật Bản	1,6	-0,2	1,1	1,7	-0,3	1,5
<i>Ngoài OECD</i>				4,4	4,4	4,4
Trung Quốc	5,2	4,8	4,6	5,2	4,9	4,7
Ấn Độ	8,2	6,5	6,5	8,2	6,8	6,9
Brazil	3,2	3,7	2,2	2,9	3,2	2,3

*Nguồn: IMF (1/2025), OECD (12/2024).*

### 7.1.3. Thương mại và đầu tư toàn cầu

#### 7.1.3.1. Thương mại toàn cầu

##### *Tăng trưởng thương mại thế giới*

Thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi ổn định vào năm 2024, nhờ sự phục hồi của thương mại hàng hóa và mức tiêu dùng hàng hóa của Hoa Kỳ. Tăng trưởng khối lượng xuất khẩu cũng mạnh lên ở Trung Quốc và các nền kinh tế Châu Á năng động, trong bối cảnh nhu cầu đối với các sản phẩm liên quan đến công nghệ tăng mạnh. Một số dữ liệu hoạt động gần đây cho thấy đà tăng trưởng tích cực trong thương mại toàn cầu đã được duy trì, với khối lượng container và khối lượng hành khách quốc tế tiếp tục tăng. Trong bối cảnh giá cả hàng hóa suy yếu, xuất khẩu từ Châu Phi và Mỹ Latinh đã giảm về mặt giá trị.

Năm 2025, triển vọng thương mại toàn cầu sẽ gặp một số thuận lợi nhờ đà phục hồi từ năm 2024, lạm phát toàn cầu đang giảm, dự báo



tăng trưởng kinh tế ổn định và hoạt động kinh doanh đang cải thiện, thúc đẩy thương mại toàn cầu tiếp tục tăng trưởng vào đầu năm. Tuy nhiên, xu hướng này dự kiến sẽ phải đối mặt với những thách thức đáng kể. Những thay đổi tiềm tàng trong chính sách thương mại của Hoa Kỳ và việc sử dụng ngày càng nhiều các chính sách công nghiệp ở nhiều quốc gia sẽ có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng thương mại toàn cầu. Ngoài ra, mối đe dọa về các cuộc chiến tranh thương mại mới và mở rộng, cùng với những căng thẳng địa chính trị đang diễn ra, gây ra sự không chắc chắn về triển vọng thương mại toàn cầu trong năm 2025. Một số yếu tố khiến triển vọng thương mại toàn cầu trở nên rất không chắc chắn trong năm 2025 bao gồm:

- Những thay đổi trong lập trường chính sách thương mại của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ dự kiến sẽ áp dụng chính sách thương mại bảo hộ nhiều hơn. Chính quyền Trump có thể sẽ áp dụng thêm mức thuế từ 10% đến 60% đối với một số mặt hàng Trung Quốc được nhập khẩu vào Hoa Kỳ như đã tuyên bố tại chiến dịch tranh cử. Thuế quan mới có thể không chỉ nhắm vào các sản phẩm cụ thể mà còn được áp dụng rộng rãi hơn. Hơn nữa, thuế quan có thể ảnh hưởng không chỉ đến các đối thủ cạnh tranh của Mỹ về địa chính trị mà còn cả các đối tác thương mại chính, đặc biệt là những đối tác có mức thuế quan cao hơn và thặng dư thương mại đáng kể với Hoa Kỳ. Ngay cả những thay đổi khiêm tốn trong thuế quan của Hoa Kỳ cũng sẽ có tác động đáng kể đến động lực thương mại toàn cầu, xét đến vai trò của Hoa Kỳ là một thị trường tiêu dùng lớn và sự kết nối của các chuỗi giá trị xuyên biên giới. Nếu thuế quan được áp dụng, khả năng cao Trung Quốc sẽ đáp trả bằng cách phá giá đồng nhân dân tệ trong khoảng từ 10% đến 15% để khiến hàng xuất khẩu của Trung Quốc trở nên rẻ hơn, giống như những gì họ đã làm trong cuộc chiến thương mại năm 2018-2020.

Theo đánh giá của EIU (2024) về tác động của những thay đổi chính sách thương mại tiềm năng dưới thời Trump 2.0 đối với 70 đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ, đo bằng chỉ số Trump Risk Index (TRI)- chỉ số đo lường mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương trên ba lĩnh vực: thương mại, nhập cư và an ninh, Mexico là nước đứng đầu danh sách do thặng dư thương mại lớn và các vấn đề liên quan đến nhập cư. Việt Nam đứng thứ 9 về chỉ số chung, nhưng đứng thứ 4 về chỉ số phụ liên quan đến Thương mại song phương (thâm hụt thương mại của Việt Nam lớn và liên tục tăng).

- Hiệu ứng lan tỏa của các hạn chế thương mại

Các chính sách thương mại đơn phương và hạn chế cao thường thúc đẩy các hành động trả đũa tạo ra một chu kỳ các rào cản thương mại leo thang, cuối cùng có thể ảnh hưởng đến cả các bên thứ ba. Hơn nữa, thuế quan áp dụng cho các phân khúc cụ thể của chuỗi giá trị toàn cầu thường có hiệu ứng lan tỏa, tác động không chỉ đến các ngành công nghiệp và quốc gia mục tiêu mà còn đến toàn bộ chuỗi giá trị. Ngay cả khi không có sự gia tăng thuế quan thực tế, thì mối đe dọa về thuế quan và khả năng hành động trả đũa cũng thúc đẩy một môi trường thương mại toàn cầu khó dự đoán hơn, có thể tác động tiêu cực không chỉ đến thương mại quốc tế mà còn đến đầu tư và tăng trưởng kinh tế nói chung.

- Tăng trợ cấp và các biện pháp hạn chế thương mại:

Việc ưu tiên các mối quan tâm quốc gia và tính cấp thiết của việc thực hiện các cam kết về khí hậu có thể sẽ tiếp tục định hình những thay đổi trong cả chính sách công nghiệp và thương mại vào năm 2025. Việc gia tăng các biện pháp hạn chế thương mại và các chính sách công nghiệp hướng nội được thiết kế để hỗ trợ sản xuất các sản phẩm bền vững và thân thiện với môi trường dự kiến sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sự tăng trưởng của thương mại quốc tế, đặc biệt là trong các lĩnh vực chiến lược.

- Tác động của đồng đô la Mỹ đối với thương mại toàn cầu

Căng thẳng địa chính trị và sự thay đổi chính sách của Hoa Kỳ dự kiến có khả năng dẫn đến sự tăng giá của đồng đô la Mỹ. Tuy nhiên, việc cắt giảm lãi suất theo dự kiến của Fed vào năm 2025 cũng có thể làm đồng đô la suy yếu. Vì hầu hết các mặt hàng và giao dịch quốc tế đều được định giá bằng đô la Mỹ nên giá trị của đồng đô la rất quan trọng đối với thương mại toàn cầu. Do đó, sự không chắc chắn về sức mạnh của đồng đô la tạo ra sự không chắc chắn trong thương mại toàn cầu.

- Chi phí vận chuyển giảm

Trong nửa cuối năm 2024, nhu cầu vận chuyển container đã giảm, thể hiện qua việc Chỉ số giá cước vận chuyển container Thượng Hải giảm đáng kể. Mặc dù các chỉ số này cho thấy chi phí vận chuyển thấp hơn, nhưng chúng cũng cho thấy nhu cầu toàn cầu thấp hơn đối với cả đầu vào trung gian và hàng hóa đã qua chế biến.

UNCTAD (1/2025) dự báo khối lượng thương mại toàn cầu sẽ tăng 3,2% vào năm 2025 và 3,5% năm 2026 so với 3,4% năm 2024, tuy

nhiên triển vọng thương mại thế giới vẫn đối mặt với rủi ro về sự gia tăng bất ổn do căng thẳng địa chính trị gia tăng và các rào cản thương mại mới nổi. Triển vọng thương mại quốc tế vẫn còn rất không chắc chắn do căng thẳng địa chính trị toàn cầu đang leo thang và tác động tiềm tàng của các hạn chế thương mại mới. Căng thẳng thương mại giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, Canada và Liên minh Châu Âu đã gia tăng vào năm 2024, khi Hoa Kỳ, Canada và EU đã áp dụng mức thuế nhập khẩu mới đối với xe điện từ Trung Quốc (Rokosz, 2024). Một số nghiên cứu (như Bolhuis, Chen và Kett, 2023a) đã phân tích tác động tiềm tàng và chi phí của sự phân mảnh thương mại hơn nữa, đã hạn chế và cản trở thương mại toàn cầu.

IMF (1/2025) khá thận trọng khi đưa ra dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2025 và 2026 giảm nhẹ so với 2024 (3,2 và 3,3% so với 3,4%) do sự gia tăng mạnh mẽ của sự không chắc chắn về chính sách thương mại, có khả năng gây tổn hại tới các công ty dựa nhiều vào hoạt động thương mại. Tuy nhiên, những tác động này dự kiến sẽ chỉ là tạm thời.

OECD (12/2024) đưa ra triển vọng tích cực hơn, theo đó *thương mại toàn cầu* dự báo tiếp tục đạt mức tăng trưởng 3,6% vào năm 2025 và 3,5% vào năm 2026, sau khi đã phục hồi lên 3,5% vào năm 2024 từ mức tăng yếu của năm 2023. Việc mở rộng thương mại giữa các nền kinh tế thị trường mới nổi, cũng như sự gia tăng hỗ trợ trong tăng trưởng đầu tư và tiêu dùng ở các nền kinh tế tiên tiến và thị trường mới nổi quy mô lớn, giúp củng cố tăng trưởng. Tăng trưởng thương mại cũng được dự báo sẽ trở nên cân bằng hơn, nhờ sự gia tăng thương mại ở Châu Âu. Cường độ thương mại chung của tăng trưởng toàn cầu trong giai đoạn 2024 - 2026 được dự báo sẽ mạnh hơn một chút so với mức trung bình trong thập kỷ trước đại dịch. Tuy nhiên, nhịp độ thương mại nói chung sẽ thấp hơn ở các nền kinh tế phát triển, đặc biệt là ở Châu Âu, nhưng cao hơn đáng kể ở Trung Quốc và một số nền kinh tế thị trường mới nổi khác. Do đó, thị phần của Trung Quốc trong thương mại toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong hai năm tới.

WTO (10/2024) dự báo tốc độ tăng trưởng khối lượng *thương mại hàng hóa toàn cầu* sẽ hồi phục từ -1,1% năm 2023 lên 2,7% năm 2024 và 3% năm 2025. Châu Á được dự báo sẽ dẫn đầu các khu vực về tăng trưởng xuất khẩu (4,7%) và nhập khẩu (5,1%). Phần lớn các khu vực đều sẽ đạt tăng trưởng thương mại tăng vào năm 2025 về mặt khối

lượng, ngoại trừ mức giảm nhỏ trong xuất khẩu của Nam Mỹ (-0,1%) và mức giảm lớn hơn trong nhập khẩu của Trung Đông (-1,1%) do giá hàng hóa giảm.

**Bảng 7.2. Dự báo tốc độ tăng trưởng khối lượng thương mại hàng hóa thế giới (%)**

	2020	2021	2022	2023	2024	2025*
<b>Khối lượng thương mại hàng hóa thế giới</b>	<b>-6,3</b>	<b>9,0</b>	<b>2,2</b>	<b>-1,1</b>	<b>2,7</b>	<b>3,0</b>
<b>Xuất khẩu</b>						
Bắc Mỹ	-9,2	6,4	3,9	3,7	2,1	2,9
Nam Mỹ	-5,0	6,7	3,0	2,3	4,6	-0,1
Châu Âu	-8,5	6,9	1,8	-2,6	-1,4	1,8
CIS <sup>22</sup>	-1,1	-0,8	-1,9	-4,5	4,5	1,7
Châu Phi	-7,2	3,8	-2,5	4,3	2,5	2,2
Trung Đông	-6,4	-1,6	3,8	1,1	4,7	1,0
Châu Á	0,6	13,1	0,2	0,3	7,4	4,7
<b>Nhập khẩu</b>						
Bắc Mỹ	-5,2	11,9	5,7	-2,0	3,3	2,0
Nam Mỹ	-9,9	24,9	4,1	-4,5	5,6	1,7
Châu Âu	-8,2	7,5	4,4	-5,0	-2,3	2,2
CIS <sup>23</sup>	-5,2	9,4	-5,7	17,9	1,1	1,7
Châu Phi	-13,9	5,8	6,5	0,1	1,0	1,1
Trung Đông	-8,7	12,9	10,5	8,5	9,0	-1,1
Châu Á	-1,0	10,3	-1,0	-0,7	4,3	5,1

Nguồn: WTO (2024).

### Triển vọng giá dầu

Giá dầu thế giới có thể tiếp tục hạ nhiệt trong năm 2025 do sản lượng toàn cầu tăng và nhu cầu của Trung Quốc yếu đi. Theo ước tính của IEA, tổng nhu cầu nhiên liệu giao thông gồm xăng và dầu diesel năm 2024 của Trung Quốc sẽ giảm 3,6% so với năm 2021.

<sup>22</sup> Khối thịnh vượng chung các quốc gia độc lập.

<sup>23</sup> Khối thịnh vượng chung các quốc gia độc lập.

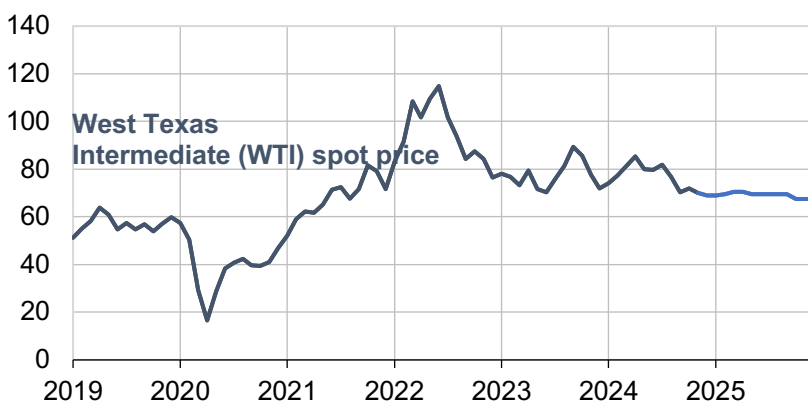
Một trong những nguyên nhân khiến nhu cầu của Trung Quốc giảm là hoạt động xây dựng ảm đạm do khủng hoảng bất động sản, khiến nhu cầu diesel dùng trong máy móc xây dựng giảm mạnh. Nhưng nguyên nhân quan trọng hơn đến từ sự dịch chuyển nhanh chóng trong phương thức đi lại cá nhân và đặc biệt là sự phổ biến rộng rãi của xe điện<sup>24</sup>.

Chính sách thuế và năng lượng mới của ông Trump cũng có thể ảnh hưởng tới sản lượng và nhu cầu dầu toàn cầu. *Thứ nhất*, Mỹ có thể sẽ tăng cường đầu tư vào ngành dầu khí, qua đó gia tăng sản lượng dầu, dẫn đến áp lực giảm giá trên thị trường toàn cầu. Trong nhiệm kỳ trước, ông Trump đã giảm bớt các quy định nghiêm ngặt đối với ngành công nghiệp dầu khí, giúp các công ty dầu mỏ, đặc biệt là các công ty khai thác dầu từ đá phiến, tăng cường sản lượng. Nếu ông tiếp tục theo đuổi chính sách này, nguồn cung dầu trong nước có thể tăng lên, góp phần hạ giá dầu toàn cầu. *Thứ hai*, các chính sách thương mại của ông Trump có thể có tác động lớn đến sự giảm giá dầu thông qua việc gia tăng rủi ro về chiến tranh thương mại và các căng thẳng kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, các chính sách thương mại của ông Trump, đặc biệt là việc áp thuế lên hàng hóa Trung Quốc và các đối tác khác, có thể làm giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Báo cáo của Ngân hàng Citi (Mỹ) dự đoán giá dầu sẽ giảm xuống mức 60 USD/thùng vào năm 2025, chủ yếu do các chính sách năng lượng của ông Donald Trump. IMF (1/2025) dự báo giá dầu thế giới trung bình sẽ giảm 11,7% vào năm 2025.

Theo EIA (12/2024), tăng trưởng sản lượng dầu vào năm 2025 sẽ đến từ các nước không thuộc OPEC do OPEC+ đang tiếp tục hạn chế sản lượng. Tại cuộc họp ngày 5/12/2024, OPEC+ đã thông báo sẽ hoãn tăng sản lượng cho đến tháng 4/2025. Trước đó, các đợt tăng này dự kiến sẽ bắt đầu vào tháng 1/2025. EIA dự báo sản lượng dầu toàn cầu sẽ tăng 1,6 triệu thùng mỗi ngày (b/d) vào năm 2025 và gần 90% mức tăng đó sẽ đến từ các quốc gia không tham gia OPEC+. EIA dự báo giá dầu thô Brent thế giới (giá giao ngay) năm 2025 sẽ ở mức trung bình 74 USD/thùng vào năm 2025.

---

<sup>24</sup> <https://vneconomy.vn/nhu-cau-dau-cua-trung-quoc-giam-manh-do-xe-dien.htm>.



Nguồn: EIA Short-term Energy Outlook.

### Hình 7.1. Dự báo giá dầu WTI (USD/thùng)

Reuters (2024)<sup>25</sup> cũng dự báo, giá dầu thế giới có khả năng bị hạn chế ở mức gần 70 USD/thùng vào năm 2025 do nhu cầu yếu từ Trung Quốc và nguồn cung toàn cầu tăng, phủ bóng đen lên những nỗ lực do OPEC+ dẫn đầu nhằm củng cố thị trường. Cuộc khảo sát 31 nhà kinh tế và nhà phân tích dự đoán rằng giá dầu thô Brent sẽ ở mức trung bình 74,33 USD/thùng vào năm 2025. Giá dầu thô Brent chuẩn toàn cầu đã trung bình ở mức khoảng 80 USD/thùng trong năm 2024 và đã sẵn sàng giảm 3% hàng năm do nhu cầu suy yếu xuất phát từ nhà nhập khẩu hàng đầu là Trung Quốc. Dầu thô của Hoa Kỳ được dự báo đạt mức trung bình 70,86 USD/thùng vào năm 2025, so với kỳ vọng của tháng trước là 70,69 USD/thùng.

#### 7.1.3.2. Đầu tư toàn cầu

***Dòng vốn đầu tư toàn cầu có triển vọng cải thiện nhẹ, mặc dù vẫn còn nhiều thách thức***

Dòng vốn đầu tư toàn cầu năm 2025 có triển vọng tiếp tục hồi phục nhờ chính sách tiền tệ tiếp tục nới lỏng trên toàn cầu và triển vọng tăng trưởng, lạm phát tích cực hơn. James Zhan (2024) cho rằng có một số lý do để lạc quan một cách thận trọng về triển vọng FDI vào năm 2025. Thứ nhất, dòng vốn FDI toàn cầu dự báo sẽ phục hồi từ mức thấp trong ba năm qua. Nền kinh tế toàn cầu vẫn đang trên đà tăng trưởng và dự kiến sẽ giữ ổn định ở mức 3,2% vào năm 2024 và 2025. Lạm phát, vốn tạo ra những trở ngại trên toàn thế giới sau các đợt mở rộng

<sup>25</sup> <https://www.reuters.com/business/energy/ample-supply-slow-demand-temper-oil-price-gains-2025-2024-12-31/>.

tài chính và tiền tệ để kiềm chế hậu quả của đại dịch Covid-19, dự kiến sẽ dần ổn định trở lại. Sau khi đạt đỉnh 9,4% vào năm 2022 và trung bình 6,7% vào năm 2023, tỷ lệ lạm phát tiêu đề dự kiến sẽ đạt 3,5% vào cuối năm 2025, thấp hơn mức trung bình 3,6% từ năm 2000 đến năm 2019 (theo IMF). Các ngân hàng trung ương lớn ở các nền kinh tế tiên tiến đã bắt đầu cắt giảm lãi suất chính sách, chuyển sang lập trường trung lập. Điều này giúp giảm bớt phần nào chi phí đầu tư cho chính phủ và doanh nghiệp. Năm 2025 cũng báo hiệu điều tốt lành từ góc độ quản trị công. Hơn 70 chính phủ mới, bao gồm cả chính phủ của các nước lớn, sẽ hoạt động đầy đủ vào năm 2025 sau cơn lũ bầu cử năm 2024. Điều này chắc chắn sẽ làm cho các chiến lược phát triển quốc gia và chính sách công nghiệp trở nên rõ ràng hơn. Đồng thời, nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển, đang đẩy nhanh việc đưa ra các biện pháp chính sách mới để tạo điều kiện và thúc đẩy đầu tư.

Tuy nhiên, các chuyên gia đều nhận định rằng vẫn còn nhiều rủi ro đối với dòng vốn FDI toàn cầu trong năm 2025. Tăng trưởng toàn cầu chậm lại, sự không chắc chắn về lạm phát ở các nền kinh tế phát triển lớn và lòng tin của người tiêu dùng thấp sẽ tiếp tục tác động đến quyết định của nhà đầu tư. Sự leo thang trong các cuộc xung đột khu vực và sự cạnh tranh địa kinh tế sẽ làm giảm triển vọng của FDI toàn cầu. Ngoài ra, lãi suất ở các nước phát triển vẫn cao hơn nhiều so với mức trước đại dịch. Với mục tiêu giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu hàng hóa trung gian và tái cấu trúc chuỗi cung ứng, nhiều nước phát triển đang thực hiện các chính sách mở rộng để thúc đẩy đầu tư trong nước. Do đó, các nước đang phát triển sẽ phải đối mặt với những thách thức mới trong việc thu hút FDI. Hơn nữa, thế giới đang bị chi phối bởi sự gián đoạn về phía cung do các nguyên nhân từ khí hậu, y tế và địa chính trị. Năm điểm nghẽn tiềm tàng đối với chuỗi cung ứng toàn cầu (kênh đào Panama, kênh đào Suez, eo biển Homuz, eo biển Malacca và eo biển Đài Loan), nếu bị phá vỡ, có thể ảnh hưởng đến hai phần ba thương mại hàng hải toàn cầu. Chỉ tính riêng năm 2024, các vấn đề tại ba trong số năm điểm nghẽn này đã tác động nghiêm trọng đến thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu. Đối mặt với sự gia tăng cạnh tranh bên ngoài và điểm yếu về mặt cấu trúc trong sản xuất và năng suất, nhiều quốc gia đang thực hiện các biện pháp chính sách công nghiệp và thương mại để bảo vệ người lao động và ngành công nghiệp trong nước. Mặc dù các biện pháp này có thể thúc đẩy hoạt động đầu tư, nhưng

chúng cũng có thể cản trở đầu tư vào và ra khỏi các quốc gia, làm trầm trọng thêm tình trạng phân mảnh địa kinh tế.

Chiến tranh thương mại có thể là tác động nhiều chiều tới dòng vốn đầu tư. Chiến tranh thương mại có thể khiến FDI tìm kiếm hiệu quả trở nên linh hoạt hơn nhiều và tác động đến FDI theo hướng ngược lại. Họ có thể cản trở FDI hướng đến xuất khẩu ở những quốc gia bị ảnh hưởng nhiều nhất, đồng thời thúc đẩy FDI vượt rào cản vào những quốc gia áp dụng thuế quan, cũng như những quốc gia và tiểu vùng ít bị ảnh hưởng bởi việc tăng thuế quan. Xu hướng thoái vốn ở ạt FDI hướng đến xuất khẩu khỏi Trung Quốc và tăng đầu tư ở Mexico và Đông Nam Á có khả năng sẽ tiếp tục vào năm 2025, vì các cuộc chiến thương mại dự kiến sẽ leo thang hơn nữa và lan rộng sang các khu vực khác trên thế giới.

***Những xu hướng đầu tư toàn cầu sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong năm 2025 bao gồm:***

*Tái cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu:* Sự đa dạng hóa do khả năng phục hồi đang phân mảnh hệ thống sản xuất quốc tế tích hợp truyền thống, chuyển đổi các chuỗi giá trị toàn cầu thành nhiều cụm công nghiệp và chuỗi giá trị tiểu vùng. Điều này dẫn đến nhiều khoản đầu tư dư thừa hơn thông qua tập trung công nghiệp và chuỗi giá trị ngắn hơn nhiều.

*Chuyển đổi ngành công nghiệp do công nghệ thúc đẩy:* Việc thắt chặt các biện pháp chính sách nhập cư sắp tới ở Hoa Kỳ và Châu Âu sẽ làm trầm trọng thêm nguồn cung lao động trong nước, làm giảm FDI trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ thâm dụng lao động, trong khi có thể dẫn đến đầu tư thâm dụng vốn nhiều hơn thông qua việc triển khai ở ạt rô-bốt công nghiệp tại các cường quốc kinh tế. Việc triển khai rô-bốt công nghiệp trong lĩnh vực sản xuất toàn cầu đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể trong những năm gần đây. Theo báo cáo mới nhất của World Robotics, việc lắp đặt rô-bốt công nghiệp hàng năm đã vượt quá 0,5 triệu đơn vị trong ba năm qua. Tổng số rô-bốt công nghiệp đang hoạt động trên toàn thế giới đạt 4,3 triệu đơn vị vào năm 2023. Điều này phản ánh sự phụ thuộc ngày càng tăng vào tự động hóa trong các ngành sản xuất trên toàn cầu và đặc biệt là FDI trong sản xuất và dịch vụ tiên tiến. Đầu tư vào các hoạt động công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ AI dự báo sẽ cất cánh. Việc dịch vụ hóa sản xuất sẽ tiếp tục phát triển với số hóa và sản xuất thông minh.



*Các nhà đầu tư có chủ quyền:* Các quỹ hưu trí công và quỹ đầu tư có chủ quyền hiện đang quản lý tổng cộng 34 nghìn tỷ USD. Các nhà đầu tư này dự báo sẽ tiếp tục nhắm mục tiêu FDI trực tiếp vào cơ sở hạ tầng, năng lượng và bất động sản, và ngày càng tăng trong sản xuất.

*Các phương thức đầu tư không phải vốn chủ sở hữu:* Sản xuất theo hợp đồng, nhượng quyền thương mại và cho thuê đang trở nên quan trọng hơn trong sản xuất xuyên biên giới, cho phép các chiến lược đầu tư ít tài sản và không thích rủi ro cho sản xuất quốc tế.

*Kinh tế tuần hoàn:* Đầu tư vào kinh tế tuần hoàn, cũng như vào các sáng kiến xanh, sẽ thúc đẩy đầu tư, mặc dù đầu tư vào quá trình chuyển đổi khí hậu có thể chậm lại.

*Đầu tư dịch vụ:* Đầu tư vào dịch vụ hiện chiếm tới 72% tổng vốn FDI trên toàn thế giới. Sự tăng trưởng của đầu tư xuyên biên giới vào dịch vụ là xu hướng dài hạn. Trong mỗi thập kỷ, FDI vào dịch vụ đã tăng đáng kể, gấp năm lần vào năm 2000, gấp bốn lần vào năm 2010 và một lần nữa tăng hơn 50% vào năm 2020. Sự tăng trưởng của FDI vào dịch vụ sẽ tiếp tục vượt qua FDI vào các ngành sản xuất và tài nguyên thiên nhiên.

*Đầu tư vào khu vực Nam bán cầu:* Chủ nghĩa bảo hộ thương mại và đầu tư dai dẳng ở phía bắc sẽ thúc đẩy FDI chảy nhiều hơn vào các thị trường mới nổi. Hợp tác kinh tế chặt chẽ hơn giữa các nước đang phát triển cũng có khả năng thúc đẩy đầu tư xuyên biên giới vào Nam bán cầu.

### ***Những quốc gia và khu vực có triển vọng thu hút dòng vốn FDI hàng đầu***

*Hoa Kỳ:* Khả năng tăng thuế quan đối với hầu hết các đối tác thương mại lớn, kết hợp với việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức tối thiểu toàn cầu là 15% sẽ thúc đẩy FDI vào Hoa Kỳ, đặc biệt là FDI tìm kiếm thị trường. Điều này cũng có thể đẩy nhanh quá trình chuyển dịch sản xuất trở lại. Tuy nhiên, FDI từ các châu lục khác hoặc các khoản đầu tư chuyển dịch trở lại có thể đòi hỏi nhiều vốn, làm tăng sản xuất tự động thay vì tạo ra nhiều cơ hội việc làm, một phần là do biện pháp chính sách nhập cư sắp tới và mức chi phí lao động vốn đã cao.

*EU:* Dòng vốn FDI đã quá thấp trong thời gian quá dài. Có khả năng chạm đáy và sự phục hồi khiêm tốn không phải là không thể. Đáng

chú ý là đầu tư vào cơ sở mới tương đối cao, với chi phí vốn đầu tư cao thứ hai trong số các tiểu vùng trên thế giới. Tuy nhiên, điều này đã bị bù đắp và che giấu bởi dòng vốn tiêu cực đáng kể về FDI dẫn đầu tại Hà Lan, Ireland và Luxembourg. Nếu không tính FDI dẫn đầu như vậy, dòng vốn đổ vào EU sẽ cao hơn nhiều.

*Trung Quốc:* Trung Quốc đã phải chịu sự sụt giảm mạnh về dòng vốn FDI mới vào năm 2023 và 2024. Động lực thoái vốn FDI hướng đến xuất khẩu kể từ khi chiến tranh thương mại bắt đầu vào năm 2018 có thể tiếp tục, đặc biệt là nếu chiến tranh thương mại và căng thẳng địa chính trị leo thang hơn nữa. Mặt khác, gói kích thích kinh tế lớn mới và những nỗ lực tăng cường thu hút FDI dự kiến sẽ thu hút đáng kể FDI tìm kiếm thị trường vào các hoạt động công nghiệp mới và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Tuy nhiên, khả năng phục hồi mạnh khó có thể diễn ra vào năm 2025.

*Đông Nam Á:* Đông Nam Á sẽ tiếp tục là khu vực năng động nhất trong việc thu hút FDI. Tuy nhiên, khu vực sẽ tiếp tục gặp thách thức về khả năng hấp thụ FDI và quá trình tích hợp hệ thống sản xuất khu vực, bắt đầu vào năm 2023 - 2024 sau giai đoạn bùng nổ 2018 - 2022. Nếu Hoa Kỳ tăng thuế đối với hàng xuất khẩu từ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á sẽ làm giảm FDI tìm kiếm hiệu quả vào khối này. Tuy nhiên, FDI tìm kiếm thị trường nội Á dự kiến sẽ tăng, phần nào bù đắp cho sự sụt giảm FDI hướng đến xuất khẩu cho thị trường Hoa Kỳ.

*Mỹ Latinh và Caribe:* Vẫn còn tiềm năng tăng trưởng FDI liên tục trong hai đến bốn năm tới cho khu vực này, trước khi đạt đến các hạn chế về khả năng hấp thụ của họ về cơ sở hạ tầng, sự phân mảnh về mặt địa lý và khả năng tiếp cận kỹ năng. Những điều này thách thức việc xây dựng một hệ thống sản xuất tiểu vùng tích hợp. Nếu chính quyền mới của Hoa Kỳ thực hiện các biện pháp chính sách nhập cư, chi phí lao động ở tiểu vùng có thể giảm. Mỹ Latinh có thể dần dần nhận được một phần FDI "chuyển về nước bạn bè" và "chuyển về nước chiến lược" do căng thẳng địa chính trị và chiến tranh thương mại tiếp tục diễn ra ở những nơi khác.

*Châu Phi:* FDI ở Châu Phi sẽ vẫn ở mức thấp. Tuy nhiên, có tiềm năng đáng kể cho FDI dọc theo khu vực Địa Trung Hải, vì khu vực này dần dần hội nhập vào mạng lưới sản xuất khu vực Châu Âu trong bối cảnh khu vực hóa chuỗi cung ứng toàn cầu.

#### 7.1.4. Xu hướng tài chính, tiền tệ toàn cầu

##### *Xu hướng lãi suất*

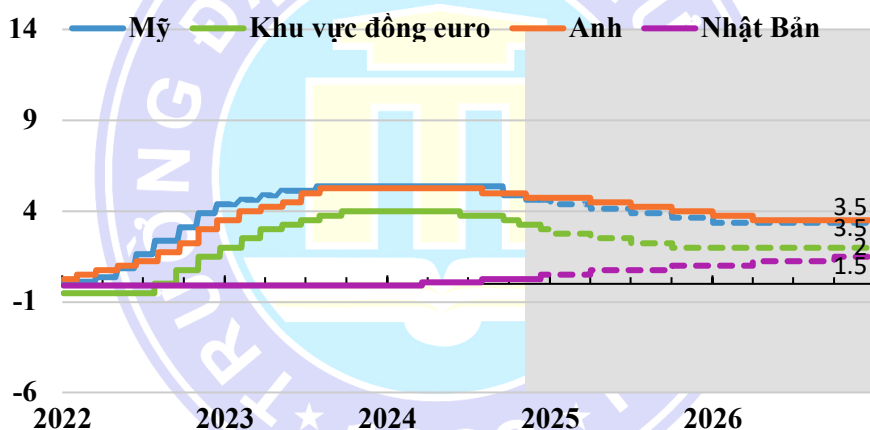
Những tháng gần đây, các ngân hàng trung ương ở hầu hết các nền kinh tế phát triển đã bắt đầu hoặc tiếp tục giảm lãi suất chính sách, ngoại trừ Nhật Bản, nơi chính sách nới lỏng đang dần được rút lại. Chính sách tiền tệ vẫn còn hạn chế ở hầu hết các quốc gia, mặc dù đang dần nới lỏng. Lãi suất thực tế hướng tới tương lai vẫn cao hơn mức chuẩn trước đại dịch.

Khi lạm phát giảm dần theo mục tiêu của ngân hàng trung ương và GDP tiếp tục xu hướng tăng, việc cắt giảm lãi suất chính sách ở các nền kinh tế phát triển dự kiến sẽ tiếp tục trong năm 2025 và trong một số trường hợp kéo dài đến cả năm 2026, ngoại trừ.

- Tại Hoa Kỳ, việc cắt giảm lãi suất liên bang dự kiến sẽ tiếp tục được thực hiện, với dự kiến lãi suất được hạ xuống còn 3,25-3,5% vào quý đầu tiên của năm 2026, khi lạm phát sẽ hội tụ ở mức 2%. Lượng trái phiếu nắm giữ dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong suốt giai đoạn 2025 - 2026, mặc dù với tốc độ chậm hơn đối với chứng khoán Kho bạc, như đã công bố vào tháng 5/2024.
- Tại khu vực đồng euro, việc cắt giảm lãi suất chính sách dự kiến sẽ tiếp tục trong năm 2025, với lãi suất tiền gửi dự kiến giảm xuống 2% vào cuối năm 2025. Lượng trái phiếu nắm giữ của Eurosystem dự kiến sẽ giảm nhanh hơn, với việc tái đầu tư các khoản hoàn trả của Chương trình mua khẩn cấp đại dịch sẽ kết thúc theo kế hoạch từ năm 2025. Động thái của ECB đầu năm 2025 cũng đã diễn ra đúng như dự báo. Tại cuộc họp ngày 30/1/2025, ECB đã quyết định cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản, đây là lần cắt giảm thứ 5 kể từ khi ngân hàng trung ương này bắt đầu nới lỏng chính sách tiền tệ vào tháng 6/2024.
- Tại Nhật Bản, lãi suất chính sách dự kiến sẽ tăng dần lên 1,5 phần trăm vào cuối năm 2026, khi lạm phát cơ bản ổn định ở mức khoảng 2% và khoảng cách sản lượng âm được thu hẹp. Lượng trái phiếu chính phủ nắm giữ của Ngân hàng Nhật Bản dự kiến sẽ giảm, vì lượng mua hàng tháng của ngân hàng giảm khoảng 400 tỷ yên mỗi quý.
- Việc giảm lãi suất chính sách được dự báo sẽ tiếp tục cho đến giữa năm 2025 tại Canada và Hàn Quốc, và cho đến nửa đầu

năm 2026 tại Úc và Vương quốc Anh. Lượng trái phiếu nắm giữ của ngân hàng trung ương được cho là sẽ giảm hơn nữa ở tất cả các quốc gia này ngoài Hàn Quốc.

- Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc sẽ khó có lựa chọn nào khác ngoài việc hạ lãi suất mạnh tay để bù đắp cho sự chậm lại trong tăng trưởng dưới mục tiêu chính thức là 5%. Nền kinh tế trong nước đang gặp khó khăn khi các lĩnh vực bất động sản thương mại và nhà ở, cũng như các hộ gia đình, phải đối mặt với giai đoạn giảm đòn bẩy và khi nhu cầu của người tiêu dùng giảm bớt.



Nguồn: OECD (12/2024)

**Hình 7.2. Dự báo xu hướng lãi suất của một số nền kinh tế lớn giai đoạn 2025 - 2026**

*Dự báo triển vọng đồng USD*

Trên thị trường tiền tệ, đồng USD đã trải qua năm 2024 tăng trưởng mạnh nhất trong gần một thập kỷ, nhờ sức mạnh kinh tế Mỹ và chính sách lãi suất của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed). Chỉ số Bloomberg Dollar Spot Index, đo lường giá trị của đồng USD so với một số đồng tiền chủ chốt khác, đã tăng 7% trong cả năm 2024, mức tăng tốt nhất kể từ năm 2015. Làn sóng nói lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng của các ngân hàng trung ương, cũng góp phần kéo đồng nội tệ của nhiều nền kinh tế giảm so với USD. Đồng euro đã giảm khoảng 5,5% so với đồng USD trong năm 2024, giao dịch gần mức 1,04 USD đổi 1 euro. Ngày càng có nhiều dự báo rằng giá trị đồng tiền chung Châu Âu này có nguy cơ rơi về mức ngang giá với đồng USD trong năm 2025.

Năm 2025, mặc dù Fed có kế hoạch tiếp tục nới lỏng lãi suất, tuy nhiên giá trị đồng USD vẫn được dự báo khá vững chắc do: *Thứ nhất*, triển vọng kinh tế Mỹ vẫn khá tích cực. *Thứ hai*, lạm phát dự báo có thể sẽ tăng trở lại, đặc biệt là do chính sách thuế của Tổng thống Donald Trump, có thể khiến Fed trì hoãn tăng lãi suất. Đồng USD đã tăng giá mạnh trong phiên giao dịch 10/1/2025, sau khi dữ liệu cho thấy nền kinh tế lớn nhất thế giới đã tạo ra nhiều việc làm hơn dự đoán trong tháng trước. Số liệu này đã củng cố kỳ vọng rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ tạm dừng chu kỳ giảm lãi suất tại cuộc họp chính sách tháng 1/2025. *Thứ ba*, nhiều ngân hàng trung ương lớn như ECB, BOE.. đang phát đi tín hiệu nới lỏng mạnh tay, dẫn đến việc chênh lệch lãi suất Mỹ và các nền kinh tế khác sẽ nới rộng. *Thứ tư*, chỉ số tiền tệ Châu Á cũng đã giảm xuống mức thấp nhất trong hơn hai năm qua trong bối cảnh giới đầu tư thận trọng về triển vọng kinh tế của Trung Quốc và suy đoán rằng các chính sách mới của chính quyền Tổng thống đắc cử Donald Trump sẽ thúc đẩy USD.

Đồng USD tăng mạnh tạo ra các thách thức cho đồng tiền trong khu vực Châu Á, chủ yếu do chênh lệch lãi suất gia tăng, nhất là đối với các nền kinh tế có triển vọng tăng trưởng yếu. Đối với các đồng tiền như đồng Rupiah của Indonesia, đồng Peso của Philippines, lãi suất cao của Mỹ có thể tạo thêm áp lực làm chậm quá trình nới lỏng chính sách tiền tệ trong nước, dẫn đến khó khăn trong việc duy trì giá trị của các đồng tiền này.

Tuy nhiên, trong dự báo mới nhất được nhiều ngân hàng lớn tại phố Wall như Morgan Stanley, JPMorgan Chase đều cho rằng, sau một đợt tăng mạnh, đồng USD có thể hạ nhiệt trong nửa cuối năm 2025. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được kỳ vọng cải thiện vào cuối năm 2025 xem có thể hỗ trợ các đồng tiền khác và kìm hãm đà tăng của đồng USD.

#### *Dự báo triển vọng giá vàng*

Năm 2024, thị trường vàng tại Việt Nam đã trải qua nhiều biến động mạnh mẽ, phản ánh sự ảnh hưởng từ thị trường vàng thế giới cũng như nhu cầu trong nước. Chính sách nới lỏng tiền tệ của Mỹ, căng thẳng địa chính trị và hoạt động mua vào mạnh mẽ của các ngân hàng trung ương đã đẩy giá vàng lên mức kỷ lục vào năm 2024. Sang năm 2025, giá vàng đối mặt với tương lai không chắc chắn do: (1) Bất ổn địa chính trị toàn cầu vẫn tiếp diễn: tình hình bất ổn địa chính trị như xung đột tại Trung Đông và căng thẳng Nga - Ukraine đang tạo ra một môi trường

đầy rủi ro. Vàng - với vai trò là tài sản trú ẩn an toàn, tiếp tục thu hút dòng vốn lớn từ các nhà đầu tư quốc tế. Nếu căng thẳng địa chính trị không hạ nhiệt, giá vàng có thể còn tăng cao hơn dự báo; (2) Tác động từ chính sách lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed): Nếu Fed hạ lãi suất như dự kiến trong năm 2025, đồng USD có thể giảm giá và thúc đẩy giá vàng tăng; (3) Sức mạnh của kinh tế Mỹ: kinh tế Mỹ mạnh lên sẽ tác động tích cực tới giá trị đồng USD, giảm động cơ đầu tư vàng, và ngược lại. Theo dự báo của IMF và OECD, kinh tế Mỹ sẽ tiếp tục hồi phục vào năm 2025, dù tốc độ tăng chậm lại so với năm 2024; (4) Chính sách của Tổng thống mới đắc cử Donald Trump: Chính sách thuế của ông Trump dự kiến sẽ thúc đẩy lạm phát, do vậy hạn chế khả năng hạ lãi suất của Fed. Điều này có thể làm giảm sức hấp dẫn của vàng không sinh lời. Mặt khác, chính sách giảm thuế trong nước của ông Trump sẽ thúc đẩy kinh tế Mỹ tăng trưởng và thu hút FDI về Mỹ. Những tác động trên có thể khiến cho đồng USD mạnh lên và tạo áp lực giảm giá vàng. Tuy nhiên, nếu chính sách của ông Trump gây bất ổn đối với kinh tế Mỹ và kinh tế thế giới, nhu cầu nắm giữ vàng để phòng ngừa rủi ro có thể tăng lên; và (5) Nhu cầu vàng vật chất từ các quốc gia như Ấn Độ và Trung Quốc, cùng với việc mua vào của các ngân hàng trung ương, được dự đoán sẽ nâng đỡ giá vàng.

*Dựa trên dự báo của các tổ chức quốc tế, có thể chia ra ba kịch bản giá vàng năm 2025 như sau:*

**Kịch bản 1:** *Giá vàng phục hồi chậm trong năm 2025:* Kịch bản này được đưa ra dựa trên giả định các rủi ro đối với kinh tế, địa chính trị toàn cầu tiếp tục tăng, xu hướng nói lỏng của các NHTW lớn tiếp tục diễn ra như đã công bố, và nhu cầu thị trường tăng. Tuy nhiên, thị trường vàng sẽ gặp thách thức nếu các ngân hàng trung ương lớn, đặc biệt là Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đảo ngược chu kỳ giảm lãi suất để ứng phó trong trường hợp lạm phát trở dậy. Hội đồng Vàng Thế giới (WGC) dự báo giá vàng trong năm 2025 sẽ tiếp tục tăng, nhưng với tốc độ chậm hơn so với năm 2024. Theo WGC, nếu các điều kiện thị trường hiện tại được duy trì, giá vàng sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi nhu cầu từ các ngân hàng trung ương và nhà đầu tư tìm kiếm tài sản an toàn. Tuy nhiên, mức tăng có thể không mạnh mẽ như năm 2024. Đây là kịch bản có nhiều khả năng xảy ra nhất.

**Kịch bản 2:** *Giá vàng tăng mạnh trong năm 2025.* Nguyên nhân chính được cho là sự gia tăng mạnh mẽ trong nhu cầu mua vàng của các

ngân hàng trung ương và khả năng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ cắt giảm lãi suất. Goldman Sachs, một tập đoàn tài chính toàn cầu, nhận định rằng giá vàng có thể tăng lên 3.000 USD/ounce vào năm 2025. Goldman Sachs lý giải rằng nhiệm kỳ thứ hai của cựu Tổng thống Donald Trump có thể tạo điều kiện thúc đẩy giá vàng, đặc biệt khi căng thẳng địa chính trị gia tăng và các lo ngại về tính bền vững tài chính của Mỹ trở nên nghiêm trọng hơn. Đồng thời, các ngân hàng trung ương có thể tiếp tục xem vàng là một tài sản trú ẩn an toàn và gia tăng mua vào. Theo J.P. Morgan (một trong những ngân hàng và tổ chức tài chính lớn nhất thế giới, có trụ sở tại New York, Mỹ), giá vàng có thể đạt mốc 3.000 USD/ounce vào cuối năm, với mức trung bình cả năm là 2.950 USD.

### **7.1.5. Xu hướng phát triển và ứng dụng công nghệ AI trên thế giới** *Xu hướng ứng dụng AI ngày càng tăng*

Thị trường Trí tuệ nhân tạo đang tăng trưởng nhanh chóng trên toàn cầu, được thúc đẩy bởi các yếu tố như việc áp dụng ngày càng nhiều công nghệ kỹ thuật số, nhận thức ngày càng tăng về khả năng của AI và sự tiện lợi của các dịch vụ trực tuyến. Tốc độ tăng trưởng cao của thị trường chịu ảnh hưởng bởi những tiến bộ trong công nghệ Robot AI, công nghệ tự động & cảm biến, thị giác máy tính, học máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên và AI tạo sinh (Generative AI).

Sự trỗi dậy của Trí tuệ nhân tạo trên thị trường toàn cầu được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng đối với các giải pháp hiệu quả và được cá nhân hóa. Người tiêu dùng ngày càng tìm kiếm các sản phẩm và dịch vụ do AI thúc đẩy, như trợ lý ảo và chatbot, để hợp lý hóa các nhiệm vụ hàng ngày của họ và cải thiện trải nghiệm tổng thể của họ, hướng tới sự tiện lợi và hiệu quả, đồng thời cho thấy sự phụ thuộc ngày càng tăng vào công nghệ trong cuộc sống hàng ngày của con người. Hơn nữa, việc áp dụng AI cũng được thúc đẩy bởi mong muốn có được thông tin chi tiết và ra quyết định dựa trên dữ liệu, vì các công ty tìm cách tận dụng lượng dữ liệu khổng lồ có sẵn trong thời đại kỹ thuật số.

Trên thị trường AI, một xu hướng ngày càng tăng là kết hợp công nghệ AI vào nhiều ngành công nghiệp khác nhau, bao gồm chăm sóc sức khỏe, tài chính và bán lẻ. Xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục khi các công ty tìm cách hợp lý hóa quy trình, cải thiện hiệu quả và nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Ngoài ra, nhu cầu về các giải pháp AI minh

bạch và có đạo đức ngày càng tăng, dẫn đến việc xây dựng các quy định và hướng dẫn.

Tăng trưởng của thị trường AI thời gian tới sẽ chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như những tiến bộ trong công nghệ, sự hỗ trợ của chính phủ, đầu tư vào cơ sở hạ tầng và nhu cầu của thị trường. Những khu vực có môi trường pháp lý thuận lợi và đầu tư mạnh vào công nghệ AI đang có tốc độ tăng trưởng thị trường nhanh hơn so với các khu vực có rào cản pháp lý và nguồn tài trợ hạn chế. Hơn nữa, nhu cầu ngày càng tăng đối với các giải pháp AI trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau, như chăm sóc sức khỏe, tài chính và bán lẻ, được thúc đẩy bởi các xu hướng kinh tế toàn cầu và nhu cầu về hiệu quả và giảm chi phí. Khi các nền kinh tế tiếp tục phát triển và áp dụng AI, thị trường dự kiến sẽ chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể trong những năm tới.

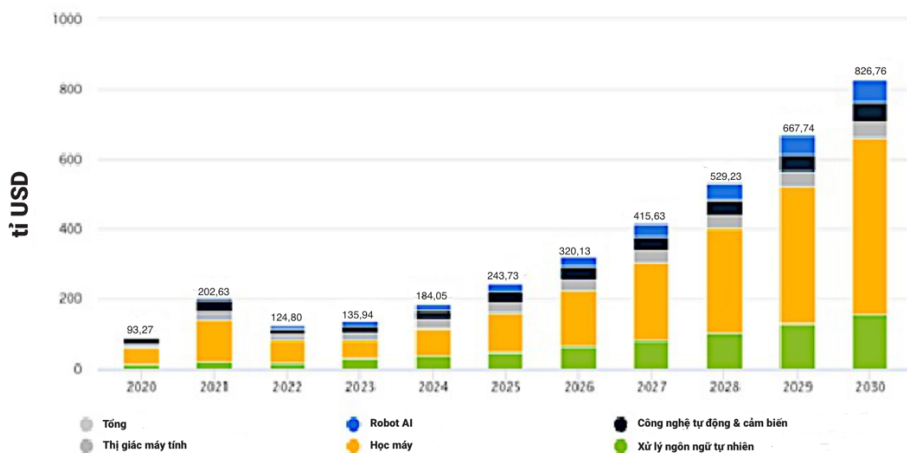
Châu Á - Thái Bình Dương dự báo sẽ là khu vực có quy mô thị trường tăng nhanh nhất thế giới do đây là khu vực kinh tế tăng trưởng năng động nhất, nhờ động lực từ các thị trường đang nổi như Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Nam Á, những thị trường màu mỡ đối với việc ứng dụng và đầu tư vào AI. Những quốc gia này cũng đang số hóa nhanh chóng nền kinh tế và đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng AI để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Ví dụ, vào tháng 5/2023, chính phủ Trung Quốc đã công bố kế hoạch sẽ xây dựng các trung tâm công nghiệp và nền tảng công nghệ AI trên toàn quốc, với mục tiêu thúc đẩy nghiên cứu và phát triển. Hơn nữa, vào tháng 9/2022, chính quyền thành phố Thâm Quyển đã thông qua quy định địa phương đầu tiên dành riêng cho việc phát triển AI. Được biết với tên gọi “Các quy định về Thúc đẩy ngành công nghiệp AI tại Khu Kinh tế đặc biệt Thâm Quyển”, quy định này nhằm thúc đẩy thúc đẩy tăng trưởng của ngành AI bằng cách khuyến khích các tổ chức chính phủ tham gia vào phát triển công nghệ AI bằng cách cung cấp hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu về AI tại Trung Quốc (Marketsandmarkets, 2024).

Ngoài việc tăng cường đầu tư, thị trường AI tại Trung Quốc cũng đang tăng trưởng nhanh chóng do dân số đông và sự hỗ trợ của chính phủ đối với những tiến bộ công nghệ. Với trọng tâm mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển AI, Trung Quốc đã trở thành quốc gia dẫn đầu toàn cầu trong lĩnh vực này. Ngoài ra, sự kết hợp độc đáo của quốc gia này giữa lực lượng lao động có tay nghề cao và lượng người tiêu dùng



lớn đã dẫn đến việc triển khai thành công các công nghệ AI trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau, chẳng hạn như chăm sóc sức khỏe, tài chính và sản xuất. Tuy nhiên, các quy định nghiêm ngặt của chính phủ và mối quan tâm về quyền riêng tư dữ liệu cũng đã tác động đến sự tăng trưởng của thị trường tại Trung Quốc.

Theo dự báo của Statista, quy mô thị trường trong thị trường Trí tuệ nhân tạo dự kiến sẽ đạt 243,70 tỷ USD vào năm 2025. Tốc độ tăng trưởng quy mô thị trường hàng năm (CAGR) dự báo sẽ đạt trung bình 27,67 trong giai đoạn 2025-2030, giúp mở rộng quy mô thị trường lên 826,70 tỷ USD vào năm 2030. So sánh toàn cầu, quy mô thị trường lớn nhất sẽ là ở Hoa Kỳ (66,21 tỷ USD Mỹ vào năm 2025). Những lĩnh vực ứng dụng AI lớn nhất sẽ tiếp tục là học máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, công nghệ Robot AI, công nghệ tự động và cảm biến, và thị giác máy tính.



Nguồn: Statista Markets Insight (2024).

### Hình 7.3. Dự báo quy mô thị trường AI thế giới đến năm 2030 (tỷ USD)

#### Đầu tư vào lĩnh vực AI dự báo tiếp tục tăng mạnh

Hoa Kỳ, Trung Quốc và các nền kinh tế dẫn đầu về công nghệ đang tích cực thúc đẩy các khoản đầu tư mạnh mẽ của các công ty vào ngành AI. Hoa Kỳ là nhà đầu tư lớn nhất vào công nghệ AI, đạt 67,2 tỷ USD vào năm 2023 và chiếm hơn một phần ba tổng số đầu tư của các công ty toàn cầu vào lĩnh vực này. Xếp thứ hai và thứ ba là Trung Quốc (7,8 tỷ USD) và Vương quốc Anh (3,8 tỷ USD). Đầu tư của các công ty vào ngành AI đã tăng gấp mười ba lần trong thập kỷ qua do những lợi ích của AI trong việc hỗ trợ làm việc từ xa, cải thiện trải nghiệm của người dùng và khách hàng và giảm chi phí kinh doanh. Trong thời kỳ

đại dịch, sự chuyển dịch rộng rãi sang làm việc từ xa và sự bùng nổ của thương mại điện tử đã thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ AI của các doanh nghiệp.

Các lĩnh vực chính thu hút đầu tư vào AI bao gồm cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và quản trị AI; xử lý ngôn ngữ tự nhiên và hỗ trợ khách hàng; quản lý và xử lý dữ liệu; và các lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe. Trong những năm gần đây, các chính sách của chính phủ nhằm khuyến khích việc áp dụng AI và số hóa đã thúc đẩy đáng kể các khoản đầu tư vào các lĩnh vực này. Đạo luật Sáng kiến Trí tuệ Nhân tạo Quốc gia năm 2020 tại Hoa Kỳ đã tạo điều kiện cho các quan hệ đối tác mới giữa chính phủ liên bang và khu vực tư nhân, thúc đẩy sự hợp tác trong nghiên cứu và ứng dụng AI, đồng thời phân bổ các quỹ liên bang đáng kể cho nghiên cứu và phát triển AI, giáo dục và phát triển tiêu chuẩn. Việc áp dụng rộng rãi AI và các mô hình kinh doanh mới khác được hỗ trợ bởi dữ liệu dự kiến sẽ thúc đẩy các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng, bao gồm cả các trung tâm dữ liệu. Hoa Kỳ dự kiến sẽ là thị trường phát triển nhanh nhất đối với các trung tâm dữ liệu, chiếm khoảng 40% thị trường toàn cầu. Nhu cầu năng lượng dự kiến sẽ tăng từ 25 GW vào năm 2024 lên hơn 80 GW vào năm 2030. Để đáp ứng nhu cầu năng lượng bổ sung tại Hoa Kỳ, ước tính cần đầu tư hơn 500 tỷ USD chỉ riêng vào cơ sở hạ tầng của trung tâm dữ liệu. Việc mở rộng nhanh chóng của các trung tâm dữ liệu làm dấy lên mối lo ngại về cơ sở hạ tầng điện và các tiêu chuẩn bền vững do nhu cầu năng lượng đáng kể của chúng. Tuy nhiên, cường độ phát thải carbon của các trung tâm dữ liệu dự kiến sẽ giảm đáng kể ở Hoa Kỳ từ 400 kg/MWh xuống 110 kg/MWh vào năm 2040, vì các nguồn năng lượng tái tạo dự kiến sẽ chiếm 70% sản lượng điện.

AI cũng đang thúc đẩy hoạt động sáp nhập và mua lại (M&A) trên toàn ngành công nghệ Hoa Kỳ. Các hoạt động M&A đáng chú ý gần đây, đã được công bố và hoàn tất, bao gồm: Hewlett Packard Enterprise (HPE) mua lại Juniper Networks với giá 14,3 tỷ USD nhằm mở rộng năng lực cơ sở hạ tầng AI, đặc biệt là trong các giải pháp mạng trung tâm dữ liệu. Thỏa thuận này nhấn mạnh vai trò ngày càng quan trọng của phần cứng đối với sự phát triển trong tương lai của AI. Nvidia đã đẩy nhanh chiến lược mua lại của mình, hoàn thành năm giao dịch vào năm 2024 - năm hoạt động tích cực nhất trong năm năm. Các giao dịch mua chính bao gồm Run, một nhà cung cấp phần mềm điều phối

GPU, với giá 700 triệu đô la và Octo AI, một nền tảng suy luận AI cho doanh nghiệp, với giá 250 triệu USD. Những giao dịch mua lại này phản ánh nỗ lực của Nvidia trong việc đưa ra các giải pháp AI cấp doanh nghiệp. Các nhà cung cấp dịch vụ đám mây lớn cũng đang thực hiện các khoản đầu tư AI mang tính chiến lược. Amazon đã cam kết lên tới 4 tỷ đô la cho Anthropic để nâng cao năng lực AI của AWS, trong khi khoản đầu tư 14 tỷ đô la của Microsoft vào OpenAI tiếp tục định hình chiến lược cơ sở hạ tầng đám mây của công ty. Động lực này dự kiến sẽ tiếp tục vào năm 2025, khi các công ty trên toàn bộ bối cảnh công nghệ, từ phần cứng đến phần mềm, tìm cách tận dụng không gian AI đang phát triển nhanh chóng. Chính quyền mới của Tổng thống Donald Trump dự kiến sẽ vẫn thân thiện với M&A.

### ***Tác động của việc ứng dụng AI tới việc làm tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương***

Các công nghệ mới đang tác động đến thị trường lao động tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (EPA). Tiến bộ công nghệ đang mở rộng phạm vi nhiệm vụ mà máy móc có thể thực hiện. Robot đã thay thế công nhân công nghiệp trong các công việc thủ công thông thường. AI đe dọa thay thế chủ yếu công nhân dịch vụ không chỉ trong các công việc thủ công thông thường mà còn ngày càng thay thế trong các công việc đòi hỏi tư duy nhận thức. Robot được hỗ trợ bởi AI cũng có khả năng đảm nhiệm các nhiệm vụ của công nhân trong các công việc thủ công không thông thường trong cả sản xuất và dịch vụ. Tuy nhiên, việc áp dụng các công nghệ mới không chỉ bị ảnh hưởng bởi tính khả thi về mặt kỹ thuật mà còn bởi tính khả thi về mặt kinh tế, phụ thuộc vào chi phí điều chỉnh theo chất lượng, chi phí lao động tại địa phương và khả năng phản ứng của nhu cầu đối với những thay đổi về giá. Việc áp dụng các công nghệ mới đang nâng cao năng suất của công ty và thay đổi cơ hội việc làm, vì năng suất tăng dẫn đến quy mô sản xuất và tăng trưởng tăng nên tiến bộ công nghệ thường hỗ trợ tăng việc làm và tiền lương. Nhưng nếu tiến bộ công nghệ dẫn tới tiết kiệm lao động, có thể làm giảm sự tăng trưởng về việc làm và tiền lương.

Việc làm ở hầu hết các quốc gia EAP có khả năng bị ảnh hưởng bởi cả robot và AI, mặc dù theo những cách khác với các nền kinh tế phát triển. Các quốc gia EAP tuyển dụng nhiều người hơn vào các công việc thủ công thông thường và ít người hơn vào các công việc đòi hỏi nhận thức so với các quốc gia phát triển. Cơ cấu nghề nghiệp này phản ánh

quá trình công nghiệp hóa thành công ở các quốc gia như Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam, cũng như tình trạng tương đối yếu kém của các ngành dịch vụ khu vực. Do đó, các quốc gia EAP, giống như các nền kinh tế đang nổi và đang phát triển khác, hiện dễ bị tổn thương hơn các quốc gia phát triển trước tình trạng thay thế việc làm bằng robot công nghiệp và ít bị thay thế bằng AI hơn. Tuy nhiên, tỷ lệ dân số ở EAP có khả năng tiếp xúc với AI trên thực tế lớn hơn tỷ lệ tiếp xúc với robot. Malaysia và Trung Quốc nổi bật là các quốc gia có tỷ lệ người làm việc trong các công việc nhận thức không thông thường tương đối cao, những người có thể hưởng lợi từ sự bổ sung của AI.

Việc áp dụng robot nhanh chóng, đặc biệt là trong các ngành sản xuất có giá trị gia tăng cao, hướng đến thương mại như máy tính, điện tử và ô tô ở Việt Nam lần lượt là khoảng 10% và 5%. Ở Việt Nam, những người lao động có trình độ trung bình và cao được hưởng lợi nhưng những người lao động có trình độ thấp, đặc biệt là những người làm các công việc thường ngày, sẽ bị giảm việc làm và có khả năng bị đẩy vào khu vực phi chính thức. Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022, robot đã thay thế khoảng 1,4 triệu hoặc 3,3% lao động chính thức có trình độ thấp đang làm công việc thủ công thường ngày ở Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam. Đồng thời, năng suất tăng lên từ tự động hóa và quy mô sản xuất cao hơn do đó đã giúp tạo ra khoảng 2 triệu việc làm (4,3% việc làm có kỹ năng chính thức) cho những người lao động có kỹ năng làm các công việc thủ công và đòi hỏi tư duy nhận thức.

## **7.2. DỰ BÁO KINH TẾ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

### **7.2.1. Triển vọng kinh tế Việt Nam**

#### **7.2.1.1. Xu hướng kinh tế thế giới và tác động đến Việt Nam**

*Địa chính trị thế giới năm 2025 vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường*

Năm 2025, địa chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với những thay đổi lớn và khó lường. Sự cạnh tranh giữa các siêu cường, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, ngày càng gay gắt, bao trùm các lĩnh vực công nghệ, thương mại, quân sự và ảnh hưởng toàn cầu. Trong khi đó, Nga vẫn giữ vai trò chiến lược ở Châu Âu và Trung Đông bất chấp các lệnh trừng phạt của phương Tây. Các liên minh quốc tế cũng có những chuyển dịch đáng kể. NATO mở rộng hoạt động tại Ấn Độ - Thái Bình Dương để đối phó ảnh hưởng gia tăng của Trung Quốc, trong khi

Án Độ nổi lên như một đối trọng đáng chú ý với vai trò trung tâm trong BRICS và G20. Đồng thời, khủng hoảng năng lượng kéo dài từ xung đột Nga-Ukraine buộc các quốc gia phải đẩy mạnh chuyển đổi xanh để giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch.

Những điểm nóng như Biển Đông và Đài Loan vẫn tiềm ẩn nguy cơ đối đầu quân sự, còn các cuộc khủng hoảng nội bộ tại Myanmar, Iran, và Sudan ngày càng phức tạp. Biến đổi khí hậu tiếp tục gây ra thiên tai nghiêm trọng và xung đột tài nguyên, thúc đẩy các quốc gia đầu tư vào nghiên cứu để bảo đảm an ninh lương thực. Bên cạnh đó, sự phát triển của các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, điện toán lượng tử, và mạng 6G đang định hình lại cán cân quyền lực toàn cầu, trở thành các công cụ chiến lược mới. Vai trò của các tổ chức phi quốc gia, đặc biệt là các tập đoàn công nghệ lớn, ngày càng tăng trong việc định hình chính sách quốc tế, từ quyền riêng tư đến kiểm duyệt thông tin. Trong bối cảnh này, khi Donald Trump trở lại làm Tổng thống Mỹ, địa chính trị toàn cầu sẽ chứng kiến những thay đổi lớn. Chính sách "Nước Mỹ trên hết" có thể được tái triển khai, làm suy yếu quan hệ với các đồng minh và gia tăng căng thẳng với Trung Quốc trong lĩnh vực thương mại và công nghệ.

Trump cũng có thể tiếp tục áp lực lên NATO, yêu cầu Châu Âu tăng đóng góp tài chính, dẫn đến nguy cơ suy yếu mối quan hệ xuyên Đại Tây Dương. Hơn nữa, ông có xu hướng rút Mỹ khỏi các thỏa thuận đa phương như Hiệp định Paris về khí hậu và làm giảm vai trò của Mỹ trong các tổ chức quốc tế như WTO hay WHO. Điều này có thể khiến hệ thống quản trị quốc tế suy yếu nhưng cũng mở ra cơ hội tái cấu trúc mối quan hệ toàn cầu, tùy thuộc vào cách các chính sách mới được triển

### *Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025*

Theo báo cáo triển vọng kinh tế mới nhất của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) tháng 12/2024, tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2025 dự báo đạt 3,3% và cao hơn 1 điểm phần trăm so với báo cáo tháng 10/2024 của IMF với mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt mức 3,2% vào năm 2025. Cũng theo báo cáo này, tăng trưởng GDP tại tại dự kiến đạt 2,8% vào năm 2025, trước khi giảm xuống còn 2,4% vào năm 2026. Tại khu vực đồng euro, sự phục hồi trong thu nhập hộ gia đình thực tế, thị trường lao động thắt chặt và việc cắt giảm lãi suất chính sách tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng. Tăng trưởng GDP của khu vực đồng euro dự kiến đạt 1,3% vào năm 2025 và 1,5%

vào năm 2026. Tăng trưởng tại Nhật Bản dự kiến sẽ tăng 1,5% vào năm 2025 nhưng sau đó giảm xuống còn 0,6% vào năm 2026. Trung Quốc dự kiến sẽ tiếp tục chậm lại, với mức tăng trưởng GDP là 4,7% vào năm 2025 và 4,4% vào năm 2026.

Tại Mỹ, chính quyền mới dưới sự lãnh đạo của Tổng thống đắc cử Donald Trump có thể mang đến sự thay đổi lớn trong chính sách tài khóa, thương mại và quy định. Các đề xuất tăng thuế nhập khẩu để bảo vệ sản xuất trong nước, giảm thuế doanh nghiệp và cá nhân, cùng với chính sách nhập cư cứng rắn hơn, tạo cả cơ hội lẫn thách thức cho nền kinh tế. Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm suy thoái bất động sản, nợ chính quyền địa phương tăng cao, và niềm tin tiêu dùng suy giảm. Báo cáo ngày 31/12/2024 từ Tổng cục Thống kê Trung Quốc (NBS)<sup>26</sup> cho thấy chỉ số PMI đạt 50,1 điểm trong tháng 12, thấp hơn dự báo 50,3 điểm, phản ánh sự phục hồi yếu. Khi căng thẳng thương mại Mỹ - Trung kéo dài, xuất khẩu - động lực chính của kinh tế Trung Quốc - có thể chịu áp lực lớn hơn nếu Mỹ áp thêm thuế nhập khẩu. Tăng trưởng của Trung Quốc được dự báo chậm lại, đạt 4,5% vào năm 2025, tác động tiêu cực đến nhu cầu toàn cầu và các nền kinh tế phụ thuộc xuất khẩu sang Trung Quốc.

Trong khi đó, khu vực đồng Euro (Eurozone) tiếp tục đối mặt với lạm phát cao, khủng hoảng năng lượng, và bất ổn chính trị. Những vấn đề này làm chậm đà phục hồi kinh tế của khu vực, kéo theo những hệ lụy đối với tăng trưởng toàn cầu. Nhìn chung, triển vọng kinh tế thế giới trong năm 2024-2025 bị ảnh hưởng bởi sự bất định chính trị, các chính sách bảo hộ, và sự chậm lại của những nền kinh tế lớn.

*Tăng trưởng thương mại toàn cầu có xu hướng phục hồi chậm nhưng tích cực*

Tăng trưởng thương mại toàn cầu trong năm 2025 được dự báo phục hồi chậm nhưng duy trì xu hướng tích cực. Theo IMF, tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu sẽ đạt 3,1% vào năm 2024 và tăng lên 3,4% vào năm 2025, một sự cải thiện đáng kể so với mức thấp 0,8% của năm 2023. Sự phục hồi này được hỗ trợ bởi các yếu tố như cắt giảm lãi suất từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và các gói kích thích kinh tế từ Trung Quốc, thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu phục hồi ổn định hơn.

---

<sup>26</sup>[https://www.stats.gov.cn/english/PressRelease/202501/t20250107\\_1958155.html](https://www.stats.gov.cn/english/PressRelease/202501/t20250107_1958155.html)

Tuy nhiên, thương mại toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều thách thức lớn. Căng thẳng địa chính trị, áp lực lạm phát, và những gián đoạn trong chuỗi cung ứng là những rào cản đáng kể. Chính sách bảo hộ thương mại gia tăng tại Mỹ và EU, như các biện pháp thuế quan và rào cản thương mại, tiếp tục tạo áp lực đối với các quốc gia phụ thuộc vào xuất khẩu. Dưới sự điều hành của chính quyền Tổng thống Donald Trump, Mỹ có thể áp dụng các biện pháp thuế quan mới đối với hàng hóa từ Trung Quốc và các quốc gia có thặng dư thương mại lớn, làm gián đoạn dòng chảy thương mại, đặc biệt trong các ngành công nghiệp và nông nghiệp. Xu hướng bảo hộ thương mại không chỉ giới hạn ở Mỹ và EU mà còn lan rộng sang các quốc gia khác. Các nước đang triển khai các biện pháp để bảo vệ sản xuất trong nước, khiến môi trường thương mại quốc tế trở nên biến động hơn. Điều này, kết hợp với các rủi ro kinh tế khác, có thể làm chậm đà phục hồi thương mại trong giai đoạn tới.

#### *Vai trò của công nghệ trong thương mại toàn cầu*

Bên cạnh đó, báo cáo *Kinh tế số 2024* (Digital Economy Report 2024) của UNCTAD nhấn mạnh vai trò của các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và Internet vạn vật (IoT) trong việc thúc đẩy nền kinh tế số và thương mại toàn cầu. Thị trường AI toàn cầu được dự báo sẽ đạt 900 tỷ USD vào năm 2025, với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm đạt 35%. Công nghệ blockchain cũng đang được ứng dụng rộng rãi, với 10% giao dịch tài chính toàn cầu dự kiến thực hiện qua blockchain vào năm 2026. Tuy nhiên, báo cáo cảnh báo về nguy cơ gia tăng bất bình đẳng do sự tập trung 75% giá trị thị trường AI tại các quốc gia phát triển. Điều này đòi hỏi các chính sách quản lý chặt chẽ để đảm bảo các công nghệ mới thúc đẩy tăng trưởng thương mại và không làm sâu sắc thêm sự phân hóa kinh tế giữa các quốc gia.

#### *Triển vọng lạm phát và chỉ số giá cả hàng hóa có xu hướng giảm*

Năm 2025, lạm phát toàn cầu được dự báo tiếp tục giảm, tạo điều kiện thuận lợi cho các quốc gia trong việc điều hành chính sách tiền tệ và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo báo cáo của IMF (tháng 10/2024), lạm phát toàn cầu sẽ giảm từ 5,9% năm 2024 xuống còn 4,4% vào năm 2025. Ở các nước phát triển, lạm phát được dự báo giảm nhẹ từ 2,6% năm 2024 xuống 2,0% năm 2025, trong khi các nước đang phát triển có mức giảm mạnh hơn, từ 7,9% xuống 5,9%. OECD cũng dự đoán lạm phát tại các nước G20, đặc biệt ở Mỹ, khu vực đồng Euro và Nhật Bản, sẽ đạt mức mục tiêu 2% vào năm 2025.

Bên cạnh lạm phát, giá cả hàng hóa cũng được kỳ vọng giảm nhẹ. Chỉ số giá hàng hóa tổng hợp GSCI đã giảm 15% so với mức đỉnh tháng 4/2024 và dự kiến tiếp tục giảm. Giá dầu toàn cầu được Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo sẽ duy trì xu hướng giảm, với nhu cầu đạt 103,9 triệu thùng/ngày trong năm 2025, nhờ nguồn cung tăng từ các quốc gia ngoài OPEC+. Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự đoán giá dầu Brent trung bình khoảng 77 USD/thùng năm 2025, giảm từ mức 80,95 USD/thùng năm 2024.

Giá lương thực thực phẩm toàn cầu cũng được dự báo giảm, hỗ trợ khả năng tiếp cận thực phẩm, đặc biệt ở các quốc gia có thu nhập thấp. Ngân hàng Thế giới ước tính giá thực phẩm sẽ giảm 4% vào năm 2025, sau khi giảm 9% trong năm 2024. Giá ngô, đậu nành và lúa mì dự kiến sẽ giảm từ 1,1% đến 5,5%, trong khi giá thịt bò có thể tăng thêm 3,5%, trái với xu hướng chung. Tuy nhiên, tình trạng mất an ninh lương thực vẫn có thể gia tăng tại một số khu vực do các cuộc khủng hoảng cục bộ liên quan đến xung đột, thiên tai và cú sốc kinh tế.

Trong khi giá dầu và thực phẩm giảm, giá kim loại được dự báo sẽ tăng cao hơn vào năm 2025. Theo Goldman Sachs, giá nhôm trung bình có thể đạt 2.700 USD/tấn nhờ nhu cầu mạnh mẽ từ Trung Quốc sau các biện pháp kích thích kinh tế. Giá vàng được kỳ vọng vượt mức 3.000 USD/ounce, được thúc đẩy bởi sự bất ổn địa chính trị và kỳ vọng cắt giảm lãi suất từ Fed. Tuy nhiên, biến động giá vàng phụ thuộc lớn vào chính sách kinh tế của chính quyền mới tại Mỹ và chiến lược lãi suất của Fed.

*Dòng vốn đầu tư tiếp tục gặp khó khăn và đang dần chuyển dịch sang các thị trường mới nổi*

Dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) năm 2025 được dự báo sẽ tiếp tục gặp khó khăn do các yếu tố như bảo hộ thương mại, căng thẳng địa chính trị, và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, dòng vốn này đang dần chuyển dịch sang các thị trường mới nổi như Việt Nam, Indonesia, và Ấn Độ. Những quốc gia này thu hút sự chú ý nhờ lực lượng lao động dồi dào, chi phí cạnh tranh, thị trường nội địa phát triển nhanh, cùng với các chính sách ưu đãi đầu tư, cải cách hành chính và cơ sở hạ tầng ngày càng cải thiện.

*Chuyển dịch đầu tư sang các ngành chiến lược:* Các ngành công nghệ cao, công nghệ xanh, và bền vững tiếp tục là trọng tâm của dòng



vốn FDI. Những lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, công nghệ tài chính (fintech), và công nghệ sinh học đang nhận được nhiều ưu tiên đầu tư. Điều này phản ánh xu hướng toàn cầu tập trung vào các ngành công nghệ chiến lược để thúc đẩy tăng trưởng bền vững và giảm thiểu rủi ro từ biến động kinh tế toàn cầu.

*Xu hướng bảo hộ thương mại và tái cấu trúc chuỗi cung ứng:* Các nền kinh tế lớn như Mỹ, Liên minh Châu Âu (EU), và Trung Quốc đang điều chỉnh chiến lược kinh tế để bảo vệ lợi ích quốc gia, với xu hướng bảo hộ ngày càng gia tăng. Các chính sách này không chỉ làm thay đổi toàn diện cấu trúc chuỗi cung ứng mà còn buộc doanh nghiệp chuyển từ chiến lược tối ưu hóa chi phí sang đảm bảo an toàn chuỗi cung ứng. Xu hướng này đã dẫn đến sự hình thành ba chiến lược tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu: (1) Friendshoring là chuyển sản xuất sang các quốc gia đồng minh tin cậy để giảm rủi ro địa chính trị; (2) Nearshoring là đưa sản xuất về gần thị trường tiêu thụ nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng và cải thiện khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường; và (3) là Re-shoring là đưa sản xuất trở về quốc gia gốc để bảo vệ việc làm và củng cố nền kinh tế nội địa.

*Triển vọng giá hàng hóa và dòng vốn:* Báo cáo *Triển vọng thị trường hàng hóa thế giới* (WB, tháng 10/2024) dự báo giá hàng hóa toàn cầu sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 5 năm vào năm 2025, sau khi tăng 2,7% trong năm 2024. Dù giá dầu mỏ dự kiến giảm do dư cung, các mặt hàng như khí đốt tự nhiên, kim loại và nguyên liệu nông nghiệp được kỳ vọng duy trì ổn định, giúp giảm áp lực từ biến động giá. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho dòng vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp chiến lược và các thị trường mới nổi.

#### *Xu hướng điều hành chính sách tiền tệ - tài khóa 2025*

Trong những năm gần đây, chính sách tiền tệ luôn là tâm điểm của các nền kinh tế lớn, với vai trò quan trọng trong việc kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2025, chính sách tài khóa sẽ thay thế vai trò dẫn dắt của chính sách tiền tệ trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Các chính phủ dự kiến sẽ gia tăng chi tiêu công để hỗ trợ tăng trưởng, cải thiện cơ sở hạ tầng và giải quyết các vấn đề xã hội như việc làm và an ninh kinh tế.

*Về chính sách tiền tệ:* Theo Báo cáo Triển vọng năm 2025 của ngân hàng Deutsche, mặc dù lạm phát của Mỹ được dự báo giảm xuống

2,4% vào năm 2025, nhưng vẫn cao hơn mục tiêu của FED. Điều này sẽ khiến Cục Dự trữ Liên bang có thể phải giảm lãi suất một cách thận trọng, điều chỉnh mỗi lần 0,25 điểm phần trăm, đưa mức lãi suất xuống khoảng 3,375% vào cuối năm 2025. Tại khu vực EU, Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) dự kiến cắt giảm lãi suất tiền gửi thận trọng, từ mức 3,25% xuống 2,00% vào cuối năm 2025, nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh phục hồi chậm. Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) có thể tiếp tục bình thường hóa chính sách tiền tệ với việc tăng lãi suất từ 0,25% lên 1,00%, đánh dấu sự thay đổi lịch sử trong cách tiếp cận của BoJ. Vai trò trung tâm trong việc duy trì nhu cầu và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, Trung Quốc sẽ tiếp tục quan sát tác động của các chính sách tài khóa của Mỹ trước khi đưa ra các biện pháp kích thích lớn hơn.

*Về chính sách tài khóa:* ngày 18/12 Thượng viện Mỹ đã thông qua Đạo luật Ủy quyền Quốc phòng (NDAA), tài khóa 2025 cho phép nâng chi tiêu quân sự hằng năm của Mỹ lên mức kỷ lục 895 tỷ USD, bao gồm các thương vụ mua sắm tàu chiến, máy bay và vũ khí, nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh. Ngày 26/11, Ủy ban Châu Âu công bố gói chính sách sách mùa thu của EU, nêu rõ định hướng tài khóa chặt chẽ hơn sẽ được áp dụng tại khu vực đồng euro vào năm 2025. Trong năm 2025, NextGenerationEU sẽ tiếp tục triển khai các dự án và cải cách đã được phê duyệt trong khuôn khổ chương trình. Nhật Bản duy trì các gói kích thích kinh tế, tập trung vào công nghệ tự động hóa, tăng cường quốc phòng, và giảm thâm hụt tài khóa từ -6% xuống -4% GDP nhờ cải cách thuế. Trong khi đó, Trung Quốc thận trọng với các gói kích thích bổ sung, ưu tiên hỗ trợ bất động sản, sản xuất xanh và công nghệ cao, nhưng thâm hụt tài khóa vẫn ở mức cao -13,1% GDP để hỗ trợ tăng trưởng trong bối cảnh tiêu dùng nội địa phục hồi chậm. Cũng theo dự báo của ngân hàng Deutsche năm 2025 cho thấy thâm hụt tài khóa tại nhiều quốc gia lớn sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, phản ánh sự phụ thuộc vào chính sách tài khóa để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh còn nhiều thách thức vĩ mô. Tại Mỹ, thâm hụt tài khóa dự kiến tăng lên -7,3% GDP, Ở khu vực Eurozone, thâm hụt tài khóa dự kiến ổn định ở mức -3,0% GDP, Trung Quốc tiếp tục duy trì thâm hụt tài khóa cao ở mức -13,1% GDP và Nhật Bản dự báo thâm hụt giảm mạnh xuống -4,0% GDP.

*Về biến động của tỷ giá:* Theo báo cáo của Deutsche (tháng 12/2024) sự tăng giá của USD được thúc đẩy bởi các kế hoạch cắt giảm thuế và áp thuế mới của Tổng thống đắc cử Donald Trump, làm tăng kỳ vọng về lạm phát và điều chỉnh giảm số lần cắt lãi suất của Fed, qua đó mở rộng chênh lệch lãi suất giữa Mỹ và khu vực đồng Euro. Dự báo tỷ giá EUR/USD sẽ đạt 1,02 vào cuối năm 2025. USD/JPY sẽ đạt 145 vào cuối năm 2025. Đồng nhân dân tệ (CNY) suy yếu do các biện pháp hỗ trợ kinh tế của Trung Quốc chưa đủ mạnh và PBoC có khả năng tiếp tục phá giá CNY để thúc đẩy tăng trưởng, tỷ giá USD/CNY được dự báo đạt 7,45 vào cuối năm 2025. Các biện pháp thuế quan của Mỹ có thể tiếp tục gây áp lực lên tỷ giá hối đoái toàn cầu, nhưng đồng tiền yếu hơn tại các khu vực như khu vực đồng Euro và Trung Quốc có thể hỗ trợ xuất khẩu, giảm bớt thiệt hại kinh tế.

#### **7.2.1.2. Bối cảnh và xu hướng kinh tế Việt Nam**

2025 là năm có bước đột phá toàn diện ở Việt Nam. Ngay đầu năm, Việt Nam đã kịp thời kiện toàn các chức danh lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, giữ ổn định tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô, kiểm soát được lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, củng cố niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân, được dư luận trong và ngoài nước đánh giá cao; nền kinh tế đã khẳng định sự phục hồi rõ nét, tháng sau tích cực hơn tháng trước, quý sau tốt hơn quý trước. An sinh xã hội, đời sống vật chất, tinh thần người dân không ngừng được nâng lên. Quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm; các hoạt động đối ngoại, ngoại giao kinh tế, đối ngoại của lãnh đạo cấp cao tiếp tục được đẩy mạnh, với nhiều kết quả rõ nét, vị thế, uy tín của Việt Nam tiếp tục được nâng lên, mở ra cơ hội phát triển mới cho đất nước.

Các tổ chức quốc tế tiếp tục đánh giá cao sự phát triển và triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng của Việt Nam năm 2024 được Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)<sup>27</sup> đánh giá thuộc nhóm ít các nước tăng trưởng cao trong khu

---

<sup>27</sup> WB dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Việt Nam đạt 6,1%; IMF dự báo 6,1%; ADB dự báo 6,4%; OECD dự báo 6,9%.

vực<sup>28</sup>, thế giới và được nhiều tổ chức quốc tế khác đánh giá cao<sup>29</sup>. Các chỉ số, xếp hạng quốc tế về phát triển, cạnh tranh, đổi mới sáng tạo của nước ta được cải thiện đáng kể như xếp hạng môi trường kinh doanh tăng 12 bậc, chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu tăng 2 bậc, chỉ số phát triển con người (HDI) tăng 8 bậc và chỉ số hạnh phúc tăng 11 bậc.

Tuy nhiên, nhiệm vụ và yêu cầu phát triển KTXH đặt ra ngày càng nặng nề, thách thức hơn. Chúng ta phải vừa tập trung ứng phó, thích ứng nhanh, hiệu quả, “từ sớm, từ xa” với những biến động từ bên ngoài, biến động của thị trường tài chính, tiền tệ thế giới, nguồn cung, giá cả hàng hóa, xăng dầu, lương thực thế giới... trong khi nền kinh tế nước ta đang phát triển, trong quá trình chuyển đổi, độ mở lớn<sup>30</sup>, quy mô khiêm tốn, khả năng chống chịu còn hạn chế nên chịu áp lực rất lớn từ lạm phát và sự biến động mạnh của giá một số hàng hóa cơ bản, dầu thô trên thị trường quốc tế; vừa giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm bộc lộ rõ hơn trong khó khăn về doanh nghiệp, thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, thị trường vàng, doanh nghiệp yếu kém, dự án chậm tiến độ, ngân hàng thuộc diện kiểm soát đặc biệt... Dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lũ diễn biến phức tạp; đặc biệt cơn bão số 3 (Yagi), cơn bão mạnh nhất trong vòng 30 năm qua, gây thiệt hại nặng nề ở nhiều địa phương<sup>31</sup>...

Đồng thời, vẫn cần tiếp tục phát huy các kết quả đạt được, khắc phục các hạn chế để làm tốt hơn công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; rà soát, tháo gỡ các vướng mắc của hệ thống pháp luật, nhất là những vấn đề mang tính cốt lõi, cấp bách đang là điểm nghẽn, cản trở sự phát triển; hoàn thiện thể chế cho những vấn đề mới phát sinh, tạo môi trường pháp

<sup>28</sup> Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) điều chỉnh tăng trưởng của Đông Nam Á năm 2024 tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 9/2024, từ 4,5% lên 4,7% nhờ xuất khẩu và chỉ tiêu công mạnh hơn ở các nền kinh tế trong khu vực. Tăng trưởng GDP năm 2024 của Việt Nam được dự báo cao nhất khu vực, đạt 6,4%, theo sau là Phi-lip-pin đạt 6,0%, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a đạt 5,0%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Singapore và Thái Lan được dự báo lần lượt đạt 3,5% và 2,6%.

<sup>29</sup> IMF đánh giá Việt Nam là nước ASEAN duy nhất nằm trong nhóm 10 nước tăng trưởng cao nhất thế giới, ước tính đạt 6,4% trong giai đoạn 2024-2029. Standard Chartered dự báo GDP của Việt Nam tăng 6%, thuộc nhóm 5 nước tăng trưởng nhanh nhất Châu Á. Tháng 7/2024, HSBC Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 lên 6,5% và 6,3%, cao hơn so với mức dự báo 6,0% tháng 4/2024. Năm 2025, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và ngân hàng UOB của Singapore cùng nâng dự báo tốc độ tăng trưởng của Việt Nam đạt 6,6% năm 2025. Báo cáo của hãng tư vấn Oxford Economics (Anh) nhận định GDP của Việt Nam sẽ đạt 6,7% năm 2024 và 6,5% năm 2025.

<sup>30</sup> Đến hết năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đạt 786,29 tỷ USD, bằng hơn 166% quy mô GDP (473,3 tỷ USD).

<sup>31</sup> Dự báo có thể làm tốc độ tăng trưởng GDP cả năm giảm khoảng 0,15%.

luật và điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành, lĩnh vực mới như chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo..., phấn đấu “bắt kịp, tiến cùng”, không bị “tụt lại phía sau” trong các xu thế toàn cầu và khu vực.

#### *Tác động tích cực từ cải cách thể chế toàn diện*

Những cải cách thể chế toàn diện đang diễn ra mạnh mẽ và được kỳ vọng sẽ mang lại những hiệu quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và những năm tiếp theo. Trong đó, trọng tâm của cải cách thể chế trong năm 2025 là hoàn thiện thể chế là "đột phá của đột phá"; tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Những cải cách quan trọng được kỳ vọng sẽ giảm bớt thủ tục hành chính, nâng cao dịch vụ công và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp từ đó thúc tăng trưởng kinh tế.

#### *Kỳ vọng đầu tư thúc đẩy tăng trưởng kinh tế*

Đầu tư công năm 2025 được cải thiện nhờ vào quyết tâm từ Chính phủ nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và cam kết đẩy nhanh tiến độ của các địa phương trọng điểm như TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội sẽ góp phần cải thiện tốc độ giải ngân. Đồng thời, các công trình trọng điểm quốc gia đang và sẽ được triển khai, đóng vai trò nền tảng trong thúc đẩy kinh tế và đưa Việt Nam trở thành một trung tâm thu hút đầu tư hàng đầu khu vực.

Vốn FDI tiếp tục là một điểm sáng, đặc biệt ở lĩnh vực công nghệ, năng lượng tái tạo, y tế, ngân hàng và bất động sản. Theo đánh giá từ Ngân hàng HSBC, WB và ADB, Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia vượt trội về thu hút FDI trong ASEAN, bên cạnh Singapore và Malaysia. Triển vọng năm 2025 vẫn tích cực khi các nhà đầu tư quốc tế coi Việt Nam là điểm đến ổn định với tiềm năng tăng trưởng lớn. Việt Nam đang đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư thông qua các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để hiện thực hóa các cơ hội đầu tư chiến lược dài hạn.

#### *Triển vọng lớn hơn từ thị trường xuất, nhập khẩu hàng hoá*

Năm 2025, tổng kim ngạch thương mại toàn cầu dự kiến tăng 3,6% so với năm 2024 nhờ nhu cầu tiêu dùng ổn định tại các thị trường lớn và sự cải thiện trong chuỗi cung ứng toàn cầu (UNCTAD, 2024). Các tổ chức như WTO và OECD dự báo lĩnh vực dịch vụ, bao gồm

công nghệ thông tin, du lịch và năng lượng tái tạo, sẽ tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng thương mại. Trong bối cảnh này, Việt Nam có thể tận dụng hiệu quả các cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP, EVFTA, và RCEP để mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt là khai thác các thị trường mới. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải đối mặt với các thách thức như căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc; chi phí logistics; xung đột địa chính trị như Nga-Ukraine và bất ổn tại Trung Đông; và các biện pháp bảo hộ thương mại từ các thị trường lớn, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp và nông sản, có thể tạo ra những rào cản đối với xuất nhập khẩu ở Việt Nam.

#### *Phát triển công nghệ cao là cơ hội lớn đối với nền kinh tế Việt Nam*

Đầu tư phát triển công nghệ cao đang mở ra cơ hội lớn cho nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0. Công nghệ cao không chỉ gia tăng năng suất lao động thông qua việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), và tự động hóa mà còn nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong các ngành điện tử, công nghệ thông tin và năng lượng tái tạo. Đồng thời, công nghệ cao góp phần thúc đẩy phát triển bền vững, giảm thiểu tác động môi trường thông qua ứng dụng vào sản xuất, nông nghiệp và dịch vụ. Việc thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực này ngày càng tăng nhờ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, tạo động lực quan trọng cho sự phát triển. Song song đó, hoạt động của khu vực doanh nghiệp trong năm 2025 được dự báo sẽ tiếp tục khởi sắc nhờ chính sách hỗ trợ tài chính, cải thiện môi trường kinh doanh và các gói ưu đãi thuế. Xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ đang giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường, trong khi các hiệp định thương mại tự do như RCEP và EVFTA tiếp tục mang lại cơ hội lớn cho xuất khẩu. Cùng với sự phục hồi của kinh tế toàn cầu, doanh nghiệp Việt Nam cần tận dụng tối đa các cơ hội này thông qua đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và áp dụng các mô hình quản trị hiện đại để phát triển bền vững.

### **7.2.2. Kịch bản kinh tế và thương mại Việt Nam**

#### **7.2.2.1. Các giả thiết đầu vào cho dự báo**

Năm 2025, kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng chậm, với tốc độ tăng trưởng tương đương năm 2024. Theo báo cáo của

IMF (tháng 10/2024), tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến đạt mức 3,2%. Cụ thể, các nền kinh tế phát triển được kỳ vọng tăng trưởng 1,8%, trong khi các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển đạt mức 4,2%. Đây là kết quả của những xu hướng kinh tế lớn và các chính sách tài khóa, tiền tệ đang được áp dụng.

Tăng trưởng toàn cầu năm 2025, được kỳ vọng sẽ được hỗ trợ bởi sự nới lỏng chính sách tiền tệ nhờ quá trình giảm phát. Tuy nhiên, mức tăng trưởng chung không tạo ra những biến động lớn do sự chậm lại của các nền kinh tế lớn như Mỹ và Trung Quốc. Việc các quốc gia phát triển tiếp tục thắt chặt tài khóa dưới áp lực nợ công gia tăng, cùng với sự điều chỉnh giảm trong tiêu dùng và đầu tư, đã hạn chế đáng kể khả năng phục hồi mạnh mẽ. Ngược lại, các nước đang phát triển dự kiến tiếp tục duy trì các chính sách nới lỏng tài khóa nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, bù đắp cho những khó khăn trong tiêu dùng nội địa.

Dự báo của IMF dựa trên các giả thiết như giá cả hàng hóa toàn cầu tiếp tục giảm sau khi đạt đỉnh vào năm 2022, góp phần giảm áp lực lạm phát nhưng cũng hạn chế đà tăng trưởng trong một số ngành kinh tế. Với bối cảnh này, năm 2025 được dự đoán sẽ là một năm chuyển đổi, khi các nền kinh tế tìm cách cân bằng giữa tăng trưởng và ổn định tài chính trong bối cảnh nhiều thách thức vĩ mô còn tồn tại.

**Bảng 7.3. Các giả thiết đầu vào cho dự báo**

		2021	2022	2023	2024	2025		
						Kịch bản thấp	Kịch bản cơ sở	Kịch bản cao
	<b>Kinh tế thế giới</b>							
1	Tốc độ tăng GDP (%)	6,3	3,5	3,3	3,2	3	3,2	3,4
2	Tốc độ tăng thương mại (%)	10,7	5,2		3,3	3	3,6	4
3	Lạm phát	4,7	8,7	6,7	5,8	3,9	4,4	4,9

*Nguồn: IMF, nhóm nghiên cứu*

Với giả thiết đầu vào dự báo như trên, tăng trưởng GDP toàn cầu có thể đạt mức 3 - 3,4% phụ thuộc vào bối cảnh diễn biến địa chính trị trên thế giới. Trong đó, với diễn biến phức tạp và khó lường của kinh tế thế giới cũng như diễn biến bất thường của biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế thế giới năm 2024, với kịch bản này GDP toàn cầu chỉ đạt khoảng 3% trong năm 2025. Ở kịch bản cơ sở, đây là kịch bản được IMF dự báo trong bối cảnh kinh tế thế giới có những điểm sáng tích cực với mức tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 3,2%. Với kịch bản cao, GDP toàn cầu được dự báo ở mức tăng 3,4%, kịch bản này được cho là có thể xảy ra khi diễn biến địa chính trị tốt hơn, tác động tích cực sự hồi phục tăng trưởng của nhiều quốc gia trong thời gian tới.

*Về giả thiết trong nước:* Bối cảnh kinh tế Việt Nam nêu trên các giả thiết đầu vào cho mô hình dự báo được giả định dựa trên:

(1) Động lực từ cải cách thể chế sẽ tạo ra những bước tiến quan trọng với kinh tế Việt Nam năm 2025 và những năm tiếp theo.

(2) Chính sách kinh tế vĩ mô: Các công cụ chính sách tiền tệ và tài khóa được điều hành linh hoạt, chủ động trước những biến động từ bên ngoài cũng như trong nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đảm bảo ổn định vĩ mô.

(3) Các động lực tăng trưởng cả về phía cung của nền kinh tế cũng như nguồn lực từ bên ngoài như FDI, ODA,... có thể đạt được những hiệu quả tích cực trong năm 2025.

(4) Năng suất lao động và đóng góp của chuyển đổi số vào tăng trưởng được kỳ vọng có những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế trong thời gian tới.

(5) Đầu tư công được giải ngân đạt được kế hoạch đã đề ra

(6) Việt Nam tích cực chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chú trọng phát triển công nghệ cao và tập trung vào các ngành có năng suất lao động cao.

#### **7.2.2.2. Các kịch bản dự báo kinh tế**

Từ những phân tích và dự báo xu hướng về trường kinh tế cho năm 2025 cho thấy, bên cạnh những khó khăn như tình hình chính trị thế giới vẫn bất ổn, tăng trưởng kinh tế thế giới vẫn chưa được phục hồi; nỗ lực của các chủ thể kinh tế trong nước vẫn yếu trong khi sự hỗ trợ của Nhà nước vẫn khó có đột phá. Bên cạnh những khó khăn này,



Việt Nam vẫn có những cơ hội và thuận lợi cho phát triển kinh tế. Nhóm Nghiên cứu sử dụng mô hình kinh tế lượng cấu trúc<sup>32</sup> và kết hợp ý kiến chuyên gia để đưa ra các kịch bản dự báo cho kinh tế Việt Nam năm 2025 như sau:

*1. Kịch bản cơ sở:* Kịch bản cơ sở là kịch bản có nhiều khả năng xảy ra nhất. Với kịch bản cơ sở, các dự báo chỉ tiêu sẽ ở mức phù hợp với xu hướng phục hồi kinh tế và các giả thiết bên ngoài đã đặt ra. Tăng trưởng GDP Việt Nam đạt mức tăng 7,52% năm 2025 và CPI bình quân so với cùng kỳ duy trì ở mức 3,87%. Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa dự báo sẽ đạt 884,45 tỷ USD, với giá trị kim ngạch xuất khẩu là 454,19 tỷ USD và giá trị kim ngạch nhập khẩu là 430,26 tỷ USD. Chênh lệch xuất khẩu - nhập khẩu dự báo trong kịch bản này là 23,93 tỷ USD. Vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP dự kiến duy trì ổn định ở mức 33,5%, phản ánh mức độ gia tăng đầu tư vào nền kinh tế và đóng góp vào sự phát triển tổng thể của nền kinh tế năm 2025.

*2. Kịch bản tăng trưởng cao:* Đây là kịch bản cũng có thể xảy ra nếu những diễn biến sắp tới về địa chính trị trên thế giới tích cực hơn. Trong đó, căng thẳng toàn cầu giảm, hợp tác quốc tế được tăng cường, đặc biệt trong thương mại và đầu tư; sự phục hồi mạnh mẽ của các nền kinh tế lớn, đặc biệt là sự gia tăng nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ từ Việt Nam; Chính phủ thực hiện quyết liệt và hiệu quả các chính sách hỗ trợ kinh tế, bao gồm cả các biện pháp kích thích tài khóa và tiền tệ; và ngành công nghiệp và xây dựng phát triển mạnh mẽ hơn dự kiến, dịch vụ và nông nghiệp đạt tăng trưởng cao nhờ vào cải thiện năng suất và công nghệ. Theo kịch bản này, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt mức tăng 8,03% năm 2025 và CPI bình quân so với cùng kỳ duy trì ở mức 4,18%. Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa dự báo sẽ đạt 912,9 tỷ USD, với giá trị kim ngạch xuất khẩu là 469,14 tỷ USD và giá trị kim ngạch nhập khẩu là 443,76 tỷ USD. Chênh lệch xuất khẩu - nhập khẩu dự báo trong kịch bản này là 25,38 tỷ USD. Vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP dự kiến ở mức 34,5%.

*3. Kịch bản tiêu cực:* Những diễn biến phức tạp của địa chính trị, kinh tế thế giới cũng như ảnh hưởng của biến đổi khí hậu sẽ tiếp tục khiến kinh tế thế giới rơi vào khó khăn. Các yếu tố ảnh hưởng khó lường và phức tạp hơn có thể đến từ: leo thang căng thẳng giữa các cường

---

<sup>32</sup>Chi tiết trong phụ lục

quốc hoặc sự gia tăng xung đột khu vực; suy giảm kinh tế ở các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, hoặc Trung Quốc có thể giảm nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam; thời tiết cực đoan ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và chuỗi cung ứng toàn cầu; và các biện pháp kích thích kinh tế không được thực thi hiệu quả, chậm trễ trong việc giải ngân vốn đầu tư công. Theo kịch bản này, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt mức tăng 7,17% năm 2025 và CPI bình quân so với cùng kỳ duy trì ở mức 3,49%. Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa dự báo sẽ đạt 871,6 tỷ USD, với giá trị kim ngạch xuất khẩu là 446,93 tỷ USD và giá trị kim ngạch nhập khẩu là 424,66 tỷ USD. Chênh lệch xuất khẩu - nhập khẩu dự báo trong kịch bản này là 22,27 tỷ USD. Vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP dự kiến ở mức 33%.

**Bảng 7.4. Các kịch bản dự báo kinh tế và thương mại Việt Nam năm 2025**

Các chỉ tiêu	2024	Dự báo 2025		
		KB thấp	KB cơ sở	KB cao
<b>I. Tốc độ tăng trưởng GDP</b>	<b>7,09</b>	<b>7,17</b>	<b>7,52</b>	<b>8,03</b>
- Nông Lâm nghiệp Thủy sản	3,27	3,56	3,72	4,32
- Công nghiệp - xây dựng	8,24	8,32	8,72	9,19
- Dịch vụ	7,38	7,33	7,73	8,05
- Thuế trợ cấp trừ sản phẩm	5,65	5,87	6,02	7,52
<b>II. Thương mại</b>				
<b>- Tổng giá trị kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu hàng hóa</b>	<b>786,29</b>	<b>871,60</b>	<b>884,45</b>	<b>912,90</b>
- Giá trị kim ngạch hàng hóa xuất khẩu (tỷ đô)	405,53	446,93	454,19	469,14
- Giá trị kim ngạch hàng hóa nhập khẩu (tỷ đô)	380,76	424,66	430,26	443,76
- Chênh lệch (xuất khẩu - nhập khẩu)	24,77	22,27	23,93	25,38
<b>III. Vốn đầu tư toàn xã hội/GDP</b>	<b>32,07</b>	<b>33</b>	<b>33,5</b>	<b>34,5</b>
<b>IV. CPI bình quân so với cùng kỳ</b>	<b>3,63</b>	<b>3,49</b>	<b>3,87</b>	<b>4,18</b>

Nguồn: Số liệu GSO và dự báo của nhóm nghiên cứu, TI/2025

### 7.2.3. Triển vọng đầu tư

#### 7.2.3.1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thu hút FDI là điểm sáng của phát triển kinh tế Việt Nam. Năm 2024, Việt Nam nằm trong nhóm 15 nước đang phát triển thu hút FDI lớn nhất thế giới; thu hút FDI đạt 31 tỉ USD (tính đến tháng 11/2024), vốn FDI thực hiện đạt 20,4 tỉ USD, tăng 7%, cao nhất trong giai đoạn 5 năm (2020 - 2024). Có 15 công ty Mỹ đầu tư vào Việt Nam với tổng số tiền hơn 8 tỉ USD. Các tổ chức quốc tế uy tín đánh giá tích cực về triển vọng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nhờ sự cởi mở với đầu tư nước ngoài để tiếp tục “nổi bật hơn so với các đối thủ”. Các quốc gia có thể ưu đãi nhiều tiền, nhưng không có nghĩa họ sẽ chiến thắng trong cuộc đua thu hút FDI. Việt Nam có nhiều hiệp định thương mại tự do, trong đó có các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hấp dẫn FDI bằng lao động, kết nối điện và hạ tầng logistics tốt hơn.

Việt Nam đang bước lên nấc thang công nghệ mới khi các dự án đầu tư nước ngoài được khuyến khích vào lĩnh vực sản xuất chip và công nghệ cao. Xuất khẩu công nghệ cao giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Mặc dù các chính sách “giảm thiểu lạm phát” của Mỹ có thể gây tổn hại phần nào cho kinh tế Việt Nam và các nền kinh tế Đông Nam Á khác, nhưng Việt Nam vẫn đang thu hút lượng lớn FDI từ các công ty mong muốn dịch chuyển, đa dạng hóa chuỗi cung ứng sản xuất. Những thành tựu kinh tế Việt Nam năm 2024 là kết quả của nhiều yếu tố: *Thứ nhất*, sự lãnh đạo quyết liệt của Chính phủ trong việc thực thi các biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và điều chỉnh chính sách kịp thời. *Thứ hai*, nhờ việc thúc đẩy đầu tư công và phát triển hạ tầng chiến lược đã tạo đà cho các hoạt động sản xuất, dịch vụ phục hồi mạnh mẽ, đặc biệt là trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. *Thứ ba*, sự ổn định chính trị và niềm tin từ cộng đồng doanh nghiệp và người dân cũng như các nhà đầu tư quốc tế đã tạo ra môi trường thuận lợi cho kinh tế phát triển.

Việt Nam nằm trong top các quốc gia thu hút FDI lớn tại Đông Nam Á, với các ngành chủ đạo như sản xuất, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghệ cao, và bất động sản. Các nhà đầu tư lớn đến từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc, và các nước EU. Việt Nam đang và sẽ tích cực cải cách thủ tục hành chính, tăng cường cơ sở hạ tầng và chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư. Hiện nay, Việt Nam là điểm đến hấp dẫn trong bối cảnh các doanh nghiệp tìm cách đa dạng hóa

chuỗi cung ứng để giảm phụ thuộc vào Trung Quốc. Các dự án thân thiện với môi trường, năng lượng tái tạo, và kinh tế tuần hoàn sẽ nhận được ưu tiên lớn. Việt Nam khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ, R&D, và sản xuất thông minh nhằm nâng cao giá trị gia tăng. Tuy nhiên, Việt Nam đang đối mặt với sự cạnh tranh từ các nước như Indonesia, Philippines, và Ấn Độ. Một số hạ tầng chưa đồng bộ, một số khu vực còn hạn chế về hạ tầng giao thông và dịch vụ phụ trợ. Yêu cầu về lao động chất lượng cao, có kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ vẫn còn nhiều thách thức.

Năm 2025 và những năm tiếp theo, Việt Nam tiếp tục thu hút ngành công nghiệp mũi nhọn: Các lĩnh vực như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), năng lượng sạch, và sản xuất dược phẩm sẽ là điểm đến chính của dòng vốn FDI. Các hiệp định thương mại tiếp tục thúc đẩy FDI. Hiệp định CPTPP, EVFTA, và RCEP giúp Việt Nam gia tăng sức hấp dẫn nhờ tiếp cận thị trường quốc tế dễ dàng hơn. Các chính sách ưu đãi thuế, hỗ trợ đất đai, và đầu tư cơ sở hạ tầng từ phía Nhà nước sẽ tiếp tục giúp tăng cường niềm tin cho nhà đầu tư nước ngoài.

#### **7.2.3.2. Đầu tư gián tiếp nước ngoài**

Thị trường chứng khoán Việt Nam thu hút mạnh dòng vốn FII nhờ quy mô tăng trưởng nhanh và tiềm năng của các doanh nghiệp niêm yết. Chính phủ nới lỏng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các ngành, đặc biệt là tài chính, ngân hàng, và công nghệ. Sự phát triển của công nghệ tài chính (Fintech) tạo điều kiện thuận lợi để thu hút dòng vốn từ các quỹ đầu tư nước ngoài. Xu hướng chung, các dự án hạ tầng lớn sẽ được kêu gọi vốn qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp và cổ phiếu. Các nhà đầu tư quốc tế ngày càng chú trọng vào yếu tố ESG, thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam cải thiện tiêu chuẩn quản trị và minh bạch tài chính. Công nghệ số và blockchain sẽ hỗ trợ dòng vốn FII qua các nền tảng minh bạch và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, thu hút nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vẫn còn nhiều thách thức trong năm 2025 và các năm tiếp theo. Rủi ro từ các bất ổn địa chính trị và chính sách tiền tệ toàn cầu có thể ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư. Thanh khoản của thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn thấp so với khu vực. Một số doanh nghiệp niêm yết chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về minh bạch thông tin và quản trị.

### *Triển vọng 2025 và những năm tiếp theo ở Việt Nam*

Dòng vốn FDI và FII tiếp tục tăng trưởng nhờ các chính sách khuyến khích đầu tư và vị thế chiến lược của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Việt Nam sẽ trở thành một trong những trung tâm đầu tư quan trọng của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, với dòng vốn tập trung vào công nghệ cao, năng lượng tái tạo, và tài chính xanh.

- Đưa thị trường chứng khoán Việt Nam lên hạng: Việc nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi sẽ giúp tăng dòng vốn FII đáng kể.
- Phát triển thị trường vốn xanh: Các quỹ đầu tư hướng tới tài chính xanh sẽ tìm kiếm cơ hội tại Việt Nam, đặc biệt là các dự án năng lượng tái tạo và phát triển bền vững.
- Thúc đẩy fintech: Việc mở rộng ứng dụng công nghệ blockchain và số hóa tài chính sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận thị trường dễ dàng và an toàn hơn.

#### *Khuyến nghị chính sách*

- Nâng cấp hạ tầng và nguồn nhân lực: Cải thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng và tăng cường đào tạo lao động chất lượng cao.
- Đẩy mạnh cải cách thể chế: Minh bạch hóa quy trình đầu tư, giảm thời gian phê duyệt dự án, và tăng cường giám sát tuân thủ.
- Phát triển thị trường vốn xanh: Tạo khung pháp lý cho trái phiếu xanh và quỹ đầu tư ESG.
- Chuyển đổi số: Hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh và thu hút nhà đầu tư.

#### **7.2.4. Kết nối hạ tầng, logistics và thị trường tài chính - tiền tệ**

Phân tích triển vọng kết nối hạ tầng, logistics và thị trường tài chính - tiền tệ ở Việt Nam năm 2025 và các năm tiếp theo có thể được đánh giá qua ba khía cạnh chính: kết nối hạ tầng, phát triển logistics, và sự ổn định cùng tiềm năng của thị trường tài chính - tiền tệ. Dưới đây là phân tích chi tiết:

##### **7.2.4.1. Kết nối hạ tầng**

###### *a) Hiện trạng và xu hướng phát triển*

- Đầu tư công tăng cường: Chính phủ Việt Nam đang đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tập trung vào các dự án trọng điểm như cao tốc Bắc - Nam, cảng hàng không Long Thành, và các tuyến đường sắt đô thị.

- Mở rộng mạng lưới giao thông: Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, và hàng không đang được quy hoạch đồng bộ nhằm kết nối tốt hơn giữa các vùng kinh tế trọng điểm.
- Chuyển đổi số trong quản lý hạ tầng: Việc ứng dụng công nghệ như IoT, GIS (hệ thống thông tin địa lý) trong quản lý hạ tầng giao thông giúp tăng hiệu quả và giảm chi phí vận hành.

#### *b) Triển vọng*

- Hạ tầng giao thông cải thiện sẽ giảm chi phí logistics, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.
- Kết nối hiệu quả hơn giữa các vùng kinh tế sẽ thúc đẩy lưu thông hàng hóa và đầu tư.

### **7.2.4.2. Phát triển logistics**

#### *a) Hiện trạng*

- Chi phí logistics cao: Hiện tại chi phí logistics chiếm khoảng 16-20% GDP, cao hơn nhiều so với mức trung bình toàn cầu (10-12%).
- Chuyển dịch cơ cấu dịch vụ: Các doanh nghiệp logistics nội địa đang gia tăng áp dụng công nghệ để cải thiện năng lực cạnh tranh trước các tập đoàn quốc tế.

#### *b) Xu hướng và thách thức*

- Ứng dụng công nghệ: Blockchain, AI, và Big Data sẽ hỗ trợ việc theo dõi và quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả hơn.
- Logistics xanh: Yêu cầu về giảm phát thải carbon trong hoạt động logistics sẽ trở thành tiêu chuẩn bắt buộc.
- Thị trường e-logistics bùng nổ: Sự tăng trưởng mạnh của thương mại điện tử thúc đẩy nhu cầu dịch vụ logistics hiện đại và nhanh chóng.

#### *Triển vọng*

- Năng lực logistics của Việt Nam sẽ được cải thiện đáng kể khi các cảng biển, trung tâm logistics, và kho bãi hiện đại đi vào hoạt động.
- Việc giảm chi phí logistics sẽ đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế.

### 7.2.4.3. Thị trường tài chính - tiền tệ

#### a) Hiện trạng

- Ổn định kinh tế vĩ mô: Việt Nam duy trì lạm phát ở mức thấp, tăng trưởng GDP ổn định, và dự trữ ngoại hối đạt mức cao.
- Chuyển đổi số trong tài chính: Các ngân hàng và công ty fintech đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để mở rộng dịch vụ tài chính, thanh toán không dùng tiền mặt.
- Tăng cường hội nhập: Thị trường tài chính Việt Nam ngày càng thu hút dòng vốn FDI, FII từ các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA, RCEP).

#### b) Xu hướng

- Tăng cường quản lý rủi ro: Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục cải thiện hệ thống quản lý rủi ro để đối phó với biến động từ thị trường toàn cầu.
- Phát triển thị trường trái phiếu: Thị trường trái phiếu chính phủ và doanh nghiệp sẽ được mở rộng nhằm tăng nguồn vốn dài hạn cho phát triển hạ tầng.
- Ứng dụng công nghệ tài chính (Fintech): Sự phổ biến của blockchain, thanh toán điện tử, và ngân hàng số sẽ thúc đẩy sự phát triển của thị trường.

Sự ổn định của thị trường tài chính - tiền tệ là nền tảng quan trọng để Việt Nam thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế dài hạn. Hệ sinh thái tài chính - công nghệ sẽ tạo động lực lớn cho chuyển đổi số quốc gia. Trong năm 2025, Việt Nam sẽ đạt được những bước tiến rõ rệt trong nâng cấp hạ tầng giao thông, logistics hiện đại hóa, và ổn định thị trường tài chính nhờ các chính sách hỗ trợ đầu tư và chuyển đổi số. Đến năm 2030, việc kết nối đồng bộ hạ tầng, logistics thông minh, và thị trường tài chính ổn định sẽ giúp Việt Nam trở thành trung tâm kinh tế khu vực, thu hút đầu tư và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia. Vì thế, về đẩy mạnh đầu tư công, cần ưu tiên hoàn thiện các dự án hạ tầng trọng điểm để tối ưu hóa kết nối vùng; về hỗ trợ doanh nghiệp logistics, cần khuyến khích ứng dụng công nghệ và giảm gánh nặng chi phí vận tải; về phát triển tài chính xanh, cần tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn xanh, phục vụ các mục tiêu phát triển bền vững.

## 7.3. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH KINH TẾ CHO VIỆT NAM

### 7.3.1. Chính sách ổn định kinh tế vĩ mô

Năm 2025, theo Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội được dự báo là có xu hướng tiếp tục phục hồi tích cực về kinh tế. Trong đó, có nhiều dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia đưa vào khai thác; tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; vị thế, uy tín của Việt Nam tiếp tục được nâng lên. Theo Nghị quyết số 25/NQ-CP mà Chính phủ ban hành ngày 05/02/2025 thì mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên<sup>33</sup>. Đồng thời, theo kịch bản mới, quy mô GDP năm 2025 đạt trên 500 tỷ USD, GDP bình quân đầu người trên 5.000 USD; tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5 - 5% (chỉ tiêu Quốc hội giao khoảng 4,5%). Nhằm tạo tiền đề bứt phá cho những năm tiếp theo tăng trưởng 2 con số và về đích hoàn thành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của Việt Nam. Đây cũng là cột mốc thời gian chuẩn bị, củng cố các yếu tố nền tảng, làm tiền đề để bước vào kỷ nguyên mới vươn mình giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc. Với yêu cầu tăng trưởng cao hơn, cường độ thực hiện các giải pháp này cũng phải được nâng lên tương ứng. Điều này đòi hỏi tất cả các bộ, ngành, địa phương phải quyết tâm triển khai ở mức độ cao hơn, thậm chí gấp đôi so với trước đây. Hướng đến mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, tạo tiền đề hướng đến tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030, Việt Nam cần tập chung vào các chính sách như:

#### 7.3.1.1. Chính sách tài khóa

Năm 2025, tiếp tục là năm đầy thách thức đối với Việt Nam trước một loạt yếu tố như: lạm phát toàn cầu giảm nhưng chưa bền vững; giá cả hàng hóa thế giới biến động phức tạp do tác động của diễn biến địa

---

<sup>33</sup> Báo Tài nguyên & Môi trường (2025), “*Chính phủ ban hành Nghị quyết đặt mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương để đạt 8% trở lên năm 2025*”. Truy cập ngày 8/2/2025 tại Website <<https://baotainguyenmoitruong.vn/chinh-phu-ban-hanh-nghi-quet-dat-muc-tieu-tang-truong-cac-nganh-linh-vuc-va-dia-phuong-de-dat-8-tro-len-nam-2025-386343>>.



chính trị chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; xu hướng gia tăng về an ninh lương thực tại các quốc gia; tác động của thiên tai, thời tiết cực đoan. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam khó tránh khỏi những cú sốc từ bên ngoài. Vì vậy, chính sách tài khóa cần ưu tiên chú trọng các vấn đề như:

*a. Thúc đẩy sự phục hồi kinh tế*

Đến cuối năm 2024, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn; thị trường tài chính, tiền tệ còn tiềm ẩn thách thức, nợ xấu ở mức cao; một số điểm nghẽn chưa được tháo gỡ hiệu quả như chậm triển khai Quy hoạch điện lực quốc gia, Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia... Theo số liệu từ Bộ Tài chính cho thấy tổng thu NSNN năm 2024 đạt hơn 2 triệu tỷ đồng, vượt dự toán khoảng 336,5 nghìn tỷ đồng. Điều đó phản ánh sự phục hồi tích cực của nền kinh tế và hiệu quả trong công tác quản lý thu. Đồng thời, tạo không gian cho chính sách tài khóa tiếp tục mở rộng trong năm 2025 với tỷ trọng chi đầu tư phát triển/tổng chi NSNN 31%, tỷ trọng chi thường xuyên/tổng chi NSNN dưới 60%, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so với GDP 33,5%. Do đó, cần tập trung huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển kinh tế để đạt được những mục tiêu đề ra nhằm phục hồi kinh tế vào năm 2025 thông qua các khuyến nghị sau đây:

- Ngay từ cuối năm 2024, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành cải cách chưa từng thấy trước đây như tinh gọn bộ máy Chính phủ, quyết tâm đẩy nhanh đầu tư công vào hạ tầng, và giải quyết những vấn đề tồn đọng, không hiệu quả trong bộ máy hành chính ở 63 tỉnh thành trong cả nước. Việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức đi đôi với cải cách hành chính sẽ tạo nền tảng cho sự bứt phá và tăng trưởng trong tương lai, khắc phục những bất cập hiện tại. Do đó, cần tập trung phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường của các cấp, xóa bỏ cơ chế "xin - cho"; thu hút, trọng dụng nhân tài trong nền hành chính công, đảm bảo chế độ đãi ngộ phù hợp; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có chuyên môn cao, đạo đức tốt. Bên cạnh đó, tại các bộ, ngành, địa phương cần đổi mới toàn diện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến không phụ thuộc địa giới hành chính; hình thành chính sách hỗ trợ người lao động nghỉ hưu sớm, đảm bảo bộ máy vận hành hiệu quả; xây dựng hạ tầng pháp lý phù hợp để tránh rủi ro khi tinh gọn bộ máy.

- Thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế: Trong đó, tập trung xây dựng ngay kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2025 của cả nước và

từng địa phương với các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đột phá, khả thi, hiệu quả. Các địa phương có tiềm năng, thế mạnh như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn là đầu tàu cần phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao hơn bình quân chung cả nước. Mặt khác, tiếp tục bám sát, chủ động phân tích, dự báo diễn biến thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế và giá dầu thế giới để có kịch bản ứng phó phù hợp.

- Chủ trọng làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống: Chính phủ cần tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm cũng như xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (không quá 3.000 dự án). Đồng thời, kiên quyết thu hồi những dự án không triển khai đúng tiến độ, loại bỏ các dự án không cần thiết. Ngoài ra, cần xây dựng tiêu chí và cơ chế hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc; thực hiện đồng bộ các giải pháp kích cầu tiêu dùng trong nước, thúc đẩy du lịch quốc tế và quốc nội; phấn đấu năm 2025 thu hút 120 - 130 triệu lượt khách trong nước và 20 triệu khách quốc tế. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xuất khẩu; tận dụng tối đa 17 FTA đã ký; mở rộng, khai thác hiệu quả thị trường mới, nhất là thị trường Halal, Mỹ La-tinh, Châu Phi.

- Tiết kiệm chi thường xuyên: cắt giảm khoản chi không cần thiết, giảm tỉ trọng chi thường xuyên xuống dưới 60% ngân sách để tăng nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tuy nhiên, cần đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt vào các dự án hạ tầng quan trọng, chẳng hạn như triển khai sớm tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn kết nối quốc tế và khu vực phía Bắc. Trong đó, ưu tiên tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (trục giao thông huyết mạch). Xem xét triển khai các tuyến Hà Nội - Lạng Sơn và Hải Phòng - Quảng Ninh - Móng Cái để tăng liên kết vùng, thúc đẩy giao thương. Đồng thời chuẩn bị sẵn các dự án trọng điểm khác để mở rộng quy mô đầu tư công, góp phần tăng trưởng kinh tế và cải thiện hạ tầng chiến lược.

- Huy động tối đa sự hợp tác công - tư nhằm phát triển kết cấu hạ tầng, chiến lược: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cần chủ trì và phối hợp với các cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện các giải pháp hiệu quả để huy động tối đa cũng như đa dạng hóa các nguồn lực của Nhà nước, người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư trực tiếp và gián tiếp, nguồn lực hợp tác công - tư (PPP). Đồng thời, nghiên cứu, tận dụng dư địa về nợ công, nợ Chính phủ, bội chi để huy động thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển. Mặt khác, tháo gỡ vướng mắc để

khởi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp.

- Phát triển kinh tế tuần hoàn, tăng cường thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mới: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần phối hợp các cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn để trình Chính phủ trong quý I năm 2025. Đồng thời, tăng cường thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, internet vạn vật; nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể để hỗ trợ, khuyến khích hiệu quả. Bên cạnh đó, cần triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050. Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đô thị, kinh tế vùng, liên kết vùng.

- Khuyến khích chuyển đổi xanh trong sản xuất - tiêu dùng: Chính phủ cần rà soát, xây dựng các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về chuyển đổi xanh trên từng ngành, lĩnh vực. Đồng thời, xây dựng đầy đủ các quy định pháp luật để đảm bảo việc hỗ trợ, khuyến khích áp dụng cũng như thực thi, kiểm soát, giám sát việc tuân thủ. Bên cạnh đó, Chính phủ cần chỉ đạo rà soát các nghị định liên quan đến sử dụng vốn viện trợ, hỗ trợ để tạo điều kiện cho các địa phương khai thác tốt nguồn lực phục vụ chuyển đổi xanh. Vì hiện nay, thủ tục để tiếp nhận các nguồn lực này hiện khá phức tạp. Chẳng hạn như các khoản viện trợ có giá trị 1 tỷ đồng với thời gian thực hiện trong 1 năm nhưng lại mất 1/3 thời gian để hoàn thành các thủ tục, từ đó gây nản lòng cho đơn vị hỗ trợ lẫn người thực hiện.

- Phát huy vai trò tiên phong, dẫn dắt của Nhà nước trong chuyển đổi xanh thông qua các quy định về mua sắm công xanh: mua sắm công chiếm tỷ lệ cao trong tổng chi tiêu của Chính phủ và các địa phương, do vậy, chính sách này sẽ có tác động trực tiếp, tạo sự ảnh hưởng rộng trong thị trường và thúc đẩy tiêu dùng xanh ngay ở quy mô địa phương. Mặc dù yếu tố bảo vệ môi trường đã được lồng ghép trong một số lĩnh vực như trong tiêu chí đấu thầu. Tuy nhiên, nội dung vẫn còn rất hạn chế và chỉ ở mức độ khuyến khích. Vì vậy, Chính phủ cần ưu tiên xây dựng quy định về tỷ lệ chi tiêu cho mua sắm công xanh trong tổng chi mua sắm công, ưu tiên triển khai cho một nhóm sản phẩm công xanh như tỷ lệ bắt buộc mua sắm các loại xe công phải sử dụng nhiên liệu sạch. Bên cạnh đó, bắt buộc mua sắm các loại hàng hóa, sản phẩm được

dán nhãn sinh thái, nhãn tiết kiệm năng lượng và xây dựng các công trình xanh khi xây mới các trụ sở.

- Xây dựng và củng cố các định chế tài chính nhằm khuyến khích đầu tư công “xanh” góp phần điều chỉnh và cải thiện chất lượng dòng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam: Đây là một nguồn tài chính rất tiềm năng nhưng cần nhiều thay đổi trong vấn đề thể chế để tạo thuận lợi cho những hoạt động đầu tư có thể triển khai. Tuy nhiên, số lượng công cụ tài chính xanh và mức độ phát triển thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam còn thấp. Các rào cản về chi phí là một thách thức lớn như chi phí tư vấn, xếp hạng tín nhiệm và chứng nhận dự án xanh làm giảm động lực phát hành. Do đó, cả Chính phủ cũng như các doanh nghiệp và các định chế tài chính tìm ra một giải pháp để tạo ra một chỗ đứng cho trái phiếu xanh. Để có được nguồn tài chính xanh, ngoài huy động từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài, còn đến từ đầu tư công.

- Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng năng lượng: cần phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo theo Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 23 tháng 10 năm 2024 về tháo gỡ khó khăn cho các dự án, tập trung rà soát, phân loại và đề xuất cơ chế, chính sách để tháo gỡ các vướng mắc, sớm đưa vào sử dụng, giải phóng nguồn lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung thực hiện các chính sách an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo: cần tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào “vùng lõi nghèo” và đầu tư vào con người như (hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa như hạ tầng cơ bản; phát triển giáo dục nghề nghiệp và hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo). Trong đó, vận hành theo cách thức Nhà nước và nhân dân cùng làm nhằm nâng cao tinh thần tự lực, tự cường của người dân. Bên cạnh đó, thay vì hỗ trợ riêng lẻ theo hộ gia đình thì chuyển sang tập trung nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, nhằm tạo sinh kế bền vững cho người nghèo.

- Chính sách dự kiến hỗ trợ khi tinh gọn bộ máy: Khi lấy hiệu quả là thước đo, của cải của xã hội được tạo ra chủ yếu từ những nơi hiệu quả nhất. Do vậy, nguồn lực xã hội (bao gồm nhân sự và ngân sách của khu vực công) nên được tập trung vào đó để có thể làm cho cái bánh của cả xã hội lớn hơn, từ đó mỗi người sẽ có phần nhiều hơn. Việc thực

hiện tinh giản biên chế sẽ làm giảm chi thường xuyên và giảm kinh phí từ NSNN trong 5 năm, NSNN dự kiến tiết kiệm chi khoảng 113.000 tỉ đồng. Trong đó là các khoản để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc (22%); 10% quỹ tiền thưởng. Tuy nhiên, để tạo công ăn việc làm mới và sắp xếp nhân sự cho bộ máy Nhà nước, theo tờ trình, Bộ Nội vụ thì dự kiến cần 130.000 tỉ đồng để thực hiện các chính sách, chế độ nêu trên do NSNN cấp và nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó có 111.000 tỉ đồng chi trả chính sách, chế độ đối với cán bộ; 4.000 tỉ đồng chi trả chính sách, chế độ đối với người lao động; 9.000 tỉ đồng chi trả chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức cấp xã. 4.000 tỉ đồng kinh phí đóng bảo hiểm xã hội và 2.000 tỉ đồng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng.

### *b. Giảm thuế, phí*

Luật Đầu tư công (sửa đổi) có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, kỳ vọng sẽ nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, đóng góp vào triển vọng tăng trưởng kinh tế lớn trong năm 2025. Cùng với việc thu, chi ngân sách đảm bảo cân đối, nợ công Chính phủ khoảng 4,1 triệu tỷ đồng (tương đương mức năm 2023); tỷ lệ nợ công/GDP tiếp tục giảm, đạt 36,5%. Đây là mức nợ vay rất thấp so với các quốc gia cùng khu vực, cho thấy dư địa mở rộng chính sách tài khóa là rất lớn. Mặc dù ngân sách chịu áp lực lớn, nhưng giúp doanh nghiệp có thanh khoản dồi dào và kích thích tiêu dùng, thúc đẩy sản xuất trong nước. Do đó, cần tiếp tục miễn, giảm thuế, phí nhằm kích cầu tiêu dùng – động lực quan trọng cho tăng trưởng. Kết hợp với kế hoạch tinh gọn bộ máy hành chính của Chính phủ, giúp nâng cao hiệu suất quản lý và tạo cú hích kinh tế. Các giải pháp về thuế trong giai đoạn tới nhằm tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc điều chỉnh chính sách thuế linh hoạt như:

- Tiếp tục giảm phí, lệ phí từ 10 - 50% để khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- Thực hiện hiệu quả các chính sách thuế xuất khẩu, nhập khẩu nhằm hỗ trợ sản xuất - kinh doanh.
- Điều chỉnh chính sách thuế theo Nghị định số 144/2024/NĐ-CP để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.
- Chính sách giảm thuế GTGT nhằm kích thích tiêu dùng nội địa, hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh khó

khăn: Trong bối cảnh hoạt động sản xuất - kinh doanh gặp nhiều khó khăn, chi phí sản xuất cao và sức mua trong nước có dấu hiệu tăng chậm lại, cần các biện pháp thúc đẩy tổng cầu. Chính phủ cần xem xét đề xuất của Bộ Tài chính về thuế suất GTGT nên giảm 2% cho hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế 10% (còn 8%). Trong đó, ngoại trừ đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện giảm thuế, bao gồm: viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, kim loại, khai khoáng (trừ than), dầu mỏ, hóa chất, và các sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Mốc thời gian áp dụng: từ 01/01/2025 đến 30/06/2025.

### *c. Quản lý nợ công*

Quản lý nợ công được nhận diện là có một số tồn tại, hạn chế trong huy động và quản lý sử dụng nguồn vốn vay. Nguyên nhân khách quan có thể kể đến là vị thế của Việt Nam đã thành nước thu nhập trung bình thấp, dần phải tiệm cận với mức lãi suất thị trường và mặt bằng lãi suất quốc tế vẫn duy trì ở mức cao. Bên cạnh đó, nguyên nhân chủ quan là do trong bối cảnh hệ thống pháp luật của Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, các vướng mắc liên quan đến đầu tư công, đấu thầu vẫn chưa được xử lý triệt để trong khi yêu cầu vẫn phải đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật trong nước đối với các thỏa thuận vay, điều ước quốc tế vay vốn cùng với sức ép từ các nhà tài trợ phải áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn quốc tế. Nhằm khắc phục những khó khăn, tồn tại trên thì cần tập trung vào các giải pháp sau đây nhằm tăng cường chi tiêu công:

- Đảm bảo nguồn vốn vay được sử dụng hiệu quả trong bối cảnh hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội từ 8% trở lên, đặc biệt nếu đi kèm với việc tăng nợ công và nợ chính phủ lên đến hoặc vượt ngưỡng cảnh báo. Do đó, cần tập trung vào các dự án có khả năng thúc đẩy tăng trưởng nhanh chóng như kết cấu hạ tầng, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực. Cùng với đó, giảm thiểu tình trạng lãng phí, hoặc thất thoát trong đầu tư công, nâng cao chất lượng và tỷ lệ đầu tư công ngay từ những tháng đầu năm. Bên cạnh đó, cần rà soát vướng mắc, chông chéo liên quan tài chính ngân sách, đầu tư công, vốn vay ODA, ưu đãi nước ngoài. Việc tối ưu hóa chính sách vay vốn và đẩy nhanh giải ngân đầu tư công sẽ giúp đảm bảo nguồn lực tài chính bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp liên quan đến đầu tư công: Mặc dù Chính phủ đã đề nghị Quốc hội bổ sung 3 dự án luật vào chương trình Kỳ họp thứ 8 này gồm dự án Luật Đầu tư công (sửa đổi); dự án 1 luật sửa 4 luật liên quan quy hoạch, đấu thầu; dự án 1 luật sửa 7 luật thuộc lĩnh vực tài chính. Tuy nhiên, nhằm tháo gỡ những tồn tại, bất cập thì cần tiếp tục sửa đổi bổ sung Luật Đầu tư công, Luật NSNN, và các văn bản pháp luật có liên quan theo hướng đồng bộ, rõ ràng, dễ hiểu, đẩy mạnh phân cấp phân quyền, đơn giản thủ tục.

- Cải thiện hiệu quả thu ngân sách, mở rộng cơ sở thuế để đảm bảo nguồn trả nợ bền vững, đánh giá kỹ lưỡng cơ cấu nợ, ưu tiên các khoản vay có lãi suất thấp, thời gian trả nợ dài và hạn chế vay ngắn hạn với lãi suất cao.

- Kiểm soát chi tiêu công và thâm hụt ngân sách: nhằm giúp giảm áp lực vay nợ, từ đó ổn định CPI. Đồng thời, quản lý giá cả các mặt hàng thiết yếu cũng như đẩy mạnh sản xuất và chuỗi cung ứng nội địa; kiểm soát nhập khẩu và thúc đẩy xuất khẩu.

- Tăng cường tiếp xúc, quảng bá với nhà đầu tư trái phiếu Chính phủ trong và ngoài nước: Cải thiện hiệu quả công tác đánh giá hệ số tín nhiệm quốc gia. Hướng tới mục tiêu đến năm 2030 đạt mức xếp hạng đầu tư. Từ đó góp phần củng cố vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

#### *d. Kiểm soát lạm phát*

Đầu năm 2025, tình hình lạm phát đang có xu hướng hạ nhiệt so với năm 2024. Tuy nhiên, các nhà phân tích nhận định vẫn có nguy cơ xảy ra một làn sóng lạm phát tăng mạnh do xung đột địa chính trị và gián đoạn chuỗi cung ứng. Thị trường lao động mạnh hơn dự kiến có thể thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, đẩy mức giá leo thang. Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo, lạm phát toàn cầu trung bình sẽ giảm xuống còn 2,4% vào năm 2025. Theo IMF nhận định thì áp lực giá cả trên thế giới sẽ giảm bớt khi các quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, giá năng lượng giảm, cùng với thị trường lao động mạnh, Trung tâm WTO (2024). Tuy nhiên, báo cáo của IMF cũng mô tả một "tình huống tiêu cực" trong đó cuộc leo thang ở Trung Đông sẽ dẫn đến việc giá dầu tăng 15% và chi phí vận chuyển cao hơn sẽ làm tăng lạm phát toàn cầu khoảng 0,7%.

Áp lực lạm phát gia tăng do nhiều yếu tố như giá năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào trên thế giới, rủi ro địa chính trị trên thế giới hiện vẫn ở mức cao, cạnh tranh thương mại dự kiến sẽ gay gắt dưới thời Tổng thống Mỹ Donald Trump (Trump 2.0). Khi mà các chính sách thuế quan trong nhiệm kỳ mới có thể làm xáo trộn các chuỗi cung ứng mà Việt Nam là một mắt xích quan trọng. Nếu như Mỹ tăng thuế nhập khẩu đối với hàng hóa từ Việt Nam hoặc áp dụng các biện pháp hạn chế thương mại, chi phí sản xuất của nhiều doanh nghiệp Việt Nam có thể tăng lên. Tiềm ẩn những rủi ro về thiên tai, thời tiết bất lợi có thể tác động làm tăng giá lương thực, thực phẩm và một số mặt hàng thiết yếu. Cùng đó, Chính phủ cũng có lộ trình tăng giá một số dịch vụ công, điều chỉnh giá điện từ tháng 6/2025. Vì vậy, để kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, Cục Quản lý giá tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật; chủ động kịch bản điều hành với từng nhóm mặt hàng, nhất là các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu. Bên cạnh đó, cần tập trung vào các giải pháp sau:

- Mục tiêu kiểm soát lạm phát được đặt ra với tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%-5%: Nhằm đạt được mục tiêu này, cần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm. Nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung cho sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên.

- Theo dõi và dự báo lạm phát: Tăng cường công tác theo dõi và dự báo lạm phát, đảm bảo rằng các quyết định chính sách được dựa trên thông tin kịp thời và chính xác. Đồng thời, liên tục bám sát thông tin thị trường, cung cầu hàng hóa, đề lên các kịch bản điều hành phù hợp cho cả năm. Do đó, cần có chính sách tài khóa thận trọng, hạn chế bội chi NSNN. Tăng cường hiệu quả sử dụng ngân sách thông qua việc đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên. Bên cạnh đó, kiểm soát chi tiêu công và thâm hụt ngân sách giúp giảm áp lực vay nợ, từ đó ổn định CPI. Cắt giảm chi tiêu không hiệu quả có thể gây khó khăn trong một số lĩnh vực xã hội. Quản lý giá cả các mặt hàng thiết yếu.

- Kiểm soát giá của các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất: Nhà nước kiểm soát giá các mặt hàng như xăng dầu, điện, thực phẩm, thuốc men để tránh tăng giá đột biến. Dự trữ quốc gia để can thiệp khi cần thiết. Song song với đó là kiểm soát giá các mặt hàng chiến lược giúp giảm áp lực lên CPI, nhưng cần cân đối để không làm giảm động



lực đầu tư của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất hàng hóa trong nước để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu thông qua việc đẩy mạnh sản xuất, chuỗi cung ứng nội địa, đảm bảo nguồn cung ổn định. Tuy nhiên, cần tránh các biện pháp bảo hộ quá mức gây ảnh hưởng đến quan hệ thương mại quốc tế.

- Thúc đẩy tăng trưởng đa động lực: Kết hợp hiệu quả các động lực tăng trưởng chủ chốt là đầu tư (cả đầu tư công lẫn tư nhân), tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế đồng bộ và bền vững.

### **7.3.1.2. Chính sách tiền tệ**

Trong năm 2025, lãi suất huy động dự báo sẽ duy trì ở mức thấp và đi ngang trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước vẫn duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và FED tiếp tục giảm lãi suất. Tuy nhiên, xu hướng lãi suất huy động sẽ có sự phân hóa giữa các ngân hàng. Đối với lãi suất cho vay tương tự lãi suất huy động, mặt bằng lãi suất cho vay sẽ đi ngang và duy trì ở mức thấp trong năm 2025 theo định hướng hỗ trợ nền kinh tế của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, cơ chế điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước làm gia tăng cạnh tranh cấp tín dụng giữa các ngân hàng và giúp duy trì mặt bằng lãi suất cho vay ở mức thấp. Nhìn chung, lãi suất cho vay đối với nhóm ngành thuộc lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, xuất khẩu và theo các chương trình ưu đãi về lãi suất, lãi suất có thể tiếp tục giảm nhẹ. Lãi suất ở nhóm ngành có mức độ rủi ro hơn như bất động sản và xây dựng sẽ điều chỉnh tăng. Bên cạnh đó, tín dụng tăng trưởng cao hơn và nợ xấu vẫn diễn biến ổn định. Tuy nhiên, diễn biến trên thị trường ngoại hối vẫn khó đoán định khi chịu tác động của các cú sốc từ bên ngoài như Hoa Kỳ có thể áp dụng chính sách thuế quan mới và Trung Quốc sẽ có thể thay đổi chính sách tỷ giá để ứng phó với những bất lợi về thương mại. Để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế đã đề ra trong năm 2025, cần tập trung vào các nội dung sau:

#### **a. Quản lý lãi suất**

Dự báo năm 2025, nhiều khả năng lãi suất huy động sẽ duy trì đi ngang với sự hỗ trợ đến từ nỗ lực thúc đẩy tín dụng trong năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước cùng với định hướng là tiếp tục bám sát diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng cung ứng tín dụng cho nền kinh tế và kịp

thời có giải pháp điều hành chính sách tiền tệ phù hợp. Tuy nhiên, áp lực về tỷ giá và sức ép của lạm phát vẫn hiện hữu, đặc biệt trong bối cảnh USD được dự báo mạnh lên trong năm 2025. Mặt bằng lãi suất huy động vẫn chịu áp lực tăng nhằm thu hẹp mức độ chênh lệch giữa số dư tiền gửi và dư nợ tín dụng toàn hệ thống và gia tăng mức độ cạnh tranh của kênh tiền gửi tiết kiệm so với lợi suất đầu tư của các kênh đầu tư khác trên thị trường. Theo các chuyên gia dự báo mặt bằng lãi suất cho vay sẽ duy trì ở mức thấp trong năm 2025 theo định hướng hỗ trợ nền kinh tế. Việc lãi suất huy động tăng nhẹ sẽ tạo áp lực nhất định lên lãi suất cho vay. Mục tiêu của việc điều chỉnh lãi suất để thúc đẩy đầu tư và tiêu dùng, nhưng tránh tạo ra khung cơ hội cho các bong bóng tài chính.

- Duy trì chính sách tiền tệ nói lỏng: Sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam vào năm 2025 sẽ được thúc đẩy bởi sự phục hồi của hoạt động sản xuất và thương mại, nhờ nhu cầu trong và ngoài nước tăng lên. Điều này sẽ cho phép NHNN nên duy trì chính sách tiền tệ nói lỏng vào năm 2025. Nếu đồng USD mạnh lên thì cũng gây áp lực lên lãi suất nhưng nếu NHNN tiếp tục giữ ổn định tỷ giá như năm 2024, thì sẽ làm giảm áp lực lên lãi suất. Để kinh tế tăng trưởng theo mục tiêu phấn đấu trên 8% mà Chính phủ đặt ra, chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá cần tiếp tục có sự phối hợp hài hoà trong cân đối cung tiền, sử dụng các công cụ tài chính phù hợp để không tạo sức ép lên lãi suất hay thanh khoản ngân hàng.

- Tỷ lệ giải ngân đầu tư công cao: Việc giải ngân đầu tư công cao trong năm 2025 dự kiến sẽ tạo việc làm và hỗ trợ nhu cầu tín dụng, phù hợp với mục tiêu phục hồi kinh tế và triển khai trong ngắn hạn, lãi suất cho vay sẽ có sự phân hóa. Lãi suất cho vay đối với nhóm ngành thuộc lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, xuất khẩu... theo các chương trình ưu đãi về lãi suất có thể tiếp tục giảm nhẹ. Lãi suất ở nhóm ngành có mức độ hồi phục nhanh hơn và rủi ro hơn như bất động sản, xây dựng sẽ điều chỉnh tăng theo đà tăng của lãi suất huy động.

- Áp dụng các gói tín dụng xanh nhằm khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi xanh trong sản xuất: Với mong muốn của nhiều doanh nghiệp là lãi suất cho vay giảm thêm, thậm chí có doanh nghiệp kiến nghị giảm thêm 2 - 3% nữa thì vẫn là bài toán khó của không ít ngân hàng trong bối cảnh nhiều áp lực từ nợ xấu, thanh khoản hay biến động của tỷ giá ngoại tệ. Theo định hướng mục tiêu chung của quốc gia

về phát triển bền vững các gói tín dụng ưu đãi và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất xanh và xuất khẩu, sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp giảm gánh nặng tài chính, thúc đẩy đầu tư và mở rộng thị trường, đối tác.

- Về tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chủ trương thúc đẩy tăng trưởng tín dụng của để kích thích sự phục hồi của nền kinh tế. Một số tổ chức tài chính dự báo tăng trưởng tín dụng toàn ngành Ngân hàng năm 2025 ở mức 16%, tương đương mục tiêu năm 2024 dựa trên những yếu tố như: Nền kinh tế dự báo tiếp tục phục hồi trong năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng GDP của Chính phủ ở mức 6,5% - 7% và phần đầu 7 - 7,5%; Đầu tư công được Chính phủ quyết tâm đẩy mạnh trong năm 2025 và kỳ vọng tăng trưởng vượt bậc trong giai đoạn 2026 - 2030; Kênh trái phiếu doanh nghiệp dự báo chưa sớm phục hồi, qua đó làm gia tăng vai trò của kênh tín dụng ngân hàng.

#### *b. Áp lực giảm thâm hụt thương mại và tác động tới tỷ giá*

Bằng nhiều biện pháp điều hành của Ngân hàng Nhà nước, đến cuối năm 2024, tỷ giá USD/VND chỉ tăng 5,03%, mức tăng thấp so với nhiều đồng tiền chủ chốt ở Châu Á như đồng Won Hàn Quốc, Peso Philippines, Rupiah Indonesia,... Ngân hàng Nhà nước đánh giá đây là mức tăng hợp lý đảm bảo hỗ trợ cho cả nhập khẩu và xuất khẩu". Năm 2025, Fed dự kiến giảm lãi suất 1-2 lần, tương đương giảm 0,5%. Các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới cũng từng bước cắt giảm lãi suất. Năm 2025, thặng dư thương mại hàng hóa có thể tăng trưởng chậm lại do Việt Nam phải đối diện áp lực giảm thâm hụt thương mại quốc tế, đặc biệt với Mỹ. Việt Nam là nước đứng thứ 3 trong nhóm quốc gia có thặng dư thương mại với Mỹ. Do đó, chính quyền của Tổng thống Trump sẽ gây sức ép để thu hẹp thặng dư thương mại, nếu không, Việt Nam sẽ bị dán nhãn thao túng tiền tệ. Tình hình chung cho thấy, trong những năm tới xu hướng bảo hộ thương mại sẽ tiếp tục gia tăng, gây khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Vấn đề khó khăn đặt ra cho năm 2025 là phải sử dụng chính sách tài khóa kết hợp với chính sách tiền tệ hợp lý để vừa thúc đẩy kinh tế, vừa đảm bảo giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an toàn tài chính quốc gia.

### *c. Định hướng tăng trưởng tín dụng*

Theo Báo điện tử Chính phủ (2024), Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã đưa ra định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2025 với mức tăng trưởng dự kiến khoảng 16%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 8 năm qua, DNSE (2024). Để đạt được mục tiêu này, NHNN sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, hạn chế và tiến tới xóa bỏ việc điều hành phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho từng tổ chức tín dụng. Những lĩnh vực như sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên sẽ được tập trung.

Diễn biến tỷ giá trong năm 2025, vẫn biến động khó lường vì Hoa Kỳ có thể áp dụng chính sách thuế quan mới và Trung Quốc sẽ có thể thay đổi chính sách tỷ giá để ứng phó với những bất lợi về thương mại. Cụ thể, Trung Quốc có thể nới rộng biên độ biến động tỷ giá để đối phó với chính sách thuế quan của Hoa Kỳ từ đó sẽ ảnh hưởng đến tỷ giá VND so với USD. Tuy nhiên, cán cân thương mại thặng dư và dự trữ ngoại hối gia tăng liên tục trong các năm qua tạo nền tảng để thị trường ngoại hối duy trì ổn định trong năm 2025.

### *d. Điều hành chính sách đảm bảo thực hiện mục tiêu CPI*

- Theo dõi sát diễn biến giá các hàng hóa chiến lược trên thị trường thế giới, diễn biến tình hình kinh tế thế giới và căng thẳng địa chính trị: nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. Từ đó, chú trọng bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, chủ động công tác dự trữ các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu để đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát để thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ công theo lộ trình thị trường và các mặt hàng do Nhà nước quản lý theo nguyên tắc thị trường.

- Điều hành chính sách tiền tệ theo mục tiêu đề ra phối hợp với chính sách tài khóa và các chính sách khác: nhằm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Sử dụng linh hoạt, hiệu quả các công cụ, biện pháp điều tiết giá theo quy định của pháp luật về giá để kiểm soát, bình ổn thị trường. Thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, giúp tăng nguồn cung, từ đó giảm áp lực tăng giá.

Tăng cường đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại: để ổn định thị trường, bảo vệ quyền, lợi ích của doanh nghiệp,

người tiêu dùng trong nước, góp phần ngăn chặn những hành vi cạnh tranh không lành mạnh về giá.

*e. Ứng dụng công nghệ trong quản lý chính sách*

- Ứng dụng công nghệ hiện đại như dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) giúp theo dõi sát sao biến động tỷ giá, dòng vốn và các yếu tố kinh tế vĩ mô. Đồng thời, hỗ trợ đưa ra quyết định chính sách kịp thời, chính xác hơn.

- Cần phát triển mạnh mẽ hơn trong thanh toán điện tử nhằm giảm áp lực lên hệ thống thanh toán truyền thống và giảm phụ thuộc vào ngoại tệ trong giao dịch thương mại, hỗ trợ ổn định tỷ giá.

Sử dụng phân tích dữ liệu lớn để minh bạch hóa chi tiêu công cũng như nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách, giảm nguy cơ thất thoát tài chính và hỗ trợ tăng trưởng bền vững.

**7.3.1.3. Các chính sách nhằm giảm bất bình đẳng để phát triển bền vững**

Sự bất bình đẳng có tác động sâu rộng và tiêu cực đến sự phát triển bền vững, kìm hãm tăng trưởng kinh tế, ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh kinh tế - xã hội và môi trường. Bởi, sự tham gia của phần lớn dân cư vào các hoạt động kinh tế nếu họ thiếu bình đẳng, người nghèo, người yếu thế không có điều kiện tiếp cận giáo dục và điều kiện việc làm không tốt, tiềm năng kinh tế của họ sẽ không được phát huy, làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế tổng thể. Hơn thế nữa, còn làm tăng các chi phí xã hội như tăng dịch vụ y tế, an sinh xã hội. Đồng thời, tạo nên áp lực cho việc bảo vệ môi trường vì nhóm dân cư nghèo phải dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên để sinh tồn, dẫn đến sự suy giảm tài nguyên và phá hủy môi trường. Từ đó có thể dẫn đến sự thiếu tin tưởng vào các thể chế chính trị và làm suy yếu sự đoàn kết quốc gia, tạo nên mâu thuẫn lớn giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm với lợi ích chung, cản trở việc thực hiện các chính sách phát triển bền vững. Vì vậy, việc tiếp tục thúc đẩy an sinh xã hội toàn dân là rất cần thiết:

- Thống nhất, hài hòa các chính sách, chế độ an sinh xã hội: Hiện, các chính sách đang bị phân mảnh và được quản lý theo nhiều văn bản pháp luật khác nhau như: Luật BHXH, Luật Việc làm, Luật Người cao tuổi, Luật Phòng chống thiên tai. Do đó, cần tiếp tục đổi mới chính sách an sinh xã hội nhằm đảm bảo hệ thống chính sách an sinh xã hội phù hợp với tiêu chuẩn lao động quốc tế. Đồng thời, tập trung vào cách tiếp

cân toàn diện và tích hợp để hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam có thể giải quyết các thách thức hiện nay từ quá trình chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, già hóa dân số, không bỏ ai lại phía sau.

- Phát triển và hoàn thiện hệ thống ASXH trong mối quan hệ gắn kết chặt chẽ, cân bằng với phát triển và hoàn thiện hệ thống chăm sóc xã hội đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ ngày càng tăng của người dân: Sắp xếp các cơ sở chăm sóc xã hội công lập theo hướng có trọng điểm, hiện đại, chất lượng và hiệu quả. Bên cạnh đó, cần phát triển mạnh các cơ sở chăm sóc xã hội ngoài công lập và dựa vào cộng đồng (các cơ sở, trung tâm, chăm sóc xã hội, nhà xã hội, gia đình). Hơn nữa, cần ưu tiên phát triển nhanh nghề công tác xã hội theo hướng chuyên môn hoá, chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả.

- Cơ cấu lại nguồn lực bảo đảm ASXH nhằm đưa Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình cao vào năm 2030, bao phủ an sinh xã hội toàn dân theo hướng: Tăng đầu tư của Nhà nước cho chính sách, chương trình bảo đảm ASXH với quan điểm đầu tư cho ASXH là đầu tư cho phát triển và giữ vai trò nòng cốt. Ngoài ra, cần cơ cấu lại các thông số đóng – hưởng BHXH, BHTN đảm bảo quỹ BHXH, BHTN cân đối vững chắc trong dài hạn (về mức đóng, mức hưởng, thời gian đóng, công thức tính lương hưu, tuổi nghỉ hưu, chi phí quản lý, đầu tư phát triển quỹ...).

- Phát triển mở rộng các quỹ ASXH (Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ tình thương, quỹ hỗ trợ khẩn cấp...) với sự đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, người dân, công đồng và quốc tế theo quy định của pháp luật.

- Thống nhất quản lý ASXH vào một đầu mối, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước và phân định rõ nhiệm vụ của cơ quan quản lý Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập để tránh chồng chéo. Trong đó, phân cấp mạnh hơn cho địa phương, phát huy vai trò của tổ chức xã hội và cơ chế thị trường.

- Phát triển đội ngũ nhân viên công tác xã hội theo hướng chuyên nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ cao, số hóa hệ thống quản lý: Xây dựng chính phủ điện tử, gắn mã số ASXH để tối ưu hóa hiệu quả quản lý.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích đối với các trường hợp nghỉ việc ngay sau khi sắp xếp, tổ chức bộ máy, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước: thực thi phương án của Ban Chỉ đạo Chính phủ về việc sắp xếp, hợp nhất, Chính phủ còn 13 bộ, 4 cơ quan

ngang bộ, giảm 5 bộ và 3 cơ quan trực thuộc Chính phủ. Ngoài ra còn hợp nhất, tách, nhập các cục, chi cục, cơ quan ngang bộ, 190 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ và trong bộ. Dự kiến sau khi sắp xếp, hợp nhất bước đầu sẽ giảm từ 35% - 40% đầu mối, các tổ chức còn lại sắp xếp bên trong thì giảm tối thiểu 15%. Con số này rất lớn và số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động liên quan cũng rất lớn. Vì vậy, Chính phủ và các bộ, ban, ngành cần hướng tới mục tiêu ổn định cuộc sống, quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, để không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị.

Như vậy, trong bối cảnh kinh tế biến động khó lường, để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, việc điều hành linh hoạt, phối hợp chặt chẽ chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ với chính sách vĩ mô khác. Đồng thời, theo dõi sát diễn biến kinh tế, tài chính thế giới sẽ giúp Việt Nam tận dụng tốt các cơ hội, ứng phó kịp thời với những biến động từ môi trường kinh tế quốc tế, bảo đảm phát triển và ổn định kinh tế vĩ mô.

### **7.3.2. Chính sách phát triển thương mại nội địa**

Thị trường nội địa là một trong những trụ cột quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững của một quốc gia. Vì vậy, phát triển thương mại nội địa không chỉ giúp giảm sự phụ thuộc vào xuất khẩu và giảm thiểu rủi ro do biến động của thị trường thế giới. Bên cạnh đó còn khuyến khích doanh nghiệp sản xuất hàng hóa, dịch vụ chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu trong nước. Từ đó, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân, cải thiện chất lượng cuộc sống. Ngoài ra, còn tạo ra một sân chơi cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy doanh nghiệp không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Hiện nay, xu hướng tiêu dùng của khách hàng có sự thay đổi đáng kể, chú trọng hơn tới các sản phẩm organic và sản phẩm thiên về sức khỏe. Có thể nói, thị trường hàng tiêu dùng Việt Nam đang dần phát triển thực sự về chiều sâu. Giờ đây người tiêu dùng không chỉ coi trọng các yếu tố cơ bản như chất lượng cảm nhận, giá cả, độ bền mà các nhu cầu khác như sử dụng sản phẩm vì sức khỏe, xanh - sạch, có tính bền vững ít tác động tới môi trường đang dần trở thành những xu hướng nổi bật hiện nay trên thị trường nội địa. Đặc biệt, sự phát triển bùng nổ của chuỗi các siêu thị, trung tâm thương mại hay các đại lý chính hãng cũng là một phần lý do giúp người tiêu dùng dành sự quan tâm nhiều hơn tới

tính an toàn, có thương hiệu, nguồn gốc xuất xứ, chỉ dẫn địa lý rõ ràng. Bên cạnh đó, những năm gần đây, thương mại điện tử (e-commerce) đã bùng nổ và chiếm lĩnh thị trường, đặc biệt là vào dịp cuối năm. Các nền tảng như Shopee, Lazada, Tiki và Sendo không chỉ tiếp tục ghi nhận lượng giao dịch tăng mạnh mà còn đưa ra các chương trình giảm giá "sốc" và khuyến mãi hấp dẫn nhằm thu hút hàng triệu lượt truy cập. Theo báo cáo của một số sàn thương mại điện tử, doanh thu cuối năm 2024 chiếm tới 40% tổng doanh thu cả năm của các doanh nghiệp tham gia. Tuy nhiên, việc phát triển thị trường nội địa không phải là một quá trình dễ dàng, nó đòi hỏi phải giải quyết nhiều thách thức như: chất lượng sản phẩm, giá cả cạnh tranh, thói quen tiêu dùng. Nguyên nhân là nhiều gói kích cầu đã được đưa ra, song một số chính sách, quy định chưa thực sự hỗ trợ tối đa cho sự phát triển của ngành bán lẻ, các cơ sở bán lẻ quy mô nhỏ thiếu kiến thức quản lý và quản trị kinh doanh, nên khó cạnh tranh với doanh nghiệp lớn và chuỗi bán lẻ toàn cầu. Hơn nữa, cuộc đua giành thị phần giữa doanh nghiệp nội địa và nước ngoài rất gay gắt, khiến doanh nghiệp trong nước gặp khó trong việc duy trì, mở rộng thị phần; giá thuê mặt bằng cao, nên nhiều cửa hàng phải đóng cửa. Xu hướng mua sắm trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội phổ biến và rất khó kiểm soát cũng là nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm tốc độ của thị trường bán lẻ. Hơn nữa, cầu tiêu dùng cuối cùng thấp còn bị ảnh hưởng rất lớn bởi giải ngân vốn đầu tư còn thấp, đặc biệt là đầu tư công, một trong những động lực chính của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Vì vậy, để phát triển thương mại nội địa hiệu quả, cần có sự kết hợp đồng bộ của nhiều chính sách khác nhau, cụ thể là:

- Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát tốt lạm phát và ổn định tỷ giá hối đoái: Cần tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng, đồng thời cũng cần tiếp tục thực hiện các chính sách nhằm kiểm soát lạm phát và duy trì mức giá ổn định để đảm bảo sức mua của người dân không bị suy giảm. Đảm bảo nguồn cung ngoại tệ ổn định để tránh biến động tỷ giá ảnh hưởng đến nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu hàng hóa.

- Đẩy mạnh tiêu dùng cuối cùng trong nước: Thông qua cách thực hiện có hiệu quả các chương trình kích cầu như giảm giá, khuyến mãi, nhất là với mặt hàng sản xuất trong nước. Hơn nữa, người Việt ưu tiên dùng hàng Việt... cũng là cách để hạn chế bớt nguy cơ hàng Trung Quốc ồ ạt tràn vào Việt Nam trong thời gian tới qua các kênh truyền thống cũng như các nền tảng trực tuyến, mà chắc chắn sẽ gây sức ép lên các



doanh nghiệp nội địa, một khi nước này bị Mỹ áp các hàng rào thuế quan mới. Bên cạnh đó, để nâng cao vị thế của hàng Việt, các doanh nghiệp Việt cần đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ và cải tiến quy trình sản xuất theo xu hướng kinh tế xanh, tuần hoàn. Mặt khác, chú trọng xây dựng và bảo vệ thương hiệu, nâng cao năng lực quản trị và phát triển các kênh phân phối hiệu quả.

- Cần chú trọng phát triển hệ thống bán lẻ nội địa, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển phương thức thương mại điện tử. Đối với các doanh nghiệp cần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh thông qua ứng dụng khoa học, công nghệ; chủ động hợp tác, liên kết, tạo chuỗi cung ứng từ sản xuất, phân phối đến tiêu dùng để nâng cao sức cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh doanh...

- Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử: Trong thời đại công nghệ 4.0 đã tác động mạnh mẽ đến thói quen tiêu dùng của người dân. Khách hàng ngày càng có xu hướng tìm kiếm các sản phẩm và dịch vụ tiện ích, nhanh chóng và đa dạng. Điều này đã tạo ra một sự thay đổi trong cách các doanh nghiệp bán lẻ phải cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng. Nhằm khai thác hiệu quả hơn sự phát triển mạnh mẽ của xu hướng số hóa nền kinh tế; tăng cường hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, cạnh tranh không bình đẳng. Triển khai Luật Cạnh tranh, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng... nhằm bảo đảm môi trường sản xuất, kinh doanh lành mạnh, bình đẳng cho doanh nghiệp, quyền lợi của người tiêu dùng.

- Thúc đẩy xuất khẩu và hội nhập quốc tế: bằng cách tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ quốc tế, tìm kiếm đối tác mới và mở rộng thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, cần dần phục hồi nhanh tiêu dùng, du lịch, dịch vụ trong nước. Duy trì ổn định và phát triển quan hệ thương mại hài hòa, bền vững, nhất là với Mỹ, Trung Quốc và các đối tác lớn. Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhân lực chất lượng cao để trở thành động lực, nhân tố ngày càng quan trọng thúc đẩy tăng trưởng.

- Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, tăng tốc giải ngân các dự án đầu tư công: đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông, để tạo động lực cho các ngành liên quan như xây dựng, sản xuất vật liệu, logistics cũng như thúc đẩy thuận lợi trong lưu thông hàng hóa.

- Cộng đồng doanh nghiệp cần tạo sự khác biệt trong cạnh tranh: Tức là không ngừng bắt kịp xu hướng và thúc đẩy người tiêu dùng lựa chọn doanh nghiệp mình là điểm mua sắm tin cậy. Để đáp ứng nhu cầu thay đổi trong tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp không chỉ cần quan tâm cải thiện chất lượng sản phẩm theo tiêu chí đáp ứng về khẩu vị, mẫu mã, trào lưu và cơ chế giá tốt nhất cho người tiêu dùng, mà còn cần quan tâm đến việc cải tiến sản phẩm hướng tới an toàn sức khỏe người dùng, thân thiện với môi trường.

- Quảng bá, hỗ trợ phát triển thị trường nội địa đối với các sản phẩm OCOP: để hỗ trợ các DN trong nước, Bộ Công Thương cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Sở Công Thương các địa phương tích cực tổ chức các chương trình bình ổn thị trường, các điểm bán hàng OCOP, chương trình bán hàng hóa phục vụ các dịp lễ, Tết. Đồng thời, kêu gọi các doanh nghiệp phân phối lớn, các hợp tác xã, chợ đầu mối căn cứ tình hình hoạt động và nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp, xây dựng chương trình hỗ trợ thu mua, chế biến, để tiêu thụ các mặt hàng thế mạnh của các địa phương. Thông qua những hoạt động này, các sản phẩm của Việt Nam (nông sản, thực phẩm chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng công nghiệp tiêu dùng...) có thể bán trực tiếp từ doanh nghiệp sản xuất đến thị trường tiêu dùng trong nước cũng như tham gia vào chuỗi phân phối của các doanh nghiệp nước ngoài tại thị trường nội địa cũng như thị trường nước ngoài. Hiện nay, việc kết nối với nhà sản xuất tại các địa phương còn nhiều trở ngại, manh mún, gây khó khăn cho việc thu mua và tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể, do chủ yếu là các DN nhỏ nên năng lực sản xuất cũng như đảm bảo chất lượng, mẫu mã sản phẩm theo yêu cầu từ các nhà bán lẻ còn nhiều hạn chế và khó thực hiện; chi phí logistics trong khâu vận chuyển hàng hóa còn cao. Hơn nữa, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ... phải đối mặt với các áp lực về điều tra phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ, các rào cản kỹ thuật liên quan đến môi trường, phát triển bền vững, chuyển đổi xanh. Chính vì vậy, ngoài việc kết nối, các địa phương cần có thêm hỗ trợ với các sản phẩm OCOP của DN trong khâu vận chuyển hoặc có đơn vị đại diện cho các DN sản xuất sản phẩm OCOP trong tỉnh kết nối, làm việc với các DN phân phối, bán lẻ lớn.

- Cần hoàn thiện thể chế, chính sách: cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời, nâng cao hiệu

quả thực thi pháp luật về phát triển thương mại trong nước (các chính sách tập trung vào giảm chi phí đầu vào, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và người dân).

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng bán lẻ, khuyến khích đầu tư phát triển dịch vụ logistics, vận chuyển và bảo quản, dịch vụ thanh toán. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam; đa dạng hóa các chủ thể kinh tế và loại hình doanh nghiệp tham gia phát triển thị trường bán lẻ. Tăng cường quản lý nhà nước và bảo vệ lợi ích người tiêu dùng.

- Nâng cao chất lượng các loại dịch vụ: Đặc biệt là dịch vụ ăn uống, lưu trú, du lịch nội địa; tăng cường quảng bá, thu hút khách du lịch quốc tế (phân đầu thu hút trên 20 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2025).

Như vậy, để giải quyết các thách thức trên, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất. Doanh nghiệp cần không ngừng đổi mới, sáng tạo để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, giá cả cạnh tranh. Người dân cần có ý thức tiêu dùng hàng Việt Nam, ủng hộ sản phẩm của người Việt.

### **7.3.3. Chính sách phát triển xuất nhập khẩu**

Đầu năm 2025, mặc dù tình hình thế giới, khu vực vẫn tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường. Những rủi ro, thách thức của kinh tế toàn cầu, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc, Canada và Mexico đã trở thành một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ tác động tới Việt Nam cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Một trong những hệ lụy đáng chú ý của cuộc chiến này là xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc. Nhiều công ty đã bắt đầu chuyển các hoạt động sản xuất sang các nước Đông Nam Á và Mexico, nhằm giảm thiểu rủi ro từ sự bất ổn trong thương mại. Sự dịch chuyển này không chỉ làm thay đổi bản đồ kinh tế mà còn tạo ra cơ hội cho các nền kinh tế khác phát triển, trong khi các doanh nghiệp phải điều chỉnh chiến lược để thích nghi. Ngoài ra, sự phục hồi của các đối tác thương mại lớn còn chậm; lãi suất USD thế giới neo ở mức cao, rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất toàn cầu. Trong bối cảnh này, các quốc gia buộc phải điều chỉnh chính sách kinh tế của mình

nhằm đối phó với những biến động không lường trước. Giờ đây, lao động chi phí rẻ không còn là lợi thế quốc gia của Việt Nam. Trong khi đó, lao động có trình độ để bắt kịp với công nghệ hiện đại còn thiếu, chưa đồng đều trong lực lượng lao động. Hơn nữa, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu; thị trường vốn, thị trường chứng khoán chưa phát huy tương xứng với tiềm năng. Vì vậy, để đạt được tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa là 12% và thặng dư thương mại hàng hóa là 33 tỷ USD trong năm 2025, theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025, Việt Nam cần tận dụng các cơ hội từ xu hướng kinh tế toàn cầu, cải thiện nội lực để vượt qua thách thức cụ thể là:

- Đổi mới sáng tạo, tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường: Đây là xu hướng tất yếu đối với sự phát triển toàn cầu. Trước bối cảnh này, các quốc gia, trong đó có Việt Nam cần chú trọng điều chỉnh chiến lược và chính sách nhằm tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao vị thế xuất khẩu, khai thác tốt lợi thế thương mại và các dòng vốn đầu tư nước ngoài cho phát triển kinh tế.

- Cần tập trung thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn: Chính phủ đã đưa ra những chỉ đạo, thông điệp quan trọng về bảo đảm các cân đối lớn, cung ứng đủ điện cho sản xuất và tiêu dùng của đất nước. Công tác truyền thông chính sách cần được thực hiện thường xuyên, tích cực, hiệu quả, qua đó giúp củng cố niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân đối với các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ.

- Phát triển kinh tế số, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo: Chính phủ cần xem xét phát triển công nghiệp bán dẫn là mục tiêu chiến lược và đây không chỉ là động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp khác như thương mại điện tử, chế biến chế tạo, logistics, mà còn là yếu tố nền tảng cho sự phát triển của nền kinh tế số và xã hội số tại Việt Nam.

- Các doanh nghiệp cần phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm kiểm dịch, bao bì đóng gói, truy xuất nguồn gốc của nước nhập khẩu; chú trọng xây dựng thương hiệu; cần có nhân lực hiểu biết chuyên môn, thông thạo ngôn ngữ, am hiểu thị trường nước nhập khẩu.

- Sự cần thiết phải đa dạng hóa thị trường và giảm bớt sự phụ thuộc vào Mỹ: Điều này có thể tạo ra cơ hội cho sự phát triển bền vững và khuyến khích các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng tìm kiếm mối quan hệ kinh tế mới, từ đó hình thành những trục kinh tế đa dạng hơn trên thế giới. Ngoài ra, việc Mỹ rút khỏi các Hiệp định Thương mại đa phương như TPP (Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương) đã làm giảm đi cơ hội tăng cường kết nối và tiếp cận thị trường giữa Việt Nam và các quốc gia thành viên khác. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải tìm kiếm các mối quan hệ thương mại mới và củng cố các hiệp định thương mại song phương để bù đắp cho sự thiệt hại này. Vì thế, Bộ Công Thương, các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao cần tận dụng hiệu quả 17 Hiệp định thương mại tự do đã ký và đàm phán các hiệp định thương mại tự do mới; mở rộng, khai thác hiệu quả thị trường mới, nhất là thị trường Halal, Trung Đông, Mỹ La-tinh, Châu Phi. Bên cạnh đó là sang các thị trường Châu Âu, Nhật Bản và Ấn Độ sẽ giúp Việt Nam tận dụng các hiệp định thương mại như EVFTA và CPTPP, từ đó nâng cao vị thế và lợi thế cạnh tranh trong thương mại quốc tế. Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn mới của thị trường xuất khẩu; nâng cao năng lực phòng vệ thương mại, phòng, chống gian lận xuất xứ hàng hóa; chú trọng cung cấp thông tin thị trường và hỗ trợ pháp lý trong thương mại, đầu tư quốc tế.

- Tận dụng các hiệp định FTA để mở rộng thị trường xuất khẩu: Để tăng trưởng xuất khẩu, Bộ Công Thương cho biết sẽ tiếp tục tập trung đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến xuất khẩu đối với các thị trường trọng điểm, đặc biệt tận dụng tối đa ưu đãi do các FTA mang lại như: CPTPP, EVFTA, RCEP... Đẩy nhanh đàm phán, ký kết, phê chuẩn các FTA, liên kết kinh tế mới, trước mắt với Israel, UAE, để đa dạng hóa thị trường, chuỗi cung ứng và đẩy mạnh xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại tại các thị trường mới, thị trường tiềm năng mà các doanh nghiệp riêng lẻ chưa có điều kiện trực tiếp thâm nhập.

- Cần kiểm soát nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, thắt chặt quy định nhằm ngăn chặn hàng hóa Trung Quốc "mượn danh" Việt Nam: Lý do là Việt Nam hiện có thặng dư thương mại lớn với Mỹ, với con số xuất khẩu lên tới hơn 100 tỷ USD trong khi nhập khẩu chỉ khoảng 10 tỷ USD. Điều này đã khiến Tổng thống Trump chỉ trích Việt Nam là "kẻ lợi dụng" trong thương mại, nhận định rằng Việt Nam đang hưởng lợi

từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung mà không có sự nhượng bộ tương xứng. Ngoài ra, Mỹ cũng bày tỏ sự nghi ngờ đối với một số mặt hàng Trung Quốc được gắn mác xuất xứ Việt Nam để tránh thuế quan. Do đó, nếu không được kiểm soát tốt, tình trạng này có thể dẫn đến việc Mỹ áp thuế lên hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Việc này không chỉ đảm bảo tính minh bạch mà còn giúp sản phẩm Việt đáp ứng tiêu chuẩn cao của Mỹ.

### **7.3.3.1. Đối với nhóm hàng nông, lâm, thủy sản**

- Với khoáng sản xuất khẩu trong thành phần chứa thori, urani bằng hoặc lớn hơn 0,05% tính theo trọng lượng ngoài việc đảm bảo các điều kiện nêu trên còn phải có giấy phép xuất khẩu vật liệu phóng xạ của Bộ Khoa học và Công nghệ. Theo định hướng đến năm 2030 của Chính phủ, đảm bảo lợi ích quốc gia và thúc đẩy xuất khẩu cũng như quản lý khoáng sản, cần chú trọng một số vấn đề sau:

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản: Thường xuyên theo dõi, giám sát đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản và ảnh hưởng tích cực, tiêu cực đến kinh tế xã hội, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung. Các bộ, ngành địa phương cần tiếp tục phối hợp với nhau để làm rõ các vấn đề về số lượng, chủng loại các loại khoáng sản xuất khẩu sang các thị trường để có thông tin chi tiết phục vụ công tác quản lý;

- Theo dõi sát giá xuất khẩu các loại khoáng sản để sát với biến động giá thị trường thế giới để có cơ chế điều hành kịp thời. Từ đó, có đánh giá tổng thể về chính sách và tác động đối với khai thác khoáng sản, trên cơ sở đó báo cáo Chính phủ xem xét sự cần thiết sửa đổi, bổ sung chính sách thuế liên quan...

- Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, hạn chế cấp phép khai thác khoáng sản xuất khẩu, kiểm soát khai thác khoáng sản. Đồng thời, cần xem xét nghiên cứu thực hiện chính sách cấm xuất khẩu khoáng sản thô, không áp dụng chính sách cho xuất khẩu khoáng sản cá biệt. Riêng đối với các loại khoáng sản không cấm thì áp dụng giấy phép xuất khẩu. Bên cạnh đó, hạn chế các dự án khai thác, tuyển và chế biến một số loại quặng như vàng, đồng, niken, molipden ở quy mô manh mún, công nghệ lạc hậu, tổn thất tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, định kỳ xem xét để xác định mức độ quan trọng của từng loại khoáng sản, từ đó điều chỉnh việc khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản.

Hơn nữa, cần xem xét tạm dừng cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với một số loại khoáng sản quý hiếm, khả năng chế biến sâu còn hạn chế, nhu cầu sử dụng chưa cao

- Cần công bố rộng rãi danh mục khoáng sản, chất lượng khoáng sản được phép xuất khẩu phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong từng thời kỳ... Hiện nay, có rất nhiều loại khoáng sản ở Việt Nam bị Chính phủ cấm bán ra nước ngoài, trong đó có những loại quặng sắt, nhôm và titan... vì đây là những loại quặng, khoáng sản khan hiếm, được bảo vệ để phục vụ cho sản xuất trong nước.

- Tiếp tục nghiên cứu đổi mới chính sách tài chính đối với hoạt động khoáng sản; điều chỉnh kịp thời, hợp lý các loại thuế, khung thuế, biểu thuế, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản với mục tiêu tăng nguồn thu cho NSNN đối với các khoáng sản quan trọng, nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, DN và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; không xuất khẩu quặng thô.

- Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nhằm tránh rủi ro trong kinh doanh và khai thác tiềm năng tại các thị trường mới. Mặt khác, cần theo dõi, phân tích, đề ra các giải pháp cụ thể để giảm dần sự phụ thuộc của hoạt động thương mại quốc tế vào thị trường Trung Quốc. Thực tế thời gian qua cho thấy, mặc dù việc xuất khẩu được kiểm soát ngặt nghèo, song với mức giá trung bình xuất khẩu quặng vào Trung Quốc với giá xuất bán trung bình ra các nước và khu vực còn lại, có sự chênh lệch giá bán rất lớn. Điều này dấy lên lo ngại các DN được cấp phép chế biến sâu về sản phẩm quặng, khoáng sản đã xuất khẩu các loại quặng tiền chế, thô chứ không gia công, chế biến, gây thất thoát tài nguyên và trực lợi chính sách.

- Tổ chức hiệu quả, đồng bộ hoạt động thông tin, dự báo tình hình thị trường hàng hóa trong nước và thế giới, luật pháp, chính sách và tập quán buôn bán của các thị trường để giúp DN nâng cao khả năng cạnh tranh, thâm nhập thị trường hiệu quả...

### **7.3.3.2. Công nghiệp chế biến chế tạo**

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành "xương sống", nền tảng và động lực dẫn dắt tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp và nền kinh tế, luôn trở thành ngành dẫn đầu trong thu hút FDI. Tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo càng lớn thì góp phần vào tăng

trường kinh tế càng cao. Sự phát triển mạnh của ngành kéo theo sự phát triển của công nghệ và cải tiến chuỗi cung ứng theo hướng bền vững, xanh hóa, tăng sức cạnh tranh quốc gia trên thị trường quốc tế.

Tuy nhiên, xuất khẩu công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam vẫn chưa khai thác hết tiềm năng và yêu cầu phát triển thực tế, giá trị gia tăng tạo ra thấp. Quy mô chủ yếu của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam là nhỏ và siêu nhỏ nên đa số có trình độ công nghệ, quản lý thấp, nguồn nhân lực hạn chế... dẫn tới khó có thể đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của các đối tác về tiêu chuẩn, chất lượng, giá thành, thời gian giao hàng. Bên cạnh đó, tỷ lệ đổi mới máy móc, thiết bị hàng năm chỉ đạt khoảng 10% trong 5 năm qua (các nước khác trong khu vực có khoảng 15-20%). Tỷ lệ nội địa hóa của nhiều phân ngành công nghiệp ở mức thấp, phụ thuộc nhiều vào việc nhập khẩu nguyên vật liệu, các sản phẩm trung gian, máy móc, thiết bị sản xuất. Các ngành công nghiệp xuất khẩu chủ lực như dệt may, da giày, điện tử nhập khẩu từ 60% đến 70% nguyên liệu. Ngoài ra, sự thiếu liên kết giữa các doanh nghiệp cũng đang kìm hãm sự phát triển của công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, các doanh nghiệp trong nước chưa tham gia sâu vào hệ sinh thái và chuỗi giá trị của các doanh nghiệp đầu chuỗi và doanh nghiệp nước ngoài.

Các doanh nghiệp nội địa trong ngành mới dừng ở những khâu gia công, lắp ráp, công nghiệp chế biến, chế tạo nước ta công nghệ thấp, chỉ dừng lại ở khâu gia công, lắp ráp, chưa tập trung vào các ngành công nghiệp mới, các ngành công nghiệp công nghệ cao. Nội lực của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cao còn yếu, thiếu năng lực hòa nhập; doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam đang sử dụng các công nghệ lạc hậu so với trung bình của thế giới, thiếu sự chủ động. Vì vậy, để thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực công nghệ chế tạo cần tập trung vào các giải pháp sau đây:

- Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo, qua đó thúc đẩy ngành công nghiệp này phát triển, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng của nền kinh tế nói chung. Đồng thời, Bộ Công Thương cũng chỉ ra, rất cần sự hỗ trợ tích cực từ phía Chính phủ tạo cơ chế chính sách thuận lợi các ngành phát triển, cùng với sự chung tay của toàn ngành và hơn hết, cần nội lực đủ mạnh từ chính các doanh nghiệp.



- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là một ngành công nghiệp lớn với nhiều nhóm ngành, phân ngành nhỏ. Trong đó, có 8 nhóm ngành đóng góp lớn vào sự phát triển của công nghiệp chế biến, chế tạo, bao gồm: hóa chất, cao su, nhựa; dệt may, da giày, chế biến thực phẩm và đồ uống; chế biến lâm sản; cơ khí; điện tử; sản xuất kim loại; sản xuất vật liệu xây dựng. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động mở rộng thị trường, đa dạng hóa chuỗi cung ứng để giảm thiểu rủi ro và tác động từ việc quá tập trung vào một thị trường hay một nhà cung cấp nhất định. Ngân hàng Nhà nước cũng nên điều hành tỷ giá ổn định và có thể dự báo được nhằm hỗ trợ cho hoạt động của các DN xuất nhập khẩu.

- Cần liên tục cập nhật thông tin cảnh báo các nguy cơ bị kiện chống bán phá giá đối với mặt hàng da giày, túi xách tại thị trường sở tại; cập nhật hướng dẫn thực thi đạo luật chống phá rừng và đạo luật thẩm định chuỗi cung ứng vừa mới ban hành của EU để doanh nghiệp có kế hoạch chuẩn bị đáp ứng...

- Các hiệp hội cần tăng cường phối hợp với các đơn vị của Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan, hệ thống Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài để kịp thời nắm bắt, cập nhật kịp thời các thông tin về về giá cả thị trường và các quy định, chính sách mới của các nước sở tại. Chủ động nắm bắt tình hình, diễn biến liên quan đến các rào cản kỹ thuật, các yêu cầu của thị trường, kịp thời định hướng cho doanh nghiệp đầu tư trong sản xuất và xuất khẩu.

- Triển khai các sự kiện xúc tiến xuất khẩu theo định hướng chiến lược về nhóm thị trường trọng điểm của mặt hàng công nghiệp chế biến, chế tạo. Tổ chức, tham gia các sự kiện thương mại quốc tế quy mô lớn, hội chợ triển lãm uy tín tại những thị trường trọng điểm, thị trường giàu tiềm năng.

#### **7.3.4. Chính sách thúc đẩy đầu tư**

Năm 2025, Chính phủ Việt Nam tập trung xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Đồng thời, bố trí vốn tập trung, trọng tâm trọng điểm, kiên quyết không dàn trải, manh mún, bảo đảm tổng số dự án nguồn ngân sách trung ương giai đoạn tới không quá 3.000 dự án (cả dự án chuyển tiếp và dự án mới). Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng cơ chế hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, tập trung xúc tiến, thu hút các dự án FDI có quy mô lớn, công nghệ cao;

kip thời nắm bắt, xử lý khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp FDI, nhất là thủ tục hành chính để đẩy nhanh tiến độ các dự án tại Việt Nam. Hiện nay, chiến lược giảm phát thải khí nhà kính vẫn đang được Chính phủ và các doanh nghiệp triển khai khẩn trương. Chính sách thúc đẩy đầu tư là một phần quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm và phát triển cơ sở hạ tầng. Vì vậy, cần tập trung vào các vấn đề sau đây:

#### **7.3.4.1. Ưu đãi thuế**

Hiện nay, Việt Nam đang được đánh giá là quốc gia có sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trên nhiều phương diện. Trong đó có thể kể đến là chính sách ưu đãi thuế, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đã góp phần quan trọng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy DN mở rộng sản xuất. Đồng thời, thu hút thêm nguồn lực cho phát triển kinh tế; thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế (ngành, lĩnh vực, cơ cấu vùng miền); gia tăng xuất khẩu và thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu. Để các chính sách thuế phát huy được vai trò khuyến khích, thúc đẩy các dự án đầu tư vào Việt Nam theo hướng phát triển bền vững thì cần chú ý các nội dung sau:

- Kế thừa các quy định về ngành nghề ưu đãi tại Luật Thuế TNDN hiện hành: Nghiên cứu, tiếp thu một số quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 8/6/2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Bộ Tài chính đã xây dựng dự án Luật Thuế TNDN (sửa đổi) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong thời gian tới. Trong đó có chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt tại Luật Đầu tư và nội dung tại một số luật chuyên ngành khác) để đảm bảo tính đồng bộ, đồng thời có rà soát, sắp xếp lại các lĩnh vực ưu đãi và địa bàn ưu đãi thuế nhằm góp phần tạo sự chuyển biến trong phân bổ nguồn lực, mở rộng cơ sở thu, tập trung khuyến khích ưu đãi thuế vào các ngành sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, các ngành công nghiệp hỗ trợ, sử dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, dịch vụ chất lượng cao.

- Cần rà soát các ngành, nghề ưu đãi đối với các lĩnh vực như phát triển công nghệ sinh học, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, phát triển ngành nghề truyền thống: Các dự án sản xuất có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, dự án đầu tư tại khu công nghiệp, dự án đầu tư tại khu công nghệ cao nhưng không phải là dự án trong

lĩnh vực công nghệ cao; điều chỉnh mức ưu đãi đối với dự án đầu tư tại khu kinh tế nhưng không nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn để đảm bảo chính sách ưu đãi thuế có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải.

- Cần bổ sung ngành nghề ưu đãi đối với lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ số để thúc đẩy phát triển lĩnh vực, bao gồm sản xuất: sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm; sản phẩm an toàn thông tin mạng và cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng (theo quy định của pháp luật); sản phẩm công nghệ số. Đồng thời, quy định rõ dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong các ngành điện tử - tin học được hưởng ưu đãi thuế bao gồm cả thiết kế, sản xuất bán dẫn. Ngoài ra, cần sửa đổi, bổ sung các quy định để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện như về thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi, thời điểm tính thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế của các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Mục đích là nhằm đảm bảo bao quát các trường hợp phát sinh, phù hợp với Luật Công nghệ cao, Luật Khoa học công nghệ và pháp luật liên quan; về áp dụng ưu đãi đối với dự án đầu tư mở rộng; về chuyển lỗ; về mức lãi suất đối với số thuế của phân trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp sử dụng không hết.

- Xem xét hoàn thiện khung pháp lý về thuế tối thiểu toàn cầu: Theo đề xuất của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế và được Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới thông qua Sáng kiến chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận để phân chia quyền đánh thuế, thực hiện đánh giá về phân bổ lợi nhuận và các nguyên tắc phân bổ lợi nhuận nhằm đảm bảo tất cả các doanh nghiệp hoạt động quốc tế phải trả mức thuế tối thiểu. Mục tiêu của thuế tối thiểu toàn cầu được xây dựng nhằm ngăn chặn cuộc đua xuống đáy về thuế suất ưu đãi giữa các quốc gia trong thu hút đầu tư nước ngoài. Đồng thời, xóa bỏ các kẽ hở trong quản lý không để các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trốn thuế, chuyển giá, qua đó góp phần tăng thu ngân sách. Đây cũng là áp lực nhằm thúc đẩy Chính phủ phải cải cách, hoàn thiện khung pháp lý của hệ thống thuế theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Từ đó, tạo niềm tin, tăng cường hội nhập và nâng cao vị thế kinh tế Việt Nam trên trường quốc tế. Vì thế, Việt Nam cần có chiến lược và chính sách

hướng đến các giải pháp tăng cường khả năng cạnh tranh của môi trường đầu tư, kinh doanh, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng và tay nghề với mức lương cạnh tranh trong khu vực và thế giới. Đồng thời là các yếu tố quan trọng để nâng cao năng xuất lao động của nền kinh tế thay vì tập chung thu hút bằng các ưu đãi thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN). Bởi vì, nếu không áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu thì số thu NSNN về thuế TNDN không bị ảnh hưởng, nhưng toàn bộ số tiền ưu đãi cho các doanh nghiệp FDI hiện tại sẽ được chính phủ các quốc gia sở hữu doanh nghiệp FDI tại Việt Nam thu về ngân sách của họ. Ngược lại, nếu áp dụng quy định thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn, Việt Nam sẽ có quyền đánh thuế bổ sung đối với những doanh nghiệp FDI đang được hưởng thuế suất thực tế tại Việt Nam thấp hơn mức tối thiểu 15%, từ đó tăng thu NSNN. Như vậy thì cả nước sở tại lẫn doanh nghiệp FDI đều không được lợi nếu Việt Nam không áp dụng thuế tối thiểu. Mặc dù, khi áp dụng có thể phát sinh một số chi phí cải cách hệ thống quản lý thuế, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư và tiến độ triển khai phụ thuộc vào năng lực quản lý của các bộ, ngành, địa phương liên quan. Do đó, Chính phủ cần chỉ đạo tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế, quy định và xây dựng lộ trình áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và áp dụng phù hợp với Việt Nam trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đây sẽ là yếu tố dẫn đến đổi mới thu hút dòng vốn FDI, tạo sức bật mới cho tăng trưởng kinh tế nước ta trong thời gian tới.

- Tăng cường những hình thức ưu đãi trực tiếp đối với các doanh nghiệp FDI: Hiện nay, các chính sách ưu đãi thuế TNDN chủ yếu là hình thức ưu đãi trên thu nhập, tức là chỉ khi doanh nghiệp FDI kinh doanh có lãi, có thu nhập chịu thuế thì khi ấy mới có thể hưởng các lợi ích từ ưu đãi thuế. Các doanh nghiệp FDI thường chưa có lãi trong các năm đầu hoạt động do chi phí đầu tư phát sinh lớn đối với các dự án đầu tư về cơ sở hạ tầng, công nghệ, nghiên cứu phát triển. Theo đó, những doanh nghiệp này cần các hình thức ưu đãi trực tiếp từ phía Việt Nam như ưu đãi hỗ trợ về chi phí đối với các khoản đầu tư vào hạ tầng, nghiên cứu và phát triển, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, để khuyến khích các doanh nghiệp FDI thực hiện nhiều hơn các hoạt động đầu tư, nghiên cứu phát triển, cũng như chuyển giao công nghệ tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Chính phủ cần nghiên cứu có giải pháp hỗ trợ phù hợp các khoản chi phí đầu tư, đào tạo lao động, xây dựng nhà ở

cho người lao động, hỗ trợ tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường cho nhóm doanh nghiệp FDI đang hoạt động và nhóm doanh nghiệp FDI sẽ hoạt động tại Việt Nam trong thời gian tới.

- Cần tăng ưu đãi thuế các hoạt động đầu tư xanh, chuyển đổi xanh: Để thực hiện cam kết của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế về biến đổi khí hậu như các cam kết theo thỏa thuận COP21 và COP26. Các chính sách thuế khóa liên quan góp phần quan trọng đến việc bảo vệ môi trường. Bên cạnh việc mở rộng đối tượng chịu thuế đối với các sản phẩm, hàng hoá có gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng, như: phân bón hóa học, chất tẩy rửa; khí than, khí tự nhiên; các loại pin và ắc quy. Cụ thể là đối với các mặt hàng đang chịu thuế BVMT như xăng dầu, than, túi ni lông, dung dịch HCFC cần thiết phải sửa đổi khung thuế suất cho phù hợp với thực tế. Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt, cần điều chỉnh thuế suất căn cứ vào mức xả thải ra môi trường của đối tượng chịu thuế để đảm bảo công bằng về trách nhiệm BVMT đối với tất cả các đối tượng chịu thuế. Đồng thời, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế nhằm khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới, công nghệ sạch, tiết kiệm nguyên liệu, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường. Ngược lại, nhằm thu hút các dự án đầu tư vào các lĩnh vực góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. Việt Nam cần tiếp tục sửa đổi để đưa ra chính sách thuế tổng thể và mang tính chiến lược về tăng ưu đãi thuế đối với các hoạt động đầu tư xanh trong chính sách thuế TNDN. Mục tiêu là nhằm khuyến khích đầu tư vào các dự án xanh, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, đặc biệt là trong sản xuất xanh và giảm phát thải CO<sub>2</sub>. Theo đó, có thể hạ thuế suất hoặc tăng tỷ lệ trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ với mức tối đa cao hơn 10% thu nhập tính thuế TNDN đối với doanh nghiệp có dự án với tổng mức đầu tư lớn để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ sản xuất mới theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển kinh tế bền vững.

- Xây dựng bộ hệ thống thu thuế carbon, hạn chế những dự án đầu tư gây ô nhiễm môi trường theo định hướng phát triển phát triển bền vững: Đây là một trong những công cụ chính sách quan trọng để kiểm soát phát thải khí nhà kính. Nếu cơ sở tính thuế carbon hẹp sẽ không có tác dụng làm giảm phát thải, nhưng việc quá mở rộng cơ sở thuế carbon để tăng tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính mà vượt khả năng cân bằng sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực lên nền kinh tế.

Đồng thời, cần xác định rõ đối tượng chịu thuế carbon để tránh đánh thuế hai lần, làm gia tăng thêm gánh nặng thuế cho xã hội có thể dẫn tới việc bị người dân và doanh nghiệp phản ứng. Bên cạnh đó, để thuận lợi cho công tác quản lý thuế carbon nên điều tiết vào khâu đầu tiên đưa nhiên liệu hóa thạch vào thị trường. Theo đó, người nộp thuế carbon sẽ là các chủ thể nhập khẩu, khai thác nhiên liệu hóa thạch, cách thức xác định người nộp thuế carbon giống với cách thức xác định người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hay người nộp thuế môi trường theo pháp luật thuế hiện hành. Mặt khác, thuế suất thuế carbon phải đảm bảo có sự cân bằng giữa giá carbon đủ cao để giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch và tạo động lực cho việc đầu tư vào các phương án carbon thấp, cũng như phải hạn chế được tác động tiêu cực lên sự phát triển kinh tế, ví dụ như làm giá năng lượng tăng quá cao. Kinh nghiệm các nước cho thấy, thông thường mức thuế suất khởi điểm nên quy định thấp để thuận lợi áp dụng thuế carbon vào thực tiễn do được người dân và doanh nghiệp dễ chấp nhận hơn. Sau đó, mức thuế suất được điều chỉnh tăng dần theo lộ trình và trên cơ sở xem xét đến bối cảnh và điều kiện của nền kinh tế. Nguồn thu từ thuế carbon nên được tái đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo và hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi sang các hoạt động bền vững hơn. Hơn nữa, Việt Nam cần tiếp tục đơn giản hóa thủ tục ưu đãi thuế, xây dựng khung pháp lý rõ ràng và thiết lập lộ trình tăng thuế hợp lý.

- Cần có các biện pháp khuyến khích đầu tư bằng các giải pháp đa dạng khác: như miễn thuế nhập khẩu, kéo dài thời gian miễn thuế đất và ưu đãi dựa trên chi phí phù hợp. Đồng thời, hoàn thiện hệ thống kế toán theo chuẩn mực toàn cầu nhằm tích hợp với chính sách thuế mới.

#### ***7.3.4.2. Cải cách thủ tục hành chính và khuyến khích kêu gọi đầu tư***

- Khuyến khích kêu gọi đầu tư để cơ cấu lại việc làm: Năm 2025, sau khi tinh gọn lại bộ máy các cơ quan nhà nước sẽ có khoảng 100.000 lao động rời khỏi khu vực nhà nước do tác động của tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị và 100.000 thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương. Vì vậy, để tạo công ăn việc làm cho những đối tượng này, cần có chính sách nhằm khuyến khích khu vực ngoài nhà nước có thể tiếp nhận những lao động đó cũng như để phát triển thị trường lao động, thị trường việc làm. Thông qua việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo môi trường đầu tư, thể chế tốt nhất để thu hút các nhà đầu tư là rất cần thiết. Nền kinh tế phải đa dạng hóa

các lĩnh vực, mở ra nhiều lĩnh vực mới mang chuỗi giá trị cao, đẩy mạnh vai trò của nghiên cứu, đổi mới để bắt kịp xu hướng toàn cầu.

- Đơn giản hóa và làm minh bạch các thủ tục hành chính để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, giảm thiểu thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Đặc biệt áp dụng đối với một số dự án thuộc lĩnh vực đổi mới sáng tạo, công nghiệp bán dẫn và các lĩnh vực công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế theo quy trình đăng ký đầu tư tại các Ban quản lý để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày. Bên cạnh đó, nhà đầu tư không phải thực hiện một số thủ tục để được cấp phép, chấp thuận hoặc phê duyệt trong 3 lĩnh vực cần sử dụng nhiều thời gian thực thi thủ tục hành chính là xây dựng, bảo vệ môi trường và phòng cháy, chữa cháy; dự kiến có thể cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính đến 260 ngày.

- Tiếp tục sửa đổi với Luật Đầu tư và một số nội dung như quy định việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác: Mục tiêu là để thu hút nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới một số ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Đồng thời, quy định việc chấm dứt hoạt động đối với các dự án chậm tiến độ, dự án không được triển khai thực hiện trong nhiều năm, gây lãng phí đất đai nhằm giải phóng nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

- Cần sửa đổi, bổ sung đối với Luật Đấu thầu: Nhằm tháo gỡ vướng mắc, tăng tính cạnh tranh trong đấu thầu, bảo đảm quyền lợi của các đối tượng trong quá trình tham dự thầu như bổ sung quy định về tư cách hợp lệ của nhà thầu. Ngoài ra, cần rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn. Đồng thời, sửa đổi quy định về phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, thương thảo hợp đồng, bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu, mua sắm phục vụ hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **7.3.4.3. Thúc đẩy hợp tác công - tư**

- Khuyến khích các dự án hợp tác công - tư (PPP): Mục tiêu nhằm thu hút đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng lớn và phát triển đô thị. Từ đó sẽ khắc phục được vấn đề thiếu hụt vốn đầu tư của nhà nước cho phát triển kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công cộng. Mặt khác, hỗ

trợ cho những khoản đầu tư cần cấp vốn mà không phải gia tăng nợ của chính phủ, nhờ đó mà đẩy mạnh việc thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng trong điều kiện cân huy động nguồn lực của xã hội. Ngoài ra PPP cũng là một trong những công cụ giúp đóng góp giải pháp cải cách quan trọng đối với lĩnh vực quản lý đầu tư công. Các dự án PPP giúp nâng cao niềm tin của người dân đối với Nhà nước khi hướng tới lợi ích bền vững vì cộng đồng, nâng cao năng lực cạnh tranh. Chính vì thế, PPP có thể cho phép hợp tác giúp tối ưu hóa hiệu quả đầu tư, cung cấp dịch vụ công cộng chất lượng cao, sử dụng được kỹ năng, công nghệ hiện đại và tính hiệu quả trong quản lý của khu vực tư nhân.

- Để đảm bảo vốn đầu tư công được sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thì người đứng đầu phải chủ động, quyết liệt tháo gỡ khó khăn, xử lý bất cập của từng dự án; có chế tài mạnh đối với tham nhũng, tiêu cực, các hành vi cản trở, làm chậm tiến độ giải ngân; đẩy nhanh tiến độ bằng cách rà soát, khắc phục các hạn chế trong quy trình thực hiện dự án.

#### ***7.3.4.4. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược***

Nhằm thúc đẩy đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất. Các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia cũng như khẩn trương kết nối hệ thống cao tốc với sân bay, cảng biển và triển khai đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị như đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến đường sắt kết nối với Trung Quốc, đường sắt đô thị tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Mặt khác, phân đầu cơ bản hoàn thành Cảng hàng không quốc tế Long Thành trong năm 2025 và quyết tâm hoàn thành ít nhất 3.000 km đường bộ cao tốc đến hết năm 2025.

- Bảo đảm nguồn cung nguyên vật liệu, kiểm soát giá nguyên vật liệu, chỉ tiêu sử dụng đất để đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng các dự án cao tốc.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng năng lượng.

- Khẩn trương triển khai chủ trương, kết luận của cấp có thẩm quyền về tái khởi động dự án nhà máy điện hạt nhân, xây dựng Trung



tâm tài chính quốc tế và khu vực tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, thành lập Khu thương mại tự do tại một số địa phương.

- Tập trung phát triển hạ tầng số quốc gia, hạ tầng đổi mới sáng tạo: Bộ Thông tin và Truyền thông cần chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tập trung phát triển hạ tầng số quốc gia, hạ tầng đổi mới sáng tạo, phát triển vệ tinh viễn thông, nâng cấp hạ tầng trục viễn thông quốc gia; đẩy mạnh thương mại hóa 5G, nghiên cứu 6G, ứng dụng các loại dịch vụ vệ tinh...

- Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại như CPTPP, RCEP; giảm rào cản phi thuế quan, tự do hóa thương mại dịch vụ, đẩy mạnh kết nối khu vực và phát triển thương mại số nhằm hội nhập thương mại sâu hơn.

- Cần có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nền kinh tế làm mới những ngành nghề đang có, phát triển ngành nghề mới, đa dạng hóa thị trường lao động: Trong cơ cấu lao động của Việt Nam đang có hơn 60% lao động ở khu vực phi chính thức mà không yêu cầu chuẩn mực, trình độ lao động, quy mô sử dụng linh hoạt. Từ đó, chưa có được khu vực sản xuất định hình để xác định nguồn lực lao động. Ngay cả ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được xem là trụ cột tăng trưởng kinh tế cũng không phát triển mạnh mẽ mà chủ yếu là lắp ráp, gia công, lắp ráp (khâu có giá trị thấp nhất) chứ chưa phải chế tạo sản phẩm mang giá trị cao. Vì vậy, lao động khu vực này cũng không đòi hỏi có trình độ cao mà chủ yếu ở mức thành thạo tay nghề. Trình độ lao động không cao dẫn đến năng suất, giá trị tạo ra thấp nên tiền lương của lao động nhận về cũng không cao. Do đó, Chính phủ cần có những chính sách hỗ trợ và định hướng cho doanh nghiệp thay vì chỉ nhận gia công nên vận dụng sự sáng tạo và trí tuệ để chuyển sang thiết kế sản phẩm, làm chủ chuỗi sản xuất. Mặt khác, thay vì nhập linh kiện về lắp ráp, doanh nghiệp nghiên cứu chế tạo linh kiện mới, tăng giá trị của sản phẩm... Bên cạnh đó, đề nghị các địa phương phải có chính sách để thúc đẩy tạo việc làm mới khi phê duyệt các dự án mới.

Tóm lại, chính sách đầu tư năm 2025, cần tập trung vào giải ngân vốn đầu tư công, thu hút đầu tư FDI có chọn lọc, thúc đẩy tăng trưởng xanh và cải cách hành chính để hỗ trợ doanh nghiệp.

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những diễn biến bất lợi từ bên ngoài, tác

động trực tiếp do có độ mở kinh tế lớn. Bên cạnh đó, những hạn chế, bất cập trong nội tại đã tích tụ từ lâu, khó có thể cải thiện ngay trong thời gian ngắn cũng như những rủi ro của các thị trường còn tiềm ẩn; thiên tai, dịch bệnh, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường hơn. Có thể nói, những thời cơ, thuận lợi đan xen với những khó khăn, thách thức trong năm 2025. Do đó, những giải pháp trên nhằm tạo ra một nền kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế, đồng thời đảm bảo phát triển kinh tế toàn diện, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân Việt Nam trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

## **7.4. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI CHO VIỆT NAM**

### **7.4.1. Xu hướng phát triển và ứng dụng công nghệ AI ở Việt Nam**

#### **7.4.1.1. Xu hướng phát triển công nghệ AI ở Việt Nam**

Trên thế giới và tại Việt Nam, AI được xem là một trong những công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Nhiều quốc gia bắt đầu ghi nhận xu thế phát triển tất yếu và tác động chuyển đổi to lớn của AI trong mọi mặt đời sống xã hội, thay đổi cán cân quyền lực kinh tế, quân sự, chính trị. AI đã trở thành một trong những công nghệ chủ chốt của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và ngày càng nhận được sự quan tâm, đầu tư và đang góp phần thay đổi, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển KT - XH của các quốc gia. Gần đây, AI đã có sự phát triển vượt bậc, nhiều sản phẩm, ứng dụng dựa trên công nghệ AI ra đời thu hút sự quan tâm của cộng đồng, đặc biệt là các sản phẩm AI tạo sinh.

Ở Việt Nam công nghệ AI đang có nhiều bước tiến vượt bậc, phát triển nhanh và sẽ đạt nhiều thành tựu đột phá hơn trong tương lai. Sự phát triển này mang lại nhiều cơ hội cho Chính phủ, khu vực công và doanh nghiệp. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện một số chính sách thiết thực nhằm khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển của công nghệ AI tại Việt Nam. Trong đó nổi bật nhất là việc ban hành Quyết định số 127/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, với mục tiêu từng bước đưa Việt Nam trở thành một trung tâm đổi mới sáng tạo và AI nằm trong Top 4 của khu vực ASEAN, top 50 của thế giới. Năm 2024, Thủ tướng Chính phủ chủ trì làm việc với nhiều lãnh đạo tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới, doanh nghiệp FDI tìm hiểu cơ hội mở rộng đầu tư tại Việt

Nam (như Apple, Intel, NVIDIA, Foxconn, Meta, Synopsys, Microsoft, SpaceX, Samsung...), đề nghị tăng cường hợp tác, đồng hành với Việt Nam thực hiện chuyên giao công nghệ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực bán dẫn, công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo.

- *Phát triển công nghệ AI ở khu vực doanh nghiệp*: Thời gian gần đây, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam đều cố gắng tìm kiếm các giải pháp AI để cải thiện quy trình sản xuất, quản lý và phân tích dữ liệu, từ đó tăng hiệu quả kinh doanh và giảm chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh. Các tập đoàn công nghệ lớn như FPT Corporation, Viettel và Vingroup đã đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển AI, thúc đẩy đổi mới và thương mại hóa các giải pháp AI. Tiêu biểu nhất trong việc tham gia mạnh mẽ vào phát triển và ứng dụng công nghệ AI từ sớm tại Việt Nam có những nhà nghiên cứu, những tập đoàn công nghệ lớn như: FPT, Viettel, Vingroup đóng vai trò đầu tàu. Tập đoàn FPT đã đầu tư cho những nghiên cứu liên quan từ năm 2013 và tuyên bố sẽ dành ngân sách hơn 13 triệu USD để phát triển sản phẩm FPT, AI chính là nền tảng trí tuệ nhân tạo "Make in Vietnam" thứ hai ra mắt quý 4 năm 2023. Tập đoàn Viettel, Vingroup... cũng đã tập trung nhân lực, trí tuệ vào nghiên cứu và phát triển AI. Các tập đoàn này đã tiên phong đầu tư vào công nghệ siêu máy tính với khả năng thực hiện trên 20 triệu tỉ phép tính/giây nhằm giải quyết những vấn đề phức tạp trong tính toán. Tập đoàn Vingroup định hướng phát triển AI vào lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, ô tô thông minh và xe tự lái. Trong khi đó, Viettel lại đặt trọng tâm đầu tư vào các công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, chuyển đổi giọng nói, chữ viết tiếng Việt với độ chính xác cao. Gần 10 năm nghiên cứu AI, tập đoàn Viettel đã phát triển thành công một loạt công nghệ ứng dụng AI trong việc định danh, bảo mật và giám sát an ninh. Đến nay đã có hơn 80.000 cá nhân và tổ chức đăng ký sử dụng nền tảng Viettel AI Open Platform. Ngoài ra, Viettel cũng đang phát triển thêm 2 lĩnh vực Robotica và Digital Twin. Tập đoàn VNPT sớm dùng AI để tự động bóc tách dữ liệu ảnh, chuyển đổi thành text và đưa thông tin vào các trường dữ liệu tương ứng, cho phép sử dụng chữ ký điện tử và hồ sơ điện tử, giúp hạn chế tối đa hiện tượng sim rác và rút ngắn thời gian đăng ký thông tin thuê bao xuống tối đa 5 giây. Hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam cũng phát triển mạnh mẽ, với nhiều công ty khởi nghiệp tập trung vào AI nổi lên trong những năm gần đây. Các công ty

n như Cinnamon AI, Palexy và Abivin đã được công nhận về các giải pháp AI sáng tạo của họ trong nhiều lĩnh vực, chẳng hạn như bán lẻ, hậu cần và chăm sóc sức khỏe. Các công ty khởi nghiệp này đã thu hút được khoản đầu tư đáng kể từ các công ty đầu tư mạo hiểm trong và ngoài nước, thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của ngành AI tại Việt Nam. Một sản phẩm AI với tên gọi AIDU vừa ra mắt đã có ngay 4.000 hợp đồng cho thấy các doanh nghiệp công nghệ vừa và nhỏ của Việt Nam cũng có thể tham gia phát triển trí tuệ nhân tạo. Công ty GenAI đã đi vào các lĩnh vực Aidu Power, Aidu Business, Aidu Elite... với 500 trợ lý ảo. Nhiều ngân hàng và doanh nghiệp cũng triển khai ứng dụng công nghệ AI vào hoạt động kinh doanh như: LPBank Chatbot, được triển khai trên website, Zalo Official Account (OA), và hai trang Facebook của ngân hàng này.

- *Phát triển công nghệ AI ở khu vực công*: Trong khu vực công, từ năm 2022, phần mềm trợ lý ảo pháp luật đã được triển khai tại Tòa án Nhân dân Tối cao nhằm giảm tải công việc của các thẩm phán. Đến tháng 6/2024, đã có 173.206 văn bản pháp luật, 27.610 câu hỏi giải đáp tình huống pháp lý và 1,4 triệu bản án được tích hợp vào trợ lý ảo. Sau một thời gian triển khai, các thẩm phán và trợ lý ảo tương tác trung bình từ 10.000 - 15.000 lượt/ngày. Dự kiến đến hết năm 2025, trợ lý ảo sẽ được công khai để mọi người có thể truy cập và sử dụng như một công cụ trợ giúp pháp lý, giúp lan tỏa tri thức pháp luật và tiết kiệm chi phí cho xã hội.

- *Xu hướng nghiên cứu phát triển công nghệ AI ở các cơ sở giáo dục và đào tạo*: Các tổ chức giáo dục tại Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp AI. Các chương trình đào tạo về AI tại các trường đại học và viện nghiên cứu không chỉ trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết mà còn cung cấp các kỹ năng thực hành qua các dự án nghiên cứu và thực tập tại các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu. Điều này giúp tạo ra một thế hệ chuyên gia AI có khả năng ứng dụng và phát triển công nghệ AI trong nhiều lĩnh vực khác nhau như y tế, giáo dục, công nghiệp, và nông nghiệp. Các trường đại học hàng đầu như Đại học Bách khoa Hà Nội (HUST), Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU) và Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (HCMUT) đã đi đầu trong nghiên cứu và giáo dục về AI. Các tổ chức này đã thành lập các trung tâm nghiên cứu AI, xây dựng chương trình giảng dạy

chuyên ngành và hợp tác với các đối tác quốc tế để nâng cao kiến thức và kỹ năng về AI. Ví dụ, Viện John von Neumann tại VNU-HCM là trung tâm nghiên cứu AI, tập trung vào các lĩnh vực như học máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên và robot. Ngoài ra, việc thành lập Viện Nghiên cứu cao cấp về toán học Việt Nam (VIASM) đã đặt nền móng cho các nghiên cứu liên ngành về AI và các lĩnh vực liên quan cũng như các ứng dụng thực tiễn của AI vào cuộc sống.

#### **7.4.1.2. Xu hướng ứng dụng công nghệ AI ở Việt Nam**

Theo nghiên cứu của Google, tiềm năng từ AI tại Việt Nam là rất lớn, với lợi ích kinh tế ước tính lên tới 1.890 nghìn tỷ đồng (79,3 tỷ USD) cho các doanh nghiệp vào năm 2030, nếu các công cụ AI được áp dụng rộng rãi. Con số này tương đương gần 12% GDP của Việt Nam vào năm 2030. Thị trường AI tại Việt Nam đã, đang và sẽ là một sân chơi tiềm năng dành cho tất cả mọi người. VNPT AI đã xây dựng bộ AI Engine với hơn 100 models chia thành 8 nhánh tương ứng với khả năng của con người: Nghe, nói, đọc, nhìn, xử lý nghiệp vụ, tự động hóa, tạo video, phân tích thông tin, có thể phục vụ nhiều nhóm người dùng khác nhau, từ khối chính phủ, doanh nghiệp cho tới người dùng. Các ứng dụng trong hệ sinh thái AI được khẳng định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Số lượng các doanh nghiệp trong nước quan tâm đến triển khai ứng dụng công nghệ trên các nền tảng rất lớn. Bên cạnh các công ty hàng đầu cũng có hàng trăm doanh nghiệp khởi nghiệp và rất nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ. AI giúp doanh nghiệp cắt giảm khoảng 20% chi phí trong vận hành, kinh doanh. AI có thể tạo ra những dòng code ít lỗi hơn, hữu dụng hơn, giúp tiết kiệm thời gian, sức lao động.

Các doanh nghiệp công nghệ trong nước không chỉ ứng dụng công nghệ AI mà còn đang thay đổi chiến lược, tăng cường đầu tư, mở rộng tuyển dụng chuyên gia AI để đẩy mạnh phát triển các giải pháp, sản phẩm dựa trên công nghệ AI của riêng mình. AI đã tác động mạnh mẽ đến mọi mặt, từ hoạt động hành chính công đến thương mại, y tế, giáo dục... Cụ thể như sau:

##### **- Ứng dụng công nghệ AI trong kinh doanh**

Trong thời đại chuyển đổi số hiện nay, trí tuệ nhân tạo (AI) đang nổi lên như một công nghệ tiên tiến, không chỉ cách mạng hóa cách thức doanh nghiệp hoạt động mà còn định hình lại mối quan hệ giữa

doanh nghiệp và khách hàng. Với tiềm năng vượt trội, AI đang thay đổi từ quản lý vận hành, dự đoán nhu cầu, tối ưu hóa chuỗi cung ứng đến nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa vận hành, và nâng cao hiệu quả marketing.

AI đã cách mạng hóa cách thức hoạt động của doanh nghiệp, từ việc quản lý vận hành đến cải thiện trải nghiệm khách hàng. Các tổ chức lớn và vừa trên toàn thế giới đang áp dụng AI vào mọi khía cạnh của kinh doanh để nâng cao năng suất và duy trì lợi thế cạnh tranh. Theo báo cáo của Grand View Research năm 2023, quy mô thị trường AI toàn cầu ước tính đạt 196,63 tỷ đô la Mỹ vào năm 2023 và dự kiến sẽ tăng trưởng ở tốc độ 36,6% từ năm 2024 đến năm 2030. Hoạt động nghiên cứu và đổi mới liên tục thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ tiên tiến trong các ngành dọc, chẳng hạn như ô tô, chăm sóc sức khỏe, bán lẻ, tài chính và sản xuất. AI đã chứng tỏ vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Đầu tiên, trong quản lý khách hàng và cá nhân hóa trải nghiệm, các công cụ như ChatGPT của OpenAI hoặc Salesforce Einstein của Salesforce đã hỗ trợ doanh nghiệp giao tiếp với khách hàng thông qua chatbot và email, giúp cá nhân hóa phản hồi và tối ưu hóa dịch vụ khách hàng. ChatGPT cách mạng hóa dịch vụ khách hàng bằng cách cung cấp các khả năng tương tác nâng cao, sẵn sàng 24/7, hiệu quả chi phí, cá nhân hóa, hỗ trợ đa ngôn ngữ, tích hợp liền mạch và khả năng xử lý các truy vấn phức tạp.

Trong lĩnh vực dự đoán nhu cầu và tối ưu hóa chuỗi cung ứng, IBM Watson Supply Chain sử dụng AI để phân tích dữ liệu theo thời gian thực, giúp dự đoán xu hướng và giảm rủi ro trong chuỗi cung ứng. Procter & Gamble báo cáo rằng giải pháp này đã giúp giảm 15% chi phí logistics. Về chiến lược, P&G đang tập trung AI để tích hợp vào phân phối và bán lẻ, lập kế hoạch và mua phương tiện truyền thông, đổi mới sản phẩm và bao bì, hoạt động sản xuất và văn phòng hỗ trợ. Amazon Forecast, một công cụ dựa trên AI, hỗ trợ các nhà bán lẻ tối ưu hóa hàng tồn kho và tránh tình trạng thiếu hụt hàng hóa.

Trong marketing kỹ thuật số, việc tạo nội dung do AI thúc đẩy tối ưu hóa các tài liệu tiếp thị, trong khi quảng cáo được nhắm mục tiêu tận dụng các thuật toán để tiếp cận đối tượng cụ thể một cách hiệu quả. Tự động hóa hợp lý hóa các nhiệm vụ lặp đi lặp lại, cho phép các nhà tiếp thị tập trung vào kế hoạch chiến lược. Báo cáo *HubSpot AI Trend Report 2024* phân tích cách AI đang định hình ngành marketing và hỗ

trợ các nhà tiếp thị cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng, tăng năng suất và đạt được mục tiêu kinh doanh. Với sự tham gia của hơn 1.000 chuyên gia marketing tại Mỹ, báo cáo cung cấp góc nhìn đa chiều về xu hướng AI, từ lợi ích, thách thức đến cách áp dụng AI hiệu quả trong thực tiễn, 74% nhà tiếp thị đã sử dụng công cụ AI vào năm 2023, tăng từ 53% so với năm 2022.

*- Ứng dụng công nghệ AI trong lĩnh vực tài chính*

AI đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt trong việc đánh giá tín dụng. Với khả năng phân tích dữ liệu lớn, học máy và các công nghệ tiên tiến khác, AI không chỉ tối ưu hóa quy trình làm việc mà còn giúp các tổ chức tài chính đưa ra các quyết định tín dụng nhanh chóng, chính xác và ít rủi ro hơn. AI có thể phân tích các chỉ số như tỷ lệ nợ trên thu nhập, tần suất thanh toán hóa đơn đúng hạn, hoặc thậm chí hành vi mua sắm trực tuyến để đưa ra các dự đoán về khả năng thanh toán nợ. Những phân tích này không chỉ nhanh chóng mà còn chính xác hơn so với các phương pháp truyền thống. Việc ứng dụng AI giúp ngân hàng không chỉ giảm thời gian xử lý hồ sơ mà còn giảm thiểu tỷ lệ mắc lỗi do yếu tố con người, từ đó tăng cường độ tin cậy trong quy trình đánh giá tín dụng.

*- Ứng dụng công nghệ AI trong công nghiệp sản xuất*

Công nghệ AI đã trở thành một công cụ chiến lược trong ngành công nghiệp sản xuất, mang lại những cải tiến đột phá về tự động hóa, hiệu suất và tối ưu hóa chi phí. Tại Việt Nam, với sự phát triển của công nghệ 4.0, các doanh nghiệp sản xuất đang tích cực triển khai AI vào mọi khía cạnh của quy trình sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu thị trường. AI đang cách mạng hóa cách các doanh nghiệp quản lý chuỗi cung ứng, giúp họ dự đoán nhu cầu, tối ưu hóa kho hàng và cải thiện hiệu quả logistics. Các hệ thống AI phân tích dữ liệu lịch sử và xu hướng tiêu dùng để dự báo chính xác nhu cầu sản phẩm trong tương lai. Điều này giúp doanh nghiệp lập kế hoạch sản xuất và phân phối hiệu quả hơn, tránh tình trạng tồn kho dư thừa hoặc thiếu hụt. AI hỗ trợ tối ưu hóa tuyến đường vận chuyển và giảm chi phí logistics thông qua phân tích dữ liệu giao thông và điều kiện vận chuyển. Tự động hóa là một trong những ứng dụng quan trọng nhất của AI trong ngành công nghiệp sản xuất. Các hệ thống robot công nghiệp được trang bị AI không chỉ thay thế lao động thủ công trong các công việc lặp đi lặp lại mà còn mang lại độ chính xác và năng suất cao hơn.

Tại các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử của Samsung ở Bắc Ninh và Thái Nguyên, AI được triển khai trong các dây chuyền sản xuất và kiểm soát chất lượng. Những robot này có thể hoạt động liên tục, giảm thiểu lỗi và tăng năng suất sản xuất. AI hỗ trợ điều phối các nguồn lực sản xuất một cách tối ưu, đảm bảo sử dụng hiệu quả các máy móc và lao động. Điều này đặc biệt quan trọng trong các ngành sản xuất quy mô lớn như sản xuất linh kiện điện tử hoặc ô tô. Các camera được tích hợp AI giám sát quá trình sản xuất và kiểm tra từng sản phẩm ngay trên dây chuyền. Hệ thống này có thể phát hiện các lỗi nhỏ nhất mà con người khó nhận biết, từ đó loại bỏ sản phẩm lỗi trước khi chúng ra thị trường. AI không chỉ giúp phát hiện lỗi mà còn phân tích nguyên nhân gốc rễ, từ đó đề xuất các cải tiến trong quy trình sản xuất. Các hệ thống AI có khả năng dự đoán sự cố của máy móc dựa trên dữ liệu cảm biến, từ đó lập kế hoạch bảo trì phòng ngừa để tránh gián đoạn sản xuất.

Ứng dụng AI trong công nghiệp sản xuất tại Việt Nam đang mở ra một kỷ nguyên mới với hiệu quả cao hơn, chi phí thấp hơn và chất lượng sản phẩm được cải thiện. Từ quản lý chuỗi cung ứng thông minh đến tự động hóa sản xuất và kiểm soát chất lượng, AI không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đầu tư vào AI sẽ là chìa khóa giúp Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất hàng đầu khu vực.

#### *- Ứng dụng công nghệ AI trong giáo dục và đào tạo*

AI đang mang đến những thay đổi đột phá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện trải nghiệm học tập và nâng cao hiệu quả quản lý. Tại Việt Nam, các nền tảng giáo dục tiên tiến đã nhanh chóng nắm bắt xu thế ứng dụng AI để cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập. Một số nền tảng giáo dục trực tuyến sử dụng AI để xây dựng hệ thống học tập cá nhân hóa, giúp học viên được thiết kế lộ trình học tập phù hợp với năng lực và mục tiêu cá nhân. Hệ thống này phân tích dữ liệu học tập của học viên, từ tiến độ hoàn thành bài tập đến mức độ hiểu bài, để đưa ra những nội dung học tập phù hợp và giữ vững động lực học tập. Hệ thống này phân tích dữ liệu học tập của học viên, từ tiến độ hoàn thành bài tập đến mức độ hiểu bài, để đưa ra những nội dung học tập phù hợp và giữ vững động lực học tập. Một số trường đại học cũng đã triển khai hệ thống quản lý dữ liệu



học tập tích hợp AI, giúp theo dõi tiến độ học tập và hỗ trợ cố vấn học tập đưa ra những hướng dẫn phù hợp cho từng sinh viên.

Sự kết hợp giữa công nghệ AI và giáo dục tại Việt Nam không chỉ nâng cao chất lượng học tập và giảng dạy mà còn thúc đẩy sự hiện đại hóa trong quản lý giáo dục. Việc áp dụng AI không chỉ cải thiện hiệu quả giảng dạy mà còn giúp học sinh, sinh viên đạt được kết quả vượt trội, đồng thời tạo ra một môi trường học tập cá nhân hóa và linh hoạt. Với sự phát triển không ngừng của công nghệ, AI chắc chắn sẽ tiếp tục cách mạng hóa nền giáo dục Việt Nam trong tương lai.

#### *- Ứng dụng công nghệ AI trong dịch vụ và thương mại*

Trong lĩnh vực dịch vụ và thương mại, AI đang cách mạng hóa trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa chi phí vận hành và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh. Chatbot và trợ lý ảo tích hợp AI cung cấp dịch vụ khách hàng 24/7, hỗ trợ giải đáp thắc mắc và xử lý giao dịch nhanh chóng. AI phân tích dữ liệu người dùng để cá nhân hóa trải nghiệm, đề xuất sản phẩm hoặc dịch vụ phù hợp, đồng thời quản lý các chương trình khách hàng thân thiết hiệu quả hơn. Tại Việt Nam, sự phát triển mạnh mẽ của AI đã mang đến những chuyển đổi đáng kể trong lĩnh vực dịch vụ và thương mại, giúp các doanh nghiệp không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, từ đó nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường. Các doanh nghiệp hàng đầu như Tiki, VNPAY và Vincom Retail là những ví dụ tiêu biểu về việc ứng dụng AI để cải thiện trải nghiệm khách hàng và vận hành doanh nghiệp hiệu quả hơn. AI đã trở thành công cụ chiến lược giúp các tổ chức nắm bắt xu hướng, phân tích hành vi tiêu dùng, và đưa ra các giải pháp phù hợp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Trong lĩnh vực thương mại điện tử, Tiki là một minh chứng rõ nét cho sự đổi mới nhờ AI. Tiki ứng dụng công nghệ AI trong việc cá nhân hóa trải nghiệm mua sắm cho từng khách hàng, từ việc đề xuất sản phẩm dựa trên lịch sử mua hàng đến việc phân tích hành vi tiêu dùng để thiết kế các chương trình ưu đãi phù hợp. Hệ thống quản lý kho hàng và logistics của Tiki cũng được tích hợp AI, giúp tối ưu hóa quy trình lưu trữ và vận chuyển hàng hóa. Công nghệ này dự đoán nhu cầu mua sắm của khách hàng theo mùa, tối ưu hóa lượng hàng tồn kho, và đảm bảo hàng hóa được giao đến tay khách hàng một cách nhanh chóng và chính xác. Những cải tiến này không chỉ nâng cao trải nghiệm mua sắm mà còn giúp Tiki tối ưu hóa chi phí vận hành, từ đó tăng khả năng

cạnh tranh trong một thị trường thương mại điện tử ngày càng khốc liệt. Trong lĩnh vực tài chính và thanh toán, VNPAY đã tích hợp AI để cải thiện hiệu quả vận hành và mang lại giá trị gia tăng cho người dùng. Hệ thống phân tích dữ liệu lớn của VNPAY giúp hiểu rõ hành vi giao dịch của khách hàng, từ đó đề xuất các sản phẩm và dịch vụ tài chính phù hợp như các chương trình khuyến mãi cá nhân hóa, giảm giá theo thời gian thực hoặc gợi ý thanh toán tiện lợi.

Ứng dụng AI trong dịch vụ và thương mại tại Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc nâng cao trải nghiệm khách hàng, mà còn mở ra cơ hội lớn để tối ưu hóa quy trình vận hành và quản lý. Các hệ thống AI giúp các doanh nghiệp theo dõi xu hướng tiêu dùng, tối ưu hóa chiến lược marketing và dự đoán nhu cầu thị trường một cách chính xác.

#### *- Ứng dụng công nghệ AI trong y tế và chăm sóc sức khỏe*

Hệ thống Robot Call sử dụng AI để tự động gọi điện hỏi thăm sức khỏe và cập nhật thông tin y tế cho người dân, góp phần giảm áp lực cho nhân viên y tế. Công nghệ này, tích hợp các chức năng như chuyển đổi văn bản thành giọng nói, chuyển đổi giọng nói thành văn bản và hội thoại thông minh, cho phép thực hiện các cuộc gọi nhanh chóng để truyền tải khuyến cáo hoặc thông tin cần thiết. Trong lĩnh vực dược phẩm, AI có ba ứng dụng chính: (1) AI giúp thiết kế sản phẩm dược phẩm bằng cách phân tích dữ liệu và mô phỏng để tìm ra các loại thuốc hiệu quả hơn; (2) AI hỗ trợ vận hành nhà máy sản xuất dược phẩm bằng cách dự đoán và phát hiện sớm các sự cố, cho phép bảo trì chủ động thay vì chờ thiết bị hỏng hóc; (3) AI được sử dụng trong các hoạt động tư vấn và hỗ trợ văn phòng, như đọc tài liệu, xử lý hóa đơn trong quy trình nhập xuất hàng, hoặc cung cấp trợ lý ảo hỗ trợ bán hàng và người dùng.

#### *- Ứng dụng công nghệ AI trong các lĩnh vực kinh tế số*

Công nghệ trí tuệ nhân tạo đã và đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới, và Việt Nam không nằm ngoài xu hướng này. Chính phủ Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của AI trong quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, đặc biệt là trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Như trên đã trình bày, các lĩnh vực như thương mại điện tử, tài chính, sản xuất, y tế, giao thông và giáo dục đã có những bước tiến đáng kể trong việc áp dụng công nghệ AI để cải thiện hiệu quả hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Chính phủ Việt Nam gần đây đã thông qua Chương trình Chuyển đổi Kỹ thuật số Quốc gia, kéo dài từ năm 2025 đến năm 2030. Mục tiêu cụ thể của chương trình là tăng gấp đôi tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế số hóa vào năm 2025 và xây dựng nền tảng bền vững cho các quá trình chuyển đổi kỹ thuật số trong tương lai, bao gồm việc chuẩn bị cho sự áp dụng các giải pháp AI, trong đó có Business Intelligence tại Việt Nam.

Thực trạng ứng dụng AI trong nền kinh tế số tại Việt Nam có thể thấy rõ qua các lĩnh vực nhỏ hơn như: cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và logistics, ứng dụng trong quản lý rủi ro và chống gian lận, phân tích dữ liệu và dự báo/dự đoán thị trường; Quản lý thông minh và tối ưu hóa quy trình sản xuất. Công nghệ AI phát triển trong các lĩnh vực này có sự đan xen và đôi khi không thể phân tách được. Ngoài ra sự phát triển của AI trong mỗi lĩnh vực có sự tương tác qua lại, thúc đẩy sự phát triển ở trong các lĩnh vực khác. Công nghệ AI tăng cường đáng kể khả năng cá nhân hóa trải nghiệm người dùng bằng cách tạo ra các tương tác trở nên phù hợp hơn, hiệu quả hơn và thú vị hơn đối với từng cá nhân người dùng. Tại Việt Nam, ta có thể thấy những ứng dụng mạnh mẽ của các hệ thống cá nhân hóa ở lĩnh vực thương mại là một trong những lĩnh vực đi đầu và đạt được nhiều thành công nhất trong chiến lược xây dựng, phát triển và triển khai công nghệ liên quan tới các nhân hóa trải nghiệm khách hàng. Các sàn giao dịch thương mại điện tử đang chiếm thị phần lớn tại Việt Nam như Shopee, Lazada, Tiki... đều đang ứng dụng AI để tạo ra các trải nghiệm được cá nhân hóa cho người sử dụng.

#### **7.4.2. Chính sách phát triển công nghệ AI**

Ở Việt Nam, những năm gần đây việc phát triển công nghệ AI được coi là nhiệm vụ trọng tâm, là chiến lược hàng đầu để đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0). Do đó, Chính phủ Việt Nam đã ban hành và thực hiện một số chính sách nhằm phát triển công nghệ AI, cụ thể như sau:

- *Đưa công nghệ AI vào danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển:* Theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ, thì từ năm 2014 công nghệ AI đã được đưa vào danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2117/QĐ-TTg, ban hành danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và

ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ở lĩnh vực công nghệ số, danh mục công nghệ ưu tiên gồm: Trí tuệ nhân tạo; Internet vạn vật; công nghệ phân tích dữ liệu lớn; công nghệ chuỗi khối; điện toán đám mây... Trong số đó, Bộ Khoa học và Công nghệ xác định AI là công nghệ được ưu tiên hàng đầu. Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 749/QĐ-TTg Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và đòi hỏi khách quan của sự phát triển trong thời đại ngày nay, mở ra cơ hội cho các quốc gia bứt phá vươn lên. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã đặt ra mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu.

- *Đầu tư cho nghiên cứu phát triển công nghệ AI*: Năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 127/QĐ-TTg, ngày 26-1-2021, “Về Chiến lược Quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030”. Trọng tâm của Chiến lược nhằm đưa AI thành công nghệ nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Chiến lược đưa ra mục tiêu “đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI, đưa AI trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần phát triển KT-XH và từng bước đưa Việt Nam trở thành điểm sáng về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI trong khu vực và trên thế giới. Chiến lược này đưa ra mục tiêu cụ thể nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng, đưa trí tuệ nhân tạo trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam trong Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và từng bước đưa Việt Nam trở thành điểm sáng về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI trong khu vực và trên thế giới. Đầu tư phát triển các cơ sở điện toán hiệu suất cao, trung tâm dữ liệu và các cơ sở hạ tầng quan trọng khác để hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ AI.

- *Xác định công nghệ AI là một trong các công nghệ đột phá, mũi nhọn của cuộc CMCN 4.0*: Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) đã xác định công nghệ AI là một trong các công nghệ đột phá, mũi nhọn của cuộc CMCN 4.0, cần tổ chức triển khai nghiên cứu. Chiến lược quốc gia về cuộc CMCN 4.0

cũng đề cao vai trò của công nghệ AI. Chính phủ, các bộ, ngành đã tổ chức rất nhiều hội thảo, hội nghị khoa học với sự tham gia của các tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế. Qua đó, lãnh đạo Chính phủ đã đưa ra quan điểm về việc đẩy mạnh triển khai AI, coi AI là một công nghệ cho mục đích tổng thể, là công nghệ “nguồn” có tính chất đột phá, dẫn dắt năng suất quốc gia, đưa Việt Nam hướng đến một xã hội an toàn và văn minh, đưa kinh tế - xã hội Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong giai đoạn từ nay đến 2045.

- *Phát triển hệ sinh thái trí tuệ nhân tạo bền vững tại Việt Nam:* Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo AI để tạo ra một môi trường thuận lợi cho các ý tưởng sáng tạo về AI được ươm mầm và phát triển. Phát triển Hệ sinh thái AI bền vững tại Việt Nam nhằm đưa Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các giải pháp và ứng dụng AI trong khu vực ASEAN và thế giới. Bộ Khoa học và Công nghệ định kỳ hàng năm chủ trì tổ chức “Ngày hội Trí tuệ nhân tạo” như một sự kiện khoa học tin cậy, thu hút sự quan tâm của đông đảo các cơ quan ban hành chính sách, quản lý, tập đoàn công nghệ, đơn vị nghiên cứu... cùng chung tay thúc đẩy sự phát triển hệ sinh thái trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam. Hợp tác, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, các sáng kiến, giải pháp về xây dựng chính sách và quản lý, các kinh nghiệm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng về trí tuệ nhân tạo, kinh nghiệm trong việc hình thành và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao để góp phần thúc đẩy việc phát triển hệ sinh thái AI bền vững tại Việt Nam.

- *Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn lực cho phát triển công nghệ AI:* Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan được giao nhiệm vụ tham mưu, định hướng để thúc đẩy phát triển công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, trong đó, tập trung nguồn lực cho phát triển AI. Năm 2021, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 1678/QĐ-BKHCN ban hành kế hoạch triển khai "Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030". Bộ Khoa học và Công nghệ tập trung vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về AI ở Việt Nam, cũng như xây dựng kết cấu hạ tầng dữ liệu lớn theo chỉ đạo của Chính phủ. Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025 “Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0” đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt. Tháng 6 năm 2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 1290/QĐ-BKHCN

hướng dẫn một số nguyên tắc về nghiên cứu, phát triển các hệ thống AI có trách nhiệm, đây là văn bản đầu tiên ở Việt Nam nêu ra một số nguyên tắc chung cần chú ý trong nghiên cứu, phát triển các hệ thống AI có trách nhiệm và khuyến nghị các tổ chức, đơn vị, cá nhân tự nguyện tham khảo, áp dụng trong quá trình nghiên cứu, thiết kế, phát triển cung cấp các hệ thống AI. Đồng thời, Bộ đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển công nghệ AI, tạo mối liên kết giữa các nhà nghiên cứu, nhà đầu tư, các doanh nghiệp nhằm thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng AI. Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050” tại Quyết định số 1017/QĐ-TTg, trong đó đề xuất mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam có ít nhất 5.000 nhân sự trình độ kỹ sư trở lên có chuyên môn sâu về trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã giao Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia phối hợp với các đối tác, chuyên gia trong nước và quốc tế nghiên cứu, xây dựng Trung tâm Đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng AI để phục vụ ươm tạo doanh nghiệp AI, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng AI và đào tạo chuyên sâu về AI với mục tiêu đến 2030 đào tạo được 7.000 chuyên gia AI theo tiêu chuẩn quốc tế và ươm tạo khoảng 500 công ty khởi nghiệp AI.

- *Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số phát triển:* Chính phủ trình Quốc hội dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số. Luật Công nghiệp công nghệ số tạo ra một hành lang pháp lý nhằm định hướng thúc đẩy sự phát triển của ngành và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số của Việt Nam.

- *Xây dựng khung pháp lý công nghệ AI:* Để đảm bảo rằng công nghệ AI được phát triển và ứng dụng một cách an toàn, có trách nhiệm và tuân thủ các giá trị đạo đức, cần xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số quy định về quản lý rủi ro đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo. Dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số quy định trách nhiệm của các bên liên quan trong việc phát triển, cung cấp, triển khai, sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo; nhãn và quy trình, thủ tục dán nhãn sản phẩm công nghệ số do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra. Có các nội dung điều chỉnh về trí tuệ nhân tạo nhằm bảo đảm khuyến khích, phát triển, ứng dụng

trí tuệ nhân tạo và có biện pháp quản lý, giảm thiểu rủi ro để đảm bảo công nghệ số này được khai thác có trách nhiệm, thúc đẩy lòng tin và đảm bảo an toàn cho con người. Dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số nhấn mạnh trí tuệ nhân tạo phục vụ sự thịnh vượng và hạnh phúc của con người, lấy con người làm trung tâm, cải thiện năng suất và hiệu quả công việc; cung cấp quyền truy cập toàn diện, công bằng và không phân biệt đối xử; tôn trọng các giá trị đạo đức, quyền và lợi ích của con người, bảo vệ quyền riêng tư; đảm bảo tính minh bạch, khả năng giải thích, trách nhiệm giải trình và khả năng kiểm soát các thuật toán và mô hình trí tuệ nhân tạo... Ngoài ra, dự thảo Luật còn quy định cơ chế kiểm tra có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Đây là cơ chế rất quan trọng, mang tính đột phá, tạo hành lang pháp lý đủ mạnh để hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp công nghệ số nói chung và trí tuệ nhân tạo nói riêng.

- *Hợp tác quốc tế trong phát triển công nghệ AI*: Hợp tác quốc tế cũng là một thành phần quan trọng trong các chính sách phát triển công nghệ AI của Việt Nam. Chính phủ tích cực tìm kiếm quan hệ đối tác với các nhà lãnh đạo công nghệ toàn cầu, các viện nghiên cứu và các quốc gia khác để nâng cao năng lực AI của Việt Nam và hội nhập vào hệ sinh thái AI toàn cầu. Hơn nữa, các chính sách nhấn mạnh việc ứng dụng AI trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm chăm sóc sức khỏe, tài chính, sản xuất, bán lẻ và vận tải. Mục tiêu là tận dụng AI để thúc đẩy đổi mới, cải thiện hiệu quả và tăng cường khả năng cạnh tranh trong các ngành này. Cam kết của chính phủ đối với AI được thể hiện rõ trong các mục tiêu đầy tham vọng, chẳng hạn như đưa Việt Nam trở thành một trong ba quốc gia hàng đầu Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển AI vào năm 2030 và thành lập một trung tâm công nghiệp công nghệ số vào năm 2045.

#### **7.4.3. Chính sách ứng dụng công nghệ AI**

Nắm bắt được vai trò và tầm quan trọng của công nghệ AI đối với việc phát triển kinh tế- xã hội trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng và ban hành các chính sách ứng dụng công nghệ AI vào thực tiễn ở cả khu vực công và khu vực doanh nghiệp, từ đó tận dụng và phát huy tối đa hiệu quả mà công nghệ AI đem lại cho nền kinh tế.

- *Chính sách ứng dụng công nghệ AI vào phát triển đô thị thông minh bền vững*: Từ năm 2018 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định

số số 950/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Mục tiêu của đề án là phát triển đô thị thông minh bền vững ở Việt Nam hướng tới tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, khai thác, phát huy các tiềm năng và lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; khai thác tối ưu hiệu quả tài nguyên, con người, nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời đảm bảo tạo điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia hiệu quả nghiên cứu, đầu tư xây dựng, quản lý phát triển đô thị thông minh; hạn chế các rủi ro và nguy cơ tiềm năng; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và các dịch vụ đô thị; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, hội nhập quốc tế. Hình thành các chuỗi đô thị thông minh khu vực phía Bắc, miền Trung, phía Nam và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, lấy thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Cần Thơ là hạt nhân, hình thành mạng lưới liên kết các đô thị thông minh.

- *Thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia(NIC)* theo mô hình của thế giới với những thể chế vượt trội và cạnh tranh đặt tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc. Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập với mục tiêu phát triển thành công những ý tưởng công nghệ sáng tạo mang tính đột phá của người Việt, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia là nơi quy tụ, dẫn dắt và kết nối nhằm xây dựng một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hoàn chỉnh trên phạm vi toàn quốc; cung cấp cơ sở hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, chú trọng đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, nghiên cứu phát triển và thương mại hóa công nghệ trong một môi trường thử nghiệm thể chế thuận lợi để đảm bảo sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế. Với chức năng hỗ trợ và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của Việt Nam, NIC góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học và công nghệ. Trung tâm được xây dựng với mô hình, thông lệ tiên tiến nhất, phù hợp với bối cảnh Việt Nam, có các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, cạnh tranh so với khu vực và thế giới.

- *Chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho các doanh nghiệp:* Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện các chính sách hỗ trợ khơi thông nguồn vốn cho các Startup về công nghệ AI qua các quỹ đầu tư trong nước và quốc tế bằng cách tổ chức các chương trình, sự kiện kết nối nhà đầu tư với các startup, ví dụ: sự kiện Vietnam Venture Summit các năm

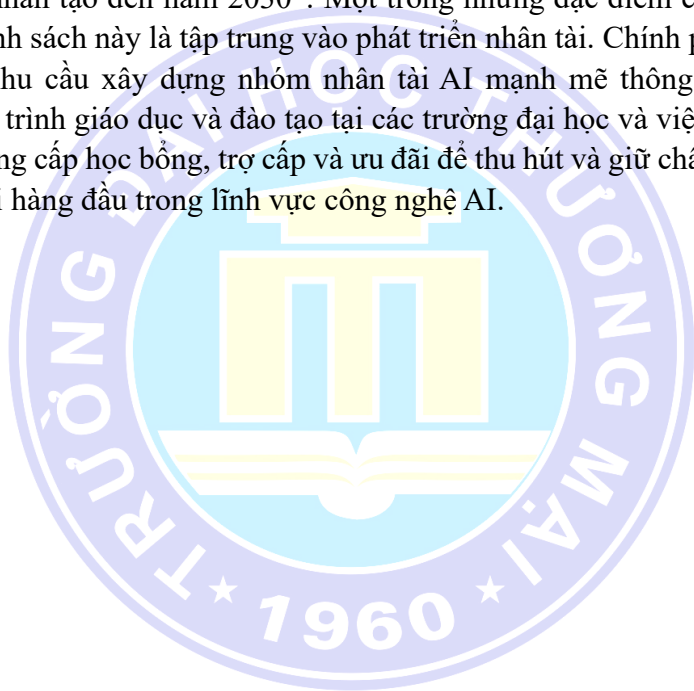


2019, 2020, 2022, 2023. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, giao Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia phối hợp cùng Quỹ Golden Gate Ventures tổ chức Diễn đàn Quỹ Đầu tư Đổi mới sáng tạo Việt Nam (Vietnam Venture Summit), với mục đích kết nối các quỹ đầu tư quốc tế và khu vực với hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam, đồng thời tạo cơ chế đối thoại chính sách về thúc đẩy và tăng cường hiệu quả hoạt động đầu tư cho đổi mới sáng tạo. Diễn đàn cũng là nơi các quỹ đầu tư thể hiện cam kết đầu tư vào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 182/2024/NĐ-CP quy định việc thành lập và sử dụng Quỹ Hỗ trợ Đầu tư, cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp công nghệ cao, áp dụng từ năm tài chính 2024. Các doanh nghiệp này nếu đáp ứng các tiêu chí sẽ được hỗ trợ chi phí từ Quỹ Hỗ trợ đầu tư, bao gồm hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu và hỗ trợ chi phí hàng năm. Với hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu, doanh nghiệp có thể nhận hỗ trợ lên đến 50% chi phí đầu tư ban đầu cho các dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực bán dẫn, công nghệ AI, và các dự án có tác động tích cực đến hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ mới. Với Hỗ trợ chi phí hàng năm, doanh nghiệp sẽ nhận được hỗ trợ cho các hoạt động như đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển, đầu tư tài sản cố định, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, đầu tư công trình hạ tầng xã hội, và các trường hợp khác theo quyết định của Chính phủ.

- *Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ AI:* Thành lập Mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam (năm 2018), với mục tiêu quy tụ các chuyên gia công nghệ và cộng đồng AI. Mạng lưới Đổi mới sáng tạo Việt Nam thuộc Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập với mục tiêu kết nối các chuyên gia khoa học - công nghệ Việt Nam hàng đầu trên thế giới với các nhu cầu thực tiễn trong nước nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn chất xám, đóng góp cho sự phát triển công nghệ cao và đổi mới sáng tạo của đất nước. Hiện nay có hai Mạng lưới Đổi mới sáng tạo ở bờ Đông và bờ Tây tại Hoa Kỳ, gồm các nhân tài công nghệ, và một số lĩnh vực quan trọng khác. Sự đóng góp tích cực của các thành viên Mạng lưới cũng như các chuyên gia người Việt Nam tại Hoa Kỳ trong việc tham gia vào các chương trình, đề án lớn của quốc gia, những nỗ lực có ý nghĩa lớn trong việc phát huy vai trò, nguồn lực của cộng đồng chuyên gia, trí thức người Việt Nam trên thế giới trực tiếp tham gia

đóng góp, nâng cao năng lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của nước nhà. Bên cạnh đó, việc thành lập Quỹ Global Fund nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đưa tri thức Việt Nam ra thế giới. Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 127/QĐ-TTg, ngày 26/1/2021 ban hành “Chiến lược Quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030”. Một trong những đặc điểm chính của các chính sách này là tập trung vào phát triển nhân tài. Chính phủ nhấn mạnh nhu cầu xây dựng nhóm nhân tài AI mạnh mẽ thông qua các chương trình giáo dục và đào tạo tại các trường đại học và viện nghiên cứu; cung cấp học bổng, trợ cấp và ưu đãi để thu hút và giữ chân những nhân tài hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ AI.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ACBS (2024), *Dự báo tăng trưởng tín dụng toàn ngành ngân hàng năm 2025 ở mức 15%. Thời báo tài chính Việt Nam.*
- Anh, H. (2025). Nhìn lại năm 2024: Linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ. Nhân dân online.
- Australia, C. (2024). *CPA Australia Business Technology Report 2024.* <https://www.cpaaustralia.com.au/-/media/project/cpa/corporate/documents/tools-and-resources/business-management/business-management-research/business-technology-survey-2024.pdf> (truy cập Ngày 26 tháng 02 năm 2025).
- AWS. (2024). *Amazon Forecast.* <https://aws.amazon.com/forecast/>
- Báo Chính phủ, (2024), "*Nghi viện Châu Âu thông qua dự thảo luật quản lý trí tuệ nhân tạo*", <https://baochinhphu.vn/nghi-vien-chau-au-thong-qua-du-thao-luat-quan-ly-tri-tue-nhan-tao-102230615091954884.htm> (truy cập Ngày 10 tháng 01 năm 2025).
- Báo điện tử Chính phủ (2024), "*Dự kiến tăng trưởng tín dụng khoảng 16% trong năm 2025*", Truy cập ngày 10/03/2025 tại website: <<https://baochinhphu.vn/du-kien-tang-truong-tin-dung-khoang-16-trong-nam-2025-102241230205653923.htm?form=MG0AV3>>.
- Báo điện tử Đại biểu của Nhân dân (2024), "*Tăng cường điều chỉnh chính sách tài khóa phù hợp, hiệu quả hơn trong năm 2025*". Truy cập ngày 10/01/2025 tại website <https://daibieunhandan.vn/tang-cuong-dieu-chinh-chinh-sach-tai-khoa-phu-hop-hieu-qua-hon-trong-nam-2025-post392744.html>.
- Bộ Chính trị (2022). *Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
- Bộ tài chính (2024), "*Kiểm soát an toàn nợ công, yếu tố quan trọng nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia*". Truy cập ngày 10/01/2025 tại website Công thông tin điện tử Bộ tài chính [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/tttc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin-tin-tuc-tai-chinh?dDocName=MOFUCM332390](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/tttc/pages_r/l/chi-tiet-tin-tin-tuc-tai-chinh?dDocName=MOFUCM332390).

- Bộ Công thương. 2025. *Báo cáo Tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025 của ngành Công thương*.
- Bộ Kế hoạch và đầu tư, Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 2025. *Báo cáo tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2024*.  
<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/Pages/Trangchu.aspx>
- Bộ Kế hoạch và đầu tư. 2024. *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế-xã hội tháng 12 và cả năm 2024*. Tổng cục Thống kê. 2024. *Niên giám thống kê 2023*. NXB Thống kê.
- Châu Minh Khánh, (2024), "*Rủi ro an toàn thông tin từ AI tạo sinh và vấn đề về quyền riêng tư*", <https://antoanthongtin.vn/chinh-sach---chien-luoc/rui-ro-an-toan-thong-tin-tu-ai-cao-sinh-va-van-de-ve-quyen-rieng-tu-110090> (truy cập Ngày 08 tháng 01 năm 2025).
- Chính phủ, (2021), "*Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030*", <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=202565&tagid=6&type=1> (truy cập Ngày 07 tháng 01 năm 2025).
- Cisco (2024), *Cisco AI Readiness Index 2024*
- Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, (2024a), "*Chỉ số sẵn sàng về AI của Chính phủ năm 2023: điểm số của Việt Nam tiếp tục tăng*", <https://www.vista.gov.vn/vi/news/xu-huong-nghien-cuu-cong-nghe/chi-so-san-sang-ve-ai-cua-chinh-phu-nam-2023-diem-so-cua-viet-nam-tiep-tuc-tang-8025.html> (truy cập Ngày 07 tháng 01 năm 2025).
- Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (2023), "*Dự báo xu hướng công nghệ 2040: Thế giới siêu kết nối*", *Bản tin Chiến lược phát triển*, Tập 1, trang 1-13.
- Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia (2022), "*Hiện trạng và xu hướng phát triển AI trên thế giới*", *Bản tin Chiến lược phát triển*, Tập 6, trang 1-14.
- Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, (2024b), "*Những thách thức trong phát triển trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam*", <https://www.vista.gov.vn/vi/news/khoa-hoc-ky-thuat-va-cong->

nghe/nhung-thach-thuc-trong-phat-trien-tri-tue-nhan-tao-tai-viet-nam-9155.html (truy cập Ngày 08 tháng 01 năm 2025).

Châu Anh (2024), Kinh tế Việt Nam tiếp tục được dự báo tăng trưởng cao trong 2024 và 2025. <https://vov.vn/kinh-te/kinh-te-viet-nam-tiep-tuc-duoc-du-bao-tang-truong-cao-trong-2024-va-2025-post1129880.vov>

Chí Tín (2024), *Lạm phát năm 2025 dự báo có thể sẽ thấp hơn so với 2024. Thời báo Tài chính Việt Nam.*

Chính phủ (2014), *Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.*

Chính phủ (2017), *Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.*

Chính phủ (2018), *Quyết định số 950/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030.*

Chính phủ (2020), *Quyết định số 2117/QĐ-TTg, ban hành danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*

Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*

Chính phủ (2021), *Quyết định số 1017/QĐ-TTg.*

Chính phủ (2021), *Quyết định số 127/QĐ-TTg, ngày 26-1-2021, Về Chiến lược Quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.*

Deutsche Bank Annual outlook 2025: Deeply invested in growth.

Link:

<https://www.deutschewalth.com/content/dam/deutschewalth/insights/investing-insights/economic-and-market-outlook/2025/PERSPECTIVES-Annual-Outlook-2025.pdf>

Digital Economy Report 2024. Link:

<https://unctad.org/publication/digital-economy-report-2024>

DNSE (2024), Năm 2025: Tăng trưởng tín dụng 16%, lên cao nhất 8 năm qua Truy cập ngày 10/03/2025 tại website:

<<https://www.dnse.com.vn/senses/tin-tuc/nam-2025-tang-truong-tin-dung-16-len-cao-nhat-8-nam-qua-34063090?form=MG0AV3>>.

Dũng Nguyễn (2024), ‘Biến động’: từ khóa tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2025 - Tạp chí Kinh tế Sài Gòn.

Đỗ Kiều (2024), Chuyên gia dự báo ra sao về kinh tế Việt Nam năm 2025? <https://vnbusiness.vn/viet-nam/chuyen-gia-du-bao-ra-sao-ve-kinh-te-viet-nam-nam-2025-1103391.html>

Đức, T. (2025a). Chính sách tiền tệ: Một năm nhìn lại. Báo Kiểm toán online.

Đức, T. (2025b). Tín dụng tăng hơn 15%, lãi suất và tỷ giá ổn định. Báo Kiểm toán online.

Đặng Đức Thành, *Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố khởi nghiệp số 1 Việt Nam*, Báo điện tử Chính phủ. <https://tphcm.chinhphu.vn/loi-the-giup-tphcm-tro-thanh-thanh-pho-khoi-nghiep-so-1-viet-nam-101220814232911029.htm>.

Edtech. (2024). *Sách trắng EdTech Việt Nam 2024*.

<https://edtechagency.net/> (truy cập Ngày 26 tháng 02 năm 2025).

EIA (2024), “Short-term Energy Outlook”.

EIU (2024). *Trump Risk Index-The global impact of a new US presidency*.

Financial Times (2024), “Central banks should tread cautiously with interest rate cuts, says OECD”, <https://www.ft.com/content/3e84ce4b-d0f5-4e2e-98ca-608fcb361c20>.

Gartner Says Global Artificial Intelligence Business Value to Reach \$1.2 Trillion in 2018, April 2018.

Giang Nam, (2024), *"Việt Nam thiếu nhân lực trí tuệ nhân tạo"*, <https://nld.com.vn/viet-nam-thieu-nhan-luc-tri-tue-nhan-tao-196240717195711907.htm> (truy cập Ngày 07 tháng 01 năm 2025).

Global Equity Strategy 2025 Outlook: The Year of the Alpha Bet. Link: <https://www.goldmansachs.com/pdfs/insights/goldman-sachs-research/2025-equity-outlook-the-year-of-the-alpha-bet/2025Outlook.pdf>

- Goldman Sachs (2024), “The global economy is forecast to grow solidly in 2025 despite trade uncertainty”.
- Grand View Research. (2023). *Artificial Intelligence Market Size & Trends*. <https://www.grandviewresearch.com/industry-analysis/artificial-intelligence-ai-market>
- GSO Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội quý IV và năm 2024. Link: <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2025/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/>
- Hà Thu (2024). *Chính sách năng lượng của ông Donald Trump tác động thế nào tới giá dầu?*. Truy cập ngày 16/12/2024 tại: <https://diendandoanhnghiep.vn/chinh-sach-nang-luong-cua-ong-donald-trump-tac-dong-the-nao-toi-gia-dau-10145611.html>.
- Hải, P. Q. (2024). *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Tạp chí Kinh tế và dự báo online.
- Hạnh, N. T. M. (2025). *Sức bật tăng trưởng kinh tế năm 2024 đến từ nhiều yếu tố thuận lợi*. Tạp chí con số và sự kiện online.
- HSBC (2024), *Ba giai đoạn đoạn tỷ giá USD/VND trong năm 2024. Kênh thông tin kinh tế tài chính Việt Nam Cafef*.
- HubSpot. (2024). *How AI Is Driving Personal Productivity and Business Growth*.
- ITS World Congress. (2024). *The leading event in smart mobility & digitalisation of transport*. <https://itsworldcongress.com>
- IZISolution. (2024). *Trí tuệ nhân tạo (AI) tại Việt Nam hiện nay: Cơ hội và thách thức*. <https://izisolution.vn/tri-tue-nhan-tao-ai-tai-viet-nam-hien-nay-co-hoi-va-thach-thuc/> (truy cập Ngày 26 tháng 02 năm 2025).
- IEA Oil Market Report - November 2024: <https://www.iea.org/reports/oil-market-report-november-2024>
- IMF (2025), “World Economic Outlook”, tháng 1/2025.
- IMF report 10/2024: Global growth is expected to remain stable yet underwhelming. Link: <https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2024/10/22/world-economic-outlook-october-2024>
- James Zhan (2024), “Global FDI prospects for 2025”, FDi Intelligence.

- Lê Đỗ (2024), *Chính phủ đặt quyết tâm tăng trưởng GDP quý IV từ 7,5 - 8%*. <https://thoibaonganhng.hk/vn/chinh-phu-dat-quyet-tam-tang-truong-gdp-quy-iv-tu-7-5-8-156429.html>
- Lý Hà (2024), “Giảm bất bình đẳng để phát triển bền vững”, Tạp chí điện tử Vneconomy. Truy cập ngày 10/12/2024 tại website: <<https://vneconomy.vn/giam-bat-binh-dang-de-p> OECD (2020), Tax Challenges Arising from Digitalisation - Economic Impact Assessment Inclusive Framework on BEPS.[hat-trien-ben-vung.htm](https://www.oecd.org/tax/automatic-exchange/inclusive-framework-on-beps/)>.
- Mark Greeven (2024), “China And AI In 2025: What Global Executives Must Know To Stay Ahead”, <<https://www.forbes.com/sites/markgreeven/2024/12/23/china-and-ai-in-2025-what-global-executives-must-know-to-stay-ahead/>>.
- Ngọc Mai (2024), *Năm 2025 mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng với kinh tế Việt Nam*. <https://www.vietnam.vn/nam-2025-mang-y-nghia-dac-biet-quan-trong-voi-kinh-te-viet-nam/>
- Nguyễn Như Quỳnh (2023), *Định hướng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu tại một số quốc gia và khuyến nghị với Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, số tháng 6/2023.
- Nhịp cầu Đầu tư (2024), “*Ảnh hưởng của bão Yagi đến chuỗi cung ứng tại miền Bắc Việt Nam?*”. Truy cập ngày 10/01/2025 tại website: <<https://e.nhipcaudautu.vn/quang-ba-san-pham-dich-vu/anh-huong-cua-bao-yagi-den-chuoi-cung-ung-tai-mien-bac-viet-nam-3360066/?form=MG0AV3>>.
- Nguyễn Hùng và Vũ Hùng Cường, (2024), *"Xây dựng pháp luật về trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm ở một số quốc gia và khuyến nghị đối với Việt Nam"*, <https://danchuphapluat.vn/xay-dung-phap-luat-ve-tri-tue-nhan-tao-co-trach-nhiem-o-mot-so-quooc-gia-va-khuyen-nghi-doi-voi-viet-nam> (truy cập Ngày 08 tháng 01 năm 2025).
- Nguyễn Thanh Thủy, Hà Quang Thụy, Phan Xuân Hiếu và Nguyễn Trí Thành, (2024), *"Trí tuệ nhân tạo trong thời đại số: Bối cảnh thế giới và liên hệ với Việt Nam"*, <https://uet.vnu.edu.vn/~thuyhq/PPNCKH/AI.pdf> (truy cập Ngày 07 tháng 01 năm 2025).



- Nicholas DeNittis. (2024). *Artificial Intelligence at Procter & Gamble*.  
<https://emerj.com/artificial-intelligence-at-procter-gamble/>
- NTK (2024), "*Bức tranh tổng quan về nghiên cứu phát triển trí tuệ nhân tạo toàn cầu*", *Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam*, Tập 9, trang 51-53.
- OECD (2021), 12th Meeting of the Inclusive Framework on BEPS – Statement on a two Pillar solution to address the tax challenges arising from digitalisation of the economy.
- OECD (2021), 12th Meeting of the Inclusive Framework on BEPS – Statement on a two Pillar solution to address the tax challenges arising from digitalisation of the economy.
- OECD (2024), “Global Economic Prospects”.
- OECD: *Economic Outlook: Global growth to remain resilient in 2025 and 2026 despite significant risks*. Link:  
<https://www.oecd.org/en/about/news/press-releases/2024/12/economic-outlook-global-growth-to-remain-resilient-in-2025-and-2026-despite-significant-risks.html#:~:text=The%20Outlook%20projects%20global%20GDP,monetary%20policy%20in%20most%20countries.>
- Oxford Insights (2024), *Government AI Readiness Index 2023*.
- Oxford Insights (2024), *Government AI Readiness Index 2024*.
- Ý Yên (2024), *Du lịch Việt Nam phục hồi và vượt đỉnh*.  
<https://laodong.vn/van-hoa-giai-tri/du-lich-viet-nam-phuc-hoi-va-vuot-dinh-1405673.ldo>.
- Phạm Hồng Sơn, *Những vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, *Tạp chí Công Thương*, số 21 tháng 10/2023. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nhung-van-de-dat-ra-trong-phat-trien-kinh-te-tri-tue-nhan-tao-tren-dia-ban-thanh-pho-ho-chi-minh-113649.htm>.
- Quyết định số 2117/QĐ-TTg, ngày 16-12-2020, của Thủ tướng Chính phủ, “*Về ban hành danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*”
- Quyết định số 127/QĐ-TTg, ngày 26-1-2021, của Thủ tướng Chính phủ, “*Về Chiến lược Quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030*”

- Quyết định số 1678/QĐ-BKHCN, ngày 23-6-2021, của Bộ Khoa học và Công nghệ, “Về việc Ban hành kế hoạch triển khai “Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030”
- Quốc Trường, (2024), “Dự báo về các mối đe dọa an ninh mạng năm 2025”, <https://antoanhtongtin.gov.vn/an-toan-thong-tin/du-bao-ve-cac-moi-de-doa-an-ninh-mang-nam-2025-111188> (truy cập Ngày 08 tháng 01 năm 2025).
- Quỳnh Anh (2024), Kinh tế Việt Nam 2025: Nắm bắt các cơ hội để chuyển đổi. Tạp chí Kinh tế và Dự báo.
- Sana Hassan. (2024). *How ChatGPT is Revolutionizing Customer Service in 2024*. <https://www.marktechpost.com/2024/07/07/how-chatgpt-is-revolutionizing-customer-service-in-2024/>
- Statista, (2024a), “Most relevant artificial intelligence (AI) and generative artificial intelligence (GenAI) application types for companies worldwide in 2023”, <https://www.statista.com/statistics/1457594/relevant-ai-genai-application-types-companies-worldwide/> (truy cập Ngày 08 tháng 01 năm 2025).
- Statista, (2024b), “Generative AI - Vietnam”, <https://www.statista.com/outlook/tmo/artificial-intelligence/generative-ai/vietnam> (truy cập Ngày 08 tháng 01 năm 2025).
- Statista, (2025), “Generative AI - Worldwide”, <https://www.statista.com/outlook/tmo/artificial-intelligence/generative-ai/worldwide> (truy cập Ngày 08 tháng 01 năm 2025).
- Tạp chí của Tổng cục Hải quan (2024), “Kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn nợ công quốc gia năm 2024”, Truy cập ngày 10/12/2024 tại website: <https://haiquanonline.com.vn/kiem-soat-chat-che-dam-bao-an-toan-no-cong-quoc-gia-nam-2024-191019-191019.html&link=autochanger>.
- Tạp chí Tài chính (2024), “Từng bước hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp”, <<https://tapchitaichinh.vn/tung-buoc-hoan-thien-chinh-sach-uu-dai-thue-thu-nhap-doanh-nghiep.html>>.

- Tạ Hiền. (2024). *Doanh nghiệp Việt Nam có tỷ lệ áp dụng công nghệ cao ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương*. Báo Điện Tử VTV. <https://vtv.vn/cong-nghe/doanh-nghiep-viet-nam-co-ty-le-ap-dung-cong-nghe-cao-o-khu-vuc-chau-a-thai-binh-duong-20240828002350909.htm> (truy cập Ngày 26 tháng 02 năm 2025).
- Tạp chí điện tử Thông tin và Truyền thông. (2021). *Ứng dụng AI trong trong một số lĩnh vực tại Việt Nam và đề xuất*. <https://ictvietnam.vn/ung-dung-ai-trong-trong-mot-so-linh-vuc-tai-viet-nam-va-de-xuat-23893.html>
- Tejas Dessai (2024), <https://www.globalxetfs.com/artificial-intelligence-five-trends-to-watch-in-2025/>, <<https://www.globalxetfs.com/artificial-intelligence-five-trends-to-watch-in-2025/>>.
- Thanh Hoa (2024), Nhiều tổ chức quốc tế nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam, liệu mục tiêu 7% có thể đạt được? <https://vnbusiness.vn/viet-nam/nhieu-to-chuc-quooc-te-nang-du-bao-tang-truong-gdp-cua-viet-nam-lieu-muc-tieu-7-co-the-dat-duoc-1103126.html>
- Thông tấn xã Việt Nam, *Thường trực Ban Bí thư Võ Văn Thưởng: Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững*. Báo Quân đội nhân dân. <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/thuong-truc-ban-bi-thu-vo-van-thuong-tao-dieu-kien-thuan-loi-nhat-cho-thanh-pho-ho-chi-minh-phat-trien-nhanh-ben-vung-716794>.
- Thủ tướng Chính Phủ (2024), Công điện số 137/CP-TTg ngày 20-12-2024 về việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2025.
- Tổng cục Thống kê. (2025b). Tổng quan thị trường giá cả tháng 12, quý IV và năm 2024. In. Hà Nội: Tổng cục Thống kê.
- Tổng cục Thống kê. 2025. *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội*. <https://www.gso.gov.vn/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-hang-thang/?paged=2>.
- Tổng cục Thống kê. 2025. *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2024*. <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2025/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/>.
- Tổng cục Hải quan. 2024. Báo cáo tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2024.

- Trần Hương (2024), Kinh tế Việt Nam 2024: Kết quả tích cực nhưng vẫn nhiều thách thức. <https://thoibaonganhng.hang.vn/kinh-te-viet-nam-2024-ket-qua-tich-cuc-nhung-van-nhieu-thach-thuc-156496.html>
- Trần N. Châu (2024), Kinh tế Việt Nam 2024: Cánh cửa vẫn mở rộng. <https://baochinhphu.vn/kinh-te-viet-nam-2024-muc-tieu-trong-tam-tay-102240129013822625.htm>
- Trung tâm WTO (2024), “*Dự báo lạm phát toàn cầu giảm, nền kinh tế liệu có khởi sắc?*”. Truy cập ngày 10/01/2025 tại website: <<https://trungtamwto.vn/hiep-dinh-khac/26094-du-bao-lam-phat-toan-cau-giam-nen-kinh-te-lieu-co-khoi-sac>>.
- Trung tâm WTO, VCCI (2024), “Năm 2024, xuất khẩu nông - lâm - thủy sản bút phá ngoạn mục” <<https://trungtamwto.vn/tin-tuc/28422-nam-2024-xuat-khau-nong--lam--thuy-san-but-pha-ngwan-muc>>
- TV. (2025). Tín dụng cả năm 2024 tăng 15,08%. Tạp chí Kinh tế và dự báo online.
- UNCTAD (2024), “Global Trade Update (December 2024)”, (UNCTAD/DITC/INF/2024/3).
- UNCTAD 2024 Trade and Development Report. Link: <https://unctad.org/publication/trade-and-development-report-2024>
- United Nations (2025), “World Economic Situation and Prospects 2025”, New York.
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2021). *Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 23/2/2021 phê duyệt Chương trình “Nghiên cứu và phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) tại TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030”*.
- Vecom. (2024). *Báo cáo chỉ số thương mại điện tử Việt Nam 2024: Hướng tới xuất khẩu trực tuyến* (truy cập Ngày 26 tháng 02 năm 2025).
- VISTA, *Những hệ sinh thái khởi nghiệp hàng đầu năm 2021: xếp hạng 1.000 thành phố và 100 quốc gia*, Cổng Thông tin khởi nghiệp quốc gia. Retrieved December 18, 2023, from <http://startup.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin-tuc.aspx?l=Tintucsukien&ItemID=478>.

VTV Digital (2025), “Triển vọng đồng USD và thị trường tiền tệ”, <https://vtv.vn/kinh-te/trien-vong-dong-usd-va-thi-truong-tien-te-20250104134030679.htm>.

Vũ Nhật Quang, Phạm Thị Thanh Bình (2024), Năm 2024 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025. Tạp chí ngân hàng. Link: [https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/ddnhnn/nctd/nctd\\_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV621048&rightWidth=0%25&centerWidth=80%25&\\_afrLoop=12727390999588774#%40%3F\\_afrLoop%3D12727390999588774%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DSBV621048%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26\\_adf.ctrl-state%3D8pv4xftuj\\_9](https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/ddnhnn/nctd/nctd_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV621048&rightWidth=0%25&centerWidth=80%25&_afrLoop=12727390999588774#%40%3F_afrLoop%3D12727390999588774%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DSBV621048%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D8pv4xftuj_9)

WB Annual Report 2024. Link:

<https://openknowledge.worldbank.org/server/api/core/bitstreams/a70b8192-4b90-48a3-8c44-f718adf6860e/content>

World Gold Council (2024), “Global Outlook 2025: Navigating rates, risks and growth”, <https://www.gold.org/goldhub/research/gold-outlook-2025#table-1>.

World Gold Council (2025), “Gold’s 2024 performance best in 14 years”, <https://www.gold.org/goldhub/gold-focus/2025/01/golds-2024-performance-best-14-years>.

WTO (2024), “Global Trade Outlook”, Geneva 2024.

WIPO (2024), *Global Innovation Index 2024: Vietnam ranking in the Global Innovation Index 2024*.

Wu, C. W., & Monfort, A. (2023). *Role of artificial intelligence in marketing strategies and performance*. *Psychology and Marketing*, 40(3), 484–496. <https://doi.org/10.1002/mar.21737>

Zest AI. (2024). *Proven AI for a Thriving Lending Ecosystem*.

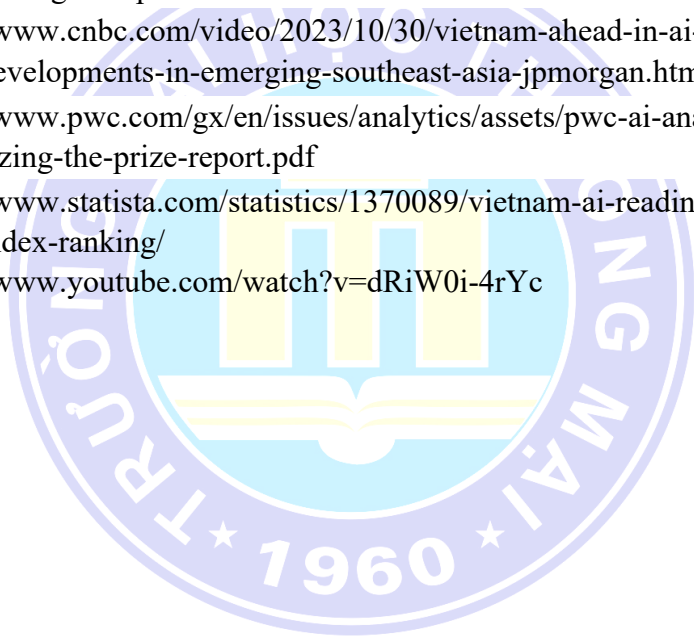
<https://www.zest.ai/>

Website:

<https://publicadministration.un.org/egovkb/en-us/Data/Country-Information/id/189-Viet-Nam>

<https://vietnamnews.vn/society/1483063/viet-nam-develops-ai-technology-industry.html>

<https://vir.com.vn/qualcomm-committed-to-vietnams-innovation-ecosystem-120519.html>  
<https://vovworld.vn/en-US/news/party-leader-vietnam-strives-to-be-in-southeast-asias-top-3-ai-by-2030-1355765.vov>  
<https://www.accenture.com/in-en/insight-ai-economic-growth-india>  
<https://www.accenture.com/sg-en/company-news-release-artificial-intelligence-poised>  
<https://www.cnbc.com/video/2023/10/30/vietnam-ahead-in-ai-developments-in-emerging-southeast-asia-jpmorgan.html>  
<https://www.pwc.com/gx/en/issues/analytics/assets/pwc-ai-analysis-sizing-the-prize-report.pdf>  
<https://www.statista.com/statistics/1370089/vietnam-ai-readiness-index-ranking/>  
<https://www.youtube.com/watch?v=dRiW0i-4rYc>



## PHỤ LỤC

### 1. Giới thiệu mô hình sử dụng dự báo

- *Giới thiệu mô hình kinh tế lượng cấu trúc*

Ý tưởng về xây dựng mô hình kinh tế lượng thể hiện toàn bộ cấu trúc của nền kinh tế và các phương trình trong mô hình phải có liên kết với nhau thành một thể thống nhất, hệ phương trình đã được hình thành từ đầu những năm 1930, ban đầu các mô hình được xây dựng đơn giản và được mở rộng dần. Tuy nhiên, sự phức tạp của hệ thống số liệu và giả thiết các biến ngoại sinh trong mô hình chính là hạn chế lớn nhất của mô hình kinh tế lượng cấu trúc. Những năm gần đây, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã giúp ích rất nhiều trong việc thu thập và xử lý (làm sạch) số liệu, bên cạnh đó, nhiều phương pháp ước lượng mới và hiệu quả hơn đã giúp giảm thiểu sai số trong mô hình. Do đó, mô hình kinh tế lượng cấu trúc vẫn được coi là một trong những dạng mô hình quan trọng trong việc dự báo, xây dựng các kịch bản phát triển/mục tiêu phát triển cũng như đánh giá tác động chính sách tại nhiều quốc gia.

*Ưu điểm của mô hình kinh tế lượng cấu trúc:* Mô hình kinh tế lượng cấu trúc có thể mô tả được khá đầy đủ và linh hoạt các quan hệ vĩ mô của nền kinh tế. Chẳng hạn, trong mô hình kinh tế lượng cấu trúc ngoài quan hệ cân bằng cung - cầu của nền kinh tế thì các mối quan hệ giữa các biến số cũng được thể hiện khá rõ ràng, bên cạnh đó, mô hình kinh tế lượng cấu trúc cũng cho phép phân tích các cú sốc chính sách từ bên ngoài cũng như bên trong quốc gia đó sẽ ảnh hưởng tới các chỉ tiêu vĩ mô như thế nào. Đây được coi là những cơ sở để đưa ra các khuyến nghị phù hợp của các chính sách.

*Nhược điểm của mô hình kinh tế lượng cấu trúc:* Mô hình kinh tế lượng cấu trúc được coi là một hệ thống mô hình kinh tế lượng tương đối phức tạp, bởi luôn phải tuân theo một lý thuyết kinh tế và định hướng kinh tế của mỗi quốc gia nhằm đảm bảo cấu trúc phù hợp với nền kinh tế. Thêm vào đó, với cấu trúc mô hình cho mỗi nền kinh tế thường là lớn và phức tạp, việc giả sử các biến ngoại sinh được sử dụng làm đầu vào để dự báo trong mô hình là hết sức quan trọng và quyết định đến kết quả dự báo của mô hình.

Để xây dựng kịch bản dự báo một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cho nền kinh tế Việt Nam, chúng tôi xây dựng mô hình kinh tế lượng cấu trúc dựa trên lý thuyết của Keynes<sup>34</sup>:

**Cấu trúc các khối trong mô hình bao gồm:**

*Khối 1: Tài khoản quốc gia: Đầu ra, chi tiêu và thu nhập*

*Khối 2: Đầu ra: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp; xây dựng; dịch vụ; phi dịch vụ*

*Khối 3: Chi tiêu: Tiêu dùng cá nhân, tiêu dùng chính phủ, đầu tư; xuất khẩu; nhập khẩu*

*Khối 4: Thu nhập: khu vực chính phủ (thu - chi ngân sách, vay, nợ, trợ cấp) và tư nhân (lương, thu nhập người lao động)*

*Khối 5: Tích hợp các quan hệ cân bằng trong nền kinh tế*

**2. Nguồn số liệu**

Mô hình được xây dựng dựa trên nguồn số liệu được thu thập trong giai đoạn 2010 – 2024.

Các số liệu sử dụng trong mô hình được thu thập từ các nguồn trong nước và quốc tế, như sau:

Số liệu trong nước: Được thu thập từ GSO, SBV, MOF và MOIT

Số liệu quốc tế: nguồn WB, IMF,...

---

<sup>34</sup> Pho Chi, John FitzGerald, Do Lam, Hoang Ha, Luong Huong, Tran Dung (2016), *Modelling the Vietnamese Economy*, ESRI Working Paper No, 526 <https://www.esri.ie/publications/modelling-the-vietnamese-economy-0>



**Báo cáo thường niên Kinh tế và Thương mại Việt Nam 2024  
(Công nghệ AI trong kỷ nguyên số)**

***Chịu trách nhiệm xuất bản***

Giám đốc - Tổng biên tập

**Trương Thu Hiền**

**Biên tập:** TS. Phạm Minh Đạt , PGS. TS. Phan Thế Công  
**Chế bản:** TS. Phạm Minh Đạt  
**Trình bày bìa:** TS. Phạm Minh Đạt  
**Sửa bản in:** TS. Phạm Minh Đạt, Ths. Nguyễn Thị Quỳnh Trang,  
Ths. Bùi Thị Thu

**Đối tác liên kết: Trường Đại học Thương mại**

**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**

**Trụ sở:** Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**Điện thoại:** 024 3 934 1562 — **Fax:** 024 3 938 7164

**Website:** [nxbcongtuong.vn](http://nxbcongtuong.vn)

**Email:** [nxbct@moit.gov.vn](mailto:nxbct@moit.gov.vn)

In 200 cuốn, khổ 16x24 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Hải Nam  
Địa chỉ: Số 18, ngách 68/53/9 phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy,  
Hà Nội

Số xác nhận đăng kí xuất bản : 455-2025/CXBIPH/3-27/CT

Số Quyết định xuất bản: 57-1/QĐ-NXBCT, cấp ngày 03/03/2025

Mã số ISBN: 978-632-612-037-0

In xong và nộp lưu chiểu: năm 2025